PHẦN IV

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

(111) **4-0092041**
(210) 4-2005-09507
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AZIGENE

(151) 26.11.2007
(220) 29.07.2005

(731) GENERAL PHARMACEUTICALS LTD (BD)
House # 48/A, Road # 11/A Dhanmondi R/A, Dhaka - 1209, Bangladesh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092042**
(210) 4-2005-13612
(181) 14.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

@NHỰA THANH CÔNG

(151) 26.11.2007
(220) 14.10.2005

(531) 24.17.5; 26.13.25
(731) CƠ SỞ THÀNH CÔNG (VN)
22/17/18A đường 9A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Ống nước bằng nhựa cứng.

---

(111) **4-0092043**
(210) 4-2006-04041
(181) 21.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 21.03.2006

(531) 26.4.2; 26.11.3; A26.11.7; A25.7.21
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC KHÁNH (VN)
298/19 phố Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 09: Ắc quy.

---

(111) **4-0092044**
(210) 4-2006-04523
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CETECRIN

(151) 26.11.2007
(220) 28.03.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092045**
(210) 4-2006-04792
(181) 02.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HEMIVI®

(151) 26.11.2007
(220) 02.06.2006

(731) YOUNG I.C.LIMITED (KR)
Floor 4, Bong Soon Building, 185-6, Kwang Jang Dong, KwangJinKu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; dầu gội; dầu xả; tinh dầu dưỡng tóc; kem ủ phục hồi tóc; keo vuốt tóc.

---

(111) **4-0092046**
(210) 4-2006-05585
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NHƯ Ý

(151) 26.11.2007
(220) 12.04.2006

(731) TRẦN THỊ THỤC (VN)
Số 470, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày dép; mũ nón.

---

(111) **4-0092047**
(210) 4-2006-18513
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 31.10.2006

(531) 14.7.1; 14.7.4; 26.1.2
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ PUSA (VN)
Phòng 7, nhà B6, khu tập thể khí tượng thuỷ văn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Bàn sắt, ghế sắt.

---

(111) **4-0092048**
(210) 4-2006-07550
(181) 17.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ART

(151) 26.11.2007
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH QUAN HỆ QUỐC TẾ VIỆT THÁI (VN)
Số 7 Nguyễn Huy Tự, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Ắc qui.

---

(111) **4-0092049**
(210) 4-2006-12921
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(531) 26.1.1
(591) Xanh da trời, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG (VN)
Số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 42: Tư vấn thiết kế xây dựng cho các công trình xây dựng.

---

(111) **4-0092050**
(210) 4-2006-13271
(181) 14.08.2016
(300) 4917118 15.02.2006 EM
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 14.08.2006

(531) A5.3.14; A25.3.7
(731) UMBRO INTERNATIONAL LIMITED (GB)
Umbro House, Lakeside Cheadle, Cheshire SK8 3GQ Reino Unid, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 18: Túi xách, túi đựng đồ lặt vặt đi đường, ba lô, túi đựng hành lý, ví đựng tiền của nam giới, ví đựng tiền của nữ giới, cặp đựng tài liệu và cái ô.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép và đồ đi chân.

Nhóm 28: Dụng cụ thể dục và thể thao; dụng cụ tập luyện thể thao; quả bóng để chơi môn bóng đá; quả bóng để chơi môn bóng bầu dục; quả bóng dùng cho các môn thể thao; vợt chơi thể thao và túi đựng các vật dụng chơi thể thao.

---

(111) **4-0092051**
(210) 4-2006-16684
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 04.10.2006

(531) 26.4.2; 26.13.25
(731) CƠ SỞ MINH TRÍ (VN)
56 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Mỏ hàn điện.

---

(111) **4-0092052**
(210) 4-2006-16685
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 04.10.2006

(731) CƠ SỞ MINH TRÍ (VN)
56 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Mỏ hàn điện.

---

(111) **4-0092053**
(210) 4-2006-16686
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUNLEADER

(151) 26.11.2007
(220) 04.10.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10
(731) CƠ SỞ MINH TRÍ (VN)
56 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 08: Bơm hút dùng tay để hút các miếng thải khi hàn.

---

(111) **4-0092054**
(210) 4-2006-17474
(181) 18.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 18.10.2006

(531) 26.4.3; 26.3.23
(591) Đỏ (đá Ruby), vàng
(731) HIỆP HỘI KINH DOANH VÀNG VIỆT NAM (VN)
Số 196C, Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Vàng, bạc, đá quý.

Nhóm 35: Mua bán vàng, bạc, đá quý, tư vấn kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

Nhóm 40: Gia công vàng, bạc, đá quý.

---

(111) **4-0092055**
(210) 4-2006-17744
(181) 23.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RƯỢU TRẮNG
KIM LONG

(151) 26.11.2007
(220) 23.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SIKAR (VN)
Km 780 quốc lộ 1A, thị trấn Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092056**
(210) 4-2006-17745
(181) 23.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RƯỢU GẠO
KIM LONG

(151) 26.11.2007
(220) 23.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SIKAR (VN)
Km 780 quốc lộ 1A, thị trấn Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092057**
(210) 4-2006-17846
(181) 24.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 24.10.2006

(531) 26.4.2; 3.7.3; 3.7.21; 3.7.6
(591) Đỏ, vàng đậm, vàng nhạt, xanh dương, xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH THỰC PHẨM HQ (VN)
Ngõ 10, tổ 15, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Gà hấp muối; vịt hấp muối; chân gà hấp muối; cánh gà hấp muối; chân vịt hấp muối; cánh vịt hấp muối.

---

(111) **4-0092058**
(210) 4-2006-17848
(181) 24.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

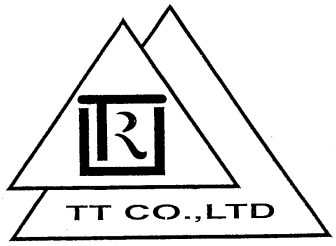

(151) 26.11.2007
(220) 24.10.2006

(531) 26.3.2; 26.3.4
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRỌNG TÍN (VN)
104 Hàn Thuyên, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hoá
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 06: Bản lề bằng inox (kim loại).

---

(111) **4-0092059**
(210) 4-2006-19933
(181) 17.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 17.11.2006

(531) 26.1.1; 15.7.1; 15.7.11
(591) Trắng, đỏ
(731) 1. TRẦN VĂN QUỐC (VN)
3B, tổ 19, Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
2. NGUYỄN ANH TUẤN (VN)
P4 A4, tập thể Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Máy nắn khung càng xe máy; bàn nâng xe máy chạy điện (dùng để sửa chữa và bảo dưỡng xe máy).

---

(111) **4-0092060**
(210) 4-2006-06183
(181) 21.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 21.04.2006

(531) A26.11.13; 26.15.25; 26.7.25
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THÀNH PHÁT (VN)
Số 98, ngõ 219, đường đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước; máy nén khí; máy phát điện.

Nhóm 35: Mua bán các máy nén khí, máy bơm nước, máy phát điện và các thiết bị chạy bằng điện.

---

(111) **4-0092061**
(210) 4-2006-13950
(181) 24.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 24.08.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.4.2
(591) Cam, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG-THIẾT KẾ NỘI THẤT-THƯƠNG MẠI ĐỈNH NGUYÊN (VN)
47/42/18 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội ngoại thất.

Nhóm 37: Trang trí nội ngoại thất; xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp.

Nhóm 42: Thiết kế nội ngoại thất.

---

(111) **4-0092062**
(210) 4-2006-14450
(181) 30.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 30.08.2006

(531) 26.1.1
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CHÍNH-ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG CHU VIỆT (VN)
4A Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Giò chả; xúc xích; pa tê; thịt hộp; thịt khô.

Nhóm 35: Mua bán thực phẩm.

---

(111) **4-0092063**
(210) 4-2006-15917
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 21.09.2006

(531) 2.9.4; 26.4.1
(731) CƠ SỞ VĨNH LỢI (VN)
54 Trương Công Định, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán kính đeo mắt.

---

(111) **4-0092064**
(210) 4-2006-15918
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 21.09.2006

(531) A5.3.14
(591) Đen, trắng, xanh lá cây, vàng
(731) WINPAC PAPER PTE LTD (SG)
3 Gul Crescent Singapore 629519
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Giấy sao chụp tài liệu (giấy photocopy); giấy có tráng phủ (giấy được phủ lớp caolanh để tạo độ láng bóng); giấy không có tráng phủ; giấy in thường; giấy bìa; giấy in các chứng từ tài chính; giấy in cao cấp; giấy viết thông thường; phong bì; giấy tái sinh có tráng phủ (giấy được tái chế lại từ giấy đã qua sử dụng và được phủ lớp caolanh để tạo độ láng bóng); giấy tái sinh không có tráng phủ (giấy được tái chế lại từ giấy đã qua sử dụng và không được phủ lớp caolanh để tạo độ láng bóng).

---

(111) **4-0092065**
(210) 4-2006-11574
(181) 24.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VINACOM
BANK

(151) 26.11.2007
(220) 24.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ - XE MÁY HOA LÂM (VN)
90 Cao Thắng, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính ngân hàng sử dụng máy giao dịch tự động, cụ thể là: dịch vụ thanh toán bằng thẻ tín dụng, thẻ thanh toán; dịch vụ tra cứu giao dịch tài khoản; dịch vụ rút tiền mặt; dịch vụ uỷ thác giao dịch chi trả tiền mặt; dịch vụ gửi tiền vào tài khoản;

thanh toán chuyển khoản; dịch vụ chi trả thẻ điện thoại và thẻ internet; dịch vụ ngân hàng cụ thể là thu nhận các phiếu thanh toán tiền nước tiền điện thoại.

---

(111) **4-0092066**
(210) 4-2006-13410
(181) 15.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 15.08.2006

(531) 26.15.1; 1.15.21; 26.4.2
(591) Xanh, xanh nhạt, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - BA LAN (VN)
Số 62, ngõ 41, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; các chế phẩm vitamin; các chế phẩm vitamin và khoáng chất dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0092067**
(210) 4-2006-13646
(181) 18.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

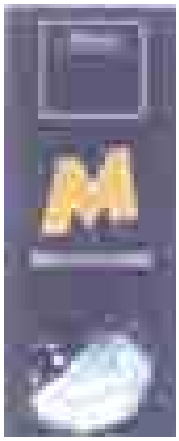

(151) 26.11.2007
(220) 18.08.2006

(531) 26.4.2; 1.15.21; A19.13.21
(591) Xanh tím, xanh nhạt, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - BA LAN (VN)
Số 62, ngõ 41, phố Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; các chế phẩm vitamin; các chế phẩm vitamin và khoáng chất.

---

(111) **4-0092068**
(210) 4-2006-14889
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PERONATE

(151) 26.11.2007
(220) 07.09.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092069**
(210) 4-2006-15690
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SEONUCID

(151) 26.11.2007
(220) 18.09.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092070**
(210) 4-2006-15692
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FAREDINAL

(151) 26.11.2007
(220) 18.09.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092071**
(210) 4-2006-15693
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TAVINCELL

(151) 26.11.2007
(220) 18.09.2006

(731) SEO KYUNG COMPANY (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5, Seocho-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092072**
(210) 4-2006-15919
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOMASHNI OBED

(151) 26.11.2007
(220) 21.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI MA SAN (VN)
Lô III-12- nhóm công nghiệp III, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Nước mắm; thịt hộp; cá hộp; trái cây đóng hộp; giò lụa; chả quế.

Nhóm 30: Nước tương; gia vị; nước xốt cà chua; tương ớt; mì ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092073**
(210) 4-2006-16080
(181) 25.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GENTRIDECME

(151) 26.11.2007
(220) 25.09.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092074**
(210) 4-2006-16504
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 02.10.2006

(531) 26.4.1; 7.5.15; A5.5.20; A5.5.21; A1.1.9; A1.1.2
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH RIKEN (VIỆT NAM) (VN)
Lô C/IV, đường số 4, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Giấy nhám dùng để mài bóng; vải nhám dùng để đánh bóng.

---

(111) **4-0092075**
(210) 4-2006-13419
(181) 16.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NGUYÊN SINH

(151) 26.11.2007
(220) 16.08.2006

(591) Xanh dương đậm, trắng
(731) NGUYỄN VĂN NGỌC (VN)
Số 17 phố Lý Quốc Sư, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092076**
(210) 4-2006-14743
(181) 05.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 05.09.2006

(531) A17.2.2; 24.1.5
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN QUÝ TÙNG (VN)
Số nhà 19, tổ 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc, đá quý.

---

(111) **4-0092077**
(210) 4-2006-14930
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 07.09.2006

(531) 24.7.1
(591) Xanh, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN NGHĨA (VN)
Số 472 đường 2 tháng 9, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 39: Vận tải bằng tàu thuỷ.

---

(111) **4-0092078**
(210) 4-2006-14931
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 07.09.2006

(531) 1.15.15; A26.11.12; 2.9.14
(591) Trắng, đỏ, da cam, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ PHÚC AN (VN)
Lâm Hộ, Thanh Lâm, Mê Linh, Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 30: Nước đá tinh khiết, kem lạnh.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0092079**
(210) 4-2006-14932
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 07.09.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, da cam, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ PHÚC AN (VN)
Lâm Hộ, Thanh Lâm, Mê Linh, Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 30: Nước đá tinh khiết, kem lạnh.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0092080**
(210) 4-2006-16585
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AWFUL

(151) 26.11.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CAO THẮNG (VN)
19/44 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0092081**
(210) 4-2005-04443
(181) 21.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DURABOND

(151) 26.11.2007
(220) 21.04.2005

(731) REVERTEX FINEWATERS SDN BHD (265645-P) (MY)
Lot 6394 Off SG Rasa Industrial Area, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 01: Chất dính dùng trong công nghiệp; chế phẩm dính dùng cho băng phẫu thuật; chất dính để dán quảng cáo; chất dính dùng cho giấy dán tường, chất dính dùng cho lớp gạch bông lát tường.

---

(111) **4-0092082**
(210) 4-2006-04067
(181) 22.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Think GAIA

(151) 26.11.2007
(220) 22.03.2006

(731) SANYO ELECTRIC CO., LTD. (JP)
5-5, Keihan-hondori 2-chome, Moriguchi City, Osaka, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Nông cụ khác với loại thủ công; máy ấp trứng; máy làm khô; dao chạy điện; máy khoan cầm tay chạy điện; máy và thiết bị tự động để đóng gói viên/bánh/thanh/thỏi; máy và thiết bị xử lý hoá chất; máy chế biến thực phẩm và đồ uống; máy và thiết bị để sản xuất chất bán dẫn; robot công nghiệp sử dụng trong sản xuất; máy phát điện dùng năng lượng mặt trời; máy phát năng lượng quang vontaic; máy bơm; máy nén; máy phát dòng điện; đinamô; động cơ điện (ngoại trừ loại dùng cho phương tiện giao thông trên bộ); chổi của đinamô; máy hút bụi; máy hút bụi dùng cho mục đích công nghiệp; máy giặt; máy giặt kết hợp với máy làm khô; máy giặt hoạt động bằng tiền xu; máy giặt (xưởng giặt); máy giặt dùng cho mục đích công nghiệp; máy rửa bát đĩa; máy rửa bát đĩa kết hợp với máy sấy khô bát đĩa; máy và thiết bị đánh bóng xi bằng sáp (chạy điện); máy trộn thực phẩm chạy điện; máy khuấy cầm tay chạy điện; máy ép trái cây chạy điện dùng trong gia đình; máy ép nước quả cam/quít; máy chế biến thực phẩm chạy điện; máy xay/máy nghiền chạy điện dùng trong gia đình; máy xay thịt chạy điện; máy băm thái thực phẩm chạy điện dùng trong gia đình; cái mở hộp chạy điện; dụng cụ làm bếp chạy điện (hoạt động bằng mô tơ điện); máy nâng (thang máy); cầu thang di động (thang băng); máy và dụng cụ làm vườn (ngoại trừ loại hoạt động bằng tay); máy nghiền rác; máy cắt cỏ chạy điện.

Nhóm 08: Dụng cụ có lưỡi sắc (dụng cụ cầm tay); dụng cụ làm rụng lông chạy điện và không chạy điện; kéo cắt tóc dùng cho cá nhân chạy điện và không chạy điện; dụng cụ đánh móng tay chạy điện hoặc không chạy điện; bộ dụng cụ sửa móng tay chạy điện; cái bấm móng tay/chân chạy điện hoặc không chạy điện; cái giũa móng tay/chân chạy điện; lưỡi dao cạo; dao cạo chạy điện hoặc không chạy điện; hộp đựng dao cạo; dao thái rau; dụng cụ thái nhỏ rau; dao thái mỏng rau.

Nhóm 09: Máy vi tính; bộ xử lý trung tâm; nhật ký điện tử; máy dịch điện tử bỏ túi; máy tính cá nhân kỹ thuật số bỏ túi; phần mềm máy tính; chương trình trò chơi trên máy vi tính; thiết bị in điện tử; máy quét hình (scanners); máy chủ máy vi tính (computer servers); xuất bản phẩm điện tử (có thể tải về được); vật mang dữ liệu từ tính; đĩa từ đĩa quang từ; đĩa quang; đĩa compac (bộ nhớ chỉ đọc); đĩa cứng; ổ đĩa cứng; thiết bị nhớ bán dẫn dưới dạng thẻ, thanh, mạch điện siêu nhỏ (chip) hoặc đĩa; máy fax; máy điện thoại; bộ điện thoại sóng radio; máy nhận điện thoại tự động; máy điện thoại truyền hình ảnh; điện thoại di động; trạm gốc phát sóng liên lạc di động; máy thu radio; thiết bị định vị và điều hướng; thiết bị định vị và điều hướng dùng cho xe cộ (máy vi tính gắn trên xe); thiết bị truyền thông nội bộ; thiết bị và dụng cụ để ghi, truyền, tái tạo, nhận, tải về, lưu trữ và hoặc/chỉnh sửa âm thanh hoặc hình ảnh; vô tuyến sử dụng phép chiếu hậu; máy chiếu tinh thể lỏng; màn chiếu hình; ti vi; ti vi màn tinh thể lỏng; ti vi dùng công nghệ plasma; bảng đen/bảng trắng điện tử; đầu đọc/ghi đĩa hình; đầu đọc/ghi băng hình; đầu ghi hình; máy quay video xách tay có bộ phận ghi hình gắn liền; máy chụp ảnh kỹ thuật số; máy quay viđêo kỹ thuật số; máy in sử dụng với máy quay kỹ thuật số; đầu ghi băng; đầu ghi tiếng sử dụng đĩa cứng; đầu ghi hình cho đĩa cứng; đầu ghi đĩa compac; đầu ghi đĩa loại nhỏ (mini-disk recorders); đầu ghi bộ nhớ kỹ thuật số; đầu đọc MP3; đầu ghi DVD; máy chơi nhạc kỹ thuật số có thể xách tay; đầu ghi giọng nói kỹ thuật số; hệ thống âm thanh nổi dùng trên ô tô kết hợp với đầu đọc/ghi DVD; biển hiệu phát quang; thiết bị và dụng cụ giám sát; thiết bị báo cháy; máy phát hiện khói; thiết bị cảnh báo chống trộm; thiết bị điện để phòng trộm; hệ thống máy quay kết nối với ti vi để theo dõi; hệ thống nhận dạng dấu vân tay; đầu ghi hình theo thời gian ngắt quãng định sẵn; máy quay CCD (máy quay có bộ cảm biến để ghi hình ảnh); máy quay viđêo dùng cho mục đích an ninh; hệ thống vô tuyến truyền hình giám sát; thiết bị để nhận dạng sinh trắc học bằng giọng nói; thiết

bị phân phối điện; tụ điện; thiết bị điều khiển từ xa cho các hoạt động công nghiệp (điện hoặc điện tử); mạch tích hợp; chất bán dẫn; ắc qui điện; hộp ắc qui; bộ nạp ắc qui; pin khô; bộ tích điện; pin mặt trời; môđun pin mặt trời; bộ thu năng lượng mặt trời để phát điện; máy khử trùng bằng hơi nước áp suất cao dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị làm lạnh dùng trong phòng thí nghiệm; lò điện dùng trong phòng thí nghiệm; máy khử trùng kiểu nóng khô dùng trong phòng thí nghiệm; tủ hốt vô trùng sử dụng trong thí nghiệm sinh học dùng trong phòng thí nghiệm; tủ vô trùng dùng trong phòng thí nghiệm; phòng sạch sinh học dùng trong phòng thí nghiệm; buồng ổn nhiệt dùng trong phòng thí nghiệm; buồng làm ẩm và ổn định nhiệt dùng trong phòng thí nghiệm; bồn tắm có nhiệt độ nước không đổi dùng trong phòng thí nghiệm; buồng nhiệt thấp dùng trong phòng thí nghiệm; lồng ấp trong phòng thí nghiệm; buồng sinh trưởng dùng trong phòng thí nghiệm; giá đỡ sử dụng trong việc nuôi cấy dùng trong phòng thí nghiệm có lắp hệ thống chiếu sáng; hệ thống nguồn ánh sáng LED sử dụng trong phòng thí nghiệm; máy lắc rung dùng cho mục đích nghiên cứu; máy và thiết bị làm sạch dụng cụ phòng thí nghiệm; tủ an toàn sinh học để ngăn chặn nguy cơ sinh học dùng trong phòng thí nghiệm; máy chiếu phim; thiết bị và dụng cụ đo (không dùng cho mục đích y tế); bàn là điện; cuộn uốn tóc làm nóng bằng điện; máy ozon; thiết bị trò chơi chỉ dùng với máy thu hình.

Nhóm 10: Găng tay dùng cho mục đích y tế, thiết bị để xoa bóp; thiết bị khuyếch đại DNA; tủ an toàn sinh học để ngăn chặn nguy cơ sinh học; tủ hốt vô trùng sử dụng trong thí nghiệm sinh học dùng cho mục đích y tế; tủ vô trùng dùng cho mục đích y tế; phòng sạch sinh học dùng cho mục đích y tế; buồng ổn nhiệt dùng cho mục đích y tế; buồng làm ẩm và ổn định nhiệt dùng cho mục đích y tế; bồn tắm có nhiệt độ nước không đổi dùng cho mục đích y tế; buồng nhiệt thấp dùng cho mục đích y tế; lồng ấp CO2 dùng cho ngành y; lồng ấp trong phòng xét nghiệm dùng cho ngành y; buồng sinh trưởng dùng cho mục đích y tế; máy khử trùng bằng hơi nước áp suất cao dùng cho ngành y; thiết bị làm khô bằng ổn nhiệt dùng cho mục đích y tế; máy khử trùng kiểu nóng khô dùng cho mục đích y tế; bồn tắm hoạt động bằng điện dùng để chăm sóc-điều dưỡng; giường chạy điện dùng để chăm sóc-điều dưỡng; thiết bị đo áp suất máu ở động mạch; thiết bị dùng cho răng chạy điện; laze dùng cho ngành y; giường có kết cấu đặc biệt dùng cho ngành y; máy rung không khí nóng dùng cho ngành y; máy xoa bóp đặt trên giường; máy rung xoa bóp; dụng cụ châm cứu dùng điện; đệm sưởi nóng chạy điện dùng cho ngành y; miếng đệm sấy nóng chạy điện dùng cho ngành y; dụng cụ trợ giúp nghe dùng cho người điếc; giá đỡ sử dụng trong việc nuôi cấy dùng cho mục đích y tế có lắp hệ thống chiếu sáng.

Nhóm 11: Đèn điện; đèn soi bỏ túi; thiết bị chiếu sáng dùng cho xe cộ; đèn huỳnh quang; nồi hơi (không phải là bộ phận của máy); bộ tản nhiệt (cho máy điều hòa không khí công nghiệp); máy làm ẩm; lò đốt rác; bộ tích nhiệt; thiết bị nấu nướng bằng điện; dụng cụ nấu nướng bằng điện; lò nướng bánh xăng-đuých; khuôn làm bánh dùng điện; tấm sưởi ấm; máy làm bánh mì tự động dùng trong gia đình; lò nướng bánh dùng điện; lò nướng; lò nướng làm cho bánh nhanh chóng phồng lên khi cho vào lò; bếp nấu cảm ứng điện từ; lò vi sóng (thiết bị nấu nướng); máy pha cà phê dùng điện; lò nấu nướng dùng điện; vỉ nướng dùng điện (dụng cụ nấu nướng); nồi nấu dùng điện; bếp lò nấu dùng điện; bếp lò nấu dùng ga; nồi cơm điện; ấm đun nước điện; máy và thiết bị làm lạnh; máy đông lạnh; tủ trưng bày có làm lạnh hoặc đông lạnh; máy và thiết bị làm nước đá; máy làm lạnh dùng điện; máy làm lạnh y sinh học dùng trong phòng thí nghiệm và ngành y; buồng lạnh dạng thổi dùng trong phòng thí nghiệm và ngành y; máy làm lạnh

dùng nhiệt độ cực thấp dùng trong phòng thí nghiệm và ngành y; buồng làm lạnh dùng trong phòng thí nghiệm và ngành y; buồng đông lạnh dùng trong phòng thí nghiệm và ngành y; dụng cụ và thiết bị làm lạnh; thiết bị điều hòa không khí; hệ thống làm lạnh/sưởi ấm trung tâm; thiết bị làm lạnh không khí; thiết bị sưởi ấm dùng nước nóng (dùng cho mục đích công nghiệp); bộ thu năng lượng mặt trời (sưởi nóng); thiết bị đun nước dùng năng lượng mặt trời; thiết bị đun nước dùng điện; máy làm sạch không khí; máy hút ẩm; quạt điện dùng cho cá nhân; thiết bị làm lạnh khoảng trống dùng điện; máy làm lạnh không khí dạng hơi; quạt trần; cái sưởi chân (dùng điện hoặc không dùng điện); lò sưởi tỏa nhiệt chạy điện; thảm được sưởi bằng điện; quạt thông gió; máy sấy khô không khí; thiết bị làm khô quần áo chạy điện; thiết bị sấy khô đồ giặt chạy điện; thiết bị làm khô bát đĩa chạy điện; máy sấy tóc; thiết bị làm khô bằng ổn nhiệt; thiết bị đun nước dùng điện có bơm chịu nhiệt dùng trong gia đình; thiết bị phân phối nước nóng/lạnh; thiết bị đun nước dùng ga; vòi hoa sen; máy và thiết bị làm sạch nước; bệ xí có chậu rửa được làm nóng bằng điện; thiết bị để làm sạch nước thải; tủ rượu có điều hòa không khí; thiết bị phân phối đồ uống nóng/lạnh (không phải loại máy bán hàng tự động)/ thiết bị làm lạnh để cất giữ thuốc và hoá chất; tủ trưng bày được làm lạnh để cất giữ thuốc và hoá chất; thiết bị làm lạnh để cất giữ máu; thiết bị làm lạnh để vận chuyển/cất giữ máu, chế phẩm dược, vắc-xin và các bộ phận.

Nhóm 12: Máy bay; tàu thủy; đầu máy/toa xe dùng cho đường sắt; ô tô; xe chạy điện; bộ báo hiệu chống lấy cắp dùng cho xe cộ; thiết bị phòng kẻ trộm dùng cho xe cộ; động cơ cho xe cộ trên bộ; động cơ điện cho xe cộ trên bộ; xe hai bánh có động cơ; xe đạp; xe mô tô; xe đạp điện; xe lăn; xe nhỏ hai bánh dùng cho chơi gôn.

---

(111) **4-0092083**
(210) 4-2006-22713
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MITU

(151) 26.11.2007
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á (VN)
Lô G2, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0092084**
(210) 4-2006-00869
(181) 17.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 17.01.2006

(731) CÔNG TY XĂNG DẦU TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU (VN)
190 Lê Lợi, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0092085**
(210) 4-2006-03022
(181) 03.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 03.03.2006

(531) 24.9.1; 26.3.23
(731) AKTIEBOLAGET ELECTROLUX (SE)
SE-105 45 Stockholm, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy giặt thảm chạy bằng điện, máy đánh bóng sàn (chạy bằng điện), máy hút bụi, các bộ phận của máy hút bụi cụ thể là ống, vòi, ống tuýp, bộ lọc và túi đựng bụi, máy giặt, máy sấy quần áo, máy là ủi, máy rửa chén bát, máy trộn thức ăn (chạy điện), máy cắt thái (chạy điện), máy chế biến thức ăn (pha trộn, thái lát, băm) (chạy điện); máy khâu may, máy tạo dao động chạy bằng tua bin gió dùng cho nhiều mục đích; các bộ phận và linh kiện của tất cả các sản phẩm nêu trên.

Nhóm 11: Tủ lạnh, tủ đông lạnh, bếp, vỉ nướng, lò, lò vi sóng, máy lọc nước, máy sưởi nước chạy bằng điện, quạt, thiết bị sấy quần áo (máy sấy nhiệt), máy pha cà phê chạy bằng điện, máy nướng bánh mì lát, khuôn bánh quế chạy bằng điện, máy và thiết bị làm sạch không khí, chảo điện, thiết bị tạo hơi nước; các bộ phận và linh kiện của tất cả các sản phẩm nêu trên.

Nhóm 16: Bao bì và hộp các-tông, sản phẩm giấy và văn phòng phẩm.

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ và thông tin cho khách hàng liên quan đến các thiết bị lọc nước, quảng cáo trong công nghiệp và thương mại, trang hoàng bày biện cửa sổ cửa hàng.

Nhóm 37: Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị lọc nước.

---

(111) **4-0092086**
(210) 4-2006-09766
(181) 26.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 26.06.2006

(531) A15.7.3
(591) Xanh, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TANO (VN)
Toà nhà 17, ngõ 20 phố Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc thiết bị.

---

(111) **4-0092087**
(210) 4-2006-12481
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 02.08.2006

(531) 26.1.1; A26.1.18
(591) Đỏ, đen, trắng, xanh da trời nhạt
(731) CÔNG TY TNHH YABAN CHAIN INDUSTRIAL VIỆT NAM (VN)
Số 19, lô J, đường số 06, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 12: Sên (xích); nhông; đĩa xích dùng cho các loại xe.

---

(111) **4-0092088**
(210) 4-2006-12900
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

EEYORE

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê, ca cao, đường, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; dấm; bánh mỳ cuộn hình chiếc nhẫn; kem lạnh (dùng để pha sữa lắc); bánh quy; bánh mỳ; ngũ cốc ăn sáng, chế phẩm của ngũ cốc, kẹo cao su thổi bóng; bánh ngọt; bột trộn sẵn để làm bánh ngọt; kẹo; đồ trang trí bánh làm bằng kẹo; tương cà chua (làm gia vị); đồ ăn nhẹ làm từ ngũ cốc dạng thanh; kẹo cao su; sôcôla; đồ uống có thành phần chủ yếu là sôcôla; đồ uống có thành phần chủ yếu cacao; bánh hình nón dùng để đựng kem; bánh mứt kẹo; bánh dẹt nhỏ; đồ ăn nhanh làm từ ngô; bánh quy giòn; bánh xăng-đuých bán ở cửa hàng đồ ăn sẵn; món ăn tráng miệng làm từ thạch ngọt; mứt kẹo đông lạnh; món ăn đông lạnh chủ yếu gồm mỳ sợi hoặc gạo; kem lạnh có sữa chua; kem ăn; sữa đá; cam thảo; kẹo dẻo; sốt mayonnaise; bánh nướng xốp; mỳ ống; yến mạch; bánh kếp; bột trộn sẵn để làm bánh kếp; mỳ sợi; bánh bao; nước mật đường dùng cho bánh kếp; bánh nướng; bánh pizza; bỏng ngô; bánh quy xoắn; bánh pút-đing; bánh cuộn; nước xốt salát; nước xốt (gia vị); nước ga ngọt dùng cho thực phẩm; đồ gia vị; chè; bánh ngô; bánh quế.

---

(111) **4-0092089**
(210) 4-2006-12901
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GOOFY

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US) 500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện; máy ghi âm cát xét; đài cát xét; băng cát xét; đĩa ghi âm; loa; ống nhòm (quang học); máy tính cầm tay; máy quay viđiô xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy chụp ảnh; ổ CD-ROMs; ổ đĩa CD-ROM (là một bộ phận của máy vi tính); ổ ghi CD-ROMs (là một bộ phận của máy vi tính); điện thoại cầm tay; phụ tùng của điện thoại cầm tay; hộp điện thoại cầm tay; tấm màn hình của điện thoại cầm tay; đầu đĩa com-pắc; đầu ghi đĩa com-pắc; đĩa com-pắc; các chương trình trò chơi trên máy vi tính; đầu máy và đĩa dùng cho trò chơi điện tử trên máy vi tính; máy vi tính; bàn phím máy vi tính; màn hình máy vi tính; chuột máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; phần mềm máy vi tính; điện thoại kéo dài; nam châm dùng cho mục đích trang trí; máy ảnh kỹ thuật số; đĩa DVD; máy chạy đĩa DVD; máy ghi đĩa DVDs; đĩa kỹ thuật số đa chức năng; đĩa viđiô kỹ thuật số; máy điện tử ghi dữ liệu cá nhân; hộp đựng kính mắt; kính mắt; tai nghe; máy hát karaoke; micrô; đầu đĩa MP3; mô-đem (là một bộ phận của máy vi tính); miếng đệm lót chuột máy vi tính; phim điện ảnh; máy nhắn tin; máy âm thanh nổi cá nhân; máy trợ giúp cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính cầm tay); máy in dùng với máy vi tính; máy thu thanh; kính râm; điện thoại; ti vi; máy quay phim; máy ghi hình viđiô; đầu máy viđiô; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; băng từ viđiô; máy điện thoại truyền hình; điện đài xách tay; miếng đệm cổ tay và cánh tay hỗ trợ khi sử dụng máy vi tính.

---

(111) **4-0092090**
(210) 4-2006-12904
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POOH

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng; nước xức tóc; nước thơm dùng sau khi cạo râu; chất chống đổ mồ hôi (đồ mỹ phẩm); dầu hương liệu (tinh dầu); lông mi giả và móng tay giả; dầu thơm dùng cho trẻ em; khăn tẩm mỹ phẩm thơm của trẻ em dùng cho mục đích vệ sinh; dầu tắm; phấn dùng sau khi tắm; mặt nạ mỹ phẩm làm đẹp; phấn hồng; kem dùng cho cơ thể, nước thơm và phấn bột dùng cho cơ thể; nước xúc miệng làm cho hơi thở thơm tho; chế phẩm (làm sạch) dùng làm nước tắm sủi bọt và thơm; nước hoa co-lô-nhơ; mỹ phẩm; thuốc đánh răng; chất khử mùi dùng cho cá nhân; phấn bột (mỹ phẩm); tinh dầu thơm dùng cho cá nhân; bút kẻ mi mắt; mỹ phẩm tạo quầng mắt; bút chì kẻ lông mày; phấn trang điểm mặt; kem xoa mặt (mỹ phẩm); nước thơm xoa mặt; mỹ phẩm mặt nạ dưỡng mặt; chế phẩm làm sạch mặt dùng cho mục đích vệ sinh; sáp thơm dùng để làm thơm phòng; chế phẩm toả mùi hương dùng cho cho cá nhân; gel vuốt tóc; dầu xả dùng cho tóc; dầu gội đầu; keo vuốt tóc; kem dưỡng tóc; keo xịt tóc; kem dưỡng da tay; nước thơm dùng cho tay; xà phòng dùng cho tay; chất dưỡng môi; son môi; son làm bóng môi; xà phòng dạng lỏng; đồ trang điểm (son phấn); mỹ phẩm bôi mi mắt; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; chế phẩm chăm sóc móng chân, móng tay; chế phẩm làm móng chân móng tay óng ánh; mỹ phẩm làm cứng móng chân, móng tay; mỹ phẩm làm bóng móng chân móng tay; nước hoa, hoa khô (hương thơm); chế phẩm toả mùi hương trong phòng; kem dùng để cạo râu; xà phòng dùng cho da; phấn rôm; nước thơm dùng cho cá nhân; kem dưỡng da; mỹ phẩm tạo độ ẩm cho da; kem chống nắng; mỹ phẩm chống nắng.

---

(111) **4-0092091**
(210) 4-2006-12905
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POOH

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Da và giả da; da động vật; da sống chưa thuộc; rương (hòm, va li) và túi du lịch; lọng và gậy chống; roi và yên cương; túi xách dùng cho mục đích thể thao; túi xách

dành cho vận động viên; ba lô đeo sau lưng trẻ em; ba lô đeo sau lưng; túi đựng đồ đi biển; cặp sách; hộp đựng thẻ điện thoại bằng da hoặc giả da; ví đựng tiền lẻ; ví đựng tiền xu; túi đựng tã trẻ em làm bằng da và giả da; túi vải buộc dây để mang đồ trang bị cắm trại; túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ làm bằng da và giả da; túi đựng đồ tập thể dục; túi xách tay; ba lô; hộp đựng chìa khoá bằng da hoặc giả da; dây đeo chìa khoá bằng da; túi đựng son bằng da hoặc giả da; túi đựng hành lý; thẻ gắn theo hành lý Iàm bằng da và giả da; túi dùng cho những cuộc đi chơi ngắn bằng da hoặc giả da; ví đựng tiền; túi đeo vai học sinh; túi đựng đồ đi mua sắm; túi xách đi chợ; ô; túi đeo ở eo; ví.

---

(111) **4-0092092**
(210) 4-2006-12906
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POOH

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Thịt thú săn; chất chiết ra từ thịt; mứt quả; trứng, sữa và sản phẩm làm từ sữa; dầu thực vật và mỡ ăn; pho mát; đồ ăn làm từ bánh quy giòn và pho mát có thành phần pho mát là chủ yếu; chất phết lên bánh làm từ pho mát; hoa quả tẩm đường; sữa có thành phần sô cô la; sản phẩm từ sữa không bao gồm kem, sữa được làm lạnh và sữa chua đông lạnh; mỡ động vật (thực phẩm); rau được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; sữa chua dưới dạng uống; thực phẩm đông lạnh bao gồm thịt, cá, thịt gia cầm hoặc rau; trái cây được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; đồ ăn nhanh làm từ trái cây; mứt; thạch; đồ uống từ sữa với thành phần sữa cao; thịt; quả hạch đã chế biến; bơ lạc; khoai tây chiên; đồ ăn nhanh làm từ khoai tây; sữa bột; nho khô; đồ ăn nhanh hỗn hợp bao gồm hoa quả đã sơ chế, quả hạch đã chế biến và/hoặc nho khô; súp; hỗn hợp súp; sữa chua.

---

(111) **4-0092093**
(210) 4-2006-12907
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POOH

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê, ca cao, đường, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; dấm; bánh mỳ cuộn hình chiếc nhẫn; kem lạnh (dùng để pha sữa lắc); bánh quy; bánh mỳ; ngũ cốc ăn sáng, chế phẩm của ngũ cốc, kẹo cao su thổi bóng; bánh ngọt; bột trộn sẵn để làm bánh

ngọt; kẹo; đồ trang trí bánh làm bằng kẹo; tương cà chua (làm gia vị); đồ ăn nhẹ làm từ ngũ cốc dạng thanh; kẹo cao su; sôcôla; đồ uống có thành phần chủ yếu là sôcôla; đồ uống có thành phần chủ yếu là cacao; bánh hình nón dùng để đựng kem; bánh mứt kẹo; bánh dẹt nhỏ; đồ ăn nhanh làm từ ngô; bánh quy giòn; bánh xăng-đuých bán ở cửa hàng đồ ăn sẵn; món tráng miệng làm từ thạch ngọt (mứt kẹo); mứt kẹo đông lạnh; món ăn đông lạnh chủ yếu gồm mỳ sợi hoặc gạo; kem lạnh có sữa chua; kem ăn; sữa đá; cam thảo; kẹo dẻo; sốt mayonnaise; bánh nướng xốp; mỳ ống; yến mạch; bánh kếp; bột trộn sẵn để làm bánh kếp; mỳ sợi; bánh bao; nước mật đường dùng cho bánh kếp; bánh nướng; bánh pizza; bỏng ngô; bánh quy xoắn; bánh pút-đing; bánh cuộn; nước xốt salát; nước xốt (gia vị); nước ga ngọt dùng cho thực phẩm; đồ gia vị; chè; bánh ngô; bánh quế.

---

(111) **4-0092094**
(210) 4-2006-12908
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POOH

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng, nước ga; xi-rô; nước uống; nước uống tăng lực không dùng cho mục đích y tế, nước uống có hương vị; nước ép hoa quả; đồ uống có hương vị hoa quả; bột pha chế nước hoa quả, nước chanh; đồ uống pha trộn không có cồn; đồ uống không có cồn; cụ thể là: đồ uống có ga; đồ uống không chứa cồn có trộn nước hoa quả; đồ uống hỗn hợp không có cồn; nước xô đa; đồ uống trong thể thao không có cồn; xirô để làm nước ngọt, nước suối; nước ép rau quả.

---

(111) **4-0092095**
(210) 4-2006-12909
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

WALT DISNEY

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chất để tẩy trắng; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; xà phòng; nước xức tóc; nước thơm dùng sau khi cạo râu; chất chống đổ mồ hôi (đồ mỹ phẩm); dầu hương liệu (tinh dầu), lông mi giả và móng tay giả; dầu thơm dùng cho trẻ em; khăn tẩm mỹ phẩm thơm của trẻ em dùng cho mục đích vệ sinh; dầu tắm; phấn dùng sau khi tắm; mặt nạ mỹ phẩm làm đẹp; phấn hồng; kem dùng cho cơ thể, nước thơm và

phấn bột dùng cho cơ thể; nước xúc miệng làm cho hơi thở thơm tho; chế phẩm (làm sạch) dùng làm nước tắm sủi bọt và thơm; nước hoa co-lô-nhơ; mỹ phẩm; thuốc đánh răng; chất khử mùi dùng cho cá nhân; phấn bột (mỹ phẩm); tinh dầu thơm dùng cho cá nhân; bút kẻ mi mắt; mỹ phẩm tạo quầng mắt; bút chì kẻ lông mày; phấn trang điểm mặt; kem xoa mặt (mỹ phẩm); nước thơm xoa mặt; mỹ phẩm mặt nạ dưỡng mặt; chế phẩm làm sạch mặt dùng cho mục đích vệ sinh; sáp thơm dùng để làm thơm phòng; chế phẩm toả mùi hương dùng cho cho cá nhân; gel vuốt tóc; dầu xả dùng cho tóc; dầu gội đầu; keo vuốt tóc; kem dưỡng tóc; keo xịt tóc; kem dưỡng da tay; nước thơm dùng cho tay; xà phòng dùng cho tay; chất dưỡng môi; son môi; son làm bóng môi; xà phòng dạng lỏng; đồ trang điểm (son phấn); mỹ phẩm bôi mi mắt; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; chế phẩm chăm sóc móng chân, móng tay; chế phẩm làm móng chân móng tay óng ánh; mỹ phẩm làm cứng móng chân, móng tay; mỹ phẩm làm bóng móng chân móng tay; nước hoa, hoa khô (hương thơm); chế phẩm toả mùi hương trong phòng; kem dùng để cạo râu; xà phòng dùng cho da; phấn rôm; nước thơm dùng cho cá nhân; kem dưỡng da; mỹ phẩm tạo độ ẩm cho da; kem chống nắng; mỹ phẩm chống nắng.

---

(111) **4-0092096**
(210) 4-2006-12920
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

WALT DISNEY

(151) 26.11.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng, nước ga; xi-rô; nước uống; nước uống tăng lực không dùng cho mục đích y tế; nước uống có hương vị; nước ép hoa quả; đồ uống có hương vị hoa quả; bột pha chế nước hoa quả; nước chanh; đồ uống pha trộn không có cồn; đồ uống không có cồn; cụ thể là: đồ uống có ga; đồ uống không chứa cồn có trộn nước hoa quả; đồ uống hỗn hợp không có cồn; nước xô-đa; đồ uống trong thể thao không có cồn; xirô để làm nước ngọt; nước suối; nước ép rau quả.

---

(111) **4-0092097**
(210) 4-2006-16432
(181) 29.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 29.09.2006

(531) 1.5.1; 1.17.11
(591) Xanh, đỏ, vàng, trắng
(731) TRẦN TRUNG NGHĨA (VN)
Xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 03: Nước tẩy rửa.

---

(111) **4-0092098**
(210) 4-2006-17399
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

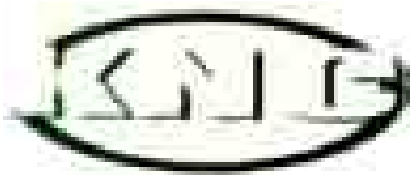

(151) 26.11.2007
(220) 17.10.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh lá cây sẫm, ghi nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KỲ NAM (KY NAM TRADE AND TECHNICAL SERVICE COMPANY LIMITED - KY NAM CO., LTD) (VN)
Số 231, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Biến thế điện; chấn lưu đèn huỳnh quang; đèn tín hiệu.

Nhóm 11: Đèn tường; đèn gắn trần; đèn bàn; đèn tuýp; đèn compact; đèn halogen.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm: biến thế điện; chấn lưu đèn huỳnh quang; đèn tín hiệu; đèn tường; đèn gắn trần; đèn bàn; đèn tuýp; đèn compact; đèn halogen.

---

(111) **4-0092099**
(210) 4-2006-18270
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KEFTIZOX

(151) 26.11.2007
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0092100**
(210) 4-2006-18271
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DEXOPAIN

(151) 26.11.2007
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0092101**
(210) 4-2004-13737
(181) 09.12.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 09.12.2004

(531) 4.5.2; 4.5.3; A25.3.3
(731) INNOVATION PLUS HOLDINGS CORP. (VG)
325 Waterfront Drive, Omar Hodge Building, 2nd Floor, Wickhams Cay, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm và thú săn; chất chiết ra từ thịt; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; hỗn hợp cà chua và cà chua nghiền nhuyễn và nước ép cà chua để nấu, nước quả nấu đông, mứt, mứt quả; trứng; dầu thực vật và mỡ ăn.

Nhóm 30: Chè, ca cao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ; bột và sản phẩm làm từ bột ngũ cốc; bánh mì, mật ong, nước mật đường; men, bột nở; muối, tương hạt cải; dấm và nước xốt; gia vị; kem lạnh.

---

(111) **4-0092102**
(210) 4-2006-15476
(181) 15.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 15.09.2006

(531) 26.1.1; 26.3.1
(591) Xanh lá, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ GIÁO DỤC HỒNG ANH. (VN)
Lô B8, khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay; tủ chuyên dùng trong phòng thí nghiệm.

Nhóm 16: Bút bi, bút mực, bút lông, bút dạ quang, bảng viết chống lóa.

Nhóm 20: Bàn, ghế, tủ, kệ bằng gỗ, kệ chuyên dùng trong phòng thí nghiệm.

---

(111) **4-0092103**
(210) 4-2006-00001
(181) 03.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 03.01.2006

(531) 2.5.1; 2.5.3; A2.5.17
(731) LIN DAZHOU (CN)
3 Changsha Xiang, Xinye Road, Nanshixi, Gongye Dadao, Guangzhou, Guangdong, China
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi du lịch; túi xách tay; túi đi mua hàng; cặp dẹt đựng tài liệu; ba lô làm bằng vải bạt; ví; túi đi học; hòm (rương) du lịch; hòm (rương) làm bằng vải bạt; hộp bằng chất liệu giả da; hộp bằng da hay bìa da; túi đựng dụng cụ bằng da (rỗng); hộp bằng da hay bìa da; tấm phủ đồ gỗ bằng da; ví tiền bỏ túi; phong bì da để bao gói; quai da; ô.

Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là, quần áo nhồi lông chim, quần áo dệt kim, quần áo cho trẻ em, quần áo cho trẻ sơ sinh, áo jắckét, áo choàng bằng da, áo choàng, bộ quần áo bơi liền mảnh, áo mưa, áo sơ mi, áo phông (T-shirts), áo nịt len thể thao, vải lót may sẵn (bộ phận của quần áo), áo lót sát thân, áo nịt ngực của phụ nữ, quần, quần đùi, quần lót; thắt lưng cho trang phục; tạp dề; thắt lưng da cho trang phục; găng tay cho trang phục; cà vạt; mũ; mũ lưỡi trai; bít tất ngắn; bít tất dài; giày; giày đá bóng; xăng đan; giày thể thao; dép lê; giày thể dục.

---

(111) **4-0092104**
(210) 4-2005-10895
(181) 25.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAMMER

(151) 26.11.2007
(220) 25.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ PHỒN VINH (VN)
6 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Các loại pin điện thoại.

---

(111) **4-0092105**
(210) 4-2005-15113
(181) 10.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 10.11.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DV-TM-SX ĐỆ NHẤT THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
42/14A Luỹ Bán Bích, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Tư vấn trong tổ chức và điều hành kinh doanh; tư vấn điều hành kinh doanh; tư vấn tổ chức kinh doanh; dịch vụ tái lập cơ sở kinh doanh; tư vấn về các vấn đề nhân sự; nghiên cứu thị trường.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển cuộc hội thảo; tổ chức và điều khiển cuộc hội nghị; tổ chức và điều khiển cuộc hội thảo chuyên đề; dịch vụ dịch thuật; hội thảo (tổ chức, thực hiện, đào tạo); dịch vụ về giáo dục đào tạo.

Nhóm 42: Thiết kế phần mềm máy tính; thiết kế chương trình máy tính; tư vấn về sở hữu trí tuệ; dịch vụ vẽ đồ hoạ.

---

(111) **4-0092106**
(210) 4-2005-08979
(181) 20.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 20.07.2005

(531) A26.3.5; 1.5.1
(591) Màu xanh côban, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HUYNH ĐỆ (VN)
6- 8 Phó Đức Chính, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

(111) **4-0092107**
(210) 4-2005-08980
(181) 20.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 20.07.2005

(531) 1.5.1; A26.3.5
(591) Màu xanh côban, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HUYNH ĐỆ (VN)
6- 8 Phó Đức Chính, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

---

(111) **4-0092108**
(210) 4-2005-14985
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIGINKO

(151) 26.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092109**
(210) 4-2005-14987
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIALVERIN

(151) 26.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092110**
(210) 4-2005-15846
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZYMAS

(151) 26.11.2007
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY PHÁT TRIỂN KINH TẾ KỸ THUẬT VIỆT NAM (DETESCO VIETNAM) (VN)
15B Hồ Xuân Hương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy; yên xe máy; khung xe máy; vành xe máy.

---

(111) **4-0092111**
(210) 4-2005-15954
(181) 25.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 25.11.2005

(531) 26.4.2; 25.5.3
(591) Xanh dương, đỏ, đen, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÁT HÀNH BÁO CHÍ ĐÔNG PHƯƠNG (R) (VN)
E235 b, tổ 3, KP 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Đặt mua báo chí (cho người khác); mua bán văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0092112**
(210) 4-2005-09558
(181) 01.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 26.11.2007
(220) 01.08.2005

(731) NINTENDO CO., LTD. (JP)
11-1, Hokotate - cho, Kamitoba, Minami - ku, Kyoto - shi, Kyoto, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 12: Máy bay; túi khí (thiết bị an toàn cho ô tô); bóng khí cầu (khinh khí cầu); khinh khí cầu lái được; xe cứu thương; thùng xe dùng cho xe ô tô; săm lốp ô tô; xe ô tô; tấm chắn nắng dùng cho xe ô tô (là bộ phận của xe ô tô); xe đẩy trẻ em; giỏ đựng hàng dùng cho xe đạp (là bộ phận của xe đạp); chuông xe đạp (là bộ phận của xe đạp); xe đạp;

tàu thuyền; ô tô buýt; toa xe (đường sắt); xe ô tô con; xe dùng để vận chuyển và lắp đặt cáp; tấm bọc ghế ngồi của xe cộ mặt đất (là bộ phận của xe cộ); xe đạp máy; xe chuyển thức ăn; xe cộ mặt đất chạy điện; phà; ổ líp dùng cho xe cộ mặt đất; xe nhỏ hai bánh dùng cho chơi gôn; thân tầu thuỷ; xuồng du lịch; đầu máy xe lửa; xe mô tô; bơm dùng cho xe đạp; xe ô tô có bộ phận điều khiển từ xa (không phải là đồ chơi); ghế ngồi an toàn dùng cho trẻ em trên xe cộ mặt đất (là bộ phận của xe cộ mặt đất); tầu thuỷ; xe đẩy mua hàng; xe mô tô thùng; xe trượt tuyết (xe cộ); tầu vũ trụ; xe đẩy trẻ em loại nhỏ; xe điện; xe đạp ba bánh; xe ô tô tải; xe lăn dùng cho người tàn tật; du thuyền.

Nhóm 41: Cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà; công viên vui chơi giải trí; dịch vụ vui chơi giải trí; tổ chức và điều khiển họp chuyên đề; đặt chỗ cho buổi biểu diễn; dịch vụ thư viện lưu động; cho thuê phim điện ảnh; cung cấp phòng chiếu phim; dịch vụ câu lạc bộ (giải trí hoặc giáo dục); dịch vụ quay phim hình ảnh kỹ thuật số; lồng tiếng (điện ảnh); dàn dựng băng video; dịch vụ giải trí; thông tin về giải trí; sản xuất phim; dịch vụ trò chơi (được cung cấp từ mạng máy tính); trò chơi đánh bạc; thông tin về giáo dục; thông tin về giải trí tiêu khiển; tổ chức biểu diễn trực tiếp; cho thuê phim ảnh động; cung cấp phòng chiếu phim trong rạp; trường mẫu giáo; tổ chức tiệc (giải trí); nhiếp ảnh; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; sản xuất phim trên băng video; dịch vụ hát karaoke; cung cấp các phương tiện thể thao; xuất bản sách; xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; cung cấp dịch vụ giải trí; cho thuê băng ghi âm thanh; dàn dựng buổi biểu diễn; giải trí bằng truyền hình; trình diễn sân khấu; dịch vụ dịch thuật; vườn bách thú; cung cấp chương trình trò chơi giải trí trên đầu máy video cho người sử dụng qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình trò chơi giải trí có thiết bị điều khiển bằng tay gắn với màn hình tinh thể lỏng qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình trò chơi giải trí trên máy chơi trò chơi trong nhà qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình giáo dục trên máy tính qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình vui chơi giải trí bằng âm thanh và hình ảnh trên đầu máy video (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình vui chơi giải trí bằng âm thanh và hình ảnh trên thiết bị hiển thị tinh thể lỏng có bộ phận điều khiển bằng tay qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình vui chơi giải trí bằng âm thanh và hình ảnh trên máy chơi trò chơi trong nhà qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ máy tính); cho thuê phần mềm trò chơi có gắn với viđêô; cho thuê phần mềm trò chơi điều khiển bằng tay; cung cấp chương trình trò chơi trên đầu máy video qua qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ mạng máy tính); cung cấp chương trình trò chơi trên đầu máy video có màn hình tinh thể lỏng có bộ phận điều khiển bằng tay qua hệ thống truyền thông thông dây (không tải xuống từ máy tính); cung cấp chương trình trò chơi trên máy chơi giải trí trong nhà qua hệ thống truyền thông không dây (không tải xuống từ máy tính); dịch vụ giáo dục liên quan đến an toàn trên đường phố; dịch vụ giáo dục trong an toàn giao thông; tổ chức và điều khiển họp chuyên đề liên quan đến an toàn trên đường phố; dịch vụ triển lãm nhằm mục đích giáo dục liên quan đến an toàn giao thông; tổ chức trình diễn trực tiếp nhằm giáo dục an toàn giao thông; tổ chức trình diễn qua băng viđêô nhằm giáo dục an toàn giao thông.

(111) **4-0092113**
(210) 4-2005-10818
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VAI-VI

(151) 26.11.2007
(220) 24.08.2005

(731) INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, California 95052 - 8119 U.S.A.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính để xử lý dữ liệu; máy tính điện tử; phần cứng máy tính; chất bán dẫn; bộ vi xử lý (máy tính) và vật liệu bán dẫn dùng cho bộ vi xử lý; chất bán dẫn dùng cho mạng máy tính và cho hệ thống thông tin liên lạc; mạch tích hợp; mạch tổ hợp của máy vi tính; bản mạch in chính và bản mạch con (phụ) của máy vi tính; máy vi tính; bộ xử lý chương trình phần mềm của máy tính; hệ thống phần mềm máy tính dùng để điều hành máy tính và chương trình cơ sở của máy tính; phần mềm máy tính dùng cho mạng máy tính và cho hệ thống thông tin liên lạc; vô tuyến điện và dây điện của bộ điều biến (môđem); bộ điều hợp của mạng máy tính và mạch giao tiếp của mạng máy tính.

---

(111) **4-0092114**
(210) 4-2005-11762
(181) 12.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

永 氟 龍
Yung Flon

(151) 26.11.2007
(220) 12.09.2005

(731) YUNG CHI PAINT & VARNISH MFG. CO., LTD (TW)
No. 26, Yen Hai 3Rd Road, Kaohsiung, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 02: Chất màu; sơn; vécni; chất chống rỉ và chất bảo quản gỗ; phẩm màu dùng cho người làm nghề trang trí; mực in dùng cho nghệ sĩ.

---

(111) **4-0092115**
(210) 4-2005-12557
(181) 26.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIETLAND TELECOM

(151) 26.11.2007
(220) 26.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG ĐẤT VIỆT (VN)
Số 06, ngõ 41, phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị thu phát sóng, linh kiện điện thoại; nghiên cứu, phân tích thị trường cho các đối tác nước ngoài; đại lý mua; đại lý bán, ký gửi các thiết bị điện tử, viễn thông.

---

(111) **4-0092116**
(210) 4-2005-12803
(181) 30.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SHADOW

(151) 26.11.2007
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH T&T (VN)
18 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô, xe máy, động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy, yên xe máy, khung xe máy.

---

(111) **4-0092117**
(210) 4-2005-12857
(181) 03.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUALITY CABLE
VAF

(151) 26.11.2007
(220) 03.10.2005

(531) 1.15.3; 26.1.1; 26.4.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THUẬN PHONG (VN)
114-116-118 Tuy Lý Vương, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Dây điện; dây cáp điện.

---

(111) **4-0092118**
(210) 4-2005-14098
(181) 24.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NORIS

(151) 26.11.2007
(220) 24.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH T&T (VN)
Số 18 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0092119**
(210) 4-2005-15697
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DAILYCOOL

(151) 26.11.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092120**
(210) 4-2005-15698
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AVANGLYCO

(151) 26.11.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092121**
(210) 4-2005-16128
(181) 29.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LOTUS
NETWORKS

(151) 27.11.2007
(220) 29.11.2005

(531) 1.15.15
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG HOA SEN (VN)
61D Tú Xương, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị tin học, thiết bị văn phòng, thiết bị mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền số liệu và các thiết bị phụ tùng; quản lý dự án.

Nhóm 37: Các dịch vụ lắp đặt và sửa chữa máy tính (phần cứng).

Nhóm 42: Thiết kế và phát triển phần cứng và phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0092122**
(210) 4-2005-13008
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 05.10.2005

(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092123**
(210) 4-2005-13009
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 05.10.2005

(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092124**
(210) 4-2005-13010
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092125**
(210) 4-2005-13015
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AVIXICAM

(151) 27.11.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092126**
(210) 4-2005-13016
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AVISTATIN

(151) 27.11.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092127**
(210) 4-2005-14976
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CADIFAXIN

(151) 27.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092128**
(210) 4-2005-14977
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BUMP

(151) 27.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092129**
(210) 4-2005-14978
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHIEF

(151) 27.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092130**
(210) 4-2005-14979
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CONFORE

(151) 27.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092131**
(210) 4-2005-14980
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SOLAMOFAP

(151) 27.11.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM II (VN)
Số 276, đường Chu Văn Thịnh, tổ 11, phường Chiềng Lề, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092132**
(210) 4-2005-16208
(181) 01.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 01.12.2005

(531) A26.11.12; 2.3.1
(591) Màu nâu, vàng sẫm
(731) THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati Ohio 45202, United States of America
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 03: Xà bông; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; mỹ phẩm cho tóc; kem đánh răng; chế phẩm dùng để làm sạch; chế phẩm dùng để chăm sóc, điều trị, làm đẹp da, da đầu và tóc; chế phẩm làm sạch cá nhân dùng cho mặt, tay, và thân thể; các chế phẩm dùng để chăm sóc tay và thân thể bao gồm sữa tắm; kem dưỡng da toàn thân; gel dùng để tắm; xà phòng tắm tạo bọt; nước hoa xịt toàn thân; chất chống ra mồ hôi; chất khử mùi.

---

(111) **4-0092133**
(210) 4-2005-17223
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANBEOTEDE

(151) 27.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092134**
(210) 4-2005-17224
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANBESANEXON

(151) 27.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092135**
(210) 4-2005-17225
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANBEVALEMIA

(151) 27.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092136**
(210) 4-2005-17228
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SWEETWINEE 21

(151) 27.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VÁC XIN SINH PHẨM SÔNG ĐÔNG PHÚC NHÂN ĐƯỜNG (VN)
Số nhà 22, ngõ 68, tổ 34, đường Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0092137**
(210) 4-2005-17230
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ROFADEB

(151) 27.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092138**
(210) 4-2005-17231
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PANTOTAB

(151) 27.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092139**
(210) 4-2005-17281
(181) 19.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 19.12.2005

(531) 4.3.1; 4.3.25
(731) BOON RAWD BREWERY CO., LTD. (TH)
999 Samsen Road, Thanon-Nakornchaisri Sub-District, Dusit, Bangkok 10300, Thailand
(740) Công ty TNHH Dịch vụ Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia, nước dùng để uống, nước sôđa, nước uống có ga, nước khoáng, nước ép hoa quả, bia có vị gừng, bia làm từ lúa mạch và nước ngọt để uống (không chứa cồn).

---

(111) **4-0092140**
(210) 4-2005-17457
(181) 22.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 22.12.2005

(531) A24.1.19; 26.1.1; 24.9.1; 26.3.23; A3.1.23; 3.1.1; A3.1.22
(591) Trắng, đen, vàng đồng, xanh lục, xanh rêu, vàng nhạt
(731) ARDATH TOBACCO COMPANY LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London WC2R 2PG, England
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu hút thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

(111) **4-0092141**
(210) 4-2006-16329
(181) 28.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 28.09.2006

(531) 26.1.1; A26.1.18; A26.4.6
(591) Đỏ, vàng, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀ AN (VN)
89/9 lầu 1, Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 17: Cao su.

---

(111) **4-0092142**
(210) 4-2005-13925
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BONAVITA

(151) 27.11.2007
(220) 20.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092143**
(210) 4-2005-14067
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KUPDINA

(151) 27.11.2007
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA UNITED PHARM INT'L INC. (VN)
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092144**
(210) 4-2005-15067
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BRATZ

(151) 27.11.2007
(220) 09.11.2005

(731) MGA ENTERTAINMENT, INC. (US)
16380 Roscoe Boulevard, Van Nuys, California, USA 91406
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Dây lưng; áo choàng ngoài; quần áo; áo vét; quần jean; trang phục là hàng đan; quần áo ngủ; quần chẽn; áo đi mưa; áo thụng dài khoác ngoài; áo sơ mi; quần soóc; váy; bít tất; áo len chui đầu; quần dệt len; áo dệt len; quần áo bơi; áo phông; quần áo lót; mũ; bộ quần áo liền tất bó sát người dành cho trẻ em và thanh thiếu niên; trang phục mặc trong lễ hội giả trang; giày thể thao; dép lê đi trong nhà; và xăng đan.

Nhóm 28: Trò chơi để phát triển các kĩ năng; trò chơi trên máy hoạt động bằng đồng xu hay thẻ; bóng bay; búp bê làm bằng túi vải bên trong chứa hạt đậu; trò chơi trên bảng, ván; trò chơi bài lá; bộ đồ chơi trang điểm dành cho trẻ em; búp bê; các đồ dùng cho búp bê; quần áo cho búp bê; bộ đồ chơi cho búp bê; đĩa bay (trò chơi); thiết bị cầm tay để chơi trò chơi điện tử; đồ chơi trẻ em dùng trong lễ hội, cụ thể là kẹo nổ (không phải là pháo) hoặc đồ chơi gây tiếng động lớn; quả bóng để chơi tại sân chơi; bài lá; đồ chơi bằng vải nhung/lông; trò chơi câu đố; bóng để chơi bóng đá; xe cộ đồ chơi; bộ đồ dùng cho xe cộ đồ chơi; xe scutơ (đồ chơi); và đồ chơi có tên yoyo (đồ chơi gồm vật hình đĩa có lỗ thủng ở giữa, có thể di chuyển lên xuống bằng sợi dây được buộc vào qua lỗ thủng khi dùng ngón tay giật mạnh sợi dây đó).

---

(111) **4-0092145**
(210) 4-2005-15068
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BRATZ

(151) 27.11.2007
(220) 09.11.2005

(531) A1.1.10; 26.1.2
(731) MGA ENTERTAINMENT, INC. (US)
16380 Roscoe Boulevard, Van Nuys, California, USA 91406
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Dây lưng; áo choàng ngoài; quần áo; áo vét; quần jean; trang phục là hàng đan; quần áo ngủ; quần chẽn; áo đi mưa; áo thụng dài khoác ngoài; áo sơ mi; quần sóoc; váy; bít tất; áo len chui đầu; quần dệt len; áo dệt len; quần áo bơi; áo phông; quần áo lót; mũ; bộ quần áo liền tất bó sát người dành cho trẻ em và thanh thiếu niên; trang phục mặc trong lễ hội giả trang; giày thể thao; dép lê đi trong nhà; và xăng đan.

Nhóm 28: Trò chơi để phát triển các kĩ năng; trò chơi trên máy hoạt động bằng đồng xu hay thẻ; bóng bay; búp bê làm bằng túi vải bên trong chứa hạt đậu; trò chơi trên bảng, ván; trò chơi bài lá; bộ đồ chơi trang điểm dành cho trẻ em; búp bê; các đồ dùng cho búp

bê; quần áo cho búp bê; bộ đồ chơi cho búp bê; đĩa bay (trò chơi); thiết bị cầm tay để chơi trò chơi điện tử; đồ chơi trẻ em dùng trong lễ hội, cụ thể là kẹo nổ (không phải là pháo) hoặc đồ chơi gây tiếng động lớn; quả bóng để chơi tại sân chơi; bài lá; đồ chơi bằng vải nhung/lông; trò chơi câu đố; bóng để chơi bóng đá; xe cộ đồ chơi; bộ đồ dùng cho xe cộ đồ chơi; xe scutơ (đồ chơi); và đồ chơi có tên yoyo (đồ chơi gồm vật hình đĩa có lỗ thủng ở giữa, có thể di chuyển lên xuống bằng sợi dây được buộc vào qua lỗ thủng khi dùng ngón tay giật mạnh sợi dây đó).

---

(111) **4-0092146**
(210) 4-2005-15069
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 09.11.2005

(531) A1.1.10; 26.1.2
(731) MGA ENTERTAINMENT, INC. (US) 16380 Roscoe Boulevard, Van Nuys, California, USA 91406
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 28: Trò chơi để phát triển các kĩ năng; trò chơi trên máy hoạt động bằng đồng xu hay thẻ; bóng bay; búp bê làm bằng túi vải bên trong chứa hạt đậu; trò chơi trên bảng, ván; trò chơi bài lá; bộ đồ chơi trang điểm dành cho trẻ em; búp bê; các đồ dùng cho búp bê; quần áo cho búp bê; bộ đồ chơi cho búp bê; đĩa bay (trò chơi); thiết bị cầm tay để chơi trò chơi điện tử; đồ chơi trẻ em dùng trong lễ hội, cụ thể là kẹo nổ (không phải là pháo) hoặc đồ chơi gây tiếng động lớn; quả bóng để chơi tại sân chơi; bài lá; đồ chơi bằng vải nhung/lông; trò chơi câu đố; bóng để chơi bóng đá; xe cộ đồ chơi; bộ đồ dùng cho xe cộ đồ chơi; xe scutơ (đồ chơi); và đồ chơi có tên yoyo (đồ chơi gồm vật hình đĩa có lỗ thủng ở giữa, có thể di chuyển lên xuống bằng sợi dây được buộc vào qua lỗ thủng khi dùng ngón tay giật mạnh sợi dây đó).

---

(111) **4-0092147**
(210) 4-2005-15071
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 27.11.2007
(220) 09.11.2005

(731) MGA ENTERTAINMENT, INC. (US) 16380 Roscoe Boulevard, Van Nuys, California, USA 91406
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 28: Trò chơi để phát triển các kĩ năng; trò chơi trên máy hoạt động bằng đồng xu hay thẻ; bóng bay; búp bê làm bằng túi vải bên trong chứa hạt đậu; trò chơi trên bảng, ván; trò chơi bài lá; bộ đồ chơi trang điểm dành cho trẻ em; búp bê; các đồ dùng cho búp bê; quần áo cho búp bê; bộ đồ chơi cho búp bê; đĩa bay (trò chơi); thiết bị cầm tay để chơi trò chơi điện tử; đồ chơi trẻ em dùng trong lễ hội, cụ thể là kẹo nổ (không phải là pháo) hoặc đồ chơi gây tiếng động lớn; quả bóng để chơi tại sân chơi; bài lá; đồ chơi

bằng vải nhung/lông; trò chơi câu đố; bóng để chơi bóng đá; xe cộ đồ chơi; bộ đồ dùng cho xe cộ đồ chơi; xe scutơ (đồ chơi); và đồ chơi có tên yoyo (đồ chơi gồm vật hình đĩa có lỗ thủng ở giữa, có thể di chuyển lên xuống bằng sợi dây được buộc vào qua lỗ thủng khi dùng ngón tay giật mạnh sợi dây đó).

---

(111) **4-0092148**
(210) 4-2005-15468
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KONIDIN

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) P.T. KONIMEX (ID)
Desa Sanggrahan Kec.Grogol, Kab, Sukoharjo, Central Java, Indonesia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược phẩm dùng để chữa bệnh ho và cảm lạnh; thuốc giảm đau; thuốc hạ sốt: thuốc làm thông mũi, và thuốc khử trùng.

Nhóm 30: Đường phèn; mứt kẹo.

---

(111) **4-0092149**
(210) 4-2005-15482
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PEACHSKIN

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092150**
(210) 4-2005-15484
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ROYALSKIN

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092151**
(210) 4-2005-15490
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLORAKIN

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092152**
(210) 4-2005-15491
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

OPTICARE

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092153**
(210) 4-2005-15492
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PURACAL

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092154**
(210) 4-2005-15495
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMEGESIC

(151) 27.11.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092155**
(210) 4-2005-15623
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZUELLIG

(151) 27.11.2007
(220) 18.11.2005

(731) INTERPACIFIC INTERNATIONAL LIMITED (BS)
St. Andrew's Court, Frederick Street Steps, Nassau, Bahamas
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ, bán sỉ, quảng cáo, xúc tiến thương mại và phân phối (cho người khác) đối với hàng dược phẩm, hoá chất, bột mì, thức ăn động vật, hệ thống điện và máy móc công nghiệp; tư vấn kinh doanh chuyên nghiệp cho các công ty dược; biên tập và cung cấp thông tin thống kê liên quan đến công nghiệp dược; nghiên cứu kinh doanh về hàng dược phẩm, hoá chất, bột, thức ăn động vật, hệ thống điện và máy móc công nghiệp; hợp tác quảng cáo và tiếp thị hàng dược phẩm, hoá chất, bột mì, thức ăn động vật, hệ thống điện và máy móc công nghiệp (của người khác).

Nhóm 36: Môi giới bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; bảo hiểm; cung cấp thông tin bảo hiểm; dịch vụ tài chính thương mại; dịch vụ bao thanh toán nợ; dịch vụ bao thanh toán các khoản vay; dịch vụ uỷ thác tài chính; dịch vụ tín thác.

Nhóm 39: Vận chuyển bằng đường bộ, đường hàng không và đường biển hàng dược phẩm, hoá chất, bột mì, thức ăn động vật, các bộ phận điều khiển hệ thống điện và máy móc công nghiệp; dịch vụ lưu trữ điện tử các thông tin liên quan đến hàng dược phẩm, hoá chất, bột mì, thức ăn động vật, các bộ phận điều khiển hệ thống điện, máy móc và thiết bị công nghiệp (cho người khác); dịch vụ nhà kho có thể điều khiển điều kiện bảo quản cho hàng dược phẩm, hoá chất, bột mì, thức ăn động vật, các bộ phận điều khiển hệ thống điện và máy móc công nghiệp.

---

(111) **4-0092156**
(210) 4-2005-15627
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Chang Beer

(151) 27.11.2007
(220) 18.11.2005

(731) BEER CHANG CO., LTD (TH)
15 Moo 14 Vibhavadee-Rangsit Road, Kwaeng Chomphon, Khet Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Bia, bia vừa lấy ở thùng ra.

---

(111) **4-0092157**
(210) 4-2005-15691
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CADIBACILLUS

(151) 27.11.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092158**
(210) 4-2005-15694
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZESTALIN

(151) 27.11.2007
(220) 21.11.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092159**
(210) 4-2005-15695
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

INSADEB

(151) 27.11.2007
(220) 21.11.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092160**
(210) 4-2005-15696
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DIANORM

(151) 27.11.2007
(220) 21.11.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092161**
(210) 4-2005-13878
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LuatViet
LEGAL CONSULTANTS

(151) 28.11.2007
(220) 20.10.2005

(731) CÔNG TY LUẬT HỢP DANH LUẬT VIỆT (VN)
Phòng 908-909 toà nhà Saigon Tower, số 29 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ thương mại; tư vấn kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Nhóm 42: Dịch vụ tham gia tố tụng tại toà án nhân dân; dịch vụ tham gia tố tụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp; tư vấn pháp luật hình sự, dân sự và các tư vấn pháp luật khác.

---

(111) **4-0092162**
(210) 4-2005-17157
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CƠ SỞ THANH THANH (VN)
1436 đường 3, tháng 2, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Pít tông; bạc (vòng đai bơm mỡ); sút bắp (valves).

Nhóm 35: Mua bán các loại linh kiện, phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0092163**
(210) 4-2005-17210
(181) 31.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Confirmit

(151) 28.11.2007
(220) 31.08.2006

(731) FUTURE INFORMATION RESEARCH MANAGEMENT AS (NO)
Hoffsvn 48, N-0377 Oslo, Norway
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm xử lý dữ liệu điện tử (thuộc về phần mềm máy tính, ghi sẵn).

Nhóm 35: Dịch vụ phân tích thị trường và dữ liệu thông tin thu được từ thị trường thuộc nhóm này; dịch vụ bán lẻ phần mềm máy tính.

Nhóm 42: Dịch vụ lập chương trình phần mềm xử lý dữ liệu điện tử, dịch vụ xử lý dữ liệu điện tử thuộc nhóm này; dịch vụ tư vấn về phần cứng và phần mềm máy tính; dịch vụ cho thuê phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0092164**
(210) 4-2006-03257
(181) 09.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 09.03.2006

(531) 4.3.3; 3.3.1
(591) Đỏ, trắng, đen, vàng
(731) KOH AH KUAN (MY)
81400 Senai, Johor Darul Takzim, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Cá đóng hộp; cá mòi (không còn sống); xúp.

Nhóm 30: Hạt tiêu (tiêu dạng bột); bánh; kẹo; mì ăn liền; gia vị; bột.

---

(111) **4-0092165**
(210) 4-2006-03426
(181) 13.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

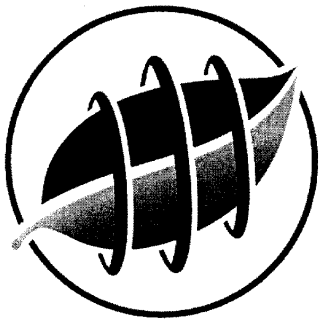

(151) 28.11.2007
(220) 13.03.2006

(531) 26.1.1; A5.3.14; 26.1.6
(731) BEVERAGE PARTNERS WORLDWIDE S.A. (CH)
In der Luberzen 42, Urdorf, Switzerland CH-8902
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột sắn; bột cọ; chất thay thế cà phê; bột mì; chế phẩm ngũ cốc; bánh mì; bánh nướng; bánh kẹo; đá lạnh ăn được; mật ong; nước mật đường; men; bột nở; muối; tương mù tạc; giấm; nước sốt (gia vị); gia vị; kem lạnh.

Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước có ga; đồ uống không chứa cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi rô; chế phẩm để làm đồ uống; đồ uống có chứa chè được chế biến sẵn (chè không phải là thành phần chính).

---

(111) **4-0092166**
(210) 4-2006-03914
(181) 20.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MODENA

(151) 28.11.2007
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HOÀNG MINH (VN)
107/ 7 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Sơn nước; sơn dầu các loại.

Nhóm 19: Bột trét tường; keo dán gạch; vữa xây dựng; bột trám joint (bột dùng để trét giữa các viên gạch dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0092167**
(210) 4-2006-06887
(181) 05.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Calihifi

(151) 28.11.2007
(220) 05.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ ĐÔNG Á (VN)
Số 882 thôn Đông Thiên, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Loa thùng; loa liền ampli; ampli dân dụng và chuyên dụng; đầu máy (đầu đọc) VCD; đầu máy (đầu đọc) DVD; loa hiệu ứng âm thanh vòng.

---

(111) **4-0092168**
(210) 4-2006-12884
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Tanah Chante

(151) 28.11.2007
(220) 08.08.2006

(531) A5.3.14; 5.3.20; A26.1.15; 3.7.11
(591) Trắng, xanh lá cây, da cam, nâu, xám
(731) LIM LAM THYE PTE LTD. (SG)
251 Pandan Loop, Singapore 128431
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Trà, cà phê, bánh ngọt, kẹo, bột gia vị, hương liệu dùng cho thực phẩm.

---

(111) **4-0092169**
(210) 4-2006-00552
(181) 11.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

A&V

CƯỜNG ĐỒ CŨ

(151) 28.11.2007
(220) 11.01.2006

(531) A1.5.3
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ DƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG (VN)
Số 69 phố Bạch Mai, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện tử, điện lạnh; mua bán thiết bị và dàn: âm thanh karaoke, âm thanh nghe nhạc, âm thanh xem phim, âm thanh hội trường.

---

(111) **4-0092170**
(210) 4-2006-00598
(181) 12.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540) SOEM

(151) 28.11.2007
(220) 12.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH T&T (VN)
Số 18 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe mô tô; xe máy; động cơ cho xe máy, vành bánh của xe máy; yên xe máy; khung xe máy.

---

(111) **4-0092171**
(210) 4-2006-03857
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 17.03.2006

(531) 26.1.1; 3.7.17; 3.7.16; A26.11.12
(591) Vàng, trắng, xám đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Ê ĐEN (VN)
106 Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch; đại lý vé máy bay và đặt chỗ vé máy bay.

---

(111) **4-0092172**
(210) 4-2006-08228
(181) 29.05.2016
(300) 78/798,474 24.01.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 29.05.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23
(731) ROCKFORD CORPORATION (US)
600 South Rockford Drive, Tempe, AZ 85281, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị âm thanh, cụ thể là máy thu phát âm thanh nổi, máy chơi đĩa CD, máy nghe nhạc MP3, radio, loa âm thanh, loa trầm, loa siêu trầm, các phụ kiện loa, vỏ loa, bộ khuếch đại âm thanh, bộ khuếch đại công suất, bộ khuếch đại tín hiệu, bộ điều chỉnh các tín hiệu âm thanh, bộ ghép nhạc, tụ điện, và bộ điều khiển từ xa; pin; bảng phân phối điện; hộp phân phối điện; bộ điều chỉnh điện thế; phụ kiện của các thiết bị âm thanh, cụ thể là công tắc điện, bóng bán dẫn, bộ biến thế, cáp truyền tải âm thanh, cáp điện sử dụng để kết nối, cáp đồng trục, bộ điều khiển điện, cái nối điện, bộ nắn dòng điện, kẹp kết nối tiếp xúc pin, bộ đổi điện, cầu chì, kẹp cầu chì và cái ngắt điện.

(111) **4-0092173**
(210) 4-2006-08500
(181) 02.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 02.06.2006

(531) 26.7.25; 26.4.4; A26.4.6; 26.5.1; 26.1.1; 26.1.8
(731) CHARNG SHUN TRADING CO., LTD. (TW)
10Fl. - 3, No.157, Sec. 2, Chung Ching N. Rd., Taipei City, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 08: Chìa vặn đai ốc (dụng cụ cầm tay); cái kìm (dụng cụ cầm tay); cái kéo; cái khoan cầm tay không chạy điện (dụng cụ cầm tay); cái tua vít; bánh để mài (dụng cụ cầm tay); cái nhíp để nhổ; cái bơm dầu mỡ cầm tay (dụng cụ cầm tay).

---

(111) **4-0092174**
(210) 4-2006-08527
(181) 02.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 02.06.2006

(531) 26.7.25; 26.4.4; A26.4.6; 26.5.1; 26.1.1; 26.1.8
(731) CHARNG SHUN TRADING CO., LTD. (TW)
10Fl. - 3, No. 157, Sec. 2, Chung Ching N. Rd., Taipei City, Taiwan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Vòng cặp điện cực và máy điều chỉnh dòng điện; máy điều chỉnh lượng khí ô xy và lượng khí axetylen (dùng trong phòng thí nghiệm); ống thuỷ chuẩn (dùng trong phòng thí nghiệm); thước dây (dùng để đo chiều dài); thước dây bằng thép (dùng để đo chiều dài); mỏ hàn điện; thiết bị hàn điện; dụng cụ đo áp suất (của chất lỏng, không khí); cân đòn bẩy; ổ cắm điện; công tơ điện (đồng hồ đo điện).

---

(111) **4-0092175**
(210) 4-2006-16586
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

REGINA

(151) 28.11.2007
(220) 03.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH NỮ VƯƠNG (VN)
84 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè.

(111) **4-0092176**
(210) 4-2006-16587
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RA KHƠI

(151) 28.11.2007
(220) 03.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VI NA MIT (VN)
ấp 1, xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ phát chương trình truyền hình.

Nhóm 41: Dịch vụ sản xuất chương trình truyền hình.

---

(111) **4-0092177**
(210) 4-2005-15826
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 26.3.1; 26.3.4
(591) Da cam, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG GIA DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP (MHI CO., LTD.) (VN)
Số 20, Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Thiết bị công nghiệp và gia dụng, bao gồm: máy điều hòa không khí, thông gió, tủ lạnh, lò vi sóng, lò nướng.

Nhóm 35: Mua bán thiết bị công nghiệp và gia dụng, bao gồm: máy điều hòa không khí, thang máy, thông gió, thiết bị nghe nhìn, tủ lạnh, máy giặt, lò vi sóng, máy rửa bát, máy hút bụi, lò nướng, máy tạo ẩm; mua bán tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, bao gồm: xe có động cơ và phụ tùng cho xe có động cơ; ô tô, máy móc phục vụ ngành công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh; mua bán hóa mỹ phẩm, dược phẩm, dụng cụ y tế, hàng thực phẩm; mua bán hàng may mặc, vải sợi, hàng dệt, đồ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ.

Nhóm 36: Đại lý, cho thuê, môi giới và quản lý bất động sản; cho thuê căn hộ, văn phòng.

Nhóm 37: Lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và các thiết bị cho công trình xây dựng.

Nhóm 39: Vận tải hàng hóa, giao nhận hàng hóa; kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế.

---

(111) **4-0092178**
(210) 4-2005-15868
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DEEP RIB

(151) 28.11.2007
(220) 24.11.2005

(731) BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)
Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria, Australia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường chưa gia công hoặc bán gia công và hợp kim làm bằng kim loại thường; kim loại dạng tấm, ống, dải, phiến, thanh, que, miếng và thỏi; mái nhà làm bằng kim loại và sản phẩm phủ tường làm bằng kim loại; tấm lót trần nhà bằng kim loại; khung đỡ mái nhà làm bằng kim loại; khung kết cấu làm bằng kim loại; khuôn kim loại và vật liệu xây dựng bằng kim loại dùng để gia cố nhà cửa; lưới sắt; kim loại định hình; bảng hiệu làm bằng kim loại; hệ thống thoát nước bằng kim loại; nóc nhà bằng kim loại; ống thoát nước mưa và bình chứa nước mưa bằng kim loại; khung nhà làm bằng kim loại; các thanh kim loại và bộ phận lắp ghép (dựng) khung dùng cho nhà cửa và các toà nhà thương mại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được; vật liệu làm hàng rào bằng kim loại; ống dẫn và ống làm bằng kim loại; dây xích bằng kim loại; dây bằng kim loại; ống dẫn (nước) làm bằng kim loại; kim loại dạng góc; quả đấm cửa, chốt cửa, then cửa bằng kim loại; đai ốc, bu-lông, đinh vít, đinh tán, đinh, rầm nhà, móc và cái kẹp, tất cả làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0092179**
(210) 4-2005-15869
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LYSAGHT DEEP RIB

(151) 28.11.2007
(220) 24.11.2005

(731) BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)
Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria, Australia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường chưa gia công hoặc bán gia công và hợp kim làm bằng kim loại thường; kim loại dạng tấm, ống, dải, phiến, thanh, que, miếng và thỏi; mái nhà làm bằng kim loại và sản phẩm phủ tường làm bằng kim loại; tấm lót trần nhà bằng kim loại; khung đỡ mái nhà làm bằng kim loại; khung kết cấu làm bằng kim loại; khuôn kim loại và vật liệu xây dựng bằng kim loại dùng để gia cố nhà cửa; lưới sắt; kim loại định hình; bảng hiệu làm bằng kim loại; hệ thống thoát nước bằng kim loại; nóc nhà bằng kim loại;

ống thoát nước mưa và bình chứa nước mưa bằng kim loại; khung nhà làm bằng kim loại; các thanh kim loại và bộ phận lắp ghép (dựng) khung dùng cho nhà cửa và các toà nhà thương mại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được; vật liệu làm hàng rào bằng kim loại; ống dẫn và ống làm bằng kim loại; dây xích bằng kim loại; dây bằng kim loại; ống dẫn (nước) làm bằng kim loại; kim loại dạng góc; quả đấm cửa, chốt cửa, then cửa bằng kim loại; đai ốc, bu-lông, đinh vít, đinh tán, đinh, rầm nhà, móc và cái kẹp, tất cả làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0092180**
(210) 4-2005-06600
(181) 03.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CINZY-HC

(151) 28.11.2007
(220) 03.06.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092181**
(210) 4-2005-14348
(181) 27.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 27.10.2005

(531) 19.7.1
(591) Xanh dương, đen, vàng, vàng đồng, bạc, trắng
(731) CHIVAS BROTHERS (AMERICAS) LIMITED (GB)
111/113 Renfrew Road, Paisley, PA3 4DY, United Kingdom
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn; rượu mạnh; rượu vang; rượu mùi; đồ uống được chưng cất; rượu uyt-ky; rượu uyt-ky mạch nha; rượu mùi uyt-ky; đồ uống được làm từ hoặc chứa rượu uyt-ky; rượu khai vị; đồ uống được pha bằng rượu mạnh với nước hoa quả.

---

(111) **4-0092182**
(210) 4-2005-14357
(181) 27.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

nguyenchuong woodframe

(151) 28.11.2007
(220) 27.10.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYÊN CHƯƠNG (VN)
532/23 Thống Nhất, phường 16, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Khung ảnh bằng gỗ.

---

(111) **4-0092183**
(210) 4-2005-07318
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOPHACIPRO

(151) 28.11.2007
(220) 20.06.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 (VN)
Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092184**
(210) 4-2005-14368
(181) 27.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

THEFACESHOP

(151) 28.11.2007
(220) 27.10.2005

(731) THEFACESHOP KOREA CO., LTD. (KR)
14F DACOM B/D, 706-1 Yeoksam 2-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Nước hoa; nước thơm thông thường; nước thơm bôi da; kem dưỡng da; thuốc bôi mi mắt (mascara); sản phẩm kẻ vẽ mắt; son môi; phấn nền trang điểm; kem tẩy sạch; bột phấn dạng rắn đựng trong hộp phấn (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0092185**
(210) 4-2006-21476
(181) 07.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 07.12.2006

(531) 1.3.1; 1.15.15; A26.11.12
(591) Đen, đỏ, vàng
(731) THE 16TH ASIAN GAMES ORGANIZING COMMITTEE (an organization authorized by the Government of China) (CN)
23-24/F, Development Centre, #3 Lin Jiang Road, Zhu Jiang New City, Guangzhou 510623, China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia; nước hèm bia; nước trái cây (không chứa cồn); nước (đồ uống); nước khoáng xenxe; nước ép rau (đồ uống); kem trái cây (đồ uống); đồ uống (không chứa cồn); nước ép hoa quả không chứa cồn; chế phẩm dùng để làm đồ uống.

---

(111) **4-0092186**
(210) 4-2006-22750
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ENBREL SMARTCLIC

(151) 28.11.2007
(220) 26.12.2006

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940 - 0874, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược được đựng sẵn trong bơm tiêm tự động để điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp, viêm đốt sống dạng cứng liền khớp, viêm khớp do vẩy nến, viêm khớp và vẩy nến vô căn ở thiếu niên.

---

(111) **4-0092187**
(210) 4-2006-22751
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ENBREL PENCLIC

(151) 28.11.2007
(220) 26.12.2006

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940 - 0874, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược được đựng sẵn trong bơm tiêm tự động để điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp, viêm đốt sống dạng cứng liền khớp, viêm khớp do vẩy nến, viêm khớp và vẩy nến vô căn ở thiếu niên.

---

(111) **4-0092188**
(210) 4-2006-22753
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) 13.1.6; 2.5.2
(591) Trắng, xanh dương, xanh ngọc, đỏ
(731) CƠ SỞ THỂ THAO (VN)
245 A/12 Ba Đình, phường 8, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 28: Quả cầu dùng để chơi thể thao làm bằng lông vũ.

---

(111) **4-0092189**
(210) 4-2006-22754
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÁT SƠN (VN)
194/4 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Trà; cà phê; ca cao; bánh ngọt; mứt kẹo; kẹo.

Nhóm 32: Nước khoáng; nước uống đóng chai; nước ép trái cây; bia; nước giải khát; sữa đậu nành.

Nhóm 35: Mua bán: hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến, bánh, mứt, kẹo, trà, cà phê, nước ngọt, bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, vật tư thiết bị sản xuất và chế biến trà và cà phê; tư vấn trong kinh doanh; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 36: Tư vấn đầu tư trong kinh doanh.

Nhóm 43: Cửa hàng ăn nhanh; quán ăn.

---

(111) **4-0092190**
(210) 4-2005-07300
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 20.06.2005

(591) Xanh nước biển thẫm, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ NGÀNH IN THĂNG LONG (THANG LONG INK MANUFACTURING AND TRADING JOINT STOCK COMPANY) (VN)
Số 11, ngõ 167 Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Mực in, thuốc mầu, chất tạo màu thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092191**
(210) 4-2005-07303
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

THỜI VINH

(151) 28.11.2007
(220) 20.06.2005

(531) 26.4.1
(731) CƠ SỞ THỜI VINH (VN)
Sạp 1025 Chợ Bến Thành, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Chè; cà phê.

---

(111) **4-0092192**
(210) 4-2005-07311
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Skip's

(151) 28.11.2007
(220) 20.06.2005

(731) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Tã lót trẻ em dùng một lần được làm bằng giấy hoặc bằng xenlulô; khăn giấy ướt; khăn giấy; giấy dùng cho nhà bếp; khăn giấy dùng một lần; văn phòng phẩm; tạp chí (tạp chí xuất bản định kỳ); giá đỡ ảnh chụp; giấy, các tông, không xếp vào các nhóm khác; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; băng dính dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; bút lông (chổi sơn); máy chữ; máy đục lỗ (thiết bị văn phòng); máy

dập ghim (thiết bị văn phòng); file đựng hồ sơ (thiết bị văn phòng); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho khoa học); vật liệu bằng chất dẻo dùng để bao gói; chữ in; bản in đúc.

---

(111) **4-0092193**
(210) 4-2005-11021
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BÌNH AN

(151) 28.11.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ (VN)
P504, B3 làng Quốc Tế Thăng Long, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc, gia cầm, thuỷ sản.

---

(111) **4-0092194**
(210) 4-2005-15120
(181) 10.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DAMY

(151) 28.11.2007
(220) 10.11.2005

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ MỸ PHÁT (VN)
C14/44/41 phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm: nước hoa, nước hoa xịt phòng, keo xịt tóc, sơn móng tay.

---

(111) **4-0092195**
(210) 4-2005-15604
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MOONY

(151) 28.11.2007
(220) 18.11.2005

(731) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho mục đích y tế, băng vệ sinh; miếng lót (dùng cho mục đích vệ sinh); băng vệ sinh phụ nữ dùng trong kỳ kinh nguyệt; quần lót vệ sinh; tã lót dùng trong trường hợp không kiềm chế được; miếng thấm dùng trong trường hợp không kiềm chế được; quần lót dùng trong trường hợp không kiềm chế được; mặt nạ vệ sinh có chứa dược phẩm; bông thấm; và chất khử mùi không dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0092196**
(210) 4-2005-15605
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SOFY

(151) 28.11.2007
(220) 18.11.2005

(731) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Tã lót hoặc miếng lót trẻ em dùng một lần bằng giấy hoặc xenlulô; khăn giấy ướt; khăn giấy; giấy dùng cho nhà bếp; khăn giấy dùng một lần; văn phòng phẩm; tạp chí (tạp chí xuất bản định kỳ); giá đỡ ảnh chụp; giấy, các tông và các sản phẩm làm từ những vật liệu này, không thuộc các nhóm khác; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; băng dính dùng cho văn phòng hoặc gia đình; vật liệu dùng cho hoạ sĩ; bút lông (chổi sơn); máy chữ; máy đục lỗ (thiết bị văn phòng); máy dập ghim (thiết bị văn phòng); file đựng hồ sơ (thiết bị văn phòng); đồ dùng giảng dạy và hướng dẫn (không kể thiết bị và dụng cụ dùng cho khoa học); vật liệu bằng chất dẻo dùng để bao gói; chữ in; bản in đúc.

Nhóm 25: Tã trẻ em bằng vải; tã quấn bằng vải của trẻ em; quần lót trẻ em; quần áo cho trẻ em; yếm dãi, không làm bằng giấy; quần áo; đồ đi ở chân; đồ đội đầu.

---

(111) **4-0092197**
(210) 4-2006-21570
(181) 11.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Aim Nine

(151) 28.11.2007
(220) 11.12.2006

(591) Trắng, đỏ
(731) MRS. NONGLAK KASEMPHAIBULSUK (TH)
48/12 Sukhumvit 101/1, Sukhumvit Road, Bangkok, Thailand
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 21: Bàn chải đánh răng.

---

(111) **4-0092198**
(210) 4-2003-10791
(181) 21.11.2013
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 21.11.2003

(531) 3.7.1; A1.5.8; 26.3.1; A26.3.6
(591) Xanh lá cây, đỏ, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG YÊN BÁI (VN)
Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Bột đá cacbonat canxi(caco3) (phụ gia công nghiệp hoá chất).

Nhóm 19: Xi măng pooclăng hỗn hợp PCB - 30.

---

(111) **4-0092199**
(210) 4-2006-02178
(181) 17.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAPPYKID

(151) 28.11.2007
(220) 17.02.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3 Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm & thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0092200**
(210) 4-2006-19587
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 14.11.2006

(531) 26.4.3
(591) Xanh lá cây, da cam, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (VN)
38 - 40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hoá: trung tâm thương mại; siêu thị; cửa hàng chuyên doanh kim khí, điện máy, mỹ phẩm, thời trang, hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, thực phẩm, đồ uống; cửa hàng tiện ích phục vụ các mặt hàng thực phẩm, hàng tiêu dùng, nhu yếu phẩm.

---

(111) **4-0092201**
(210) 4-2005-16917
(181) 13.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 28.11.2007
(220) 13.12.2005

(591) Vàng, trắng
(731) NGUYỄN THANH BÌNH (VN)
182 (số cũ 6/76) đường 3/2 phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo.

---

(111) **4-0092202**
(210) 4-2005-16847
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Regasur

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092203**
(210) 4-2005-16848
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Water probiotech – S/F

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 01: Hoá chất xử lý nước cho đầm nuôi trồng thuỷ sản.

---

(111) **4-0092204**
(210) 4-2005-16849
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Tech'zyme P

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092205**
(210) 4-2005-16850
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Tech'zyme G

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092206**
(210) 4-2005-16851
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

T-Mold

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092207**
(210) 4-2005-16852
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

T-Ox

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 01: Chất chống oxy hoá cho thức ăn chăn nuôi.

---

(111) **4-0092208**
(210) 4-2005-16853
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

T-Tox

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 05: Chất chống mốc trong thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092209**
(210) 4-2005-16854
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Immutech-S/F

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho quá trình nuôi thuỷ sản; chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092210**
(210) 4-2005-16855
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Perfostim-S/F

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho quá trình nuôi thuỷ sản; chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092211**
(210) 4-2005-16856
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Hepatofish

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho quá trình nuôi thuỷ sản; chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092212**
(210) 4-2005-16857
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Vitatech-F

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho quá trình nuôi thuỷ sản; chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092213**
(210) 4-2005-16858
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Vitatech-S

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho quá trình nuôi thuỷ sản; chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092214**
(210) 4-2005-16859
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Water oligo – S/F

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 01: Hoá chất xử lý nước cho đầm nuôi trồng thuỷ sản.

---

(111) **4-0092215**
(210) 4-2005-16860
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Calci-S

(151) 28.11.2007
(220) 12.12.2005

(731) TECHNA (FR)
Les Landes de Bauche, Route Saint Etienne de Montluc (D101)

(511) Nhóm 31: Chất dinh dưỡng bổ sung cho quá trình nuôi thuỷ sản; chất dinh dưỡng bổ sung cho thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092216**
(210) 4-2005-17095
(181) 15.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

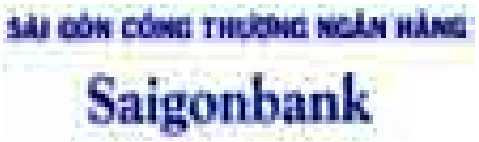

(151) 28.11.2007
(220) 15.12.2005

(591) Xanh dương, trắng
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG (VN)
2C Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Vàng; bạc; đá quý; nữ trang bằng vàng; nữ trang bằng bạc; nữ trang bằng đá quý.

Nhóm 35: Mua bán vàng; mua bán bạc; mua bán nữ trang bằng vàng; mua bán nữ trang bằng bạc; mua bán nữ trang bằng đá quý.

Nhóm 36: Huy động vốn; cho vay tiền; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá trị; hùn vốn; liên doanh về vốn và liên doanh về tài chính; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ; thanh toán quốc tế huy động vốn từ nước ngoài; dịch vụ cầm đồ; phát hành thẻ nội địa (giao dịch ngân hàng).

Nhóm 43: Khách sạn; nhà hàng ăn uống; dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0092217**
(210) 4-2005-17502
(181) 22.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

YOKID

(151) 28.11.2007
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA CÔNG NGHỆ CAO VIỆT NAM- US (VN)
Lô 32-34-36, đường số 5, khu công nghiệp Tân Đức, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa và các Sản phẩm làm từ sữa.

---

(111) **4-0092218**
(210) 4-2005-17222
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DASCITI

(151) 28.11.2007
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092219**
(210) 4-2005-17615
(181) 26.12.2015
(300) 004518031 01.07.2005 EM
(450) 25.01.2008 238
(540)

BLiNKO

(151) 28.11.2007
(220) 26.12.2005

(531) 4.5.21; 2.9.4
(731) BUONGIORNO VITAMINIC S. P. A. (IT)
2, Borgo Masnovo, Parma, 43100, Italy
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, quản lý kinh doanh; quản lý giao dịch; hoạt động văn phòng.

Nhóm 38: Viễn thông.

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; giải trí; các hoạt động thể thao và văn hóa.

---

(111) **4-0092220**
(210) 4-2005-15863
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FRUITWATER BY AQUAFINA

(151) 28.11.2007
(220) 24.11.2005

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi-rô, chất cô đặc và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0092221**
(210) 4-2005-08978
(181) 20.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 20.07.2005

(531) A5.1.5; 26.1.1;
(591) Xanh lá cây, trắng, đỏ, hồng, nâu đỏ
(731) HỢP TÁC XÃ ĐOÀN KẾT (VN)
Số 84, ấp So Đũa, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất.

Nhóm 21: Đũa.

---

(111) **4-0092222**
(210) 4-2006-20686
(181) 27.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 27.11.2006

(531) 26.4.2
(731) NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG (VN)
Số 17- A6, đô thị Đầm Trấu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 44: Làm tóc; phòng cắt tóc; chăm sóc sắc đẹp.

---

(111) **4-0092223**
(210) 4-2004-12915
(181) 19.11.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 19.11.2004

(531) 3.2.1; A6.3.13; A11.3.4; 5.7.1
(591) Vàng, xanh lục, trắng, đen, nâu sẫm, xanh dương, nâu đen
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU 2-9 DAKLAK (VN)
23 Ngô Quyền, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak

(511) Nhóm 30: Cà phê bột; cà phê hòa tan.

---

(111) **4-0092224**
(210) 4-2005-08149
(181) 04.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Obirax

(151) 29.11.2007
(220) 04.07.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore-560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0092225**
(210) 4-2005-08472
(181) 08.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAPMISU 20EC

(151) 29.11.2007
(220) 08.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO (HTP CO.,LTD) (VN)
Nhà số 6, tập thể Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092226**
(210) 4-2005-10019
(181) 09.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 09.08.2005

(531) 7.1.1; A1.11.9
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Vật liệu (không phải là thiết bị) dùng cho việc giảng dạy và dạy học; sách; sách tham khảo; từ điển; sách giáo khoa; tạp chí; báo; tạp chí xuất bản định kỳ; sổ ghi

địa chỉ; sổ ghi cuộc hẹn; vở viết; sổ nhật ký; sách dùng cho trẻ em; album ảnh; sách tô màu; sách hành động dùng cho trẻ em; bộ dụng cụ vẽ nghệ thuật và vẽ thủ công; đất sét dùng để nặn; thiếp tặng quà; thiếp chúc mừng; bưu thiếp; cái lót bình bằng giấy; cái lót cốc bằng giấy; khăn trải bàn bằng giấy; khăn giấy; đồ trang trí bữa tiệc làm bằng giấy; mũ đội trong các bữa tiệc làm bằng giấy; đồ trang trí bánh làm bằng giấy; đồ trang trí bằng giấy; túi giấy dùng trong các bữa tiệc; nơ gói quà làm từ giấy; giấy gói quà; tranh truyện vui (ấn phẩm); cuốn truyện vui; truyện tranh; tranh minh họa; ảnh; phấn; bút chì màu; bút máy; bút bi; bút chì; bút và hộp đựng bút; văn phòng phẩm; giấy viết; phong bì thư; giấy dính văn phòng; miếng dính dán dạng đề can; lịch; áp phích; kẹp sách; sổ tay; tập viết ghi nhớ; tẩy; gọt bút chì; dập ghim; cái chặn giấy; vật dùng để đỡ sách được đặt ở cuối dãy các cuốn sách và giữ cho chúng thẳng đứng (đồ dùng văn phòng, không kể đồ gỗ); thẻ đánh dấu trang sách; thước kẻ không có vạch chia khoảng cách; danh thiếp.

---

(111) **4-0092227**
(210) 4-2005-10020
(181) 09.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 09.08.2005

(531) 7.1.1; A1.11.9
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo; trường học; giảng dạy; giảng dạy học đường và các khoá học liên quan tới việc giảng dạy ngôn ngữ; cung cấp các bài giảng bằng máy tính; dịch vụ xuất bản; xuất bản các ấn phẩm thông tin đại chúng đa phương tiện; xuất bản đĩa CD-ROMs; tổ chức, lập kế hoạch, tiến hành, và thực hiện các cuộc hội thảo, các cuộc triển lãm nhằm mục đích giải trí, và các hội nghị; sản xuất, trình chiếu, phát hành, và cho thuê phim điện ảnh; sản xuất, trình chiếu, phát hành, và cho thuê các chương trình truyền hình và truyền thanh; sản xuất, trình chiếu, phát hành, và cho thuê các băng, đĩa ghi âm và ghi hình; thông tin giải trí; sản xuất các chương trình giải trí và chương trình tương tác để phát hành trên các phương tiện truyền hình, cáp, vệ tinh, phát thanh và truyền hình, đầu máy quay đĩa, đĩa la-ze, đĩa vi tính và các phương tiện điện tử; sản xuất và cung cấp chương trình giải trí, tin tức, và thông tin thông qua mạng truyền thông và máy tính; các dịch vụ giải trí theo chủ đề và công viên giải trí; dịch vụ giải trí và giáo dục cung cấp cho và liên quan đến công viên giải trí theo chủ đề; các buổi trình diễn sân khấu trực tiếp; trình chiếu các buổi biểu diễn trực tiếp; sản xuất chương trình nhà hát; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ sân chơi giải trí.

---

(111) **4-0092228**
(210) 4-2005-10074
(181) 10.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 10.08.2005

(531) 26.1.4; 26.4.1; 25.12.25; 26.4.10
(591) Xanh nước biển, vàng nhạt, nâu nhạt, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
1B Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang may sẵn.

---

(111) **4-0092229**
(210) 4-2005-10075
(181) 10.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 10.08.2005

(531) A9.1.2; A9.1.5; 24.15.3; 1.15.15; 26.4.1; 26.13.25
(591) Xanh da trời, xanh cốm, vàng nhạt, trắng, xanh dương, nâu nhạt, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
1B Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang may sẵn.

---

(111) **4-0092230**
(210) 4-2005-10076
(181) 10.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 10.08.2005

(531) A9.1.2; A9.1.5; A1.3.15; 26.4.1; 26.13.25
(591) Xanh ngọc, xanh cốm, vàng đậm, vàng nhạt, đỏ, nâu nhạt, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
1B Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang may sẵn.

---

(111) **4-0092231**
(210) 4-2005-10209
(181) 12.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

COMBIZAR

(151) 29.11.2007
(220) 12.08.2005

(731) UNITED LABORATORIES, INC. (PH)
66 United Street, Mandaluyong, Metro Manila, Philippines
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc điều trị các bệnh về tim mạch và tăng huyết áp.

---

(111) **4-0092232**
(210) 4-2005-10554
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

USAGENTA

(151) 29.11.2007
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH TUỆ LINH (VN)
Số 476 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092233**
(210) 4-2005-10832
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

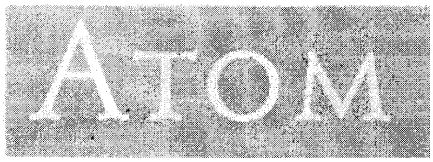

(151) 29.11.2007
(220) 24.08.2005

(531) 26.4.2; A26.4.18
(731) CÔNG TY DỆT PHONG PHÚ (PHONG PHU CORP) (VN)
Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 18: Túi quần áo dùng cho lữ hành, túi dùng cho người leo núi, túi dùng cho người cắm trại (trừ túi ngủ), túi dùng ở bãi biển.

Nhóm 25: Quần áo may sẵn thuộc nhóm này; mũ; mũ chùm đầu.

---

(111) **4-0092234**
(210) 4-2005-10948
(181) 25.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GRASTIM

(151) 29.11.2007
(220) 25.08.2005

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092235**
(210) 4-2005-11062
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

OPERIDONE

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092236**
(210) 4-2005-11063
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

OPETONIC

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092237**
(210) 4-2005-15815
(181) 23.11.2015
(300) 76/639,749 31.05.2005 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

BREAK FREE

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) ADVANCED MICRO DEVICES, INC (a Delaware corporation) (US)
One AMD Place, P.O.Box 3453, Sunnyvale, California 94088, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính; thiết bị bán dẫn; mô đun bộ vi xử lý; hệ thống phụ của phần cứng máy tính, cụ thể là: thiết bị nhập dữ liệu (đầu vào), thiết bị xuất dữ liệu (đầu ra), bộ xử lý (bộ xử lý trung tâm), thiết bị kiểm soát bộ nhớ, thiết bị kiểm soát thiết bị ngoại vi của máy tính và bộ điều chỉnh đồ hoạ; và phần mềm máy tính cụ thể là: phần mềm hệ điều hành, phần mềm trò chơi, phần mềm đồ hoạ 3 chiều và phần mềm truyền thông kỹ thuật số.

---

(111) **4-0092238**
(210) 4-2005-17079
(181) 15.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 15.12.2005

(531) A1.1.2; 26.3.23; 26.7.25; 11.3.1; 22.5.22
(591) Trắng, vàng, vàng nhạt, vàng da cam, nâu, nâu nhạt, nâu vàng, xanh nước biển đậm, xanh nước biển, xanh nước biển nhạt
(731) CÔNG TY TNHH HỘI CHỢ TRIỂN LÃM BẮC HÀ (VN)
Số 36 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm thương mại.

---

(111) **4-0092239**
(210) 4-2006-22267
(181) 20.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 20.12.2006

(531) 26.1.1; A3.13.23
(591) Xanh đen đậm, xanh nước biển, da cam đậm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRỪ MỐI VÀ CÔN TRÙNG TRƯỜNG AN (VN)
25/4 đường 26 tháng 3, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Trừ mối và côn trùng (ngoại trừ diệt động vật gây hại cho nông nghiệp).

---

(111) **4-0092240**
(210) 4-2004-07855
(181) 05.08.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 05.08.2004

(591) Xanh tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT (RAILWAY TRANSPORT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY) (VN)
118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và quốc tế.

---

(111) **4-0092241**
(210) 4-2006-15113
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 11.09.2006

(531) 25.1.25
(591) Đen, nhũ đồng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (ARTEX SAIGON) (VN)
132 Nguyễn Văn Thủ, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Môi giới thương mại; quảng cáo thương mại; tiếp thị; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Nhóm 36: Cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại; chuyển quyền sử dụng đất; đại lý đổi ngoại tệ; mua bán, cho thuê nhà; dịch vụ khai thuê hải quan.

Nhóm 39: Giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm.

---

(111) **4-0092242**
(210) 4-2006-15789
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

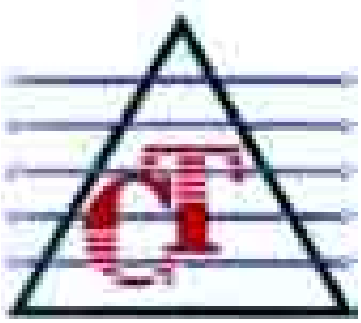

(151) 29.11.2007
(220) 19.09.2006

(531) 14.1.5; 26.3.1; 26.11.3; A26.11.8
(591) Đỏ, xanh lá cây đậm, trắng xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT CÔNG THẢNH (VN)
Số 595A, Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 35: Mua bán: sắt, thép, nhôm, cánh cửa sắt, cửa inox, cửa cuốn.

Nhóm 40: Dịch vụ lắp ráp cửa.

---

(111) **4-0092243**
(210) 4-2006-15930
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Ô DE LECOMOS

(151) 29.11.2007
(220) 21.09.2006

(731) CƠ SỞ HƯƠNG LAN (VN)
71 Trần Nguyên Hãn, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng.

---

(111) **4-0092244**
(210) 4-2006-15931
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BAHAMASE

(151) 29.11.2007
(220) 21.09.2006

(731) CƠ SỞ HƯƠNG LAN (VN)
71 Trần Nguyên Hãn, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng.

---

(111) **4-0092245**
(210) 4-2006-16664
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 04.10.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(731) CÔNG TY TNHH TỔ CHỨC SỰ KIỆN VIỆT (VN)
Phòng 306, tầng 3, tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Băng từ, đĩa CD.

Nhóm 41: Tổ chức các sự kiện văn hoá.

---

(111) **4-0092246**
(210) 4-2005-15833
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAO LANH HIỆP TIẾN
HTK

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 26.1.1; A26.3.6; 26.1.10
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG (VN)
17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Cao lanh.

Nhóm 35: Mua bán cao lanh.

(111) **4-0092247**
(210) 4-2005-15834
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOSGATE

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc thành phẩm phòng và chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0092248**
(210) 4-2005-15835
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHELCYDO

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc thành phẩm phòng và chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0092249**
(210) 4-2005-15836
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 5.5.16; 26.1.2
(591) Hồng cánh sen đậm, xanh lá cây, nâu, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MERCAFE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê hạt (đã rang); cà phê bột.

---

(111) **4-0092250**
(210) 4-2005-15837
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

JASMINE LOVE

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CƠ SỞ U.S (VN)
289 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo.

---

(111) **4-0092251**
(210) 4-2005-15838
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ĐẠT NGUYỄN

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CƠ SỞ U.S (VN)
289 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo.

---

(111) **4-0092252**
(210) 4-2005-15839
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 25.12.1; 25.12.15; 25.7.20
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯỚC THU (VN)
Số 32B, quốc lộ 50, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0092253**
(210) 4-2005-15840
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 1.7.6; A1.1.10; 1.15.23
(591) Đỏ, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THÀNH CHÍ (VN)
ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Dung dịch dưỡng tóc; gel tóc (keo vuốt tóc dạng gel).

---

(111) **4-0092254**
(210) 4-2005-15841
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIỆT SANG

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CƠ SỞ U.S (VN)
289 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo.

---

(111) **4-0092255**
(210) 4-2005-15844
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

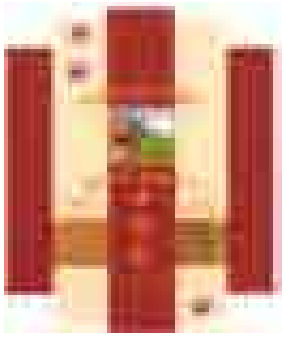

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 26.4.9; 26.4.2; 5.7.14; 3.4.13
(591) Vàng, vàng nhạt, vàng nâu, xanh dương, xanh da trời, xanh lá cây, xanh lá mạ, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY THỰC PHẨM TUYỀN KÝ (TNHH) (VN)
189 Đỗ Ngọc Thạch, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thịt bò khô; thịt lợn khô; thịt nai khô; thịt gia cầm khô; mực khô; cá khô.

(111) **4-0092256**
(210) 4-2005-15805
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

IMITASE

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092257**
(210) 4-2005-15806
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ECIP

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092258**
(210) 4-2005-15822
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 23.11.2005

(531) 2.9.10; 26.1.2; 26.13.25
(591) Xanh nõn chuối, xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) NHA KHOA THẾ HỆ MỚI (VN)
549/1 Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0092259**
(210) 4-2005-15862
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AQUAFINA FRUITWATER

(151) 29.11.2007
(220) 24.11.2005

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ga và các loại đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi-rô, chất cô đặc và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0092260**
(210) 4-2003-08874
(181) 29.09.2013
(450) 25.01.2008 238
(540)

COTIMINT

(151) 29.11.2007
(220) 29.09.2003

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0092261**
(210) 4-2004-13847
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

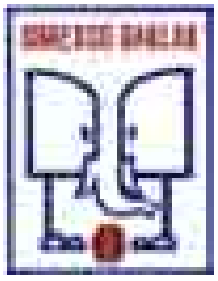

(151) 29.11.2007
(220) 23.09.2005

(531) 3.2.1; 5.7.1
(591) Đỏ, xanh, trắng, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU 2-9 DAKLAK (VN)
23 Ngô Quyền, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak

(511) Nhóm 30: Cà phê nhân.

---

(111) **4-0092262**
(210) 4-2005-05969
(181) 23.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 23.05.2005

(531) 1.3.1; A25.7.8
(591) Đỏ, da cam, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN HỒNG (VN)
Khu Đông, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092263**
(210) 4-2005-07002
(181) 13.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 13.06.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SÁU PHÚC (VN)
248/1 khu phố Thạnh Hòa B, thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố, máy ép trái cây, máy đánh trứng.

Nhóm 11: Nồi cơm điện; nồi hầm điện; bình lọc nước chạy điện.

---

(111) **4-0092264**
(210) 4-2005-07670
(181) 24.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 24.06.2005

(531) 3.3.1; 3.3.15
(591) Đỏ, nâu, đen, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ ĐÔNG THÀNH (VN)
634A Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Bộ công tắc điện; công tắc điều chỉnh tốc độ quạt; công tắc điều chỉnh độ sáng đèn; bộ ổ cắm điện; ổ cắm điện thoại; ổ cắm ăng ten tivi; ổ cắm di động.

Nhóm 11: Máng đèn; chóa đèn; đèn điện.

---

(111) **4-0092265**
(210) 4-2005-08118
(181) 04.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

OZICOMIN

(151) 29.11.2007
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2c Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0092266**
(210) 4-2005-12871
(181) 03.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 03.10.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HOÀNG YẾN (VN)
7B/1/1 Thành Thái, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 20: Gối hơi; nệm nước (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0092267**
(210) 4-2005-13011
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VALIZYG

(151) 29.11.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092268**
(210) 4-2005-13013
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALVEXTRA

(151) 29.11.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092269**
(210) 4-2005-13014
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOLNYS

(151) 29.11.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001, khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092270**
(210) 4-2005-04157
(181) 14.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TKB

(151) 29.11.2007
(220) 14.04.2005

(731) CÔNG TY CÔNG NGHỆ TIN HỌC NHÀ TRƯỜNG (VN)
Phòng 1407 nhà 17T2 khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính.

---

(111) **4-0092271**
(210) 4-2005-10664
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(531) 7.1.6; 7.1.25; 26.1.2
(731) NGUYỄN PHƯƠNG VÂN (VN)
A 103, 104, đường 19/4, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0092272**
(210) 4-2005-10684
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(531) 3.7.17; 26.3.23; A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; tập (vở) học sinh; bút (viết); mực bút máy; phấn viết bảng.

---

(111) **4-0092273**
(210) 4-2005-10894
(181) 25.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 25.08.2005

(531) A26.1.18
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU D.N.T (VN)
Số 466/13 Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán ngư cụ phục vụ cho ngành đánh bắt thuỷ sản.

---

(111) **4-0092274**
(210) 4-2005-11028
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

POWER TECH

(511) Nhóm 07: Máy phát điện.

Nhóm 09: Tủ điện.

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(531) A27.5.24; 26.4.7; 26.4.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN D. P (VN)
Cao ốc Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

---

(111) **4-0092275**
(210) 4-2005-11029
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

POWER TECH

(511) Nhóm 07: Máy phát điện.

Nhóm 09: Tủ điện.

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(531) 26.4.7; A27.5.24; 26.4.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN D.P (VN)
Cao ốc Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

---

(111) **4-0092276**
(210) 4-2005-11210
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

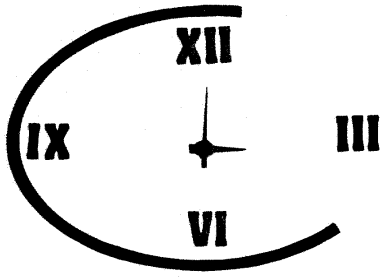

(151) 29.11.2007
(220) 31.08.2005

(531) A17.1.3
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - VẬN TẢI - DỊCH VỤ - DU LỊCH BA GIỜ (VN)
D37, cư xá Phú Lâm B, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hành khách, tổ chức du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

---

(111) **4-0092277**
(210) 4-2004-13368
(181) 30.11.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

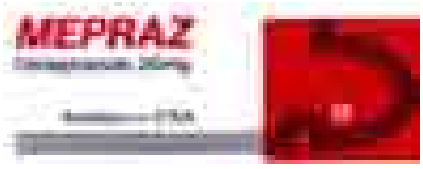

(151) 29.11.2007
(220) 30.11.2004

(531) A2.9.15; 26.4.2; 26.11.3
(591) Đỏ, đen
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO,, LTD (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell No.,Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0092278**
(210) 4-2006-02112
(181) 15.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 15.02.2006

(531) A5.3.15
(591) Xanh nõn chuối, đen
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG VIỆT AN PHONG (VN)
25 Mê Linh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán giầy dép, quần áo, túi xách.

---

(111) **4-0092279**
(210) 4-2005-11099
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LAY'S STAX

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm và thú săn không còn sống; chất chiết ra từ thịt; trái cây và rau được bảo quản, phơi khô và nấu chín; nước quả nấu đông, mứt, mứt quả; trứng; sữa và các sản phẩm làm từ sữa; dầu ăn và mỡ ăn.

---

(111) **4-0092280**
(210) 4-2005-11209
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 31.08.2005

(531) A1.5.2; A26.1.17; A27.1.7
(591) Đỏ, đen, vàng đậm, vàng nhạt, xanh lục
(731) P.T. BADJA BARU (ID)
J1. Pangeran Sido Ing Kenayan No. 88 Karanganyar Palembang 30148, Indonesia
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 01: Khí hóa lỏng dùng trong quá trình xử lý cao su tự nhiên; cao su dạng lỏng.

---

(111) **4-0092281**
(210) 4-2006-05182
(181) 06.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 06.04.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 2.1.11; 3.9.16
(591) Đen, trắng, hồng, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hạt dinh dưỡng ăn liền chế biến từ tôm, thịt, cá, trứng.

---

(111) **4-0092282**
(210) 4-2006-05183
(181) 06.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 06.04.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 2.1.11; 3.9.1
(591) Đỏ, trắng, xanh nước biển, đen, vàng
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hạt dinh dưỡng ăn liền chế biến từ tôm, thịt, cá, trứng.

---

(111) **4-0092283**
(210) 4-2006-07411
(181) 15.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 15.05.2006

(531) 5.3.20
(591) Xanh lá cây
(731) CƠ SỞ NẮNG XANH (VN)
58 Phan Xích Long, phường 1, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quán cà phê; quán ăn; quán ăn tự phục vụ; quán rượu nhỏ.

---

(111) **4-0092284**
(210) 4-2006-11987
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 26.07.2006

(531) 2.9.1; A19.13.21; 26.4.9; A26.4.6; 26.5.1; A25.3.7
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092285**
(210) 4-2006-04544
(181) 29.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 29.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Màu vàng, đỏ, đen
(731) HUỲNH LÊ HẢI HÀ (VN)
40B Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng lưu niệm.

---

(111) **4-0092286**
(210) 4-2006-03854
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ABAKILL

(151) 29.11.2007
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP (VN)
Số 252, Nguyễn Huệ, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0092287**
(210) 4-2006-04516
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DAMITAX

(151) 29.11.2007
(220) 28.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG (VN)
Số nhà 2, ngõ 164/117 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0092288**
(210) 4-2006-04518
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Phyraxim

(151) 29.11.2007
(220) 28.03.2006

(731) PRAYASH HEALTHCARE PVT LTD. (IN)
Prime Apartments, 4-77/1, Street No. 8, Habsiguda Hyderabad, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092289**
(210) 4-2006-04519
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Demibact

(151) 29.11.2007
(220) 28.03.2006

(731) PRAYASH HEALTHCARE PVT LTD. (IN)
Prime Apartments, 4-77/1 , Street No. 8, Habsiguda Hyderabad, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092290**
(210) 4-2006-12131
(181) 28.07.2016
(300) 78/805,901 02.02.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

HMMX

(151) 29.11.2007
(220) 28.07.2006

(731) QUALCOMM INCORPORATED (US)
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Bộ phần mềm ứng dụng và phần cứng máy tính dùng cho thiết bị không dây (vô tuyến).

(111) **4-0092291**
(210) 4-2006-12132
(181) 28.07.2016
(300) 78/805,776 02.02.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

HMMX

(151) 29.11.2007
(220) 28.07.2006

(731) QUALCOMM INCORPORATED (US)
5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121-1714, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông, cụ thể là cung cấp dịch vụ viễn thông về cách sử dụng trên và với thiết bị không dây và/hoặc mạng không dây.

Nhóm 42: Dịch vụ công nghệ, cụ thể là cung cấp dịch vụ vô tuyến và dịch vụ công nghệ liên quan đến việc sử dụng chúng trên và với thiết bị vô tuyến.

---

(111) **4-0092292**
(210) 4-2006-12344
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BELLE

(151) 29.11.2007
(220) 02.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện; máy ghi âm cát xét; đài cát xét; băng cát xét; đĩa ghi âm; loa; ống nhòm (quang học); máy tính cầm tay; máy quay viđiô xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy chụp ảnh; ổ CD-ROMs; ổ đĩa CD-ROM (là một bộ phận của máy vi tính); ổ ghi CD-ROMs (là một bộ phận của máy vi tính); điện thoại cầm tay; phụ tùng của điện thoại cầm tay; hộp điện thoại cầm tay; tấm màn hình của điện thoại cầm tay; đầu đĩa com-pắc; đầu ghi đĩa com-pắc; đĩa com-pắc; các chương trình trò chơi trên máy vi tính; đầu máy và đĩa dùng cho trò chơi điện tử trên máy vi tính; máy vi tính; bàn phím máy vi tính; màn hình máy vi tính; chuột máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; phần mềm máy vi tính; điện thoại kéo dài; nam châm dùng cho mục đích trang trí; máy ảnh kỹ thuật số; đĩa DVD; máy chạy đĩa DVD; máy ghi đĩa DVDs; đĩa kỹ thuật số đa chức năng; đĩa viđiô kỹ thuật số; máy điện tử ghi dữ liệu cá nhân; hộp đựng kính mắt; kính mắt; tai nghe; máy hát karaoke; micrô; đầu đĩa MP3; mô-đem (là một bộ phận của máy vi tính); miếng đệm lót chuột máy vi tính; phim điện ảnh; máy nhắn tin; máy nghe nhạc âm thanh nổi cá nhân; máy trợ giúp cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính cầm tay); máy in dùng với máy vi tính; máy thu thanh; kính râm; điện thoại; ti vi; máy quay phim; máy ghi hình viđiô; đầu máy viđiô; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô;

đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; băng từ viđiô; máy điện thoại truyền hình; điện đài xách tay; miếng đệm cổ tay và cánh tay hỗ trợ khi sử dụng máy vi tính.

---

(111) **4-0092293**
(210) 4-2006-12686
(181) 04.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

EMEROS

(151) 29.11.2007
(220) 04.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI HUY NGUYÊN (VN)
236/4A Nguyễn Thái Bình, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Buồng tắm (phòng tắm), bồn tắm, bình đun nước nóng, vòi tắm hoa sen, máy sấy tóc, máy điều hoà không khí.

---

(111) **4-0092294**
(210) 4-2006-14055
(181) 25.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 25.08.2006

(531) 6.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Số 78, ngõ 88, đường Trần Quý Cáp, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 09: Dây điện, cáp điện, ổ cắm điện, phích cắm điện, dây ăng ten, dây điện thoại.

Nhóm 35: Buôn bán dây điện, cáp điện, ổ cắm điện, phích cắm điện, ổn áp, bộ đổi nguồn, cầu dao điện, rơle bảo vệ điện, công tắc điện, thiết bị và khí cụ điện, dây ăng ten, dây điện thoại, dây viễn thông, vật liệu cách điện, ống nước, thiết bị phục vụ ngành nước.

---

(111) **4-0092295**
(210) 4-2006-14744
(181) 05.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 05.09.2006

(531) 3.2.1; 26.4.3; 7.15.1; 7.15.20
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh xám
(731) THE SIAM GYPSUM INDUSTRY (SARABURI) Co., Ltd (TH)
1 Siam Cement Road, Bangsue, Bangkok 10800, Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Thạch cao.

---

(111) **4-0092296**
(210) 4-2006-14745
(181) 05.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 05.09.2006

(531) 3.2.1; 26.4.3; 7.15.1; 7.15.20
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh xám
(731) THE SIAM GYPSUM INDUSTRY (SARABURI) Co., Ltd (TH)
1 Siam Cement Road, Bangsue, Bangkok 10800, Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Thạch cao.

---

(111) **4-0092297**
(210) 4-2006-14746
(181) 05.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 05.09.2006

(531) 3.2.1; 26.4.3; 7.15.1; 7.15.20
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh xám
(731) THE SIAM GYPSUM INDUSTRY (SARABURI) Co., Ltd (TH)
1 Siam Cement Road, Bangsue, Bangkok 10800, Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Thạch cao.

---

(111) **4-0092298**
(210) 4-2006-15007
(181) 08.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

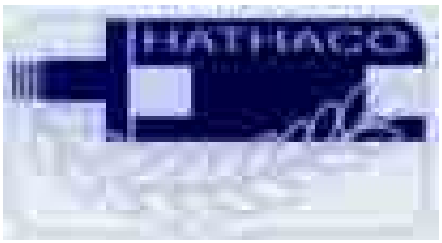

(151) 29.11.2007
(220) 08.09.2006

(531) 5.7.3; 19.7.2; A19.7.22; 26.4.2
(591) Xanh tím, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HÀ THÀNH (VN)
Số 148 phố Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại.

Nhóm 35: Buôn bán các loại rượu.

---

(111) **4-0092299**
(210) 4-2006-15695
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 18.09.2006

(531) A26.11.12
(591) Da cam, xanh lam
(731) TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ 3G (3GDC) (VN)
Khu công nghiệp Sài Đồng B, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 36: Cho thuê văn phòng làm việc với thiết bị hiện đại.

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông cụ thể là cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho mạng di động mặt đất; cụ thể là dịch vụ truyền thông tin, dữ liệu và hình ảnh qua mạng thông tin di dộng và dịch vụ nhắn tin; cung cấp dịch vụ internet; tư vấn trong lĩnh vực viễn thông.

Nhóm 41: Đào tạo chương trình CDMA và các công nghệ liên quan; tổ chức hội thảo; hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho các tổ chức đào tạo khác cụ thể là cho thuê thiết bị trình chiếu và nghe nhìn.

Nhóm 42: Nghiên cứu và phát triển công nghệ liên quan tới CDMA như BREW (Binary Runtime Enviroment for wireless); thẩm định công nghệ trước khi chuyển giao; cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin và tư vấn về công nghệ thông tin; thử nghiệm các sản phẩm phần mềm trên nền Brew; cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật về công nghệ Brew; nghiên cứu chế tạo các prototype (nguyên mẫu) cho điện thoại

CDMA; cung cấp dịch vụ thiết kế các mạng viễn thông cố định và di động; cung cấp dịch vụ đo lường vô tuyến và tối ưu hóa các mạng viễn thông di động.

---

(111) **4-0092300**
(210) 4-2006-04517
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KOVENT

(151) 29.11.2007
(220) 28.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SƠN (VN)
12 ngách 84/24 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092301**
(210) 4-2005-07418
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 21.06.2005

(531) 7.1.24; A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HOÀN MỸ A.R.C (VN)
213/1 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Khóa bằng kim loại, hàng ngũ kim.

---

(111) **4-0092302**
(210) 4-2005-09806
(181) 05.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 05.08.2005

(531) 26.11.1; A26.11.12; 26.13.1; 2.9.4
(591) Xanh dương đậm, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NGƯỜI TIÊU DÙNG (CBI CO., LTD) (VN)
Phòng 402, số 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Nghiên cứu thị trường.

(111) **4-0092303**
(210) 4-2005-10533
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 19.08.2005

(531) 6.1.2; A5.5.21; 26.1.2
(591) Xanh lá cây, xanh lá mạ, xanh da trời, xanh lơ, trắng, đen
(731) CÔNG TY DỊCH VỤ DU LỊCH THANH NIÊN ĐÀ LẠT (VN)
07 Mai Anh Đào, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng lưu niệm; mua bán thuốc lá; mua bán rượu bia; mua bán dầu khí.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển; dịch vụ lữ hành; dịch vụ du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092304**
(210) 4-2005-10534
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 19.08.2005

(531) 26.1.2
(591) Trắng, đen, đỏ, nâu, nâu hồng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHOÁNG SẢN QUỐC TẾ VIỆT -MỸ (VN)
Khu công nghiệp Đông Xuyên, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Đá ốp lát.

---

(111) **4-0092305**
(210) 4-2005-10539
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

JUDO

(151) 29.11.2007
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THANH NGÂN (VN)
Khu phố 3, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0092306**
(210) 4-2005-10540
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EVERTOP

(151) 29.11.2007
(220) 19.08.2005

(531) 26.4.3; 26.1.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ CAO ỨC THÁI (VIỆT NAM) (VN)
Khu công nghiệp Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Dây điện; dây cáp điện; dây cáp quang.

---

(111) **4-0092307**
(210) 4-2005-10675
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(531) A1.1.2; 6.3.11; A1.1.10; 3.9.17; 26.1.1; 26.4.2
(591) Đỏ vàng, vàng đậm, vàng nhạt, trắng, đen, xanh lá mạ, xanh lá cây, xanh rêu, xanh da trời nhạt, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0092308**
(210) 4-2005-10682
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(531) A24.9.7; A1.1.2; 3.9.17; 26.4.2; 26.1.1
(591) Trắng, vàng, xanh đen, xanh rêu
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Chất xử lý cải tạo môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0092309**
(210) 4-2005-10683
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VENUS

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; tập (vở) học sinh; bút (viết); mực bút máy; phấn viết bảng.

---

(111) **4-0092310**
(210) 4-2005-10688
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(531) 26.13.25; 26.5.1; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây đậm, xanh ngọc, đen, trắng
(731) CƠ SỞ ANH NGỮ QUỐC TẾ TINH TÚ (VN)
193 đường 3/2, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dạy tiếng Anh.

---

(111) **4-0092311**
(210) 4-2005-10689
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 22.08.2005

(531) 24.17.21; A26.11.12; 26.1.2; A26.11.13
(591) Xanh tím, xanh tím đậm, trắng, xanh dương, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI CỬU LONG (VN)
88/7 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ lữ hành du lịch.

Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0092312**
(210) 4-2005-10872
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 24.08.2005

(531) A1.1.9; 20.7.1; 26.1.5
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG (VN)
125 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Đèn điện; đèn huỳnh quang; tắc te đèn ống; chóa đèn; máng đèn; ống thủy tinh trung tính (dùng cho đèn).

---

(111) **4-0092313**
(210) 4-2005-10885
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 24.08.2005

(531) 26.4.7; A26.4.18; 26.4.2; 26.4.1
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI QUẠT VIỆT NAM (VN)
Lô B13/1, đường số 1, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Quạt điện.

---

(111) **4-0092314**
(210) 4-2005-11207
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 31.08.2005

(531) 26.1.2; A26.1.15; 3.9.1
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÁI ĐẠI LỢI (VN)
43 đường số 11, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Nước mắm; thịt đóng hộp; cá đóng hộp; nước ép trái cây dùng làm nguyên liệu chế biến thực phẩm.

Nhóm 30: Nước tương (xì dầu); tương hột dùng để ăn chay, chao (đậu phụ lên men); mì ăn liền; bánh; kẹo.

Nhóm 35: Mua bán các loại nước chấm, thực phẩm, nguyên vật liệu chế biến thực phẩm, hoá chất; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0092315**
(210) 4-2005-11071
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

JINSUJIN

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092316**
(210) 4-2005-11083
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 29.08.2005

(531) 5.3.20; 2.9.25; 26.4.2
(591) Vàng, da cam, xanh lá cây, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092317**
(210) 4-2004-13367
(181) 30.11.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 30.11.2004

(531) 2.9.25; 26.4.2
(591) Xanh đen, đen, vàng, đỏ, da cam, trắng
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell No.,Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0092318**
(210) 4-2005-05419
(181) 11.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 11.05.2005

(531) 26.4.2; 26.1.2
(591) Xanh dương đậm, xanh dương nhạt, xanh lá mạ nhạt, trắng, đen
(731) NGUYỄN VĂN NGHI (VN)
Phòng 107 K2, chung cư 7,2 ha, Vĩnh Phúc 2, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y.

---

(111) **4-0092319**
(210) 4-2005-09459
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

京都念慈菴蜜煉川貝枇杷膏

(151) 29.11.2007
(220) 29.07.2005

(731) NIN JIOM MEDICINE MANUFACTORY (H.K.) LIMITED (HK)
Block A, 16/F., Texaco Industrial Centre, 256-264 Texaco Road, Tsuen Wan, New Territories, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y; thuốc dân tộc Trung Quốc; xi rô, hỗn hợp, thuốc uống và thuốc ngậm, tất cả để chữa ho; các chế phẩm dược để chữa ho và trị lạnh.

---

(111) **4-0092320**
(210) 4-2005-09460
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NIN JIOM PEI PA KOA

(151) 29.11.2007
(220) 29.07.2005

(731) NIN JIOM MEDICINE MANUFACTORY (H.K.) LIMITED (HK)
Block A, 16/F., Texaco Industrial Centre, 256-264 Texaco Road, Tsuen Wan, New Territories, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y; thuốc dân tộc Trung Quốc; xi rô, hỗn hợp, thuốc uống và thuốc ngậm, tất cả để chữa ho; các chế phẩm dược để chữa ho và trị lạnh.

---

(111) **4-0092321**
(210) 4-2006-00709
(181) 13.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 13.01.2006

(531) 26.4.1
(591) Xanh, đỏ, vàng
(731) PET ONE INC. (PH)
361 EL Grande Ave., Cor.Cebu St., BF Homes, Paranaque City, Philippines
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho súc vật; thức ăn cho chim; thức ăn cho vật nuôi cảnh; bao gồm cả thức ăn cho chó, cho mèo; thức ăn cho cá, loài thuỷ sinh.

---

(111) **4-0092322**
(210) 4-2006-02949
(181) 02.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 02.03.2006

(531) 26.3.1; 26.1.1
(591) Màu đỏ, màu đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM (VN)
130, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy tính, thiết bị viễn thông cụ thể là cáp mạng, thiết bị cổng vào cho dữ liệu số hoặc tín hiệu điện thoại (gateway), thiết bị chuyển đổi tín hiệu số sang tín hiệu điện thoại và ngược lại (modem), thiết bị định tuyến đường đi của dữ liệu truyền nhận (router); phần mềm máy tính (chương trình máy tính, phần mềm máy tính).

Nhóm 35: Quảng cáo trên các phương tiện truyền thông; buôn bán hàng hoá trong lĩnh vực công nghệ thông tin và tin học; cung cấp các thông tin về thương mại.

Nhóm 38: Cung cấp thông tin trong lĩnh vực viễn thông; cung cấp thông tin trong lĩnh vực viễn thông, tư vấn trong lĩnh vực viễn thông.

Nhóm 41: Giáo dục, đào tạo về tin học, quản lý và viễn thông; cung cấp thông tin về văn hoá, nghệ thuật và giải trí; tư vấn về văn hoá, nghệ thuật và giải trí.

Nhóm 44: Cung cấp thông tin về y tế và sức khoẻ; tư vấn về y tế và sức khoẻ.

Nhóm 45: Cung cấp các thông tin về tình yêu, giới tính, đời sống hôn nhân gia đình; tư vấn về tình yêu, giới tính, đời sống hôn nhân gia đình.

---

(111) **4-0092323**
(210) 4-2006-19598
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

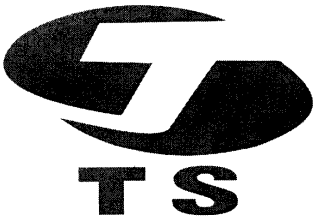

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TẠO PHỤ TÙNG XE MÁY LIFAN-TONGSHENG (VN)
Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 07: Bộ li hợp xe gắn máy hai bánh.

---

(111) **4-0092324**
(210) 4-2006-19631
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTASCEPOD

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092325**
(210) 4-2006-19632
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTASFUR

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092326**
(210) 4-2006-19633
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTASDEXBRO

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092327**
(210) 4-2006-19634
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTAS-DICLO K

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092328**
(210) 4-2006-19635
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTAS VIT-G

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092329**
(210) 4-2006-19636
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTAS-LEVO

(151) 29.11.2007
(220) 14.11.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092330**
(210) 4-2006-21477
(181) 07.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAWONPANSIM

(151) 29.11.2007
(220) 07.12.2006

(731) HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION (KR)
543-3, Kakok - Ri, Jinwee - Myun, Pyungtaek - City, Kyunggi-Do, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092331**
(210) 4-2006-21478
(181) 07.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAWONCEFO-TAME

(151) 29.11.2007
(220) 07.12.2006

(731) HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION (KR)
543-3, Kakok - Ri, Jinwee - Myun, Pyungtaek - City, Kyunggi-Do, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092332**
(210) 4-2006-21479
(181) 07.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

IBUPROVON

(151) 29.11.2007
(220) 07.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092333**
(210) 4-2006-03627
(181) 15.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 15.03.2006

(731) MARIE TO (US)
9295 Bolsa Avenue, Westminster, California 92683, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Đĩa CD, băng cassette và bản ghi âm có nội dung chính là âm nhạc; đĩa DVD, đĩa VCD, băng hình và bản ghi âm và hình có nội dung chính là âm nhạc và các cuộc biểu diễn âm nhạc, văn nghệ tạp kỹ, múa, hài và kịch.

---

(111) **4-0092334**
(210) 4-2006-22731
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUỐC MINH

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092335**
(210) 4-2006-22732
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

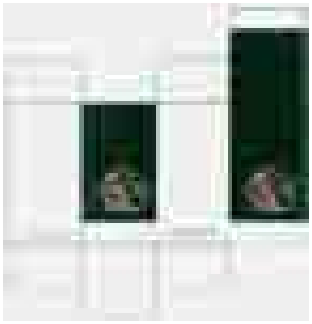

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) A19.3.4;
(591) Xanh lá cây, hồng, đen, trắng, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092336**
(210) 4-2006-22733
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

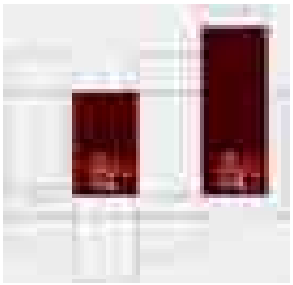

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) A19.3.4;
(591) Đỏ, hồng, đen, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092337**
(210) 4-2006-22736
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Nâu, vàng, nâu nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092338**
(210) 4-2006-22737
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540) 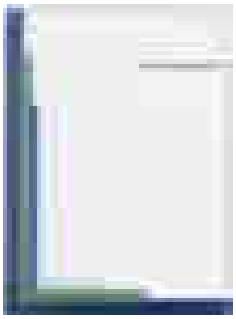

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Xanh lam, xanh lá cây, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092339**
(210) 4-2006-22738
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540) 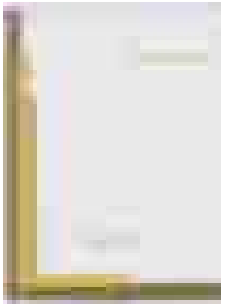

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Vàng xanh sẫm, vàng, vàng xanh sáng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092340**
(210) 4-2006-22739
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540) 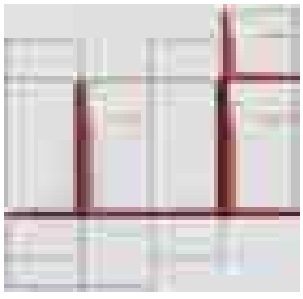

(151) 29.11.2007
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Nâu, vàng, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092341**
(210) 4-2005-08156
(181) 05.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 30.11.2007
(220) 05.07.2005

(531) 1.17.11; A1.5.3
(591) Đỏ, xanh, đen
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ VIỆT NAM (VN)
Lầu 2, số 151 Hàm Nghi, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 35: Buôn bán thiết bị vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm.

Nhóm 37: Sửa chữa, bảo trì thiết bị vật tư y tế.

---

(111) **4-0092342**
(210) 4-2005-09413
(181) 28.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 30.11.2007
(220) 28.07.2005

(531) 26.1.2; 26.1.5
(731) GANO EXCEL INDUSTRIES SDN. BHD (MY)
No. 94, 95 & 96 Kawasan Perusahan Tandop Baru, Jalan Tunku Abdul Rahman, 05050 Alor Star, Kedah Darul Aman, Malaysia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê 3 trong 1, cà phê Mocha, cà phê cổ điển, cà phê sâm Tongkat Ali.

---

(111) **4-0092343**
(210) 4-2005-09469
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Antaquinin

(151) 30.11.2007
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092344**
(210) 4-2005-09470
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Thevirol

(151) 30.11.2007
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092345**
(210) 4-2005-09471
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Cantrisol

(151) 30.11.2007
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092346**
(210) 4-2005-09472
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Thepytel

(151) 30.11.2007
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092347**
(210) 4-2005-09474
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Amlothepham

(151) 30.11.2007
(220) 22.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092348**
(210) 4-2005-09635
(181) 02.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GINA

(151) 30.11.2007
(220) 02.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIANG NAM (VN)
Số 19, ngõ 489, tổ 4, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Valy; túi xách; cặp sách; ví da; túi du lịch; balô.

Nhóm 35: Buôn bán valy, túi xách, cặp sách, ví da, cặp tóc, hàng thủ công mỹ nghệ, quà lưu niệm thời trang, bông, vải, sợi, văn phòng phẩm; xuất nhập khẩu máy móc, linh kiện để sản xuất valy, túi, cặp; xuất nhập khẩu valy, túi, cặp sách; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0092349**
(210) 4-2005-12417
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MAIKA

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(531) 2.3.1; A2.3.23; A5.5.21; A26.11.12
(591) Đỏ mận chín, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ MAIKA (VN)
107/6 Điện Biên Phủ, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo thời trang, giày dép, túi xách, hàng trang sức, nguyên vật liệu trang sức, nguyên vật liệu ngành may, hàng thủ công mỹ nghệ; môi giới xúc tiến thương mại.

Nhóm 40: Gia công hàng thủ công mỹ nghệ, đồ trang sức (theo yêu cầu từ người khác).

---

(111) **4-0092350**
(210) 4-2005-12442
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PRAVACHOL

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) E. R. SQUIBB & SONS, L.L.C. (US) Lawrenceville-Princeton Road, Princeton, New Jersey 08540, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092351**
(210) 4-2005-12443
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAPOTEN

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) E. R. SQUIBB & SONS, L.L.C. (US) Lawrenceville-Princeton Road, Princeton, New Jersey 08540, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092352**
(210) 4-2005-12444
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DURICEF

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) MEAD JOHNSON & COMPANY (US) 2400 West Lloyd Expressway, Evansville, Indiana 47721, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092353**
(210) 4-2005-12445
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

WESTWOOD

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092354**
(210) 4-2005-12446
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIDEX

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092355**
(210) 4-2005-12447
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MUTAMYCIN

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092356**
(210) 4-2005-12449
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

STADOL

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092357**
(210) 4-2005-12450
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PARAPLATIN

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092358**
(210) 4-2005-12451
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CYTOXAN

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092359**
(210) 4-2005-12452
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BUSPAR

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092360**
(210) 4-2005-12453
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BLENOXANE

(151) 30.11.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092361**
(210) 4-2005-12448
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VUMON

(151) 03.12.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược và các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092362**
(210) 4-2005-11646
(181) 09.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

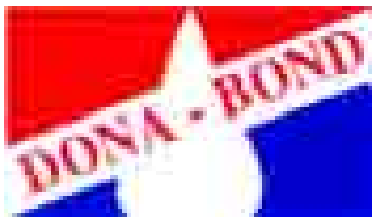

(151) 03.12.2007
(220) 09.09.2005

(531) A19.7.9; 26.4.2; 25.5.3
(591) Đỏ, xanh dương, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI NHẬT QUANG (VN)
3/1A Lý Thường Kiệt, phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Keo dán công nghiệp.

---

(111) **4-0092363**
(210) 4-2006-16494
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 02.10.2006

(531) 3.9.1; 24.15.2; 26.1.2; 21.3.15
(731) TỔ HỢP TÁC SẢN XUẤT LƯỠI CÂU (VN)
198/10, khómTây Khánh 3, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 28: Lưỡi câu cá.

---

(111) **4-0092364**
(210) 4-2005-11065
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BUDETEROL

(151) 03.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092365**
(210) 4-2005-11077
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DIRECTOR

(151) 03.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092366**
(210) 4-2005-11079
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SPACESHIP

(151) 03.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092367**
(210) 4-2005-11092
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MITENIX

(151) 03.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092368**
(210) 4-2005-11234
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TIFANY

(151) 03.12.2007
(220) 31.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092369**
(210) 4-2005-11235
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TULIP

(151) 03.12.2007
(220) 31.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092370**
(210) 4-2005-12779
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MULTIMAG

(151) 03.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) ACTARIS SAS (FR)
62 bis avenue Andre Morizet, Boulogne Billancourt 92100, France
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Công tơ nước và công tơ dùng cho các loại chất lỏng khác nhau, và các linh kiện của chúng; lưu lượng kế; thiết bị đọc, đo và điều khiển từ xa để phân phối chất lỏng.

---

(111) **4-0092371**
(210) 4-2006-17410
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 17.10.2006

(531) 2.3.1; 2.3.3
(591) Đỏ, vàng, xanh da trời nhạt, đen, trắng, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÁI ROYAL (VN)
ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 29: Cá sốt cà đóng hộp.

---

(111) **4-0092372**
(210) 4-2005-10886
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 24.08.2005

(531) A26.4.18
(731) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN THƯƠNG MẠI HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ PHONG BẮC (VN)
Thôn Phong Bắc 3, xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 21: Chổi đót.

---

(111) **4-0092373**
(210) 4-2005-11004
(181) 26.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRÚC XANH

(151) 03.12.2007
(220) 26.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HT (VN)
Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 03: Chất tẩy rửa thuộc nhóm này gồm: nước rửa chén bát, rửa kính, tẩy rửa lavabo, sàn nhà, ô tô; chất tẩy rửa làm sạch đồ gia dụng; xà phòng các loại.

---

(111) **4-0092374**
(210) 4-2005-11055
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 29.08.2005

(531) 26.3.10; 24.17.5; 26.3.1; 26.1.2
(591) Trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI - BAO BÌ KỸ THUẬT MỚI (VN)
1068 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Đèn lồng (lồng đèn).

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0092375**
(210) 4-2005-11226
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 31.08.2005

(531) 1.15.24; 1.15.21; A8.1.24; 5.7.8
(591) Hồng nhạt, hồng đậm, vàng, nâu, nâu đậm, nâu nhạt, đỏ, đỏ nhạt, vàng chanh, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, xanh nước biển, trắng, tím
(731) PERFETTI VAN MELLE S.p.A. (IT)
Via XXV Aprile, 7 - 20020 Lainate (MI) - Italy
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh ngọt; đường; món bánh ngọt tráng miệng; bánh, kẹo; kẹo cao su và kẹo cao su có thể thổi bóng; kẹo cứng; kẹo hình giọt nước; kẹo gôm hình giọt nước; kẹo bạc hà; kẹo caramen; kẹo bơ cứng; thạch (dạng bánh, mứt, kẹo); kẹo cam thảo (dạng bánh, mứt, kẹo); kẹo que; kẹo cao su tẩm đường; kem lạnh; kẹo sô cô la.

---

(111) **4-0092376**
(210) 4-2005-10836
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUPBIKIZ

(151) 03.12.2007
(220) 24.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092377**
(210) 4-2005-12454
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMIKIN

(151) 03.12.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092378**
(210) 4-2005-12455
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEENU

(151) 03.12.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092379**
(210) 4-2005-12456
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BRISTOL-MYERS

(151) 03.12.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092380**
(210) 4-2005-12457
(181) 23.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BICNU

(151) 03.12.2007
(220) 23.09.2005

(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; các chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092381**
(210) 4-2005-14995
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Mẹ là lá chắn che chở suốt đời con

(151) 03.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KI DO (VN)
Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa chua, sữa và sản phẩm sữa.

---

(111) **4-0092382**
(210) 4-2005-14997
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 1.15.5
(591) Xanh tím, đỏ, cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT RỰC SÁNG (VN)
80 Phạm Văn Sáng, ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán ga; mua bán bếp ga.

---

(111) **4-0092383**
(210) 4-2005-14998
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 1.5.1; 1.17.11
(591) Xanh tím, vàng, ghi nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ ĐỊA ỐC KIM THỔ (VN)
306 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 36: Môi giới bất động sản; mua bán bất động sản; cho thuê nhà ở, tư vấn về việc mua bán đất dự án.

---

(111) **4-0092384**
(210) 4-2005-14999
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 26.1.1; 2.9.1
(591) Trắng, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LINH PANG (VN)
110 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ trang điểm cô dâu; dịch vụ làm móng tay móng chân; dịch vụ chăm sóc da mặt.

---

(111) **4-0092385**
(210) 4-2005-15076
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

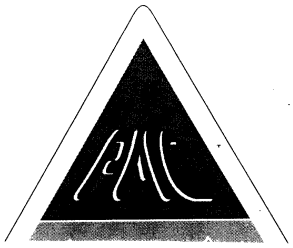

(151) 03.12.2007
(220) 09.11.2005

(531) 26.3.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ XĂNG DẦU BÌNH THUẬN (VN)
Số 15 Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 35: Mua bán xăng dầu, dầu nhớt các loại; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán khí hoá lỏng, phụ tùng xe có động cơ; mua bán xe ô tô, mô tô và xe máy nguyên chiếc; mua bán dụng cụ cơ khí.

---

(111) **4-0092386**
(210) 4-2005-15053
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CATALYST

(151) 03.12.2007
(220) 09.11.2005

(731) CATALYST PAPER CORPORATION (CA)
1600 - 250 Howe St., Vancouver, British Columbia, Canada, V6C 3R8
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Bột gỗ dùng cho mục đích sản xuất thuộc nhóm này.

Nhóm 16: Giấy thuộc nhóm này; giấy dùng để in (dùng cho mục đích thương mại); giấy để in danh bạ; giấy để in báo; bìa cứng thuộc nhóm này; giấy có phết gôm (cồn dán) thuộc nhóm này; giấy được phủ một lớp màng mỏng thuộc nhóm này; túi bằng giấy thuộc nhóm này; giấy gói hàng loại dày; giấy dùng để bao gói; giấy sáp; khăn ăn bằng giấy; giấy dùng để bao gói máy ướp lạnh; văn phòng phẩm thuộc nhóm này; giấy dùng để viết; giấy dùng để sao chụp; phong bì (thuộc về văn phòng phẩm); hộp đựng bằng giấy các tông.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn về mặt kỹ thuật để lựa chọn và sử dụng giấy in dùng cho mục đích thương mại; dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực in ấn và sử dụng giấy in báo trong ngành in; dịch vụ tư vấn kỹ thuật thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092387**
(210) 4-2005-15425
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIZAMINE

(151) 03.12.2007
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092388**
(210) 4-2005-15427
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIDITRIACIN

(151) 03.12.2007
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA (VN)
19-21 Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092389**
(210) 4-2005-15493
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KLEARACTION

(151) 03.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092390**
(210) 4-2005-15497
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PROACNEMIN

(151) 03.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092391**
(210) 4-2005-15498
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUTRIPTAN

(151) 03.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092392**
(210) 4-2005-15607
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 18.11.2005

(531) 26.5.1; 2.9.14; A5.1.5; A5.3.15
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt
(731) O.K. (INT'L) TRADING CO. (HK)
Flat 2-3, 2/F., Ping Fai Ind.Bldg., 312-314 Un Chau St., Kln, Hongkong
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Thảo dược dưới dạng viên, dưới dạng bột, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng uống và dưới dạng lỏng; thảo dược và chất bổ sung cho thực phẩm phương đông dùng trong ngành y cụ thể là: thảo dược bổ dưỡng; thảo dược làm chất bổ sung cho thức ăn dùng cho người dưới dạng viên, dưới dạng bột, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng lỏng; chất ăn kiêng bổ sung dùng cho ngành y cụ thể là: chất ăn kiêng dùng bổ sung cho bữa ăn sáng; chất ăn kiêng dùng bổ sung cho bữa ăn nhanh; chất ăn kiêng dùng bổ sung cho bữa ăn chính và chất ăn kiêng dùng bổ sung cho

đồ uống có chứa vitamine; chất ăn kiêng dùng bổ sung cho thức ăn có chất xơ và chất ăn kiêng dùng bổ sung cho thức ăn làm từ ngũ cốc; thảo dược làm chất bổ sung cụ thể là: trà có chứa thảo dược; thảo dược bổ dưỡng cụ thể là: thảo dược tự nhiên và thảo dược đã được chế biến dùng cho mục đích y tế dưới dạng viên, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng uống và dưới dạng lỏng; thảo dược chăm sóc da (dùng trong ngành y) dưới dạng viên, dưới dạng bột, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng uống và dưới dạng lỏng.

---

(111) **4-0092393**
(210) 4-2005-15608
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

雲芝
YUN-ZHI

(151) 03.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) O.K. (INT'L) TRADING CO. (HK)
Flat 2-3, 2/F., Ping Fai Ind.Bldg., 312-314 Un Chau St., Kln, Hongkong
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Thảo dược dưới dạng viên, dưới dạng bột, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng uống và dưới dạng lỏng; thảo dược và chất bổ sung cho thực phẩm phương đông dùng trong ngành y cụ thể là: thảo dược bổ dưỡng; thảo dược làm chất bổ sung cho thức ăn dùng cho người dưới dạng viên, dưới dạng bột, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng lỏng; chất ăn kiêng bổ sung dùng cho ngành y cụ thể là: chất ăn kiêng dùng bổ sung cho bữa ăn sáng; chất ăn kiêng dùng bổ sung cho bữa ăn nhanh; chất ăn kiêng dùng bổ sung cho bữa ăn chính và chất ăn kiêng dùng bổ sung cho đồ uống có chứa vitamine; chất ăn kiêng dùng bổ sung cho thức ăn có chất xơ và chất ăn kiêng dùng bổ sung cho thức ăn làm từ ngũ cốc; thảo dược làm chất bổ sung cụ thể là: trà có chứa thảo dược; thảo dược bổ dưỡng cụ thể là: thảo dược tự nhiên và thảo dược đã được chế biến dùng cho mục đích y tế dưới dạng viên, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng uống và dưới dạng lỏng; thảo dược chăm sóc da (dùng trong ngành y) dưới dạng viên, dưới dạng bột, dưới dạng viên nén, dưới dạng viên nang, dưới dạng uống và dưới dạng lỏng.

---

(111) **4-0092394**
(210) 4-2005-15807
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEWTOP

(151) 03.12.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TOÀN CHÂN (VN)
Số 193/21 Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092395**
(210) 4-2005-15808
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOLPENE

(151) 03.12.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092396**
(210) 4-2005-15056
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 09.11.2005

(531) 3.2.1; A1.5.8; A1.13.5
(731) NEW TOP POWER ENTERPRISE CO., LTD. (TW)
No. 68, Sec. 1, Chung Hsin Rd., Shen Kang Hsiang, Chang Hua Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 23: Chỉ sợi; sợi chỉ bông; chỉ thêu; chỉ sợi tơ; chỉ sợi và chỉ tổng hợp; chỉ sợi và chỉ dùng trong ngành dệt; chỉ sợi và chỉ spandex dùng trong ngành dệt; tơ spandex dùng trong ngành dệt; tơ đơn polyetylen dùng trong ngành dệt; và tơ tổng hợp.

---

(111) **4-0092397**
(210) 4-2005-15246
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PRO-CURE

(151) 03.12.2007
(220) 11.11.2005

(731) BEHN MEYER AGRICARE (S) PTE LTD (SG)
100 Pasir Panjang Road, Singapore 118518
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, thuốc diệt cỏ, chế phẩm để diệt cây có hại.

---

(111) **4-0092398**
(210) 4-2005-15412
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AQUAFINA CHILL

(151) 03.12.2007
(220) 15.11.2005

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga và các đồ uống không cồn khác; đồ uống trái cây và nước trái cây ép; xi rô, chất cô đặc để pha đồ uống và các chế phẩm khác pha đồ uống.

---

(111) **4-0092399**
(210) 4-2005-15630
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SHISEIDO

(151) 03.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) SHISEIDO COMPANY LTD. (JP)
7-5-5 Ginza, Chuo-ku, Tokyo 104-8010, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp, dịch vụ chăm sóc da và dịch vụ trang điểm (không bao gồm xăm môi, xăm mí mắt và các dịch vụ gây chảy máu khác).

---

(111) **4-0092400**
(210) 4-2006-17702
(181) 20.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THẾ NGUYÊN

(151) 03.12.2007
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THẾ NGUYÊN (VN)
20A Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Đèn trang trí trong nội thất.

Nhóm 14: Đồng hồ đo thời gian (loại hàng thủ công mỹ nghệ).

Nhóm 16: Sản phẩm mỹ nghệ dùng trong văn phòng: cái chặn giấy; hộp đựng danh thiếp; giá để bút viết; tranh (vẽ bằng sơn dầu hoặc bột màu).

Nhóm 20: Hàng trang trí nội thất: gương soi, bàn ghế, tủ, kệ, khung tranh ảnh; hàng thủ công mỹ nghệ được làm bằng chất liệu nhựa tổng hợp (poly resin), nhựa composite và fiberglass (sợi thủy tinh) như: tượng, phù điêu, bệ đỡ (được gắn áp sát vào tường, cột nhà hoặc làm giá đỡ cho các vật trang trí) mặt nạ trang trí, mô hình kiến trúc thu nhỏ.

Nhóm 21: Bình hoa; chậu hoa; lọ hoa.

Nhóm 35: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; mua bán hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0092401**
(210) 4-2005-13896
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMFAVENT

(151) 03.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION Co., LTD. (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092402**
(210) 4-2005-13897
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALOEDERM

(151) 03.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION Co., LTD. (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092403**
(210) 4-2005-13899
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LISANOLONA

(151) 03.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) LISAPHARMA S.P.A ITALY (IT)
Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Como), Italy
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092404**
(210) 4-2005-13900
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LISADARDUM

(151) 03.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) LISAPHARMA S.P.A ITALY (IT)
Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Como), Italy
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092405**
(210) 4-2005-14072
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ cam, vàng, vàng đậm, xanh lá cây, xanh tím, trắng, trắng ngà, xanh lá mạ, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092406**
(210) 4-2005-14073
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ cam, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh lá mạ, vàng, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1 B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092407**
(210) 4-2005-14074
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, xanh lá cây, vàng, vàng đậm, da cam, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, nâu, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092408**
(210) 4-2005-14075
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ cam, đỏ đậm, nâu, xanh lá cây, vàng, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092409**
(210) 4-2005-14076
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ cam, da cam, đỏ đậm, xanh lá cây, vàng, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, nâu, hồng hoa mười giờ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092410**
(210) 4-2005-14078
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ đậm, xanh lá cây, vàng, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092411**
(210) 4-2005-14079
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, da cam, da cam đậm, xanh lá cây, vàng, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092412**
(210) 4-2005-14080
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ đậm, đỏ cam, da cam, xanh lá cây, vàng, xanh tứn, trắng, trắng ngà, đen, hồng nhạt, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092413**
(210) 4-2005-14081
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

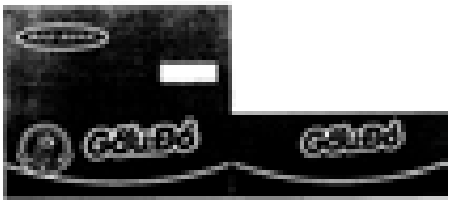

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.1.1; 3.1.14; 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092414**
(210) 4-2005-14170
(181) 25.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Cute shop

(151) 03.12.2007
(220) 25.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Vali, ba lô, túi du lịch, túi xách, ví các loại thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Gối, đệm ngủ, đệm có hình thú vật, đệm các loại bằng vải, khung ảnh bằng vải thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, bao đệm, bao gối, khăn trải bàn, khăn trải giường bằng vải thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, mũ đội đầu các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092415**
(210) 4-2005-14965
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 3.1.4; 26.1.2
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN THẦN CHÂU (VN)
87 Lương Nhữ Học, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc y học dân tộc (thuốc làm từ thảo mộc): thuốc nước; thuốc mỡ; thuốc dạng bột; thuốc viên (hoàn mềm); thuốc đắp; thuốc dán.

---

(111) **4-0092416**
(210) 4-2005-14994
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 26.1.2; A25.7.21
(591) Đen, trắng, xám
(731) CƠ SỞ CHÂU TÔ HÀ (VN)
94/53/77 ấp 4, xã Bình Hưng Hoà, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Vỏ dây phanh xe đạp, dây ga xe gắn máy.

---

(111) **4-0092417**
(210) 4-2005-14063
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EPOCALDITON

(151) 03.12.2007
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CAMLY (VN)
Tòa nhà CC2, khu đô thị mới Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092418**
(210) 4-2005-14324
(181) 26.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

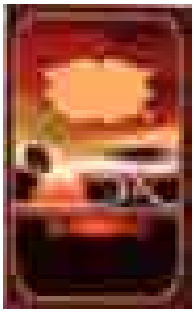

(151) 03.12.2007
(220) 26.10.2005

(531) 3.3.15; 18.3.2; 25.1.15
(591) Nâu sẫm, đỏ, kem đậm, đen, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐÀO (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092419**
(210) 4-2005-14328
(181) 26.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

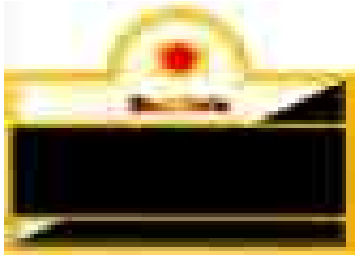

(151) 03.12.2007
(220) 26.10.2005

(531) 25.1.15; 5.13.4
(591) Đen, vàng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐÀO (VN)
Khu công nghiệp Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092420**
(210) 4-2005-14670
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BAGI 18 BEER

(151) 03.12.2007
(220) 02.11.2005

(531) 26.1.1; 4.5.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT BẮC GIANG (VN)
Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng (đồ uống); nước uống có gas; nước ép trái cây; bia; đồ uống không có cồn.

---

(111) **4-0092421**
(210) 4-2006-01604
(181) 07.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

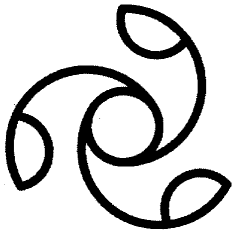

(151) 03.12.2007
(220) 07.02.2006

(531) 26.1.1; A1.5.23; 26.2.1
(731) JOCKEY INTERNATIONAL, INC. (US)
2300 60th Street, Kenosha, Wisconsin 53141, USA
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo lót và tất cho nam giới, phụ nữ và trẻ em; quần soóc, áo sơ mi; đồ mặc vận động cho nam giới và phụ nữ, cụ thể, quần soóc cho võ sĩ quyền Anh, quần soóc để đi xe đạp, quần soóc tập thể dục, quần dài, áo len chui đầu, áo thể thao, quần thấm mồ hôi, áo thấm mồ hôi, quần soóc thấm mồ hôi, bộ quần áo thấm mồ hôi, áo cộc tay, áo không tay, bộ quần áo tập luyện, bộ quần áo khởi động; quần áo lót dài; quần áo ngủ; quần áo mặc đêm, bộ pi-ja-ma; áo choàng; áo choàng mặc ban đêm và khi ngủ; áo choàng tắm; quần áo gợi cảm mặc trong của phụ nữ, cụ thể, quần lót trong, áo lót trong, tất dài liền áo, đai lưng (dùng cho quần áo), áo coóc-xê được kết hợp với áo lót trong, áo coóc-xê, váy trong, đồ mặc nịt của phụ nữ, áo ngực, bít tất, quần liền tất bó sát người và quần lót trong liền tất dệt kim; mũ và mũ y phục; áo jắc-két; quần lót; và quần dài; đồ mặc bơi, cụ thể, bộ đồ mặc bơi, quần để bơi và quần soóc bơi; áo jắc-két mặc để lái mô-tô; áo jắc-két mặc để chơi golf; bộ đồng phục; bộ đồ mặc cho trẻ sơ sinh và trẻ em, cụ thể, áo sơ mi, áo len đan, quần áo bộ, quần, yếm vải, mũ, giày len, găng tay, bộ quần áo yếm, bộ quần áo bó, bộ áo liền quần, giày, áo choàng mặc đêm và khi ngủ, váy áo thụng ngoài, tã lót vải và quần đóng tã lót.

Nhóm 35: Cửa hàng bán lẻ hàng truyền thống, cửa hàng bán lẻ trực tuyến, và dịch vụ bán hàng tại nhà trong lĩnh vực quần áo, đồ mặc lót trong và đồ bằng vải lanh dùng trong gia đình; dịch vụ bán lẻ trực tiếp thông qua các đại diện bán hàng độc lập trong lĩnh vực

quần áo, đồ mặc lót và đồ bằng vải lanh dùng trong gia đình; dịch vụ chương trình tặng thưởng khuyến khích cho người khác để thúc đẩy việc bán hàng trong lĩnh vực quần áo, đồ mặc lót và đồ bằng vải lanh dùng trong gia đình.

---

(111) **4-0092422**
(210) 4-2005-12679
(181) 28.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaPao

(151) 03.12.2007
(220) 28.09.2005

(731) CƠ SỞ KHƯU QUỐC THÔNG (VN)
232 Chu Văn An, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0092423**
(210) 4-2005-12818
(181) 30.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 30.09.2005

(531) 3.3.1; 25.1.6
(591) Đỏ, nâu đỏ, đen, trắng, xanh dương, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRIỀU CHEN (VN)
E17/15C, ấp 5, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Tấm ốp tường bằng nhôm.

---

(111) **4-0092424**
(210) 4-2005-13331
(181) 10.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Nam-Thành-Lợi

(151) 03.12.2007
(220) 10.10.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NAM THÀNH LỢI (VN)
Lô C6-C11 cụm công nghiệp vật liệu xây dựng Hố Nai 3, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Gạch ống; gạch đinh.

---

(111) **4-0092425**
(210) 4-2006-01399
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT KẾ THỜI TRANG LE NY (VN)
51 C9 khu qui hoạch Rạch Miễu, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Nữ trang; đồng hồ đo thời gian.

Nhóm 18: Túi xách tay; ví; cặp da đựng tài liệu, túi thể thao (không thiết kế đặc biệt); va li; dù (ô).

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; nón; quần lót; áo lót; thắt lưng (trang phục).

---

(111) **4-0092426**
(210) 4-2006-01400
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 3.9.1; A6.3.3; 6.1.2; A7.1.11
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, xanh da trời, xanh lá cây, vàng, xanh tím, đen, nâu, nâu nhạt
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VĨNH THÀNH (VN)
Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

(111) **4-0092427**
(210) 4-2006-03913
(181) 20.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 20.03.2006

(531) 26.3.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KHANG MINH (VN)
Căn hộ 25-4, tháp C, khu căn hộ Quốc tế Thuận Kiều, số 190 Hồng Bàng, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Mực in.

Nhóm 16: Giấy in màu.

---

(111) **4-0092428**
(210) 4-2006-03915
(181) 20.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 20.03.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh da trời, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THẠCH NHUNG (VN)
205 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo lót; áo; quần; mũ; giày; dép.

Nhóm 35: Mua bán: vật tư, nguyên liệu, hoá chất phục vụ sản xuất công nghiệp, hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, đường, sữa, bánh kẹo, thuốc lá, mì ăn liền, vải sợi, quần áo, giấy, bao bì giấy, hàng thủ công mỹ nghệ; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Nhóm 36: Mua bán nhà; môi giới bất động sản.

---

(111) **4-0092429**
(210) 4-2006-05586
(181) 12.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 12.09.2006

(531) 26.4.2; 24.13.25; 24.1.25
(591) Xanh đậm, vàng, xám, đen, trắng
(731) CPA AUSTRALIA (AU)
Commonwealth Bank Building, 28th Floor, 385 Bourke Street, Melbourne, Victoria 3000, Australia
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 09: Băng đã ghi, đĩa đã ghi và cát xét đã ghi; bộ nhớ chỉ đọc đã được ghi trên đĩa compact; đĩa compact tương tác; chương trình máy tính; phần mềm máy tính; thông tin được lưu giữ trên hoặc trong các phương tiện điện tử, từ tính và hoặc quang học; phim dương bản; phim điện ảnh; tất cả các sản phẩm kể trên liên quan đến nghiên cứu kế toán, tài chính và kinh doanh; thẻ điện tử và thẻ điện tử có chứa giá trị.

Nhóm 16: Xuất bản phẩm, sách, tạp chí, báo, bản tin, sách quảng cáo nhỏ, sách mỏng, tài liệu, đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể các loại máy móc); ấn phẩm; văn phòng phẩm, giấy và các sản phẩm làm từ giấy, đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); tất cả sản phẩm kể trên liên quan đến kế toán, kinh doanh thương mại, quản lý, thuế, tài chính, công nghệ thông tin, tư vấn, thông tin và giáo dục cho những người tham gia vào các lĩnh vực đó; sách kỹ thuật và sách hướng dẫn du lịch cho các thành viên của hiệp hội.

Nhóm 35: Cung cấp dịch vụ quản lý kinh doanh, quản trị kinh doanh, hoạt động văn phòng, quảng cáo, maketing, sắp xếp việc làm và quan hệ công chúng cho các thành viên của hiệp hội; thúc đẩy việc kinh doanh chung và lợi ích và quyền lợi nghề nghiệp của các thành viên hiệp hội; truyền bá các chuẩn mực hiệu suất, tiến hành nghiên cứu sản phẩm và thị trường; quảng cáo và thông tin các hệ thống, các ứng dụng, phương pháp luận, ý kiến và thông tin liên quan đến kế toán; biên soạn thông tin để đưa vào cơ sở dữ liệu của máy tính; các dịch vụ bán buôn, dịch vụ phân phối, dịch vụ xuất khẩu và nhập khẩu, các dịch vụ bán lẻ, bán lẻ qua điện thoại, thư tín, trực tuyến và qua mạng Internet đối với các sản phẩm sách, tạp chí, tài liệu giảng dạy và học tập (không kể máy móc), băng, đĩa, cát xét, chương trình máy tính, phần mềm và các khóa đào tạo; tất cả các dịch vụ nói trên được cung cấp cho các thành viên của hiệp hội.

Nhóm 36: Cung cấp các dịch vụ ngân hàng, tài chính và thẻ tín dụng cho các thành viên, cung cấp lương hưu, lập kế hoạch thừa hưởng kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm cho các thành viên, cung cấp phương tiện tài chính cho các thành viên, đảm bảo các mức giảm giá vé máy bay cho các thành viên.

Nhóm 41: Cung cấp các chỉ dẫn hướng nghiệp qua phương tiện điện tử, cơ sở mạng, trực tuyến, từ xa và/hoặc tại chỗ; cung cấp các chương trình phát triển nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, các khoá đào tạo từ xa và/hoặc đào tạo hướng nghiệp tại chỗ, qua mạng, trực tuyến, qua phương tiện điện tử; cung cấp các dịch vụ trường học và dịch vụ cao học; lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các buổi đại hội, hội nghị, hội đàm, hội nghị chuyên đề, xêmina, bài giảng, thảo luận, nghiên cứu, hội thảo và tất cả các hình thức gặp

mặt có tính chất chuyên nghiệp và khoa học; lập kế hoạch, tổ chức và quản lý các hoạt động vui chơi giải trí, văn hoá, thể thao, giao lưu và trao đổi thông tin; cung cấp các dịch vụ câu lạc bộ sức khoẻ; cho thuê phim viđêô/ ca nhạc, cát xét; băng, đĩa và đĩa compact; cung cấp các xuất bản phẩm dạng điện tử; gọi ra và cung cấp các bài báo đã được phổ biến hoặc đã được in ấn; tất cả các dịch vụ nói trên liên quan đến kế toán, tài chính, kinh doanh, quản lý, thuế và công nghệ thông tin và được cung cấp cho các thành viên của hiệp hội.

Nhóm 42: Dịch vụ nghiên cứu khoa học và công nghiệp, nghiên cứu kỹ thuật, nghiên cứu dự án kỹ thuật, cho thuê phần cứng và phần mềm máy tính, lập chương trình máy tính, thiết kế phần mềm máy tính, nâng cấp phần mềm máy tính, phục hồi dữ liệu máy tính, bảo trì phần mềm máy tính, phân tích các hệ thống máy tính, truy nhập vào cơ sở dữ liệu qua mạng Internet hoặc máy tính, cho thuê thời gian truy nhập vào cơ sở dữ liệu của máy tính, cho thuê thời gian truy nhập vào cơ sở dữ liệu của máy tính để điều khiển dữ liệu; cung cấp các dịch vụ kiểm soát chất lượng, dịch vụ chứng nhận và cấp uỷ nhiệm thư cho các thành viên; các dịch vụ pháp lý; tất cả các dịch vụ trên được thực hiện bởi hiệp hội cho các thành viên riêng của hiệp hội.

---

(111) **4-0092430**
(210) 4-2005-12885
(181) 03.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

E.C.P.D
百德

(151) 03.12.2007
(220) 03.10.2005

(531) 7.1.24; 26.3.3; 26.3.1; 26.3.23
(731) ALUDO ENTERPRISE CO., LTD. (TW)
2F., No.16, Lane 21, Gaocheng 1st St., Bade City, Taoyuan County 334, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Cửa sổ bằng kim loại; cửa ra vào bằng kim loại; cửa sổ hai cánh bằng kim loại; khung cửa ra vào bằng kim loại; khung kính trượt bằng kim loại; khung cửa sổ bằng kim loại; cửa ra vào bằng nhôm; cửa sổ bằng nhôm.

---

(111) **4-0092431**
(210) 4-2005-13265
(181) 10.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VĨNH ĐÔNG CO.,LTD
VĨNH ĐÔNG

(151) 03.12.2007
(220) 10.10.2005

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI VĨNH ĐÔNG (VN)
151 Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị vệ sinh, nguyên liệu- sản phẩm nhựa, hàng kim khí điện máy, vật tư ngành nông lâm nghiệp, động cơ điện, máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ ngành công - nông -lâm ngư nghiệp.

---

(111) **4-0092432**
(210) 4-2006-17186
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTECH

(151) 03.12.2007
(220) 12.10.2006

(731) JANUS INTERNATIONAL HOLDING LLC (a Nevada corporation) (US)
151 Detroit Street, Denver, Colorado 80206, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ đầu tư quỹ của tổ chức khác; dịch vụ tư vấu đầu tư và đầu tư quỹ hỗ tương.

---

(111) **4-0092433**
(210) 4-2006-17187
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

JANUSINTECH

(151) 03.12.2007
(220) 12.10.2006

(731) JANUS INTERNATIONAL HOLDING LLC (a Nevada corporation) (US)
151 Detroit Street, Denver, Colorado 80206, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ đầu tư quỹ của tổ chức khác; dịch vụ tư vấn đầu tư và đầu tư quỹ hỗ tương.

---

(111) **4-0092434**
(210) 4-2005-12820
(181) 30.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 30.09.2005

(531) 3.7.17; A3.7.24; 26.1.1
(731) SICHUAN YINGLIN ENTERPRISE GROUP CO., LTD (CN)
East Sansu Avenue, Dongpo District, Meishan Sichuan, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Natri sunfat khan.

---

(111) **4-0092435**
(210) 4-2006-01346
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THROATSIL

(151) 03.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0092436**
(210) 4-2006-01397
(181) 25.01.2016
(300) 2397801 26.07.2005 GB
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 2.1.8; A2.1.16
(731) PENFOLD GOLF LIMITED (GB)
45A Waterlinks House, Richard Street, Birmingham, England, B7 4AA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 25: Đồ mặc (quần áo); đồ đi chân (giầy dép); đồ đội đầu (mũ nón).

Nhóm 28: Trò chơi và đồ chơi; bóng dùng để chơi gôn.

---

(111) **4-0092437**
(210) 4-2006-03284
(181) 09.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Roland

(151) 03.12.2007
(220) 09.03.2006

(591) Xanh tím
(731) AMERICAN ROLAND FOOD CORPORATION (US)
71 West 23rd Street, New York, New York 10010, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm và thú săn không còn sống; chất chiết ra từ thịt, rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông; mứt; trứng; sữa và sản phẩm làm từ sữa; dầu thực vật và mỡ ăn.

Nhóm 30: Bột và sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mì, bánh, mứt kẹo; tương hạt cải; dấm; nước xốt (trừ nước xốt dùng cho xà lách); đồ gia vị; gia vị; đường; muối; cà phê; chè; ca cao và gạo; nước xốt hoa quả.

---

(111) **4-0092438**
(210) 4-2006-03574
(181) 14.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 14.03.2006

(531) A5.5.21; 1.1.15
(731) SIX CONTINENTS HOTELS, INC. (US)
3 Ravinia Drive, Atlanta Georgia 30346, United States
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ khách sạn cho khách đi xe hơi; dịch vụ cung cấp phòng nghỉ tạm thời; dịch vụ cung cấp chỗ ở tạm thời; dịch vụ đặt chỗ trước ở khách sạn và ở các nơi cung cấp chỗ ở tạm thời; lập kế hoạch và cung cấp thông tin về các kỳ nghỉ liên quan đến chỗ ở tạm thời; quầy rượu; dịch vụ hộp đêm và nhà hàng phục vụ rượu cocktail; tiệm cà phê, dịch vụ nhà hàng ăn uống và quán rượu nhỏ; dịch vụ cung cấp đồ ăn và đồ uống (do nhà hàng cung cấp); dịch vụ cung cấp cơ sở vật chất (phương tiện) cho triển lãm, cuộc họp và cho hội nghị; dịch vụ đăng ký nhận phòng ở khách sạn và dịch vụ trả phòng ở khách sạn; dịch vụ cung cấp thông tin điện tử liên quan đến khách sạn; dịch vụ tư vấn, cố vấn liên quan đến các dịch vụ nói trên.

---

(111) **4-0092439**
(210) 4-2006-03687
(181) 16.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ATUM

(151) 03.12.2007
(220) 16.03.2006

(731) ATUM TECHNOLOGY INC. (TW)
Room 1268, 12th floor, No. 325, Section 4, Zhongxiao East Rd., Da-an District, Taipei, 10696, Taiwan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Loa âm thanh; dây cáp điện dùng cho máy vi tính; máy quay phim dùng cho máy vi tính; thiết bị điều khiển con trỏ trên màn hình máy vi tính, cụ thể là con chuột dùng cho máy vi tính; cạc mạng máy vi tính; bộ điều khiển trung tâm dùng cho mạng

máy tính; công tắc và cầu dẫn; bộ tai nghe dùng cho máy vi tính; bàn phím dùng cho máy vi tính; túi đựng máy tính xách tay; micrô; bộ điều biến (môđem); bộ chuyển phích cắm; ổ cắm; phích cắm; điện thoại có loa ngoài; thiết bị ngoại vi không dây dùng cho máy vi tính, cụ thể là môđem không dây; bao đựng đĩa máy vi tính; khoá an toàn dùng cho máy vi tính; thiết bị đọc thẻ nhớ dùng cho máy vi tính; bộ nhớ cho máy vi tính; giá cắm cạc dùng cho máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; cạc mạng không dây dùng cho máy vi tính; cạc mạng nội bộ; cạc máy tính mạng nội bộ dùng để kết nối các thiết bị máy tính xách tay với mạng máy tính; thiết bị USB.

---

(111) **4-0092440**
(210) 4-2005-15414
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 03.12.2007
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN AC (VN)
G7- khu biệt thự ghép làng quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Dây cáp điện; cầu dao tự động; công tắc điện; ổ cắm điện; chuông điện; bàn là điện.

---

(111) **4-0092441**
(210) 4-2006-14649
(181) 01.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MOI

(151) 04.12.2007
(220) 01.09.2006

(731) MEWAH BRANDS (S) PTE LTD (SG)
231 Pandan Loop, Singapore 128418
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn và mỡ ăn, sữa và sản phẩm từ sữa, bơ, bơ thực vật, mứt bơ lạc và mứt trứng dừa.

---

(111) **4-0092442**
(210) 4-2006-15935
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 21.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT KÍNH NGHỆ THUẬT (VN)
27 Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Hàng khảm bằng pha lê, kính, thuỷ tinh dùng cho mục đích xây dựng.

Nhóm 20: Gương soi, khung ảnh (thuỷ tinh).

Nhóm 21: Hàng khảm bằng pha lê, kính, thuỷ tinh không dùng cho mục đích xây dựng.

---

(111) **4-0092443**
(210) 4-2006-17826
(181) 23.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ECWIN

(151) 04.12.2007
(220) 23.10.2006

(731) ALEMBIC LIMITED (IN)
Alembic Road, Vadodara - 390003 India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092444**
(210) 4-2006-17827
(181) 23.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

REHYDRAL

(151) 04.12.2007
(220) 23.10.2006

(731) ALEMBIC LIMITED (IN)
Alembic Road, Vadodara - 390003 India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092445**
(210) 4-2006-15734
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

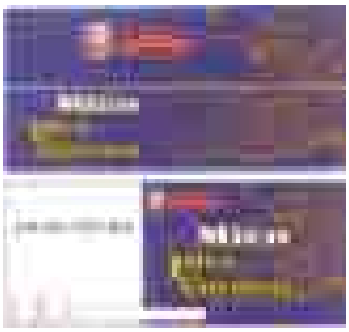

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 4.3.3
(591) Tím nhạt, trắng, đen, đỏ, vàng đậm, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM. (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092446**
(210) 4-2006-15735
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

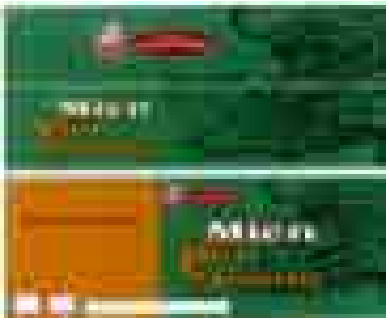

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 4.3.3
(591) Xanh lá cây, trắng, đen, đỏ, vàng đậm
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092447**
(210) 4-2006-15750
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TOÀN CÁT (VN)
168 Ter Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị tin học, máy văn phòng.

---

(111) **4-0092448**
(210) 4-2006-15755
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 26.15.1; 1.5.1
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT TÂN CHÂU (VN)
217 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong ngành dệt nhuộm.

Nhóm 35: Mua bán hoá chất công nghiệp, nguyên vật liệu và máy móc, trang thiết bị phụ tùng phục vụ ngành dệt nhuộm, hạt nhựa, sợi cho ngành dệt may, vải, mỹ phẩm, hàng may mặc, hàng kim khí điện máy, ô tô, xe tải, xe máy, đồ dùng gia đình.

---

(111) **4-0092449**
(210) 4-2006-16601
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZIDOLAM

(151) 04.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (IN)
43, Vikas Centre 106, S V Road, Santacruz (W), Mumbai 400054, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092450**
(210) 4-2006-16602
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LEVOCIDE

(151) 04.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092451**
(210) 4-2006-16603
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OCAL

(151) 04.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (IN)
43, Vikas Centre 106, S V Road, Santacruz (W), Mumbai 400054, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092452**
(210) 4-2006-16604
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRIBACT

(151) 04.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (IN)
43, Vikas Centre 106, S V Road, Santacruz (W), Mumbai 400054, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092453**
(210) 4-2006-16605
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUPIVON

(151) 04.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) LUPIN LTD (IN)
C wing, Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Mumbai 400051 India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092454**
(210) 4-2006-00707
(181) 13.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AZaMi
jewellry

(151) 04.12.2007
(220) 13.01.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ "SIM" (VN)
Số 1N, phố Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý.

---

(111) **4-0092455**
(210) 4-2006-02275
(181) 16.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 16.03.2006

(531) 26.1.1; A26.1.18
(591) Ghi xám, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHÚ THUẬN (VN)
ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092456**
(210) 4-2006-05330
(181) 10.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 10.04.2006

(531) A3.9.2
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH AN (VN)
Tổ 5 khu chợ thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Ắc quy chì.

---

(111) **4-0092457**
(210) 4-2006-05331
(181) 10.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 10.04.2006

(531) 1.15.3
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH AN (VN)
Tổ 5 khu chợ thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Ắc quy chì.

---

(111) **4-0092458**
(210) 4-2006-16163
(181) 26.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

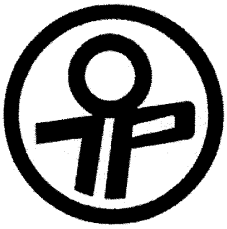

(151) 04.12.2007
(220) 26.09.2006

(531) 26.1.1; 26.1.4; A26.1.18
(731) FUZHOU TEVICK AUTOMOBILE FITTING CO., LTD. (CN)
Qingkou Investment Zone, Minhou, Fujian, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Vòng găng của pít tông; pít tông dùng cho động cơ; pít tông (chi tiết của máy và động cơ); pít tông dùng cho động cơ của xe cộ; pít tông dùng cho xilanh; xilanh dùng cho động cơ, nắp xilanh của động cơ, bộ lọc dầu cho mô tơ và động cơ, máy phát điện; bộ tiết kiệm nhiên liệu dùng cho mô tơ và động cơ.

---

(111) **4-0092459**
(210) 4-2006-16381
(181) 29.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 29.09.2006

(531) 5.7.6; A5.1.5; 5.3.16
(731) CÔNG TY TNHH GRAND-PLACE VIETNAM (VN)
Số 9 đường số 2, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Sôcôla, cacao.

---

(111) **4-0092460**
(210) 4-2006-17393
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 17.10.2006

(531) 26.1.2; A5.1.5; 24.13.1
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ Y SINH HỌC TUYẾT THÁI (VN)
Số 134, ngõ 1194, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ khám chữa bệnh cho người, bệnh viện.

---

(111) **4-0092461**
(210) 4-2006-15578
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SEALEX

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) 26.4.2; A25.7.2
(731) AMPELITE MANUFACTURING CO. LTD. (TH)
88 Moo 3, Kingkaew Road, Racha Thaewa, Bangplee, Samutprakarn 10540 Thailand
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; tấm panen xây dựng không bằng kim loại; tấm lợp mái không bằng kim loại; vật liệu lợp mái nhà không bằng kim loại; cửa

chớp không bằng kim loại; lớp gỗ che tường (lớp gạch giữ bờ đất, lớp đá giữ bờ đất) không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0092462**
(210) 4-2006-15716
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Cam, đỏ, hồng, trắng, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092463**
(210) 4-2006-15717
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Đen, đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, cam
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092464**
(210) 4-2006-15718
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

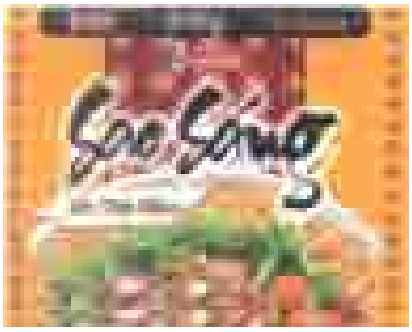

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Đen, đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, nâu đậm, cam
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092465**
(210) 4-2006-15719
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Đen, đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, cam
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092466**
(210) 4-2006-15730
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

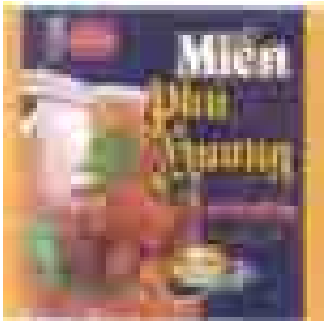

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Xanh lá cây, tím đậm, trắng đen, vàng đậm, vàng nhạt, đỏ, cam
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM. (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092467**
(210) 4-2006-15731
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 4.3.3
(591) Vàng đậm, vàng nhạt, trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092468**
(210) 4-2006-15732
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 4.3.3
(591) Xanh dương, trắng, đen, đỏ, vàng đậm
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092469**
(210) 4-2006-15733
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

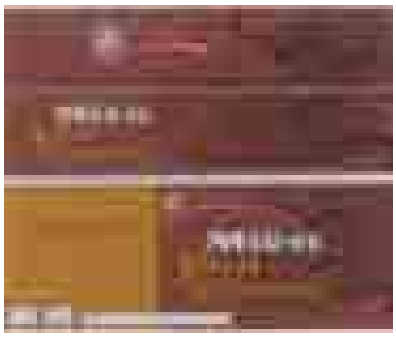

(151) 04.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 4.3.3
(591) Nho, trắng, đen, đỏ, vàng đậm
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM. (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0092470**
(210) 4-2006-05332
(181) 10.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Discovery
BATTERY

(151) 04.12.2007
(220) 10.04.2006

(531) 1.5.1
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH AN (VN)
Tổ 5 khu chợ thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Ắc quy chì.

---

(111) **4-0092471**
(210) 4-2006-07072
(181) 09.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIỆT THÁI

(151) 04.12.2007
(220) 09.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VIỆT THÁI (VN)
Số 17, cụm 4 tiểu khu Công nghiệp Long Biên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước tinh khiết, nước ngọt có ga, nước ngọt không có ga.

Nhóm 33: Rượu vang, rượu vodka.

---

(111) **4-0092472**
(210) 4-2006-15044
(181) 08.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 08.09.2006

(531) A26.11.12; 3.13.1; A5.5.20; A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU (VN)
Số 7, tổ 17, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn kinh doanh; dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp; cung cấp thông tin thị trường; môi giới thương mại; dịch vụ bán buôn bán lẻ các loại hàng hóa.

Nhóm 42: Tư vấn sở hữu trí tuệ; dịch vụ sở hữu trí tuệ; dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ; dịch vụ pháp lý trong lĩnh vực tố tụng; dịch vụ tư vấn pháp luật.

---

(111) **4-0092473**
(210) 4-2006-15340
(181) 13.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KALYZYM

(151) 04.12.2007
(220) 13.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HOÀ (VN)
48 Sinh Trung, Vạn Thanh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092474**
(210) 4-2006-15429
(181) 14.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 14.09.2006

(531) A26.11.12; 3.7.17; A25.1.10
(731) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho mục đích y tế, băng vệ sinh, miếng lót (dùng cho mục đích vệ sinh); băng vệ sinh phụ nữ dùng trong kỳ kinh nguyệt; quần lót vệ sinh; tã lót dùng trong trường hợp không kiềm chế được; miếng thấm dùng trong trường hợp không kiềm chế được; quần lót dùng trong trường hợp không kiềm chế được; mặt nạ vệ sinh có chứa

dược phẩm; bông thấm; miếng lót ngực để thấm sữa chảy dùng cho phụ nữ đang cho con bú; chất khử mùi không dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0092475**
(210) 4-2006-15640
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OPEMICOZOL

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092476**
(210) 4-2006-15660
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SERROPEP

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092477**
(210) 4-2006-15669
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FEROZIT

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092478**
(210) 4-2006-15680
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PIOSAFE

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092479**
(210) 4-2006-15694
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

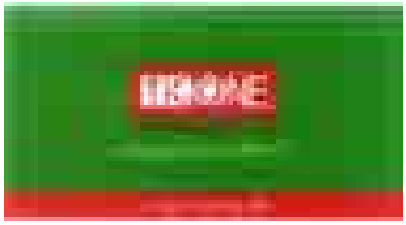

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh lá cây, trắng, đỏ, đỏ nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TC (VN)
Tổ 3, khu phố Tiền Giang II, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 30: Chè; cà phê; cacao.

---

(111) **4-0092480**
(210) 4-2006-15308
(181) 13.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUAKER BOOST

(151) 04.12.2007
(220) 13.09.2006

(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Đồ uống làm từ bột yến mạch.

---

(111) **4-0092481**
(210) 4-2006-10692
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 04.10.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SECURENMAN VIỆT NAM (VN)
Đường NA3, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Cửa chống cháy nổ làm bằng thép; cửa chống cháy nổ làm bằng nhôm; hộp kim loại chứa và đậy dây điện cho gọn (máng cáp điện bằng kim loại).

Nhóm 19: Cửa chống cháy nổ làm bằng gỗ.

---

(111) **4-0092482**
(210) 4-2006-03865
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 17.03.2006

(531) 26.3.23; 26.1.1; 26.1.6; 7.3.11
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚC LỘC GIA (VN)
4.8 C/c Bưu Chính, số 270 bis Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại; mua bán vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0092483**
(210) 4-2006-03866
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 17.03.2006

(531) 26.3.1; 7.3.11; 26.5.1
(591) Đỏ, xám
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚC LỘC GIA (VN)
4.8 C/c Bưu Chính, số 270 bis Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà ở, dịch vụ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

---

(111) **4-0092484**
(210) 4-2006-04285
(181) 24.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 24.03.2006

(731) NGUYỄN ĐỨC THẠNH (VN)
16 Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0092485**
(210) 4-2006-06001
(181) 19.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH AM RO VI (VN)
62 Nguyễn Huy Tự, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0092486**
(210) 4-2006-06002
(181) 19.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.04.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25
(591) Hồng cánh sen, vàng, xanh da trời, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH AM RO VI (VN)
62 Nguyễn Huy Tự, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0092487**
(210) 4-2006-07285
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TVT
TOVATO

(151) 04.12.2007
(220) 12.05.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 21: Nồi, niêu, xoong, chảo dùng cho nhà bếp (không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy).

---

(111) **4-0092488**
(210) 4-2006-12303
(181) 01.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 01.08.2006

(531) 1.7.1; A1.5.11
(591) Đỏ, vàng, trắng, hồng phấn
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0092489**
(210) 4-2006-12949
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NGÂN HÀNG NAM Á
NAM A BANK

(151) 04.12.2007
(220) 08.08.2006

(591) Xanh dương, trắng
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á (VN)
97 bis Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

Nhóm 36: Huy động vốn; huy động vốn từ nước ngoài; mua bán ngoại tệ; cho vay tiền; vay vốn các tổ chức tín dụng khác; tiếp nhận và phát triển vốn đầu tư, thanh toán quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh vốn; dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; dịch vụ chuyển tiền nhanh; dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được ngân hàng nhà nước cho phép.

---

(111) **4-0092490**
(210) 4-2006-02312
(181) 20.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 20.02.2006

(591) Đen, đỏ nâu
(731) CÔNG TY TNHH TIÊN PHONG VIỆT NAM (VN)
Số 14 phố Vũ Thạnh, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố chạy điện; máy vắt hoa quả chạy điện; máy hút bụi chạy điện, máy rửa bát đĩa chạy điện; máy giặt chạy điện; máy đánh trứng chạy điện.

Nhóm 11: Lò vi sóng; bếp ga chạy điện; bếp cảm ứng; lò nướng đa năng; bếp điện; lò nướng bánh sandwich; lò sưởi; máy sấy tóc chạy điện; tủ lạnh; điều hoà nhiệt độ; máy hút ẩm; máy pha cà phê chạy điện; máy hút khói khử mùi chạy điện; vòi chậu rửa bát.

Nhóm 21: Nồi áp suất không chạy điện; bộ nồi làm bằng inox, chảo chống dính không chạy điện; chậu rửa bát làm bằng inox, máy tạo váng sữa không chạy điện.

---

(111) **4-0092491**
(210) 4-2006-02313
(181) 20.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 20.02.2006

(591) Đỏ sẫm
(731) CÔNG TY TNHH TIÊN PHONG VIỆT NAM (VN)
Số 14 phố Vũ Thạnh, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố chạy điện; máy vắt hoa quả chạy điện; máy hút bụi chạy điện; máy rửa bát đĩa chạy điện; máy giặt chạy điện; máy đánh trứng chạy điện.

Nhóm 11: Lò vi sóng; bếp ga chạy điện; lò nướng đa năng; lò nướng bánh sandwich; lò sưởi; nồi cơm điện; máy sấy tóc chạy điện; tủ lạnh; điều hoà nhiệt độ; máy hút ẩm; máy pha cà phê chạy điện; máy hút khói khử mùi chạy điện; vòi chậu rửa bát.

Nhóm 21: Nồi áp suất không chạy điện; bộ nồi làm bằng inox; chảo chống dính không chạy điện; chậu rửa bát làm bằng inox, máy tạo váng sữa không chạy điện.

---

(111) **4-0092492**
(210) 4-2006-15683
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LEVULACTYL

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092493**
(210) 4-2006-15684
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GLIMIPEX

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092494**
(210) 4-2006-15685
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DIOMIDON

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092495**
(210) 4-2006-15686
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTESTAID

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092496**
(210) 4-2006-15687
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CENTOCALCIUM

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092497**
(210) 4-2006-16588
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BACHTHUAN

(151) 04.12.2007
(220) 03.10.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23; A26.11.8
(591) Đỏ, vàng cam
(731) PHẠM ANH TÀI (VN)
392 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy vi tính thành bộ, bán lẻ linh kiện máy vi tính, máy in, linh kiện máy in, máy fax, linh kiện máy fax, máy photocopy, linh kiện máy photocopy.

---

(111) **4-0092498**
(210) 4-2006-07309
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KALMECO

(151) 04.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) PT KALBE FARMA TBK (ID)
Kawasan Industri Delta Silicon, Jl. MH Thamrin Blok A3- 1, Lippo Cikarang, Bekasi 17550, Indonesia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm vitamin.

---

(111) **4-0092499**
(210) 4-2006-07740
(181) 19.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ACTOSMET

(151) 04.12.2007
(220) 19.05.2006

(731) TAKEDA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED (JP)
1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0092500**
(210) 4-2006-11579
(181) 24.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

M3M

(151) 04.12.2007
(220) 24.07.2006

(531) A5.5.21
(731) MBM MOBILE LIMITED (HK)
Room 1102, 11/F, Sunbeam Centre, 27 Shing Yip Street, Kwun Tong, Kowloon, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Điện thoại di động, các phụ kiện của điện thoại di động, cụ thể là pin, bộ sạc pin, tai nghe, tai nghe choàng đầu, micrô, loa, dây đeo, hộp đựng; thẻ nhớ.

---

(111) **4-0092501**
(210) 4-2006-07460
(181) 16.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 16.05.2006

(531) 26.4.10
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÀ NẴNG MỄ CỐC (VN)
159-161 Hoàng Diệu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 35: Mua bán: thực phẩm công nghệ, nước giải khát; bia, rượu (không do nhà hàng thực hiện); mua bán thuốc lá, hàng tư liệu tiêu dùng, hàng tư liệu sản xuất.

---

(111) **4-0092502**
(210) 4-2006-10309
(181) 03.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

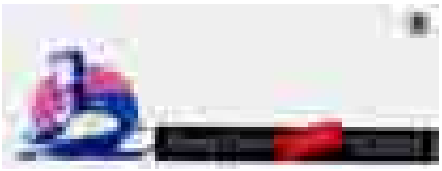

(151) 04.12.2007
(220) 03.07.2006

(531) 2.1.11; 24.17.21; 26.4.9
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh, hồng
(731) CÔNG TY TNHH DUNG CHON SHAB VINA (VN)
Số 8B/1 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092503**
(210) 4-2006-21538
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2006

(531) 1.5.1; 26.1.1
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ (VN)
211-213 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm tin học.

---

(111) **4-0092504**
(210) 4-2006-21539
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2006

(531) 1.5.1; 26.1.1
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ (VN)
211-213 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm máy tính xách tay.

---

(111) **4-0092505**
(210) 4-2006-22719
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

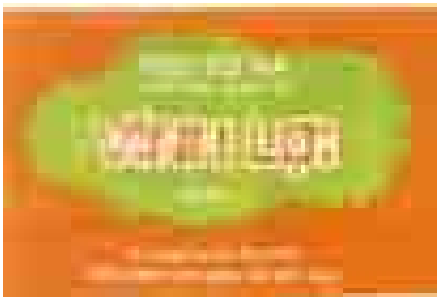

(151) 04.12.2007
(220) 26.12.2006

(531) 26.4.2; A25.7.6
(591) Cam, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI R.I.S.E. (VN)
Số 7 đường số 16, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Chất gắn dùng cho lốp hơi.

---

(111) **4-0092506**
(210) 4-2006-07301
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VINAHANOCERA

(151) 04.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN HỮU KIỀU (VN)
Tổ 31, phường Lê Hồng Phong, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bệ xí, chậu rửa, chân chậu rửa, bồn tiểu thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092507**
(210) 4-2006-07302
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 12.05.2006

(531) 26.4.3; 26.4.10; 24.15.2; 26.3.23
(591) Trắng, đỏ, xanh tím than
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Số 169 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng công trình giao thông.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092508**
(210) 4-2006-07303
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 12.05.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8; A26.11.12; 26.11.1; 1.7.6
(591) Nâu, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Số 169 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092509**
(210) 4-2006-07304
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Bò Tùng Xẻo

(151) 04.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Số 169 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ bán bia (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0092510**
(210) 4-2006-07549
(181) 17.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SONHASTONE

(151) 04.12.2007
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH CƠ KIM KHÍ SƠN HÀ (VN)
Số 332 phố Kim Ngưu, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; đồ nghệ thuật bằng đá; đá xây dựng; gạch đá hoa.

---

(111) **4-0092511**
(210) 4-2005-13082
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 26.4.2
(731) KIMAGE SALON PTE LTD. (SG)
109 North Bridge Road, #05-01 Funan The IT Mall, Singapore 179097
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Tiệm uốn tóc; dịch vụ chăm sóc tóc; dịch vụ xử lý tóc bằng mỹ phẩm; dịch vụ tư vấn về tóc; dịch vụ làm đẹp; dịch vụ chăm sóc da; dịch vụ chăm sóc da mặt; dịch vụ xử lý da mặt bằng mỹ phẩm; dịch vụ thẩm mỹ; dịch vụ trang điểm; dịch vụ tư vấn sắc đẹp, tất cả các dịch vụ này đều thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092512**
(210) 4-2005-15054
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

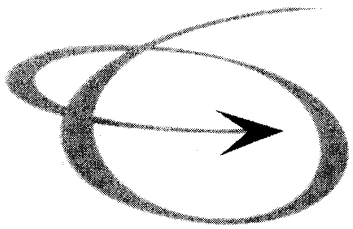

(151) 04.12.2007
(220) 09.11.2005

(531) 24.5.1; A26.11.12; 24.15.1
(731) BROWNS CANYON CORPORATION (US)
103 Foulk Road, Suite 222, Wilmington, Delaware 19803, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ văn phòng giới thiệu việc làm; dịch vụ giới thiệu việc làm cho những người bị thất nghiệp; dịch vụ tư vấn quản lý nhân sự, cụ thể là dịch vụ đánh giá cá nhân, kiểm tra thư giới thiệu, điều tra báo cáo tài chính, quản lý và tư vấn trong lĩnh vực thuê người, ngoại trừ các lĩnh vực khoa học quản lý lý học, sinh học, công trình và kinh tế; dịch vụ bố trí nhân sự và điều chuyển nhân sự.

---

(111) **4-0092513**
(210) 4-2005-10865
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SỐNG ĐẸP

(151) 04.12.2007
(220) 24.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ QUẢNG CÁO SỐNG ĐẸP (VN)
94 đường số 28, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0092514**
(210) 4-2005-13073
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 04.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, bánh, kẹo, bột mỳ.

---

(111) **4-0092515**
(210) 4-2005-13074
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 04.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước tinh khiết, nước ga, đồ uống không có cồn, đồ uống hoa quả, nước ép trái cây.

---

(111) **4-0092516**
(210) 4-2005-13075
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 04.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, thuốc đông y, thuốc y học cổ truyền dân tộc; buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế, vật tư y tế tiêu hao; buôn bán hóa mỹ phẩm.

---

(111) **4-0092517**
(210) 4-2005-13077
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ÉLOGEFRANCE

(151) 04.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ y tế khám chữa bệnh: nội, ngoại, chấn thương, phụ sản, xét nghiệm, vật lý trị liệu.

---

(111) **4-0092518**
(210) 4-2005-13577
(181) 14.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

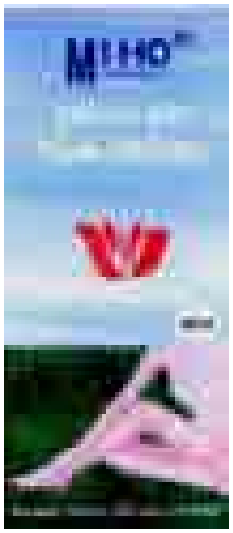

(151) 04.12.2007
(220) 14.10.2005

(531) A5.5.21; 2.9.21
(591) Xanh da trời, xanh dương, xanh lá cây, đỏ, đen, trắng, hồng
(731) CƠ SỞ HOÁ MỸ PHẨM MI - HO (VN)
71KC/7A Trần Quang Cơ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0092519**
(210) 4-2005-17227
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á - ÂU
AEROPHA

(151) 04.12.2007
(220) 16.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ y tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế, nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0092520**
(210) 4-2005-05180
(181) 06.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SIX team

(151) 04.12.2007
(220) 06.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ THÀNH PHÁT (VN)
Số 98, ngõ 219 đường Đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước; máy nén khí; máy phát điện.

---

(111) **4-0092521**
(210) 4-2005-16193
(181) 30.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 30.11.2005

(531) 3.2.1; 26.1.1; A1.1.10
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG MAI SƠN (VN)
Km số 9, xã Chiềng Sinh, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 19: Xi măng (vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0092522**
(210) 4-2005-12826
(181) 30.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PARIS HILTON

(151) 04.12.2007
(220) 30.09.2005

(731) PARIS HILTON, A U.S. CITIZEN (US)
250 North Canon Drive, Beverly Hills, California 90210, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Các sản phẩm có mùi thơm bao gồm: nước hoa, nước hoa có hương thơm đậm, nước hoa có hương thơm vừa, nước hoa co-lo-nhơ, nước hoa có hương thơm nhẹ, nước hoa khô, dầu thơm, nước hoa xịt toàn thân, chất khử mùi dùng cho cá nhân, sữa tắm dưới dạng gel, dầu tắm, dầu gội đầu và toàn thân, nước dưỡng thể, gel dùng cho toàn thân, kem dùng cho toàn thân, dầu thơm dùng cho toàn thân, xà phòng tắm, xà phòng tắm dạng thanh, phấn dùng cho toàn thân, phấn rôm, nước xịt dạng sương dùng cho toàn thân, dầu dùng cho toàn thân, kem cạo râu, dầu cạo râu, gel cạo râu, nước dưỡng dùng sau khi cạo râu, dầu thơm dùng sau khi cạo râu, gel dùng sau khi cạo râu, dầu dưỡng thể dùng trong khi tắm, dầu tắm, muối tắm (không dùng cho ngành y), nước tắm dưới dạng giọt, tinh thể tắm dùng để tạo bọt, viên tắm ngọc trai dùng để tạo bọt, nến đốt cho thơm phòng, hương trầm, túi bột thơm, lọ hoa khô dùng như nước hoa, dầu mát xa, kem mát xa, gel mát xa; mỹ phẩm bao gồm: kem nền trang điểm, sản phẩm trang điểm dạng lỏng, kem trang điểm, phấn nền, dưỡng ẩm có màu nhẹ, phấn che khuyết, nền đánh màu mắt, phấn nền, phấn bột để phủ, phấn đánh mặt, phấn nền ẩm/phấn nền khô, nền trang điểm, mỹ phẩm trang điểm mắt, bút chì kẻ lông mày, bột đánh lông mày, màu đánh mắt, bút kẻ mi mắt, bút chì kẻ mắt, mát ca ra, nước dưỡng mắt, mỹ phẩm làm dày mi, mi giả, mỹ phẩm để dính mi, nước tẩy trang dùng cho mắt, phấn hồng, phấn hồng dạng kem, phấn hồng dạng gel, màu má, sáp môi, mỹ phẩm làm bóng má hồng, phấn tạo độ sáng cho mặt, phấn màu đồng, màu lót môi, màu nền cho son môi, son môi, bút chì kẻ môi, bút chì viền môi, son bóng, mỹ phẩm giữ màu môi, son dưỡng môi, dầu thơm dùng cho môi, mỹ phẩm tẩy trang, mỹ phẩm làm sạch mặt trước khi trang điểm, đồ chuyên dụng dùng cho trang điểm (mỹ phẩm), thuốc màu bôi móng tay/chân, mỹ phẩm ủ móng tay/chân, sơn móng tay/chân.

Nhóm 14: Đồng hồ quả quýt, đồng hồ đeo tay, đồng hồ, đồng hồ treo tường, đồng hồ để bàn, đồng hồ du lịch, thiết bị bấm giờ, thiết bị hẹn giờ, đồng hồ bấm giờ, đồng hồ báo thức, đồng hồ ra đi ô, dây đồng hồ dạng dải, dây đồng hồ dạng mắt xích, vỏ đồng hồ, dụng cụ đo thời gian để sử dụng như đồng hồ, túi đồng hồ, đồng hồ bỏ túi.

Nhóm 18: Da và giả da và các sản phẩm làm từ da và giả da và nhựa vinyl, vải (vải tự nhiên và nhân tạo), cụ thể là: ba lô đeo trên vai, túi (dùng cho mục đích thể thao), túi (dùng trong trường học và khi du lịch), dây đeo súng, hộp đựng mũ dùng đi du lịch, cặp dẹt, cặp dữ liệu, cặp da, hộp đựng các, ví đựng tiền lẻ, ví cầm tay của phụ nữ, túi đựng mỹ phẩm (bên trong không có mỹ phẩm), cặp đựng tài liệu, túi đựng băng vệ sinh, túi du mục, túi đeo vai, túi xách tay, ví đựng tiền, túi sách đi chợ, hộp đựng chìa khoá, túi đựng điện thoại di động, túi đựng máy nghe nhạc, túi đựng máy trợ giúp cá nhân kỹ thuật số, ba lô, túi đeo ban ngày, ví, va li, túi vải buộc dây để mang đồ trang bị cắm trại hay thể dục, túi đựng quần áo, hành lý, thẻ hành lý bằng da, túi đựng hành lý có gắn bánh xe, hộp đựng hộ chiếu, ví, túi dùng vào buổi tối, túi mang động vật, dây buộc động vật bằng da hoặc giả da, vòng cổ dùng cho chó, túi thể thao, túi đựng khăn vệ sinh, túi đi biển, túi đựng sách, túi nhỏ, cặp học sinh, ô, hộp đựng máy vi tính bỏ túi, hộp đựng đĩa CD/DVD, túi đựng đồ cạo râu (không có đồ cạo râu ở bên trong), túi cho người đưa tin.

(111) **4-0092523**
(210) 4-2006-03916
(181) 20.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT KẾ- QUẢNG CÁO- IN NGÔI SAO NHỎ (VN)
H8, Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: lịch, nguyên vật liệu và phụ liệu, máy móc, thiết bị ngành in, băng, đĩa trắng và băng đĩa có nội dung được phép lưu hành, danh thiếp, văn phòng phẩm, túi giấy, thiệp (poster); quảng cáo thương mại.

Nhóm 40: In ấn (in lụa, in ofset).

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu in.

---

(111) **4-0092524**
(210) 4-2006-15661
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HEMOREX

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092525**
(210) 4-2006-15662
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GYNOMAZOL

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092526**
(210) 4-2006-15663
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GYNOSECZOL

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092527**
(210) 4-2006-15664
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OPEFOLIC

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092528**
(210) 4-2006-15665
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUTORON

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092529**
(210) 4-2006-15666
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUTROGEN

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092530**
(210) 4-2006-15667
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SYNESTRON

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092531**
(210) 4-2006-15668
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DESAFOLIN

(151) 04.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092532**
(210) 4-2005-15659
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BA MẪU QUÁN

(151) 04.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT AN (VN)
Số 54 ngõ 8 tổ 31, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0092533**
(210) 4-2005-15866
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 24.11.2005

(531) A5.5.21; A5.5.20
(591) Trắng, vàng, đỏ, xanh rêu, xanh lam nhạt
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHẦN MỀM VỸ NĂNG (VN)
22 lô F, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cung cấp thông tin sản phẩm trên mạng Internet nhằm mục đích tiếp thị và xúc tiến thương mại sản phẩm.

---

(111) **4-0092534**
(210) 4-2005-15685
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

COMLIN

(151) 04.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể Công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092535**
(210) 4-2005-15688
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

COPHAVITA B6

(151) 04.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092536**
(210) 4-2005-15689
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

COPHAVITA B1

(151) 04.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150 (VN)
112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092537**
(210) 4-2005-15809
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VITCOS

(151) 04.12.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SAO VIỆT (VN)
Thôn Đông Trù, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xích xe máy; vòng bi xe máy; động cơ xe máy; phanh xe máy; phanh ô tô; bánh xe ô tô, xe máy; gương chiếu hậu xe ô tô, xe máy; kính ô tô; còi xe ô tô, xe máy; giảm sóc ô tô, xe máy.

---

(111) **4-0092538**
(210) 4-2005-16658
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEWPOTACEF

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092539**
(210) 4-2006-05552
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BẮC HÀ

(151) 04.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH BẮC HÀ (VN)
Số 2, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển bằng xe buýt, vận tải bằng ôtô, vận chuyển hàng hoá, hành khách.

---

(111) **4-0092540**
(210) 4-2006-18217
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 27.10.2006

(531) A1.1.10; A26.11.9
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG - THÉP NINH BÌNH (VN)
Phường Ninh Phong, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 06: Thép xây dựng.

Nhóm 19: Cấu kết bê tông vận chuyển được (cấu kiện bê tông đúc sẵn).

---

(111) **4-0092541**
(210) 4-2005-13859
(181) 19.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRÍ NHÂN

(151) 04.12.2007
(220) 19.10.2005

(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ KIM NHUNG (VN)
Số 3, đường Tản Viên, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0092542**
(210) 4-2005-14064
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EPOFLUDEN

(151) 04.12.2007
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHÁP ÂU (VN)
22 ngõ 85, đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092543**
(210) 4-2005-14537
(181) 31.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SOLINUX

(151) 04.12.2007
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MINH HẢI (VN)
322 Lý Văn Lâm, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092544**
(210) 4-2005-14657
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GRANKAN

(151) 04.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NAM VINH (VN)
104 E2 khu tập thể 7,2 hécta - Vĩnh Phúc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092545**
(210) 4-2005-14659
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CLOROPHIL

(151) 04.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (INDECO) (VN)
31 Nhân Hòa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092546**
(210) 4-2005-14660
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DASGININ

(151) 04.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI BẮC (VN)
65 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0092547**
(210) 4-2005-14661
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EVIT-COM

(151) 04.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MẶT TRỜI (VN)
34/97 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092548**
(210) 4-2005-14662
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DENTAMAX

(151) 04.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO (VN)
Nhà 28, ngõ 178 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092549**
(210) 4-2005-14968
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SPINO

(151) 04.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÁ NÔNG Á CHÂU (VN)
33/5 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092550**
(210) 4-2005-14969
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUINOSPASTYL

(151) 04.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092551**
(210) 4-2005-14970
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LACTINBIO

(151) 04.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092552**
(210) 4-2005-15163
(181) 10.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 10.11.2005

(531) A7.1.12; 7.1.24
(591) Xanh, dương, đỏ
(731) CƠ SỞ DIỆU LỆ (VN)
151/91 Bis Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 01: Thạch trắng (aga-aga).

---

(111) **4-0092553**
(210) 4-2005-15239
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

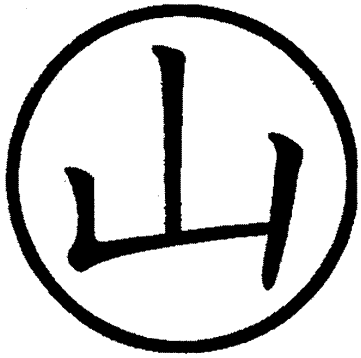

(151) 04.12.2007
(220) 11.11.2005

(531) 26.1.1; A26.1.18
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ NÚI (MOUNTAIN TRADING - SERVICES CO. LTD) (VN)
243/53/25 Tôn Đản, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ nhà ở (sở hữu bất động sản); môi giới bất động sản.

---

(111) **4-0092554**
(210) 4-2005-15409
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 15.11.2005

(531) 1.7.6; 1.3.1; A1.3.17
(591) Xanh tím sẫm, vàng, vàng nhạt, da cam, ghi sẫm, đỏ gạch
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM II (VN)
Số 276, đường Chu Văn Thịnh, tổ 11, phường Chiềng Lề, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Nước súc miệng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0092555**
(210) 4-2005-15411
(181) 05.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 05.06.2006

(531) 6.1.2; 26.4.2; 26.4.9
(591) Xanh lá cây thẫm, xanh ngọc, xanh tím sẫm, xanh lam, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ (VN)
Số 1 Phan Bội Châu, thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện tử, hàng điện lạnh, hàng điện gia dụng, máy móc thiết bị, phụ tùng, quần áo may sẵn, hàng da cao cấp, đồ chơi trẻ em, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, vật liệu xây dựng, phân bón, nông sản, lâm sản, thủy hải sản, giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, mỹ phẩm, dược phẩm, đồng hồ, kính mắt.

---

(111) **4-0092556**
(210) 4-2005-15615
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GAXE

(151) 04.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KHÁNH SƠN (VN)
228/10 Lê Quang Định, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước.

---

(111) **4-0092557**
(210) 4-2005-15642
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PHỤ SẢN HOA HỒNG

(151) 04.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ Á CHÂU (VN)
Số 162C, Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 44: Dịch vụ y tế, chăm sóc vệ sinh và sắc đẹp cho người.

---

(111) **4-0092558**
(210) 4-2005-14971
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EVESTRI

(151) 04.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM C.A.T (VN)
Nhà số 28, tổ 59, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092559**
(210) 4-2005-14972
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOCETIX

(151) 04.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM C.A.T (VN)
Nhà số 28, tổ 59, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092560**
(210) 4-2005-14974
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEWJELOTON

(151) 04.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN THÀNH (VN)
Số 1-E4 khu Bãi Than Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092561**
(210) 4-2005-11445
(181) 06.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MIRTAZ

(151) 04.12.2007
(220) 06.09.2005

(731) SUN PHARMACEUTICAL INDUSTRIES LTD. (IN)
Sparc, Akota Road, Atoka Vadodara - 390 020, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092562**
(210) 4-2005-10551
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

L'Avenir

(151) 04.12.2007
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG TUẤN (VN)
177/70 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; sữa tắm; dầu gội đầu; dầu xả tóc; dầu dưỡng tóc; xà-phòng.

Nhóm 24: Chăn; khăn bông; áo gối; ga giường.

Nhóm 25: Tất (vớ); khăn quàng cổ; mũ (nón) thuộc nhóm này; quần; áo; dép.

Nhóm 28: Trái bóng (banh) dùng để tập luyện.

---

(111) **4-0092563**
(210) 4-2005-11203
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

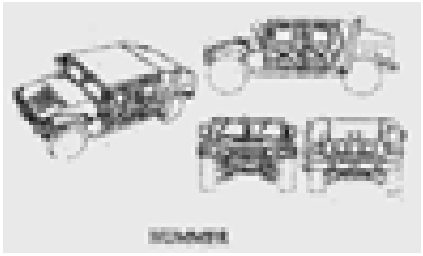

(151) 04.12.2007
(220) 31.08.2005

(531) 18.1.7
(731) GENERAL MOTORS CORPORATION (US)
300 Renaissance Center, City of Detroit, State of Michigan 48265-3000, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe cộ có động cơ và các bộ phận của chúng, cụ thể là cái bơm hơi, thiết bị chống trộm, thân xe và khung gầm xe, trục xe, miếng lót phanh, guốc phanh, cái chống va đập của xe (parosốc), khớp ly hợp, bộ biến đổi mô men xoắn, hộp tay quay dùng cho cơ cấu xe, tín hiệu chỉ hướng cho xe, cửa lên xuống xe, xích truyền động, động cơ xe, hộp số, mui xe, còi xe, động cơ xe, cửa hậu (cốp sau xe) dùng để chất hoặc dỡ hàng sau xe, cơ cấu đẩy dùng cho xe, bộ giảm tốc dùng cho xe, đai bảo hiểm dùng cho ghế ngồi trên xe, ghế ngồi trên xe, bộ giảm xóc treo và lò xo giảm xóc dùng cho xe, tay lái dùng cho xe, xích truyền động và trục truyền động dùng cho xe, cơ cấu truyền động dùng cho xe, bánh xe, cửa kính của xe, kính chắn gió, cần gạt nước và kính che mưa nắng.

Nhóm 28: Đồ chơi và trò chơi, cụ thể là xe cộ đồ chơi; xe ô tô đồ chơi; xe cộ đồ chơi được điều khiển bằng sóng vô tuyến (rađio) và điều khiển từ xa chạy bằng pin (ắc quy); xe cộ đồ chơi chạy bằng lực ma sát; và bộ mô hình máy bay nhỏ (tàu thuỷ) đồ chơi; bài lá; trò chơi bằng bảng (tấm ván); mô hình máy tính (trò chơi) và trò chơi máy tính không dùng với máy thu hình; quả bóng để chơi.

Nhóm 37: Dịch vụ bảo dưỡng; sửa chữa và phục vụ (bảo dưỡng và sửa chữa) xe cộ có động cơ, đầu máy (động cơ) và các bộ phận của xe cộ có động cơ.

---

(111) **4-0092564**
(210) 4-2005-11060
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 29.08.2005

(531) A26.1.14; A2.5.17; 2.5.6; 26.1.1
(731) CƠ SỞ BẢO LÂM (VN)
Phòng 407 nhà E5, tập thể Thanh Xuân Bắc, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, tinh dầu, nước xức tóc.

Nhóm 05: Kem trị mụn trứng cá.

Nhóm 35: Mua bán: mỹ phẩm, nước hoa, tinh dầu, nước xức tóc, kem trị mụn trứng cá.

---

(111) **4-0092565**
(210) 4-2005-11231
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NARDEAUXVIN

(151) 04.12.2007
(220) 31.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TRUNG (VN)
Số 7, ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả, rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy.

---

(111) **4-0092566**
(210) 4-2005-12667
(181) 28.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 28.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HÀ (VN)
2721/3B, khu phố 3, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, hộp xích xe máy, ống xả khói xe máy.

---

(111) **4-0092567**
(210) 4-2005-12668
(181) 28.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Ceha

(151) 04.12.2007
(220) 28.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LINH MAI (VN)
Km3, đường Pháp Vân, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè (trà), gạo, bánh mứt kẹo.

---

(111) **4-0092568**
(210) 4-2005-10562
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LAVIXTON

(151) 04.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092569**
(210) 4-2005-10563
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FUXIMCEF

(151) 04.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRỊNH TRẦN (VN)
Số 10 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092570**
(210) 4-2005-16659
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FREETENCE

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092571**
(210) 4-2005-16660
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

COLGREEN-F

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092572**
(210) 4-2005-16661
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VENEPOLLO

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092573**
(210) 4-2005-16662
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CREAO

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092574**
(210) 4-2005-16663
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DAECUS

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092575**
(210) 4-2005-16664
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DAEVIT

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092576**
(210) 4-2005-16677
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BINEXCETA

(151) 04.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092577**
(210) 4-2005-17217
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ando

(151) 04.12.2007
(220) 16.12.2005

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN ĐÔ (AN DO CO., LTD.) (VN)
Xóm 3, Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Men, nước men dùng cho đồ gốm và đồ sứ.

Nhóm 21: Đồ gốm và đồ sứ gia dụng không thuộc các nhóm khác.

Nhóm 35: Mua bán đồ gốm, đồ sứ; tư vấn, môi giới xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Nhóm 41: Dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí.

---

(111) **4-0092578**
(210) 4-2005-10553
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 19.08.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHÁNH HẢI (VN)
Số 371A, đường Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ổ trục bi các đăng dùng cho ô tô.

---

(111) **4-0092579**
(210) 4-2005-17491
(181) 22.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

RABICAD

(151) 04.12.2007
(220) 22.12.2005

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
"Cadila Corporate Campus", Sarkhej - Dholka Road, Bhat, Ahmedabad - 382210, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092580**
(210) 4-2005-16919
(181) 13.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 04.12.2007
(220) 13.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH TIẾP THỊ VÀ THƯƠNG MẠI Á CHÂU (VN)
Số 59B, phố Cửa Nam, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức bằng bạc, đá quý.

Nhóm 35: Mua bán quần, áo, giầy, dép, mũ, nón, thắt lưng, kính mắt thời trang, đồ trang sức bằng bạc, đá quý.

Nhóm 42: Thiết kế quần, áo, giầy, dép, mũ, nón, thắt lưng, kính mắt thời trang; thiết kế đồ trang sức bằng bạc, đá quý.

---

(111) **4-0092581**
(210) 4-2006-07363
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NHỊP SỐNG

(151) 05.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0092582**
(210) 4-2006-07364
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THIÊN ĐƯỜNG

(151) 05.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền, bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0092583**
(210) 4-2006-07365
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BUP BE

(151) 05.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; mì ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0092584**
(210) 4-2006-07366
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BÚP BÊ

(151) 05.12.2007
(220) 12.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; mì ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0092585**
(210) 4-2006-07368
(181) 12.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

White Horse
Air Compressor

(151) 05.12.2007
(220) 12.05.2006

(531) 3.3.1
(731) CÔNG TY TNHH THANH TÂN (VN)
132 Đông Hồ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy nén khí, động cơ điện, máy bơm nước và máy phun xịt.

---

(111) **4-0092586**
(210) 4-2006-07660
(181) 18.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NGÀY XƯA

(151) 05.12.2007
(220) 18.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0092587**
(210) 4-2006-07661
(181) 18.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

XƯA VÀ NAY

(151) 05.12.2007
(220) 18.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0092588**
(210) 4-2006-07663
(181) 18.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 18.05.2006

(531) A5.5.21
(591) Trắng, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ THỜI TRANG (VN)
Toà nhà Giày Việt, phòng 807, số 180-182 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón nam nữ.

Nhóm 35: Mua bán vải, quần áo, giày dép, túi xách, kính đeo mắt, phụ liệu ngành may.

---

(111) **4-0092589**
(210) 4-2006-12033
(181) 27.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HaHa

(151) 05.12.2007
(220) 27.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH MẮT KÍNH NHẬT CƯỜNG (VN)
152/22 Thành Thái, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Kính mắt.

---

(111) **4-0092590**
(210) 4-2006-12037
(181) 27.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DpF

(151) 05.12.2007
(220) 27.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM (VN)
Số 4, đường 30/4, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092591**
(210) 4-2006-12172
(181) 28.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 28.07.2006

(531) 3.3.1; 26.1.1; 4.3.7
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHANG HƯNG (VN)
320/22E Trần Bình Trọng, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Sữa tắm; dầu gội đầu; xà phòng tắm; nước hoa xịt toàn thân; gel khử mùi cá nhân; cây lăn khử mùi cá nhân.

---

(111) **4-0092592**
(210) 4-2006-12515
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 5.5.16; 26.4.2
(591) Đỏ, vàng, hồng phấn, trắng, hồng đậm, vàng nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0092593**
(210) 4-2006-12516
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 5.5.16; 26.4.1; 1.7.1
(591) Đỏ, vàng, vàng nhạt, hồng phấn, trắng, hồng đậm, nâu nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0092594**
(210) 4-2006-13137
(181) 10.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 10.08.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; A25.7.7; A5.7.22
(591) Trắng, đỏ, vàng, đỏ cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092595**
(210) 4-2006-10377
(181) 04.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 04.07.2006

(531) 24.9.1; 26.4.2
(591) Vàng, đỏ sậm, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGỌC LAN (VN)
48 Cầu Gỗ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Vàng; đá quý; đồ trang sức.

Nhóm 35: Mua bán: vàng, đá quý, đồ trang sức.

---

(111) **4-0092596**
(210) 4-2006-12036
(181) 27.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Kolymat

(151) 05.12.2007
(220) 27.07.2006

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT BĂNG VỆ SINH ĐẠI PHÁT (VN)
Thị tứ Triển, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh phụ nữ.

---

(111) **4-0092597**
(210) 4-2006-06494
(181) 26.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMBRIELLE

(151) 05.12.2007
(220) 26.04.2006

(731) J.C. PENNEY CORPORATION, INC. (US)
6501 Legacy Drive, Plano, Texas 75024-3698, U.S.A.
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và các sản phẩm chăm sóc da; muối tắm (không dùng cho mục đích y tế); gel tắm; phấn trang điểm; chất làm sạch da; chất làm ẩm da; phấn nền; son môi; thuốc đánh quầng mắt; thuốc bôi mi mắt (mỹ phẩm không chứa thuốc).

Nhóm 25: Quần áo lót của phụ nữ; yếm; quần lót; áo ngủ chui đầu; quần áo ngủ; áo choàng; dép đi trong nhà.

---

(111) **4-0092598**
(210) 4-2006-06495
(181) 26.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

EAST FIFTH

(151) 05.12.2007
(220) 26.04.2006

(731) J.C. PENNEY CORPORATION, INC. (US)
6501 Legacy Drive, Plano, Texas 75024-3698, U.S.A.
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức.

Nhóm 18: Túi xách tay.

Nhóm 25: Quần lót của phụ nữ; quần soóc; váy ngắn; áo lót; quần áo bơi; áo nịt; váy dài; áo vét; quần áo ngoài; đồ đi chân; đồ đội đầu; thắt lưng (quần áo); khăn quàng cổ; găng tay (cho trang phục); quần áo dệt kim.

---

(111) **4-0092599**
(210) 4-2006-06496
(181) 26.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

a.n.a a new approach

(151) 05.12.2007
(220) 26.04.2006

(731) J.C. PENNEY CORPORATION, INC. (US)
6501 Legacy Drive, Plano, Texas 75024-3698, U.S.A.
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 09: Kính râm.

Nhóm 14: Đồ trang sức.

Nhóm 18: Túi xách tay.

Nhóm 25: Quần lót của phụ nữ; quần soóc; quần jean; váy ngắn; áo lót; quần áo bơi; áo nịt; váy dài; áo vét; quần áo ngoài; đồ đi chân; đồ đội đầu; thắt lưng (quần áo); khăn quàng cổ; găng tay (cho trang phục); quần áo dệt kim.

---

(111) **4-0092600**
(210) 4-2006-06497
(181) 26.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLIRTITUDE

(151) 05.12.2007
(220) 26.04.2006

(731) J.C. PENNEY CORPORATION, INC. (US)
6501 Legacy Drive, Plano, Texas 75024-3698, U.S.A.
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 25: Quần áo lót của phụ nữ; yếm; quần lót; áo ngủ chui đầu; quần áo ngủ; áo choàng; dép đi trong nhà.

---

(111) **4-0092601**
(210) 4-2005-07637
(181) 24.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 24.06.2005

(531) 26.4.2; 26.13.25
(591) Đỏ, vàng, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT PHIM ĐÔNG NAM (VN)
41/2 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phim điện ảnh, phim truyền hình; chương trình ca nhạc và sân khấu (là các chương trình ca nhạc và sân khấu bao gồm các bài hát, các vở kịch, cải lương, chèo, tuồng được thu hình khi trình diễn trên sân khấu, ngoài trời hay trong phim trường và có thể được ghi trên các loại băng đĩa tương tự như các bộ phim).

Nhóm 41: Lồng tiếng cho phim; biên tập phim; làm phụ đề phim; sản xuất phim theo yêu cầu; cho thuê các thiết bị sân khấu và thiết bị ảnh; phát hành phim.

Nhóm 42: Thiết kế đồ hoạ; thiết kế các mẫu quảng cáo.

---

(111) **4-0092602**
(210) 4-2005-03424
(181) 30.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SHINPOONGSHINTAXIME

(151) 05.12.2007
(220) 30.03.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO (VN)
Số 13, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092603**
(210) 4-2005-12255
(181) 20.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Mr.Pizza

(151) 05.12.2007
(220) 20.09.2005

(531) 2.9.14; 8.1.25
(591) Đỏ gạch, da cam, đen, trắng, nâu
(731) MISTER PIZZA CO.,LTD. (KR)
3F, Namdo Bldg., 52-6, Banpo-Dong, Seocho-Ku, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quán giải khát, dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ nhà hàng ăn uống; quán ăn tự phục vụ; nhà hàng phục vụ theo kiểu búp-phê (ăn đứng); dịch vụ nhà hàng ăn uống theo hệ thống chuỗi.

---

(111) **4-0092604**
(210) 4-2006-15349
(181) 13.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

N.E.V

(151) 05.12.2007
(220) 13.09.2006

(731) NISSEI ELECTRIC CO., LTD. (JP)
1509 Okubo-cho Hamamatsu-city Shizuoka-pref., 432-8006 Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Dây cáp điện; dây điện; dây cáp đồng trục; hộp tạo nguồn sáng; sợi quang dẫn sáng; sợi quang học dạng bó; dây cáp quang học; anten; máy sao chụp tài liệu; linh kiện máy sao chụp tài liệu, phụ tùng máy sao chụp tài liệu; máy in dùng cho máy vi tính; linh kiện máy in dùng cho máy vi tính; phụ tùng máy in dùng cho máy vi tính.

Nhóm 11: Dây nhiệt (làm nóng trực tiếp); dây nhiệt làm nóng trực tiếp có định dạng.

Nhóm 17: Ống mềm (không phải bằng kim loại); ống nhiệt co giãn (không phải bằng kim loại) (ống nhựa mềm); mặt bít bằng cao su.

---

(111) **4-0092605**
(210) 4-2005-03726
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

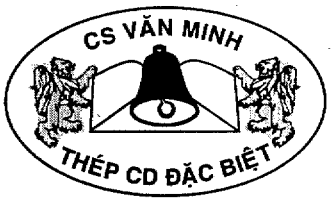

(151) 05.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) A22.3.5; 3.1.1; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI VĂN MINH (VN)
76/13/2 Lê Văn Phan, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 08: Dụng cụ thủ công thao tác bằng tay như: bay; bàn chà (bàn mài là dụng cụ để mài sơn hoặc đá); cái cưa; lưỡi cưa, dụng cụ cạo vôi (xủi cạo vôi).

---

(111) **4-0092606**
(210) 4-2005-07383
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 21.06.2005

(531) 26.1.1
(591) Đen, trắng, ghi đậm, ghi nhạt
(731) KING BILLION TOBACCO LIMITED (HK)
Rm. 1302C, 13/F, East Ocean Centre, No. 98 Granville Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá không đầu lọc; xì gà; thuốc lá dạng sợi, lá (để chế biến thuốc lá); sợi thuốc lá; thuốc lá điếu; tẩu thuốc/đầu ngậm của đót thuốc lá; đầu ngậm bằng hổ phách cho xì gà và đót thuốc lá; dao cắt xì gà; tẩu thuốc lá; hộp giữ ẩm cho xì gà và thuốc lá; hộp đựng thuốc lá điếu, bình đựng thuốc lá, xì gà, gạt tàn thuốc lá (tất cả không bằng kim loại quí); diêm; bình chứa ga dùng cho bật lửa hút xì gà; bật lửa cho người hút thuốc; cuộn lọc sử dụng cho thuốc lá; giấy cuốn thuốc lá; đầu lọc của thuốc lá.

---

(111) **4-0092607**
(210) 4-2005-11078
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOVE

(151) 05.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092608**
(210) 4-2005-12351
(181) 22.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 22.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC LONG (VN)
174 Ông ích Khiêm, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng nhôm.

Nhóm 35: Mua bán hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, lương thực thực phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình.

---

(111) **4-0092609**
(210) 4-2005-13045
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

APVINA

(151) 05.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN AP VIỆT NAM (VN)
C9 phố Hoàng Cầu, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; nước trà xanh.

Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng; nước ép hoa quả; nước uống có gas; sữa đậu nành.

Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092610**
(210) 4-2005-13049
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) A24.17.11
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG TUẤN (VN)
2 lô Đ - 3 lô Đ Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 24: Chăn; vỏ gối; khăn bông; ga giường; rèm cửa bằng vải.

Nhóm 25: Tất (vớ); khăn quàng cổ; mũ (nón) thuộc nhóm này; quần; áo; dép.

---

(111) **4-0092611**
(210) 4-2005-13068
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, dầu gội đầu, sữa tắm, xà phòng, nước hoa, nước rửa chén.

---

(111) **4-0092612**
(210) 4-2005-13069
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM ELOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ y tế, vật liệu khâu vết thương, bơm kim tiêm dùng một lần, thanh nẹp phẫu thuật, băng bằng bột thạch cao dùng cho chỉnh hình.

---

(111) **4-0092613**
(210) 4-2006-16967
(181) 10.10.2016
(300) 78/864,665 19.04.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHROME GLEAM

(151) 05.12.2007
(220) 10.10.2006

(731) ROHM AND HAAS ELECTRONIC MATERIALS LLC (US)
455 Forest Street Marlborough, Massachusetts 01752, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng trong sản xuất bảng mạch in, mạch tích hợp, khối chất bán dẫn và linh kiện điện tử; hoá chất dùng trong sản xuất lớp phủ mạ điện dùng cho ô tô, đồ vệ sinh và các sản phẩm công nghiệp.

---

(111) **4-0092614**
(210) 4-2006-16968
(181) 10.10.2016
(300) 78/864,679 19.04.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

NICKEL GLEAM

(151) 05.12.2007
(220) 10.10.2006

(731) ROHM AND HAAS ELECTRONIC MATERIALS LLC (US)
455 Forest Street Marlborough, Massachusetts 01752, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng trong sản xuất bảng mạch in, mạch tích hợp, khối chất bán dẫn và linh kiện điện tử; hoá chất dùng trong sản xuất lớp phủ mạ điện dùng cho ô tô, đồ vệ sinh và các sản phẩm công nghiệp.

---

(111) **4-0092615**
(210) 4-2006-17255
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BEEKIPOCIN

(151) 05.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092616**
(210) 4-2006-17256
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BEE-MIKA

(151) 05.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092617**
(210) 4-2006-17257
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BEEBIPHERAN

(151) 05.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092618**
(210) 4-2006-19559
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ĐỨC VƯỢNG

(151) 05.12.2007
(220) 14.11.2006

(531) A10.3.4
(731) HOÀNG MAI ANH (VN)
Số nhà 534 đường Cách Mạng tháng 8, tổ 18 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(511) Nhóm 18: Ô, lọng.

---

(111) **4-0092619**
(210) 4-2006-20571
(181) 24.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 05.12.2007
(220) 24.11.2006

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ
(731) LIÊN HIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ HÓA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG (HỘI HÓA HỌC VIỆT NAM) (VN)
Số 34A Lý Nam Đế, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thực phẩm chức năng dùng trong y tế dạng viên nang con nhộng.

---

(111) **4-0092620**
(210) 4-2006-15229
(181) 12.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SPIRAL-TECH

(151) 05.12.2007
(220) 12.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (VN)
Số 47, Hoà Mã, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thực phẩm có bổ sung các chất dinh dưỡng như vitamin, muối khoáng và các chất có hoạt tính sinh học.

---

(111) **4-0092621**
(210) 4-2005-05828
(181) 20.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

iCB

(151) 06.12.2007
(220) 20.05.2005

(731) KABUSHIKI KAISHA ONWARD KASHIYAMA (also trading as Onward Kashiyama Co., Ltd.) (JP)
10 - 5 Nihonbashi 3 - chome, Chuo - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Kính đeo mắt; kính; kính râm; kính bảo hộ; kính áp tròng; gọng kính; kính hiển vi; hộp đựng kính; các bộ phận của các sản phẩm trên cụ thể là: mắt kính; áo phao; quần áo dùng cho việc bảo vệ chống tai nạn lao động và chống lửa; găng tay bảo hộ; mặt nạ chống độc; mũ bảo hiểm; thẻ điện tử dùng để mua hàng hoá; bảng mạch tích hợp; thẻ từ ghi mã số kẻ sọc trên hàng hoá; máy vô tuyến truyền hình; thiết bị điện thoại; máy quay phim video; đầu máy video; máy quay đĩa video; máy thu băng video; máy ảnh kỹ

thuật số; đĩa compact; máy quay đĩa compact; ắc quy điện và pin điện; công tắc điện; dây điện và cáp điện; thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh; thiết bị và dụng cụ điện ảnh cụ thể là máy quay phim; thiết bị và dụng cụ quang học cụ thể là: thấu kính; nhiệt kế; dụng cụ đo độ ẩm; thước dây; báo điện tử; thiết bị trò chơi sử dụng cùng với máy thu hình; đầu quay đĩa video dùng để chơi trò chơi; đĩa đựng dữ liệu máy tính; đĩa dùng để thu âm thanh hình ảnh; máy bán hàng tự động và máy dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền; máy ghi thời gian; máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu (máy tính); máy vi tính; phần mềm máy vi tính; thiết bị lặn cụ thể là: quần áo dùng để lặn, mũ lặn; bàn là điện; dụng cụ cuộn tóc chạy điện; thiết bị dập lửa; còi báo cháy.

Nhóm 14: Đồng hồ đeo tay; đồng hồ; dây đeo đồng hồ; vỏ đồng hồ; dây đeo đồng hồ hình mắt xích; kim loại quý và hợp kim của chúng; vòng đeo trang sức; khuy tay áo; kim cài cà vạt; cái kẹp cà vạt; ghim cài cổ áo vét (đồ trang sức); chuỗi hạt (vàng, ngọc); khuyên tai; nhẫn (đồ nữ trang mỹ ký); vòng đeo tay; trâm (cài đầu); mặt trái tim (bằng vàng hoặc bạc có lồng ảnh, đeo ở cổ); hộp nữ trang bằng kim loại quý; cái khoá thắt lưng làm bằng kim loại quý; đá quý và giả đá quí làm đồ trang sức; ví tiền làm bằng kim loại quý; hộp phấn sáp bỏ túi làm bằng kim loại quý; vòng đeo chìa khoá bằng kim loại quí; hộp đựng thuốc lá bằng kim loại; bộ đồ để trên bàn ăn bằng kim loại quý cụ thể là: bình đựng hạt tiêu bằng kim loại quí, đĩa đựng muối bằng kim loại quí; đồ dùng trong nhà bếp bằng kim loại quý cụ thể là: bát ăn bằng kim loại quý; mâm bằng kim loại quý; bình và bát cắm hoa bằng kim loại quý.

Nhóm 18: Da; bộ da lông thú và da lông thú giả; dây da; túi bao gồm ví xách tay; túi du lịch; va li; cái cặp (để giấy tờ); cặp học sinh; cặp da (đựng tài liệu); túi khoác vai; túi dùng để đi mua sắm; cái ba lô; hòm và dây đeo bằng da (của túi đeo qua vai); túi đựng tiền; ví tiền; ví bằng da có thể gấp lại được để trong túi quần áo; túi đựng giấy tờ bằng da; ví đựng danh thiếp bằng da; túi đựng hộ chiếu bằng da; túi đựng chìa khoá bằng da và túi đựng đồ trang điểm (túi rỗng, không chứa đồ); ô và lọng; cái bọc ngoài của ô; gậy chống; gậy; yên cương; roi; quần áo cho con vật cảnh nuôi trong nhà.

Nhóm 25: Quần áo cụ thể là: bộ com lê; áo choàng ngoài; áo vét; áo sơ mi; áo thun ngắn tay; quần áo dạ hội; váy phụ nữ; áo cánh phụ nữ; quần dài; quần đùi; quần soóc; áo ngoài mặc chui đầu của phụ nữ; áo nịt mặc trong; áo len đan; áo gi-lê; quần áo lót; quần áo ngủ; áo choàng mặc khi tắm; quần áo bơi liền mảnh của phụ nữ; quần áo mặc chơi đánh gôn; quần áo mặc khi trượt tuyết; áo ngoài có mũ trùm đầu; quần áo đồng phục; cổ tay áo; đồ đi ở chân cụ thể là: giầy; giầy ống; dép lê; xăng đan; giầy dùng khi đi mưa; giầy thể thao; giầy ống dùng khi trượt tuyết; giầy dùng khi chơi gôn; giầy ống dùng khi leo núi; giầy để chơi quần vợt; giầy làm bằng gỗ; giầy ống dùng khi cưỡi ngựa; bít tất ngắn (đi kèm với quần áo); bít tất dài (đi kèm với quần áo); nịt bít tất (đi kèm quần áo); mũ cụ thể là: mũ trùm đầu khi tắm; mũ lưỡi trai; mũ; khăn trùm đầu (đi kèm quần áo); cái bộ phận lưỡi trai che nắng của mũ lưỡi trai; mũ dùng khi đi mưa; khăn quàng cổ của phụ nữ (đi kèm quần áo); khăn choàng cổ của phụ nữ (đi kèm quần áo); khăn choàng cổ có thể che được cả mũi và miệng (đi kèm quần áo); khăn quàng cổ (đi kèm quần áo); tất tay để giữ ấm đi kèm với quần áo; ca vát; thắt lưng đi kèm với quần áo; cái tạp dề; dây nịt móc bít tất (đi kèm quần áo).

(111) **4-0092622**
(210) 4-2005-03674
(181) 05.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.04.2005

(531) 26.1.1; 26.1.2; 5.7.11; A5.7.22
(591) Xanh lá cây, vàng cam sẫm, vàng cam nhạt, xanh hòa bình, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Số 8, ngõ 269 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0092623**
(210) 4-2005-04372
(181) 19.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CURESUPE

(151) 06.12.2007
(220) 19.04.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0092624**
(210) 4-2005-07399
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MAKOTO

(151) 06.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÒA PHÁT (VN)
120 Trần Văn Kiểu, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 08: Công cụ và dụng cụ cầm tay thao tác thủ công (dùng làm công cụ lao động như: kìm, tuốc nơ vít, clê, mũi khoan, kéo, lưỡi cưa) tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán: công cụ và dụng cụ cầm tay thao tác thủ công, dao, kéo, thìa, dĩa, dao cạo, tông đơ điện, súng phun sơn; đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0092625**
(210) 4-2005-07400
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

999 HOA LỰC

(151) 06.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIANG THÔNG (VN)
Số 198 đường Bà Triệu, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt côn trùng và các động vật gây hại.

---

(111) **4-0092626**
(210) 4-2005-11080
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUPER DOVE

(151) 06.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ADC (VN)
43 Tầm Vu, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092627**
(210) 4-2005-13020
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 25.1.9; A26.3.5; A26.3.17; 26.1.2; 26.1.10
(591) Xanh tím, xám, trắng
(731) CÔNG TY KHÁCH SẠN VÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC A-1 VY (VN)
251 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

---

(111) **4-0092628**
(210) 4-2005-13023
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 26.4.2; A26.4.6
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI T.R.T (VN)
108/1 Thống Nhất, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0092629**
(210) 4-2005-04074
(181) 13.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 13.04.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC (NORTHERN ELECTRIC EQUIPMENT MANUFACTURE JOINT - VENTURE COMPANY LTD - NEEM CO, LTD) (VN)
KCN Quế Võ, Bắc Ninh

(511) Nhóm 09: Tủ bảng điện trung- hạ áp các loại; aptomat; máy cắt hạ thế.

---

(111) **4-0092630**
(210) 4-2005-07888
(181) 29.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 29.06.2005

(531) 26.2.7
(591) Vàng, đỏ, nâu, da cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI DƯƠNG (VN)
Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng cụ thể là: gạch block.

---

(111) **4-0092631**
(210) 4-2005-10550
(181) 19.08.2015
(300) 78/597824 30.03.2005 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

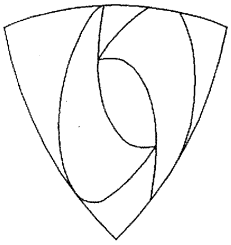

(151) 06.12.2007
(220) 19.08.2005

(531) A26.3.5; 1.15.23; 26.3.1
(731) BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)
345 Park Avenue, New York, New York 10154, U.S.A.
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092632**
(210) 4-2005-13868
(181) 12.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 12.01.2006

(531) A2.1.23
(591) Xanh dương, trắng, đỏ, nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP HỮU HỒNG (VN)
157-159 Xuân Hồng, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị nâng thủy lực.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán thiết bị nâng thủy lực.

---

(111) **4-0092633**
(210) 4-2005-15376
(181) 14.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

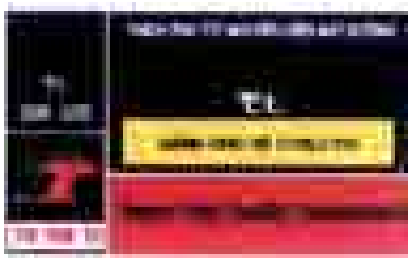

(151) 06.12.2007
(220) 14.11.2005

(531) 26.4.2; 24.9.1; 1.3.1
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng
(731) CƠ SỞ TOÀN THỊNH TIẾN (VN)
94 Tân Thành, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe máy như: xích, cụm tay phanh, phao xăng, còi, nhông đĩa, lò xo giảm xóc.

---

(111) **4-0092634**
(210) 4-2006-16126
(181) 25.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DX N-com

(151) 06.12.2007
(220) 25.09.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DÂN XUÂN (VN)
498 (106A số cũ), đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính, thiết bị ngoại vi của máy vi tính, thiết bị truyền âm thanh, ống nghe điện thoại (tai nghe không dây), điện thoại, thiết bị liên lạc.

Nhóm 35: Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử, thiết bị viễn thông gồm tai nghe không dây, điện thoại.

---

(111) **4-0092635**
(210) 4-2006-16942
(181) 09.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

STILLYOUNG

(151) 06.12.2007
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN AN (VN)
Tầng 1, toà nhà 17T10, khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0092636**
(210) 4-2005-13512
(181) 13.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

RƯỢU
NẾP YÊN PHÚ

(151) 06.12.2007
(220) 13.10.2005

(731) HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP YÊN PHÚ (VN)
Xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0092637**
(210) 4-2005-15126
(181) 10.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAM MY

(151) 06.12.2007
(220) 10.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (VN)
Số 42 tổ 41 phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc, gia cầm, thuỷ sản.

---

(111) **4-0092638**
(210) 4-2005-17520
(181) 23.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 23.12.2005

(531) 2.9.10; 26.4.3
(591) Trắng, xanh, đỏ
(731) PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT NHA KHOA ĐẤT VIỆT (VN)
45 Phan Chu Trinh, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, DakLak

(511) Nhóm 44: Dịch vụ trồng, nhổ răng và chăm sóc răng miệng.

---

(111) **4-0092639**
(210) 4-2005-17595
(181) 26.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PREDNIFAR

(151) 06.12.2007
(220) 26.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092640**
(210) 4-2006-21621
(181) 11.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 11.12.2006

(531) 26.4.9; 11.3.18
(591) Trắng, đen, vàng, vàng nhạt, đỏ, xanh dương, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền.

(111) **4-0092641**
(210) 4-2005-07892
(181) 29.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FACE
WMC

(151) 06.12.2007
(220) 29.06.2005

(731) WAMILES COSMETICS KABUSHIKI KAISHA (also trading as Wamiles Cosmetics Inc.) (JP)
7 - 16, Konan - chuodori, Konan - ku, Yokohama, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; bộ đồ mỹ phẩm để trang điểm; xà phòng; nước thơm dùng cho trang điểm; chế phẩm làm sạch với mục đích trang điểm; nước hoa (mỹ phẩm); thuốc đánh răng.

Nhóm 21: Dụng cụ đựng mỹ phẩm dùng trong gia đình; dụng cụ lau dọn dùng cho nhà vệ sinh; hộp đựng xà phòng trong nhà vệ sinh; dụng cụ để tẩy lớp son phấn hoá trang (không chạy điện); nùi bông để thoa phấn; hộp đựng phấn trang điểm (không làm bằng kim loại quý); bàn chải nhà vệ sinh; bọt biển dùng để lau chùi nhà vệ sinh; hộp đựng đồ trang điểm (có đồ).

---

(111) **4-0092642**
(210) 4-2005-07894
(181) 29.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

B.M.L.
SINCE 1912

(151) 06.12.2007
(220) 29.06.2005

(531) 2.3.1
(731) WAMILES COSMETICS KABUSHIKI KAISHA (also trading as Wamiles Cosmetics Inc.) (JP)
7 - 16, Konan - chuodori, Konan - ku, Yokohama, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; bộ đồ mỹ phẩm để trang điểm; xà phòng; nước thơm dùng cho trang điểm; chế phẩm làm sạch với mục đích trang điểm; nước hoa (mỹ phẩm); thuốc đánh răng.

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện; tiệm cắt tóc; tiệm chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ xoa bóp; dịch vụ tư vấn về y tế; cung cấp thông tin về y tế; tư vấn về chế độ ăn kiêng và chế độ dinh dưỡng (thuộc y tế).

---

(111) **4-0092643**
(210) 4-2005-08247
(181) 06.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 06.07.2005

(531) 26.1.1
(591) Đỏ, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN HƯNG LONG (VN)
66 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện: công tắc, ổ cắm, ống luồn dây điện, dây điện, cáp điện.

Nhóm 35: Mua bán vật tư, máy móc, trang thiết bị điện dân dụng và công nghiệp, điện tử, điện lạnh dưới 35KV

Nhóm 37: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình điện dân dụng và công nghiệp, điện tử, điện lạnh dưới 35KV.

Nhóm 40: Sản xuất thiết bị điện (công tắc, ổ cắm, attomat, ống luồn dây điện, dây điện, cáp dẫn điện) theo yêu cầu từ người khác.

---

(111) **4-0092644**
(210) 4-2006-18256
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEDOFLUCO

(151) 06.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092645**
(210) 4-2006-18257
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NORILOVE

(151) 06.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092646**
(210) 4-2005-08051
(181) 01.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

E'LOGEFRANCE

(151) 06.12.2007
(220) 01.07.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM E'LOGE FRANCE VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y.

---

(111) **4-0092647**
(210) 4-2005-10544
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 19.08.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH KỸ NGHỆ MIỀN NAM (VN)
Đường số 4, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Kết cấu thép, cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được.

Nhóm 07: Thiết bị nâng, máy móc thiết bị xây dựng.

Nhóm 19: Các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Nhóm 42: Thiết kế, tư vấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất thiết bị, dây chuyền sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.

---

(111) **4-0092648**
(210) 4-2005-07672
(181) 24.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZENTA

(151) 06.12.2007
(220) 24.06.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CÁT ĐẰNG (VN)
780 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè.

Nhóm 38: Dịch vụ cung cấp cho người sử dụng sự truy cập tới mạng máy tính toàn cầu.

Nhóm 41: Dịch vụ karaoke.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092649**
(210) 4-2005-09874
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

INBIONETINBRO

(151) 06.12.2007
(220) 24.08.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092650**
(210) 4-2005-11007
(181) 26.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 26.08.2005

(531) A27.1.7
(731) CÔNG TY TNHH THIÊN NGÂN HÀ (VN)
Số 18, ngõ 144, đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0092651**
(210) 4-2005-00705
(181) 19.01.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 19.01.2005

(531) 3.1.14; 3.1.15
(731) CÔNG TY TNHH THÁI THÔNG (VN)
Đường 70, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Hộp bút bằng sắt.

---

(111) **4-0092652**
(210) 4-2005-02246
(181) 03.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 03.03.2005

(531) 2.9.4; 26.4.1; A25.7.3
(591) Xanh lá cây, trắng, xanh dương, cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092653**
(210) 4-2005-17835
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEXADRON

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092654**
(210) 4-2005-17836
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KLONAFENAC

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092655**
(210) 4-2005-17837
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NINOREAGIN

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092656**
(210) 4-2005-17839
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEFKASA

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092657**
(210) 4-2005-17840
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEFRAKAS

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092658**
(210) 4-2005-17841
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEFRAXAL

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092659**
(210) 4-2005-17842
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GATFLOXIL

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092660**
(210) 4-2006-20762
(181) 28.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DH-RosiDia

(151) 06.12.2007
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092661**
(210) 4-2005-14071
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; 26.11.3; 3.1.14; A11.3.20
(591) Xanh dương, xanh dương nhạt, xanh da trời, đỏ, đỏ cam, trắng, đen, xanh tím, vàng, nâu, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền.

---

(111) **4-0092662**
(210) 4-2005-14077
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; A11.3.20; 3.1.14
(591) Đỏ, đỏ hồng, đỏ đậm, tím, xanh lá cây, vàng, xanh tím, trắng, trắng ngà, đen, nâu, hồng hoa mười giờ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; cháo ăn liền.

---

(111) **4-0092663**
(210) 4-2005-16965
(181) 13.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 13.12.2005

(531) 26.3.23
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT VIỆT Á CHÂU (VN)
80A Huỳnh Văn Bánh, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Da bán thành phẩm; giả da bán thành phẩm.

---

(111) **4-0092664**
(210) 4-2005-12607
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BOBOLAC

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI HOÀNG KHANG (VN)
2A 107A tỉnh lộ 10, ấp 2, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0092665**
(210) 4-2005-12609
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AVALAC

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THƯƠNG MẠI HOÀNG KHANG (VN)
2A 107A tỉnh lộ 10, ấp 2, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0092666**
(210) 4-2005-13028
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 25.7.20; 26.1.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG VUI (VN)
165 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách; va ly; ví; ba lô; cặp học sinh; cặp đựng hồ sơ.

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; nón (mũ); dây nịt (thắt lưng).

---

(111) **4-0092667**
(210) 4-2005-14516
(181) 31.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CARTILON

(151) 06.12.2007
(220) 31.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH KHANG PHÚC (VN)
Số 13 đường 270 Cao Lỗ, phường 04, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092668**
(210) 4-2005-17418
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) 26.1.2; A25.7.2; 26.4.2; 26.7.25
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT -VẬN TẢI -XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI T & N (VN)
B76 Nguyễn Thần Hiến, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0092669**
(210) 4-2005-17419
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT -VẬN TẢI -XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI T & N (VN)
B76 Nguyễn Thần Hiến, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường.

---

(111) **4-0092670**
(210) 4-2005-17422
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) 26.1.2
(591) Trắng, vàng, đen, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT -VẬN TẢI -XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI T & N (VN)
B76 Nguyễn Thần Hiến, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Hoá chất chống thấm dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0092671**
(210) 4-2005-15213
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZYLET

(151) 06.12.2007
(220) 11.11.2005

(731) BAUSCH & LOMB INCORPORATED (US)
One Bausch & Lomb Place, Rochester, New York 14604, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược, các chế phẩm thú y; các chế phẩm vệ sinh dùng cho ngành y; chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, thực phẩm dành cho trẻ em; cao dán, đồ băng bó (dùng cho mục đích y tế); vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; thuốc diệt nấm, diệt cỏ.

---

(111) **4-0092672**
(210) 4-2005-17071
(181) 15.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIOLET

(151) 06.12.2007
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DUY THỊNH (VN)
Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 12: Ô tô; xe máy; động cơ ô tô; động cơ xe máy; săm; lốp.

---

(111) **4-0092673**
(210) 4-2005-17073
(181) 15.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

WAXEN

(151) 06.12.2007
(220) 15.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH DUY THỊNH (VN)
Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 12: Ô tô; xe máy; động cơ ô tô; động cơ xe máy; săm; lốp.

---

(111) **4-0092674**
(210) 4-2005-14290
(181) 26.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

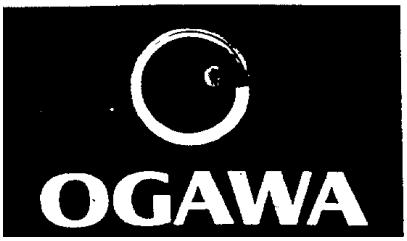

(151) 06.12.2007
(220) 26.10.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1; 26.4.10
(731) HEALTHY WORLD LIFESTYLE SDN. BHD. (Company No. 550497-K) (MY)
No. 22 Jalan Anggerik Mokara 31/47, Kota Kemuning, 40460 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị và dụng cụ y tế; thiết bị và dụng cụ làm răng; thiết bị và dụng cụ thú y; chân tay giả; mắt nhân tạo và răng giả; dụng cụ chỉnh hình; vật liệu để khâu vết thương.

---

(111) **4-0092675**
(210) 4-2005-14949
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1; 3.7.16
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỂ THAO NGÔI SAO (VN)
Số 234/A3 xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 22: Dây đan vợt bằng tự nhiên hoặc nhân tạo bằng chất dẻo dùng trong thể thao.

Nhóm 25: Giày thể thao, quần áo thể thao, mũ lưỡi trai, mũ len dùng trong thể thao.

Nhóm 27: Thảm trải sàn.

Nhóm 28: Lưới cầu lông, lưới tennis, vợt cầu lông, vợt tennis, trái cầu lông, trái cầu đá, banh tennis; dụng cụ bảo vệ trong thể thao bao gồm các loại băng thun cuốn khớp dùng trong thể thao, miếng đệm bằng mút, miếng đệm bằng cao su dùng trong thể thao.

---

(111) **4-0092676**
(210) 4-2005-14950
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) A1.1.10; 26.1.1; 3.7.16
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỂ THAO NGÔI SAO (VN)
Số 234/A3 xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 22: Dây đan vợt bằng tự nhiên hoặc nhân tạo bằng chất dẻo dùng trong thể thao.

Nhóm 25: Giày thể thao, quần áo thể thao, mũ lưỡi trai, mũ len dùng trong thể thao.

Nhóm 27: Thảm trải sàn.

Nhóm 28: Lưới cầu lông, lưới tennis, vợt cầu lông, vợt tennis, trái cầu lông, trái cầu đá, banh tennis; dụng cụ bảo vệ trong thể thao bao gồm các loại băng thun cuốn khớp dùng trong thể thao, miếng đệm bằng mút, miếng đệm bằng cao su dùng trong thể thao.

---

(111) **4-0092677**
(210) 4-2005-14110
(181) 24.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

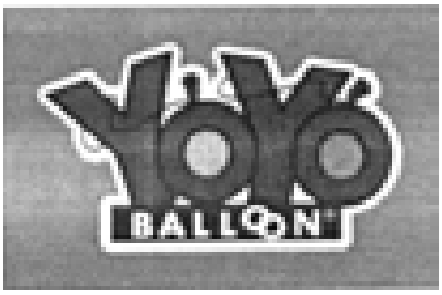

(151) 06.12.2007
(220) 24.10.2005

(531) 26.4.2; 21.3.1
(731) SUZUKI LATEX INDUSTRY CO., LTD. (JP)
1-9-1, Nakase, Mihama-ku, Chiba, Japan
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 28: Bóng bay để chơi; bóng tròn để chơi; đồ chơi.

---

(111) **4-0092678**
(210) 4-2005-15057
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SOLI - MEDON

(151) 06.12.2007
(220) 09.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDI PHAR). (VN)
498 Nguyễn Thái Học, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092679**
(210) 4-2005-16708
(181) 09.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HẬU DIỄN

(151) 06.12.2007
(220) 09.12.2005

(731) NGUYỄN VĂN HẬU (VN)
Số 67 phố Bế Văn Đàn, phường Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Rau tươi; nấm tươi; quả tươi; hạt ngũ cốc chưa qua chế biến; hạt giống, cây giống.

---

(111) **4-0092680**
(210) 4-2005-17067
(181) 15.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 15.12.2005

(531) 26.4.2
(591) Da cam, trắng, xanh lá cây
(731) SAHA PATHANA INTER-HOLDING PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
757/10 Soi Pradoo 1, Sathupradit Road, Bangpongpang, Yannawa, Bangkok 10120, Thailand
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Tư vấn điều hành kinh doanh; quản lý bán hàng cho cửa hàng tiện dụng; hỗ trợ việc quản lý tổ chức doanh nghiệp; tư vấn quản lý nhân sự; dịch vụ tuyển dụng nhân sự; triển lãm cho mục đích thương mại hoặc quảng cáo.

---

(111) **4-0092681**
(210) 4-2005-11025
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 29.08.2005

(531) 26.3.23; A26.11.13
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU GIA THÀNH (VN)
53 lô M, đường số 5, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán nguyên liệu ngành sản xuất răng giả; mua bán dụng cụ ngành sản xuất răng giả; mua bán máy móc ngành sản xuất răng giả.

---

(111) **4-0092682**
(210) 4-2005-13017
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

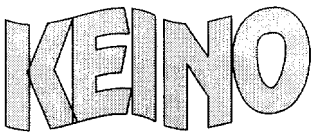

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LAN (VN)
Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 12: Thiết bị và phụ tùng xe máy, cụ thể là: bộ phận giảm xóc; moay ơ; nhông; xích; vành; má phanh; dây phanh.

---

(111) **4-0092683**
(210) 4-2005-15843
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 23.11.2005

(531) A1.5.2; A1.5.6
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh lá cây
(731) TRUNG TÂM TƯ VẤN THÔNG TIN BỒI DƯỠNG NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC QUẢN LÝ KINH TẾ (VN)
28 Lê Quý Đôn, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Tư vấn quản lý kinh doanh; tư vấn quản lý giao dịch; tư vấn quản trị; tư vấn về tổ chức điều hành doanh nghiệp; tư vấn xây dựng chiến lược kinh doanh và chiến lược quảng cáo; điều tra đánh giá và phân tích hoạt động các doanh nghiệp; tư vấn kế toán; tư vấn đấu thầu trong nước và quốc tế.

Nhóm 36: Tư vấn tài chính.

Nhóm 41: Tổ chức hội thảo khoa học; mở các lớp huấn luyện bồi dưỡng và nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp và trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Nhóm 42: Tổ chức nghiên cứu, phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh và phổ biến ứng dụng công nghệ mới; tư vấn về chuyển giao công nghệ; tư vấn đầu tư (thiết lập các loại dự án tiền khả thi và khả thi); phân tích thẩm tra và đánh giá các dự án đầu tư; tư vấn về các thủ tục pháp lý để thành lập doanh nghiệp, thành lập văn phòng đại diện, thành lập chi nhánh; dịch vụ tin học, cụ thể là dịch vụ nối mạng thông tin nội bộ, hướng dẫn phương pháp khai thác sử dụng mạng thông tin và hướng dẫn phương pháp lắp đặt phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0092684**
(210) 4-2005-15845
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 23.11.2005

(531) 24.15.1; A26.3.6; 26.3.23
(591) Nâu, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN TẤN PHÚC (VN)
ấp Nguyễn út, xã Khánh Hòa, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 21: Gốm mỹ nghệ: bình, chậu, tượng.

Nhóm 35: Mua bán sản phẩm gốm mỹ nghệ.

---

(111) **4-0092685**
(210) 4-2005-13025
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HANDBAGS Mr.VUI ®

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯƠNG VUI (VN)
165 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách; va ly; ví; ba lô; cặp học sinh; cặp đựng hồ sơ.

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; nón (mũ); dây nịt (thắt lưng).

---

(111) **4-0092686**
(210) 4-2005-13027
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯƠNG VUI (VN)
165 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách; va ly; ví; ba lô; cặp học sinh; cặp đựng hồ sơ.

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; nón (mũ); dây nịt (thắt lưng).

---

(111) **4-0092687**
(210) 4-2005-13029
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 1.7.1; A1.3.15; 26.4.2; 26.1.2; A5.13.9; A25.7.4; 5.5.19; A5.5.22
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, tím nâu, tím, tím nhạt, hồng, nâu, nâu vàng, xanh rêu
(731) CƠ SỞ LÊ ANH THU (VN)
95 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thạnh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh kem; bánh trung thu.

---

(111) **4-0092688**
(210) 4-2005-15947
(181) 25.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

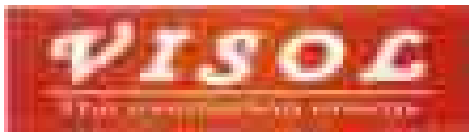

(151) 06.12.2007
(220) 25.11.2005

(531) 26.4.2
(591) Trắng, đỏ, da cam, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĨNH PHÁT (VN)
Số 14, ngõ 160, đường Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Máy đun nước sử dụng năng lượng mặt trời; máy điều hòa không khí sử dụng năng lượng mặt trời; thiết bị thông gió sử dụng năng lượng mặt trời; thiết bị chiếu sáng sử dụng năng lượng mặt trời; thiết bị tắm sử dụng năng lượng mặt trời; thiết bị sưởi ấm sử dụng năng lượng mặt trời.

Nhóm 35: Mua bán các thiết bị để chiếu sáng, sưởi nóng, sinh hơi nước, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió, phân phối nước, thiết bị vệ sinh và thiết bị xử lý môi trường; quảng cáo; môi giới quảng cáo/thương mại.

---

(111) **4-0092689**
(210) 4-2005-16040
(181) 28.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 28.11.2005

(531) 1.15.24; 18.3.21; A18.4.2; A26.11.13
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CUNG CẤP HÀNG MIỄN THUẾ (VN)
Số 6, Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

(511) Nhóm 41: Giải trí; tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

---

(111) **4-0092690**
(210) 4-2005-16703
(181) 09.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 09.12.2005

(531) A1.5.3; A1.5.6
(591) Xanh da trời
(731) CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI (VN)
Xã Thuỷ Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn, các loại ống cấp thoát nước phi kim loại; vữa khô xây dựng, xi măng PC40, PCB30.

Nhóm 35: Quản lý dự án; buôn bán xăng dầu; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng; tư vấn đấu thầu.

Nhóm 36: Mua bán bất động sản; tư vấn đầu tư.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; thi công xây dựng cầu, đường, công trình thuỷ lợi; xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; xây dựng, sửa chữa bất động sản; lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, tư vấn giám sát xây dựng; khai thác đá; thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; trang trí nội thất.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng hoá, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.

Nhóm 40: Chế tạo các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.

Nhóm 42: Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hoá trong lĩnh vực: xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, lập dự án.

---

(111) **4-0092691**
(210) 4-2006-16814
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PETRODA

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V (VN)
Số 01 Lê Quý Đôn, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0092692**
(210) 4-2005-12054
(181) 05.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 05.01.2007

(531) 26.4.3; A3.13.19; 26.4.8
(591) Vàng, trắng, đen, đỏ, xanh, nâu
(731) NGÔ HỒNG TRƯỜNG (VN)
Khối Đoàn Kết, phường Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 24: Vải lụa tơ tằm.

Nhóm 25: Quần áo lụa tơ tằm.

---

(111) **4-0092693**
(210) 4-2005-12293
(181) 21.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUEEN

(151) 06.12.2007
(220) 21.09.2005

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT KHĂN THƠM QUEEN (VN)
382B Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 24: Khăn ăn bằng vải; khăn lau bằng vải; khăn lau mặt bằng vải; khăn tay bỏ túi bằng vải; khăn bằng vải để lau; khăn trải bàn (không bằng giấy).

---

(111) **4-0092694**
(210) 4-2005-15823
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 23.11.2005

(531) 2.9.10; 26.1.1; A26.11.12
(591) Tím, xanh lá chuối non, xanh dương, hồng, trắng, đen
(731) NHA KHOA ÁNH VIỆT (VN)
112 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0092695**
(210) 4-2005-15825
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

XUYÊN VIỆT

(151) 06.12.2007
(220) 23.11.2005

(531) A5.5.21
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI TẤN BÌNH (VN)
248/4 khu phố 3, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Thực phẩm chế biến như cháo ăn liền; bột canh.

---

(111) **4-0092696**
(210) 4-2005-16223
(181) 01.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 01.12.2005

(531) 3.7.12
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG TRUNG (VN)
221 Trần Hưng Đạo, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 07: Động cơ điện (mô tơ điện), máy xay xát, máy nghiền.

Nhóm 11: Quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước bằng điện, lò sưởi, bình lọc nước.

---

(111) **4-0092697**
(210) 4-2005-16907
(181) 13.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TUẤN PHÁT

(151) 06.12.2007
(220) 13.12.2005

(731) VƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG (VN)
Số 552 Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 09: An ten máy thu hình.

---

(111) **4-0092698**
(210) 4-2005-17838
(181) 29.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SOONYBY
順麗白

(151) 06.12.2007
(220) 29.12.2005

(731) PHOENIX BIJOUX & CO., LTD. (TW)
3 Fl., No. 5, Chengcing Road, Lingya District, Kaohsiung, Taiwan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; bút nước kẻ mắt; phấn hồng (dùng để trang điểm); xà phòng; son môi; nước hoa; nước xức tóc; nước tẩy rửa mặt; dầu gội đầu; mỹ phẩm chăm sóc cơ thể; mỹ phẩm đánh móng tay; bút chì dùng để trang điểm; kem dưỡng da; kem làm trắng da; kem bôi mặt; kem ngọc trai (dùng để trang điểm); chất làm se (dùng cho mỹ phẩm); nước cạo râu; phấn dùng để trang điểm; bột tan (dùng cho cơ thể); sữa làm sạch da; kem dưỡng tóc; dầu dưỡng tóc; chế phẩm để đánh bóng; bột giặt; chế phẩm để tẩy rửa; chất tẩy.

---

(111) **4-0092699**
(210) 4-2005-11038
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 29.08.2005

(531) A26.1.24; 26.13.25; 26.1.1; A26.11.12
(591) Vàng, nâu đậm, nâu nhạt, trắng
(731) SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)
5-1, 3-chome, Nihonbashi-honcho, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng cho công nghiệp, khoa học (không dùng cho mục đích y tế hoặc thú y) và nhiếp ảnh, cũng như nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu và chất diệt vật ký sinh); nhựa nhân

tạo dạng thô; chất dẻo dạng thô; phân bón; hợp chất chữa cháy; chế phẩm để tôi, ram và hàn kim loại; hoá chất để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y và chế phẩm vệ sinh (dùng cho mục đích y tế); chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó (cho mục đích y tế hoặc giải phẫu); vật liệu để hàn răng, in dấu răng; chất tẩy uế, chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, diệt cỏ; thực phẩm ăn kiêng dùng trong ngành y; đồ uống kiêng dùng trong ngành y; bánh mỳ cho người mắc bệnh đái đường; chất xơ có thể ăn được (không chứa chất dinh dưỡng).

---

(111) **4-0092700**
(210) 4-2003-04172
(181) 02.06.2013
(450) 25.01.2008 238
(540)

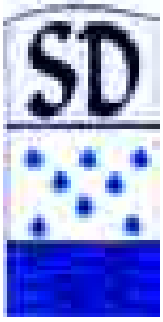

(151) 06.12.2007
(220) 02.06.2003

(531) 1.15.15; 1.15.24; A25.7.7
(591) Xanh dương, xanh nước biển, trắng
(731) SUPER DRY INTERNATIONAL PTE., LTD. (SG)
10 Anson Road, International Plaza #35-08 Singapore 079903
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Chất hút ẩm (Cacl2-Clorua Canxi, sử dụng để hút ẩm trong các thùng hàng đóng gói và hàng đóng gói trong container).

---

(111) **4-0092701**
(210) 4-2004-13866
(181) 13.12.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

RE O

(151) 06.12.2007
(220) 13.12.2004

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)
08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu.

---

(111) **4-0092702**
(210) 4-2005-14069
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; 3.1.14; 26.11.3; A11.3.20
(591) Hồng, hồng nhạt, đỏ, đỏ cam, trắng, đen, xanh tím, xanh lá cây, vàng, nâu, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền.

---

(111) **4-0092703**
(210) 4-2005-14070
(181) 21.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1; 26.11.3; A11.3.20; 3.1.14
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, đỏ, trắng, đen, xanh tím, vàng, nâu, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cháo ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền.

---

(111) **4-0092704**
(210) 4-2005-09422
(181) 28.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LILY OF FRANCE

(151) 06.12.2007
(220) 28.07.2005

(731) VANITY FAIR, INC. (US)
3411 Silverside Road, Wilmington, Delaware 19810, USA
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón

---

(111) **4-0092705**
(210) 4-2005-13026
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

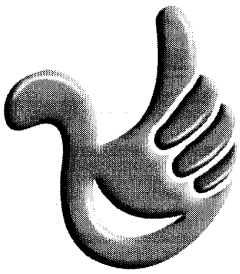

(151) 06.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) A2.9.15; A3.7.24; 26.13.25; 2.9.14
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯƠNG VUI (VN)
165 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách; va ly; ví; ba lô; cặp học sinh; cặp đựng hồ sơ.

Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; nón (mũ); dây nịt (thắt lưng).

---

(111) **4-0092706**
(210) 4-2005-17424
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) 7.3.11; 7.1.24; 4.5.21; A5.1.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN (VN)
41 -47 Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch; vận tải hành khách bằng ô tô.

---

(111) **4-0092707**
(210) 4-2006-17154
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TROYPESIC

(151) 06.12.2007
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ THIÊN ĐAN (VN)
90A/D19 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092708**
(210) 4-2005-06889
(181) 09.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 09.06.2005

(531) 7.1.1; A25.7.8
(591) Nâu đỏ, đỏ, vàng, vàng nhạt, trắng, nâu
(731) CƠ SỞ BÁNH KẸO NHƯ HƯƠNG (VN)
41/130/14/9 An Thành, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo các loại như: bánh kem xốp, bánh bích quy, kẹo sôcôla, kẹo sữa dừa, kẹo mềm.

---

(111) **4-0092709**
(210) 4-2005-08487
(181) 08.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 08.07.2005

(531) 7.1.6; 2.9.19
(591) Xanh sẫm, đỏ, da cam, trắng, nhũ bạc
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc điều trị móng tay, móng chân dạng kem; thuốc trị nứt gót chân dạng kem; thuốc trị chai da dạng kem; thuốc ngăn ngừa nhiễm trùng da chân và móng tay dạng kem; thuốc ngăn ngừa nhiễm nấm dạng kem.

---

(111) **4-0092710**
(210) 4-2005-10541
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 19.08.2005

(531) A26.11.13
(731) CÔNG TY TÔN PHƯƠNG NAM (VN)
Đường số 9, khu công nghiệp Biên Hoà 1, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 06: Tôn mạ kẽm, mạ màu dang cuộn, tôn cán sóng vuông, sóng ngói; các sản phẩm hàng hóa khác được chế biến từ tôn mạ kẽm, mạ màu như: cửa buồng tắm, cửa cuốn, khung cửa sổ, khung xà gồ.

---

(111) **4-0092711**
(210) 4-2005-12601
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MY-MOM

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092712**
(210) 4-2005-12602
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZO-ZO

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092713**
(210) 4-2005-12603
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MAYMOM

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092714**
(210) 4-2005-12604
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

RAPEZ

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHẠM ANH (VN)
42/13 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092715**
(210) 4-2005-12605
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

THÔN TRANG

(151) 06.12.2007
(220) 27.09.2005

(531) A5.3.14; A5.3.15
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

Nhóm 35: Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, mua bán phân bón, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0092716**
(210) 4-2005-07371
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRUFILL DCS ORBIT

(151) 06.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) CORDIS CORPORATION (US)
14201 N.W. 60th Avenue, Miami Lakes, Florida, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế dùng để thông tắc mạch bằng phương pháp nhân tạo, cụ thể là cuộn ống thông có thể tháo ra được.

---

(111) **4-0092717**
(210) 4-2005-12880
(181) 03.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SA TRÀ

(151) 06.12.2007
(220) 03.10.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐẠI PHÁT (VN)
127 đường số 11, khu dân cư Bình Phú, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Nước tương (tàu vị yểu); gia vị; nước xốt cà chua; tương ớt; tương hột; tương ớt chua ngọt.

---

(111) **4-0092718**
(210) 4-2005-13894
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FARDIPIN

(151) 06.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0092719**
(210) 4-2005-13895
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

THIAZIFAR

(151) 06.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092720**
(210) 4-2006-17193
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 12.10.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, vàng
(731) THÁI SƠN KIM (VN)
Số 2G, tổ 19, đường Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thực phẩm, nước giải khát; đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, quán ăn tự phục vụ, quán cà phê giải khát, nhà hàng bán thức ăn mang về, và dịch vụ cung cấp thực phẩm.

---

(111) **4-0092721**
(210) 4-2006-16607
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEGAVIN

(151) 06.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) CÔNG TY TIẾN MINH - (TNHH) (VN)
Số 404 đường Ngô Gia Tự, phường Tiền An, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Ống nhựa cứng (vật liệu xây dựng); phụ kiện của ống nhựa như: cút, tê, chếch, nối, van.

---

(111) **4-0092722**
(210) 4-2006-16608
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 03.10.2006

(531) 26.1.1; 15.7.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ YÊN THỌ (VN)
Km 65, Yên Trung, Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Kết cấu thép dùng trong xây dựng và công nghiệp; vì chống lò làm bằng kim loại.

Nhóm 07: Thiết bị nâng hạ như cẩu trục; máy cắt; máy mài; máy phay; máy bào; máy khoan; mũi khoan (bộ phận của máy khoan); dao cắt (chi tiết của máy); xích tải công nghiệp; thiết bị phục vụ ngành khai thác và vận chuyển khoáng sản như: hệ thống băng tải cao su, băng tải xích, gầu nâng, máy đập, máy nghiền.

Nhóm 12: Xe goòng.

Nhóm 40: Lắp ráp xe ô tô.

Nhóm 42: Thiết kế thùng xe ô tô, satsi ô tô.

---

(111) **4-0092723**
(210) 4-2006-13647
(181) 18.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

IMIPEN

(151) 06.12.2007
(220) 18.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9 H17 tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092724**
(210) 4-2006-16907
(181) 09.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEU-GYNANE

(151) 06.12.2007
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM 27/2 (VN)
90A/B54 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092725**
(210) 4-2006-17153
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TROYFELPIN

(151) 06.12.2007
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ THIÊN ĐAN (VN)
90A/D19 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092726**
(210) 4-2006-17451
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.2; A1.1.12
(591) Xanh đậm, vàng chanh, trắng
(731) MAI THỊ TỐ TRINH (VN)
Khu phố 4, phường Phước Long A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Hóa mỹ phẩm cụ thể: nước rửa chén.

---

(111) **4-0092727**
(210) 4-2005-16814
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

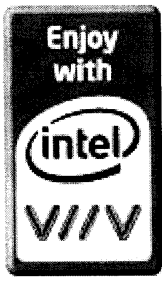

(151) 06.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.4.2; 26.1.2; A26.11.12; 26.7.25
(591) Đen đậm, đen nhạt, trắng
(731) INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, California 95052 - 8119 U.S.A.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính để xử lý dữ liệu; máy tính điện tử; phần cứng máy tính; chất bán dẫn; bộ vi xử lý (máy tính) và vật liệu bán dẫn dùng cho bộ vi xử lý; chất bán dẫn dùng cho mạng máy tính và cho hệ thống thông tin liên lạc; mạch tích hợp; mạch tổ hợp của máy vi tính; bản mạch in chính và bản mạch con (phụ) của máy vi tính; máy vi tính; bộ xử lý chương trình phần mềm của máy tính; hệ thống phần mềm máy tính dùng để điều hành máy tính và chương trình cơ sở của máy tính; phần mềm máy tính dùng cho mạng máy tính và cho hệ thống thông tin liên lạc; vô tuyến điện và dây điện của bộ điều biến (môđem); bộ điều hợp của mạng máy tính và mạch giao tiếp của mạng máy tính.

---

(111) **4-0092728**
(210) 4-2006-12947
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 08.08.2006

(531) 26.1.1; 1.15.5
(731) TRẦN HỚN BỘI (VN)
05 Phạm Ngọc Thạch, Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 30: Bánh in các loại.

---

(111) **4-0092729**
(210) 4-2006-13352
(181) 15.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CELETOP

(151) 06.12.2007
(220) 15.08.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD., (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092730**
(210) 4-2006-13353
(181) 15.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HOLDAMOX

(151) 06.12.2007
(220) 15.08.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD., (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092731**
(210) 4-2006-13354
(181) 15.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 15.08.2006

(531) 26.4.2; 4.5.2; 4.5.3; 26.1.6
(591) Xanh lá cây, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092732**
(210) 4-2006-16524
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 02.10.2006

(531) 3.9.1; 1.5.1; A1.5.8
(591) Đen, ghi, vàng, xanh lam, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THUỶ SẢN BÌNH AN (VN)
Lô 2-17 khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Cá chế biến, tôm chế biến, cua chế biến, ghẹ chế biến.

---

(111) **4-0092733**
(210) 4-2006-16525
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 06.12.2007
(220) 02.10.2006

(531) A26.11.12; A26.3.6
(731) THAI CERAMIC CO., LTD. (TH)
1, Siam Cement Road, Bangsue Sub-district, Bangsue District, Bangkok, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 19: Đá lát sàn nhà (không làm từ kim loại); đá lát tường (không làm từ kim loại); ngói lát mái nhà (không làm từ kim loại); đá khảm dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0092734**
(210) 4-2006-16526
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIVING NATURE

(151) 06.12.2007
(220) 02.10.2006

(731) LIVING NATURE LIMITED (NZ)
Bulls Gorge, State Highway 10, Kerikeri, New Zealand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, tinh dầu (mỹ phẩm), mỹ phẩm, nước dưỡng thơm cho tóc, kem đánh răng, chế phẩm vệ sinh dùng để tắm, chế phẩm dưỡng da và chế phẩm chăm sóc da, chế phẩm làm sạch.

Nhóm 35: Bán buôn và bán lẻ xà phòng, nước hoa, tinh dầu (mỹ phẩm), mỹ phẩm, nước dưỡng thơm cho tóc, kem đánh răng, chế phẩm và các vật dụng dùng để tắm, chế phẩm dưỡng da và chế phẩm chăm sóc da, chế phẩm làm sạch.

---

(111) **4-0092735**
(210) 4-2006-16819
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RILIFEX

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092736**
(210) 4-2006-16830
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CARTIVIT

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092737**
(210) 4-2006-16831
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIPOTAB

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092738**
(210) 4-2006-16832
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TORITAB

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092739**
(210) 4-2006-16833
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TIFLOCIN

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092740**
(210) 4-2006-16836
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOLCIFEN

(151) 06.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0092741**
(210) 4-2005-06960
(181) 10.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 10.06.2005

(531) 2.1.1; 2.1.8; A3.4.4
(591) Đỏ, nâu nhạt, đen, vàng, trắng.
(731) UNIVERSAL ROBINA CORPORATION (PH)
E.Rodriguez, Jr. Avenue, Bagong Ilog, Pasig City, Philippines 1600
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tăng lực các loại (không dùng cho mục đích y tế); đồ uống đẳng dưỡng dùng cho hoạt động thể thao (không dùng cho mục đích ytế); đồ uống không cồn; nước ép trái cây các loại; đồ uống dạng bột dùng cho hoạt động thể thao.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống.

---

(111) **4-0092742**
(210) 4-2005-13898
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LISALIKACIN

(151) 07.12.2007
(220) 20.10.2005

(731) LISAPHARMA S.P.A ITALY (IT)
Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Como), Italy
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092743**
(210) 4-2006-16408
(181) 29.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 29.09.2006

(531) 3.4.18; 3.4.20; A3.4.24; A9.7.19; 26.1.2
(591) Trắng, vàng, đỏ, xanh dương, vàng kem
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM DINH DƯỠNG SÀI GÒN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Xúc xích; thịt đóng hộp; giò lụa; xúc xích tươi.

---

(111) **4-0092744**
(210) 4-2005-05178
(181) 06.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIVELIFELIGHT

(151) 07.12.2007
(220) 06.05.2005

(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước có ga; đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi- rô; chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0092745**
(210) 4-2006-16503
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KYMCO VIVIO

(151) 07.12.2007
(220) 02.10.2006

(731) KWANG YANG MOTOR CO., LTD. (TW)
No. 35, Wan Hsing Street, Sanmin District, Kaohsiung, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Lốp xe; xe ô tô; xe ô tô điện; xe mô tô; xe mô tô điện; xe chạy trên mọi địa hình; xe chạy trên mọi địa hình dùng điện; xe chạy trên bãi biển; xe chạy trên đường gập ghềnh; xe scutơ lưu động; xe scutơ lưu động chạy bằng điện; xe đạp; xe đạp điện; xe đạp ba bánh; xe đạp ba bánh chạy bằng điện; xe lăn; xe lăn chạy bằng điện.

---

(111) **4-0092746**
(210) 4-2006-20996
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 30.11.2006

(531) A7.1.12
(591) Vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH BIỆT THỰ VÀNG (VN)
Số 2 Tây Hồ, Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Cho thuê căn hộ, biệt thự cao cấp.

---

(111) **4-0092747**
(210) 4-2005-03425
(181) 30.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SHINAFIL

(151) 07.12.2007
(220) 30.03.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO (VN)
Số 13, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hoà 2, Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092748**
(210) 4-2005-08157
(181) 05.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NUFLAM

(151) 07.12.2007
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD. (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092749**
(210) 4-2005-08158
(181) 05.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GAZORE

(151) 07.12.2007
(220) 05.07.2005

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092750**
(210) 4-2004-11708
(181) 27.10.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

PILAFIX

(151) 07.12.2007
(220) 27.10.2004

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc chữa bệnh dùng cho người.

---

(111) **4-0092751**
(210) 4-2005-08674
(181) 14.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 14.07.2005

(531) A26.11.12; 26.4.2
(591) Đen, vàng, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VƯỢT SÓNG (VN)
498/8/16 Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 12: Phương tiện giao thông đường thuỷ: tàu thuyền thể thao.

---

(111) **4-0092752**
(210) 4-2004-03754
(181) 23.04.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 23.04.2004

(531) A1.1.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HOÀ THỊNH (VN)
411 Bis Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 06: Que hàn, dây hàn bằng kim loại, bột hàn (dạng bột kim loại).

---

(111) **4-0092753**
(210) 4-2004-06780
(181) 09.07.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 09.07.2004

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀN CẦU II (VN)
411 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành.

Nhóm 40: Dịch vụ chế biến gỗ.

---

(111) **4-0092754**
(210) 4-2005-02894
(181) 21.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 21.03.2005

(531) 26.3.1
(731) AJINOMOTO CO., INC. (JP)
15-1, Kyobashi 1 Chome Chuo-Ku, Tokyo 104, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 29: Bơ; nước quả nấu đông; sữa và các sản phẩm sữa; đồ uống có sữa (sữa là chủ yếu); sữa có chứa acid lactic; nước sữa; sữa chua; mứt quả; quả nấu chín; trứng; dầu và mỡ ăn.

Nhóm 30: Cà phê; đồ uống chế trên cơ sở cà phê; chất thay thế cà phê; chè; đồ uống chế trên cơ sở chè; cacao; đồ uống chế trên cơ sở cacao; đường; bột sắn; bột cọ; kẹo; kem lạnh (để ăn); mật ong; nước mật đường; chất làm ngọt tự nhiên.

Nhóm 32: Đồ uống làm từ hoa quả có chứa amino acid dưới dạng lỏng hoặc cô đặc dùng cho vận động viên thể thao (không dùng trong y tế); đồ uống làm từ hoa quả làm bổ dưỡng sức khoẻ (không dùng trong ngành y); nước ga; nước ép hoa quả; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả có ga; bia gừng; nước chanh làm đồ uống; đồ uống làm từ chất sữa chiết ra từ quả hạnh; đồ uống chế trên cơ sở chất sữa chiết ra từ quả hạnh; nước khoáng; nước ép từ rau làm đồ uống; nước ép cà chua làm đồ uống; đồ uống hoa quả có chứa váng sữa; chế phẩm dùng để làm đồ uống.

---

(111) **4-0092755**
(210) 4-2005-07306
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 20.06.2005

(531) 3.9.18; A3.9.24; A8.5.15
(591) Vàng chanh, đỏ, nâu, xanh ngọc, trắng, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUAN NHÂN (VN)
96D, Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Mực chế biến như mực tẩm sấy và tương mực; củ cải muối; lạc chiên tẩm mực; tôm chế biến; cá chế biến.

---

(111) **4-0092756**
(210) 4-2005-07619
(181) 24.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 24.06.2005

(531) 26.4.3; 7.1.24; 15.1.19
(591) Xanh, đỏ
(731) CÔNG TY XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG THÁP (VN)
Số 3 Tôn Đức Thắng, phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 19: Gạch ngói nung, gạch lát nền.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng.

Nhóm 36: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kinh doanh.

Nhóm 37: Xây dựng công trình san lấp mặt bằng, khai thác cát, khảo sát xây dựng; giám sát thi công, dịch vụ sửa chữa cơ khí; trang trí nội thất.

Nhóm 39: Vận tải vật liệu.

Nhóm 42: Thiết kế xây dựng, lập dự án đầu tư.

---

(111) **4-0092757**
(210) 4-2006-16444
(181) 29.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THESPA

(151) 07.12.2007
(220) 29.09.2006

(731) CƠ SỞ LANA (VN)
C4-32A, ấp 3, xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; chế phẩm để làm sạch, chế phẩm để giặt, chế phẩm dùng để đánh bóng, chế phẩm làm sạch miệng không dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 05: Chế phẩm đuổi muỗi, côn trùng dùng cho cơ thể; chế phẩm diệt muỗi, côn trùng dùng cho gia đình; chế phẩm diệt trùng; chất khử trùng; chế phẩm hóa dược dùng cho mục đích vệ sinh hoặc y tế; chế phẩm hóa dược.

---

(111) **4-0092758**
(210) 4-2003-10442
(181) 13.11.2013
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEPRAZ

(151) 07.12.2007
(220) 13.11.2003

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO, LTD (dba ampharco usa) (US)
2619 W Edinger D2, Santa Ana, CA 92704, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0092759**
(210) 4-2003-10443
(181) 13.11.2013
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEPRAZ

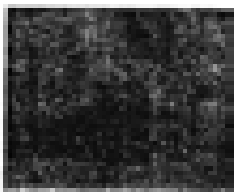

(151) 07.12.2007
(220) 13.11.2003

(531) A26.11.12; 26.4.2
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO, LTD(dba ampharco usa) (US)
2619 W Edinger D2, Santa Ana, CA 92704, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0092760**
(210) 4-2003-10444
(181) 13.11.2013
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 13.11.2003

(531) 2.9.14
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO, LTD (dba ampharco usa) (US)
2619 W Edinger D2, Santa Ana, CA 92704, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0092761**
(210) 4-2005-15456
(181) 16.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PREMIAWAVE

(151) 07.12.2007
(220) 16.11.2005

(731) L'OREAL, SOCIETE ANOYME (FR)
14 rue Royale, 75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước gội đầu, dầu, keo xịt tóc, kem bọt và dầu thơm dùng để chăm sóc tóc và tạo kiểu tóc; keo chăm sóc tóc; chế phẩm dùng để nhuộm tóc và tẩy màu tóc; chế phẩm dùng để uốn xoăn tóc và giữ cho tóc uốn bền nếp; các loại tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0092762**
(210) 4-2006-15327
(181) 13.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ĐẠI PHÚ

(151) 07.12.2007
(220) 13.09.2006

(531) A1.3.16; 4.3.3; 1.15.11; 26.1.2
(591) Vàng, vàng nhũ, ghi sẫm, xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI PHÚ (VN)
Số nhà 241, đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh đậu xanh, bột đậu xanh.

---

(111) **4-0092763**
(210) 4-2006-15329
(181) 13.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 13.09.2006

(531) 4.3.3; 1.15.5; 1.15.11
(591) Vàng sẫm, vàng nhũ, nâu sẫm, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI PHÚ (VN)
Số nhà 241, đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh đậu xanh, bột đậu xanh.

---

(111) **4-0092764**
(210) 4-2006-15603
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OSPAY

(151) 07.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93 Linh Lang, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092765**
(210) 4-2006-15604
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Simecita

(151) 07.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ (VN)
Số 93 Linh Lang, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092766**
(210) 4-2006-15933
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOMMY

(151) 07.12.2007
(220) 21.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐẠI THÀNH PHÁT (VN)
369 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: thiết bị vệ sinh, vật liệu xây dựng, thiết bị nhà bếp.

---

(111) **4-0092767**
(210) 4-2006-15934
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MISAWA

(151) 07.12.2007
(220) 21.09.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MINH VÀ BẠN (VN)
100/21 Vườn Lài, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Thiết bị và dụng cụ dùng trong nhà tắm như: giá treo khăn, lô đựng giấy vệ sinh, giá đựng xà phòng, hộp xà phòng (tất cả không được làm bằng kim loại quý); dụng cụ dùng cho nhà vệ sinh.

---

(111) **4-0092768**
(210) 4-2006-15385
(181) 14.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

METO

(151) 07.12.2007
(220) 14.09.2006

(531) 26.11.1; A26.11.8
(591) Đỏ, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH UNI IMPEX VN (VN)
31 An Phú Đông 12, khu phố 3, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Thuốc tẩy trắng cho ngành dệt may.

---

(111) **4-0092769**
(210) 4-2006-16053
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HIGH FINANCE - HF

(151) 07.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) 26.4.3;; 4.3.7
(731) CƠ SỞ THÀNH CÔNG (VN)
77/34 khu phố 15, đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe gắn máy, cụ thể là nan hoa; má phanh (bố thắng); vành; săm (ruột); cần số; cần phanh (đạp thắng); cần khởi động; còi (kèn); líp (nhông); xích (sên); dây phanh (dây thắng); chân chống; phuộc nhún; ống pô.

(111) **4-0092770**
(210) 4-2006-16055
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LASKA

(151) 07.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC PHÚ LỢI (VN)
Khu 9, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn dùng cho gia súc và gia cầm.

---

(111) **4-0092771**
(210) 4-2006-16056
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) A1.5.3; 5.13.4; 5.7.3; 26.1.1
(591) Tím, đỏ, trắng, xanh ngọc, xanh dương, đỏ đậm, đen, xanh đen, xanh rêu
(731) XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC PHÚ LỢI (VN)
Khu 9, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn dùng cho gia súc và gia cầm.

---

(111) **4-0092772**
(210) 4-2006-16057
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HƯNG LỢI

(151) 07.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC PHÚ LỢI (VN)
Khu 9, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn dùng cho gia súc và gia cầm.

---

(111) **4-0092773**
(210) 4-2006-16061
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VITAS

(151) 07.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC PHÚ LỢI (VN)
Khu 9, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn dùng cho gia súc và gia cầm.

---

(111) **4-0092774**
(210) 4-2006-15401
(181) 14.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 14.09.2006

(531) A25.1.10
(731) SUN SHUN FUK FOODS CO., LTD. (HK)
5th Floor, Sun Shun Fuk Centre, 12-18 Wang Yip Street South, Yuen Long, New Territories, Hong Kong
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột cọ; bột sắn; chất thay thế cà phê; bột mì và chế phẩm ngũ cốc; bánh mỳ; bánh bao và kẹo; đá ăn; mật ong; nước mật đường; men làm bánh; bột nở; muối; tương hạt cải; dấm; nước xốt dùng làm gia vị; gia vị; kem lạnh (kem ăn).

---

(111) **4-0092775**
(210) 4-2006-15405
(181) 14.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Will mery

(151) 07.12.2007
(220) 14.09.2006

(731) MARUTAKA IRYO CO., LTD. (JP)
8 - 3, Tamatsukuri 2 - chome, Chuo - ku, Osaka - shi, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu cụ thể là: mũ, nón, khăn trùm đầu (đi kèm quần áo).

(111) **4-0092776**
(210) 4-2006-15642
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DIOSTA

(151) 07.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092777**
(210) 4-2006-15643
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLUNARODIN

(151) 07.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092778**
(210) 4-2006-15681
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SPASMOGESIC

(151) 07.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092779**
(210) 4-2006-15779
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 07.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 6.1.2; 26.1.1; 26.4.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh lam, xanh nhạt, xanh ngọc bích
(731) CÔNG TY TNHH THỰC NGHIỆP TÂN HẢI LẠNG SƠN (VN)
Khu Tân Mỹ II, thị trấn Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

(511) Nhóm 16: Bút bi; bút màu; bút trung tính (bút dạ kim).

---

(111) **4-0092780**
(210) 4-2006-16007
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LONALEXIN

(151) 07.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092781**
(210) 4-2006-08188
(181) 26.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 26.05.2006

(531) A1.1.10
(591) Xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO SAO HÔM (VN)
146AB Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, hội chợ triển lãm thương mại, dịch vụ tiếp thị.

Nhóm 41: Tổ chức triển lãm (giáo dục), hoạt động sinh hoạt văn hóa, dịch vụ tổ chức hội nghị hội thảo.

(111) **4-0092782**
(210) 4-2006-06437
(181) 25.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 25.04.2006

(531) 26.1.1; 26.2.7
(591) Đỏ, vàng, xanh, trắng
(731) LÊ BÁ THUỶ (VN)
Kiêu Kỵ, Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 18: Cặp da; túi xách; ô dù.

---

(111) **4-0092783**
(210) 4-2006-08171
(181) 26.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Glory M!

(151) 10.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) NGUYỄN THỊ LAN ANH (VN)
A10, khu quy hoạch 78, ngõ Trung Tiền, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Xuất bản phẩm điện tử có thể tải xuống; phim trực tuyến có thể tải xuống điện thoại di động; thiệp điện tử có thể tải xuống; hình ảnh cho điện thoại di động có thể tải xuống; phim đã in tráng; phim hoạt hình.

Nhóm 38: Dịch vụ nhắn tin; thư điện tử; truyền thư tín; truyền hình cáp.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; thông tin về giải trí; cung cấp các xuất bản phẩm điện tử trực tuyến không thể tải xuống; mở xổ số; dịch vụ thư viện lưu động; tổ chức trình diễn, dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; tổ chức cuộc thi về giáo dục hoặc giải trí; tổ chức triển lãm nhằm mục đích văn hoá giáo dục; tổ chức và điều khiển cuộc hội thảo; tổ chức và điều khiển hội nghị.

---

(111) **4-0092784**
(210) 4-2006-05570
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 12.04.2006

(531) 8.3.1; 26.4.4; 1.15.15
(591) Xanh da trời, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT MỸ (VN)
Số 16 BT1, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm từ sữa; sữa chua.

---

(111) **4-0092785**
(210) 4-2006-08526
(181) 02.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

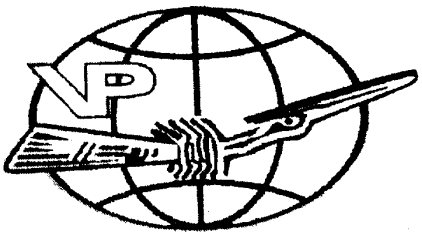

(151) 10.12.2007
(220) 02.06.2006

(531) 1.5.1; A3.7.24; 3.7.21; 3.7.7
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT PHƯƠNG (VN)
Số 71/286 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 07: Máy nghiền (máy) dùng trong công nghiệp; máy trộn bê tông; máy nén (máy móc); máy trộn nhào; máy công cụ; máy mài.

Nhóm 12: Xe rơ moóc (xe cộ); thùng xe dùng cho xe ô tô; thùng lật của ô tô vận tải; thân xe ô tô; bệ xe ô tô.

---

(111) **4-0092786**
(210) 4-2006-11219
(181) 17.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

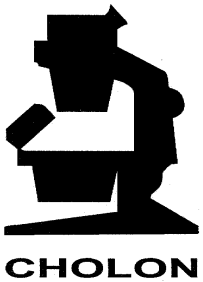

(151) 10.12.2007
(220) 17.07.2006

(531) 15.1.1
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIÁM ĐỊNH SJC CHỢ LỚN (VN)
15 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ ngành giám định.

Nhóm 42: Dịch vụ giám định vàng bạc, đá quý.

---

(111) **4-0092787**
(210) 4-2006-06550
(181) 26.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 26.04.2006

(531) 6.1.2; A5.7.22
(591) Đỏ, trắng, xanh lá cây, xanh dương, xanh da trời, vàng, vàng đậm
(731) NGUYỄN TIẾN TÀI (VN)
15/4 khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Cây sầu riêng, trái sầu riêng.

---

(111) **4-0092788**
(210) 4-2006-04534
(181) 29.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 29.03.2006

(531) 1.5.1
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHÔM SÔNG HỒNG (VN)
Phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

(511) Nhóm 06: Nhôm định hình.

---

(111) **4-0092789**
(210) 4-2006-06785
(181) 04.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 04.05.2006

(531) A26.11.13; 3.7.17
(591) Xanh da trời, da cam
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KIM HOÀNG LONG (VN)
89 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Bao bì giấy.

Nhóm 35: Mua bán: nguyên phụ liệu thuốc lá, thuốc lá nội, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, nông lâm sản.

---

(111) **4-0092790**
(210) 4-2006-10370
(181) 28.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PIPERAZAM

(151) 10.12.2007
(220) 28.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9 H17 tổ 48 Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092791**
(210) 4-2006-07741
(181) 19.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ACTOS-MET

(151) 10.12.2007
(220) 19.05.2006

(731) TAKEDA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED (JP)
1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0092792**
(210) 4-2006-07803
(181) 22.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Như ý

(151) 10.12.2007
(220) 22.05.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng, tư vấn tài chính, thẻ tín dụng, bảo hiểm, thuê mua tài chính, môi giới chứng khoán.

---

(111) **4-0092793**
(210) 4-2006-07804
(181) 22.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ONETOUCH

(151) 10.12.2007
(220) 22.05.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc thử ở dạng dải băng dùng cho thiết bị kiểm tra lượng đường glucoza trong máu.

Nhóm 10: Thiết bị kiểm tra lượng đường glucoza trong máu.

---

(111) **4-0092794**
(210) 4-2006-08820
(181) 08.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

WAPURE

(151) 10.12.2007
(220) 08.06.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THANH VÂN (VN)
Số 231 Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0092795**
(210) 4-2006-08822
(181) 08.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VISIONEER

(151) 10.12.2007
(220) 08.06.2006

(731) PFIZER HEALTH AB (SE)
Lindhagensgatan 100, SE-11287, Stockholm, Sweden
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là thiết bị phân phối thuốc dùng cho mắt.

---

(111) **4-0092796**
(210) 4-2006-08823
(181) 08.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CLEARANGLE

(151) 10.12.2007
(220) 08.06.2006

(731) PFIZER HEALTH AB (SE)
Lindhagensgatan 100, SE-11287, Stockholm, Sweden
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là thiết bị phân phối thuốc dùng cho mắt.

---

(111) **4-0092797**
(210) 4-2006-09447
(181) 19.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HÀNH TỎI LÝ SƠN

(151) 10.12.2007
(220) 19.06.2006

(731) TRƯƠNG QUANG QUẢ (VN)
Thôn Đông, xã An Hải, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hành, tỏi đã qua chế biến.

Nhóm 31: Hành tươi; tỏi tươi.

Nhóm 35: Mua bán: hành, tỏi.

---

(111) **4-0092798**
(210) 4-2006-09448
(181) 19.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HASATIN

(151) 10.12.2007
(220) 19.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM VIỆT NGA (VN)
Số 40, ngõ 210, phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thức ăn dinh dưỡng dùng cho ngành y.

---

(111) **4-0092799**
(210) 4-2006-09449
(181) 19.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GINSENGTAMIN

(151) 10.12.2007
(220) 19.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
Số 358, đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thức ăn dinh dưỡng dùng cho ngành y.

---

(111) **4-0092800**
(210) 4-2005-14722
(181) 03.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIET FAIR

(151) 10.12.2007
(220) 03.11.2005

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VÀ QUẢNG CÁO VIỆT NAM (VN)
Phòng 201, toà nhà VP HAVISERCO, tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội chợ triển lãm; xúc tiến thương mại; tổ chức các sự kiện thương mại trong và ngoài nước; thực hiện các loại hình quảng cáo; điều tra, đánh giá thị trường; xuất nhập khẩu ủy thác.

---

(111) **4-0092801**
(210) 4-2006-00937
(181) 18.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THE

(151) 10.12.2007
(220) 18.01.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRIỀU NHẬT (VN)
662/30 A Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Co nối; khớp nối hình chữ T, valve (van); thanh thép; bù lon con tán (tất cả các sản phẩm đều là phụ kiện dùng trong xây dựng bằng thép không rỉ và thép hợp kim).

---

(111) **4-0092802**
(210) 4-2005-15618
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MAILLE

(151) 10.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Muối; tương hạt cải (mù tạc), dấm; nước xốt (trừ nước xốt dùng cho xà lách); gia vị; nước xốt.

---

(111) **4-0092803**
(210) 4-2005-07308
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

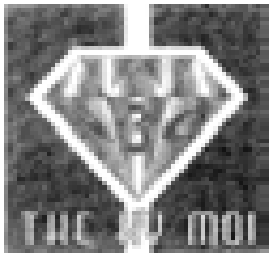

(151) 10.12.2007
(220) 20.06.2005

(531) A17.2.2; 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIN HỌC THẾ KỶ MỚI (VN)
65 Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn các giải pháp trong ngành công nghệ thông tin.

---

(111) **4-0092804**
(210) 4-2005-03285
(181) 29.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 29.03.2005

(531) 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) DAIRYFARM ESTABLISHMENT (LI)
Staedtle 36, Postfach 685, FL- 9490 Vaduz, Liechtenstein
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Dụng cụ làm sạch dùng tay; dụng cụ dùng trong gia đình (không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy); dụng cụ dùng cho bếp núc

(không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy); đồ chứa dùng trong gia đình (không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy); dụng cụ nướng thức ăn ngoài trời; công cụ cầm tay để nướng thức ăn ngoài trời; đồ chứa dùng trong nhà bếp (không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy); lược và bọt biển; thùng rác; vật liệu dùng làm bàn chải; đồ thuỷ tinh dùng trong gia đình hoặc bếp núc, đồ sành dùng trong gia đình hoặc bếp núc, đồ sứ dùng trong gia đình hoặc bếp núc; chậu tắm di động dùng cho trẻ em, chậu, đế nến, cây cắm nến, đũa, móc áo, giá dùng để phơi khô quần áo, vỉ đập ruồi, găng tay làm vườn, găng tay dùng trong gia đình, thùng đựng đá, khuôn làm đá hình khối vuông, bẫy côn trùng, cầu là, vỏ bọc cầu là, bình đựng nước, bình nhỏ đựng nước cho động vật cảnh, đồ chứa dưới dạng bao đựng viên sáp thơm để làm không khí có mùi thơm hoặc để toả hương, cái để xỏ giầy, hộp đựng giấy vệ sinh, tăm.

---

(111) **4-0092805**
(210) 4-2005-03871
(181) 11.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LILLY

(151) 10.12.2007
(220) 11.04.2005

(531) 26.1.2
(731) VALSPAR SOURCING, INC. (US)
1101 South Third Street, Minneapolis, MN 55415, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn, sơn phủ và mực in.

---

(111) **4-0092806**
(210) 4-2005-07304
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LTT
:888

LIÊN TRUNG THÀNH

(151) 10.12.2007
(220) 20.06.2005

(531) 26.1.2; 15.1.1
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY LIÊN TRUNG THÀNH (VN)
156/1 Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Máy đóng gói.

---

(111) **4-0092807**
(210) 4-2005-07495
(181) 23.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 23.06.2005

(531) A1.1.10; 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH NGỌC KHÁNH (VN)
223 Nguyễn Kim, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu đọc đĩa kỹ thuật số; đầu máy để hát karaoke; loa, máy tăng âm, ống nói (micrô).

---

(111) **4-0092808**
(210) 4-2005-11076
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NIFEDAL-F

(151) 10.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 25 (VN)
120 Hai Bà Trưng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092809**
(210) 4-2005-09464
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

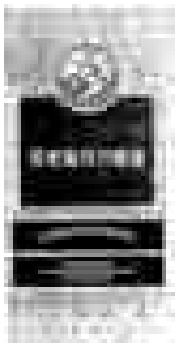

(151) 10.12.2007
(220) 29.07.2005

(531) 2.7.1; 2.3.1; 2.7.19; 24.3.1; A24.3.12; A25.7.6
(731) NIN JIOM MEDICINE MANUFACTORY (H.K.) LIMITED (HK)
Block A, 16/F., Texaco Industrial Centre, 256-264 Texaco Road, Tsuen Wan, New Territories, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược, thú y; thuốc dân tộc Trung Quốc; xi rô, hỗn hợp, thuốc uống và thuốc ngậm, tất cả để chữa ho; các chế phẩm dược để chữa ho và trị lạnh.

---

(111) **4-0092810**
(210) 4-2005-09465
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

京都念慈菴枇杷潤喉糖

(151) 10.12.2007
(220) 29.07.2005

(731) NIN JIOM MEDICINE MANUFACTORY (H.K.) LIMITED (HK)
Block A, 16/F., Texaco Industrial Centre, 256-264 Texaco Road, Tsuen Wan, New Territories, Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo; kẹo thảo mộc; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092811**
(210) 4-2006-11976
(181) 26.07.2016
(300) 78/917,452 27.06.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

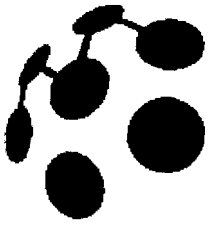

(151) 10.12.2007
(220) 26.07.2006

(531) 26.1.6; A25.7.7
(731) THE MENTHOLATUM COMPANY (US)
707 Sterling Drive, Orchard Park, New York 14127 - 1587, United States of America
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; mỹ phẩm dùng để trang điểm và mỹ phẩm dùng để làm đẹp.

---

(111) **4-0092812**
(210) 4-2006-15157
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

APLAX

(151) 10.12.2007
(220) 11.09.2006

(731) GINAR TECHNOLOGY CO., LTD. (TW)
No.29-45, Hsu Tsou Kang, Ta Yuan Hsiang, Taoyuan 337, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Nhựa nhiệt dẻo dạng thô (polycacbonat); nhựa polycacbonat dạng thô; nhựa polyetylen dạng thô; nhựa polypropylen dạng thô; nhựa sunfua polyphenylen dạng thô; nhựa polystyren dạng thô; nhựa polyuretan dạng thô; xenluloza axetat polyamit dạng thô; nhựa polyetylen phân tử cao; nhựa polyetylen phân tử thấp; nhựa đàn hồi polyuretan dạng thô; nhựa polyeste dạng thô; nhựa polyolefin dạng thô; chất dẻo tổng hợp dạng thô; nhựa nhân tạo dạng thô; nhựa tổng hợp dạng thô.

---

(111) **4-0092813**
(210) 4-2006-15159
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CADIX

(151) 10.12.2007
(220) 11.09.2006

(731) NEXTCADIX LTD. (JP)
5-2-32, Minami-Azabu, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính, cụ thể là phần mềm thiết kế và quản lý dùng cho truyền hình cáp và hạ tầng truyền thông và phần mềm quản lý khách hàng thuê bao.

---

(111) **4-0092814**
(210) 4-2006-00850
(181) 17.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 17.01.2006

(531) A5.3.14; A5.5.21; A5.5.20
(731) LÊ THỊ LƯƠNG (VN)
Số 39, tổ 27, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Buôn bán hoa tươi.

---

(111) **4-0092815**
(210) 4-2006-00039
(181) 03.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 03.01.2006

(531) A1.1.10; 1.7.6; 3.5.1; 19.11.1
(731) CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MỲ HÀN QUỐC (VN)
Khu công nghiệp TASCO, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Mỳ được làm từ ngũ cốc bao gồm mỳ ăn liền.

---

(111) **4-0092816**
(210) 4-2006-00560
(181) 12.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NED KELLY'S

(151) 10.12.2007
(220) 12.01.2006

(731) HOÀNG THỊ ÁNH (VN)
128 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng và quán bar, cung cấp đồ ăn thức uống; bao gồm: quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ cắm trại (nghỉ ngơi); nhà nghỉ (du lịch); dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; quán rượu nhỏ.

---

(111) **4-0092817**
(210) 4-2006-04142
(181) 22.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 22.03.2006

(531) A1.5.3; 26.1.1; 1.15.15; 3.9.1
(591) Xanh nước biển, xanh tím, vàng, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÊ NGON (VN)
87 Nguyễn Thị Triệu, khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước ép trái cây; sirô; bia.

---

(111) **4-0092818**
(210) 4-2006-15198
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KOLA

(151) 10.12.2007
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT KHÁNH PHONG (VN)
E3/11, hương lộ 8, ấp 5, thị trấn Tấn Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt côn trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0092819**
(210) 4-2006-15267
(181) 12.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

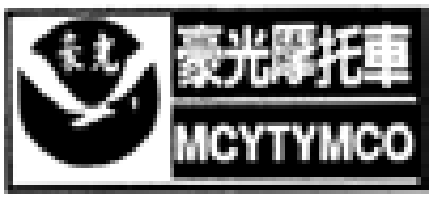

(151) 10.12.2007
(220) 12.09.2006

(531) 3.7.16; 3.7.17; 26.1.1; 25.5.1
(731) Mei Chia Yuan International Co., Ltd. (TW)
2th Floor, No. 185 Chung Hwa Road, Sec.2, Chung Li City, Taoyuan Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe môtô; các phụ tùng của xe môtô bao gồm: tay quay dùng cho xe môtô; phanh dùng cho xe môtô; khung xe dùng cho xe môtô; cái chắn bùn dùng cho xe môtô; khớp truyền động bánh răng dùng cho xe môtô; yên xe môtô; chân chống dùng cho xe môtô; đèn tín hiệu dùng cho xe môtô; xe cộ.

---

(111) **4-0092820**
(210) 4-2005-07385
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DICOLIDE

(151) 10.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
Số 27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092821**
(210) 4-2005-04068
(181) 13.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 13.04.2005

(531) A25.1.10; A5.5.22; A3.13.12
(731) TRẠI DẾ THANH TÙNG (VN)
Tổ 3, ấp Bến Đò 2, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Cung cấp đồ ăn uống bình dân (các món ăn chế biến từ dế).

---

(111) **4-0092822**
(210) 4-2005-08739
(181) 15.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 15.07.2005

(531) 4.5.3; 4.5.2; A2.1.16; 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh nước biển nhạt, xanh nước biển, xanh nước biển đậm, xanh lá cây, xanh lá cây đậm, vàng, vàng đậm, đỏ, nâu, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1 - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ nấm bệnh cho cây trồng, thuốc trừ cỏ, thuốc diệt côn trùng có hại, thuốc trừ mối, thuốc dẫn dụ côn trùng.

---

(111) **4-0092823**
(210) 4-2006-11977
(181) 26.07.2016
(300) 78/917,454 27.06.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

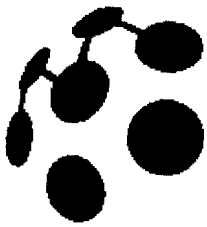

(151) 10.12.2007
(220) 26.07.2006

(531) 26.1.6; A25.7.7
(731) THE MENTHOLATUM COMPANY (US)
707 Sterling Drive, Orchard Park, New York 14127 - 1587, United States of America
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc.

---

(111) **4-0092824**
(210) 4-2006-12073
(181) 27.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

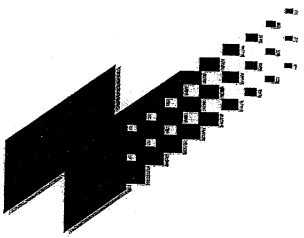

(151) 10.12.2007
(220) 27.07.2006

(531) A25.7.2; 26.3.23
(731) NITTO DENKO CORPORATION. (JP)
1-2, Shimohozumi 1-chome, Ibaraki-shi, Osaka, Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 17: Băng dính làm từ chất dẻo flo dùng để cách điện, cách nhiệt và gắn nóng; vật liệu cách ly (nhiệt, điện); băng dính làm từ vải thuỷ tinh có tẩm chất dẻo flo dùng để cách nhiệt, cách điện; chất cách ly dùng cho cáp; băng dính làm từ chất dẻo flo dùng để gói cuộn tròn; chất cách ly (nhiệt, điện) dùng cho dây điện; vật liệu không dẫn (nhiệt, điện) để giữ nhiệt; băng và dải băng cách (nhiệt, điện).

---

(111) **4-0092825**
(210) 4-2006-12452
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

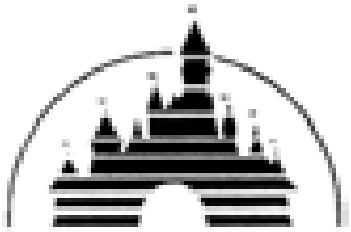

(151) 10.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 7.1.1; 26.2.7
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày thể thao; khăn tay có in hoa dùng cho trang phục; mũ dùng cho chơi bóng chày; áo choàng dùng đi tắm biển; quần áo tắm biển; thắt lưng (trang phục); yếm (trang phục); áo tắm hai mảnh; áo cộc tay có gắn biểu trưng tổ chức; ủng; nơ cài cổ; áo nịt ngực; mũ lưỡi trai; quần bằng da; yếm bằng vải; áo khoác; áo liền váy; cái che tai giữ ấm; đồ đi chân; găng tay (trang phục); áo sơ mi dùng khi chơi gôn; quần áo mặc trong ngày lễ Ha-lô-oen; mũ nón; dải băng buộc đầu (trang phục); đồ đội đầu; hàng dệt kim (cụ thể là quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu) đồ mặc cho trẻ sơ sinh (quần áo, giầy dép, mũ nón); áo jắc-két; quần áo jean; áo nịt len; khăn vuông trùm đầu; áo nịt dùng cho diễn viên múa hoặc vận động viên; nịt chân; găng tay hở ngón; ca vát; áo ngủ dùng cho nam giới; áo ngủ dùng cho nữ giới; bộ quần áo pijama; quần dài; quần nịt của phụ nữ; áo cộc tay; áo pon sô; quần áo mưa; áo choàng; dép săng-đan; khăn quàng cổ; áo sơ mi; giày; váy ngắn; quần soóc; quần mặc hàng ngày; dép đi trong nhà; trang phục ngủ; tất ngắn; tất dài: áo len dài tay; quần dùng trong khi tập luyện; áo dùng trong khi tập luyện; quần áo bơi; áo sát nách; quần bó; áo phông; quần áo lót; áo gi lê; dải buộc cổ tay (trang phục); găng tay làm bằng lông cừu.

---

(111) **4-0092826**
(210) 4-2006-12470
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

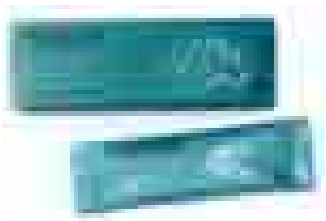

(151) 10.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 5.5.1; A19.3.21
(591) Trắng, đen, xanh ngọc
(731) GEDEON RICHTER LTD. (HU)
H-1103 Budapest, Hungary, Gyomroi út 19-21
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc chữa bệnh dùng cho người.

(111) **4-0092827**
(210) 4-2006-15154
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIPEX

(151) 10.12.2007
(220) 11.09.2006

(731) GINAR TECHNOLOGY CO., LTD. (TW)
No.29-45, Hsu Tsou Kang, Ta Yuan Hsiang, Taoyuan 337, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Nhựa nhiệt dẻo dạng thô (polycacbonat); nhựa polyetylen dạng thô; nhựa polypropylen dạng thô; nhựa sunfua polyphenylen dạng thô; nhựa polystyren dạng thô; nhựa polyuretan dạng thô; xenluloza axetat polyamit dạng thô; nhựa polyetylen phân tử cao; nhựa polyetylen phân tử thấp; nhựa đàn hồi polyuretan dạng thô; nhựa polyeste dạng thô; nhựa polyolefin dạng thô; chất dẻo tổng hợp dạng thô; nhựa nhân tạo dạng thô; nhựa tổng hợp dạng thô.

---

(111) **4-0092828**
(210) 4-2006-15155
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

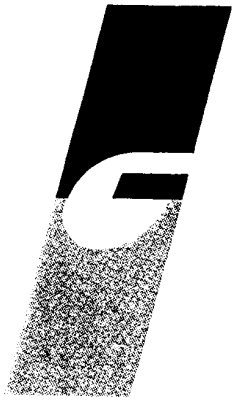

GINAR

(151) 10.12.2007
(220) 11.09.2006

(531) 26.4.4; 25.5.2
(731) GINAR TECHNOLOGY CO., LTD. (TW)
No.29-45, Hsu Tsou Kang, Ta Yuan Hsiang, Taoyuan 337, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Nhựa nhiệt dẻo dạng thô (polycacbonat); nhựa polyetylen dạng thô; nhựa polypropylen dạng thô; nhựa sunfua polyphenylen dạng thô; nhựa polystyren dạng thô; nhựa polyuretan dạng thô; xenluloza axetat polyamit dạng thô; nhựa polyetylen phân tử cao; nhựa polyetylen phân tử thấp; nhựa đàn hồi polyuretan dạng thô; nhựa polyeste dạng thô; nhựa polyolefin dạng thô; chất dẻo tổng hợp dạng thô; nhựa nhân tạo dạng thô; nhựa tổng hợp dạng thô.

---

(111) **4-0092829**
(210) 4-2006-12119
(181) 28.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BẾP VIỆT

(151) 10.12.2007
(220) 28.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH VƯỢNG (VN)
Số 8, ngõ 168, tổ 115, phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Buôn bán thiết bị chiếu sáng, thiết bị để sưởi nóng, thiết bị sinh hơi nước, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh, cụ thể là: thiết bị điều hòa không khí, thiết bị làm lạnh không khí, thiết bị và máy móc làm sạch không khí, nồi áp suất điện, nồi hấp điện bằng áp suất, đèn gaz (khí cháy), bình pha cà phê dùng điện, lò bếp nấu ăn, thiết bị và dụng cụ để nấu nướng, bếp, dụng cụ nấu nướng dùng điện, chảo rán dùng điện, bộ lọc dùng cho nước uống được, máy sấy khô, tủ hút dùng cho nhà bếp, quạt gió (điều hòa không khí), quạt dùng cho cá nhân (dùng điện), máy đông lạnh, lò rang sấy quả, lò sưởi, đèn hàn gaz, đèn dùng gaz, cái châm lửa gaz (nhóm lửa), phụ tùng điều chỉnh và an toàn dùng cho ống dẫn khí, vỉ nướng (thiết bị nấu nướng), dụng cụ hâm nóng bầu sữa (bình đựng thức ăn) dùng điện, bình nước nóng cho nhà tắm, thiết bị đốt nóng dùng điện, bình nước nóng, thiết bị ion hóa dùng để xử lý không khí, ấm đun nước điện, máy giặt dùng điện, lò vi sóng, thiết bị làm lạnh sữa, đèn của thợ mỏ, máy tiệt trùng thức ăn lỏng, bình pha cà phê dùng điện, lò hâm thức ăn, đèn pin bỏ túi dùng điện, nồi áp suất (nồi hầm) dùng điện, thiết bị để làm sạch nước uống, lò sưởi điện, tủ lạnh, lò rang, sấy, thiết bị lọc nước, máy đun nước, thiết bị làm nước nóng; buôn bán dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình (không bằng kim loại quý và không được mạ bằng kim loại đó), lược và bọt biển, bàn chải (không kể bút lông), vật liệu dùng làm bàn chải, đồ lau dọn, sợi thép rối, thủy tinh thô hoặc bán thành phẩm (trừ kính dùng trong xây dựng), đồ thủy tinh, sành sứ và đất nung không thuộc nhóm khác, cụ thể là: nồi áp suất không dùng điện, nồi hấp không dùng điện, cái muôi dùng trong nhà bếp, bộ đồ uống rượu (khay để phục vụ) không bằng kim loại quý, chao vạc, bộ đồ cà phê không bằng kim loại quý, bộ nồi niêu xoong chảo của nhà bếp, xoong nồi, đồ pha lê (đồ thủy tinh), chảo rán không dùng điện, dao cắt trái cây, chảo để rán, bình nước nóng (không dùng điện), khuôn để làm nước đá, ấm đun nước không dùng điện, đồ đựng dùng cho nhà bếp không bằng kim loại quý, dụng cụ nhà bếp không bằng kim loại quý, bộ đồ uống rượu, đồ sứ, đồ gốm, nồi áp suất (nồi hầm) không dùng điện, cái hút khói dùng trong gia đình, bộ đựng đồ gia vị, cái muôi dùng cho nhà bếp, bùi nhùi thép để làm sạch, xoong hầm thịt, cái lọc dùng trong gia đình, ấm pha chè không bằng kim loại quý, hộp đựng chè không bằng kim loại quý).

(111) **4-0092830**
(210) 4-2006-12498
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) A26.11.12; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐẠT (VN)
Số 85 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại; cáp kim loại không dùng để dẫn điện; dây treo bằng kim loại để chuyển hàng nặng; tôn lá thép; hợp kim thép; phao tiêu neo cố định bằng kim loại; cột bằng kim loại; khung cửa bằng kim loại dùng cho xây dựng; cửa bằng kim loại dùng cho xây dựng; khung kim loại dùng cho xây dựng có thể vận chuyển được.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; đá dùng cho xây dựng; kính xây dựng; nhà kính không bằng kim loại có thể vận chuyển được; cửa không bằng kim loại dùng cho xây dựng; khung cửa không bằng kim loại dùng cho xây dựng; tấm lợp nhà không bằng kim loại; vách ngăn không bằng kim loại; gỗ bán gia công dùng cho xây dựng; vữa xây dựng.

Nhóm 35: Bán đấu giá; thông tin về thương mại; giới thiệu sản phẩm; xuất nhập khẩu; kế toán; kiểm toán; hỗ trợ điều hành kinh doanh; cho thuê không gian quảng cáo; tổ chức hội chợ nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; siêu thị.

Nhóm 36: Hoạt động ngân hàng; cho thuê tài sản cố định; định giá bất động sản; môi giới bất động sản; định giá đồ cổ; đánh giá thuế; định giá đồ trang sức; bảo trợ tài chính; cho thuê văn phòng; cho thuê căn hộ.

Nhóm 37: Xây dựng; cho thuê máy xây dựng; khai thác đá; đóng tầu; giám sát công trình xây dựng; lắp đặt sửa chữa kho hàng; lắp đặt và sửa chữa thiết bị điều hoà không khí; bảo dưỡng động cơ máy móc; bảo dưỡng ô tô xe máy; bảo dưỡng tầu.

Nhóm 39: Vận tải bằng tàu thuỷ; vận tải bằng ô tô; bao gói hàng hoá; lưu kho hàng hoá; chở hàng bằng xe tải; vận chuyển hàng hải; vận chuyển hành khách; dịch vụ vận chuyển bằng du thuyền; du lịch; lữ hành du lịch.

Nhóm 41: Giáo dục đào tạo; tổ chức và điều khiển hội nghị hội thảo; dịch vụ câu lạc bộ giải trí; tổ chức các cuộc thi thể thao; công viên vui chơi giải trí; dịch vụ sòng bạc; tổ chức khiêu vũ; dịch vụ bể bơi nhằm mục đích thể thao vui chơi giải trí; tổ chức các buổi trình diễn ca nhạc; tổ chức hội thảo về chuyên đề thể thao giáo dục và vui chơi giải trí.

Nhóm 42: Tư vấn kiến trúc; tư vấn thiết kế; kiểm định (đo lường); tư vấn nghiên cứu các dự án kỹ thuật; tư vấn về các hệ thống quản lý chất lượng; tư vấn về hệ thống quản lý môi trường; phân tích khai thác mỏ; nghiên cứu địa chất; nghiên cứu dự án kỹ thuật; tư vấn và chuyển giao công nghệ.

Nhóm 43: Nhà trọ; cho thuê chỗ ở tạm thời; quán cà phê tự phục vụ; căng tin; nhà nghỉ (du lịch); quán ăn tự phục vụ; quán rượu nhỏ; nhà hàng ăn uống; cho thuê phòng họp; dịch vụ đặt chỗ tạm trú.

---

(111) **4-0092831**
(210) 4-2006-12569
(181) 03.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

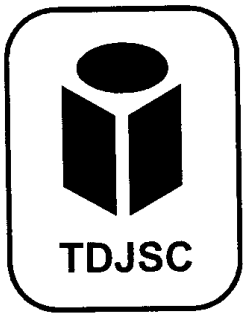

(151) 10.12.2007
(220) 03.08.2006

(531) 26.4.2; 26.7.25; 4.5.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN ĐỨC (VN)
609 đường Trương Định, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 21: Khay (đồ dùng gia đình), cốc, chậu hoa, hộp đựng thức ăn (tất cả làm bằng nhựa).

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng và làm hạ tầng kỹ thuật: khu nhà ở, khu công nghiệp, khu đô thị, khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng; san lấp mặt bằng.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí (bao gồm bể bơi, vui chơi trên cạn và dưới nước); sân golf (dịch vụ vui chơi, giải trí).

---

(111) **4-0092832**
(210) 4-2006-12684
(181) 04.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 04.08.2006

(531) 3.11.7
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ NÔNG LÚA VÀNG (VN)
E98 ấp Mỹ Hoà 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0092833**
(210) 4-2006-16881
(181) 06.10.2016
(300) 06/3421963 07.04.2006 FR
(450) 25.01.2008 238
(540)

HENNESSY ARTISTRY

(151) 10.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) SOCIÉTÉ JAS HENNESSY & CO. (FR)
1, Rue de la Richonne, 16100 Cognac, France
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia); đồ uống pha bằng rượu mạnh với nước hoa quả.

Nhóm 41: Cung cấp các tiện nghi giải trí; xuất bản sách, tạp chí; thư viện cho mượn sách; xuất bản tài liệu (trừ những bài quảng cáo); dịch vụ nhiếp ảnh; làm phóng sự ảnh; tổ chức các buổi trình diễn, hòa nhạc và các sự kiện văn hóa; sản xuất các buổi trình diễn, hòa nhạc và các sự kiện văn hóa; tổ chức các cuộc thi (giáo dục hoặc giải trí); tổ chức các cuộc triển lãm cho mục đích giáo dục hoặc văn hóa; dịch vụ đặt trước chỗ cho các buổi trình diễn; dịch vụ trò chơi, đặc biệt là cung cấp trực tuyến (qua mạng máy tính); tổ chức xổ số; xuất bản sách và báo điện tử trực tuyến, dịch vụ xuất bản điện tử được thực hiện bằng máy tính; câu lạc bộ đêm; thông tin dịch vụ câu lạc bộ đêm; dịch vụ câu lạc bộ (giải trí hoặc giáo dục); dịch vụ vũ trường; tổ chức sự kiện liên quan đến rượu nho (bao gồm cả thưởng thức rượu nho); tổ chức các buổi tiệc.

---

(111) **4-0092834**
(210) 4-2005-09087
(181) 22.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LOTTE

(151) 10.12.2007
(220) 22.07.2005

(731) LOTTE CONFECTIONERY CO., LTD. (KR)
4ka-23, Yangpyong-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Bánh mỳ dùng cho bệnh đái tháo; đồ uống kiêng dùng trong ngành y; thức ăn kiêng dùng trong ngành y; chất kiêng (ăn uống) dùng trong ngành y; thực phẩm kiêng dùng trong ngành y; kẹo có tẩm thuốc dùng trong ngành y; bột dùng cho chế độ ăn kiêng dùng trong ngành dược; kẹo cao su dùng trong ngành y; đường phèn dùng trong ngành y; kẹo dùng trong ngành dược; chế phẩm để làm mát không khí; chế phẩm để làm sạch không khí; thuốc khử độc (thuốc lọc máu); chất tẩy uế dùng cho nhà vệ sinh; chất tẩy uế dùng cho vệ sinh; chất diệt nấm; chất diệt trùng; chế phẩm diệt trùng; chế phẩm hoá học dùng để điều trị nấm Minđiu (nấm trên da); thuốc cao dán dùng trong ngành y; băng

dính dùng trong ngành y; dải băng dính dùng trong ngành y; băng dính dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0092835**
(210) 4-2005-11012
(181) 26.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 26.08.2005

(531) 1.15.11
(591) Đỏ, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN THẢO (VN)
Quốc lộ 25, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0092836**
(210) 4-2006-12190
(181) 14.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 14.08.2006

(531) 26.4.4
(591) Hồng đỏ, xanh dương, xanh tím, ghi xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NHỰA PAO YENG (VN)
Lô 8 đường số 7 khu công nghiệp Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các mặt hàng nhựa gia dụng, các mặt hàng nhựa dùng trong công nghiệp, các mặt hàng nhựa dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0092837**
(210) 4-2006-12191
(181) 31.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 31.07.2006

(531) 1.3.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) CƠ SỞ MỸ HÒA (VN)
158B Phan Văn Khoẻ, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Phẩm màu thực phẩm.

Nhóm 29: Bột rau câu (dùng để nấu thạch ăn).

Nhóm 30: Gia vị; bột thơm thực phẩm (bột va ni).

---

(111) **4-0092838**
(210) 4-2006-16508
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 02.10.2006

(531) 26.4.1; 26.7.25; 7.11.1
(591) Xanh dương, tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAO THÔNG BÀ RỊA - VŨNG TÀU (VN)
Số 02, G2 trung tâm thương mại, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 37: Rải nhựa đường; xây gạch; giám sát điều hành việc xây dựng công trình; xây dựng; cho thuê máy xây dựng; phá các công trình xây dựng; xây dựng cảng, bến tàu; thực hiện việc rải mặt đường; xây dựng để chắn sóng; khai thác đá; tư vấn trong xây dựng; tư vấn trong xây dựng.

Nhóm 42: Kiến trúc; thiết lập các bản vẽ mặt bằng xây dựng; thiết kế lập bản vẽ xây dựng; do đạc đất đai; lập bản đồ địa hình.

---

(111) **4-0092839**
(210) 4-2006-18645
(181) 01.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.1; A3.13.23
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THÁI AN (VN)
20 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 18: Túi du lịch; túi xách tay; cặp đựng tài liệu; ví; ví tiền bỏ túi; ba-lô.

Nhóm 25: Giày; dép lê; dép xăng-đan.

---

(111) **4-0092840**
(210) 4-2006-16393
(181) 29.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MỘC SƯƠNG

(151) 10.12.2007
(220) 29.09.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MỘC SƯƠNG (VN)
Tiểu khu 34, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La

(511) Nhóm 30: Chè.

---

(111) **4-0092841**
(210) 4-2006-03154
(181) 07.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

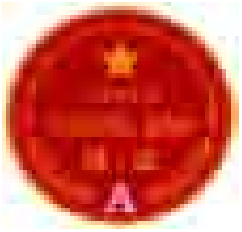

(151) 10.12.2007
(220) 07.03.2006

(531) A1.1.10; 5.13.4; 26.1.1
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG BINH VÀ NGƯỜI TÀN TẬT 3-2 (VN)
Số 10 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 35: Dịch vụ giới thiệu việc làm; mua bán đồ mộc gia dụng; dịch vụ xuất nhập khẩu.

Nhóm 37: Sửa chữa ô tô, xe máy, hàng điện tử, điện lạnh.

Nhóm 39: Vận tải hành khách, vận tải hàng hoá.

Nhóm 41: Dịch vụ dạy nghề.

---

(111) **4-0092842**
(210) 4-2006-06027
(181) 19.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 19.04.2006

(531) A1.1.10; 3.4.18; A3.4.25; 11.3.18
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FARMTECH (VIỆT NAM) (FARMTECH (VLET NAM) CO., LTD) (VN)
Khu công nghiệp An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc gia cầm, thức ăn cho gia súc con mới sinh và mới tập ăn, thức ăn dạng bột và dạng viên cho heo, protein dùng làm thức ăn cho súc vật.

---

(111) **4-0092843**
(210) 4-2006-15480
(181) 15.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 15.09.2006

(531) 26.11.1; A26.11.12
(591) Đỏ, vàng
(731) TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG C.D.M.A (VN)
97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 38: Các dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp dịch vụ internet công cộng bao gồm: truy cập internet, kết nối internet và dịch vụ cung ứng internet (ISP), dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin vô tuyến, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0092844**
(210) 4-2006-15481
(181) 15.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 15.09.2006

(531) 26.11.1; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng
(731) TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG C.D.M.A (VN)
97 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 38: Các dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp dịch vụ internet công cộng bao gồm: truy cập internet, kết nối internet và dịch vụ cung ứng internet (ISP), dịch vụ điện thoại, dịch vụ nhắn tin vô tuyến, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0092845**
(210) 4-2006-15702
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

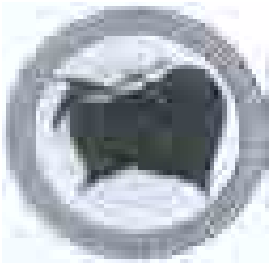

(151) 10.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) A5.3.15; A25.1.10; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÌNH TÂY (VN)
634bis Phạm Văn Chí, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Các sản phẩm thực phẩm gồm: bún, miến, phở, mì, hủ tiếu, cháo ở dạng khô để chế biến hoặc ăn liền.

---

(111) **4-0092846**
(210) 4-2006-12902
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PLUTO

(151) 10.12.2007
(220) 08.08.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện; máy ghi âm cát xét; đài cát xét; băng cát xét; đĩa ghi âm; loa; ống nhòm (quang học); máy tính cầm tay; máy quay viđiô xách tay có kèm theo bộ phận ghi hình; máy chụp ảnh; ổ CD-ROMs; ổ đĩa CD-ROM (là một bộ phận của máy vi tính); ổ ghi CD-ROMs (là một bộ phận của máy vi tính); điện thoại cầm tay; phụ tùng của điện thoại cầm tay; hộp điện thoại cầm tay; tấm màn hình của điện thoại cầm tay; đầu đĩa com-pắc; đầu ghi đĩa com-pắc; đĩa com-pắc; các chương trình trò chơi trên máy vi tính; đầu máy và đĩa dùng cho trò chơi điện tử trên máy vi tính; máy vi tính; bàn phím máy vi tính; màn hình máy vi tính; chuột máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; phần mềm máy vi tính; điện thoại kéo dài; nam châm dùng cho mục đích trang trí; máy ảnh kỹ thuật số; đĩa DVD; máy chạy đĩa DVD; máy ghi đĩa DVDs; đĩa kỹ thuật số đa chức năng; đĩa viđiô kỹ thuật số; máy điện tử ghi dữ liệu cá nhân; hộp đựng kính mắt; kính mắt; tai nghe; máy hát karaoke; micrô; đầu đĩa MP3; mô-đem (là một bộ phận của máy vi tính); miếng đệm lót chuột máy vi tính; phim điện ảnh; máy nhắn tin; máy âm thanh nổi cá nhân; máy trợ giúp cá nhân dùng kỹ thuật số (máy tính cầm tay); máy in dùng với máy vi tính; máy thu thanh; kính râm; điện thoại; ti vi; máy quay phim; máy ghi hình viđiô; đầu máy viđiô; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô; băng từ viđiô; máy điện thoại truyền hình; điện đài xách tay; miếng đệm cổ tay và cánh tay hỗ trợ khi sử dụng máy vi tính.

(111) **4-0092847**
(210) 4-2006-03797
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 17.03.2006

(531) A25.3.3
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN GIA CÔNG SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀ ĐẠT THÀNH (VN)
D21/2P/17 khu phố 11, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Lò xo giảm xóc dùng cho xe cộ; giảm xóc (phuộc xe) dùng cho ô-tô; giảm xóc (phuộc xe) dùng cho xe gắn máy.

---

(111) **4-0092848**
(210) 4-2006-03798
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 17.03.2006

(531) 26.3.23
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THÉP MƯỜI ĐÂY (VN)
170A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán sắt, thép xây dựng.

---

(111) **4-0092849**
(210) 4-2006-10459
(181) 05.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 05.07.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Đen, trắng, da cam, vàng, xám
(731) SUNWAY HOLDINGS INCORPORATED BERHAD (MY)
Level 16, Menara Sunway, Jalan Lagoon Timur, Bandar Sunway, 46150 Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Cho thuê chỗ ở tạm thời, khách sạn, đặt trước chỗ ở tạm thời, đặt trước chỗ ở khách sạn, cho thuê phòng họp, cung cấp thực phẩm và đồ uống thực hiện bởi khách sạn/nhà hàng ăn uống, dịch vụ quầy bar, tiệm cà phê, quán cà phê tự phục vụ, căng tin, quán rượu nhỏ (snack bar), nhà hàng ăn uống, nhà hàng ăn uống tự phục vụ, tất cả đều thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0092850**
(210) 4-2006-13215
(181) 11.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEGA G

(151) 10.12.2007
(220) 11.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DIÊN KHÁNH (VN)
22/62 Lương Sử C, phố Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Thực phẩm bổ sung được chiết xuất từ trái cây (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 30: Thực phẩm bổ sung được chiết xuất từ chè xanh (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0092851**
(210) 4-2006-13216
(181) 11.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEGA T

(151) 10.12.2007
(220) 11.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DIÊN KHÁNH (VN)
22/62 Lương Sử C, phố Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Thực phẩm bổ sung được chiết xuất từ trái cây (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 30: Thực phẩm bổ sung được chiết xuất từ chè xanh (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0092852**
(210) 4-2006-04049
(181) 21.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HIWASI

(151) 10.12.2007
(220) 21.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI V.C.L (VN)
584 Lê Đức Thọ, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga.

---

(111) **4-0092853**
(210) 4-2006-05680
(181) 13.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MarryLand

(151) 10.12.2007
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

---

(111) **4-0092854**
(210) 4-2006-05681
(181) 13.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DemeTri

(151) 10.12.2007
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ÁO CƯỚI ÁNH LINH (VN)
20 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Áo cưới.

---

(111) **4-0092855**
(210) 4-2006-14877
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CYNVENT

(151) 10.12.2007
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092856**
(210) 4-2006-14878
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VITAREXIN

(151) 10.12.2007
(220) 07.09.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092857**
(210) 4-2006-15444
(181) 14.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 10.12.2007
(220) 14.09.2006

(531) 26.1.2; 26.11.3; A26.11.9; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẠI ĐÔ (VN)
352 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Ba lát đèn (tăng phô đèn); dây điện; ổ cắm điện; công tắc điện; cầu dao điện; cầu chì.

Nhóm 11: Đèn chiếu sáng; đèn trang trí (đèn dùng để chiếu sáng và trang trí); hộp đèn chiếu sáng (máng đèn); bóng đèn; quạt điện; chóa đèn.

---

(111) **4-0092858**
(210) 4-2006-15563
(181) 15.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Tytdroxil

(151) 10.12.2007
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TOÀN CẦU (VN)
Lô 406B và 407 khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092859**
(210) 4-2006-11071
(181) 14.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VECTO

(151) 10.12.2007
(220) 14.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHÚ CƯỜNG (VN)
Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 19: Ống dẫn nước bằng nhựa PP-R.

---

(111) **4-0092860**
(210) 4-2006-14186
(181) 29.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

B.T.T Collection

(151) 10.12.2007
(220) 29.08.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO THÀNH THIÊN (VN)
119/13 đường số 11, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày, dép, mũ nón.

---

(111) **4-0092861**
(210) 4-2006-19726
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAM SÀNH HÀM YÊN

(151) 11.12.2007
(220) 08.12.2006

(731) HỘI CAM SÀNH HUYỆN HÀM YÊN - TỈNH TUYÊN QUANG (VN)
Uỷ ban nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 31: Hoa quả tươi: cam, chanh, quýt.

---

(111) **4-0092862**
(210) 4-2006-07413
(181) 15.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LAGYP

(151) 11.12.2007
(220) 15.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH LAFARGE BORAL GYPSUM VIETNAM (VN)
Lô B3a đường Nguyễn Văn Tạo, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại cụ thể là khung trần, khung vách ngăn, tấm trần trang trí, các loại nẹp được làm bằng nhôm, thiếc, sắt; đinh, ốc, vít bằng kim loại.

Nhóm 08: Dụng cụ cầm tay cụ thể là bay; xẻng; cuốc; búa.

Nhóm 17: Vật liệu dùng để lèn chặt, để bịt kín, để cách ly được làm bằng cao su, chất dẻo, mút, sợi, bông gòn; băng keo công nghiệp dùng cho xây dựng.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại cụ thể là khung trần, tấm trần thạch cao, tấm trần trang trí, tấm làm vách ngăn, nẹp, chỉ chạy tường dùng để trang trí được làm bằng thạch cao, bằng sợi khoáng và bằng nhựa; lưới được làm bằng giấy hoặc sợi dùng cho xây dựng; bột trét tường, bột trét mối nối, bột trét hoàn thiện dùng cho xây dựng.

Nhóm 41: Đào tạo kiến thức và kỹ thuật lắp đặt và cách sử dụng các sản phẩm có liên quan đến xây dựng.

(111) **4-0092863**
(210) 4-2006-16229
(181) 27.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 27.09.2006

(531) A1.5.6; 26.1.6; 26.2.7; 26.4.2; 25.5.2
(731) BEST DENKI CO., LTD (SG)
1 Kim Seng Promenade #09-06, Great World City East Tower, Singapore 237994
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 37: Lắp đặt và sửa chữa điện và thiết bị điện; lắp đặt và sửa chữa hệ thống sưởi ấm; lắp đặt thiết bị dùng cho nhà bếp.

Nhóm 42: Cho thuê truy cập vào cơ sở dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; cho thuê máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0092864**
(210) 4-2006-18206
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (VN)
38 - 40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Các loại mỳ ăn liền, phở ăn liền, cháo ăn liền, gia vị, sản phẩm từ bột ngũ cốc chiên giòn.

---

(111) **4-0092865**
(210) 4-2006-00239
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ABECYNY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092866**
(210) 4-2006-00240
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ACHONY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092867**
(210) 4-2006-00241
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIFFINY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092868**
(210) 4-2006-00242
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIMINY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092869**
(210) 4-2006-00243
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BINYVIL

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092870**
(210) 4-2006-00244
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DIONY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là; chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092871**
(210) 4-2006-00245
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FASTNY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là; chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092872**
(210) 4-2006-00246
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FONY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là; chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092873**
(210) 4-2006-00247
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GIBBENY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là; chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092874**
(210) 4-2006-00249
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MACYNY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là; chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092875**
(210) 4-2006-00250
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RONY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là; chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092876**
(210) 4-2006-00251
(181) 06.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RESANY

(151) 11.12.2007
(220) 06.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT NGỌC YẾN (VN)
Số 417 tổ 17, ấp Thuận Thới, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là: chất diệt nấm; thuốc đuổi sâu bọ; thuốc trừ sâu; chế phẩm để diệt cây có hại (chất diệt cỏ); chế phẩm để diệt trừ sâu hại.

---

(111) **4-0092877**
(210) 4-2006-09215
(181) 14.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 14.06.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 26.1.1
(731) NGUYỄN MẠNH HÙNG (VN)
Số 63 đường Đặng Thái Thân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 30: Cà phê dạng hạt; cà phê pha chế; cà phê bột; cà phê hoà tan.

---

(111) **4-0092878**
(210) 4-2006-04810
(181) 31.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Zenatop

(151) 11.12.2007
(220) 31.03.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092879**
(210) 4-2006-04811
(181) 31.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Toruxin

(151) 11.12.2007
(220) 31.03.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092880**
(210) 4-2006-16567
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIDS A-Z

(151) 11.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092881**
(210) 4-2006-18255
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ROVABIOTIC

(151) 11.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) S.I.A. (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092882**
(210) 4-2006-18556
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 31.10.2006

(531) A1.1.10; A26.11.12
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC LẬP VINH (VN)
102 Tân Thành, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng, thiết bị ô tô, xe gắn máy.

---

(111) **4-0092883**
(210) 4-2006-20761
(181) 28.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DH-Megliben

(151) 11.12.2007
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092884**
(210) 4-2006-20764
(181) 28.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DH-CaptoHasan 25

(151) 11.12.2007
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092885**
(210) 4-2006-17027
(181) 11.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Batê

(151) 11.12.2007
(220) 11.10.2006

(531) 26.3.23
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TÂN THÀNH TRUNG (VN)
157 Đại La, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0092886**
(210) 4-2006-17213
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

COPPER

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) LEVI STRAUSS & CO. (US)
Levi's Plaza 1155 Battery Street, San Francisco, California 94111 United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón.

---

(111) **4-0092887**
(210) 4-2006-17238
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAEMORICH

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MỄ ĐÌNH (VN)
24 Phạm Viết Chánh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092888**
(210) 4-2006-17239
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

YOONLY

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) YOONLY ENTERPRISE PTE. LTD. (SG)
105 Boon Keng Road, #06-08/09, Singapore 339776
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Vật kỷ niệm cho các giải thưởng làm bằng kim loại; bảng ghi nhớ (kỷ niệm) bằng kim loại; bảng tên bằng kim loại; biển hiệu bằng kim loại.

Nhóm 21: Vật kỷ niệm cho các giải thưởng làm bằng pha lê và thủy tinh; tấm thủy tinh; tấm pha lê; biển hiệu bằng thủy tinh.

---

(111) **4-0092889**
(210) 4-2006-17258
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SILICHEM

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG LONG (VN)
127 đường Quốc Bảo, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092890**
(210) 4-2006-17271
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOXYTRINE

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG THÁP (VN)
Số 2 Lý Tự Trọng, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0092891**
(210) 4-2006-16799
(181) 05.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 05.10.2006

(531)
(591) Đen, trắng, xanh lá cây, đỏ
(731) CƠ SỞ THÀNH PHÁT (VN)
7/170A, đường số 1, khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Keo dán dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0092892**
(210) 4-2006-17293
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THỜI TRANG DŨNG OANH (VN)
911/23 Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0092893**
(210) 4-2006-17394
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 17.10.2006

(531) 26.3.1; 26.3.4
(591) Đỏ, trắng
(731) TRẦN VĂN VINH (VN)
Số 22 Trần Xuân Soạn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Gối, đệm bằng bông không dùng trong nghành y.

---

(111) **4-0092894**
(210) 4-2006-21201
(181) 04.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 04.12.2006

(531) 7.1.6; 7.1.25; A15.7.3; 26.3.23; A26.3.5; 7.5.25
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH (VN)
35 Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Quản lý hành chính khu chế xuất; quản lý hành chính khu công nghiệp.

---

(111) **4-0092895**
(210) 4-2006-21202
(181) 04.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 04.12.2006

(531) 26.3.1; 26.2.1
(591) Trắng, cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG Á (VN)
Khóm Tây Bắc, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bao bì giấy; tập vở; giấy phô tô; giấy vệ sinh; giấy dạng nguyên liệu.

Nhóm 35: Mua bán giấy; mua bán bao bì; mua bán nguyên liệu giấy; xuất nhập khẩu giấy và nguyên liệu.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0092896**
(210) 4-2006-17566
(181) 19.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

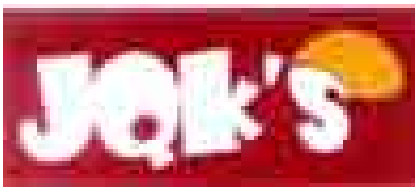

(151) 11.12.2007
(220) 19.10.2006

(531) 26.4.2; A5.3.14
(591) Trắng, đỏ, vàng
(731) THÁI SƠN KIM (VN)
Số 2G, tổ 19, đường Lương Khánh Thiện, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thực phẩm, nước giải khát (không do nhà hàng thực hiện); đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống, quán ăn tự phục vụ, quán cà phê giải khát, nhà hàng bán thức ăn mang về, và dịch vụ cung cấp thực phẩm do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0092897**
(210) 4-2006-17250
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Đen, trắng, đỏ, đỏ nhạt
(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 120 (VN)
Số 8 Tăng Bạt Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092898**
(210) 4-2006-17251
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

EUROSE

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sữa rửa mặt, sữa tắm, xà phòng.

---

(111) **4-0092899**
(210) 4-2006-17252
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANICINE

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC VIÊN (VN)
Lô 21B, tổ 28, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0092900**
(210) 4-2006-17254
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAZARQUIT

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092901**
(210) 4-2006-21519
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

STRONGMILK

(151) 11.12.2007
(220) 08.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM, SỮA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HAN CO (VN)
ấp 5, tỉnh lộ 9, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Sữa; sữa chua.

---

(111) **4-0092902**
(210) 4-2006-20763
(181) 28.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HASANVIT

(151) 11.12.2007
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092903**
(210) 4-2006-20765
(181) 28.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DH-Metglu

(151) 11.12.2007
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092904**
(210) 4-2006-22734
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

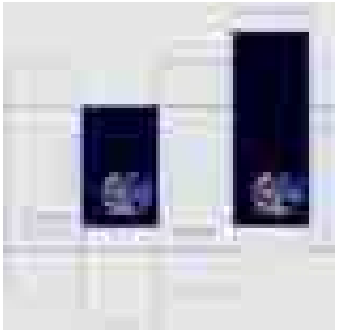

(151) 11.12.2007
(220) 26.12.2006

(531) A19.3.4;
(591) Xanh lam đậm, hồng, đen, trắng, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092905**
(210) 4-2006-22735
(181) 26.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 26.12.2006

(531) A19.3.4;
(591) Vàng cam, hồng, đen, trắng, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC MINH (VN)
Số 183/1 Hiệp Bình, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

---

(111) **4-0092906**
(210) 4-2006-01308
(181) 24.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOREKID

(151) 11.12.2007
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU. (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092907**
(210) 4-2006-01364
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

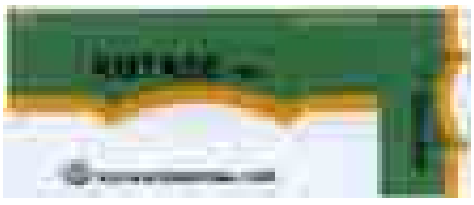

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23
(591) Xanh lá cây, vàng, vàng sẫm, đen, trắng
(731) KOLON INTERNATIONAL CORP. (KR)
Kolon Tower, Annex 1-22, Byeolyang-Dong Kwacheon City, Kyonggi-Do 427-040, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092908**
(210) 4-2006-01365
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 26.4.2; 26.3.1; 5.5.23
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, vàng, da cam, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM YÊN BÁI (VN)
521 đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y.

---

(111) **4-0092909**
(210) 4-2006-01366
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAEROXIN

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092910**
(210) 4-2006-01367
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ETOBS-DEX

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092911**
(210) 4-2006-01368
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIVFORCE

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092912**
(210) 4-2006-01369
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HOMEFORCE

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A, phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092913**
(210) 4-2006-01370
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEOPOLYZYM

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092914**
(210) 4-2006-01371
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POLYLACTO-FORT

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092915**
(210) 4-2006-17235
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 26.1.1; A25.7.7
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG ĐÔNG (VN)
2/3B ấp Trung Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hạt nhựa (dạng thô).

Nhóm 16: Bao bì bằng nhựa PP (dùng để bao gói hàng hoá); bao bì bằng giấy; bao bì dệt bằng nhựa; màng mỏng bằng chất dẻo dùng để bao gói; giấy để bao gói hàng hoá; túi nilon (dùng để bao gói hàng hoá).

Nhóm 17: Bao bì không thấm nước; hạt nhựa tổng hợp dạng bán thành phẩm.

Nhóm 35: Mua bán: bao bì nhựa, hạt nhựa, các sản phẩm ngành nhựa, máy móc phục vụ ngành nhựa, phân bón, lương thực, hàng nông sản, vật tư phục vụ sản xuất; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 39: Cho thuê kho bãi; dịch vụ lưu kho; môi giới vận tải; dỡ hàng (bốc xếp); bao gói hàng hoá; xếp hàng vào kho.

Nhóm 40: In lụa; in ốp sét; in mẫu vẽ; in ảnh; in ấn.

---

(111) **4-0092916**
(210) 4-2006-21571
(181) 11.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PHANTIN
COLLECTION

(151) 11.12.2007
(220) 11.12.2006

(731) PHAN THỊ THANH DUNG (VN)
Thôn Huỳnh Kim, xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 25: Áo sơ mi; áo khoác, quần dài; quần áo thể thao; quần áo lót; quần áo ngủ.

---

(111) **4-0092917**
(210) 4-2006-21203
(181) 04.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

对对福
DUIDUIFU
ĐỐI ĐỐI PHÚC

(151) 11.12.2007
(220) 04.12.2006

(531) 9.9.1
(731) CÔNG TY TNHH YU FENG ENTERPRISE (VN)
ấp 1A, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Giày; quần; áo; mũ; dây thắt lưng (trang phục); bít tất.

---

(111) **4-0092918**
(210) 4-2006-00432
(181) 10.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOROPAN

(151) 11.12.2007
(220) 10.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0092919**
(210) 4-2006-20998
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MIX★STAR

(151) 11.12.2007
(220) 30.11.2006

(531) A1.1.12; 26.1.1
(731) GPM GROUP (1997) CO., LTD. (TH)
511/485 Jaransanitwong 37, Jaransanitwong Road, Bangkhunsri, Bangkoknoi, Bangkok 10700, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Đồ đi chân (trang phục), giầy, dép lê, xăng đan, giầy thể thao, quần áo, áo sơ mi, áo phông, quần đùi của đàn ông, quần dài, quần áo lót, váy, đồ đội đầu (trang phục).

---

(111) **4-0092920**
(210) 4-2006-20995
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THÁI SÂM

(151) 11.12.2007
(220) 30.11.2006

(531) 1.5.1; 5.1.1
(591) Xanh, đỏ, tím, vàng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG MẬU THÁI SÂM (VN)
Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Quả mác mật đã được bảo quản.

Nhóm 30: Bột thực phẩm chế biến từ cây báng (không dùng cho mục đích y tế); gia vị chế biến từ quả mác mật.

Nhóm 33: Rượu tắc kè (rượu ngâm tắc kè).

---

(111) **4-0092921**
(210) 4-2006-01392
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

COOKCU

(151) 11.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG MINH COOK (VN)
301 Giảng Võ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp từ, lò vi sóng, nồi cơm dùng điện, chảo lẩu dùng điện.

Nhóm 21: Nồi, xoong, chảo (tất cả không dùng điện), đồ thuỷ tinh, đồ pha lê.

---

(111) **4-0092922**
(210) 4-2006-00872
(181) 18.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OXY COLLECTIONS

(151) 11.12.2007
(220) 18.01.2006

(531) 26.4.1; 26.4.9; 25.7.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VĨNH HIỆP HƯNG (VN)
464 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0092923**
(210) 4-2006-01305
(181) 24.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GINPOWER

(151) 11.12.2007
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU. (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092924**
(210) 4-2006-01306
(181) 24.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANYCOM

(151) 11.12.2007
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0092925**
(210) 4-2006-01307
(181) 24.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEFPOTILE

(151) 11.12.2007
(220) 24.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092926**
(210) 4-2006-05021
(181) 05.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FUJIKI

(151) 11.12.2007
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT (VN)
199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy; động cơ ô tô, động cơ xe máy; khung xe máy, ống xả xe máy.

---

(111) **4-0092927**
(210) 4-2006-05022
(181) 05.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DANY

(151) 11.12.2007
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT (VN)
199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô, xe máy; động cơ ô tô, động cơ xe máy; khung xe máy, ống xả xe máy.

---

(111) **4-0092928**
(210) 4-2006-05308
(181) 07.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DANNY

(151) 11.12.2007
(220) 07.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT (VN)
199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe ô tô; khung xe ô tô; thân xe ô tô; động cơ xe ô tô; xe máy; động cơ xe máy.

---

(111) **4-0092929**
(210) 4-2006-05547
(181) 11.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TIDY

(151) 11.12.2007
(220) 11.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ TMT (VN)
199B Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Xe ô tô; khung xe ô tô; thân xe ô tô; động cơ xe ô tô; xe máy; động cơ xe máy.

Nhóm 35: Kinh doanh xuất nhập khẩu; vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải; mua bán các mặt hàng: nông sản, lâm sản, thổ sản, hải sản, hàng tiêu dùng, hàng điện tử, hàng trang trí nội thất và vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0092930**
(210) 4-2006-05696
(181) 13.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIỆT MIN

(151) 11.12.2007
(220) 13.04.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Xanh dương, xanh tím, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT MIN (VN)
785/18 Hùng Vương, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, phân bón, thuốc thú y.

---

(111) **4-0092931**
(210) 4-2006-05697
(181) 13.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ATTAPEX

(151) 11.12.2007
(220) 13.04.2006

(731) CƠ SỞ TÂN HIỆP HƯNG (VN)
104 Tạ Uyên, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Silicon; keo silicon; keo dùng trong công nghiệp; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho giấy dán tường; keo trám bít silicon.

Nhóm 16: Keo dán dùng trong gia đình và dùng trong văn phòng; văn phòng phẩm; túi bằng giấy hoặc bằng nhựa dùng để bao gói; bao bì bằng giấy; băng dính dùng trong gia đình và dùng trong văn phòng; túi bao gói thức ăn dùng trong lò vi sóng.

---

(111) **4-0092932**
(210) 4-2006-05698
(181) 13.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 13.04.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương, trắng
(731) CƠ SỞ TÂN HIỆP HƯNG (VN)
104 Tạ Uyên, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Silicon; keo silicon; keo dùng trong công nghiệp; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho giấy dán tường; keo trám bít silicon.

Nhóm 16: Keo dán dùng trong gia đình và dùng trong văn phòng; văn phòng phẩm; túi bằng giấy hoặc bằng nhựa dùng để bao gói; bao bì bằng giấy; băng dính dùng trong gia đình và dùng trong văn phòng; túi bao gói thức ăn dùng trong lò vi sóng.

---

(111) **4-0092933**
(210) 4-2006-04130
(181) 22.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASICETYL

(151) 11.12.2007
(220) 22.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
4/73 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092934**
(210) 4-2006-05614
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PARA FRANCEC

(151) 11.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược; thuốc kháng sinh chống viêm; thuốc bổ tăng lực; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0092935**
(210) 4-2006-05615
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OFLOFRANCEC

(151) 11.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược; thuốc kháng sinh chống viêm; thuốc bổ tăng lực; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0092936**
(210) 4-2006-00426
(181) 10.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MUCOBIX

(151) 11.12.2007
(220) 10.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0092937**
(210) 4-2006-01512
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 03.02.2006

(531) A26.11.12
(591) Đen, trắng, xanh lam
(731) SYNGENTA LIMITED (GB)
Syngenta European Regional Centre, Priestley Road, Surrey Research Park, Guildford, Surrey GU2 7YH, United Kingdom
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất hoá học dùng trong nông nghiệp, làm vườn và trong lâm nghiệp.

Nhóm 05: Các chế phẩm dùng để diệt sâu bọ, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0092938**
(210) 4-2006-01513
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 03.02.2006

(531) 5.7.3; 1.3.1; 26.4.3
(731) CÔNG TY TNHH HIỆP TÀI (VN)
Xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0092939**
(210) 4-2006-02000
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

IBP

(151) 11.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) TYSON FRESH MEATS, INC (US)
2210 W. Oaklawn Drive Springdale AR, 72762 United States Of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Da sống.

Nhóm 29: Thịt bò đóng hộp, thịt lợn đóng hộp, thịt gà.

(111) **4-0092940**
(210) 4-2006-02791
(181) 29.02.2016
(300) 187366 09.02.2006 IL
(450) 25.01.2008 238
(540)

WONDERCUT

(151) 11.12.2007
(220) 28.02.2006

(731) LILI DIAMONDS (Israeli Registered Partnership) (IL)
The Diamond Exchange - Maccabi Building 1 Jabotinsky Street, Ramat Gan 52520, Israel
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 14: Đá quý, cụ thể là kim cương có khắc hoa văn; đồ trang sức; đồ kim hoàn kết hợp với đá quý; đồng hồ; đồng hồ treo tường và đồng hồ khác có gắn kim cương và/hoặc đá quý.

---

(111) **4-0092941**
(210) 4-2006-02808
(181) 29.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CALCIBEST

(151) 11.12.2007
(220) 28.02.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC. (PH)
66 United Street, Mandaluyong, Metro Manila, Philippines
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092942**
(210) 4-2006-01998
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Yin V

(151) 11.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH VẠN XUÂN (VN)
231 Chiến Lược, khu phố 18, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc đông dược.

---

(111) **4-0092943**
(210) 4-2006-02579
(181) 24.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SCOTTY CAMERON

(151) 11.12.2007
(220) 24.02.2006

(731) SCOTT CAMERON GOLF DESIGN INC. (US)
7301 Bolero St., Carlsbad, California 92009, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Trò chơi và đồ chơi; thiết bị tập thể dục và dụng cụ thể thao không nằm trong các nhóm khác, cụ thể là dụng cụ chơi gôn; đồ trang trí cây thông nô-en (trừ bánh mứt kẹo và thiết bị chiếu sáng).

---

(111) **4-0092944**
(210) 4-2006-03789
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Thiên Hồng

(151) 11.12.2007
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU HỒNG ĐỨC (VN)
Cụm công nghiệp xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Bút bi.

---

(111) **4-0092945**
(210) 4-2006-03790
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 17.03.2006

(591) Nâu, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THỜI TRANG LI TA (VN)
55 Tân Thọ, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo; cà vạt; mũ; thắt lưng (quần áo); bít tất ngắn cổ (vớ).

---

(111) **4-0092946**
(210) 4-2006-03791
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 17.03.2006

(731) PHÒNG CHẨN TRỊ Y HỌC CỔ TRUYỀN TƯNHÂN BẮC VIỆT (VN)
12C đường Nguyễn Trãi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc uống trị bệnh da; thuốc xức bôi trị bệnh da.

---

(111) **4-0092947**
(210) 4-2006-03792
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 17.03.2006

(531) 26.1.2
(731) CƠ SỞ HỨA MUỐI (VN)
62/2 C-62/2 D Trần Nguyên Hãn, phường 13, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Ghim bấm (đồ dùng văn phòng).

---

(111) **4-0092948**
(210) 4-2006-03793
(181) 17.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 17.03.2006

(731) LƯƠNG THỊ THU THẢO (VN)
Khu vực 4, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Trà (chè); cà phê.

---

(111) **4-0092949**
(210) 4-2005-13462
(181) 12.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 12.10.2005

(531) 18.1.5
(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu công nghiệp và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; dầu bôi trơn và mỡ bôi trơn; nhiên liệu; phụ gia (không phải là phụ gia hoá học) dùng cho nhiên liệu, chất bôi trơn và mỡ bôi trơn; hợp chất để hút, làm ướt và dính bụi.

---

(111) **4-0092950**
(210) 4-2006-02291
(181) 20.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZIL MATE

(151) 11.12.2007
(220) 20.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TẤN (VN)
487 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092951**
(210) 4-2006-02815
(181) 01.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG MỚI
NEW LIFE QUALITY

(151) 11.12.2007
(220) 01.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VIỆT LONG (VN)
8 Mạc Đĩnh Chi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Cá, tôm sống.

(111) **4-0092952**
(210) 4-2006-01523
(181) 06.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

JULIET

(151) 11.12.2007
(220) 06.02.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TẠO XE MÁY LIFAN - VIỆT NAM (VN)
Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ cho xe máy.

---

(111) **4-0092953**
(210) 4-2006-01995
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIO-FORXIM

(151) 11.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092954**
(210) 4-2006-04128
(181) 22.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASIGASTROGIT

(151) 11.12.2007
(220) 22.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
4/73 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092955**
(210) 4-2006-04129
(181) 22.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASIAMOX

(151) 11.12.2007
(220) 22.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
4/73 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092956**
(210) 4-2006-01993
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VTP-OMEZENO

(151) 11.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VĨNH TƯỜNG PHÁT (VN)
28 đường 266, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092957**
(210) 4-2006-01994
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NUTRIBRAIN

(151) 11.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LYON - PHÁP (VN)
Tầng 3, dãy nhà 5 tầng, ngõ 109 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092958**
(210) 4-2006-06737
(181) 03.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 03.05.2006

(531) 1.3.1; 26.2.7
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT BAO BÌ ĐỨC MINH (VN)
21/47 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: In ốp- sét; in ấn; in lụa.

---

(111) **4-0092959**
(210) 4-2006-16854
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

WEATHERONE

(151) 11.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN L.Q. JOTON (VN)
188C Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn dầu, sơn nước, sơn diệt khuẩn, sơn chống gỉ, chất dùng làm lớp phủ công nghiệp (tương tự như sơn); chế phẩm dùng làm sơn lót (chế phẩm từ sơn).

---

(111) **4-0092960**
(210) 4-2006-16856
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 11.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.1; 24.13.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM N.I.C (NIC-PHARMA) (VN)
Lô 11D đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm thú y và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế, thuốc đông y, chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, bánh, kẹo, gạo, bột ngũ cốc, chè, cà phê, ca cao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0092961**
(210) 4-2004-05728
(181) 20.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

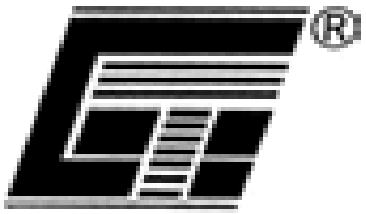

(151) 12.12.2007
(220) 20.01.2006

(531) 26.4.4; A25.7.21
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NHỰA CHÍ THÀNH V.N (VN)
Tổ 28 khu phố 4, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Cánh quạt nước (dùng cho máy tạo bọt khí) ống bơm tu huýt (dùng cho máy bơm nước).

Nhóm 12: Phao nổi (dùng để vận chuyển).

Nhóm 20: Khung tranh, khung ảnh.

Nhóm 21: Nhựa gia dụng bằng nhựa như: thau, xô, chậu bằng nhựa, bình đựng nước, bình nước đá bằng nhựa; dụng cụ bàn ăn như: cốc, tô, bát, đũa.

Nhóm 35: Mua bán dụng cụ phục vụ nuôi trồng thủy sản như: cánh quạt nước, phao nổi, ống bơm tu huýt; mua bán nón bảo hiểm, yên xe gắn máy, khung hình.

---

(111) **4-0092962**
(210) 4-2006-16880
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLULAVAL

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) ID BIOMEDICAL CORPORATION OF QUEBEC (CA)
525 Cartier Blvd. West, Laval QC H7V 3S8, Canada
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Văc-xin dùng cho người.

---

(111) **4-0092963**
(210) 4-2006-17194
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 12.10.2006

(531) 26.3.1; A25.1.10
(731) THAI PRESIDENT FOODS PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
304 Srinakarin Road, Huamark, Bangkapi, Bangkok 10240 Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ, bánh xốp, bánh quy nhỏ, bánh quy, bánh quy giòn và bánh ăn nhẹ được làm từ ngũ cốc.

---

(111) **4-0092964**
(210) 4-2006-16623
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 04.10.2006

(531) 26.3.23; 3.7.17; 5.1.1; 24.15.1
(731) CƠ SỞ HÒA THỊNH (VN)
226/51 An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Hộp chứa đầu nối và ống chứa dây dẫn điện bằng nhựa, các phụ tùng của chúng như ổ nối, móc dây dẫn, co ống dẫn (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0092965**
(210) 4-2006-01984
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

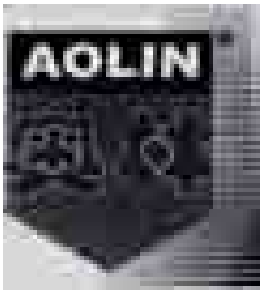

(151) 12.12.2007
(220) 14.02.2006

(531) A24.1.15; A25.7.21
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NAM TÍN HƯNG (VN)
D11/301B Trịnh Quang Nghị, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 12: Thiết bị chống trộm dùng cho xe gắn máy và dùng cho xe ô tô.

---

(111) **4-0092966**
(210) 4-2006-16523
(181) 30.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 30.10.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh da trời, xanh lá cây, trắng, đen
(731) TSENG HUNG TRADING CO., LTD. (TW)
No. 412, Bo Ai street, Chu Pei City, Hsin Chu Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Linh kiện và phụ tùng xe đạp như: bàn đạp, yên, phanh (bố thắng), vành (niền), líp, may ơ (đùm).

---

(111) **4-0092967**
(210) 4-2006-16882
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.1
(731) SMILEPHAN LIMITED PARTNERSHIP (TH)
48/68-71 Kanjanapisek Rd, Moo 7, Bangbon, Bangkok, 10150, Thailand
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước xả làm mềm vải; dầu gội đầu; xà phòng; chế phẩm dưỡng tóc; nước hoa.

---

(111) **4-0092968**
(210) 4-2006-16927
(181) 09.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOMRAB

(151) 12.12.2007
(220) 09.10.2006

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D2-MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

(111) **4-0092969**
(210) 4-2006-16948
(181) 10.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VICKY

(151) 12.12.2007
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TẠO XE MÁY LIFAN - VIỆT NAM (VN)
Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy.

---

(111) **4-0092970**
(210) 4-2006-16949
(181) 10.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANBER

(151) 12.12.2007
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TẠO XE MÁY LIFAN - VIỆT NAM (VN)
Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ cho xe máy.

---

(111) **4-0092971**
(210) 4-2006-01996
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIO-TRIXONE

(151) 12.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092972**
(210) 4-2006-01997
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIOZECDINE

(151) 12.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092973**
(210) 4-2006-16480
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHOLEDO

(151) 12.12.2007
(220) 02.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092974**
(210) 4-2006-16481
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

POLY-FORTECAP

(151) 12.12.2007
(220) 02.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092975**
(210) 4-2006-16482
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VITASAM

(151) 12.12.2007
(220) 02.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092976**
(210) 4-2006-16850
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.1; 24.13.1
(591) Đỏ, trắng, xanh, vàng
(731) CÔNG TY TNHH NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ Y TẾ (VN)
Số 26, ngõ 41, đường Hồng Hà, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 44: Bệnh viện.

---

(111) **4-0092977**
(210) 4-2006-16872
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VITAMINHOME

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092978**
(210) 4-2006-16873
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GINROLE

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092979**
(210) 4-2006-16874
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LACORBIL

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092980**
(210) 4-2006-16875
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PHILBONE-A

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092981**
(210) 4-2006-21483
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRUNG KIÊN

(151) 12.12.2007
(220) 08.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG KIÊN (VN)
Phố Ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp thực phẩm, đồ uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0092982**
(210) 4-2006-21492
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 08.12.2006

(531) 1.17.11; A1.5.3; 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUNG KIÊN (VN)
Phố Ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 16: Túi và bao bằng chất dẻo để bao gói (thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0092983**
(210) 4-2006-18207
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Matxi Matxi

(151) 12.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (VN)
38 - 40 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Các loại mỳ ăn liền, phở ăn liền, cháo ăn liền, nước tương, tương ớt, gia vị, sản phẩm từ bột ngũ cốc chiên giòn.

---

(111) **4-0092984**
(210) 4-2006-17440
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KISSARIN

(151) 12.12.2007
(220) 17.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước súc miệng; kem đánh răng; chế phẩm dưỡng da; chế phẩm khử mùi dùng cho cá nhân; kem cạo râu; dầu gội đầu.

---

(111) **4-0092985**
(210) 4-2006-17441
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 17.10.2006

(531) 26.7.25; 26.3.23
(591) Trắng, đen, đen nhạt, xám
(731) CÔNG TY TNHH K&V (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Bình ắc qui.

---

(111) **4-0092986**
(210) 4-2006-17290
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TIẾN TUẤN

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO MÁY DƯỢC PHẨM TIẾN TUẤN (VN)
Lô IV-19 Tây Thạnh, KCN Tân Bình, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc trừ sâu; thuốc thú y; băng dính dùng cho ngành y; thức ăn kiêng dùng trong y học; chất khử trùng.

Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại; khuôn nguội (đúc); khóa bằng kim loại; bộ đồ cửa bằng kim loại; két sắt.

Nhóm 08: Dụng cụ cầm tay; bình phun thuốc trừ sâu; dao kéo; dao cạo (không dùng điện); thìa; đĩa.

Nhóm 09: Máy vi tính; ổn áp; công tắc điện; thiết bị quay (camera) chống trộm; thiết bị phòng chữa cháy; thiết bị nghiên cứu khoa học dùng trong phòng thí nghiệm.

Nhóm 10: Thiết bị để xoa bóp; dao kéo (giải phẫu); máy ép (phẫu thuật); ghế nha khoa; bình sữa (cho trẻ em); thiết bị xông hơi dùng trong ngành y.

Nhóm 12: Băng chuyền; xích, bộ phận ghép nối truyền động dùng cho xe cộ mặt đất; xe gắn máy; xe đẩy trẻ em; động cơ cho xe cộ mặt đất.

Nhóm 16: Giấy; văn phòng phẩm; chất dính (keo dán) dùng trong văn phòng và gia đình; băng dính dùng trong văn phòng và gia đình; dao rọc giấy (dùng trong văn phòng); dụng cụ giảng dạy (trừ các thiết bị).

Nhóm 20: Bàn; ghế, giường; tủ; hòm quan tài không làm bằng kim loại; đồ gỗ văn phòng.

Nhóm 21: Đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp (trừ loại bằng kim loại quí); đồ pha lê (đồ thuỷ tinh); máy nghiền gia dụng; không dùng điện; dụng cụ nhà bếp không bằng kim loại quí; đồ gốm; giẻ lau.

Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm sữa; thịt; cá; dầu ăn; nước mắm.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; trang trí nội thất; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; sửa chữa máy móc và thiết bị; lắp đặt và bảo dưỡng máy móc.

Nhóm 42: Nghiên cứu và phát triển phần mềm máy tính; các dịch vụ pháp lý; các dịch vụ khoa học và công nghệ; thiết kế tạo mẫu.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn, uống; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0092987**
(210) 4-2006-11967
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MISSION

(151) 12.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) WORLD GLOBAL HOLDINGS LIMITED (VG)
Simmons Building, Wickhams Cay 1, PO Box 961, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Thiết bị để ghi, truyền và tái tạo âm thanh; thiết bị và dụng cụ để ghi và tái tạo âm thanh với độ trung thực cao; thiết bị và dụng cụ âm thanh; băng đĩa ghi âm; loa phóng thanh; loa âm thanh; bộ khuyếch đại; cáp điện; cáp cho loa điện; vật nối điện; vật đấu nối cho cáp âm thanh; tai nghe vòng qua đầu; băng đĩa ghi âm thanh; đĩa ghi, thiết bị ghi và vật mang âm thanh đã ghi.

---

(111) **4-0092988**
(210) 4-2006-12471
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

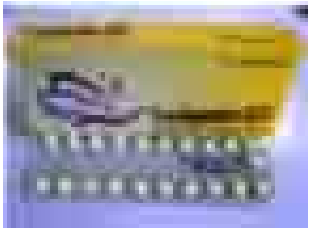

(151) 12.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 3.13.1; A5.5.21; A19.13.21; A19.3.4
(591) Tím, vàng, vàng nhạt, trắng
(731) GEDEON RICHTER LTD. (HU)
H-1103 Budapest, Hungary, Gyomroi út 19-21
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc chữa bệnh dùng cho người.

---

(111) **4-0092989**
(210) 4-2006-12715
(181) 04.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 04.08.2006

(531) A5.3.15; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM MINH TÂM (VN)
Số 163, tổ 37, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy ướt (chỉ sử dụng một lần).

---

(111) **4-0092990**
(210) 4-2006-17439
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 17.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NGUYỄN GIA (VN)
Số 81, Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị y tế; mua bán thiết bị tin học; mua bán thiết bị điện tử; mua bán thiết bị ngành giao thông; mua bán thiết bị cơ khí; mua bán thiết bị xây dựng.

---

(111) **4-0092991**
(210) 4-2006-19090
(181) 07.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

XILINX

(151) 12.12.2007
(220) 07.11.2006

(731) XILINX, INC. (A DELAWARE CORPORATION) (US)
2100 Logic Drive, San Jose, California 95124, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Mạch tích hợp và mạch điện tử bán dẫn; phần mềm máy tính để lập trình cho mạch tích hợp và mạch điện tử bán dẫn.

---

(111) **4-0092992**
(210) 4-2006-19091
(181) 07.11.2016
(300) 78/904,265 08.06.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

XILINX

(151) 12.12.2007
(220) 07.11.2006

(731) XILINX, INC. (a Delaware corporation) (US)
2100 Logic Drive, San Jose, California 95124, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 42: Thiết kế phần cứng máy tính, mạch tích hợp, phần mềm và phần cứng thông tin.

---

(111) **4-0092993**
(210) 4-2006-19411
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PYMEROXOMIL

(151) 12.12.2007
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092994**
(210) 4-2006-20994
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SOELLE

(151) 12.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) ALLERGAN, INC. (US)
2525 Dupont Drive, Irvine, California 92612, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 10: Mô cấy vú bằng silicon; mô cấy vú được tạo thành từ các chất liệu nhân tạo, bộ phận và thành phần dùng tạo mô cấy.

---

(111) **4-0092995**
(210) 4-2006-21014
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 30.11.2006

(531) 26.1.1; A26.3.5; 26.4.2
(591) Xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHẤT VIỆT (VN)
Phòng 1003, nhà 24T1, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán sơn; dịch vụ xuất nhập khẩu sơn.

Nhóm 37: Dịch vụ sơn công trình xây dựng; dịch vụ sơn nội ngoại thất.

---

(111) **4-0092996**
(210) 4-2006-20979
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

C-Lium
FIBRE

(151) 12.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH)
66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0092997**
(210) 4-2007-00096
(181) 03.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 03.01.2007

(531) A5.3.15
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh nước biển
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TƯƠNG LAI VIỆT (VN)
Số 27/23 ngõ 38 Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán thiết bị công nghệ thông tin-viễn thông, thiết bị an ninh, thiết bị cho ngành công nghiệp và xây dựng.

---

(111) **4-0092998**
(210) 4-2006-20526
(181) 24.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BRAWMICIN

(151) 12.12.2007
(220) 24.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002, India

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0092999**
(210) 4-2006-20529
(181) 24.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MECOZAXIN

(151) 12.12.2007
(220) 24.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002, India

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093000**
(210) 4-2006-21244
(181) 05.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 05.12.2006

(531) 26.4.2; 26.4.9
(591) Da cam, xanh đậm, đen
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH (VN)
5/62 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán, đại lý ký gửi các mặt hàng: máy nén khí, xe nâng, thiết bị hầm.

---

(111) **4-0093001**
(210) 4-2005-11034
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 29.08.2005

(531) 26.4.1; 26.4.8
(731) DOOSAN INFRACORE CO., LTD. (KR)
7- 11, Hwasu-dong, Dong-gu, Incheon, Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Cần trục, cần trục tháp, bộ điều khiển kính viễn vọng, máy xúc đào, máy ủi, xe san ủi đất, máy bốc xếp tải trọng có ích, máy chất tải có bộ phận điều khiển tấm trượt, tuabin chạy bằng khí đốt cho tàu và máy bay, động cơ điêzen cho tàu và máy bay, động cơ phản lực cho tàu và máy bay, động cơ tuabin phản lực cho tàu và máy bay, động cơ tuabin cánh quạt cho tàu và máy bay, động cơ chạy bằng khí đốt cho tàu và máy bay, động cơ xoay chiều AC cho tàu hoặc máy bay, động cơ trợ động cho tàu hoặc máy bay, động cơ điện cho tàu hoặc máy bay, động cơ điện một chiều DC cho tàu hoặc máy bay, máy mài nghiền, máy gia công bằng tia la-de, trung tâm gia công (đầu lắp nhiều loại dụng cụ gia công kim loại trên máy điều khiển chương trình số), máy phay, máy xọc, máy doa, máy khoan (không dùng cho việc gia công gỗ), máy chuốt, máy tiện (không dùng cho việc gia công gỗ), máy rèn, máy cán, máy mài, máy ép dùng dầu thuỷ lực, máy bào, máy phay, máy bào ngang, máy mài khôn, máy nghiền, máy khoan, máy cắt la-de, máy hàn ép ma sát, máy hàn điện, máy nghiền đá, máy khoan mỏ, máy xử lý quặng, máy khoan đá, máy khoan giếng, máy đào (máy), máy đào than, máy làm đường, máy lát mặt đường, máy khai thác đá, máy nạo vét, máy xới, máy bó (lúa, cỏ), máy gặt - đập, máy khí hoá, máy nghiền, máy thiêu kết (cho quá trình xử lý hoá học), máy thải rác, máy lọc dầu, máy xử lý rác, máy làm nước khoáng, máy và thiết bị ủ để làm các loại đồ uống có cồn, máy sản xuất đồ uống có ga, máy đóng hộp, máy sản xuất hộp giấy, máy và thiết bị sản xuất giấy, máy in trục lò, máy in, máy sơn, máy đóng bao, máy nén tăng áp, ống phân phối (ống xả) cho động cơ, thiết bị chuyển nhiên liệu cho động cơ đốt trong, dụng cụ đánh lửa cho động cơ đốt trong, bộ tản nhiệt (làm mát) cho máy và động

cơ, ống xả cho máy và động cơ, bộ giảm thanh cho máy và động cơ, động cơ xăng trừ loại dùng cho xe cộ, tuabin chạy bằng khí đốt trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ diêzen trừ loại dùng cho xe cộ, tuabin thuỷ lực trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ phản lực trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ hơi nước trừ loại dùng cho xe cộ, nồi hơi của động cơ hơi nước trừ loại dùng cho xe cộ tuabin hơi nước trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ tuabin phản lực trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ tuabin cánh quạt trừ loại dùng cho xe cộ, bộ biến đổi mômen (thuỷ lực) trừ loại dùng cho xe cộ, vòi phun (dầu, mỡ) cho động cơ, động cơ hạt nhân chính, động cơ ga trừ loại dùng cho xe cộ, máy nén không khí, máy nén ly tâm, bơm ly tâm, máy nén hướng trục, bơm hướng trục, bơm dầu thuỷ lực, cơ cấu truyền động bằng bánh răng cho máy móc, bánh xe của máy, đai truyền cho máy và động cơ, đai bằng cao su trừ loại dùng cho xe cộ, xích truyền động trừ loại dùng cho xe cộ, mắt xích trừ loại dùng cho xe cộ, bánh răng thay đổi tốc độ trừ loại dùng cho xe cộ, trục truyền động trừ loại dùng cho xe cộ, cam trừ loại dùng cho xe cộ, khớp ly hợp trừ loại dùng cho xe cộ, hộp truyền động trừ loại dùng cho xe cộ, đai bằng da trừ loại dùng cho xe cộ, bộ giảm chấn bằng lò xo trừ loại dùng cho xe cộ, bộ giảm chấn thuỷ lực kết hợp với lò xo trừ loại dùng cho xe cộ, bộ giảm xóc bằng không khí trừ loại dùng cho xe cộ, lò xo lá trừ loại dùng cho xe cộ, phanh đĩa trừ loại dùng cho xe cộ, lớp lót phanh trừ loại dùng cho xe cộ, guốc phanh trừ loại dùng cho xe cộ, đoạn phanh trừ loại dùng cho xe cộ, phanh (có) guốc trừ loại dùng cho xe cộ, chi tiết dạng vành trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), van trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), ổ trục trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), ống lót trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), lò xo trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), trục trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), các khớp nối trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), vòi (bộ phận điều chỉnh lưu lượng) trừ loại dùng cho xe cộ (bộ phận của máy), máy giặt cho mục đích công nghiệp, máy rửa xe tự động, hệ thống đỗ xe tự động, máy xử lý cao su, máy chế biến chất dẻo, máy sản xuất chất dẻo, máy phát điện xoay chiều, bộ khởi động cho máy và động cơ, động cơ xoay chiều AC trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ dẫn động trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ trợ động trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ điện trừ loại dùng cho xe cộ, động cơ điện một chiều DC trừ loại dùng cho xe cộ, máy phát điện một chiều DC, động cơ chạy dầu thuỷ lực trừ loại dùng cho xe cộ, người máy.

---

(111) **4-0093002**
(210) 4-2006-19534
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KNOTAZ

(151) 12.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BT VIỆT NAM (VN)
Phòng 3, tầng 11, tháp B, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093003**
(210) 4-2006-19535
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KLOMETZ

(151) 12.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BT VIỆT NAM (VN)
Phòng 3, tầng 11, tháp B, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093004**
(210) 4-2006-19536
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CLETNIR

(151) 12.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BT VIỆT NAM (VN)
Phòng 3, tầng 11, tháp B, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093005**
(210) 4-2006-16205
(181) 26.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUPER COMPUTER STORE
COMPUTOWN

(151) 12.12.2007
(220) 26.09.2006

(531) 26.4.2; 26.11.1; A26.11.8
(731) BEST DENKI CO., LTD (SG)
1 Kim Seng Promenade #09-06, Great World City East Tower, Singapore 237994
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 35: Giới thiệu các loại sản phẩm (không kể vận chuyển) vì lợi ích của khách hàng để họ dễ xem và mua các sản phẩm này; mua bán: máy tính, phần mềm máy tính.

Nhóm 42: Cho thuê truy cập vào cơ sở dữ liệu máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; lập chương trình máy tính; cho thuê máy tính; cập nhật chương trình phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính.

(111) **4-0093006**
(210) 4-2006-17212
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PALMAZ BLUE

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CORDIS CORPORATION (US)
14201 N.W. 60th Avenue, Miami Lakes, Florida, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là thanh dẫn (stents).

---

(111) **4-0093007**
(210) 4-2006-17259
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHEMPYL KIT

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THĂNG LONG (VN)
127 đường Quốc Bảo, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093008**
(210) 4-2006-16528
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 02.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.6
(731) FORTITECH INC. (US)
Riverside Technology Park, 2105 Technology Drive, Schenectady, New York 12308, United States of America
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm chứa hỗn hợp vitamin và khoáng chất bổ sung vitamin và khoáng chất cho người (vì mục đích y tế); chế phẩm chứa khoáng chất dùng cho người (cho mục đích y tế); chế phẩm chứa vitamin dùng cho người (cho mục đích y tế); thực phẩm bổ sung khoáng chất (dùng cho mục đích y tế); thực phẩm bổ sung vitamin (dùng cho mục đích y tế); chế phẩm từ vitamin dùng cho người trong đó vitamin là thành phần chủ yếu (vì mục đích y tế); chế phẩm từ khoáng chất dùng cho người trong đó chất khoáng là chủ

yếu (vì mục đích y tế); chế phẩm bổ sung vi lượng dùng cho người (vì mục đích y tế); chế phẩm tẩm thuốc dùng cho người, chế phẩm bao gồm hỗn hợp vitamin và khoáng chất dùng cho người.

---

(111) **4-0093009**
(210) 4-2006-16568
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RABIROL 20

(151) 12.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093010**
(210) 4-2006-16569
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RABIROL 10

(151) 12.12.2007
(220) 03.10.2006

(731) Sudima International Pte.Ltd (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093011**
(210) 4-2006-17253
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VINANEOMAX

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093012**
(210) 4-2006-15810
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) A26.11.12; 26.4.1
(591) Xanh dương, xanh da trời, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG (VN)
ấp 3B, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0093013**
(210) 4-2006-15811
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUANG MINH

(151) 12.12.2007
(220) 19.09.2006

(731) HỢP TÁC XÃ QUANG MINH (VN)
207C quốc lộ 60, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du: giỏ xách, va li, hòm, rương.

Nhóm 20: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du: bàn, ghế, giường, kệ.

Nhóm 21: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du dùng trong gia đình: rổ; khay; hộp; sọt; chậu.

Nhóm 27: Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ mây, tre, lác, cói, lục bình, u du: chiếu mành; thảm chùi chân.

Nhóm 35: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.

---

(111) **4-0093014**
(210) 4-2006-15816
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 26.11.3
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TOÀN TOÀN PHÁT (VN)
61E đường 12, khu phố 2, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: mỹ phẩm; xà phòng (xà bông); hạt nhựa PP.

---

(111) **4-0093015**
(210) 4-2006-16793
(181) 05.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

REDO

(151) 12.12.2007
(220) 05.10.2006

(731) TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (VN)
11/121 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá; thuốc lá điếu; cái tẩu dùng cho người hút thuốc; cái bật lửa dùng cho người hút thuốc; gạt tàn dùng cho người hút thuốc không bằng kim loại quý.

---

(111) **4-0093016**
(210) 4-2006-16796
(181) 05.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 05.10.2006

(531) 26.4.3; 5.3.20
(591) Xanh tím, đỏ, trắng, vàng, xanh lá cây, xanh da trời
(731) CƠ SỞ NGUYỄN VĂN LƯU (VN)
ấp Mỹ Qưới, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Cây giống: mít, sầu riêng, xoài, vú sữa, măng cụt, bưởi.

---

(111) **4-0093017**
(210) 4-2006-16797
(181) 05.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VERTU

(151) 12.12.2007
(220) 05.10.2006

(731) TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN (VN)
11/121 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá; thuốc lá điếu; cái tẩu dùng cho người hút thuốc; cái bật lửa dùng cho người hút thuốc; gạt tàn dùng cho người hút thuốc không bằng kim loại quý.

---

(111) **4-0093018**
(210) 4-2006-17214
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Vàng cam, vàng nhạt, xanh lá cây, đỏ
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TUẤN HÀ LAN (VN)
46/31A Minh Phụng, phường 5, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp như dịch vụ uốn tóc; dịch vụ chăm sóc da mặt; dịch vụ chăm sóc móng tay, chân.

---

(111) **4-0093019**
(210) 4-2006-17279
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 26.4.1; 25.1.25
(731) CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT THANH SƠN (VN)
40/1 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ trang trí nội thất.

---

(111) **4-0093020**
(210) 4-2006-16810
(181) 05.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 05.10.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY GIẤY TISSUE SÔNG ĐUỐNG (VN)
672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Khăn lau bằng giấy; khăn ăn bằng giấy; giấy lau mặt; giấy vệ sinh (giấy dùng trong nhà vệ sinh).

Nhóm 35: Mua bán khăn lau bằng giấy, khăn ăn bằng giấy, giấy lau mặt, giấy vệ sinh (giấy dùng trong nhà vệ sinh).

---

(111) **4-0093021**
(210) 4-2006-15632
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) 26.1.1; A25.7.2; 26.4.1
(731) HỢP TÁC XÃ CƠ KHÍ HOÀ ĐÌNH (VN)
Lô số 14, cụm công nghiệp Mả Ông, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 17: Băng dính cách điện.

---

(111) **4-0093022**
(210) 4-2006-12490
(181) 02.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

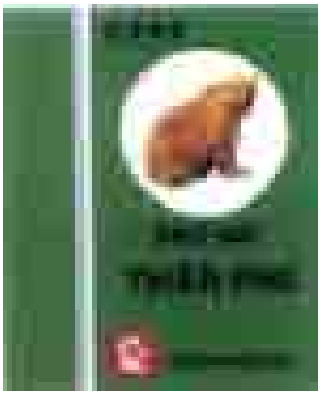

(151) 12.12.2007
(220) 02.08.2006

(531) 3.1.14; 26.4.1; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng sẫm, nâu nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093023**
(210) 4-2006-14619
(181) 01.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CALI-LACTYLASE

(151) 12.12.2007
(220) 01.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EU (VN)
Số nhà 42, ngõ 69, phố Nam Dương, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093024**
(210) 4-2006-15634
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) A1.1.10; 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẶT LÀ 5 SAO (VN)
60 ngõ Thổ Quan, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ giặt là, giặt khô, dịch vụ là hơi quần áo, dịch vụ giặt quần áo, dịch vụ là quần áo.

---

(111) **4-0093025**
(210) 4-2006-10623
(181) 07.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 07.07.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh dương đậm, đen
(731) CÔNG TY TNHH HẢI DƯƠNG (VN)
67 Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 07: Chân bàn máy may, bàn hút chân không cho ngành may mặc.

Nhóm 09: Máy vi tính cá nhân; bo mạch điện tử điều khiển máy phát điện; bàn là công nghiệp.

Nhóm 11: Máy lạnh công nghiệp; nồi sinh hơi công nghiệp.

---

(111) **4-0093026**
(210) 4-2006-13665
(181) 18.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 18.08.2006

(531) 24.11.18; 26.1.1; A5.11.13
(591) Đỏ, xanh lá cây, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUỲNH ANH (VN)
Km 75, xã Tân Long, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Rau đã qua chế biến; hoa quả đã qua chế biến.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia); rượu gạo; đồ uống có cồn chứa hoa quả.

---

(111) **4-0093027**
(210) 4-2006-10467
(181) 05.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 05.07.2006

(531) A1.1.10; 2.3.1; 3.4.11; 5.3.16
(731) IVY BEAUTY CORPORATION SDN. BHD. (MY)
No. 1, 1st & 2nd Floor, Jalan 3/108C, Taman Sg. Besi, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Các chế phẩm chăm sóc cá nhân và chế phẩm dùng để tắm rửa bao gồm dầu gội chăm sóc tóc; dầu xả tóc; các sản phẩm chăm sóc tóc bao gồm kem bôi tóc, chất gel bôi tóc, chất xịt lên tóc, keo bọt cho tóc, huyết thanh dưỡng tóc, gel tạo kiểu tóc, nước tonic dưỡng tóc; chế phẩm dùng để tránh rụng tóc; chế phẩm giúp mọc tóc; chế phẩm tạo nếp tóc và để tóc quăn lâu; sản phẩm tạo sự khoẻ mạnh cho tóc; chất giữ độ ẩm cho tóc; nước thơm xức tóc; chế phẩm làm đầu (dùng khi cắt hay tạo kiểu tóc); nước thơm tạo hình cho tóc; chế phẩm tạo màu cho tóc bao gồm chất nhuộm tóc; mỹ phẩm chăm sóc da và mỹ phẩm bao gồm kem thoa da; sữa rửa làm sạch da, nước tonic dùng cho mục đích mỹ phẩm; huyết thanh (mỹ phẩm), nước thơm (mỹ phẩm), chất gel thoa da (mỹ phẩm); gel thoa mắt (mỹ phẩm); sản phẩm mỹ phẩm chăm sóc da khi đi nắng; mặt nạ

(làm đẹp); xà phòng chống mụn và gel chống mụn (mỹ phẩm); gel chống nhăn da (mỹ phẩm); kem và phấn thoa để nhấn mạnh từng vùng nhất định trên khuôn mặt; son môi; bút kẻ mắt và môi; xà phòng làm đẹp; phấn phủ mắt; chế phẩm chăm sóc móng bao gồm nước bóng và sơn móng; chế phẩm chăm sóc cơ thể và tay bao gồm kem tắm; chế phẩm để tắm rửa dưới dạng gel; xà phòng dùng cho cơ thể; xà phòng; chất khử mùi toàn thân; nước thơm xức toàn thân; chất xịt toàn thân (dùng khi tắm rửa); chất giữ độ ẩm toàn thân (mỹ phẩm); phấn bột mịn để trang điểm; nước hoa; nước hoa cologne; tinh dầu; tinh dầu và tinh dầu ôliu; nước thơm thoa sau khi cạo râu; sữa quả hạch dùng cho mục đích mỹ phẩm; chế phẩm mỹ phẩm để tắm; mặt nạ làm đẹp; bộ mỹ phẩm; chế phẩm mỹ phẩm dùng cho mục đích làm thon thả cơ thể; mỹ phẩm; kem làm mỹ phẩm; kem làm trắng da; xà phòng khử mùi; chất khử mùi dùng cho cá nhân; chất nhuộm làm mỹ phẩm; mỹ phẩm trang điểm lông mày; chì kẻ lông mày; chế phẩm mỹ phẩm dùng cho lông mi; chất nhuộm tóc; chất xịt tóc; chế phẩm tạo sóng cho tóc; nước thơm dùng cho mục đích mỹ phẩm; chế phẩm trang điểm; phấn trang điểm; chế phẩm chăm sóc móng; nước bóng bôi móng; sơn móng tay hay móng chân; móng tay hay móng chân giả; dầu dùng cho mục đích làm sạch; dầu dùng cho mục đích mỹ phẩm; nước hoa; hỗn hợp thơm (chất có hương thơm); dầu gội đầu; chế phẩm làm mềm (hồ phẳng); xà phòng; các chế phẩm dùng khi tắm rửa; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0093028**
(210) 4-2006-13291
(181) 14.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 14.08.2006

(531) 5.7.3; 26.1.2
(731) JIANGSU GOOD HARVEST - WEIEN AGROCHEMICAL CO., LTD. (CN)
Laogang, Qidong City, Jiangsu 226221, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ; thuốc diệt loài gây hại; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt bọ ve; bioxit (chất diệt vi sinh vật); thuốc diệt chuột; bột thuốc trừ sâu làm từ hoa khô của loài hoa cúc lá nhỏ; chất diệt tảo; chế phẩm diệt thực vật gây hại; chế phẩm diệt nấm khô mục; chế phẩm diệt ấu trùng; chế phẩm diệt ruồi; thuốc trừ sâu bọ; chế phẩm trừ vật hại; chế phẩm điều trị bệnh rệp hại rễ cây nho; chế phẩm chữa bệnh cho cây nho; chế phẩm điều trị bệnh than ở cây lúa mì.

---

(111) **4-0093029**
(210) 4-2006-13426
(181) 16.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MULTIOKAVIT

(151) 12.12.2007
(220) 16.08.2006

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD (IN)
L-2 Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharastra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và sản phẩm dược.

---

(111) **4-0093030**
(210) 4-2006-14396
(181) 30.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 30.08.2006

(531) 13.1.6
(731) LEE KUM KEE COMPANY LIMITED (HK)
2-4 Dai Fat Street, Tai Po Industrial Estate, Tai Po, New Territories, Hong Kong
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Nước xốt (gia vị), đồ gia vị, gia vị, gia vị thức ăn, nước tương (xì dầu), muối ăn (dùng cho nhà bếp), muối bảo quản thực phẩm, tương mù tạt, giấm, nước xốt làm từ con sò, nước xốt có hương vị sò.

---

(111) **4-0093031**
(210) 4-2006-06714
(181) 28.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 28.04.2006

(531) 5.5.15
(591) Trắng, đỏ gạch, trắng đục, vàng, xanh lá cây
(731) CƠ SỞ MAI NGỌC LAN (VN)
ấp 3A xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch.

---

(111) **4-0093032**
(210) 4-2006-19330
(181) 09.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LEMANDY

(151) 12.12.2007
(220) 09.11.2006

(731) CƠ SỞ GIA AN (VN)
Số 10 đường số 3, khu 2 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; keo xịt tóc; sơn móng tay; dầu gội đầu; kem dưỡng da.

---

(111) **4-0093033**
(210) 4-2006-19373
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PLAHASAN

(151) 12.12.2007
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093034**
(210) 4-2006-19374
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

IRBEHASAN

(151) 12.12.2007
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093035**
(210) 4-2006-19377
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AUSHEPA

(151) 12.12.2007
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093036**
(210) 4-2006-19617
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 14.11.2006

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ
(731) HỒNG BỨNG (VN)
ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Bánh in.

---

(111) **4-0093037**
(210) 4-2006-19618
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 14.11.2006

(531) 26.4.2
(591) Vàng, đỏ
(731) ĐỖ ANH THƯ (VN)
ấp Cổ Cò, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 30: Bánh in.

---

(111) **4-0093038**
(210) 4-2006-11860
(181) 25.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 25.07.2006

(531) A1.5.6; 24.15.1
(591) Đỏ, vàng, xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI TUẤN MẠNH (VN)
Số 389 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch, vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách.

---

(111) **4-0093039**
(210) 4-2006-11971
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TAMASIX

(151) 12.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÀNH ĐẠT (VN)
90A/B63 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093040**
(210) 4-2006-11974
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIOSFEN

(151) 12.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN VY (VN)
541/24 Sư Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0093041**
(210) 4-2006-15048
(181) 08.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Vĩnh Hảo

(151) 12.12.2007
(220) 08.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUẤT NHẬP KHẨU NĂM NGÔI SAO (VN)
105D Ngô Quyền, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0093042**
(210) 4-2006-15233
(181) 12.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SEGRETA

(151) 12.12.2007
(220) 12.09.2006

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) (JP)
14 -10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo - Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; dầu xả tóc; chất xử lý làm mượt tóc; các chế phẩm chăm sóc tóc; các chế phẩm tạo kiểu và giữ nếp tóc; thuốc nhuộm tóc; xà phòng; sản phẩm rửa mặt; các chế phẩm chăm sóc da; các chế phẩm làm trắng da; sản phẩm giữ ẩm da (mỹ phẩm); chất tẩy trang; mặt nạ dưỡng da; phấn nền trang điểm; son môi; phấn thoa mặt; chế phẩm làm trắng da toàn thân; kem bôi tay; muối tắm (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093043**
(210) 4-2006-16366
(181) 29.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIOCAPL

(151) 12.12.2007
(220) 29.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA (VN)
232 Trần Phú, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093044**
(210) 4-2006-15139
(181) 11.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THAISINGP

(151) 12.12.2007
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGUYỄN HOÀNG (VN)
61 Duy Tân, phường 5, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 35: Mua bán: phụ tùng xe ô tô, phụ tùng xe máy, dầu và các chất bôi trơn làm sạch động cơ, đồ uống, rượu, bia, nước giải khát, đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng nông sản và thực phẩm.

---

(111) **4-0093045**
(210) 4-2006-15593
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) A5.1.12; A24.7.15; 26.4.1
(731) CÔNG TY XÂY LẮP RẠNG ĐÔNG (VN)
134 Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí sân gôn.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0093046**
(210) 4-2006-15649
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) A5.1.5; A1.5.6; A5.1.16; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT LÀM SẠCH VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (INTERNATIONAL CLEANING TECHNOLOGY AND TRADING COMPANY LIMITED) (VN)
Số 54/51, phố Thái Thịnh, phường Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Hoá chất dùng trong công nghiệp.

Nhóm 07: Thiết bị hút bụi dùng để làm sạch; máy và thiết bị để làm sạch (dùng điện); máy đánh bóng sàn; máy quét đường tự vận hành; máy và thiết bị để giặt thảm.

Nhóm 21: Thùng rác; chậu (thuộc nhóm này); thiết bị lau bụi không dùng điện; giẻ lau sàn, đồ chứa đựng trong nhà vệ sinh, dụng cụ vệ sinh.

Nhóm 37: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp: tẩy rửa, hút bụi, làm sạch nhà xưởng, hệ thống dây truyền sản xuất, khu công nghiệp, nhà ở, bệnh viện, trường học (không bao gồm dịch vụ tẩy uế và khử trùng bệnh viện).

---

(111) **4-0093047**
(210) 4-2006-15651
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) 5.7.3
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM HẢI GIA (VN)
Xóm 3, thôn An Cư, xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bột canh, mì ăn liền; cháo ăn liền; tương ớt, đồ gia vị.

---

(111) **4-0093048**
(210) 4-2006-16015
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

R-DIM

(151) 12.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093049**
(210) 4-2006-16016
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TALICOMPLEX

(151) 12.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093050**
(210) 4-2006-16017
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ROPEM

(151) 12.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093051**
(210) 4-2006-16018
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASZITROVI

(151) 12.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093052**
(210) 4-2006-16035
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GERMACID

(151) 12.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) PHARMANIAGA MANUFACTURING SDN BHD. (MY)
11A, Jalan P/1 Kawasan Perusahaan Bangi 43650 Bandar Baru Bangi, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093053**
(210) 4-2006-16038
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VUTEIA

(151) 12.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược để điều trị các bệnh và các chứng rối loạn liên quan đến ung bướu, tim mạch, hệ thần kinh trung ương, niệu lọc, niệu dục và các bệnh lây nhiễm.

---

(111) **4-0093054**
(210) 4-2006-16879
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLUZACTAL

(151) 12.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) ID BIOMEDICAL CORPORATION OF QUEBEC (CA)
525 Cartier Blvd. West, Laval QC H7V 3S8, Canada
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Văc-xin dùng cho người.

---

(111) **4-0093055**
(210) 4-2006-17219
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 12.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO VINABICO (VN)
436 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 30: Bánh trung thu; bánh quy; bánh quy nhỏ (cookies); bánh mì; bánh ngọt; kẹo.

---

(111) **4-0093056**
(210) 4-2006-15830
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

WOODACE

(151) 12.12.2007
(220) 20.09.2006

(731) MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)
33-8, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0093057**
(210) 4-2006-15831
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NURSERYACE

(151) 12.12.2007
(220) 20.09.2006

(731) MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)
33-8, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0093058**
(210) 4-2006-17377
(181) 17.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIRD

(151) 12.12.2007
(220) 17.10.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ MỸ PHÁT (VN)
C 14/44/41 phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm: nước hoa, nước xịt phòng, keo xịt tóc, sơn móng tay.

---

(111) **4-0093059**
(210) 4-2006-20527
(181) 24.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FORDRUMIN

(151) 12.12.2007
(220) 24.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002 , India

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093060**
(210) 4-2006-20528
(181) 24.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KITNEMNA

(151) 12.12.2007
(220) 24.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002 , India

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093061**
(210) 4-2006-11884
(181) 25.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 25.07.2006

(531) A5.3.15; 26.11.3; A26.11.12
(591) Xanh lá cây
(731) LA THỊ CẨM TÚ (VN)
35 Huỳnh Văn Bánh, phường 17, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo, đồ dùng cá nhân (mũ, túi, ví, thắt lưng).

---

(111) **4-0093062**
(210) 4-2006-13641
(181) 18.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 18.08.2006

(591) Cam, trắng, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẮC QUANG (VN)
92/59 Nguyên Hồng, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị chiếu sáng; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0093063**
(210) 4-2006-13642
(181) 18.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 18.08.2006

(531) 26.4.1; 26.4.10
(591) Cam, trắng, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẮC QUANG (VN)
92/59, Nguyên Hồng, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị chiếu sáng; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0093064**
(210) 4-2006-06715
(181) 28.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 28.04.2006

(531) 26.11.2; 1.15.23
(731) CÔNG TY TNHH XỨ VIỆT (VN)
Số 11A, đại lộ Bình Dương, khu phố Bình Hòa, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm gốm sứ, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, các thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ ngành gốm sứ, sắt thép, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy; dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác.

---

(111) **4-0093065**
(210) 4-2006-01992
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LADITONIC

(151) 13.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093066**
(210) 4-2006-05179
(181) 06.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 06.04.2006

(591) Xanh lá mạ, xanh pha vàng, vàng, vàng pha đỏ, đỏ, xám
(731) CÔNG TY TNHH MIDU VIỆT NAM (VN)
Số 65 ngõ 454, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 11: Bếp ga; lò vi sóng; bếp cảm ứng; điều hoà nhiệt độ; máy khử mùi & hút khói chạy điện; nồi cơm điện.

Nhóm 21: Xoong nồi (dụng cụ nhà bếp, không dùng điện); chảo chống dính (dụng cụ nhà bếp không dùng điện); nồi áp suất không chạy điện.

---

(111) **4-0093067**
(210) 4-2006-08395
(181) 31.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 31.05.2006

(531) A5.1.5
(591) Xanh lá cây, xanh lá mạ, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH GNS VINA (VN)
Số 2A, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 37: Xây dựng khu chung cư cao tầng để bán và cho thuê.

---

(111) **4-0093068**
(210) 4-2006-11180
(181) 17.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 17.07.2006

(731) NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VN)
108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thẻ thanh toán có chứa dữ liệu.

---

(111) **4-0093069**
(210) 4-2006-11181
(181) 17.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 17.07.2006

(531) 24.9.2
(591) Vàng, đỏ
(731) NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VN)
108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thẻ thanh toán có chứa dữ liệu.

---

(111) **4-0093070**
(210) 4-2006-11182
(181) 17.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 17.07.2006

(531) 24.1.5
(591) Xám, đen, xanh dương
(731) NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VN)
108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thẻ thanh toán có chứa dữ liệu.

---

(111) **4-0093071**
(210) 4-2006-11183
(181) 17.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 17.07.2006

(531) 24.1.5; A26.11.6; A26.11.12
(591) Xanh dương đậm, xanh dương nhạt
(731) NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (VN)
108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thẻ thanh toán có chứa dữ liệu.

---

(111) **4-0093072**
(210) 4-2006-12845
(181) 07.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIGORA

(151) 13.12.2007
(220) 07.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO KIM (SAOKIM PHARMA) (VN)
Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093073**
(210) 4-2006-15630
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 18.09.2006

(591) Xanh nước biển, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN HÀ (VN)
68 Vạn Kiếp, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 32: Nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0093074**
(210) 4-2006-16232
(181) 27.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 27.09.2006

(531) 26.4.1
(591) Nâu, cà rốt
(731) ĐẶNG THỊ MAI HOA (VN)
46 Nguyễn Cao, Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón.

---

(111) **4-0093075**
(210) 4-2006-16609
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TT-RATIO

(151) 13.12.2007
(220) 04.10.2006

(731) FRIESLAND BRANDS BV (NL)
Blankenstein 142, 7943 PE MEPPEL, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh được làm từ sữa hoặc sữa bột, váng sữa, sữa đậu nành, lúa mỳ và/hoặc gạo; sữa và sữa bột dành cho trẻ em.

Nhóm 29: Sữa và sản phẩm sữa cụ thể là: đồ uống được làm bằng sữa và sữa bột có hoặc không pha hương vị, sữa chua, sữa đặc có đường và không có đường; sữa tách kem (tất cả không dành cho trẻ em).

(111) **4-0093076**
(210) 4-2007-00171
(181) 23.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 23.01.2007

(531) 15.7.1; 25.1.25
(591) Xanh, đỏ
(731) NGUYỄN Y PHƯỚC (VN)
Số nhà 83 Lê Hồng Phong, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 19: Ống nước bằng nhựa.

---

(111) **4-0093077**
(210) 4-2006-06352
(181) 24.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KENSUKO

(151) 13.12.2007
(220) 24.04.2006

(731) WEIDING YANG (CN)
South 16b, Xiapu Times Plaza, Huicheng District, Huizhou, City, Guangdong Province, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, dầu gội đầu.

Nhóm 35: Buôn bán mỹ phẩm, dầu gội đầu.

---

(111) **4-0093078**
(210) 4-2007-00272
(181) 04.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 04.01.2007

(531) 2.3.1; 26.4.1; 9.7.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CP & K (VN)
Phòng 101, nhà D1, Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0093079**
(210) 4-2007-00273
(181) 04.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 04.01.2007

(531) 2.3.1; 26.4.1; 9.7.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CP & K (VN)
Phòng 101, nhà D1, Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0093080**
(210) 4-2007-00274
(181) 04.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

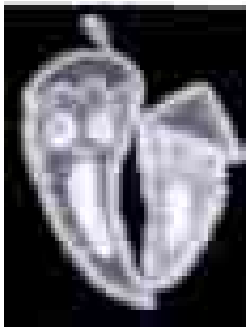

(151) 13.12.2007
(220) 04.01.2007

(531) 26.4.2; 5.9.15; 4.5.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CP & K (VN)
Phòng 101, nhà D1, Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0093081**
(210) 4-2006-02047
(181) 15.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

JUNICSTANDA

(151) 13.12.2007
(220) 15.02.2006

(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI (VN)
199B, Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô; xe máy; động cơ ô tô; động cơ xe máy; khung xe máy; ống xả của xe máy.

Nhóm 35: Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện giao thông vận tải; Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng: nông, lâm, thổ sản, hải sản và hàng tiêu dùng.

---

(111) **4-0093082**
(210) 4-2006-01751
(181) 09.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ISOZIN

(151) 13.12.2007
(220) 09.02.2006

(731) GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex UB6 ONN, United Kingdom
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Thuốc chống sốt rét bán theo đơn thuốc.

---

(111) **4-0093083**
(210) 4-2006-03107
(181) 07.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

METICO

(151) 13.12.2007
(220) 07.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH HOÀNG GIA (VN)
Số 548, đội 5, xóm Thống Nhất, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Các sản phẩm thuộc nhóm này như: bánh; kẹo.

---

(111) **4-0093084**
(210) 4-2006-05616
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

XIMFRANCEC

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược; thuốc kháng sinh chống viêm; thuốc bổ tăng lực; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0093085**
(210) 4-2006-05636
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LEE WAI 利維

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(531) 26.11.1
(731) LEE WAI GARMENT MACHINERY LIMITED (HK)
Ground Floor, 209-211 Lai Chi Kok Road, Kowloon, Hong Kong SAR
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy co và định hình vải; máy kiểm tra vải; máy cán vải; máy nới vải; máy truyền nhiệt (dùng cho ngành may mặc); máy rút sợi; máy căng vải; máy cắt bằng dao di động nhờ khí nén; bàn máy dùng để là ủi và hút ẩm (thuộc về máy móc); bàn máy dùng để là ủi dạng cầu (thuộc về máy móc); máy làm sạch dùng trong may mặc; bàn máy kiểm tra quần áo (thuộc về máy móc).

---

(111) **4-0093086**
(210) 4-2006-06932
(181) 05.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANGEL SOFT

(151) 13.12.2007
(220) 05.05.2006

(731) GEORGIA-PACIFIC CORPORATION (a Georgia corporation) (US)
133 Peachtree Street, NE Atlanta, Georgia 30303, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Khăn giấy dùng trong phòng tắm.

---

(111) **4-0093087**
(210) 4-2006-06934
(181) 05.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DIXIE

(151) 13.12.2007
(220) 05.05.2006

(731) FORT JAMES OPERATING COMPANY (a Virginia corporation) (US)
133 Peachtree Street, NE Atlanta, Georgia 30303, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 08: Dao kéo.

Nhóm 21: Cốc và đĩa.

---

(111) **4-0093088**
(210) 4-2006-01521
(181) 06.02.2016
(300) 78/690835 11.08.2005 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

HIBORE

(151) 13.12.2007
(220) 06.02.2006

(731) ROGER CLEVELAND GOLF COMPANY, INC. (US)
5601 Skylab Road, Huntington Beach, CA 92647, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Gậy đánh gôn và đầu gậy đánh gôn.

---

(111) **4-0093089**
(210) 4-2006-02960
(181) 03.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 03.03.2006

(531) 6.1.2; 26.1.1
(591) Xanh đen, trắng, xanh nước biển, xanh nước biển đậm, xanh lá cây, vàng nhạt, tím nhạt
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HÀ PHƯƠNG THUỲ (VN)
Tổ 15, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống giải khát.

---

(111) **4-0093090**
(210) 4-2006-04541
(181) 29.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALZI

(151) 13.12.2007
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT MỸ (VN)
Số 16 BT1, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm từ sữa; sữa chua; nước quả nấu đông; mứt; mứt quả.

Nhóm 32: Nước tinh khiết; nước ép trái cây; đồ uống hoa quả không chứa cồn; nước khoáng; bia.

---

(111) **4-0093091**
(210) 4-2006-01990
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VICOMLEX

(151) 13.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093092**
(210) 4-2006-01991
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

END-DIA

(151) 13.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN Y-DƯỢC VIỆT - HÀN (VN)
Thôn 5, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093093**
(210) 4-2006-03143
(181) 07.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAMETT

(151) 13.12.2007
(220) 07.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG (VN)
288 bis Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093094**
(210) 4-2006-04798
(181) 31.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALBAROSE

(151) 13.12.2007
(220) 31.03.2006

(731) GALIEN PHARMA (FR)
Z.A. Les Hauts de Lafourcade 32201 Gimont Cedex - France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093095**
(210) 4-2006-04799
(181) 31.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FILIFORM

(151) 13.12.2007
(220) 31.03.2006

(731) GALIEN PHARMA (FR)
Z.A. Les Hauts de Lafourcade 32201 Gimont Cedex - France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093096**
(210) 4-2006-05630
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(531) 26.1.1; 26.3.1; A5.1.5
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, xanh da trời nhạt, trắng
(731) CÔNG TY LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG (VN)
Xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Đá xây dựng; cửa gỗ; gỗ bán thành phẩm.

Nhóm 20: Bàn; ghế, giường; tủ; kệ.

Nhóm 30: Tinh bột sắn; cà phê; chè; ca cao; gạo; đường.

Nhóm 35: Mua bán gỗ xây dựng; mua bán hàng mây tre lá.

Nhóm 37: Xây dựng công trình thủy lợi.

---

(111) **4-0093097**
(210) 4-2006-05631
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MAGNOMINT

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) SM PHARMACEUTICALS SDN BHD, (MY)
Lot 88, Sungai Petani Industrial Area, Taman Ria, 08000, Sungai Petani, Kedah State, Malaysia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093098**
(210) 4-2006-05632
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SYMOXYL

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) SM PHARMACEUTICALS SDN BHD, (MY)
Lot 88, Sungai Petani Industrial Area, Taman Ria, 08000, Sungai Petani, Kedah State, Malaysia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093099**
(210) 4-2006-05633
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HEMAFOLIC

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NADYPHAR) (VN)
136 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093100**
(210) 4-2006-05635
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FRIENDSHIP
VIETNAMESE LANGUAGE SCHOOL

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(531) A5.5.21
(731) CƠ SỞ TIẾNG VIỆT HỮU NGHỊ (VN)
184 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục; dịch vụ đào tạo; dịch vụ giảng dạy; dịch vụ giảng dạy cho cá nhân hoặc nhóm nhỏ; dịch vụ tổ chức các cuộc thi về ngôn ngữ, dịch vụ thông tin giáo dục.

---

(111) **4-0093101**
(210) 4-2006-07384
(181) 15.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Photphakoat

(151) 13.12.2007
(220) 15.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH SƠN CÔNG NGHIỆP (INDUSTRIAL PAINT COMPANY LIMITED) (VN)
672 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn dầu, sơn nước và sơn kỹ thuật (là loại sơn chuyên dụng cho các ngành công nghiệp như sơn tín hiệu giao thông, sơn kết cấu thép, sơn cầu, sơn tàu biển), chất dùng làm lớp phủ công nghiệp (tương tự như sơn), chế phẩm dùng làm sơn lót (tương tự như sơn), chất chống gỉ và bảo quản gỗ, chất đánh màu gỗ, chất pha loãng, chất làm đông cứng để sử dụng cùng với sơn.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

---

(111) **4-0093102**
(210) 4-2006-00351
(181) 09.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TYCERB

(151) 13.12.2007
(220) 09.01.2006

(731) SMITHKLINE BEECHAM (CORK) LIMITED (IE)
Currabinny, Carrigaline, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thuốc dùng để ngăn ngừa hoặc điều trị bệnh ung thư.

---

(111) **4-0093103**
(210) 4-2006-01347
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HEMOPOLY

(151) 13.12.2007
(220) 25.01.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093104**
(210) 4-2006-01506
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUMIX

(151) 13.12.2007
(220) 03.02.2006

(731) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO.. LTD. (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy ảnh kỹ thuật số và các bộ phận của nó.

---

(111) **4-0093105**
(210) 4-2006-01507
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

STARBOARD

(151) 13.12.2007
(220) 03.02.2006

(731) HITACHI SOFTWARE ENGINEERING CO., LTD. (JP)
1-43, 1-Chome, Suehiro Cho, Tsurumi-ku, Yokohama, Kanagawa-ken, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy vi tính; thiết bị đầu vào của máy vi tính; bảng trắng điện tử kỹ thuật số; màn chiếu hình; phần mềm máy vi tính.

---

(111) **4-0093106**
(210) 4-2006-05619
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KINGCIM

(151) 13.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược; thuốc kháng sinh chống viêm; thuốc bổ tăng lực; thực phẩm dinh dưỡng dùng trong ngành y.

---

(111) **4-0093107**
(210) 4-2006-15936
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUPERFULL

(151) 13.12.2007
(220) 21.09.2006

(731) AVON PRODUCTS, INC. (US)
1345 Avenue of Americas, New York, New York 10105-0196, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, dầu xức tóc; kem đánh răng; chất tẩy men móng tay, men để làm đẹp móng tay; chất làm khô móng tay (mỹ phẩm); bột đắp mặt (mục đích trang điểm); chất tẩy trang vùng mắt; phấn mắt; bút kẻ mắt, son môi; cái chuốt mi có chứa chế phẩm (mỹ phẩm); bút kẻ môi; phấn hồng trang điểm, phấn nền trang điểm mặt, kem bôi môi cho bóng, phấn hồng; chế phẩm dùng cho tóc; chế phẩm làm sạch răng; nước hoa chai xịt; chất khử mùi cá nhân; nước hương thơm (mục đích trang điểm); chất (để làm sạch) để tắm rửa, nước hoa phổ thông, phấn thơm, kem giữ ẩm da, thanh lăn khử mùi cá nhân; chế phẩm không chứa dược chất (để làm sạch) dùng khi tắm rửa; chất dưỡng da; chế phẩm dưỡng thể và giữ gìn sắc đẹp; phấn, kem và sữa dưỡng da mặt, tay và cơ thể; chế phẩm mỹ phẩm dùng cho tắm hoa sen và tắm bồn; chế phẩm dùng khi cạo râu và sau khi cạo râu; nước thơm xức sau khi tắm, nước hoa côlôn; chế phẩm dùng cho mục đích vệ sinh cá nhân (không sử dụng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093108**
(210) 4-2006-01360
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BÉRES

(151) 13.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 2.9.14; 1.15.15; 26.4.2
(731) BÉRES GYÓGYSZERGYÁR RT. (IN ENGLISH: BÉRES PHARMACEUTICALS COMPANY LIMITED BY SHARES) (HU)
1037 Budapest, Mikoviny u. 2-4, Hungary
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược và thú y; chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán; vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0093109**
(210) 4-2006-01520
(181) 06.02.2016
(300) 78/767433 06.12.2005 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

DISTANCE DRIVEN GEOMETRY

(151) 13.12.2007
(220) 06.02.2006

(731) ROGER CLEVELAND GOLF COMPANY, INC. (US)
5601 Skylab Road, Huntington Beach, CA 92647, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Gậy đánh gôn và đầu gậy đánh gôn, đặc biệt là đầu gậy đánh gôn dạng gỗ.

---

(111) **4-0093110**
(210) 4-2006-02572
(181) 24.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

C'CARE

(151) 13.12.2007
(220) 24.02.2006

(531) 26.1.1
(591) Đen, cam, vàng
(731) MR. SUPAKCHAI KIATANANT (TH)
77/140 Soi Sukhumvit 46, Prakanong Sub-district, Klongtey District, Bangkok 10500, Thailand.
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 03: Kem làm trắng da; kem giữ ẩm; nước thơm dùng cho cơ thể; mỹ phẩm dùng cho mắt; mỹ phẩm dùng cho mặt; mỹ phẩm dùng cho cổ; mỹ phẩm dùng cho cơ thể; xà phòng; kem tắm; sữa rửa mặt; son bóng môi; kem chống nắng dùng cho mặt và cho cơ thể.

---

(111) **4-0093111**
(210) 4-2005-03737
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 2.9.23; 2.9.25; 20.5.7
(591) Đỏ, đen, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BẠCH LONG (VN)
761 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo, thực phẩm chế biến như: gia vị, nước sốt, bột, ngũ cốc đã chế biến làm thức ăn cho người; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093112**
(210) 4-2006-01986
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRIMUNKA

(151) 13.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093113**
(210) 4-2006-01987
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PAPICARBO

(151) 13.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (PHARIMEXCO) (VN)
Số 150 đường 14/9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093114**
(210) 4-2006-01989
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOPENTI

(151) 13.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TOÀN CHÂN (VN)
Số 193/21 Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093115**
(210) 4-2006-14919
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

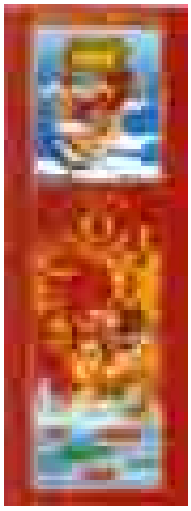

(151) 13.12.2007
(220) 07.09.2006

(531) 2.3.22; A2.5.24; 7.1.1; A25.1.10
(591) Đỏ, trắng, vàng, xanh lá cây, xanh ngọc, đen, hồng, xanh dương, xanh da trời, nhũ vàng
(731) CƠ SỞ VẠN LỢI (VN)
1A 145 hương lộ 80, ấp 1, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Hương thắp.

---

(111) **4-0093116**
(210) 4-2006-16855
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

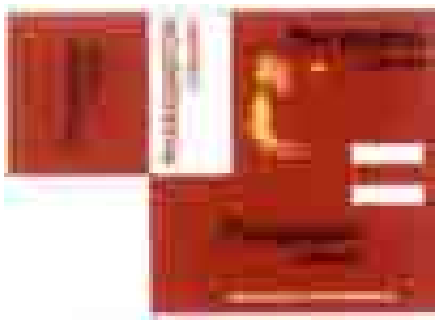

(151) 13.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) A5.11.2; 26.4.2
(591) Da cam, sẫm, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM ĐAM SAN (DASACO) (VN)
C1-C2 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0093117**
(210) 4-2006-16980
(181) 10.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RANEASIN

(151) 13.12.2007
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093118**
(210) 4-2006-16981
(181) 10.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SEE-LON

(151) 13.12.2007
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093119**
(210) 4-2006-15818
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 13.12.2007
(220) 20.09.2006

(531) 24.1.1; 14.7.23
(731) CHONGQING CHANGAN AUTOMOBILE CO., LTD. (CN)
260 Jianxin East Road, Jiangbei District, Chongqing, China
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 12: Xe goòng (dùng cho ngành khai thác mỏ); xe ô tô; xe ô tô dùng khi đi cắm trại; xe mô tô; lò xo chống sóc dùng cho xe cộ (là bộ phận của xe cộ); khung gầm của xe

ô tô; động cơ phản lực dùng cho xe cộ mặt đất; thân xe ô tô; động cơ cho xe cộ mặt đất; bánh lái của xe cộ.

---

(111) **4-0093120**
(210) 4-2006-15990
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LOẠN MƯỜI HAI SỨ QUÂN

乱 十 二 使 軍

(151) 13.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) ĐINH BÁ TRỰC (VN)
Số 3 ngõ 14 Đông Quan, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Chương trình trò chơi điện tử trên máy tính.

---

(111) **4-0093121**
(210) 4-2006-04524
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALPHADEKA-DK

(151) 17.12.2007
(220) 28.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI NGUYÊN - HƯNG (VN)
Số 6/280 Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093122**
(210) 4-2005-12606
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 27.09.2005

(531) 3.4.11; 8.3.1
(591) Đen, trắng, xanh dương, xanh lá cây, hồng nhạt, ghi xám
(731) IVY BEAUTY CORPORATION SDN.BHD (MY)
No.1, 1st & 2nd Floor, Jalan 3/108C, Taman Sungai Besi, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0093123**
(210) 4-2005-12848
(181) 30.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LỘC HƯNG
LOC HUNG

(151) 17.12.2007
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LỘC HƯNG (VN)
37/10 Dân Trí, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Vải; vải sợi.

Nhóm 25: Quần; áo.

Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0093124**
(210) 4-2006-04628
(181) 30.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 30.03.2006

(531) A1.5.6; 26.1.2
(591) Đỏ, xanh biển, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH VY (VN)
Lô B21, khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 20: Ghế bành; giường; ghế dài; ghế ngồi; tủ; bàn.

---

(111) **4-0093125**
(210) 4-2005-12890
(181) 03.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 03.10.2005

(531) A1.3.15; 26.4.10; 26.4.12; 26.4.1
(591) Đỏ gạch, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÀ NỘI (HANOI GROUP., JSC) (VN)
Số 15 Tô Hiến Thành, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ đầu tư tài chính và kinh doanh bất động sản.

(111) **4-0093126**
(210) 4-2005-12952
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASIBABY

(151) 17.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
4/73 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093127**
(210) 4-2005-12953
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

INPO

(151) 17.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
4/73 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093128**
(210) 4-2005-12954
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASMECOFORT

(151) 17.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM Á CHÂU (VN)
4/73 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093129**
(210) 4-2006-04522
(181) 28.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DASLASE

(151) 17.12.2007
(220) 28.03.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093130**
(210) 4-2006-08452
(181) 01.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 01.06.2006

(531) 2.1.1; 26.4.2; 26.1.2
(591) Xanh nước biển, vàng, đỏ, kem, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẢO GIA PHÚ (VN)
3 đường 48, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093131**
(210) 4-2005-13131
(181) 06.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

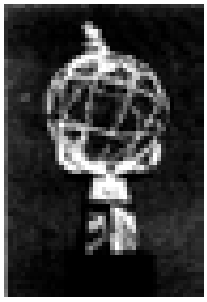

(151) 17.12.2007
(220) 06.10.2005

(531) 1.5.1; 2.9.14; 3.7.11; 11.3.1
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI INOX PHÁT ĐẠT (VN)
Số 73 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 06: Cổng bằng kim loại; cửa ra vào bằng kim loại; cửa sổ bằng kim loại.

---

(111) **4-0093132**
(210) 4-2005-08148
(181) 04.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

INDOBIZ

(151) 17.12.2007
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại và điện thoại di động; máy phát sóng viễn thông; thiết bị thông tin nội bộ; máy thu nghe nhìn; phần mềm máy tính.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; gỗ lát tường sàn; khung cửa không bằng kim loại; cửa không bằng kim loại; kính xây dựng.

Nhóm 36: Bảo hiểm; tư vấn tài chính; dịch vụ thuê nhà và đánh giá bất động sản; môi giới; dịch vụ tài chính; hoạt động ngân hàng.

Nhóm 37: Xây dựng; lắp đặt bảo dưỡng và sửa chữa máy. giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; dịch vụ cài đặt và bảo trì phần cứng máy tính; cho thuê máy xây dựng; tư vấn xây dựng.

Nhóm 38: Các dịch vụ viễn thông cụ thể là: dịch vụ phát thanh, dịch vụ truyền hình, hãng thông tấn; dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện báo, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0093133**
(210) 4-2005-12864
(181) 03.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUZIYUAN

(151) 17.12.2007
(220) 03.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH VĨNH TIẾN (VN)
60A4, khu phố 1, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 30: Kẹo dừa.

---

(111) **4-0093134**
(210) 4-2005-13950
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 20.10.2005

(531) 26.3.1; 26.4.3; 26.3.23; 24.15.1
(591) Xanh sẫm, xanh nhạt, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC VIÊN (VN)
Lô 21B, tổ 28, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093135**
(210) 4-2006-00700
(181) 13.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZOCUNA

(151) 17.12.2007
(220) 13.01.2006

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093136**
(210) 4-2005-11718
(181) 09.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 09.09.2005

(531) 5.7.3; 25.1.15
(591) Trắng, xanh, bạc
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG (VN)
Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu vang.

---

(111) **4-0093137**
(210) 4-2005-12615
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 27.09.2005

(531) 1.5.1; A1.5.7; 4.5.2; 4.5.3
(731) INTERNATIONAL PADI, INC. (US)
30151 Tomas Street Rancho Santa Margarita, California 92688 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 16: Các ấn phẩm; các loại sách; các loại tạp chí xuất bản định kỳ; các loại báo (sách) xuất bản; báo hàng tuần; sổ tay hướng dẫn; đồ dùng hỗ trợ cho giảng dạy (ấn phẩm); áp phích quảng cáo; các đề thi viết kiểm tra về giáo dục cũng như các loại sách báo về hải dương học và kỹ năng bơi lặn được bày bán trên thị trường; thẻ lặn (hoặc miếng bìa cứng) hiển thị thông tin dưới dạng bảng tính cho phép các thợ lặn xác định được biên độ lặn, lượng khí thở và lượng thời gian đảm bảo áp suất cần thiết cho một lần lặn để tránh mệt mỏi do sự giảm áp trong cơ thể gây ra)

Nhóm 41: Giáo dục; đào tạo và các hoạt động giải trí liên quan đến các hoạt động dưới nước và liên quan đến các hoạt động bơi lặn có sử dụng thiết bị hỗ trợ thở cũng như lặn tự do.

---

(111) **4-0093138**
(210) 4-2005-12617
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PADI

(151) 17.12.2007
(220) 27.09.2005

(731) INTERNATIONAL PADI, INC. (US)
30151 Tomas Street Rancho Santa Margarita, California 92688 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 16: Các loại tạp chí; sách hướng dẫn của giáo viên; sách giáo khoa; sách học (sổ tay); sổ tay hướng dẫn (sách mỏng) và các loại sách hướng dẫn cách lặn có mang bình ép khí và độ an toàn khi dưới nước; đề can; áp phích quảng cáo và cặp giấy đựng tài liệu của học sinh; thẻ bảng tính để do độ lặn sâu (bảng tính bằng giấy trên đó có các thông tin đã in sẵn để tính thời gian và độ sâu của thợ lặn).

Nhóm 41: Dịch vụ cung cấp trang thiết bị hướng dẫn và dịch vụ hướng dẫn cách lặn dưới nước và giữ mức độ an toàn dưới nước bao gồm việc hướng dẫn sử dụng dụng cụ thở độc lập dưới nước; các dịch vụ giải trí như hướng dẫn cách biểu diễn lặn.

---

(111) **4-0093139**
(210) 4-2005-11518
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MEKOPERIN

(151) 17.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093140**
(210) 4-2005-13568
(181) 22.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VẢI KHÔNG DỆT
BNC
NONWOVEN

(151) 17.12.2007
(220) 22.12.2005

(531) 1.15.11
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LÊ MINH QUÂN (VN)
159M/14bis Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vải, phụ liệu ngành may mặc.

---

(111) **4-0093141**
(210) 4-2005-11006
(181) 26.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

POLYTRON

(151) 17.12.2007
(220) 26.08.2005

(531) 24.17.25; 26.13.25
(591) Xám, đen, trắng
(731) PT. HARTONO ISTANA TEKNOLOGI (ID)
JL. Khr Asnawi Po Box 126, Kaliwungu Kudus, Indonesia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Màn hình máy vi tính; máy ghi âm vô tuyến; thiết bị âm thanh gồm: máy VCD/DVD/CD/MP3/MP4/WMA/WMV/bộ hát karaoke và thiết bị thu băng; nhà hát tại gia gồm: máy thu hình, bộ khuếch đại, bộ loa.

---

(111) **4-0093142**
(210) 4-2006-05748
(181) 13.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

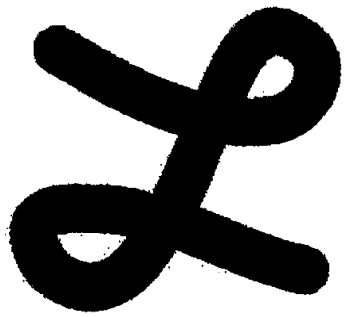

(151) 17.12.2007
(220) 13.04.2006

(531) A26.11.25
(731) LIFTED RESEARCH GROUP, INC. (US)
1 Capital Drive, Lake Forest, California 92630-2203, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu, cụ thể là áo phông, áo sơ mi dệt, áo mặc bình thường của phụ nữ ngắn tay hoặc dài tay, bộ quần áo ôm sát thân người; áo vệ sinh (áo bông dài tay); áo len cổ chui; áo gi-lê; áo cộc tay có gắn phù hiệu; bộ com-plê; áo vét-tông; áo khoác; áo gió có mũ trùm đầu; áo khoác dầy có mũ trùm đầu; quần jean, quần dài, quần mặc hàng ngày, áo váy; váy; quần soóc; áo khoác ngoài, bít tất; thắt lưng (quần áo); găng tay (quần áo); găng tay hở ngón hoặc bao kín 4 ngón (quần áo); giày điền kinh; dép đi trong nhà; dép xăng-đan; giày ống, giày dạ hội; quần áo bơi; quần áo ngủ; quần áo ống rộng của đàn ông; quần áo lót nam; quần áo lót nữ; quần lót nữ; áo mặc lót (bên trong áo sơ mi); quần áo mặc đi trượt tuyết; quần áo mặc đi trượt tuyết bằng ván; xà rông; mũ mềm chơi bóng chày; mũ lưỡi trai, mũ nhỏ không vành; khăn tay lớn in hoa sặc sỡ (thường dùng để quàng cổ) và khăn choàng cổ (của phụ nữ).

---

(111) **4-0093143**
(210) 4-2005-11089
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PREVENOLAX

(151) 17.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) SEO KYUNG CO., LTD (KR)
E-Rea Officetel Room 801, 1574-5 Seocho-Dong, Seocho-Ku Seoul, Korea (137-070)
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093144**
(210) 4-2005-11264
(181) 01.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 01.09.2005

(531) 1.15.24; A5.1.12; 5.7.11; 5.7.12
(731) CƠ SỞ PHẠM THỊ THANH PHƯỢNG (VN)
ấp 8, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 35: Mua bán trái cây các loại.

---

(111) **4-0093145**
(210) 4-2007-07541
(181) 02.05.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 02.05.2007

(531) 26.4.2; 1.15.23; 3.7.17
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI QUẢNG TUẤN (VN)
133 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Camera (quan sát); camera (vi tính); camera (chống trộm); tai nghe; màn hình (máy vi tính); thiết bị đọc thẻ nhớ; dây mạng; card mạng; card ti vi.

---

(111) **4-0093146**
(210) 4-2005-10646
(181) 22.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

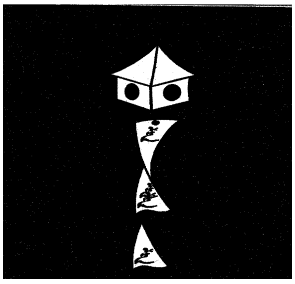

(151) 17.12.2007
(220) 22.08.2005

(531) 7.1.24; 26.4.1; 26.3.23; A13.1.12; 26.2.3
(591) Trắng, đen, đỏ gạch
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LỘC AN (VN)
SA 1-1 và SB 2-1 Mỹ Khánh 4, đại lộ Nguyễn Đức Cảnh, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0093147**
(210) 4-2005-10897
(181) 25.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

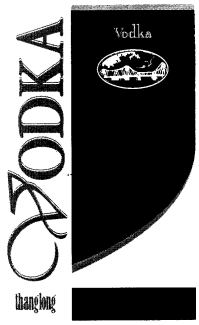

(151) 17.12.2007
(220) 25.08.2005

(531) A26.4.24; 26.1.2; 7.11.1; 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG (VN)
Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0093148**
(210) 4-2005-17516
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 04.10.2006

(531) 26.4.2; A1.1.10
(591) Đỏ, trắng, xanh
(731) BÙI QUANG LIÊN (VN)
Số 111 Hùng Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 35: Mua bán kính đeo mắt các loại.

---

(111) **4-0093149**
(210) 4-2007-01231
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

PHÚ KHANG

(151) 17.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CHÂU Á (VN)
Lô G2, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mỳ ăn liền.

---

(111) **4-0093150**
(210) 4-2007-01255
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

CLEDWYN

(151) 17.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM C.A.T (VN)
Nhà số 28, tổ 59, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093151**
(210) 4-2005-09703
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZOSIM

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093152**
(210) 4-2005-10565
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Primero

(151) 17.12.2007
(220) 19.08.2005

(531) 26.1.6; 5.7.21
(731) KJ INDUSTRIES PTE. LTD. (SG)
73 Bukit Timah Road, #01-01 Rex House, Singapore 229832
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Thịt lợn muối xông khói; bơ; phomat; cá đóng hộp; quả cắt miếng (đã chế biến để ăn); khoai tây cắt miếng (đã chế biến để ăn); dầu có thể ăn được; kem thực phẩm (sản phẩm từ sữa); hoa quả khô phủ đường kính; nước quả nấu đông; quả đã được bảo quản; hoa quả đóng hộp; jămbông; mứt; bơ thực vật; mứt quả nghiền; lạc đã chế biến; dưa góp; rau đóng hộp.

---

(111) **4-0093153**
(210) 4-2005-10572
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AKAMIGIS

(151) 17.12.2007
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093154**
(210) 4-2005-10573
(181) 19.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MIKALOGIS

(151) 17.12.2007
(220) 19.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093155**
(210) 4-2005-10812
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GOLD STAR FAMILY

(151) 17.12.2007
(220) 24.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH QUỐC TẾ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
Số 37 phố Đào Duy Từ, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0093156**
(210) 4-2005-11376
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) A26.11.12
(591) Vàng, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MINH TRƯỜNG SINH (VN)
Km 2, đường Pháp Vân, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Buôn bán ôtô; buôn bán phần mềm máy tính.

Nhóm 37: Bảo hành và bảo dưỡng xe ôtô.

---

(111) **4-0093157**
(210) 4-2005-11338
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DANNER

(151) 17.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) DANNER, INC. (US)
18550 NE Riverside Parkway Portland, Oregon 97230 United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy dép.

---

(111) **4-0093158**
(210) 4-2005-11339
(181) 05.09.2015
(300) 78/662,054 30.06.2005 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

DANNER

(151) 17.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) DANNER, INC. (US)
18550 NE Riverside Parkway Portland, Oregon 97230 United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

---

(111) **4-0093159**
(210) 4-2007-01259
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 17.01.2007

(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - TƯ VẤN - ĐẦU TƯ DOANH THƯƠNG MỸ Á (VN)
91/12 Phạm Văn Hai, phường 3, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: thực phẩm, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, sản phẩm gốm- sứ, gạch men, đá ốp lát, hàng may mặc, hàng gia dụng, hàng tiêu dùng, dụng cụ thể thao; đại lý ký gửi hàng hoá; tư vấn đầu tư trong kinh doanh; tư vấn quản lý trong kinh doanh; nghiên cứu thị trường; tổ chức hội chợ, triển lãm để quảng cáo bán hàng; môi giới việc làm (ở dạng cung cấp nhân sự cho các doanh nghiệp).

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch; lữ hành nội địa; giao nhận hàng hóa.

Nhóm 41: Đào tạo nghề; dịch thuật; tổ chức biểu diễn nghệ thuật (dịch vụ ông bầu).

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0093160**
(210) 4-2007-01272
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

FULLEYS

(151) 17.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH CÁC SẢN PHẨM SỮA QUỐC TẾ (VN)
Km 29, quốc lộ 6, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm làm từ sữa; đồ uống có sữa (sữa là chủ yếu).

---

(111) **4-0093161**
(210) 4-2005-16811
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.3.23; A5.5.20; 3.7.17
(591) Vàng, xanh lá, xanh dương
(731) CÔNG TY PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN (VN)
Sân bay Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 38: Thông tin bằng điện báo; cho thuê thiết bị viễn thông.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng không (cụ thể là dịch vụ làm thủ tục cho hành khách và hành lý đi và đến trong sân bay); vận tải bằng ôtô (cụ thể là đưa hành khách và tổ bay đi và đến trong sân bay và ngoài sân bay); cung cấp xe chuyên dụng các loại cho máy bay trong sân bay; đặt chỗ cho hành khách; kho hàng hóa; bốc xếp hàng hoá hành lý; giao nhận hàng hóa hành lý; vận chuyển hàng hóa hành lý; du lịch lữ hành; đại lý bán vé máy bay.

Nhóm 42: Nghiên cứu tính toán cân bằng trọng tải và tài liệu (thể hiện những tính toán bằng giấy tờ để đảm bảo mọi chuyến bay đã được tính toán chính xác nhất) cho máy bay.

---

(111) **4-0093162**
(210) 4-2005-17421
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 21.12.2005

(531) 26.1.2
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT -VẬN TẢI -XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI T & N (VN)
B76 Nguyễn Thần Hiến, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường; bột dán gạch (gốc xi măng); bột chèn khe gạch (bột chà ron gạch gốc xi măng).

---

(111) **4-0093163**
(210) 4-2005-16806
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LASCOTEX

(151) 17.12.2007
(220) 12.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI SƠN VĨNH PHÁT (VN)
126 A10, Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn quét tường.

---

(111) **4-0093164**
(210) 4-2005-17272
(181) 19.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BALPAC

(151) 17.12.2007
(220) 19.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT. (VN)
Số 17 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 32: Bia; nước uống có ga; nước sô-đa (đồ uống); nước khoáng (đồ uống); nước ép trái cây (đồ uống); nước ép rau quả (đồ uống).

---

(111) **4-0093165**
(210) 4-2005-14675
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMFUCAR

(151) 17.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION Co., LTD. (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093166**
(210) 4-2005-15203
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 11.11.2005

(531) 26.1.2; A3.4.4; 3.4.13
(591) Hồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THỦ CÔNG MỸ NGHỆ THUÝ CÔNG (VN)
65/57 Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 10: Dụng cụ cạo gió mát xa bằng sừng.

---

(111) **4-0093167**
(210) 4-2005-16403
(181) 05.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 05.12.2005

(531) 26.1.2; 26.7.25
(731) TRẦN THỊ HẠNH AN (VN)
5B ngõ 142 đường Âu Cơ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Tổ chức cuộc du lịch, người dẫn đường của du lịch lữ hành, cuộc tham quan du lịch, tổ chức các chuyến đi, đi cùng với khách.

---

(111) **4-0093168**
(210) 4-2005-17262
(181) 19.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 19.12.2005

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ TÂY LONG (VN)
21A/1, quốc lộ 1, ấp Lợi Nguyên A, xã An Bình, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0093169**
(210) 4-2005-17415
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIVEBOGA

(151) 17.12.2007
(220) 21.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO (VN)
Nhà 28, ngõ 178, phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093170**
(210) 4-2005-15861
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VẠN TÀI-TÀI VƯỢNG

(151) 17.12.2007
(220) 24.11.2005

(731) CƠ SỞ KẸO DỪA NGỌC TRIỀU (VN)
40/1, khóm 1, phường 4, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo các loại (kẹo dừa).

---

(111) **4-0093171**
(210) 4-2005-15898
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 24.11.2005

(531) 26.5.1; 2.9.14; 24.17.15; 26.7.25
(591) Đỏ, trắng, vàng, xanh ngọc
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHẢI HÀ (VN)
Số 2A, phố Lý Bôn, tổ 2, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; rượu thuốc; trà dược phẩm; kẹo dược phẩm.

Nhóm 30: Kẹo (không dùng cho mục đích y tế); trà (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 33: Rượu (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0093172**
(210) 4-2005-15725
(181) 22.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 22.11.2005

(531) A26.11.12; 26.1.2
(591) Trắng, đen, hồng, ghi
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG (VN)
Số 01 Hoà Mã, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ tư vấn, thiết kế thời trang tóc; tư vấn chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ massage.

---

(111) **4-0093173**
(210) 4-2005-17299
(181) 19.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ReZoom

(151) 17.12.2007
(220) 19.12.2005

(731) ADVANCED MEDICAL OPTICS, INC. (US)
1700 E. St. Andrew Place, Santa Ana, Ca 92799-5162 USA
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 10: Thuỷ tinh thể nhân tạo (dùng trong phẫu thuật cấy ghép), các bộ phận và phụ kiện của sản phẩm này.

---

(111) **4-0093174**
(210) 4-2005-17434
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MUPIRAX

(151) 17.12.2007
(220) 21.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093175**
(210) 4-2005-17435
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Miten

(151) 17.12.2007
(220) 21.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093176**
(210) 4-2005-17436
(181) 21.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HISTEESE

(151) 17.12.2007
(220) 21.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093177**
(210) 4-2005-17450
(181) 22.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 22.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23
(591) Tím, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HUETRONICS (VN)
05-07 Hoàng Hoa Thám, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Loa; ti vi; thiết bị khuếch đại âm thanh (amply); ổ cắm; dây điện, máy ổn áp; thiết bị lưu điện (UPS).

---

(111) **4-0093178**
(210) 4-2005-15219
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Nanofibre

(151) 17.12.2007
(220) 11.11.2005

(731) HAOJEY COMPANY LIMITED (TW)
6F. No.71, Tun Hwa South Road, Sec.2, Taipei, Taiwan
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 23: Sợi và chỉ tơ nhân tạo; sợi cốt tông- tơ nhân tạo; chỉ cốt tông -tơ nhân tạo; sợi tơ nhân tạo; chỉ tơ nhân tạo; sợi cốt tông; chỉ cốt tông; sợi và chỉ len; sợi và chỉ lanh; sợi len làm từ ni-lông; chỉ ni-lông; sọi tua viền; sợi tổng hợp; sợi đàn hồi; chỉ đàn hồi; chỉ thủy tinh; sợi vải lanh; sợi len thô kẻ sọc; chỉ xoắn; chỉ tổng hợp; chỉ hoá học; sợi và chỉ dùng trong ngành dệt.

Nhóm 25: Áo lót; quần áo bơi; áo sơ mi; áo phông; quần lót; quần lót (hay quần đùi dùng cho nam); áo nịt ngực; trang phục công sở; bộ quần áo làm việc; bộ quần áo dùng khi thư giãn; bộ quần áo thể dục; áo khoác; bộ quần áo thể thao; quần áo cho phụ nữ; quần áo cho nam giới; quần áo cho cao bồi; tất; quần áo; đồ đi chân; đồ đội đầu.

---

(111) **4-0093179**
(210) 4-2005-15713
(181) 22.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

STAR SONOG

(151) 17.12.2007
(220) 22.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ Á CHÂU (VN)
Số 162C, Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, mỡ dùng trong ngành y, thuốc mỡ dùng trong ngành y, thuốc nước y tế, thuốc dùng cho con người, thuốc uống dùng trong ngành y, gạc y tế, bông dùng trong ngành y, đồ băng bó.

---

(111) **4-0093180**
(210) 4-2005-15715
(181) 22.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FUNIDA

(151) 17.12.2007
(220) 22.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ Á CHÂU (VN)
Số 162C, Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Giấy điện tâm đồ; giấy ghi điện tâm đồ; giấy dùng cho thiết bị ghi.

---

(111) **4-0093181**
(210) 4-2005-15420
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 15.11.2005

(531) 2.9.14; A6.3.13; 6.1.2; 18.3.2
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh da trời nhạt, xanh lá cây, xanh rêu đậm, đỏ, vàng, xanh tím, trắng
(731) CƠ SỞ MỸ HOA (VN)
ấp An Hòa, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093182**
(210) 4-2005-09958
(181) 08.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

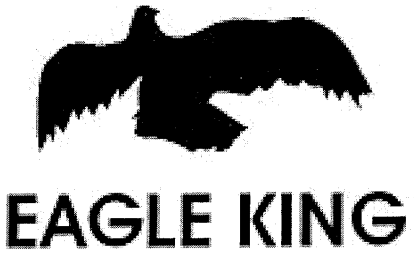

(151) 17.12.2007
(220) 08.08.2005

(531) 3.7.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRƯỜNG SƠN. (VN)
Số 28, ngách 135/1, ngõ 135, phố Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Giấy ráp.

---

(111) **4-0093183**
(210) 4-2005-14712
(181) 03.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PYMEFERON-B9

(151) 17.12.2007
(220) 03.11.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093184**
(210) 4-2005-15616
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) BELTON SDN. BERHAD (MY)
Lot 32, Sungai Siput Light Industrial Estate, 31100 Sungai Siput (U), Perak, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe cộ; phương tiện giao thông trên mặt đất, trên không và dưới nước; hệ thống giảm xóc; phụ kiện cho khung gầm và lò xo, bao gồm cả cụm chốt moay ơ, chốt bánh xe, chốt chính, chốt tự động và lò xo lá (lá nhíp); trống phanh, đĩa phanh và hệ thống phanh, xích, khóa (móc cài), chốt, ống lót trục; linh kiện cho những loại hàng hóa nói trên; tất cả là bộ phận của xe cộ.

---

(111) **4-0093185**
(210) 4-2005-15617
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 18.11.2005

(531) 1.7.6
(731) SHANGHAI DILING HOROLOGE CO., LTD (CN)
A-6, 330#, Yangtai Road, Baoshan, Shanghai, P.R. China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ các loại; đồng hồ điện và đồng hồ đeo tay chạy điện; đồng hồ nguyên tử; đồng hồ báo thức; đồng hồ lịch để bàn, chạy điện; đồng hồ kiểm tra (đồng hồ chính).

---

(111) **4-0093186**
(210) 4-2005-08147
(181) 04.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại và điện thoại đi động; máy phát sóng viễn thông; thiết bị thông tin nội bộ; máy thu nghe nhìn; phần mềm máy tính.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng; gỗ lát tường sàn; khung cửa không bằng kim loại; cửa không bằng kim loại; kính xây dựng.

Nhóm 36: Bảo hiểm; tư vấn tài chính; dịch vụ thuê nhà và đánh giá bất động sản; môi giới; dịch vụ tài chính; hoạt động ngân hàng.

Nhóm 37: Xây dựng; lắp đặt bảo dưỡng và sửa chữa máy; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; dịch vụ cài đặt và bảo trì phần cứng máy tính; cho thuê máy xây dựng; tư vấn xây dựng.

Nhóm 38: Các dịch vụ viễn thông cụ thể là: dịch vụ phát thanh, dịch vụ truyền hình, hãng thông tấn; dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện báo, dịch vụ thư điện tử.

---

(111) **4-0093187**
(210) 4-2005-09873
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HANSEOGLIME

(151) 17.12.2007
(220) 24.08.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093188**
(210) 4-2005-14944
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y ĐẤT VIỆT (VIET LAND VETERINARY MEDICINE JOINT STOCK COMPANY VIETVET .,JSC) (VN)
Số 8, khu tập thể Thiết bị Vật tư Nông sản, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

Nhóm 31: Thức ăn chăn nuôi.

(111) **4-0093189**
(210) 4-2005-15611
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LACGYDONE

(151) 17.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MAY (VN)
Số 21, ngõ 68, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093190**
(210) 4-2005-15612
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LISUMI

(151) 17.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MAY (VN)
Số 21, ngõ 68, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093191**
(210) 4-2005-14624
(181) 01.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MANAGER NHÀ QUẢN LÝ

(151) 17.12.2007
(220) 01.11.2005

(591) Đen, đen nhạt, trắng
(731) VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ (VN)
Số 38, phố Bà Triệu, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 16: Sách; báo; tạp chí định kỳ; lịch; bưu thiếp.

Nhóm 35: Phát hành báo chí; quảng cáo.

Nhóm 41: Xuất bản sách/báo/tạp chí; cho thuê/mượn sách; dịch thuật; giáo dục đào tạo; tổ chức hội nghị.

---

(111) **4-0093192**
(210) 4-2005-14663
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Bách Linh

(151) 17.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y.

---

(111) **4-0093193**
(210) 4-2005-14885
(181) 07.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Diana

(151) 17.12.2007
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT KHĂN - TÃ - GIẤY DIANA (VN)
Số 9A Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh dùng cho phụ nữ.

---

(111) **4-0093194**
(210) 4-2005-14886
(181) 07.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 07.11.2005

(531) 3.9.1; 26.13.25
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT KHĂN - TÃ - GIẤY DIANA (VN)
Số 9A Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 16: Tã lót vệ sinh bằng giấy dùng cho trẻ em.

---

(111) **4-0093195**
(210) 4-2005-14887
(181) 07.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT KHĂN - TÃ - GIẤY DIANA (VN)
Số 9A Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh dùng cho phụ nữ.

---

(111) **4-0093196**
(210) 4-2005-15252
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 11.11.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHAN GIA HƯNG (VN)
35/30 Nguyễn Văn Săng, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0093197**
(210) 4-2005-14843
(181) 07.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

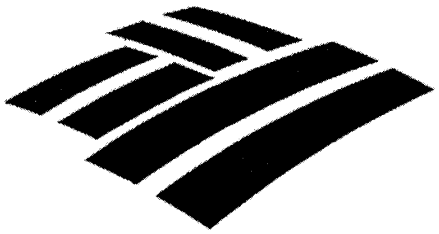

(151) 17.12.2007
(220) 07.11.2005

(531) A26.11.9; 25.7.20; A25.7.3
(731) BANK OF AMERICA CORPORATION (US)
100 North Tryon Street, Charlotte, NC 28255, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng và dịch vụ tài chính có liên quan.

---

(111) **4-0093198**
(210) 4-2005-15055
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 09.11.2005

(531) 3.7.1; A1.5.8; A10.5.5
(591) Trắng, đen, đỏ, ghi, vàng, xanh lá mạ, tím
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT PHÚ (VN)
Số 7-9, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 08: Dao kéo; dao cạo; dao cạo râu.

---

(111) **4-0093199**
(210) 4-2005-15629
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

APCO

(151) 17.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) APCO WORLDWIDE INC. (US)
700 12th Street, N.W. Suite 800, Washington, D.C. 20005, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn về quan hệ công chúng và dịch vụ tư vấn giao dịch trong chiến lược kinh doanh liên quan tới các lĩnh vực sau: quan hệ công chúng, quan hệ chính phủ, quản lý sách báo, hỗ trợ công chúng, thăm dò dư luận để giúp cho việc kiện tụng, xác định vị thế của doanh nghiệp, quan hệ thông tin đại chúng, quan hệ cộng đồng và tổ chức từ thiện, tư vấn việc kiểm soát khủng hoảng kinh tế và hướng dẫn các hoạt động thông tin đại chúng.

---

(111) **4-0093200**
(210) 4-2005-15712
(181) 22.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

STAR SONIC

(151) 17.12.2007
(220) 22.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ Á CHÂU (VN)
Số 162C, Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, mỡ dùng trong ngành y, thuốc mỡ dùng trong ngành y, thuốc nước y tế, thuốc dùng cho con người, thuốc uống dùng trong ngành y, gạc y tế, bông dùng trong ngành y, đồ băng bó.

---

(111) **4-0093201**
(210) 4-2005-07179
(181) 16.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 16.06.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EDD (EDD COMPANY LIMITED) (VN)
Phòng 12, B2 khu tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm: dầu gội siêu sạch; dầu xả mượt tóc; sữa tắm trắng da; nước thơm dưỡng da (cho tay và toàn thân); gôm xịt tóc; thuốc nhuộm tóc; chế phẩm uốn tóc; chế phẩm duỗi tóc; dầu chải tóc; xà phòng thơm; kem thoa mặt; kem chống nắng; kem trị mụn trứng cá (mỹ phẩm); nước hoa; nước hoa ô tô.

---

(111) **4-0093202**
(210) 4-2006-20549
(181) 24.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1; 26.7.25; 3.7.17; A1.1.10; A1.1.2; 3.13.1
(591) Xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ GIÁO DỤC 1 (VN)
Số 18, ngõ 30 đường Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thiết bị giảng dạy.

Nhóm 16: Đồ dùng học tập (không kể đồ gỗ).

Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất dùng cho trường học.

---

(111) **4-0093203**
(210) 4-2005-07389
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIG MAC

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn, xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0093204**
(210) 4-2005-07391
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

McDONALD'S

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Thức ăn được chế biến từ thịt, thịt lợn, cá và các sản phẩm gia cầm, thịt làm nhân bánh xăng-đuých, cá để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt lợn để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt gà để làm nhân bánh xăng-đuých, rau và quả đã được bảo quản và đã

được nấu, trứng, pho mát, sữa, các sản phẩm làm từ sữa, các loại rau củ đem ngâm (rau dầm, hoa quả dầm, dưa góp), các món ăn tráng miệng được chế biến dựa trên cơ sở các thực phẩm có trong nhóm này.

---

(111) **4-0093205**
(210) 4-2005-07392
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

McDONALD'S

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh xăng đuých ăn được, bánh xăng đuých nhân thịt, bánh xăng đuých nhân thịt lợn, bánh xăng đuých nhân cá, bánh xăng đuých nhân thịt gà, bánh quy, bánh mỳ, bánh ngọt, bánh dẹt nhỏ, sô cô la, cà phê, các chất thay thế cà phê, trà, mù tạc, bột yến mạch, bột nhồi, nước sốt, gia vị, đường.

---

(111) **4-0093206**
(210) 4-2005-07393
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

McDONALD'S

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn, xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0093207**
(210) 4-2005-07395
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(531) 7.5.10; A26.11.12
(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Thức ăn được chế biến từ thịt, thịt lợn, cá và các sản phẩm gia cầm, thịt làm nhân bánh xăng-đuých, cá để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt lợn để làm nhân bánh

xăng-đuých, thịt gà để làm nhân bánh xăng-đuých, rau và quả đã được bảo quản và đã được nấu, trứng, pho mát, sữa, các sản phẩm làm từ sữa, các loại rau củ đem ngâm (rau dầm, hoa quả dầm, dưa góp), các món ăn tráng miệng được chế biến trên cơ sở các thực phẩm có trong nhóm này.

---

(111) **4-0093208**
(210) 4-2005-07396
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(531) 7.5.10; A26.11.12
(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh xăng đuých ăn được, bánh xăng đuých nhân thịt, bánh xăng đuých nhân thịt lợn, bánh xăng đuých nhân cá, bánh xăng đuých nhân thịt gà, bánh quy, bánh mỳ, bánh ngọt, bánh dẹt nhỏ, sô cô la, cà phê, các chất thay thế cà phê, trà, mù tạc, bột yến mạch, bột nhồi, nước sốt, gia vị, đường.

---

(111) **4-0093209**
(210) 4-2005-07397
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(531) 7.5.10; A26.11.12
(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn, xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0093210**
(210) 4-2005-07398
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(531) 7.5.10; A26.11.12
(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 43: Các dịch vụ: kinh doanh nhà hàng ăn uống và các cơ sở hoặc các tiện nghi được sử dụng để cung cấp thức ăn và đồ uống đã chế biến để tiêu dùng; chuẩn bị và bán thức ăn mang về.

---

(111) **4-0093211**
(210) 4-2005-06466
(181) 02.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

“BIANCO.”

(151) 17.12.2007
(220) 02.06.2005

(731) BIANCO FOOTWEAR A/S . (DK)
Jernet 4 F 6000 Kolding Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Hộp đựng kính áp tròng; hộp đựng kính đeo mắt; kính đeo mắt; kính kẹp mũi; kính bảo vệ mắt dùng cho thể thao; kính chống chói mắt; gọng kính; kính áp tròng; dây đỡ kính; dây dạng mắt xích để đỡ kính kẹp mũi; dây và khung dùng cho kính đeo mắt không gọng; dây và khung dùng cho kính cầm tay; dụng cụ tẩy son phấn chạy điện; dụng cụ quang học; giày bảo hộ phòng tránh tai nạn; giày bảo hộ phòng tránh sự bức xạ ánh sáng; giày bảo hộ phòng lửa; kính râm, đồng hồ kiểm tra giờ.

Nhóm 14: Kim loại quí và các hợp kim của chúng và các đồ vật bọc vàng bạc (kim loại quí); đồ châu báu, đá quí; đồng hồ và dụng cụ đo thời gian; bùa đeo hộ mạng (đồ trang sức bằng kim loại quí); mỏ neo trong đồng hồ đeo tay và trong đồng hồ (là bộ phận của đồng hồ); vòng đeo tay (đồ trang sức bằng kim loại quí) bao gồm vòng đeo tay hình ô van hoặc hình tròn; đồng hồ đeo tay; gạt tàn thuốc lá bằng kim loại quí; đồng hồ điện tử; hộp đựng dùng trong gia đình bằng kim loại quí; bùa yểm bằng kim loại quí; trâm gài đầu bằng kim loại quí; đồng hồ treo tường; hộp thuốc lá bằng kim loại quí; đót thuốc lá bằng kim loại quí và hộp đựng thuốc lá bằng kim loại quí; hộp xì gà bằng kim loại quí; đót của điếu xì gà bằng kim loại quí và hộp đựng thuốc xì gà bằng kim loại quí; đồ trang sức bằng kim loại quí; đồ trang sức bằng kim loại quí có đính ngà voi; huy hiệu bằng kim loại quí; hộp đựng đồng hồ bằng kim loại quí; bình bằng kim loại quí; đồ vật bằng vàng giả; chuỗi hạt vàng ngọc đeo cổ và dây đeo cổ bằng kim loại quí; đá bán quí; khuy măng sét; dây chuyền (đồ trang sức); trái tim bằng vàng có lồng ảnh đeo ở cổ; vòng đeo chìa khoá bằng vàng; kim bằng kim loại quí; vật cài để trang điểm bằng kim loại quí; gim cài cà vạt bằng kim loại quí, ngọc trai (đồ trang sức); hộp đựng phấn bằng kim loại quí; ví đựng tiền bằng kim loại quí; hộp đựng tiền bằng kim loại quí; đồ trang sức bằng bạc; đồ trang trí dùng cho giầy bằng kim loại quí; đồ trang trí dùng cho mũ bằng kim loại quí; đồ trang sức bằng vàng có gắn hổ phách; dây đeo đồng hồ đeo tay; nhẫn vàng (đồ trang sức); đồ trang sức bằng đá quí nhân tạo; cái kẹp cà vạt bằng kim loại quí; gim cài bằng kim loại quí (đồ trang sức); khoá thắt lưng bằng kim loại quí; đồ kim hoàn (đồ vàng bạc) ngoài những loại dao kéo thìa dĩa; hoa tai bao gồm vòng nhỏ đeo tai bằng kim loại quí và kẹp xâu tai (đồ trang sức) bằng kim loại quí; mũ miện bằng kim loại quí.

Nhóm 18: Da và giả da, da thô hoặc bán thành phẩm; da động vật, da sống; hòm và túi du lịch; ô, lọng và gậy chống; roi và yên cương; cặp da; cái cặp tài liệu; túi dết; túi xách tay; túi mua hàng; mặt tựa của gậy chống và túi đựng đồ thể thao và đồ phụ tùng đi săn; hòm bằng da và bảng bằng da; túi bằng da dùng để đựng; vòng đeo chìa khoá bằng da;

túi đựng quần áo dùng để đi du lịch; ví tiền, túi lưới đựng tiền không bằng kim loại quí; ví tiền không bằng kim loại quí; túi đeo sau lưng và ba lô; ví đựng danh thiếp; cặp sách đi học; túi da có quai đeo qua vai; túi dùng đi biển; ví nhỏ đựng tiền (để trong túi quần áo); túi dụng cụ bằng da (không chứa đồ).

Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và khăn trùm đầu của phụ nữ; tã lót cho trẻ sơ sinh (quần áo); áo bơi; áo choàng tắm; dép tắm; giày dùng đi biển; dép lê dùng khi tắm; khăn quàng cổ; mũ bê rê; quần dài; nẹp sắt cho giầy và ủng (là bộ phận của giầy và ủng); áo ngoài mặc chui đầu của phụ nữ; cái yếm; thắt lưng (đi kèm quần áo); quần áo mặc bên trong; quần áo cho người đi xe đạp; giày vải và dép xăng đan; giầy để chơi bóng đá; giầy đi chân; áo choàng; giày cao su; ghệt mắt cá; giày tập thể dục; quần áo dùng để tập thể dục; khăn choàng cổ; găng tay (đi kèm quần áo); mũ; dép đi trong nhà; thắt lưng đi kèm quần áo cho phụ nữ; áo choàng mặc trong nhà; gót giày; miếng đế lót bên trong giầy (bộ phận của giầy); áo vét (quần áo); áo dài; áo nịt vú (áo lót); quần áo lót; túi vuông của quần áo; quần áo giả da; quần áo da; quần áo cho người lái xe môtô; váy phụ nữ; áo lông thú; quần áo ngủ của đàn ông; đường viền của giày và ủng (bộ phận của giầy); mũi giày; dép; dây đeo (quần, tất); khăn choàng; giày trượt tuyết; áo sơ mi; bộ phận chống trơn của giày và ủng (là bộ phận của giày và ủng); váy lót dài của phụ nữ; ca vát; cà vát lớn buộc dưới cằm; khăn trùm mặt (đi kèm quần áo); bít tất ngắn cổ; giày thể thao; ủng thể thao; áo may ô; quần áo mặc đi biển; quần áo dệt kim; bít tất dài; ủng; ủng lửng; áo len dài tay; áo dệt kim; guốc gỗ; áo dệt kim cộc tay; quần lót mặc bên trong quần dài; áo lót phụ nữ; quần áo đồng phục; áo mưa; áo gi-lê; quần áo mặc ngoài; mũ che tai (đi kèm quần áo); dải băng buộc đầu (đi kèm quần áo); dải băng buộc đầu và buộc cổ tay để thấm mồ hôi (đi kèm quần áo); dây đỡ chìa khoá đeo cổ (đi kèm quần áo).

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ giầy.

---

(111) **4-0093212**
(210) 4-2006-19338
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 10.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC HÀ NỘI (VN)
215 Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Máy vi tính.

---

(111) **4-0093213**
(210) 4-2005-07184
(181) 16.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

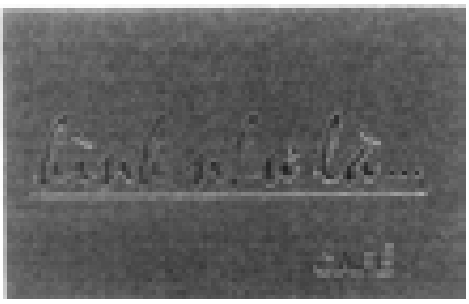

(151) 17.12.2007
(220) 16.06.2005

(531) 26.4.2
(591) Xám, đen, trắng
(731) CƠ SỞ NGUYỄN ĐỨC THI (VN)
209B Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ kinh doanh ăn uống, giải khát, cà phê bình dân, điểm tâm.

---

(111) **4-0093214**
(210) 4-2006-19336
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 10.11.2006

(531) 1.3.1; A5.1.12
(731) ĐỖ THÙY LIÊN (VN)
148 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093215**
(210) 4-2006-18168
(181) 26.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZOPEPZAN

(151) 17.12.2007
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093216**
(210) 4-2006-18169
(181) 26.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEOZIMAC

(151) 17.12.2007
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093217**
(210) 4-2006-20041
(181) 20.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 20.11.2006

(531) 24.9.2; A24.9.11
(591) Vàng, vàng cam, đen, đỏ, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HIỀN VI (VN)
73 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ săn sóc da toàn thân và da mặt; trang điểm làm đẹp; làm móng tay chân.

---

(111) **4-0093218**
(210) 4-2006-18254
(181) 30.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HACOM

(151) 17.12.2007
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SƠN ROSA VIỆT NAM (VN)
Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Bột bả tường dùng trong xây dựng.

(111) **4-0093219**
(210) 4-2006-07977
(181) 24.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TẤN QUANG

(151) 17.12.2007
(220) 24.05.2006

(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG TẤN QUANG (VN)
5/1B khu phố 3 Đồng Tiến, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 24: Vải tuyn và màn (mùng) tuyn.

---

(111) **4-0093220**
(210) 4-2007-07540
(181) 02.05.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 02.05.2007

(531) 26.4.2; 26.1.2; 1.15.15; A26.11.9
(591) Trắng, cam, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI QUẢNG TUẤN (VN)
133 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Camera (quan sát); camera (vi tính); camera (chống trộm); tai nghe; màn hình (máy vi tính); thiết bị đọc thẻ nhớ; dây mạng; card mạng; card ti vi.

---

(111) **4-0093221**
(210) 4-2005-08961
(181) 19.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 19.07.2005

(531) 1.15.15; 26.1.1
(591) Xanh dương, xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ YẾN NHUNG (VN)
68/1 Lý Tế Xuyên, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy làm nóng, lạnh nước uống; mua bán bình lọc nước; mua bán máy lọc nước tinh khiết; mua bán máy rửa rau quả thực phẩm.

---

(111) **4-0093222**
(210) 4-2005-08002
(181) 30.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZINVEL

(151) 17.12.2007
(220) 30.06.2005

(731) MEDICAP LIMITED (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093223**
(210) 4-2005-07390
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIG MAC

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 43: Các dịch vụ: kinh doanh nhà hàng ăn uống và các cơ sở hoặc các tiện nghi được sử dụng để cung cấp thức ăn và đồ uống đã chế biến để tiêu dùng; chuẩn bị và bán thức ăn mang về.

---

(111) **4-0093224**
(210) 4-2005-07394
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

McDONALD'S

(151) 17.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 43: Các dịch vụ: kinh doanh nhà hàng ăn uống và các cơ sở hoặc các phương tiện được sử dụng để cung cấp thực phẩm và đồ uống đã chế biến để tiêu dùng; chuẩn bị và bán thức ăn mang về.

---

(111) **4-0093225**
(210) 4-2005-07841
(181) 28.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 17.12.2007
(220) 28.06.2005

(531) 26.11.3; A25.7.21
(591) Đỏ, xanh dương nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN G.C.C (VN)
117 cư xá Đô Thành, đường số 1, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính.

---

(111) **4-0093226**
(210) 4-2005-08145
(181) 04.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ASIATRADE

(151) 17.12.2007
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các.thiết bị, sản phẩm công nghệ viễn thông, tin học và các công nghệ khác; mua bán dược phẩm và các loại vắc xin sinh phẩm; mua bán các vật liệu xây dựng; mua bán các loại phương tiện dùng cho giao thông; mua bán các loại máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp, nông nghiệp.

Nhóm 39: Các dịch vụ du lịch cụ thể là: điều hành và tổ chức các tuyến du lịch; dịch vụ đặt trước chuyến đi du lịch; dịch vụ hướng dẫn du lịch và cung cấp người hướng dẫn du lịch, dịch vụ tư vấn và thông tin liên quan đến các hoạt động du lịch; dịch vụ thu xếp các chuyến du lịch; dịch vụ du lịch và đại lý du lịch.

---

(111) **4-0093227**
(210) 4-2005-08146
(181) 04.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

INDOTRADE

(151) 17.12.2007
(220) 04.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các thiết bị, sản phẩm công nghệ viễn thông, tin học và các công nghệ khác; mua bán dược phẩm và các loại vắc xin sinh phẩm; mua bán các vật liệu xây dựng; mua bán các loại phương tiện dùng cho giao thông; mua bán các loại máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp, nông nghiệp.

Nhóm 39: Các dịch vụ du lịch cụ thể là: điều hành và tổ chức các tuyến du lịch; dịch vụ đặt trước chuyến đi du lịch; dịch vụ hướng dẫn du lịch và cung cấp người hướng dẫn du lịch; dịch vụ tư vấn và thông tin liên quan đến các hoạt động du lịch; dịch vụ thu xếp các chuyến du lịch; dịch vụ du lịch và đại lý du lịch.

---

(111) **4-0093228**
(210) 4-2005-09059
(181) 21.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CARDICORMEKOPHAR

(151) 17.12.2007
(220) 21.07.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR (VN)
297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093229**
(210) 4-2005-09600
(181) 02.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SEQUOIA CAPITAL

(151) 17.12.2007
(220) 02.08.2005

(731) SEQUOIA CAPITAL OPERATIONS, LLC (US)
3000 Sand Hill Road, Menlo Park, California 94025, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ đầu tư vốn mạo hiểm; cung cấp tài chính cho các công ty mới thành lập và các công ty đang hoạt động.

---

(111) **4-0093230**
(210) 4-2005-09701
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LOWXIB

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093231**
(210) 4-2005-09702
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PROVACE

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093232**
(210) 4-2005-09704
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZORRIK

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) SUPERMAX INTERNATIONAL PRIVATE LIMITED (IN)
Malhotra House, Fourth Floor, Opp: G P O, Mumbai - 400 001, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm làm sạch không khí, chất khử mùi cho thảm, chất tẩy uế, chế phẩm thú y và chất khử trùng dùng cho mục đích y tế, chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế, thức ăn cho trẻ em, cao dán, vật liệu dùng để băng bó, vật liệu để hàn răng và in dấu răng, chất diệt động vật có hại, chất diệt nấm, chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0093233**
(210) 4-2005-09708
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MACH 5

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093234**
(210) 4-2005-09709
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SYNTIUM

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093235**
(210) 4-2005-09710
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MOTOLUB

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093236**
(210) 4-2005-09711
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SPRINTA

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093237**
(210) 4-2005-09712
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DISROL

(151) 17.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn, dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093238**
(210) 4-2005-08110
(181) 04.07.2015
(300) 05003777 14.03.2005 MY
(450) 25.01.2008 238
(540)

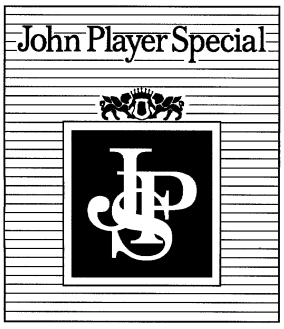

(151) 17.12.2007
(220) 04.07.2005

(531) 4.3.1; 26.4.1; A25.7.21; A24.1.19
(731) BRITISH AMERICAN TOBACCO (BRANDS) LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London, WC2R 2PG, United Kingdom
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá để nhai, thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá, thuốc lá để hít, xì gà, hộp đựng thuốc lá không bằng kim loại quý, gạt tàn thuốc lá không bằng kim loại quý, tẩu thuốc lá không bằng kim loại quý, bật lửa dùng cho người hút thuốc lá, diêm.

---

(111) **4-0093239**
(210) 4-2005-09750
(181) 04.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HEATWAVE

(151) 17.12.2007
(220) 04.08.2005

(531) 26.4.2
(731) HEATWAVE SHOES PTE. LTD. (SG)
Blk 65A, #04-01, Jalan Tenteram, St Michael's Industrial Estate, Singapore 328958
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu.

---

(111) **4-0093240**
(210) 4-2006-18163
(181) 26.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KALINDI

(151) 17.12.2007
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093241**
(210) 4-2006-14980
(181) 07.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AGEL

(151) 18.12.2007
(220) 07.09.2006

(731) AGEL ENTERPRISES, LLC (US)
5252 N. Edgewood Drive, Suite 300, Provo, Utah 84604-5696, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất bổ sung dinh dưỡng tăng cường dùng trong y tế, thảo dược, chất ăn kiêng và vitamin tổng hợp dạng dung dịch đậm đặc.

---

(111) **4-0093242**
(210) 4-2006-15576
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) A26.11.12; 26.3.1
(731) AMPELITE MANUFACTURING CO. LTD. (TH)
88 Moo 3, Kingkaew Road, Racha Thaewa, Bangplee, Samutprakarn 10540 Thailand
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; tấm panen xây dựng không bằng kim loại; tấm lợp mái không bằng kim loại; vật liệu lợp mái nhà không bằng kim loại; cửa chớp không bằng kim loại; lớp gỗ che tường (lớp gạch giữ bờ đất, lớp đá giữ bờ đất) không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0093243**
(210) 4-2006-15577
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) 1.3.1
(731) AMPELITE MANUFACTURING CO. LTD. (TH)
88 Moo 3, Kingkaew Road, Racha Thaewa, Bangplee, Samutprakarn 10540 Thailand
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; tấm panen xây dựng không bằng kim loại; tấm lợp mái không bằng kim loại; vật liệu lợp mái nhà không bằng kim loại; cửa chớp không bằng kim loại; lớp gỗ che tường (lớp gạch giữ bờ đất, lớp đá giữ bờ đất) không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0093244**
(210) 4-2006-15579
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(531) A26.11.12; 26.3.1
(731) AMPELITE MANUFACTURING CO. LTD. (TH)
88 Moo 3, Kingkaew Road, Racha Thaewa, Bangplee, Samutprakarn 10540 Thailand
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; tấm panen xây dựng không bằng kim loại; tấm lợp mái không bằng kim loại; vật liệu lợp mái nhà không bằng kim loại; cửa chớp không bằng kim loại; lớp gỗ che tường (lớp gạch giữ bờ đất, lớp đá giữ bờ đất) không bằng kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0093245**
(210) 4-2006-12942
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HIẾU NGỌC

(151) 18.12.2007
(220) 08.08.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIẾU NGỌC (VN)
Thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất khẩu trái thanh long và các loại rau, củ, quả.

---

(111) **4-0093246**
(210) 4-2006-12945
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Năm Châu

(151) 18.12.2007
(220) 08.08.2006

(531) A26.11.13; 18.3.2; 18.3.21
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NĂM CHÂU (VN)
Khu phố 5, Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn và nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093247**
(210) 4-2006-15571
(181) 15.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NHẬT ANH

(151) 18.12.2007
(220) 15.09.2006

(531) 26.4.2
(731) LÊ HỒNG PHONG (VN)
8 ngõ 1 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Phấn viết (văn phòng phẩm).

---

(111) **4-0093248**
(210) 4-2006-12929
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUPHERE

(151) 18.12.2007
(220) 08.08.2006

(731) DAEWOONG PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)
163-3, Samsung-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093249**
(210) 4-2006-15416
(181) 14.09.2016
(300) 78866964 21.04.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIVE YOUR LIFE

(151) 18.12.2007
(220) 14.09.2006

(731) RETAIL ROYALTY COMPANY (US)
101 Convention Center Drive, Las Vegas, Nevada 89109, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Trang phục, quần áo và phụ kiện đi kèm quần áo bao gồm áo choàng, váy quây, váy, áo dùng cho phụ nữ, áo vét, quần áo Jean, quần áo lót, quần áo mặc trong nhà, quần bó chẽn, áo sơ mi, quần soóc, váy ngắn, quần áo ngủ, áo len dài tay, quần dài, quần áo mặc bên trong, đồ đi chân và đồ đội đầu (trang phục).

---

(111) **4-0093250**
(210) 4-2006-13446
(181) 16.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

McNUGGETS

(151) 18.12.2007
(220) 16.08.2006

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 29: Thức ăn được chế biến từ thịt, thịt lợn, cá và các sản phẩm gia cầm, thịt làm nhân bánh xăng-đuých, cá để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt lợn để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt gà để làm nhân bánh xăng-đuých, rau và quả đã được bảo quản và đã được nấu, trứng, pho mát, sữa, các sản phẩm làm từ sữa, các loại rau củ đem ngâm (rau

dầm, hoa quả dầm, dưa góp), các món ăn tráng miệng được chế biến dựa trên cơ sở các thực phẩm có trong nhóm này.

---

(111) **4-0093251**
(210) 4-2006-14192
(181) 29.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 29.08.2006

(531) 5.5.1; A5.5.21; 26.1.6; 24.13.1
(591) Trắng, đen, xanh da trời
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; dầu, kem và nước thơm dùng cho da (mỹ phẩm); chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm tẩy lông; chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da (mỹ phẩm); bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch (dùng cho mục đích trang điểm); mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0093252**
(210) 4-2006-14193
(181) 29.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 29.08.2006

(531) 5.5.1; A5.5.21; 1.15.15
(591) Trắng, đen, xanh lá cây
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; dầu,

kem và nước thơm dùng cho da (mỹ phẩm); chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm tẩy lông; chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da (mỹ phẩm); bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch (dùng cho mục đích trang điểm); mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0093253**
(210) 4-2006-14194
(181) 29.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 29.08.2006

(531) 5.5.1; A5.5.21; 26.1.6
(591) Trắng, đen, vàng, tím, hồng
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; dầu, kem và nước thơm dùng cho da (mỹ phẩm); chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm tẩy lông; chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da (mỹ phẩm); bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch (dùng cho mục đích trang điểm); mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0093254**
(210) 4-2006-13854
(181) 23.08.2016
(300) 78/951,341 14.08.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

STARR SYNDICATE LIMITED

(151) 18.12.2007
(220) 23.08.2006

(731) C. V. STARR & CO., INC. (US)
399 Park Avenue, 17th Floor, New York, N. Y. 10022, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm về tài sản; đại lý bảo hiểm về tài sản; dịch vụ bảo hiểm về thương vong; đại lý bảo hiểm về thương vong.

---

(111) **4-0093255**
(210) 4-2006-13855
(181) 23.08.2016
(300) 78/952,341 15.08.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 23.08.2006

(731) C.V. STARR & CO., INC. (US)
399 Park Avenue, 17th Floor, New York, N. Y. 10022, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm về tài sản; đại lý bảo hiểm về tài sản; dịch vụ bảo hiểm về thương vong; đại lý bảo hiểm về thương vong.

---

(111) **4-0093256**
(210) 4-2006-13856
(181) 23.08.2016
(300) 78/952,326 15.08.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 23.08.2006

(731) C. V. STARR & CO., INC. (US)
399 Park Avenue, 17th Floor, New York, N. Y. 10022, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm về tài sản; đại lý bảo hiểm về tài sản; dịch vụ bảo hiểm về thương vong; đại lý bảo hiểm về thương vong.

---

(111) **4-0093257**
(210) 4-2006-13857
(181) 23.08.2016
(300) 78/952,309 15.08.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

STARR ACCIDENT & HEALTH AGENCY

(151) 18.12.2007
(220) 23.08.2006

(731) C. V. STARR & CO., INC. (US)
399 Park Avenue, 17th Floor, New York, N. Y. 10022, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm về tài sản; đại lý bảo hiểm về tài sản; dịch vụ bảo hiểm về thương vong; đại lý bảo hiểm về thương vong.

---

(111) **4-0093258**
(210) 4-2006-13858
(181) 23.08.2016
(300) 78/952,294 15.08.2006 US
(450) 25.01.2008 238
(540)

STARR CONSULTANTS

(151) 18.12.2007
(220) 23.08.2006

(731) C. V. STARR & CO., INC. (US)
399 Park Avenue, 17th Floor, New York, N. Y. 10022, United States of America
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm về tài sản; đại lý bảo hiểm về tài sản; dịch vụ bảo hiểm về thương vong; đại lý bảo hiểm về thương vong.

---

(111) **4-0093259**
(210) 4-2006-15610
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ORADOXY

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093260**
(210) 4-2006-15611
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANTOXON

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(111) **4-0093261**
(210) 4-2006-11992
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

JIAOGULAN

(151) 18.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TUỆ LINH (VN)
Số 476 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, bánh, kẹo, gạo.

---

(111) **4-0093262**
(210) 4-2006-09525
(181) 19.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 19.06.2006

(531) 26.1.1
(731) CALIFORNIA RAISIN MARKETING BOARD, AN INSTRUMENTALITY OF THE STATE OF CALIFORNIA, DEPARTMENT OF FOOD AND AGRICULTURE (a California State agency) (US)
1220 N Street Room A-247, Sacramento, California 94271-0001, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nho khô, và nho khô đã được chế biến.

Nhóm 35: Các dịch vụ liên quan đến hiệp hội, cụ thể là thúc đẩy sự quan tâm của những người trồng, những người đóng gói, những người chế biến và những người sản xuất nho khô thông qua quảng cáo thương mại bằng hình thức truyền hình, in ấn và truyền thông điện tử; các chương trình tiếp thị bao gồm phân phát các vật phẩm quảng cáo, trình bày và trưng bày sản phẩm; dịch vụ tư vấn, và phân phát các tài liệu in ấn liên quan đến hiệp hội trồng nho nhằm mục đích giới thiệu và quảng cáo hoạt động của hiệp hội.

(111) **4-0093263**
(210) 4-2006-10356
(181) 03.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 03.07.2006

(531) A5.3.15; A26.11.12
(591) Trắng, xanh, vàng, tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HUẾ (VN)
16 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Đầu tư khu du lịch sinh thái; đầu tư khu vui giải trí; đầu tư khu đô thị; mua bán bất động sản; mua bán nhà; cho thuê nhà.

Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành; hướng dẫn du lịch; dịch vụ vận tải bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không; đóng gói hàng hoá; cho thuê/ thuê nhà kho; cho thuê/thuê bãi đỗ xe.

Nhóm 41: Dịch vụ karaoke; dịch vụ bể bơi; cung cấp dịch vụ cho các hoạt động thể thao; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ giáo dục kỹ năng, kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp các tiện nghi cho các cuộc hội nghị và hội thảo; dịch vụ cung cấp phòng ở tạm thời.

---

(111) **4-0093264**
(210) 4-2006-11973
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TADADIN

(151) 18.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THÀNH ĐẠT (VN)
90A/B63 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0093265**
(210) 4-2006-12683
(181) 04.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

TANAPHAR

(151) 18.12.2007
(220) 04.08.2006

(531) A26.4.15; A5.3.13; A5.3.14
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÂN Á (VN)
Số nhà 41, lô 2A, đường 11, khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, dược chất, thuốc đông y, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế, trang thiết bị y tế, mỹ phẩm, dầu gội đầu, kem dưỡng da, sữa rửa mặt, xà phòng, nước rửa chén, bánh, kẹo, gạo, bột ngũ cốc, chè, cà phê, ca cao, sữa và các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, gia cầm, trứng, nước giải khát, nước uống tinh khiết, bia, rượu.

---

(111) **4-0093266**
(210) 4-2006-11655
(181) 24.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

007 阿松
双子星

(151) 18.12.2007
(220) 24.07.2006

(531) A23.3.5
(731) CỬA HÀNG TRẦU CAU 007 (VN)
851 đường 3 tháng 2, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Trầu cau khô.

Nhóm 35: Mua bán trầu cau.

---

(111) **4-0093267**
(210) 4-2006-11975
(181) 26.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DEAKING

(151) 18.12.2007
(220) 26.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH XUÂN LỘC THỌ (VN)
Xóm 4, thôn Giáp Tứ, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Phích cắm điện, ổ cắm điện và các loại công tắc (dùng cho mục đích nối điện); bộ đóng mạch điện; rơle điện; bộ tích điện; hộp nối đầu dây (điện); dây điện.

---

(111) **4-0093268**
(210) 4-2006-08125
(181) 26.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

THERMES MARINS

(151) 18.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) THERMES MARINS DE SAINT MALO (FR)
100 Boulevard Hebert, 35400 Saint Malo, France
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Lớp học rèn luyện thân thể; giảng dạy việc rèn luyện thân thể và sức khỏe; câu lạc bộ sức khỏe; cung cấp các phương tiện dùng trong chơi gôn; cung cấp các trang thiết bị dùng cho thể thao; cung cấp các phương tiện dùng trong bể bơi; tổ chức các cuộc thi để giải trí; tổ chức các cuộc thi đấu thể thao; dịch vụ trại tập luyện thể thao.

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện; dịch vụ xoa bóp; dịch vụ tắm vì mục đích vệ sinh và chăm sóc sức khỏe; chăm sóc sức khỏe; chăm sóc vệ sinh cho người; dịch vụ chữa trị bệnh bằng tinh dầu chiết từ cây cỏ; dịch vụ chữa trị bệnh bằng tắm; dịch vụ chữa trị bệnh bằng tắm nước biển; chăm sóc sức khỏe bằng thể dục dưới nước; dịch vụ cắt sửa móng tay; dịch vụ tắm hơi; dịch vụ tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ.

---

(111) **4-0093269**
(210) 4-2006-08126
(181) 26.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AQUATONIC

(151) 18.12.2007
(220) 26.05.2006

(731) THERMES MARINS DE SAINT MALO (FR)
100 Boulevard Hebert, 35400 Saint Malo, France
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Lớp học rèn luyện thân thể; giảng dạy việc rèn luyện thân thể và sức khỏe; câu lạc bộ sức khỏe; cung cấp các phương tiện dùng trong chơi gôn; cung cấp các trang thiết bị dùng cho thể thao; cung cấp các phương tiện dùng trong bể bơi; tổ chức các cuộc thi để giải trí; tổ chức các cuộc thi đấu thể thao; dịch vụ trại tập luyện thể thao.

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện; dịch vụ xoa bóp; dịch vụ tắm vì mục đích vệ sinh và chăm sóc sức khỏe; chăm sóc sức khỏe; chăm sóc vệ sinh cho người; dịch vụ chữa trị bệnh bằng tinh dầu chiết từ cây cỏ; dịch vụ chữa trị bệnh bằng tắm; dịch vụ chữa trị bệnh bằng tắm

nước biển; chăm sóc sức khỏe bằng thể dục dưới nước; dịch vụ cắt sửa móng tay; dịch vụ tắm hơi; dịch vụ tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ.

---

(111) **4-0093270**
(210) 4-2006-12944
(181) 08.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 08.08.2006

(531) 3.9.1; 26.1.1; 2.9.14
(731) TRẦN THỊ CHƯƠNG (VN)
Khu phố 6, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Hải sản chế biến như: cá khô; cá tẩm gia vị; nước mắm các loại.

---

(111) **4-0093271**
(210) 4-2006-08290
(181) 15.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

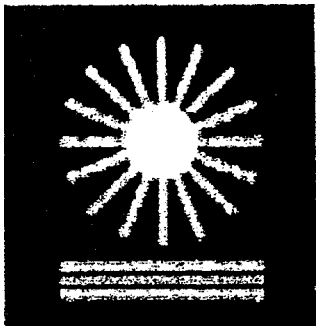

(151) 18.12.2007
(220) 15.06.2006

(531) 1.3.1; 26.4.2
(731) DONGWHA PATINNA NZ LIMITED (NZ)
301 Mataura-Edendale Highway, Gore, New Zealand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng làm từ gỗ, gỗ đã được chế biến, cửa gập (không làm bằng kim loại), lưới mắt cáo (không làm bằng kim loại), gỗ ván sàn, cầu thang (không làm bằng kim loại), gỗ xây dựng, gỗ đã được đẽo tạc, gỗ xẻ, gỗ đã gia công.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo, xúc tiến thương mại, quản trị kinh doanh và quan hệ công chúng; nghiên cứu kinh doanh; dịch vụ bán lẻ và bán buôn các sản phẩm gỗ, gỗ xây dựng và sản phẩm xây dựng; marketing và phân phối gỗ, gỗ xây dựng và các sản phẩm xây dựng; tham vấn kinh doanh và dịch vụ tư vấn liên quan đến các dịch vụ kể trên; tất cả các dịch vụ này được bán trực tuyến, qua mạng nội bộ hoặc qua internet.

Nhóm 40: Dịch vụ liên quan đến chế biến và xử lý gỗ: dịch vụ xẻ, bào gỗ và đồ gỗ.

---

(111) **4-0093272**
(210) 4-2006-08710
(181) 06.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 06.06.2006

(531) 1.15.24; A3.9.4; 26.3.1
(591) Xanh nước biển, xanh da trời, đen, trắng
(731) SOFIBEL (A FRENCH SOCIÉTÉ PAR ACTIONS SIMPLIFIÉE) (FR)
110-114 rue Victor Hugo, 92300 Levallois Perret, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các chế phẩm không chứa dược chất dùng để làm sạch, rửa và chống khô mũi.

Nhóm 05: Các chế phẩm dược và các chế phẩm vệ sinh (dùng cho mục đích y tế)có tác dụng chống tắc mũi, khô mũi, sưng tấy mũi.

Nhóm 10: Dụng cụ và thiết bị y tế dùng để chống tắc mũi, khô mũi, sưng tấy mũi.

---

(111) **4-0093273**
(210) 4-2006-09013
(181) 12.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

EUROSEFOX

(151) 18.12.2007
(220) 12.06.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
No.1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093274**
(210) 4-2006-09026
(181) 12.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 12.06.2006

(531) 6.1.2; 6.3.1; 3.1.14
(591) Xanh dương, xanh tím, xanh ngọc, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SÀI GÒN - BẾN THÀNH (VN)
7B/12 Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093275**
(210) 4-2006-11335
(181) 19.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 19.07.2006

(531) 26.1.1; 26.5.1
(591) Xanh coban, xám, xanh tím than
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP & XÂY DỰNG VIỆT TIẾN (VN)
32/302 đường Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Xuất nhập khẩu; thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp và xây dựng.

---

(111) **4-0093276**
(210) 4-2006-12611
(181) 03.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 03.08.2006

(531) 26.3.23
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRANG TRÍ NỘI THẤT XÂY DỰNG TUYÊN THẮNG (VN)
606/204 đường 3/2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng; trang trí nội thất các công trình xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng.

---

(111) **4-0093277**
(210) 4-2006-13443
(181) 16.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HAPPY MEAL

(151) 18.12.2007
(220) 16.08.2006

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 29: Thức ăn được chế biến từ thịt, thịt lợn, cá và các sản phẩm gia cầm, thịt làm nhân bánh xăng-đuých, cá để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt lợn để làm nhân bánh xăng-đuých, thịt gà để làm nhân bánh xăng-đuých, rau và quả đã được bảo quản và đã được nấu, trứng, pho mát, sữa, các sản phẩm làm từ sữa, các loại rau củ đem ngâm (rau dầm, hoa quả dầm, dưa góp), các món ăn tráng miệng được chế biến dựa trên cơ sở các thực phẩm có trong nhóm này.

Nhóm 30: Bánh xăng đuých ăn được, bánh xăng đuých nhân thịt, bánh xăng đuých nhân thịt lợn, bánh xăng đuých nhân cá, bánh xăng đuých nhân thịt gà, bánh quy, bánh mỳ, bánh ngọt, bánh dẹt nhỏ, sô cô la, cà phê, chất thay thế cà phê, trà, mù tạc, bột yến mạch, bột nhồi, nước sốt, gia vị, đường.

Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn, xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

Nhóm 43: Các dịch vụ bao gồm: điều hành nhà hàng và các cơ sở hoặc các phương tiện được sử dụng để cung cấp thực phẩm và đồ uống đã chế biến để tiêu dùng; và chuẩn bị và bán thức ăn mang về.

---

(111) **4-0093278**
(210) 4-2006-13444
(181) 16.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

McMUFFIN

(151) 18.12.2007
(220) 16.08.2006

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 30: Bánh xăng đuých ăn được, bánh xăng đuých nhân thịt, bánh xăng đuých nhân thịt lợn, bánh xăng đuých nhân cá, bánh xăng đuých nhân thịt gà, bánh quy, bánh mỳ, bánh ngọt, bánh dẹt nhỏ, sô cô la, cà phê, chất thay thế cà phê, trà, mù tạc, bột yến mạch, bột nhồi, nước sốt, gia vị, đường.

---

(111) **4-0093279**
(210) 4-2006-13445
(181) 16.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUARTER POUNDER

(151) 18.12.2007
(220) 16.08.2006

(731) MCDONALD'S CORPORATION (US)
One McDonald's Plaza, Oak Brook, Illinois 60523, U.S.A.
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 30: Bánh xăng đuých ăn được, bánh xăng đuých nhân thịt, bánh xăng đuých nhân thịt lợn, bánh xăng đuých nhân cá, bánh xăng đuých nhân thịt gà, bánh quy, bánh mỳ, bánh ngọt, bánh dẹt nhỏ, sô cô la, cà phê, chất thay thế cà phê, trà, mù tạc, bột yến mạch, bột nhồi, nước sốt, gia vị, đường.

---

(111) **4-0093280**
(210) 4-2006-03920
(181) 20.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 20.03.2006

(531) 3.1.6; 3.1.16; 26.1.1
(591) Xanh dương, xanh da trời, trắng, vàng, đỏ tím
(731) TRƯỜNG MẦM NON TƯ THỤC NGÔI SAO (VN)
373/6a Trường Chinh, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 41: Trường mẫu giáo.

---

(111) **4-0093281**
(210) 4-2006-18535
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Galantyl

(151) 18.12.2007
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0093282**
(210) 4-2006-18536
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093283**
(210) 4-2006-18537
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093284**
(210) 4-2006-18538
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0093285**
(210) 4-2006-18539
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Cinna

(151) 18.12.2007
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093286**
(210) 4-2006-19570
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Certiryl

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093287**
(210) 4-2006-19571
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Daron

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093288**
(210) 4-2006-19572
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Dopril

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093289**
(210) 4-2006-19573
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Drinate

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093290**
(210) 4-2006-19574
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Hyoscine

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0093291**
(210) 4-2006-19575
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Lifen

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

---

(111) **4-0093292**
(210) 4-2006-19576
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Nidin

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

---

(111) **4-0093293**
(210) 4-2006-19577
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Pezil

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(111) **4-0093294**
(210) 4-2006-19578
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Tenol

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093295**
(210) 4-2006-19579
(181) 14.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SaVi Thorphan

(151) 18.12.2007
(220) 14.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI - SAVIPHARM (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093296**
(210) 4-2006-07189
(181) 11.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Lửa Xanh

(151) 18.12.2007
(220) 11.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH TÙNG LÂM (VN)
Số 58 Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị cấp nhiệt cụ thể là lò sấy và lò sưởi thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093297**
(210) 4-2006-07494
(181) 16.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 16.05.2006

(531) 26.4.1; 24.17.25
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ CƯỜNG NAM (VN)
45 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0093298**
(210) 4-2006-07802
(181) 22.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 22.05.2006

(531) 4.3.3; 9.1.10; 25.1.6
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHẬT THẮNG (VN)
143 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Hàng thủ công mỹ nghệ bằng mây, tre, cói, gỗ như lọ, bình (dùng để trang trí).

Nhóm 35: Mua, bán, đại lý ký gửi, xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.

---

(111) **4-0093299**
(210) 4-2006-07454
(181) 16.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIMAC

(151) 18.12.2007
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN SỨ LONG HẦU (VN)
Xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Sản phẩm sứ vệ sinh bao gồm: bệ xí, chậu rửa, bồn tiểu nam, bồn tiểu nữ, chân chậu.

---

(111) **4-0093300**
(210) 4-2006-07455
(181) 16.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIPOR

(151) 18.12.2007
(220) 16.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI HOA NAM (VN)
Số 99, phố Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Dụng cụ cơ khí chạy điện bao gồm các công cụ, máy móc chạy bằng điện năng cụ thể là: máy khoan, máy mài, máy cắt, máy bào, máy đánh ráp, máy cưa, máy đầm, máy hàn điện, búa điện.

---

(111) **4-0093301**
(210) 4-2005-09444
(181) 28.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

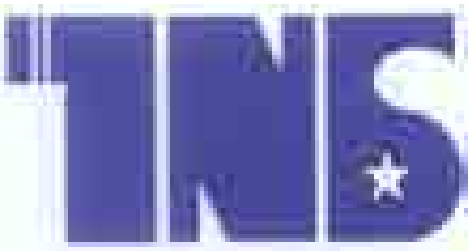

(151) 18.12.2007
(220) 28.10.2005

(531) A1.1.10
(591) Xanh, tím, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THÁI NGUYÊN (VN)
Khu công nghiệp Sông Công Thái Nguyên
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng sắt thép; cấu kiện bằng sắt thép; phôi thép; ống thép; phụ kiện đường ống bằng kim loại; lưới thép.

---

(111) **4-0093302**
(210) 4-2005-02048
(181) 28.02.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 28.02.2005

(531) 26.1.2; 18.5.1; 24.15.1
(591) Vàng, xanh
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP TRƯỜNG THỊNH (VN)
50 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

(511) Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thuỷ lợi, điện thế.

Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng xe ta xi.

Nhóm 42: Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học, bê tông kết cấu; tư vấn khảo sát địa hình, địa chất thủy văn; tư vấn thẩm định lập dự án đầu tư các dự án xây dựng thuộc ngành giao thông vận tải; thiết kế công trình cầu đường, cảng, đường thuỷ; thiết kế cầu công trình dân dụng, công nghiệp; kiểm định các công trình xây dựng.

---

(111) **4-0093303**
(210) 4-2006-17196
(181) 12.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 12.10.2006

(531) A1.13.10; 1.15.3; 26.1.1
(591) Xanh dương, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ CETECH (VN)
Số 136D (lầu 1), Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 37: Lắp đặt: hệ thống chống sét; hệ thống báo cháy; hệ thống tổng đài điện thoại; hệ thống Anten parabol; hệ thống camera quan sát; hệ thống chống trộm.

---

(111) **4-0093304**
(210) 4-2006-17232
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 1.7.6; A26.11.12
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH HỮU HẠN THỨC ĂN THỦY SẢN VIỆT HOA (VN)
Khu công nghiệp Điện Nam, Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 31: Thức ăn nuôi trồng thủy sản.

---

(111) **4-0093305**
(210) 4-2006-23075
(181) 29.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 29.12.2006

(531) 18.3.2; 3.9.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HẰNG HẢI (VN)
Số 10B Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0093306**
(210) 4-2006-16019
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

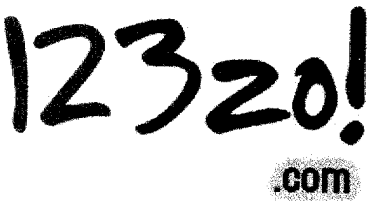

(151) 18.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT HOÀN CẦU (VN)
Số 5, ngõ 165/2, phố Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo thương mại điện tử.

---

(111) **4-0093307**
(210) 4-2006-17266
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BETAZONE

(151) 18.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN PƠ (VN)
Số nhà 3A1 phố Cảm Hội, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093308**
(210) 4-2006-17270
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 26.2.7
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM CHUNG (VN)
Căn 520 nơ 7A, khu đô thị mới Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Ô tô; săm lốp ô tô; màn tránh nắng dùng cho ô tô; khung gầm ô tô; phanh dùng cho xe cộ; vành bánh của xe cộ.

Nhóm 35: Mua bán ô tô, các phụ tùng ô tô, máy xây dựng, đồ điện tử, đồ điện lạnh, đồ điện dân dụng; mua bán hàng tiêu dùng; mua bán đồ gỗ, đồ nội thất; mua bán vàng bạc, đá quý, đồ trang sức; siêu thị; trung tâm thương mại.

---

(111) **4-0093309**
(210) 4-2006-21515
(181) 08.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

UNiCARE

(151) 18.12.2007
(220) 08.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH TÂM AN (VN)
Số 226 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093310**
(210) 4-2006-16039
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

INTAS

(151) 18.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH MINH LONG (VN)
Nhà ông Chín, khu 5, thị trấn Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Các sản phẩm sứ vệ sinh: bệ xí, xí xổm, bồn tiểu nam, bồn tiểu nữ, bồn rửa.

---

(111) **4-0093311**
(210) 4-2006-17234
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALBATROSS

(151) 18.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) IRVITA PLANT PROTECTION N.V. (AN)
Pos Cabai Office Park, Unit 13; Curacao, Netherlands Antilles
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại và thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0093312**
(210) 4-2006-17551
(181) 27.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 27.11.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh dương, xanh lá cây, vàng cam, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐẠI SONG ĐẠI (VN)
321/16 Phan Đình Phùng, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 38: Đại lý dịch vụ viễn thông đường dài cụ thể là: đại lý cung cấp đường truyền cho các dịch vụ Internet; đại lý điện thoại đường dài; đại lý điện thoại công cộng.

---

(111) **4-0093313**
(210) 4-2006-18160
(181) 26.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

QUIXIME

(151) 18.12.2007
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093314**
(210) 4-2006-18161
(181) 26.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMBROTERB

(151) 18.12.2007
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093315**
(210) 4-2006-18162
(181) 26.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CALCIMEG

(151) 18.12.2007
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093316**
(210) 4-2006-22633
(181) 25.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PHAMORE

(151) 18.12.2007
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093317**
(210) 4-2006-15938
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ACCUGRADE

(151) 18.12.2007
(220) 21.09.2006

(731) CATERPILLAR INC. (US)
100 N.E.Adams Street, Peoria, Illinois 61629-9240, United States of America
United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 09: Hệ thống hướng dẫn và điều khiển hoặc kiểm tra máy móc gồm thiết bị tạo tia lade, bộ vi xử lý, máy phát tín hiệu lade, máy thu tín hiệu lade, máy thu tín hiệu dùng với hệ thống định vị toàn cầu, máy thu tín hiệu tần số radio, bộ cảm biến tín hiệu, trạm cơ sở (hệ thống thu phát hai chiều được đặt cố định một chỗ) dùng với hệ thống định vị toàn cầu, màn hình điện tử và phần mềm máy tính dùng trong việc chuyên chở đất và xây dựng đường cao tốc.

---

(111) **4-0093318**
(210) 4-2006-15974
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 22.09.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT SONG LONG (VN)
Phố Đồng Xép, Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

(511) Nhóm 12: Phụ tùng, ô tô - xe máy: gương chiếu hậu.

---

(111) **4-0093319**
(210) 4-2006-16514
(181) 02.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 02.10.2006

(531) 2.9.1; 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM (VN)
Số 4, đường 30/4, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, chế phẩm dùng trong ngành thú y, chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em, chế phẩm hoá học dùng cho mục đích y tế, chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh, chế phẩm diệt động vật có hại, chế phẩm diệt cây có hại.

Nhóm 29: Sản phẩm từ sữa, sữa, nước sữa chua, sữa chua, bơ thực vật, trái cây được bảo quản.

Nhóm 30: Đồ uống trên cơ sở sô cô la, đồ uống trên cơ sở ca cao, đồ uống trên cơ sở cà phê, sữa chua đông lạnh, cháo thực phẩm trên cơ sở sữa, chế phẩm thực vật thay cà phê (cà phê nhân tạo).

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo, dịch vụ mua bán mỹ phẩm, dịch vụ mua bán trang thiết bị y tế, đại lý xuất nhập khẩu, đại lý ký gửi hàng hoá, dịch vụ mua bán thực phẩm chế biến.

---

(111) **4-0093320**
(210) 4-2006-16581
(181) 03.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MiE
MIRAGE

(151) 18.12.2007
(220) 03.10.2006

(531) 26.4.2; 26.7.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI NỮ HOÀNG (VN)
G14, làng quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Cửa hàng bán lẻ, siêu thị, trung tâm thương mại tổng hợp, hỗ trợ kinh doanh ẩm thực, chợ ẩm thực cung cấp đồ ăn và đồ uống.

Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê văn phòng; cho thuê nhà xưởng, cho thuê gian hàng kinh doanh (không liên quan đến dịch vụ lưu kho).

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn và nhà nghỉ (lưu trú tạm thời, không liên quan đến dịch vụ điều dưỡng), dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093321**
(210) 4-2004-07856
(181) 05.08.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

VNR
RATRACO
GROUP

(151) 18.12.2007
(220) 05.08.2004

(531) A1.5.6
(591) Xanh tím, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT (RAILWAY TRANSPORT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY) (VN)
118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá.

Nhóm 37: Xây dựng.

Nhóm 39: Vận tải hàng hoá, du lịch.

Nhóm 43: Khách sạn, nhà hàng ăn uống (kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống).

---

(111) **4-0093322**
(210) 4-2004-07857
(181) 05.08.2014
(450) 25.01.2008 238
(540)

RATRACO GROUP

(151) 18.12.2007
(220) 05.08.2004

(591) Xanh tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI ĐƯỜNG SẮT (RAILWAY TRANSPORT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY) (VN)
118 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá.

Nhóm 37: Xây dựng.

Nhóm 39: Vận tải hàng hoá, du lịch.

Nhóm 43: Khách sạn, nhà hàng ăn uống (kinh doanh khách sạn nhà hàng ăn uống).

---

(111) **4-0093323**
(210) 4-2006-16890
(181) 09.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HÀ DIỆN

(151) 18.12.2007
(220) 09.10.2006

(731) HÀ DIỆN 15 LÃN ÔNG (VN)
Số 15 Lãn Ông, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo, mũ nón đội đầu, đồ đi ở chân, tã lót, khăn dùng cho trẻ sơ sinh.

Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa (sữa là chủ yếu).

Nhóm 35: Mua bán đồ dùng cho trẻ em, đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0093324**
(210) 4-2006-05023
(181) 05.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

PYTEST

(151) 18.12.2007
(220) 05.04.2006

(731) KIMBERLY-CLARK WORLDWIDE, INC. (US)
Neenah, Wisconsin 54956, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Bộ thuốc thử không xâm lấn dùng trong kiểm tra nhiễm trùng thành bao tử.

---

(111) **4-0093325**
(210) 4-2006-05220
(181) 07.04.2016
(300) 004667978 24.10.2005 EM
(450) 25.01.2008 238
(540)

STABILFLEX

(151) 18.12.2007
(220) 07.04.2006

(731) NIKE INTERNATIONAL LTD. (US)
One Bowerman Drive, Beaverton, Oregon 97005-6453, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giày dép.

---

(111) **4-0093326**
(210) 4-2006-06724
(181) 03.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

IDEAL

(151) 18.12.2007
(220) 03.05.2006

(731) IDEAL FASTENER CORPORATION (US)
603 West Industry Drive, Oxford, North Carolina 27565, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 26: Khoá kéo và các bộ phận của khoá kéo.

---

(111) **4-0093327**
(210) 4-2006-07064
(181) 09.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHANTIX

(151) 18.12.2007
(220) 09.05.2006

(731) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và chế phẩm dược; thuốc thú y và chế phẩm thú y.

---

(111) **4-0093328**
(210) 4-2006-07065
(181) 09.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHAN LUU

(151) 18.12.2007
(220) 09.05.2006

(731) CHAN LUU, INC. (US)
818 South Broadway, 9th Floor, Los Angeles, CA 90014, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 14: Đồ nữ trang; vòng đeo tay; trâm gài đầu; ghim hoa gài cổ áo; kẹp trang sức; kim loại quý, thô hoặc bán thành phẩm; đá quý.

Nhóm 18: Túi xách tay; ba lô; cặp tài liệu; dây đai da.

Nhóm 20: Đồ mỹ nghệ bằng gỗ dùng cho mục đích trang trí nội thất; sừng động vật; bộ đồ trải giường (trừ đồ bằng vải lanh); đồ gỗ nội thất; đệm; vỏ sò.

Nhóm 25: Váy; áo vét; áo lót nữ; quần áo may sẵn; khăn choàng; quần dài; giày; dép lê; thắt lưng (quần áo).

---

(111) **4-0093329**
(210) 4-2006-07101
(181) 09.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 09.05.2006

(531) 3.1.1; A5.3.14; 26.4.2; 25.12.3
(591) Đen, trắng, nâu đỏ, xám nhạt, chì, vàng nhạt
(731) DUNHILL TOBACCO OF LONDON LIMITED. (GB)
1A St. James's Street, London, SW1A 1EF, United Kingdom.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, xì gà, xì gà con, thuốc lá sợi, thuốc lá hút tẩu, thuốc lá để nhai, thuốc lá để hít và thuốc lá cuốn từ lá thuốc lá.

---

(111) **4-0093330**
(210) 4-2006-07188
(181) 11.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Green Flame

(151) 18.12.2007
(220) 11.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH TÙNG LÂM (VN)
Số 58 Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị cấp nhiệt cụ thể là lò sấy và lò sưởi thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093331**
(210) 4-2006-04790
(181) 31.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEW-VONC

(151) 18.12.2007
(220) 31.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ HÓA SINH HÀ NỘI (VN)
59 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093332**
(210) 4-2006-05559
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

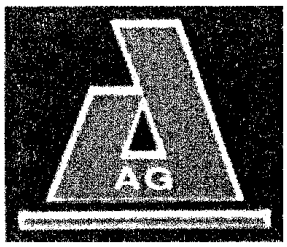

(151) 18.12.2007
(220) 12.04.2006

(531) 26.3.23; 26.4.2
(731) AUTOMONT GATSBY SDN. BHD. (MY)
Lot 9899, Batu 4, Jalan Kampung Jawa 42450 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Tấm che nắng dùng cho ô tô; tấm cản quang phía sau dùng cho ô tô; tấm điều chỉnh độ bám mặt đường.

---

(111) **4-0093333**
(210) 4-2006-07187
(181) 11.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VNT

(151) 18.12.2007
(220) 11.05.2006

(531) 1.15.23; 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM (VN)
46 Quán sứ, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy vi tính; máy tính xách tay; phần mềm máy vi tính đã được ghi.

---

(111) **4-0093334**
(210) 4-2007-01974
(181) 26.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRINEUBION

(151) 18.12.2007
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093335**
(210) 4-2005-11557
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NanoFilter
Màng lọc thông minh

(151) 18.12.2007
(220) 07.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIETNAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

(111) **4-0093336**
(210) 4-2005-11558
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 07.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIETNAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0093337**
(210) 4-2005-12947
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO V70

(151) 18.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE 405 08 Gothenburg Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; bánh lái; tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093338**
(210) 4-2005-12948
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO XC70

(151) 18.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; bánh lái; tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093339**
(210) 4-2005-12949
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO XC90

(151) 18.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; bánh lái, tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093340**
(210) 4-2006-05553
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEURALION

(151) 18.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (NAFARMA) (VN)
Số 29/10 C3 Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093341**
(210) 4-2006-16665
(181) 04.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 04.10.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(731) CÔNG TY TNHH TỔ CHỨC SỰ KIỆN VIỆT (VN)
Phòng 306, tầng 3, tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; kinh doanh (mua bán) xuất bản phẩm; đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ quan hệ công chúng; tư vấn chương trình quảng cáo; chụp ảnh quảng cáo (dùng cho mục đích quảng cáo).

Nhóm 40: Dịch vụ chế bản và in ấn.

Nhóm 41: Đại lý phát hành phim ảnh; hoạt động kinh doanh bổ trợ cho công nghiệp phim ảnh và video như: biên tập, lồng tiếng, phụ đề, tổ chức các hội thảo, hội nghị, các chương trình biểu diễn nghệ thuật; sao in, sao chép băng truyền hình.

Nhóm 42: Dịch vụ vẽ đồ hoạ; dịch vụ thiết kế.

---

(111) **4-0093342**
(210) 4-2006-15891
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANTA FE

(151) 18.12.2007
(220) 21.09.2006

(731) SANTA FE TRANSPORT INTERNATIONAL LTD. (HK)
18th Floor, C.C. Wu Building, 302-8 Hennessy Road, Wanchai Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Chuẩn bị và lập tài liệu dùng cho lưu trữ văn thư dưới dạng bản giấy và bản điện tử; dịch vụ di dời cá nhân và doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin cho cá nhân và doanh nghiệp về việc di dời; dịch vụ di dời, cụ thể là lập kế hoạch giám sát việc di dời nhà và văn phòng; chuẩn bị thông tin cho việc lựa chọn và tuyển nhân sự trong trường học và nhà trẻ; dịch vụ trợ giúp cụ thể là, chuẩn bị thông tin về diễn biến hàng ngày của nội bộ doanh nghiệp và cá nhân.

---

(111) **4-0093343**
(210) 4-2006-15892
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 21.09.2006

(531) 3.3.1; 3.3.15
(731) SANTA FE TRANSPORT INTERNATIONAL LTD. (HK)
18th Floor, C.C. Wu Building, 302-8 Hennessy Road, Wanchai Hong Kong
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Chuẩn bị và lập tài liệu dùng cho lưu trữ văn thư dưới dạng bản giấy và bản điện tử; dịch vụ di dời cá nhân và doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin cho cá nhân và doanh nghiệp về việc di dời; dịch vụ di dời, cụ thể là lập kế hoạch giám sát việc di dời nhà và văn phòng; chuẩn bị thông tin cho việc lựa chọn và tuyển nhân sự trong trường học và nhà trẻ; dịch vụ trợ giúp cụ thể là, chuẩn bị thông tin về diễn biến hàng ngày của nội bộ doanh nghiệp và cá nhân.

---

(111) **4-0093344**
(210) 4-2006-15916
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 21.09.2006

(531) 26.5.1; 26.3.23
(731) XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH NHỰA WATSON TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (VN)
49/10 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 40: Mạ trên nhựa; mạ trên kim loại.

---

(111) **4-0093345**
(210) 4-2006-15876
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 20.09.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THỜI TRANG DŨNG OANH (VN)
911/23 Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0093346**
(210) 4-2006-15877
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 20.09.2006

(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT KRÔNGPHA (VN)
Km 27, quốc lộ 27, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống) và nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0093347**
(210) 4-2006-15878
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

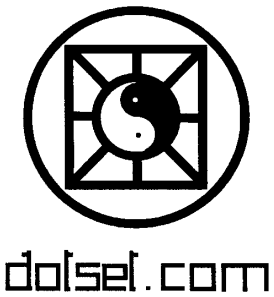

(151) 18.12.2007
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.1; 26.4.1; 24.17.15
(731) CƠ SỞ LÊ THỊ AN BÌNH (VN)
840/9 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống cung cấp các món ăn bình dân.

---

(111) **4-0093348**
(210) 4-2006-15879
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 20.09.2006

(531) 26.2.7; 26.4.2
(591) Xanh dương, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC CA (VN)
484/15A Lê Quang Định, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Quản lý dự án; mua bán vật llệu xây dựng và hàng trang trí nội ngoại thất.

Nhóm 37: Tư vấn xây dựng, cụ thể là tư vấn thi công xây dựng và giám sát thi công trong xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà văn hóa, công trình thể thao, công trình kỹ thuật, công trình ngầm dưới đất; san lấp mặt bằng; lắp đặt trang thiết bị cho công trình xây dựng; hoàn thiện công trình xây dựng.

Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; lập dự án đầu tư.

---

(111) **4-0093349**
(210) 4-2006-15911
(181) 21.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 21.09.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ thẫm, vàng ánh kim
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (VN)
48 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tư vấn, đầu tư và quản lý tài chính; môi giới chứng khoán; môi giới bảo hiểm; mua bán bất động sản.

---

(111) **4-0093350**
(210) 4-2006-15613
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SANTOLEX

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093351**
(210) 4-2006-15616
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VALAZIN

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093352**
(210) 4-2006-15617
(181) 18.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

URISTONE

(151) 18.12.2007
(220) 18.09.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093353**
(210) 4-2006-15697
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ORDINIR

(151) 18.12.2007
(220) 19.09.2006

(731) ORCHID HEALTHCARE (IN)
"Orchid Towers" 313, Valluvar Kottam High Road, Nungambakkam, Chennai - 600 034, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093354**
(210) 4-2006-15699
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CALCIGARD

(151) 18.12.2007
(220) 19.09.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0093355**
(210) 4-2006-18374
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUXOMICINA EYE DROPS 5ML

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG LONG (VN)
2H, Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093356**
(210) 4-2006-19418
(181) 10.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANTICUM

(151) 18.12.2007
(220) 10.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
Nocznickiego 31 01 - 918 Warszawa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0093357**
(210) 4-2006-19510
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUPERISTA

(151) 18.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO (HTP CO., LTD) (VN)
Nhà số 6, tập thể Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093358**
(210) 4-2006-19511
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUPERFASTI

(151) 18.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO (HTP CO., LTD) (VN)
Nhà số 6, tập thể Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093359**
(210) 4-2006-19512
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HTPONESTA

(151) 18.12.2007
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO (HTP CO., LTD) (VN)
Nhà số 6, tập thể Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093360**
(210) 4-2006-19516
(181) 13.11.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 13.11.2006

(531) 1.15.23; 26.3.1; 26.1.5
(591) Vàng, da cam, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐỨC HÀ (VN)
P 3.9 nhà 27, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ngành điện, ngành xây dựng, ngành công nghiệp, dân dụng, hóa chất, xuất bản phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị vật tư ngành in, linh kiện, thiết bị điện, điện tử, tin học, máy văn phòng, văn phòng phẩm, thiết bị viễn thông, thủy hải sản; đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.

Nhóm 37: Dịch vụ quét dọn, dịch vụ lau chùi nhà cửa, dịch vụ giặt là quần áo.

Nhóm 39: Dịch vụ kho bãi hàng hóa, dịch vụ vận tải hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hành khách, dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo nghề phục vụ cho ngành du lịch, dịch vụ đào tạo ngoại ngữ, dịch vụ đào tạo tin học.

Nhóm 43: Dịch vụ nấu nướng chế biến đồ ăn, dịch vụ pha chế đồ uống trong nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc người già và trẻ em, dịch vụ chăm sóc cây cảnh, dịch vụ chăm sóc vật nuôi.

Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ, dịch vụ vệ sĩ cho cá nhân.

(111) **4-0093361**
(210) 4-2006-12685
(181) 04.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

S-TOURS

(151) 18.12.2007
(220) 04.08.2006

(531) A1.3.18; A26.11.13; 1.3.1; A1.3.17
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI ĐỊA THÁI (VN)
Số 40, ngõ 11, phố chợ Khâm Thiên, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, đại lý du lịch, tổ chức các tour du lịch, dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách.

---

(111) **4-0093362**
(210) 4-2005-07710
(181) 24.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 24.06.2005

(531) A1.1.10; 5.7.4; 26.11.3; A25.7.21
(591) Trắng, đỏ, xanh dương, đen, vàng nhạt, xanh lá cây nhạt, xanh lá cây, xám nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẦN NÔNG (VN)
343/14 Trần Văn Kiểu, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Hạt giống.

---

(111) **4-0093363**
(210) 4-2006-02946
(181) 02.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Hạt Ngọc

(151) 18.12.2007
(220) 02.03.2006

(731) CÔNG TY LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. .
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Gạo.

(111) **4-0093364**
(210) 4-2006-07433
(181) 15.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OXYPHEZON

(151) 18.12.2007
(220) 15.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CHÂU ÂU (VN)
ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093365**
(210) 4-2006-07434
(181) 15.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OXYTAZON

(151) 18.12.2007
(220) 15.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CHÂU ÂU (VN)
ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093366**
(210) 4-2006-07435
(181) 15.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BETACORTIN

(151) 18.12.2007
(220) 15.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CHÂU ÂU (VN)
ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093367**
(210) 4-2006-08011
(181) 24.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GETZACIN

(151) 18.12.2007
(220) 24.05.2006

(731) GETZ PHARMA (PVT.) LTD (PK)
30-31/27, K.I.A., Karachi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093368**
(210) 4-2006-14117
(181) 28.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 28.08.2006

(531) 26.1.1; 1.7.6
(591) Trắng, cam, vàng nhũ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI CHẮC NGHIỆP VĨNH HƯNG (VN)
Lô J2A, đường số 3, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Vòi nước bằng nhựa; lọc xả hố ga (miệng ống thoát nước) trong nhà vệ sinh.

Nhóm 19: Co ống nước bằng nhựa cứng (tê cút răng); con tán bằng nhựa (con ốc vít).

Nhóm 20: Hộp nhựa dùng để đựng hàng hoá; con tán bằng nhựa (con ốc vít); van ống nước bằng nhựa cứng, tay nắm van nước (không bằng kim loại).

---

(111) **4-0093369**
(210) 4-2006-15975
(181) 22.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

EROZ

(151) 18.12.2007
(220) 22.09.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT LINH (VN)
Số 266 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Công tắc điện; ổ cắm điện; tủ điện các loại; áttomat điện các loại; bộ lưu điện, thiết bị hàn điện, biến thế điện.

Nhóm 11: Quạt điện; đèn chiếu sáng các loại; máng đèn; chụp đèn, bếp điện, nồi cơm điện, lò vi sóng.

---

(111) **4-0093370**
(210) 4-2006-16858
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

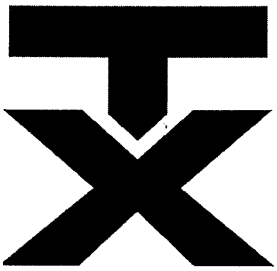

(151) 18.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) TIMEX GROUP B.V. (NL)
Herengracht 466, 1017 CA Amsterdam, The Netherlands
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Đồng hồ đeo tay; đồng hồ treo tường; dây (dải băng) đeo tay đồng hồ; dây đồng hồ đeo tay; dây đeo đồng hồ dạng xích; mặt đồng hồ bằng pha lê; dụng cụ đo thời gian và bấm giờ (đồng hồ); mặt kính đồng hồ, bộ máy đồng hồ; đồng hồ treo tường điện tử; đồng hồ treo tường không chạy điện; đồng hồ đeo tay điện tử; đồng hồ đeo tay không chạy điện; dây chuyền làm dây đeo đồng hồ; vòng tay cho đồng hồ đeo tay (dây đeo trang sức); hộp đựng đồng hồ treo tường; hộp đựng đồng hồ đeo tay.

---

(111) **4-0093371**
(210) 4-2006-16859
(181) 06.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NICOLAS

(151) 18.12.2007
(220) 06.10.2006

(731) ETABLISSEMENTS NICOLAS (FR)
2, rue du Courson, 94320, THIAIS, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (không kể bia), cụ thể là rượu vang, rượu sủi tăm, rượu táo, rượu cồn và rượu mạnh, rượu mạnh có cồn và rượu mùi, rượu có hương vị tự nhiên, rượu mùi hảo hạng, rượu vecmút, rượu khai vị bao gồm rượu cồn, rượu kích thích tiêu hoá, rượu cốctay; rượu uytky; rượu đắng; rượu tinh chế; tinh chất có cồn để làm đồ uống; rượu đắng (có mùi vị); rượu hồi (có hương vị); rượu anit; rượu arac; đồ uống được chưng cất; rượu vỏ cam; rượu mật ong pha nước; rượu bạc hà; rượu piquét; rượu lê; rượu sâm panh; rượu anh đào; rượu rum; rượu vốt ca và rượu gạo, đồ uống có cồn bao gồm hoa quả (trừ bia).

---

(111) **4-0093372**
(210) 4-2006-17230
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 1.5.1; 7.1.24
(731) CUSHMAN & WAKEFIELD, INC. (US)
New York Corporation, 51 West 52nd Street, New York, New York 10019, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ môi giới bất động sản và môi giới cầm cố; quản lý bất động sản; đánh giá bất động sản; đại lý bất động sản; tư vấn bảo hiểm về tài sản thực tế; dịch vụ cho thuê và dịch vụ tài chính trong lĩnh vực bất động sản; tư vấn về lĩnh vực bất động sản; nghiên cứu về lĩnh vực bất động sản và tài chính; quản lý đầu tư; dịch vụ tài chính liên quan đến quản lý quỹ; quản lý quỹ đầu tư; quản lý quỹ lương hưu; đầu tư bất động sản; điều hành vấn đề tài chính liên quan đến bất động sản.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng toà nhà và công trình xây dựng.

Nhóm 42: Tư vấn về kiến trúc; phác thảo bản vẽ mặt bằng xây dựng; dịch vụ nghiên cứu bất động sản; lập bản đồ địa chính; dịch vụ tư vấn, nghiên cứu và phát triển dự án bất động sản bao gồm đánh giá, báo cáo, phân tích kế hoạch mặt bằng và nghiên cứu tính khả thi các dự án đó; phát triển các dự án về bất động sản cho người khác.

---

(111) **4-0093373**
(210) 4-2006-17231
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CUSHMAN & WAKEFIELD

(151) 18.12.2007
(220) 13.10.2006

(731) CUSHMAN & WAKEFIELD, INC. (US)
New York Corporation, 51 West 52nd Street, New York, New York 10019, USA
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ môi giới bất động sản và môi giới cầm cố; quản lý bất động sản; đánh giá bất động sản; đại lý bất động sản; tư vấn bảo hiểm về tài sản thực tế; dịch vụ cho thuê và dịch vụ tài chính trong lĩnh vực bất động sản; tư vấn về lĩnh vực bất động sản; nghiên cứu về lĩnh vực bất động sản và tài chính; quản lý đầu tư; dịch vụ tài chính liên quan đến quản lý quỹ; quản lý quỹ đầu tư; quản lý quỹ lương hưu; đầu tư bất động sản; điều hành vấn đề tài chính liên quan đến bất động sản.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng toà nhà và công trình xây dựng.

Nhóm 42: Tư vấn về kiến trúc; phác thảo bản vẽ mặt bằng xây dựng; dịch vụ nghiên cứu bất động sản; lập bản đồ địa chính; dịch vụ tư vấn, nghiên cứu và phát triển dự án bất động sản bao gồm đánh giá, báo cáo, phân tích kế hoạch mặt bằng và nghiên cứu tính khả thi các dự án đó; phát triển các dự án về bất động sản cho người khác.

---

(111) **4-0093374**
(210) 4-2006-17620
(181) 19.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 19.10.2006

(531) 26.1.1; A1.1.2; A1.1.10; A24.15.13; 24.15.3
(731) CƠ SỞ VŨ VĂN QUYẾT (VN)
Thôn Nội Trì, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Công tắc điện; ổ cắm.

---

(111) **4-0093375**
(210) 4-2006-18296
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(531) 2.1.1
(731) CHEN SHI HAO (CN)
24, Wenming Li, Shiqi District, Zhongshan City, Guangdong Province, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Gia vị; bột mù tạc; tương mù tạc; nước xốt làm từ thịt (là một loại nước xốt thuộc nhóm này); đồ gia vị; nước chấm (đồ gia vị); cà phê; đồ uống chế biến từ chè; chế phẩm làm mềm thịt dùng trong gia đình; mứt kẹo; nước mật đường tinh lọc màu vàng nhạt (dùng cho mục đích nấu nướng); bánh mỳ vụn; chế phẩm ngũ cốc; món ăn su si của Nhật Bản (cơm quấn với hải sản hoặc cá); mì sợi; bỏng ngô; bột đậu nành; sản phẩm tinh bột dùng làm thực phẩm; kem lạnh; bột nở; hương liệu dùng cho thực phẩm.

---

(111) **4-0093376**
(210) 4-2006-18373
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEBROCHOL

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG LONG (VN)
2H, Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093377**
(210) 4-2006-18375
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

RICHSTATIN

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) GETZ PHARMA (PVT.) LTD (PK)
30-31/27, K.I.A., Karachi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093378**
(210) 4-2006-18376
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

CO-TRUPRIL

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) GETZ PHARMA (PVT.) LTD (PK)
30-31/27, K.I.A., Karachi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093379**
(210) 4-2006-18377
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

ATASART-H

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) GETZ PHARMA (PVT.) LTD (PK)
30-31/27, K.I.A., Karachi, Pakistan
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093380**
(210) 4-2006-18378
(181) 27.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

MYCODERMIN

(151) 18.12.2007
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093381**
(210) 4-2005-11512
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TOPCINEX

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2 (VN)
Số 10 Công trường quốc tế, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093382**
(210) 4-2005-05185
(181) 06.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 06.05.2005

(531) 1.5.1; 26.1.2
(591) Vàng cam, vàng, xanh nước biển, xanh cổ vịt, xanh lá cây, trắng, ghi xám
(731) CƠ SỞ PHƯỚC THÁI (VN)
2A đường 176, khu phố 2, phường Phước Long A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 40: In lụa; gia công khắc dấu.

(111) **4-0093383**
(210) 4-2005-09581
(181) 02.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BIATOR

(151) 19.12.2007
(220) 02.08.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ BÌNH DƯƠNG (VN)
Số 6/3 đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; vác xin; dược thảo.

---

(111) **4-0093384**
(210) 4-2005-11341
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TRAN DUY
TRẦN DUY

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) 24.9.1; A1.5.3
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRẦN DUY (VN)
Số 106, lô 1, ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 20: Giường; ghế; bàn; tủ; nôi em bé.

---

(111) **4-0093385**
(210) 4-2005-11343
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) 18.3.2
(591) Đỏ, vàng, vàng cam, xanh dương, nâu, đen, trắng
(731) CƠ SỞ ĐỒNG KÝ (VN)
253B Bãi Sậy, phường 4, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 30: Bánh; bánh trung thu; kẹo.

---

(111) **4-0093386**
(210) 4-2005-11345
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) 26.4.2
(591) Hồng, đỏ hồng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚC (VN)
1179D Xuân Thủy, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Cho thuê văn phòng, gian hàng để các doanh nghiệp thực hiện các công việc như: trung tâm xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm và bán buôn, bán lẻ vải sợi, quần áo may sẵn, cho thuê đồ cưới và trang điểm.

---

(111) **4-0093387**
(210) 4-2005-11346
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) A5.3.15; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, vàng cam, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÚC (VN)
1179D Xuân Thủy, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Cho thuê văn phòng, gian hàng để các doanh nghiệp thực hiện các công việc như: trung tâm xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, bán buôn và bán lẻ vải sợi, quần áo may sẵn, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng, cho thuê đồ cưới và trang điểm.

---

(111) **4-0093388**
(210) 4-2005-12943
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO S40

(151) 19.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Swenden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; bánh lái, tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093389**
(210) 4-2005-12944
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO S60

(151) 19.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; bánh lái; tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093390**
(210) 4-2005-12945
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO S80

(151) 19.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; đồ trang trí nội ngoại thất (bộ phận của xe) cho xe chạy đường bộ; bánh lái; tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093391**
(210) 4-2005-12946
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VOLVO V50

(151) 19.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe ô tô, xe tải nhẹ (xe van), xe thể thao, động cơ và bộ khung cấu trúc của các loại xe này; bánh lái; tấm chắn bùn cho xe chạy đường bộ.

---

(111) **4-0093392**
(210) 4-2005-13111
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 5.13.4
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI THIỆN PHÁT (VN)
216/80 Hòa Hưng, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán bột mì các loại.

---

(111) **4-0093393**
(210) 4-2005-15052
(181) 09.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 09.11.2005

(531) 1.15.15; 3.9.1; 5.9.24
(591) Đỏ, đen, trắng, xanh lá cây, xanh xám
(731) LẠI ĐỨC HẢI (VN)
Thôn Đông Tây, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Nước cốt mắm, nước cốt cá, nước mắm cốt, nước mắm cá.

---

(111) **4-0093394**
(210) 4-2005-17720
(181) 27.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 27.12.2005

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Túi xách dùng cho mục đích thể thao; túi xách dành cho vận động viên; ba lô đeo sau lưng trẻ em; ba lô đeo sau lưng; túi đựng đồ đi biển; cặp sách; hộp đựng thẻ điện thoại bằng da hoặc giả da; ví đựng tiền lẻ; ví đựng tiền xu; túi đựng tã trẻ em làm bằng da và giả da; túi vải buộc dây để mang đồ trang bị cắm trại; túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ làm bằng da và giả da; túi đựng đồ tập thể dục; túi xách tay; ba lô; hộp đựng chìa khoá bằng da hoặc giả da; dây đeo chìa khoá bằng da; túi đựng son bằng da hoặc giả da; túi

đựng hành lý; thẻ gắn theo hành lý làm bằng da và giả da; túi ngủ bằng da và giả da; ví đựng tiền; túi đeo vai học sinh; túi đựng đồ đi mua sắm; túi xách đi chợ; ô; túi đeo ở eo; ví.

---

(111) **4-0093395**
(210) 4-2006-00821
(181) 17.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 17.01.2006

(531) 26.11.1
(591) Đen, đỏ, xanh nhạt, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO ỨNG DỤNG APROTRAIN (APROTRAIN CORP.) (VN)
Tầng 4, số 285 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(511) Nhóm 09: Đĩa quang, đĩa từ, băng từ ghi sẵn.

Nhóm 16: Sách, tạp chí, giáo trình, ấn phẩm phục vụ giáo dục - đào tạo (tất cả thuộc nhóm này).

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ đào tạo qua mạng điện tử.

---

(111) **4-0093396**
(210) 4-2006-01438
(181) 26.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 26.01.2006

(731) KWANG MYUNG ABRASIVE CO., LTD. (KR)
221, Soju-ri, Woongsang-eup, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do 626-846, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Vải dùng để mài; giấy dùng để mài; giấy ráp (dùng để mài); cát dùng làm vật liệu mài; bột mài; giấy nhám (dùng để mài).

(111) **4-0093397**
(210) 4-2006-01527
(181) 06.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 06.02.2006

(531) 3.7.17
(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược cụ thể là thuốc tránh thai dùng qua đường miệng.

---

(111) **4-0093398**
(210) 4-2006-02804
(181) 29.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

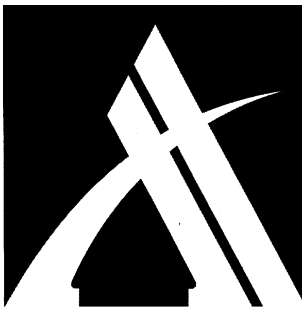

(151) 19.12.2007
(220) 28.02.2006

(531) 26.4.1; 26.11.3; A26.11.9; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ADCOM (VN)
Tầng 8, số 14, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính (ghi sẵn).

Nhóm 37: Tư vấn trong xây dựng.

Nhóm 42: Tư vấn trong bảo vệ môi trường; lập chương trình máy tính, thiết kế phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0093399**
(210) 4-2006-18595
(181) 31.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

BODY SHAPE

(151) 19.12.2007
(220) 31.10.2006

(531) A2.1.16
(731) BODY SHAPE CORPORATION GROUP CO., LTD. (TH)
600/510-512 Moo 14 Phaholyothin Rd. Kukot, Lumlukka Pathumthani 12130
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm mỹ phẩm làm cho người thon nhỏ, mỹ phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm dùng cho mặt nạ đắp da, kem làm đẹp (mỹ phẩm), keo làm đẹp (mỹ phẩm), kem chăm sóc da, nước thơm dùng cho mục đích mỹ phẩm, xà bông không tẩm thuốc, dầu mát xa (không dùng trong y tế), dầu gội đầu, dầu xả dưỡng tóc, sản phẩm tạo kiểu tóc, chế phẩm tái tạo tóc.

---

(111) **4-0093400**
(210) 4-2006-22425
(181) 21.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 21.12.2006

(531) A26.3.5; 3.7.17; 26.3.23
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIÊN TRƯỜNG (VN)
Thôn Phong Cốc, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 06: Khung nhà bằng thép; kết cấu bằng kim loại dùng để bao che; cửa ra vào bằng kim loại; cửa sổ bằng kim loại.

Nhóm 07: Cầu trục (máy móc); cổng trục (máy móc).

Nhóm 20: Tủ, bàn, ghế nội thất gia đình và văn phòng.

---

(111) **4-0093401**
(210) 4-2006-00838
(181) 17.01.2016
(300) 1076958 23.09.2005 AU
(450) 25.01.2008 238
(540)

MANFREDI

(151) 19.12.2007
(220) 17.01.2006

(731) MANFREDI ENTERPRISES PTY LIMITED (AU)
PO Box 2, Camperdown, 1450, New South Wales, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 21: Bộ đồ ăn bằng gốm sứ (không bao gồm dao, nĩa và thìa); dụng cụ nhà bếp và dụng cụ nấu ăn (không dùng điện và không làm bằng kim loại quý); đồ sứ để bày thức ăn; bình cách nhiệt dùng để đựng đồ uống; máy xay cà phê (dùng tay); bình pha cà phê (không dùng điện); bình đựng cà phê (không dùng điện, không làm bằng kim loại quý); thùng đựng bánh mì; thớt; xoong nồi; máy trộn tiêu và muối; bình trà (không làm bằng kim loại quý); dụng cụ lọc trà, cốc thuỷ tinh, đĩa thuỷ tinh, bát thuỷ tinh.

Nhóm 30: Cà phê bao gồm cả cà phê hạt, cà phê xay, cà phê bột; hương liệu cà phê; cà phê nhân tạo; đồ uống chế trên cơ sở cà phê; chất thay thế cà phê; ca cao; đồ uống chế trên cơ sở ca cao; sô-cô- la; đồ uống chế trên cơ sở sô-cô-la; chè; đồ uống chế trên cơ sở chè; đường; chất làm ngọt tự nhiên; nước sốt; bánh quy; bánh ngọt.

---

(111) **4-0093402**
(210) 4-2006-01336
(181) 25.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Rockford Fosgate

(151) 19.12.2007
(220) 25.01.2006

(531) 26.3.23
(731) ROCKFORD CORPORATION (US)
600 South Rockford Drive, Tempe, Arizona 85281 USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị âm thanh, cụ thể là máy thu phát âm thanh nổi, máy chơi đĩa CD, máy nghe nhạc MP3, radio, loa âm thanh, loa trầm, loa siêu trầm, các phụ kiện loa, vỏ loa, bộ khuếch đại âm thanh, bộ khuếch đại công suất, bộ khuếch đại tín hiệu, bộ điều chỉnh các tín hiệu âm thanh, bộ ghép nhạc, tụ điện, và bộ điều khiển từ xa; pin; bảng phân phối điện; hộp phân phối điện; bộ điều chỉnh điện thế; phụ kiện của các thiết bị âm thanh, cụ thể là công tắc điện, bóng bán dẫn, bộ biến thế, cáp truyền tải âm thanh, cáp điện sử dụng để kết nối, cáp đồng trục, bộ điều khiển điện, cái nối điện, bộ nắn dòng điện, kẹp kết nối tiếp xúc pin, bộ đổi điện, cầu chì, kẹp cầu chì và cái ngắt điện.

---

(111) **4-0093403**
(210) 4-2006-01988
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOLPAINE

(151) 19.12.2007
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TOÀN CHÂN (VN)
Số 193/21 Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093404**
(210) 4-2006-03444
(181) 13.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 13.03.2006

(731) THE POLO/LAUREN COMPANY, L.P. (US)
650 Madison Avenue, New York, N.Y. 10022, New York, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa côlôn, nước hoa xức sau khi tắm rửa, nước hoa phổ biến nhất, chế phẩm cạo râu, kem bôi sau khi cạo râu, dầu cạo râu, nước có hương thơm bôi sau khi cạo râu, dầu thơm bôi sau khi cạo râu, chất bôi chống đổ mồ hôi, các chất khử mùi cá nhân, phấn thơm, nước có hương thơm dùng để tắm hoặc sau khi tắm, phấn dưỡng thể; mỹ phẩm và các sản phẩm chăm sóc sắc đẹp: cụ thể là nước xịt làm ẩm, kem làm ẩm, kem và sữa bôi mặt và cơ thể, kem tẩy da chết, sữa tắm, kem và sữa bôi bóng và rám nắng da, và kem và sữa chống nắng; các sản phẩm dưỡng tóc: cụ thể là dầu gội đầu, dầu xả, kem gội đầu, kem xả, kem và sữa bôi tóc, sáp chải đầu và các chế phẩm kích thích da đầu (cho mục đích dưỡng và phục hồi tóc); các sản phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen: cụ thể là xà phòng vệ sinh cá nhân, dầu tắm cơ thể, sữa tắm có hạt, kem bôi mịn cơ thể, muối tắm, sữa tắm bồn và tắm vòi hoa sen, dầu tắm bồn và tắm vòi hoa sen, và tinh dầu.

---

(111) **4-0093405**
(210) 4-2006-02103
(181) 15.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

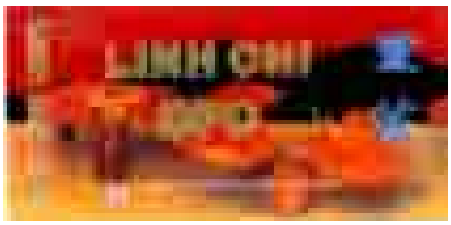

(151) 19.12.2007
(220) 15.02.2006

(531) 26.5.1; A5.11.5
(591) Trắng, đỏ, đen, vàng, xanh dương, xám, xanh ngọc
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
343 Hùng Vương, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093406**
(210) 4-2006-02104
(181) 15.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 15.02.2006

(531) 26.5.1; 26.4.4; 24.15.21
(591) Trắng, đen, đỏ, tím, vàng, xanh lá cây đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
343 Hùng Vương, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093407**
(210) 4-2006-02106
(181) 15.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 15.02.2006

(531) 24.17.17; 24.17.25
(591) Xanh da trời, trắng, nâu, vàng đậm, đỏ, trắng, ghi nhạt
(731) CƠ SỞ LÊ THỊ HẰNG (VN)
54 Trương Công Định, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 44: Uốn tóc; trang điểm; chăm sóc sắc đẹp.

---

(111) **4-0093408**
(210) 4-2006-01516
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 03.02.2006

(591) Xanh nước biển, đen, trắng
(731) HENAN XINFEI ELECTRIC CO. LTD., (CN)
No. 370, Beigan Road, Xinxiang City, Henan People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy giặt; máy nén dùng cho tủ lạnh, thiết bị làm lạnh; chi tiết và phụ tùng của tất cả các sản phẩm nói trên.

Nhóm 11: Tủ lạnh, thiết bị làm lạnh; máy, tủ đông lạnh; lò vi sóng; thiết bị điều hòa không khí; máy, thiết bị và côngtenơ làm mát và đông lạnh; thiết bị thông gió và làm mát không khí; lò, bếp nấu ăn; thiết bị và máy, dụng cụ dùng để nấu nướng; dụng cụ nấu nướng bằng điện; lò sưởi (thiết bị sưởi nóng); lò, không phải loại dùng cho thí nghiệm; chi tiết và phụ tùng của tất cả các sản phẩm nói trên.

---

(111) **4-0093409**
(210) 4-2006-01659
(181) 07.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

GENETIC

(151) 19.12.2007
(220) 07.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY TÍNH GE-NE-TIC (VN)
Nhà B13, khu tập thể VACVINA, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính, bộ điều khiển trung tâm máy tính; bộ điều khiển điện tử cho các linh kiện máy tính; phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0093410**
(210) 4-2006-02575
(181) 24.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

NANOTINE

(151) 19.12.2007
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH NAM NÔNG PHÁT (VN)
C18, lô 9, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể là chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0093411**
(210) 4-2006-00834
(181) 17.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 17.01.2006

(531) A3.4.4; 5.13.4; A1.1.10; A5.11.11
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH (VN)
ấp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Phân bón dùng trong nông nghiệp.

---

(111) **4-0093412**
(210) 4-2006-00884
(181) 10.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

VIET HONG HA

(151) 19.12.2007
(220) 10.02.2006

(531) 26.11.2
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỄN THÔNG VIỆT HỒNG HÀ (VN)
4531-4533-4535 Nguyễn Cửu Phú, khu phố 4, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán các thiết bị viễn thông; mua bán đồng hồ nước; mua bán hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0093413**
(210) 4-2006-01985
(181) 14.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 14.02.2006

(531) 26.1.2; 26.3.1; 26.7.25
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM (VN)
Xóm 2, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Cho thuê không gian quảng cáo; mua bán xăng dầu; mua bán vật liệu xây dựng.

Nhóm 36: Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông; tổ chức thu phí các tuyến đường cao tốc quốc gia.

Nhóm 37: Quản lý bảo trì cầu đường; giám sát các công trình hạ tầng giao thông; tư vấn thi công xây dựng giao thông vận tải.

Nhóm 42: Nghiên cứu phát triển mạng đường cao tốc quốc gia; tư vấn thiết kế cầu; tư vấn thiết kế đường bộ; tư vấn thiết kế đường sân bay; lập dự án tiền khả thi, khả thi các công trình giao thông.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà nghỉ; dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093414**
(210) 4-2005-11373
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEWGENNEVORAXIN

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) SAMSUNG CORPORATION (KR)
20th Fl. Samsung-Plaza Bldg. 263, Seohyeon-Dong, Bundang-Gu, Seongnam-Si, Gyeonggi-Do, Korea 463-721, C.P.O. Box 32
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093415**
(210) 4-2005-11501
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIN-DAN

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); giường; tủ; bàn; ghế; kệ.

---

(111) **4-0093416**
(210) 4-2005-11502
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KYM-DAN

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); giường; tủ; bàn; ghế; kệ.

---

(111) **4-0093417**
(210) 4-2005-11503
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIM-DAN

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); giường; tủ; bàn; ghế; kệ.

---

(111) **4-0093418**
(210) 4-2005-11504
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KYM-ĐAN

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); giường; tủ; bàn; ghế; kệ.

---

(111) **4-0093419**
(210) 4-2005-11505
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KYM-DAM

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); giường; tủ; bàn; ghế, kệ.

---

(111) **4-0093420**
(210) 4-2005-11506
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KYM-ĐAM

(151) 19.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÀI GÒN - KYMDAN (VN)
28 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 20: Nệm mouse (nệm cao su); giường; tủ; bàn; ghế; kệ.

---

(111) **4-0093421**
(210) 4-2005-03566
(181) 01.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 01.04.2005

(531) 2.9.14; 10.5.13; 26.1.1; A14.7.20
(591) Xanh dương, xanh da trời, xanh đen, đỏ, trắng ngà, trắng hồng, đen, trắng
(731) TRUNG TÂM DẠY NGHỀ THẨM MỸ NGUYÊN MY (VN)
56-58 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dạy cắt uốn tóc; dạy trang điểm; dạy chăm sóc da mặt; dạy săn sóc thân thể; dạy làm móng tay và móng chân; dạy nghề người mẫu.

(111) **4-0093422**
(210) 4-2005-00656
(181) 17.01.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANVIFISH

(151) 19.12.2007
(220) 17.01.2005

(591) Cam
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT AN (VN)
Quốc lộ 91, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Các sản phẩm thủy hải sản chế biến, cụ thể: cá, cá tra, cá basa, cá lóc, cá lưỡi trầu, cá rô phi, cá thác lác, cá mè vinh, cá chạch, cá bống kèo, cá he, cá mòi, cá ngừ đã được sơ chế, được bảo quản, đông lạnh, được đóng hộp, được sấy khô; động vật giáp xác như tôm, tôm hùm (không còn sống, dùng làm thực phẩm); lươn, ốc, con hàu, sò (không còn sống, dùng làm thực phẩm); các sản phẩm chế biến từ cá, cá nguyên liệu, cá philê, các sản phẩm chế biến từ cá basa và cá tra, cá basa philê, cá tra philê, mầm cá cơm, trứng cá muối, cá viên, món khai vị làm từ cá ở dạng đông lạnh, bảo quản hoặc đóng gói, thịt cá hồi, thịt cá hồi hun khói, thực phẩm làm từ cá ở dạng đông lạnh, bảo quản hoặc đóng hộp, cá dầm (cá ngâm trong dung dịch như nước muối, giấm), cá cơm chế biến, rong biển, tảo biển chế biến có thể ăn được.

Nhóm 31: Thủy hải sản tươi (còn sống), như: cá, tôm, cua, ghẹ, lươn, ốc, ếch, nghêu, con hàu, sò, ba ba; thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Nhóm 35: Mua bán các loại thủy hải sản, như: cá, tôm, cua, ghẹ, lươn, ốc, ếch, nghêu, con hàu, sò, ba ba và các sản phẩm thực phẩm chế biến từ các loại thủy hải sản nêu trên.

---

(111) **4-0093423**
(210) 4-2005-00657
(181) 17.01.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 17.01.2005

(531) 26.1.2; A3.9.24; 26.3.23
(591) Cam, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT AN (VN)
Quốc lộ 91, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Các sản phẩm thủy hải sản chế biến, cụ thể: cá, cá tra, cá basa, cá lóc, cá lưỡi trầu, cá rô phi, cá thác lác, cá mè vinh, cá chạch, cá bống kèo, cá he, cá mòi, cá ngừ đã được sơ chế, được bảo quản, đông lạnh, được đóng hộp, được sấy khô; động vật giáp xác như tôm, tôm hùm (không còn sống, dùng làm thực phẩm); lươn, ốc, con hàu, sò (không còn sống, dùng làm thực phẩm); các sản phẩm chế biến từ cá, cá nguyên liệu, cá philê,

các sản phẩm chế biến từ cá basa và cá tra, cá basa philê, cá tra philê, mắm cá cơm, trứng cá muối, cá viên, món khai vị làm từ cá ở dạng đông lạnh, bảo quản hoặc đóng gói, thịt cá hồi, thịt cá hồi hun khói, thực phẩm làm từ cá ở dạng đông lạnh, bảo quản hoặc đóng hộp, cá dầm (cá ngâm trong dung dịch như nước muối, giấm), cá cơm chế biến, rong biển, tảo biển chế biến có thể ăn được.

Nhóm 31: Thủy hải sản tươi (còn sống), như: cá, tôm, cua, ghẹ, lươn, ốc, ếch, nghêu, con hàu, sò, ba ba; thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Nhóm 35: Mua bán các loại thủy hải sản, như: cá, tôm, cua, ghẹ, lươn, ốc, ếch, nghêu, con hàu, sò, ba ba và các sản phẩm thực phẩm chế biến từ các loại thủy hải sản nêu trên.

---

(111) **4-0093424**
(210) 4-2005-01464
(181) 03.02.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

hoànggia

(151) 19.12.2007
(220) 03.02.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THỊ TRƯỜNG HOÀNG GIA VIỆT NAM (VN)
Số 27 đường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Nghiên cứu và xây dựng giải pháp thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ của khách hàng; xây dựng các chương trình tác động thị trường, thẩm định kết quả chương trình nghiên cứu thị trường.

Nhóm 40: Các dịch vụ in ấn.

Nhóm 41: Xây dựng kịch bản, làm phim và sản xuất phim theo yêu cầu của khách hàng; tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về kinh tế, thương mại.

Nhóm 42: Thiết kế các bao bì sản phẩm, nhãn hiệu sản phẩm, biểu tượng công ty, hình dáng sản phẩm, gian hàng hội chợ triển lãm.

---

(111) **4-0093425**
(210) 4-2005-02335
(181) 07.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 07.03.2005

(531) 3.7.16; 3.7.11
(591) Xanh nước biển, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH QUANG (VN)
233 Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0093426**
(210) 4-2005-03597
(181) 04.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 04.04.2005

(531) A26.11.12
(591) Xanh, trắng
(731) TRADEWIND ASIA LTD. (HU)
1033 Budapest, Hajogyari Sziget Majus 9 Park, Hungary

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; các chế phẩm và thành phẩm vitamin.

---

(111) **4-0093427**
(210) 4-2005-03723
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540) 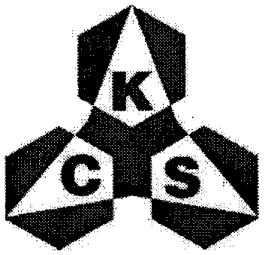

(151) 19.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 26.5.3; A1.1.8
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ C. K. S (VN)
169/17 đường 204 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hoá chất, mỹ phẩm, máy móc thiết bị ngành công nghiệp, hàng kim khí điện máy.

Nhóm 39: Giao nhận hàng hoá.

---

(111) **4-0093428**
(210) 4-2005-03724
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 3.7.11; A3.7.24
(731) CƠ SỞ CHIM CÂU (VN)
72 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 04: Nến.

Nhóm 20: Khung ảnh.

---

(111) **4-0093429**
(210) 4-2005-03725
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 7.1.24; 15.7.1; A26.11.12
(591) Đỏ, trắng, đen, vàng, xanh dương
(731) HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI NAM SÀI GÒN (VN)
223A Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hoá và xăng dầu, bốc xếp cơ giới.

---

(111) **4-0093430**
(210) 4-2005-03787
(181) 07.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 07.04.2005

(531) 2.1.1; A1.1.10; A2.1.18
(731) BLACK CANYON (THAILAND) CO., LTD (TH)
2991/8 Soi 101/3, Lardprao Road, Klongjan Sub-district, Bangkapi District, Bangkok Metropolis 10240, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê nhân tạo, bánh bích quy; bánh mỳ; bánh mì nhỏ; bánh ngọt; sôcôla; đồ uống làm bằng sôcôla có sữa; đồ uống chế biến trên cơ sở sôcôla; cacao, đồ uống làm bằng cacao có sữa; các sản phẩm cacao; đồ uống chế biến trên cơ sở cacao; cà phê; cà phê (chưa rang), đồ uống làm bằng cà phê có sữa; hương liệu cà phê; đồ uống chế biến trên cơ sở cà phê; bánh quy nhỏ; muối ăn; bánh quy giòn; bánh trứng sữa; bánh ham-bơ-gơ; mật ong; xúc xích; kem lạnh; trà đá; sốt cà chua; mỳ ống; bột (thức ăn đã chế biến); mù tạt; mỳ sợi; bánh kếp; mỳ sợi tươi; bánh mỳ ngọt; bánh pai; bánh pizza; bánh put đinh; gạo; bánh bít cốt; gia vị dùng để tẩm salát dạng kem; bánh xăng đuých; gia vị; xì dầu; mỳ spa-get-ti; đường; món su si; bánh tạc; trà; đồ uống chế biến trên cơ sở trà; bánh quế.

---

(111) **4-0093431**
(210) 4-2005-03788
(181) 07.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 07.04.2005

(531) 2.1.1; A1.1.10; A2.1.18
(731) BLACK CANYON (THAILAND) CO., LTD (TH)
2991/8 Soi 101/3, Lardprao Road, Klongjan Sub-district, Bangkapi District, Bangkok Metropolis 10240, Thailand
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ quán cà phê; cung cấp dịch vụ đồ ăn và đồ uống; dịch vụ nhà hàng (cung cấp đồ ăn và đồ uống); dịch vụ nhà hàng tự chọn món; quầy phục vụ đồ ăn nhanh.

---

(111) **4-0093432**
(210) 4-2005-05114
(181) 05.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.05.2005

(531) 26.1.2
(731) CHI NHÁNH CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VĂN HOÁ PHẨM (VN)
7 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán các loại: văn hoá phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, trang thiết bị phục vụ cho việc trang trí nội ngoại thất, hàng tiêu dùng, đồ gỗ chạm khảm, hàng điện và điện tử, máy vi tính; nhập khẩu sách và tạp chí chuyên ngành.

---

(111) **4-0093433**
(210) 4-2005-05149
(181) 05.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.05.2005

(531) 26.3.1; 26.3.3
(731) GUANGDONG TONZE ELECTRIC CO.,LTD. (CN)
No. 12-12 Block, Jinyuan Industrial District, Shantou, Guangdong, P R China
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: ấm điện; nồi hơi dùng điện; tủ đá; thiết bị nấu nướng dùng điện; máy pha cà phê dùng điện; chảo rán dùng điện; nồi áp suất dùng điện; lò nướng bánh dùng điện;

thiết bị sưởi ấm; thiết bị đun nóng nước; lò nướng; máy sấy tóc; thiết bị làm nóng cho bàn là; quạt gió (điều hoà không khí).

---

(111) **4-0093434**
(210) 4-2005-05303
(181) 09.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 09.05.2005

(531) 26.11.2; 26.4.2
(591) Đỏ, trắng, xanh da trời
(731) CVC TECHNOLOGIES INC. (TW)
No. 361, Renhua Road, Dali City, Taichung County, Taiwan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy đóng gói, máy nạp liệu tự động, máy dán nhãn tự động, máy sắp xếp các viên nhộng tự động, máy nạp thuốc vào các viên nhộng tự động, máy bào chế thuốc, máy đóng chai, máy buộc túi bằng sóng cao tần, máy đậy nắp tự động, máy sắp xếp hướng dẫn sử dụng thuốc.

---

(111) **4-0093435**
(210) 4-2005-05304
(181) 09.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 09.05.2005

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) HỌC VIỆN TƯ PHÁP (VN)
Phố Phan Văn Trường, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Học viện tư pháp (đào tạo); dịch vụ đào tạo kiến thức và nghiệp vụ cho các chức danh tư pháp (thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên và công chứng viên).

---

(111) **4-0093436**
(210) 4-2005-05319
(181) 09.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

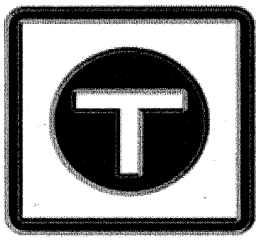

(151) 19.12.2007
(220) 09.05.2005

(531) 26.4.2; 26.1.1
(731) DAR TEAN MACHINERY WORKS CO., LTD. (TW)
No.350, Sec.3, Chung Shan Rd., Tan Tzu Hsiang, Taichung Hsien, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 07: Máy xén, máy ép thuỷ lực dùng để ép các thỏi thép, máy tạo khuôn thép tự động, máy cán thép, máy xén có cánh, máy cuộn thép, hộp số (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ).

---

(111) **4-0093437**
(210) 4-2005-05320
(181) 09.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 09.05.2005

(531) 26.4.3; 15.7.1; 26.3.23; 7.1.24
(591) Trắng, đen, xám nhạt
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-KINH DOANH-DỊCH VỤ VŨ NAM HẢI (VN)
Lô 16A5 khu công nghiệp Trà Nóc I, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường và hợp kim của chúng; vật liệu xây dựng bằng kim loại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được; cáp và kim loại không dùng để dẫn điện; ống kim loại; sườn nhà bằng kim loại.

Nhóm 37: Xây dựng.

---

(111) **4-0093438**
(210) 4-2005-06596
(181) 03.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ZESPAR

(151) 19.12.2007
(220) 03.06.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093439**
(210) 4-2005-06732
(181) 07.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 07.06.2005

(531) 26.3.1; A26.11.9
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀN MỸ (VN)
15 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Kinh doanh nhà ở; cho thuê văn phòng; cho thuê căn hộ; môi giới bất động sản dịch vụ nhà ở; quản lý bất động sản.

Nhóm 43: Khách sạn; nhà hàng ăn uống; đặt chỗ khách sạn; dịch vụ khách sạn; nhà nghỉ; cho thuê phòng họp.

---

(111) **4-0093440**
(210) 4-2005-02177
(181) 02.03.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 02.03.2005

(531) 2.1.20; 3.3.1
(731) YOUNG SANGYO CO., LTD (JP)
4-9-5 Hiranonishi, Hirano-Ku, Osaka-Shi, Japan 547-0033
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 18: Cặp da, cặp để tài liệu; túi xách; ô che nắng; ví; ví đựng tiền; cặp sách; va li, túi du lịch; ô che mưa.

Nhóm 25: Quần áo; giày dép; mũ nón; tạp dề; thắt lưng; quần áo lót nữ; găng tay (trang phục); ca vát; bít tất; quần áo bơi; quần áo lót.

(111) **4-0093441**
(210) 4-2005-12386
(181) 22.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

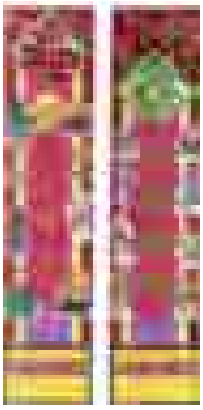

(151) 19.12.2007
(220) 22.09.2005

(531) 2.7.23; A25.1.10
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh dương, xanh tím, xanh da trời, xanh lá cây, xanh lá mạ, hồng, hồng đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN THĂNG (VN)
547 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nhang.

---

(111) **4-0093442**
(210) 4-2005-08304
(181) 06.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 06.07.2005

(531) 26.5.1; 5.7.3
(591) Xanh dương, vàng, đỏ, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐẠI LÝ XĂNG DẦU RẠCH KIẾN (VN)
ấp 4, xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Ga (khí hóa lỏng).

---

(111) **4-0093443**
(210) 4-2005-08331
(181) 07.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BLUE METER

(151) 19.12.2007
(220) 07.07.2005

(591) Xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỄN THÔNG VIỆT HỒNG HÀ (VN)
B1/59H Nguyễn Cửu Phú, KP4, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Công tơ (đồng hồ) nước.

---

(111) **4-0093444**
(210) 4-2005-09714
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LUBRAM

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093445**
(210) 4-2005-09715
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MOTOGRIS

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

(111) **4-0093446**
(210) 4-2005-09716
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

JENTERAM

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)
Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, 50088 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; nhiên liệu (gồm nhiên liệu lỏng dùng cho động cơ); dầu thô; ê-te; dầu dùng cho động cơ gắn bên ngoài; xăng; khí nhiên liệu; dầu nhiên liệu; cồn nhiên liệu; nhiên liệu làm từ cồn; hỗn hợp nhiên liệu; nhiên liệu diesel, khí ga, xăng, graphite dùng làm chất bôi trơn; dầu làm nóng; nhiên liệu diesel tốc độ cao; nhiên liệu keraxin; nhiên liệu không chứa chì; chất phụ gia nhiên liệu; dầu hoả, dầu mazut; nhiên liệu khoáng; khí dầu; parafin; dầu mỏ; ê-te dầu mỏ; mỡ bôi trơn; dầu bôi trơn; dầu than đá; dầu nhựa than đá; nhiên liệu phản lực; chất phụ gia nhiên liệu phản lực; dầu vazơlin; khí ga (nhiên liệu) hoá rắn; dầu mỏ hoá lỏng; hợp chất hấp thụ, làm ẩm và dính bụi; chất phát quang; nến, bấc.

---

(111) **4-0093447**
(210) 4-2005-09718
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MODERN WOMAN

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) LANE BRYANT PURCHASING CORP. (US)
450 Winks Lane, Bensalem, Pennsylvania 19020, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo phụ nữ (trừ quần áo chuyên dụng thuộc nhóm khác).

---

(111) **4-0093448**
(210) 4-2005-09719
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANNA MAXWELL

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) CATHERINES OF CALIFORNIA, INC. (US)
17396 Colima, Rowland Heights, California 91748, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo phụ nữ (trừ quần áo chuyên dụng thuộc nhóm khác), áo váy phụ nữ, trang phục phụ nữ.

---

(111) **4-0093449**
(210) 4-2005-09720
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAPISTRANO

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) CATHERINES OF CALIFORNIA, INC. (US)
17396 Colima, Rowland Heights, California 91748, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo phụ nữ (trừ quần áo chuyên dụng thuộc nhóm khác).

---

(111) **4-0093450**
(210) 4-2005-09723
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LIZ&ME

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) CATHERINES OF CALIFORNIA, INC. (US)
17396 Colima, Rowland Heights, California 91748, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo phụ nữ (trừ quần áo chuyên dụng thuộc nhóm khác).

---

(111) **4-0093451**
(210) 4-2005-09724
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MAGGIE BARNES

(151) 19.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) CATHERINES OF CALIFORNIA, INC. (US)
17396 Colima, Rowland Heights, California 91748, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo phụ nữ (trừ quần áo chuyên dụng thuộc nhóm khác).

---

(111) **4-0093452**
(210) 4-2005-09945
(181) 08.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 08.08.2005

(531) 3.7.21
(731) AGRAQUEST, INC. (US)
1530 Drew Avenue, Davis, CA 95616, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu sinh học dùng cho nông nghiệp, thương mại và gia đình; lớp phủ chống vi trùng dùng để ngăn chặn sự phát triển của mốc, nấm mốc sương, vi khuẩn và nấm trên các bề mặt khác nhau; chế phẩm chống vi trùng dùng để hạn chế sự phân huỷ do vi trùng ở thực phẩm, đồ uống, thức ăn động vật và dược phẩm; chế phẩm dược; chế phẩm thú y; chất khử mùi không dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0093453**
(210) 4-2005-11332
(181) 01.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 01.09.2005

(531) 2.1.1; 2.5.2; 2.5.4
(591) Nâu đỏ, da cam, nâu nhạt, xám, đen, trắng
(731) CƠ SỞ ĐẶNG THU THƠM (VN)
Số 4, Hải Triều, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống, giải khát.

(111) **4-0093454**
(210) 4-2005-11350
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SVEDIN

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG THANH HẰNG (VN)
Số 9, Chợ Hôm, phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang.

Nhóm 35: Mua bán quần áo thời trang.

---

(111) **4-0093455**
(210) 4-2005-11359
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMINOFULID

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) OTSUKA PHARMACEUTICAL FACTORY, INC. (JP)
115, Aza Kuguhara Tateiwa, Muya-cho, Naruto-shi, Tokushima-ken, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Thuốc nước để tiêm và dược phẩm.

---

(111) **4-0093456**
(210) 4-2005-11360
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEOPAREN

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) OTSUKA PHARMACEUTICAL FACTORY, INC. (JP)
115, Aza Kuguhara Tateiwa, Muya-cho, Naruto-shi, Tokushima-ken, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Thuốc nước để tiêm và dược phẩm.

---

(111) **4-0093457**
(210) 4-2005-11370
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) 26.3.23
(591) Xanh tím than, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH (VN)
ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Dây cáp viễn thông, cáp điện lực, các loại dây dẫn điện, hộp nối dây cáp, ống nhựa để luồn dây điện các loại.

Nhóm 17: Ống nhựa mềm.

Nhóm 19: Ống nhựa cứng.

---

(111) **4-0093458**
(210) 4-2005-09596
(181) 02.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 19.12.2007
(220) 02.08.2005

(531) 24.7.1
(591) Xanh, trắng, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THANH NIÊN VIỆT NAM (VN)
Phòng 903B, khách sạn Thể Thao, làng sinh viên Hacinco, đường Hồng Liên, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo thương mại và phi thương mại, tổ chức hội chợ triển lãm thương mại.

Nhóm 41: Tổ chức hội nghị, hội thảo, khuếch trương sự kiện.

Nhóm 43: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0093459**
(210) 4-2005-11369
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VAMIDAZOL

(151) 19.12.2007
(220) 05.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093460**
(210) 4-2005-11387
(181) 06.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

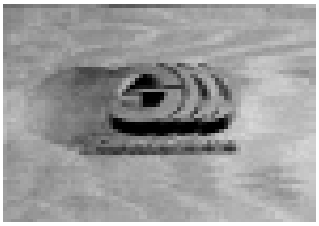

(151) 19.12.2007
(220) 06.09.2005

(531) 26.1.2; 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ G&M (VN)
Số 20, ngõ 292, đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán các mặt hàng hương liệu.

Nhóm 40: Sản xuất mặt hàng hương liệu.

---

(111) **4-0093461**
(210) 4-2005-08302
(181) 06.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 06.07.2005

(531) 26.5.1; 5.7.3
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐẠI LÝ XĂNG DẦU RẠCH KIẾN (VN)
ấp 4, xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Ga (khí hóa lỏng).

---

(111) **4-0093462**
(210) 4-2005-08303
(181) 06.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 06.07.2005

(531) 26.5.1; 5.7.3
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐẠI LÝ XĂNG DẦU RẠCH KIẾN (VN)
ấp 4, xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Ga (khí hóa lỏng).

---

(111) **4-0093463**
(210) 4-2006-00809
(181) 16.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

LONG SƠN

(151) 20.12.2007
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ LONG SƠN (VN)
5A Cô Bắc, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hệ thống báo cháy; mua bán hệ thống báo trộm; mua bán thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán phương tiện phòng cháy chữa cháy.

Nhóm 37: Lắp đặt khóa bảo vệ; lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; lắp đặt thiết bị báo trộm.

Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ.

---

(111) **4-0093464**
(210) 4-2005-06764
(181) 07.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 07.06.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
1B Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Thuốc nhuộm.

Nhóm 07: Máy móc dùng cho ngành công nghiệp dệt.

Nhóm 24: Vải dệt các loại, sợi dệt, khăn tắm, gối, khăn phủ, rèm cửa, chăn, màn, miếng lót (hàng dệt), gạc thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo may sẵn, mũ, giầy, tất, bao tay, tấm lót giữa cho quần áo (bộ phận của quần áo) thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng bao gồm: hàng may mặc, nguyên phụ liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, thuốc nhuộm và các sản phẩm ngành dệt may, hàng công nghệ thực phẩm, nông lâm hải sản, thủ công, mỹ nghệ, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, trang thiết bị văn phòng, thiết bị tạo mẫu thời trang, vật liệu điện, điện tử, cao su và các sản phẩm bằng cao su, giấy, bìa và các sản phẩm làm bằng bột giấy, thủy tinh và các sản phẩm làm bằng thủy tinh, sắt thép và các sản phẩm làm bằng sắt thép, kim loại màu, máy móc thiết bị cơ khí, dụng cụ quang học, đo lường, y tế; đại lý kinh doanh xăng dầu; đại lý ký gửi vật tư hàng hoá.

---

(111) **4-0093465**
(210) 4-2005-07381
(181) 21.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 21.06.2005

(731) ĐÀO XUÂN KÝ (VN)
Số nhà 26, tổ 33, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 40: Dịch vụ gia công lắp ráp hàng điện tử: loa, ampli, hoà âm karaoke, đầu đĩa thiết bị báo trộm.

---

(111) **4-0093466**
(210) 4-2005-16810
(181) 12.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 12.12.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI HOÀNG HẢO (VN)
347 hương lộ 3, khu phố 7, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 18: Túi xách.

Nhóm 25: Quần áo may sẵn, găng tay, khẩu trang dùng làm trang phục.

---

(111) **4-0093467**
(210) 4-2005-16934
(181) 13.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

JIJINA

(151) 20.12.2007
(220) 13.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TI TI (VN)
AB 79 Bầu Cát, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Thuốc duỗi tóc; thuốc uốn tóc; keo xịt tóc; keo vuốt tóc; dầu gội đầu; dầu xả; dầu dưỡng tóc; kem dưỡng dùng để hấp tóc; kem dưỡng da; son môi; sữa rửa mặt; sữa tắm; bột tẩy tóc; thuốc nhuộm tóc.

---

(111) **4-0093468**
(210) 4-2005-11508
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Bin

(151) 20.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN S.V (VN)
228 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Máy nghe nhạc MP3; thẻ nhớ; thiết bị máy vi tính gồm: ổ cứng di động (USB); chuột (mouse); bàn phím (keyboard); bộ nhớ (ram); màn hình.

---

(111) **4-0093469**
(210) 4-2005-11511
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 07.09.2005

(531) 26.1.2
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỆT MAY CÀ VẠT D.K SÀI GÒN (VN)
Khuôn viên nhà máy dệt Việt Thắng, khu phố 1, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Cà vạt; nơ đeo cổ; khăn choàng; nịt bụng (thắt lưng to bản may bằng vải).

---

(111) **4-0093470**
(210) 4-2005-16656
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

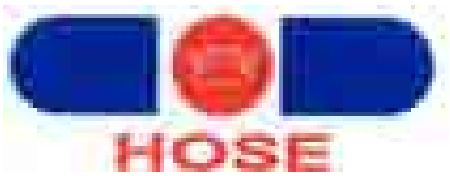

(151) 20.12.2007
(220) 08.12.2005

(531) 26.1.1; 26.4.2; 26.7.25; 5.5.16
(591) Đỏ, trắng, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA SEN (VN)
43 Nguyễn Đức Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0093471**
(210) 4-2005-17925
(181) 30.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

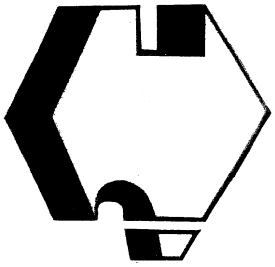

(151) 20.12.2007
(220) 30.12.2005

(531) 26.5.1; 24.15.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT KIẾT TƯỜNG (VN)
08 ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng phục vụ sản xuất: (vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc), hàng công nghệ thực phẩm, sản phẩm nhựa, cao su, sản phẩm da và giả da, hàng may mặc, phụ tùng kim khí điện máy, trang thiết bị văn phòng, thiết bị lọc nước hồ bơi, hoá chất, thiết bị xông hơi, bồn tắm, máy làm nước nóng dùng năng lượng mặt trời, chế phẩm diệt côn trùng, chế phẩm diệt khuẩn.

---

(111) **4-0093472**
(210) 4-2006-01502
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 03.02.2006

(731) HUAY FENG HANG PTE LTD (SG)
623 Aljunied Road, #06-08 Aljunied Industrial Complex, Singapore 389835
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm bổ sung cho đồ uống có lợi cho sức khỏe để chữa bệnh; sản phẩm bổ sung cho đồ uống từ thảo dược dùng cho người để chữa bệnh; đồ uống để chữa bệnh; dịch truyền y tế; thuốc bổ để chữa bệnh chiết xuất từ thực vật; thuốc bổ; sản phẩm bổ sung khoáng chất cho đồ uống dùng cho người.

---

(111) **4-0093473**
(210) 4-2006-01503
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

HUIJI

(151) 20.12.2007
(220) 03.02.2006

(731) HUAY FENG HANG PTE LTD (SG)
623 Aljunied Road, #06-08 Aljunied Industrial Complex, Singapore 389835
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; đồ uống ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; trà dược thảo; đồ uống để chữa bệnh; dược thảo; dịch truyền y tế; dầu dùng để chữa bệnh; rễ cây dùng để chữa bệnh; trà dùng để chữa bệnh; thuốc bổ; thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0093474**
(210) 4-2006-04568
(181) 29.03.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

XUÂN NGUYÊN

(151) 20.12.2007
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ XUÂN NGUYÊN (VN)
D12A Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Mật ong.

---

(111) **4-0093475**
(210) 4-2006-05557
(181) 12.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

OSIM

(151) 20.12.2007
(220) 12.04.2006

(731) OSIM INTERNATIONAL LTD (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 28: Dụng cụ và thiết bị thể dục và thể thao không xếp vào các nhóm khác, cụ thể là máy luyện tập thể chất khoẻ mạnh; thiết bị tập luyện để có được thể chất khoẻ mạnh; thiết bị và dụng cụ luyện tập thể chất khoẻ mạnh ở trong và ngoài nhà; xe đạp cố định để tập tại chỗ; thiết bị luyện tập làm khoẻ mạnh cơ thể; thiết bị luyện tập rèn luyện cơ thể; thiết bị tập thể hình; thiết bị phục hồi cơ thể (không dùng trong y tế); thiết bị luyện tập xách tay, không dùng trong y tế; thiết bị có băng chuyền động liên tục để tập đi bộ hay chạy tại chỗ dùng trong luyện tập thể chất; máy leo bậc thang để luyện tập thể chất (không dùng để chữa bệnh trong y tế); đai nâng vật nặng (dụng cụ thể thao); quả tạ; thiết bị tạo và luyện tập cơ bắp (không dùng cho mục đích y tế); cái bảo vệ khuỷu tay (dụng cụ thể thao); cái bảo vệ đầu gối và đệm đầu gối dùng khi chơi thể thao; bao cổ tay để khỏi trật gân dùng trong khi chơi thể thao; tất cả đều thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093476**
(210) 4-2006-06599
(181) 27.04.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 27.04.2006

(531) 26.5.1; 26.1.2
(591) Xanh dương đậm, xanh lá cây đậm, nâu, đỏ sẫm, đỏ tươi, vàng đậm, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THÁI BÌNH (VN)
64A Hai Bà Trưng, thành phố Thái Bình
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Rượu bổ sâm quy (rượu thuốc chữa bệnh); rượu thuốc chữa bệnh phong thấp; thuốc bổ thận âm; thuốc bổ thận dương; dược phẩm.

---

(111) **4-0093477**
(210) 4-2006-12032
(181) 27.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

uPilot

(151) 20.12.2007
(220) 27.07.2006

(731) OSIM INTERNATIONAL LTD (SG)
65 Ubi Avenue 1, OSIM Headquarters, Singapore 408939
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ mát xa; máy xoa bóp hay mát xa (reflexology machine - sử dụng cách điều trị trong đó các bộ phận cơ thể như chân, tay được cọ xát hay ấn, bóp một cách đặc biệt giúp máu huyết lưu thông và thư giãn cơ thể); thiết bị mát xa bằng cách tạo nhiệt nóng sâu; thiết bị kích thích cơ thần kinh dùng cho mục đích y tế; thiết bị mát xa cơ thể; thiết bị mát xa chân; ghế mát xa; ghế mát xa chạy điện; máy đấm bóp, đập (vỗ) nhẹ và mát xa; thiết bị dùng trong luyện tập và/hoặc làm rắn chắc cơ bắp dùng

cho mục đích y tế; thiết bị tạo rung động để mát xa; thiết bị mát xa chạy điện tạo rung động nhờ động cơ.

---

(111) **4-0093478**
(210) 4-2006-12242
(181) 01.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 01.08.2006

(531) A1.5.6
(591) Xanh cửu long, trắng
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT BÁNH CAO CẤP HỒNG HÀ (VN)
Triều Đông, Tân Minh, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo.

---

(111) **4-0093479**
(210) 4-2006-12555
(181) 03.08.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 03.08.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh lam, trắng, xanh vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TIẾN THANH (VN)
Xóm Cửa, thôn Kim Đôi, xã Kim Chân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 33: Đồ uống có chứa cồn (trừ bia), rượu.

---

(111) **4-0093480**
(210) 4-2006-15833
(181) 20.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 20.09.2006

(531) 26.1.1; 26.4.2
(731) NIHON KENSHI CO., LTD. (JP)
2-12-9 Minamihorie, Nishi-ku, Osaka, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Giấy ráp để mài mòn; vải để mài mòn; vải không dệt để mài mòn; vật liệu dùng để mài mòn ở dạng tấm, miếng, đĩa, bánh và dải băng, tất cả có chức năng như giấy ráp; chất co-run-đum (chất mài); chất mài mòn giống kim cương.

---

(111) **4-0093481**
(210) 4-2005-09476
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 29.07.2005

(531) 5.5.16; 26.1.2
(591) Trắng, đỏ hồng, xanh lá cây, tím, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI CHẤN VINH (VN)
44 bến Phú Định, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 32: Nước yến, nước nha đam, nước tim nhân sen.

---

(111) **4-0093482**
(210) 4-2005-14966
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

Southern Bank

(151) 20.12.2007
(220) 08.11.2005

(531) 26.3.23; 26.4.4
(591) Xanh, đỏ
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG NAM (VN)
279 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Gồm các dịch vụ tài chính và tiền tệ; huy động tiền gửi tiết kiệm; tiền gửi thanh toán; tín dụng cho vay; chuyển tiền trong nước; chuyển tiền nước ngoài; thanh toán quốc tế; kinh doanh tiền tệ; phát hành thẻ ATM; chiết khấu các loại giấy tờ có giá; cho thuê ngăn két sắt, tài trợ vốn xuất nhập khẩu; các dịch vụ ngoại hối.

---

(111) **4-0093483**
(210) 4-2005-13321
(181) 10.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALTON

(151) 20.12.2007
(220) 10.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Số 15, đường 7C, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093484**
(210) 4-2005-14982
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

UNICLEAR

(151) 20.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093485**
(210) 4-2005-15804
(181) 23.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CellartNATASE

(151) 20.12.2007
(220) 23.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG ÂU (VN)
Phòng B02, tập thể Xí nghiệp 208, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093486**
(210) 4-2005-15858
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

http://www.izzue.com

(151) 20.12.2007
(220) 24.11.2005

(731) ITHK TM LIMITED (VG)
P. O. Box 3340, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo; mũ nón; giày dép; quần áo khoác ngoài và quần áo lót; bộ com-lê; bít tất dài; quần chật ống; quần bó sát vào người; bít tất ngắn; áo sơ mi; áo thun ngắn tay; áo ba lỗ; áo choàng; quần, váy; áo đầm; áo choàng mặc trong nhà; váy đầm dạ hội; áo vét; áo khoác làm việc; áo gilê; áo lông, áo da, áo mưa, áo choàng rộng, bộ quần áo, áo khoác dài; quần áo dệt; khăn choàng; cà vạt; áo choàng tắm; quần áo thể thao; quần áo ngủ; mũ; bít tất; thắt lưng (quần áo); mũ lưỡi trai; găng tay (quần áo) và tạp dề (quần

áo) tất cả để mặc; quần gin; khăn quàng cổ; quần áo bơi; giầy thể dục, giầy thể thao; giầy chơi gôn; guốc; dép lê, tất cả thuộc nhóm này.
Nhóm 35: Dịch vụ bán buôn và bán lẻ đồng hồ đeo tay, đồng hồ, kính, đồ làm bằng da và giả da, hộp, túi, túi dùng ở bãi biển, túi xách tay, túi đựng đồ lặt vặt đi đường, túi đeo ở thắt lưng, túi nhỏ, cặp, cặp giấy, ví bỏ túi, vòng kẹp giữ chìa khóa, rương, hòm, va li, túi du lịch, ví đựng tiền, ví, dây đeo chìa khóa, ô, lọng, ba toong, gậy chống, ví và hộp đựng thẻ tín dụng, ba lô, cặp sách, túi đeo vai học sinh, túi đi chợ, túi thể thao, túi vải buộc dây, túi đựng tiền, túi khoác vai, dây đeo quàng vai, ví giữ chìa khóa, ví giữ sổ séc, các bộ phận và phụ kiện cho tất cả các hàng hóa trên, đồ thời trang kèm theo, quần áo, mũ nón, giày dép, quần áo khoác ngoài và quần áo lót, bộ com-lê, bít tất dài, quần chật ống, quần bó sát vào người, bít tất ngắn, áo sơ mi, áo thun ngắn tay, áo ba lỗ, áo choàng, quần, váy, áo đầm, áo choàng mặc trong nhà, váy đầm dạ hội, áo vét, áo khoác làm việc, áo gilê, áo lông, áo da, áo mưa, áo choàng rộng, bộ quần áo, áo khoác dài, quần áo dệt/đan và quần áo làm từ các loại vải dệt, khăn choàng, cà vạt, áo choàng tắm, quần áo thể thao, quần áo ngủ, mũ, bít tất, dây đai, mũ lưỡi trai, găng tay và tạp dề, tất cả để mặc, quần gin, khăn quàng cổ, quần áo bơi, thắt lưng (quần áo), đồ đi chân dùng trong môn điền kinh, giầy thể thao, giầy chơi gôn, guốc, dép lê; dịch vụ bán lẻ các sản phẩm nói trên qua Internet và các mạng máy tính cục bộ và toàn cầu khác, biên tập danh sách những địa chỉ nhận thông tin thường xuyên; dịch vụ đặt hàng qua thư tín, điện thoại, và tất cả các hình thức liên lạc và viễn thông khác; quảng cáo trực tiếp qua thư; dịch vụ tư vấn và quản lý kinh doanh; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ trưng bày để bán sản phẩm; dịch vụ quảng bá sản phẩm và dịch vụ; dịch vụ tiếp thị và quảng cáo để đẩy mạnh việc bán sản phẩm; dịch vụ phân tích và nghiên cứu thị trường, dịch vụ hãng xuất nhập khẩu; dịch vụ thu mua hàng hóa cho người khác; trang trí các quầy kính cửa hàng, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0093487**
(210) 4-2005-14671
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(531) A26.11.12
(591) Đen, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC S.A.G (VN)
51 bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Nghiên cứu thị trường; thông tin về thương mại; tư vấn trong tổ chức và điều hành kinh doanh.

---

(111) **4-0093488**
(210) 4-2005-15692
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMFALUTIL

(151) 20.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093489**
(210) 4-2005-15857
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 24.11.2005

(531) 2.9.14; A5.3.15; 26.1.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM - THỰC PHẨM THĂNG LONG (VN)
109 đường Thánh Thiên, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 05: Thực phẩm bổ dưỡng dùng cho ngành y tế, dược phẩm.

---

(111) **4-0093490**
(210) 4-2005-15865
(181) 24.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ACME

(151) 20.12.2007
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO ACME (VN)
333/12/22 Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán văn phòng phẩm, văn hoá phẩm, quà tặng, vật phẩm khuyến mãi; quảng cáo tiếp thị, lập chiến lược tiếp thị; trang trí quầy kệ, phòng trưng bày sản phẩm.

Nhóm 37: Thi công xây dựng, trang trí nội thất văn phòng, nhà ở.

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu; thiết kế nội thất: văn phòng, nhà ở, phòng trưng bày sản phẩm, quầy tủ kệ.

(111) **4-0093491**
(210) 4-2005-07899
(181) 29.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EZYVENT

(151) 20.12.2007
(220) 29.06.2005

(731) SQUARE PHARMACEUTICALS LTD. (BD)
48, Mohakhali Commercial Area, Dhaka - 1212, Bangladesh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093492**
(210) 4-2005-11088
(181) 29.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FURCIDATE

(151) 20.12.2007
(220) 29.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
90B/12C Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093493**
(210) 4-2005-13035
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) LIU WANGYONGJIE (CN)
Room 303, Tower 3, No. 9 Zhangfu Road, Xiangcheng District, Zhangzhou, Fujian, P.R.C.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 07: Máy đóng gói; thiết bị trộn thực phẩm chạy điện dùng cho mục đích gia đình; dụng cụ cầm tay, không phải là dụng cụ vận hành bằng tay; động cơ cho cửa cuốn; máy xúc tuyết; máy nhổ (làm) cỏ; máy xén lông cho động vật; máy cán là hơi nước, cầm tay, dùng cho vải; dụng cụ kéo rèm, vận hành bằng điện; dụng cụ vận hành bằng khí ga dùng để mở và đóng cửa (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0093494**
(210) 4-2005-14983
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LAMETE

(151) 20.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG GIA DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP (VN)
Số 20, Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093495**
(210) 4-2005-14984
(181) 08.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CALVISOL

(151) 20.12.2007
(220) 08.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG GIA DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP (VN)
20, Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093496**
(210) 4-2005-15979
(181) 25.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 25.11.2005

(531) 26.4.2
(591) Xanh tím, trắng, đỏ cà rốt
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC THÀNH (VN)
Ngõ 12, ngách 2/5 số nhà 20, đường Đặng Thai Mai, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, quản lý kinh doanh.

---

(111) **4-0093497**
(210) 4-2006-01504
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 03.02.2006

(531) 2.9.1; A5.5.21
(731) HUAY FENG HANG PTE LTD (SG)
623 Aljunied Road, #06-08 Aljunied Industrial Complex, Singapore 389835
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; đồ uống ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; trà dược thảo; đồ uống để chữa bệnh; dược thảo; dịch truyền y tế; dầu dùng để chữa bệnh; rễ cây dùng để chữa bệnh; trà dùng để chữa bệnh; thuốc bổ; thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0093498**
(210) 4-2006-01505
(181) 03.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

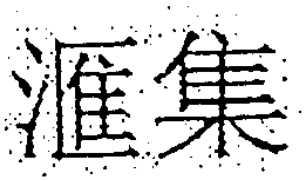

(151) 20.12.2007
(220) 03.02.2006

(731) HUAY FENG HANG PTE LTD (SG)
623 Aljunied Road, #06-08 Aljunied Industrial Complex, Singapore 389835
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; đồ uống ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; trà dược thảo; đồ uống để chữa bệnh; dược thảo; dịch truyền y tế; dầu dùng để chữa bệnh; rễ cây dùng để chữa bệnh; trà dùng để chữa bệnh; thuốc bổ; thuốc dùng cho người.

---

(111) **4-0093499**
(210) 4-2006-00718
(181) 16.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

QWIK-DRY

(151) 20.12.2007
(220) 16.01.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh và miếng đệm dùng khi kinh nguyệt.

---

(111) **4-0093500**
(210) 4-2006-21127
(181) 01.12.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 01.12.2006

(531) A18.1.9; 26.1.1; A26.4.22
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh lam, xanh lam nhạt, vàng
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (CFTD) (VN)
639 đường La Thành, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy đo tốc độ dùng trong giao thông.

---

(111) **4-0093501**
(210) 4-2005-14877
(181) 07.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CARIBBEAN STUD

(151) 20.12.2007
(220) 07.11.2005

(731) PROGRESSIVE GAMING INTERNATIONAL CORPORATION (US)
920 Pilot Road, Las Vegas, NV 89119, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 28: Bàn đánh bạc; trò chơi bài.

Nhóm 41: Dịch vụ đánh bạc.

---

(111) **4-0093502**
(210) 4-2005-14647
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh cô ban
(731) CƠ SỞ BẠCH NGỌC (VN)
958/43C Lò Gốm, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 16: Bút bi; bút lông kim.

---

(111) **4-0093503**
(210) 4-2005-14648
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(531) A25.1.10; 25.7.25
(591) Đỏ, trắng, xanh nước biển
(731) TRỊNH VĂN NGHĨA (VN)
118/8/24 đường liên khu 5-6, khu phố 5, phường Bình Hưng Hoà B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da; kem làm trắng da; kem chống nắng.

---

(111) **4-0093504**
(210) 4-2005-12972
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOLOGEL

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad - 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093505**
(210) 4-2005-12974
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

REGLIT

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad - 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093506**
(210) 4-2005-13101
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 05.10.2005

(531) 26.4.1
(591) Nâu, vàng
(731) CÔNG TY TNHH TÁM CON SƯ TỬ (VN)
Số 100 (phòng số 4, tầng 3, toà nhà Broadway B), Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng gia dụng, hàng kim khí điện máy, điện lạnh, điện tử, thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất, mỹ phẩm, quần áo, giày dép, nón, túi xách, hàng may mặc các loại; tư vấn quản lý kinh doanh, tiếp thị.

Nhóm 37: Dịch vụ trang trí nội thất.

Nhóm 41: Dịch vụ tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm.

---

(111) **4-0093507**
(210) 4-2005-13102
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FABRAZYME

(151) 20.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) GENZYME CORPORATION (US)
500 Kendall Street, Cambridge, Massachusetts 02142, USA
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm để điều trị bệnh Fabry.

---

(111) **4-0093508**
(210) 4-2005-13103
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MYOZYME

(151) 20.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) GENZYME CORPORATION (US)
500 Kendall Street, Cambridge, Massachusetts 02142, USA
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng điều trị bệnh Lysosomal Storage (một loại bệnh rối loạn gen).

---

(111) **4-0093509**
(210) 4-2005-13105
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SYNVISC

(151) 20.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) GENZYME CORPORATION (US)
500 Kendall Street, Cambridge, Massachusetts 02142, USA
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm cụ thể là dung dịch hoá sinh dùng để tiêm đã được đóng gói như dung dịch natri hylan.

Nhóm 10: Dụng cụ y tế cụ thể là ống tiêm độc lập dùng trong phẫu thuật để pha chế dung dịch natri hylan dùng để tiêm đã được đóng gói trước.

---

(111) **4-0093510**
(210) 4-2005-13954
(181) 20.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 20.10.2005

(531) 3.4.18; 26.1.2; 3.7.17
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, tím hồng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI PHƯƠNG NAM (VN)
14/9 hẻm 624 Âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho động vật, thức ăn cho gia súc, thức ăn cho gia cầm, thức ăn cho thủy sản, thức ăn vỗ béo và thức ăn tăng lực cho súc vật.

---

(111) **4-0093511**
(210) 4-2005-14736
(181) 04.11.2015
(300) 1053657 04.05.2005 AU
(450) 25.01.2008 238
(540)

SECURENCY

(151) 20.12.2007
(220) 04.11.2005

(731) SECURENCY PTY LIMITED (AU)
Hume Highway Craigieburn, Victoria 3064 Australia
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Thuốc nhuộm; chất tạo màu; chất màu để chế tạo thuốc nhuộm; sơn; véc-ni (dầu bóng); mực in; bột hồ (bột nhão) dùng cho máy in; các chất tổng hợp dùng trong việc in ấn; lớp phủ dùng cho tiền giấy; mực in và lớp phủ để in bao gồm cả các đặc điểm chỉ dẫn nguồn gốc sản xuất và bảo mật dùng để phát hiện bằng các thiết bị xác nhận tiền thật.

Nhóm 09: Các thiết bị xác nhận tiền thật; thiết bị cảm biến; dụng cụ dò quang học; các thiết bị bảo đảm an ninh; thiết bị biến số quang học; lưới (cách tử) nhiễu xạ; thẻ từ đã mã hoá; thẻ thông minh (thẻ từ đã mã hoá); thẻ nhận dạng (thẻ từ đã mã hoá); thẻ ghi có (ngân hàng) (thẻ từ đã mã hoá); thẻ ngân hàng (thẻ từ đã mã hoá); thẻ tín dụng (thẻ từ đã mã hoá); thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán (thẻ từ đã mã hoá); thiết bị đọc thẻ; phần cứng máy vi tính bao gồm bộ xử lý trung tâm (CPU), bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM), ổ đĩa cứng, ổ đĩa mềm và đĩa CD-Rom, phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm máy vi tính để sử dụng trong máy xác nhận tiền thật, để chế tạo thiết bị biến số quang học và các thiết bị bảo đảm an ninh, để kết nối thẻ từ được mã hoá với thiết bị đầu cuối và đầu đọc, để thực hiện mật hoá, thẩm định quyền, điều khiển truy cập, và các chức năng bảo đảm an ninh khác liên quan tới thẻ từ được mã hoá và thẻ chứa mạch điện tử đã tích hợp.

Nhóm 16: Mực viết; tiền giấy; séc; hộ chiếu; các tài liệu nhận dạng và bảo mật; giấy nhân tạo dùng để in; tiền và các tài liệu bảo mật làm từ màng nhựa mỏng (sản phẩm của ngành in).

Nhóm 17: Màng làm từ vật liệu dẻo; màng pô-li-me dạng lá (cán mỏng).

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; in bảo mật; in thạch bản; in ốp-sét; in khắc lõm (chạm chìm); dịch vụ sản xuất tiền giấy; dịch vụ cung cấp thông tin liên quan đến in ấn và các ấn phẩm; dịch vụ xử lý giấy và lớp nền của giấy; dịch vụ hoàn thiện giấy và lớp nền của giấy.

Nhóm 42: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển; nghiên cứu và phát triển liên quan đến chống làm giả và các tài liệu bảo mật; dịch vụ tư vấn và cố vấn chuyên nghiệp liên quan đến việc in ấn và việc sản xuất các tài liệu bảo mật và dịch vụ chống làm giả.

(111) **4-0093512**
(210) 4-2005-13036
(181) 05.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 05.10.2005

(731) LIU WANGYONGJIE (CN)
Room 303, Tower 3, No. 9 Zhangfu Road, Xiangcheng District, Zhangzhou, Fujian, P.R.C.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Hệ thống lắp đặt chạy điện để điều khiển từ xa các hoạt động công nghiệp; hệ thống điều khiển từ xa các hoạt động công nghiệp; thiết bị vận hành thang máy; cửa quay tự động; cửa cho bãi đỗ xe thành hàng vận hành khi bỏ vào đó tiền xu; máy biến đổi điện; chuông báo chống trộm; thiết bị khởi động điện tử điều khiển bằng tín hiệu.

---

(111) **4-0093513**
(210) 4-2005-14639
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAGENT

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, chế phẩm để diệt cây có hại, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093514**
(210) 4-2005-14641
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAFIT

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, chế phẩm để diệt cây có hại, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093515**
(210) 4-2005-14642
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAMINI

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, chế phẩm để diệt cây có hại, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093516**
(210) 4-2005-14643
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CAWIP

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, chế phẩm để diệt cây có hại, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093517**
(210) 4-2005-14644
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CALUSAY

(151) 20.12.2007
(220) 02.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất trừ động vật có hại, thuốc đuổi sâu bọ, chế phẩm để diệt cây có hại, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0093518**
(210) 4-2005-14801
(181) 04.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TIGONE

(151) 20.12.2007
(220) 04.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN CHÂU Á - CHI NHÁNH HÀ NỘI (VN)
Số 16 M4, TT6, khu đô thị Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn tường, sơn trang trí (không bao gồm sơn cách nhiệt và cách điện).

---

(111) **4-0093519**
(210) 4-2005-15171
(181) 10.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 10.11.2005

(531) 1.15.15; 5.7.8; 26.4.1
(591) Vàng, đỏ, hồng, xanh lá cây, da cam, kem, trắng
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, bánh kẹo lạnh, sữa chua đông lạnh; đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ kem lạnh hoặc bánh kẹo, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ bánh kẹo hoặc nước sốt; đồ uống thuộc nhóm này cụ thể là đồ uống được chế biến trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ bánh kẹo; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu, không phải là tinh dầu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0093520**
(210) 4-2005-12975
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

STAMLO-BETA

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7- 1 -27, Ameerpet, Hyderabad - 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093521**
(210) 4-2005-12976
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

DOCETERE

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad - 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093522**
(210) 4-2005-12977
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LẮC RẮC

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-5, đường số 11, KCN Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sản phẩm ăn liền dạng hạt làm từ thịt, cá, trứng và tôm dùng với cơm trắng.

---

(111) **4-0093523**
(210) 4-2005-12978
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FUNGIACT

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14 , Shivlok House - 1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093524**
(210) 4-2005-09142
(181) 25.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 25.07.2005

(531) 26.1.2; A26.11.9
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG THUỶ KIM (VN)
540/1 S1 lầu 2 Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 37: Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp.

---

(111) **4-0093525**
(210) 4-2005-09384
(181) 28.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 28.07.2005

(731) NETISHION. COM Co., Ltd. (KR)
23-1, Ogeum-Dong, Songpa-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Giầy dùng để chơi gôn; giầy thể thao; váy phụ nữ; quần áo cho trẻ em; áo vét (quần áo); áo sơ mi cộc tay chui đầu; quần ngắn bố ống; bộ lễ phục (quần áo); áo paca (áo da có mũ trùm đầu của người Ets-ki-mô); áo dệt kim cộc tay; quần áo lót; áo gilê; bít

tất ngắn cổ (đi kèm quần áo); găng tay dùng để đi mùa đông (đi kèm quần áo); mũ; thắt lưng bằng da (đi kèm quần áo).

---

(111) **4-0093526**
(210) 4-2005-09388
(181) 28.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EnC

(151) 20.12.2007
(220) 28.07.2005

(731) NETISHION. COM Co., Ltd. (KR)
23-1, Ogeum-Dong, Songpa-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Giầy dùng để chơi gôn; giầy thể thao; váy phụ nữ; quần áo cho trẻ em; áo vét (quần áo); áo sơ mi cộc tay chui đầu; quần ngắn bó ống; bộ lễ phục (quần áo); áo paca (áo da có mũ trùm đầu của người Ets-ki-mô); áo dệt kim cộc tay; quần áo lót; áo gilê; bít tất ngắn cổ (đi kèm quần áo); găng tay dùng để đi mùa đông (đi kèm quần áo); mũ; thắt lưng bằng da (đi kèm quần áo).

---

(111) **4-0093527**
(210) 4-2005-09569
(181) 01.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SINPOWER

(151) 20.12.2007
(220) 01.08.2005

(731) SINON CORPORATION (TW)
23, Sec. 1, Mei Chuan W. Road, Taichung, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như: thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm gây bệnh cho cây trồng; thuốc diệt cỏ; thuốc diệt động vật gây hại cho cây trồng; thuốc diệt côn trùng.

---

(111) **4-0093528**
(210) 4-2005-09573
(181) 01.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 01.08.2005

(531) 26.5.1; 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH SƠN ROSA VIỆT NAM (VN)
Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn tường, sơn trang trí.

---

(111) **4-0093529**
(210) 4-2005-09574
(181) 01.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

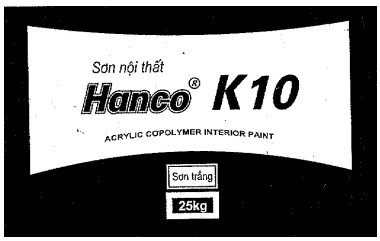

(151) 20.12.2007
(220) 01.08.2005

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH SƠN ROSA VIỆT NAM (VN)
Thôn Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn tường, sơn trang trí.

---

(111) **4-0093530**
(210) 4-2005-09732
(181) 03.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ROXLEY

(151) 20.12.2007
(220) 03.08.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0093531**
(210) 4-2005-09746
(181) 04.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ĐĂKMÊ

(151) 20.12.2007
(220) 04.08.2005

(731) NGUYỄN TẤN BẢO (VN)
159/3 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 30: Đá thực phẩm.

Nhóm 32: Nước tinh khiết.

Nhóm 33: Rượu cần.

---

(111) **4-0093532**
(210) 4-2005-09757
(181) 04.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 04.08.2005

(591) Đen, trắng, đỏ, đỏ gạch, xanh lá cây, xanh lá mạ, xanh dương, vàng, hồng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỰA DUY TÂN (VN)
298 Hồ Học Lãm, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 10: Bình sữa bằng nhựa cho trẻ em; núm vú giả cho bình sữa; núm vú giả cho trẻ em.

Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em bằng nhựa.

---

(111) **4-0093533**
(210) 4-2005-09758
(181) 04.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 04.08.2005

(591) Trắng, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỰA DUY TÂN (VN)
298 Hồ Học Lãm, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 10: Bình sữa bằng nhựa cho trẻ em; núm vú giả cho bình sữa; núm vú giả cho trẻ em.

Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em bằng nhựa.

---

(111) **4-0093534**
(210) 4-2005-09759
(181) 04.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 04.08.2005

(591) Trắng, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHỰA DUY TÂN (VN)
298 Hồ Học Lãm, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 10: Bình sữa bằng nhựa cho trẻ em; núm vú giả cho bình sữa; núm vú giả cho trẻ em.

Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em bằng nhựa.

---

(111) **4-0093535**
(210) 4-2005-11521
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ALUXONE

(151) 20.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) SAMSUNG CORPORATION (KR)
20th Fl. Samsung-Plaza Bldg. 263, Seohyeon-Dong, Bundang-Gu, Seongnam-Si, Gyeonggi-Do, Korea 463-721, C.P.O. Box 32
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093536**
(210) 4-2005-12620
(181) 27.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 20.12.2007
(220) 27.09.2005

(531) 26.1.1; 1.15.24; 1.3.1
(591) Vàng, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH BAN MAI (AURORA TRAVEL CO., LTD) (VN)
Số 37 phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Vận chuyển hành khách và khách du lịch; lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ du lịch, dịch vụ giao nhận hàng hoá.

---

(111) **4-0093537**
(210) 4-2005-12962
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLUTEECARE

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) LYKA LABS LIMITED (IN)
77 Nehru Road, Vile Parle East, Mumbai - 400 099, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093538**
(210) 4-2005-12963
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LYRIMPIN

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) LYKA LABS LIMITED (IN)
77 Nehru Road, Vile Parle East, Mumbai - 400 099, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093539**
(210) 4-2005-12964
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MELIPAMIN

(151) 20.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093540**
(210) 4-2005-15211
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FORT DODGE PROTECTION FOR PRODUCTIVITY

(151) 20.12.2007
(220) 11.11.2005

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Vắc xin dùng cho gia cầm và vật nuôi; chất diệt ký sinh.

Nhóm 10: Dụng cụ thú y dùng để tiêm hoặc bôi vắc xin dùng cho gia cầm và vật nuôi và chất diệt ký sinh.

---

(111) **4-0093541**
(210) 4-2005-05165
(181) 05.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

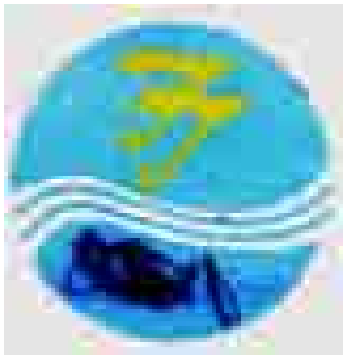

(151) 24.12.2007
(220) 05.05.2005

(531) 26.1.1; 2.1.14
(591) Xanh tím, xanh da trời, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG VÀ KHẢO SÁT CÔNG TRÌNH THANH TUẤN (VN)
36/11F khu phố 3 Lương Định Của, phường An Khánh, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 42: Kiểm tra và khảo sát các công trình thủy lợi và công trình trục vớt cứu hộ bằng lặn và quay camera.

---

(111) **4-0093542**
(210) 4-2005-11214
(181) 31.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 31.08.2005

(531) 26.4.10; 26.1.1; 1.15.11; 26.4.1
(591) Trắng, xanh dương
(731) CỬA HÀNG GIẶT ỦI MÂY TRẮNG (VN)
249 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Dịch vụ giặt, ủi (là) quần áo.

---

(111) **4-0093543**
(210) 4-2005-17501
(181) 22.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

COUNTRY

(151) 24.12.2007
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VN)
6/1B Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Mỳ ăn liền; phở ăn liền; hủ tiếu ăn liền; chảo ăn liền; tương ớt; gia vị.

---

(111) **4-0093544**
(210) 4-2006-09401
(181) 16.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 16.06.2006

(531) 26.1.2; 4.3.3
(591) Trắng, xanh đen, xanh lá cây, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BA CON RỒNG (VN)
32 khu 4 Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 35: Mua bán vật tư nông nghiệp; mua bán sản phẩm nông nghiệp.

---

(111) **4-0093545**
(210) 4-2006-09402
(181) 16.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

Ex-Sign

(151) 24.12.2007
(220) 16.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Bút viết; tập vở học sinh; mực viết máy; phấn viết bảng; keo dán dùng cho văn phòng hoặc cho gia đình; văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0093546**
(210) 4-2006-09582
(181) 20.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 20.06.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2; 26.1.2; 2.1.11; 11.3.18; A26.11.12; 26.4.9
(591) Tím đậm, tím, xanh lá cây, trắng, đen, vàng cam, vàng, vàng nhạt, nâu, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; mì ăn liền.

---

(111) **4-0093547**
(210) 4-2006-09583
(181) 20.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 20.06.2006

(531) 2.1.11; 11.3.18; 26.4.1; 26.4.2; 26.4.9; 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây đậm, trắng, đỏ, đen, vàng cam, vàng, vàng nhạt
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; mì ăn liền.

---

(111) **4-0093548**
(210) 4-2006-09584
(181) 20.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 20.06.2006

(531) 2.1.11; 11.3.18; 26.4.1; 26.4.2; 26.4.9; 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ đậm, đỏ, xanh lá cây, trắng, đen, vàng cam, vàng, vàng nhạt, tím
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; mì ăn liền.

---

(111) **4-0093549**
(210) 4-2007-01273
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

AMK

(151) 24.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093550**
(210) 4-2005-10799
(181) 23.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

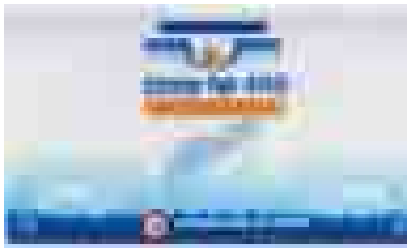

(151) 24.12.2007
(220) 23.08.2005

(531) 3.9.16; 1.15.24; 26.4.2; A1.1.10
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh rêu, xanh đen, xanh dương, xanh dương đậm, xanh lơ, xanh đá
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG (VN)
27/27 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thủy sản; thuốc bổ cho thủy sản; thuốc phòng bệnh và chữa bệnh cho thủy sản.

---

(111) **4-0093551**
(210) 4-2005-06707
(181) 06.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 06.06.2005

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT NAM VIỆT SƠN (VN)
262 Đỗ Tấn Phong, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Đầu âm ly.

Nhóm 35: Mua bán máy vi tính - hàng điện máy - điện tử và linh kiện, phụ tùng.

---

(111) **4-0093552**
(210) 4-2005-11344
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) A26.11.12
(591) Xanh da trời đậm, xanh da trời nhạt, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (VN)
177-179 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 36: Mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; môi giới bất động sản; quản lý bất động sản; đầu tư tài chính để xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

Nhóm 37: Tư vấn xây dựng; xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, công trình dân dụng, kỹ thuật; trang trí nội thất.

Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình kiến trúc, công trình dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0093553**
(210) 4-2005-11520
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MOTACELMIN GINSENG

(151) 24.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MIỀN TRUNG (CELPHARMA) (VN)
Số 1 ngõ B2, đường Đinh Lễ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093554**
(210) 4-2005-11559
(181) 07.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

HydroFresh

(151) 24.12.2007
(220) 07.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIETNAM (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0093555**
(210) 4-2005-12957
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

ANIGRINE

(151) 24.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093556**
(210) 4-2007-01254
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

MONSTER MESH

(151) 24.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) DAIWA SEIKO, INC (JP)
14-16, Maesawa 3-chome, Higashikurume-City, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 28: Guồng quay chỉ/dây câu cá, cần câu cá, mồi câu cá giả, hộp đựng dụng cụ câu cá, chì lưới (vật nặng buộc ở dây câu), phao câu cá, cuộn dây câu cá và giỏ câu cá.

(111) **4-0093557**
(210) 4-2005-11374
(181) 05.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 05.09.2005

(531) 1.15.23; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG THIÊN HÀ (VN)
Số 44, ngõ 1, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón.

---

(111) **4-0093558**
(210) 4-2005-11389
(181) 06.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

BAMY

(151) 24.12.2007
(220) 06.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX (VN)
114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ chuột, thuốc trừ bệnh dùng cho thực vật.

---

(111) **4-0093559**
(210) 4-2005-11390
(181) 06.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NASET

(151) 24.12.2007
(220) 06.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX (VN)
114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ chuột, thuốc trừ bệnh dùng cho thực vật.

---

(111) **4-0093560**
(210) 4-2005-11391
(181) 06.09.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NICABEN

(151) 24.12.2007
(220) 06.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX (VN)
114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật cụ thể gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ chuột, thuốc trừ bệnh dùng cho thực vật.

---

(111) **4-0093561**
(210) 4-2006-10357
(181) 03.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

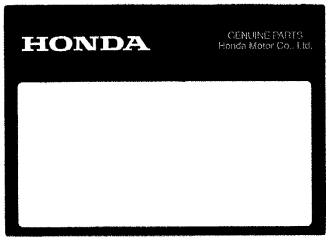

(151) 24.12.2007
(220) 03.07.2006

(531) 26.4.2
(731) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Sản phẩm hoá học dùng trong công nghiệp, khoa học, nhiếp ảnh, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp (ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu, chất diệt ký sinh trùng, và chất diệt côn trùng); các loại nhựa nhân tạo dạng thô, chất dẻo dạng thô; phân bón; hợp chất chữa cháy; chế phẩm dùng để tôi và hàn kim loại; hoá chất để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; chất để hút, làm ướt và làm dính bụi; nhiên liệu (kể cả xăng dùng cho động cơ) và vật liệu thắp sáng; nến và bấc đèn.

Nhóm 07: Máy cụ thể là máy xén cỏ, máy phát điện và máy bơm nước; máy công cụ; động cơ (không bao gồm động cơ dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); các bộ phận ghép nối và truyền động (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); máy nông cụ khác với máy thủ công; máy ấp trứng, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học; thiết bị và dụng cụ hàng hải; thiết bị và dụng cụ trắc địa; thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh; thiết bị và dụng cụ quang học; thiết bị và dụng cụ cân; thiết bị và dụng cụ đo; thiết bị và dụng cụ báo hiệu; thiết bị và dụng cụ kiểm tra; thiết bị và dụng cụ cứu hộ; thiết bị và dụng cụ giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để truyền dẫn, cụ thể là dây điện, ống dẫn điện, cáp điện, đầu mối nối điện, rơ le điện và bộ điều hoà điện áp dùng cho xe cộ, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hoặc thẻ; máy tính tiền; máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu và máy vi tính; thiết bị dập lửa, tất cả thuộc đều nhóm này.

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng; thiết bị để sưởi nóng; thiết bị sinh hơi nước; thiết bị nấu nướng; thiết bị làm lạnh; thiết bị sấy khô; thiết bị thông gió; thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 12: Xe cộ; phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 16: Giấy, các tông và sản phẩm làm từ giấy và các tông (không thuộc các nhóm khác) cụ thể là bảng quảng cáo bằng giấy hoặc bằng các tông, sách lịch, giấy báo (văn phòng), vỏ bọc chai bằng các tông hoặc bằng giấy, bao bì chai bằng các tông hoặc bằng giấy, cái lót bình cốc bằng giấy; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; vật liệu dùng cho các nghệ sĩ; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy (trừ những thiết bị) và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); chất dẻo để bao gói (không thuộc các nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clisê).

---

(111) **4-0093562**
(210) 4-2006-10358
(181) 03.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 03.07.2006

(531) 3.7.17; 26.4.2
(731) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Sản phẩm hoá học dùng trong công nghiệp, khoa học, nhiếp ảnh, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp (ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu, chất diệt ký sinh trùng, và chất diệt côn trùng); các loại nhựa nhân tạo dạng thô, chất dẻo dạng thô; phân bón; hợp chất chữa cháy; chế phẩm dùng để tôi và hàn kim loại; hoá chất để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; chất để hút, làm ướt và làm dính bụi; nhiên liệu (kể cả xăng dùng cho động cơ) và vật liệu thắp sáng; nến và bấc đèn.

Nhóm 07: Máy cụ thể là máy xén cỏ, máy phát điện và máy bơm nước; máy công cụ; động cơ (không bao gồm động cơ dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); các bộ phận ghép nối và truyền động (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); máy nông cụ khác với máy thủ công; máy ấp trứng, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học; thiết bị và dụng cụ hàng hải; thiết bị và dụng cụ trắc địa; thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh; thiết bị và dụng cụ quang học; thiết bị và dụng cụ cân; thiết bị và dụng cụ đo; thiết bị và dụng cụ báo hiệu; thiết bị và dụng cụ kiểm tra; thiết bị và dụng cụ cứu hộ; thiết bị và dụng cụ giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để truyền dẫn, cụ thể là dây điện, ống dẫn điện, cáp điện, đầu mối nối điện, rơ le điện và bộ điều hoà điện áp dùng cho xe cộ, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hoặc thẻ; máy tính tiền; máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu và máy vi tính; thiết bị dập lửa, tất cả thuộc đều nhóm này.

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng; thiết bị để sưởi nóng; thiết bị sinh hơi nước; thiết bị nấu nướng; thiết bị làm lạnh; thiết bị sấy khô; thiết bị thông gió; thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 12: Xe cộ; phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 16: Giấy, các tông và sản phẩm làm từ giấy và các tông (không thuộc các nhóm khác) cụ thể là bảng quảng cáo bằng giấy hoặc bằng các tông, sách lịch, giấy báo (văn phòng), vỏ bọc chai bằng các tông hoặc bằng giấy, bao bì chai bằng các tông hoặc bằng giấy, cái lót bình cốc bằng giấy; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; vật liệu dùng cho các nghệ sĩ; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy (trừ những thiết bị) và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); chất dẻo để bao gói (không thuộc các nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clisê).

---

(111) **4-0093563**
(210) 4-2006-10359
(181) 03.07.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 03.07.2006

(531) 26.4.2
(731) HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Sản phẩm hoá học dùng trong công nghiệp, khoa học, nhiếp ảnh, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp (ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc trừ sâu, chất diệt ký sinh trùng, và chất diệt côn trùng); các loại nhựa nhân tạo dạng thô, chất dẻo dạng thô; phân bón; hợp chất chữa cháy; chế phẩm dùng để tôi và hàn kim loại; hoá chất để bảo quản thực phẩm; chất để thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp.

Nhóm 04: Dầu và mỡ công nghiệp; chất bôi trơn; chất để hút, làm ướt và làm dính bụi; nhiên liệu (kể cả xăng dùng cho động cơ) và vật liệu thắp sáng; nến và bấc đèn.

Nhóm 07: Máy cụ thể là máy xén cỏ, máy phát điện và máy bơm nước; máy công cụ; động cơ (không bao gồm động cơ dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); các bộ phận ghép nối và truyền động (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); máy nông cụ khác với máy thủ công; máy ấp trứng, tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học; thiết bị và dụng cụ hàng hải; thiết bị và dụng cụ trắc địa; thiết bị và dụng cụ nhiếp ảnh; thiết bị và dụng cụ quang học; thiết bị và dụng cụ cân; thiết bị và dụng cụ đo; thiết bị và dụng cụ báo hiệu; thiết bị và dụng cụ kiểm tra; thiết bị và dụng cụ cứu hộ; thiết bị và dụng cụ giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để truyền dẫn, cụ thể là dây điện, ống dẫn điện, cáp điện, đầu mối nối điện, rơ le điện và bộ điều hoà điện áp dùng cho xe cộ, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng

điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính; đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hoặc thẻ; máy tính tiền; máy tính; thiết bị xử lý dữ liệu và máy vi tính; thiết bị dập lửa, tất cả thuộc đều nhóm này.

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng; thiết bị để sưởi nóng; thiết bị sinh hơi nước; thiết bị nấu nướng; thiết bị làm lạnh; thiết bị sấy khô; thiết bị thông gió; thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 12: Xe cộ; phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước, tất cả đều thuộc nhóm này.

Nhóm 16: Giấy, các tông và sản phẩm làm từ giấy và các tông (không thuộc các nhóm khác) cụ thể là bảng quảng cáo bằng giấy hoặc bằng các tông, sách lịch, giấy báo (văn phòng), vỏ bọc chai bằng các tông hoặc bằng giấy, bao bì chai bằng các tông hoặc bằng giấy, cái lót bình cốc bằng giấy; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; vật liệu dùng cho các nghệ sĩ; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy (trừ những thiết bị) và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); chất dẻo để bao gói (không thuộc các nhóm khác); chữ in; bản in đúc (clisê).

---

(111) **4-0093564**
(210) 4-2006-05692
(181) 13.04.2016
(300) 306 03 766.1 18.01.2006 DE
(450) 25.01.2008 238
(540)

VPRO

(151) 24.12.2007
(220) 13.04.2006

(731) INTEL CORPORAION (US)
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, California 95052 - 8119 U.S.A.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính; mạch tổng hợp; mạch tổng hợp trong bộ nhớ máy tính; mạch tổng hợp trong mạch điện tử siêu nhỏ; con vi mạch; chất bán dẫn trong bộ xử lý của máy tính; chất bán dẫn trong mạch điện tử của bộ xử lý của máy tính; chất bán dẫn của con vi mạch; bộ vi xử lý; bảng mạch in máy tính; bảng mạch điện tử của máy tính; bộ nhớ máy tính; hệ điều hành của máy tính; chương trình máy tính (ghi sẵn); mạch điều khiển siêu nhỏ của máy tính; thiết bị để xử lý dữ liệu; bộ xử lý trung tâm của máy tính; chất bán dẫn trong bộ nhớ máy tính; thiết bị ngoại biên của máy tính điện tử; bảng mạch của đầu máy viđêô; bảng mạch của máy catset; bảng mạch của thiết bị nghe nhìn; vỉ mạch gia tốc trong đồ thị minh hoạ âm thanh của đầu máy viđêô; vỉ mạch gia tốc đa phương tiện để xem các hình ảnh động trong cửa sổ màn hình máy tính; bộ xử lý của đầu máy viđêô; bảng mạch trong bộ xử lý của đầu máy viđêô; hệ thống phần mềm điều hành máy tính; chương trình điều hành máy tính; chương trình tiện ích trong trường dữ liệu của phần mềm ứng dụng của máy tính để kết nối với máy tính cá nhân, hệ thống máy tính, thiết bị viễn thông và phần mềm ứng dụng của hệ thống máy tính toàn cầu; thiết bị và hệ thống được điều khiển bằng máy tính bao gồm cả phần mềm trong hệ điều hành

của máy tính, bộ điều biến (môđem), máy quay phim, bộ ống nghe đài điện, micrô (ống phóng thanh), cáp điện và bộ điều hợp; chương trình trò chơi của máy tính; máy tính điện tử; máy tính cầm tay; máy vi tính; mạch của bộ nhớ máy tính; bộ xử lý của máy tính; máy tính trợ giúp cá nhân kỹ thuật số; điện thoại mạng; điện thoại có chức năng quay số nhanh; máy tính cầm tay và máy tính xách tay dùng cho những người chuyên tổ chức nghiệp đoàn; thẻ, đĩa, băng, dây điện, đĩa ghi âm, mạch điện tử siêu nhỏ và mạch điện tử dùng để ghi âm dữ liệu; bộ điều biến (môđem); thiết bị dùng để xử lý, lưu trữ, thu hồi, truyền, hiển thị, nhập, đưa ra, nén, làm giảm bớt sức nén, giảm bớt, truyền phát và in dữ liệu từ máy tính; đầu vào và đầu ra của máy tính; trạm làm việc trong mạng cục bộ của máy tính; bộ nhớ dữ liệu của máy tính; bộ lưu giữ thông tin của máy tính; phần cứng và phần mềm máy tính sử dụng trong hệ thống an ninh (để ngăn ngừa gián điệp); con vi mạch điện tử của máy tính; mạch in máy tính; bộ vi xử lý tiếng động trong máy tính; bộ vi xử lý nhanh các âm thanh, dữ liệu, hình và ảnh; bộ nhớ cực nhanh của máy tính; vỉ mạch bộ nhớ cực nhanh của máy tính; hệ thống bộ nhớ của máy tính điện tử; thiết bị và hệ thống máy tính sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cụ thể là: hệ điều hành và bộ xử lý của máy tính; bộ ống nghe điện đài; con chuột máy tính; micrô (ống phóng thanh); cáp điện và bộ điều hợp của máy tính; máy in máy tính và đầu kẹp dây điện trong máy tính; bộ máy quay viđêô; máy phát viễn thông; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để truyền và nhận bản fax; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để phát triển, duy trì và sử dụng trong hệ thống máy tính ở khu vực rộng và hệ thống máy tính cục bộ; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để phát triển, duy trì và sử dụng trong sự tương tác giữa hệ thống máy tính và thiết bị nghe nhìn trong hội nghị; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để nhận, hiển thị và sử dụng để truyền phát thanh, hình ảnh và tín hiệu dữ liệu kỹ thuật số; cầu dẫn của máy tính điện tử; mạch trung tâm của máy tính điện tử; máy tính phục vụ việc lưu giữ chương trình và dữ liệu; bộ ngắt điện; thiết bị để chạy thử và lập trình trong mạch tổng hợp; thiết bị ngoại vi của bộ nhớ máy tính; chương trình cơ sở của máy tính cụ thể là: hệ thống phần mềm để điều hành máy tính; máy tính phục vụ việc lưu giữ các hàm số toán học cố định; hệ thống phần cứng máy tính; chất bán dẫn; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để tạo lập, làm cho thuận tiện và quản lý việc truy cập từ xa và phát chương trình truyền hình với mạng cục bộ, mạng ảo của cá nhân, mạng toàn cục và hệ thống máy tính toàn cầu; phần mềm của máy tính phục vụ việc lưu giữ dữ liệu và phần mềm của cầu dẫn, của bộ ngắt điện, của mạch trung tâm của máy tính; phần mềm máy tính sử dụng để cung cấp cho người sử dụng truy cập vào hệ thống thông tin máy tính toàn cầu nhằm tìm kiếm, phục hồi, truyền, phổ biến và vận dụng các thông tin trong mọi lĩnh vực; phần mềm ứng dụng cho bên thứ ba; phần cứng và phần mềm máy tính dùng cho hệ thống viễn thông không dây; chương trình phần mềm máy tính điện tử được ghi bằng quang và bằng từ; chương tính phần mềm máy tính dùng để dạy học theo sách được bán và tải xuống từ hệ thống máy tính toàn cầu; giá phơi ráo dùng cho nhiếp ảnh; vỏ máy thu thanh và giá khung cho cuộn điện; thiết bị khoa học; thiết bị hàng hải; thiết bị đo; thiết bị quang học; thiết bị đĩa cân; thiết bị báo hiệu; thiết bị để điều chỉnh điện; thiết bị giải thoát con tin (dùng cho cảnh sát); thiết bị giảng dạy; máy quay băng (máy ghi âm); đĩa ghi âm; thiết bị điện để giám sát; bộ dò (máy rà); thiết bị phân tích không dùng cho ngành y; ổ đĩa mềm; thiết bị bảo vệ điện tử (để ngăn ngừa gián điệp); thiết bị giám sát; thiết bị điện tử sử dụng để nhận biết mật mã kỹ thuật số; bảng điều khiển điện; thiết bị hàng hải; thiết bị trắc địa; thiết bị quay phim; thiết bị để cân; thiết bị kiểm tra; trang thiết bị cứu hộ; thiết bị dùng để điều khiển, ngắt, biến thế, tích, điều chỉnh hoặc kiểm tra điện; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính; đĩa ghi âm; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết

bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền mặt; máy tính; thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa.

---

(111) **4-0093565**
(210) 4-2003-01262
(181) 27.02.2013
(300) 2002/05438 27.08.2002 SE
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 27.02.2003

(731) V&S VIN & SPIRIT AKTIEBOLAG (PUBL) (SE)
SE- 117 97 Stockholm, Sweden
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu vodka.

---

(111) **4-0093566**
(210) 4-2005-03727
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LIÊN AN (VN)
107 - 109 Bàu Cát 4, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Măng tây biển đóng hộp; hải sản chế biến đóng hộp như: trai đóng hộp, sò đóng hộp, con sao biển đóng hộp.

---

(111) **4-0093567**
(210) 4-2005-03733
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 1.15.15; 26.1.1; 26.1.2
(591) Đỏ, trắng, vàng, xanh nước biển, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DIỆU BÌNH (VN)
58/5A tổ 160, KP 10, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Bình lọc nước.

---

(111) **4-0093568**
(210) 4-2005-03734
(181) 06.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 06.04.2005

(531) 26.1.1; 26.4.1; 1.15.23
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THẾ THUẬN (VN)
43 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, quận1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: xe ô tô, xe tải, xe cơ giới chuyên dùng, xe gắn máy, hàng kim khí điện máy, máy công - nông nghiệp, khung kho nhà xưởng, máy may, văn phòng phẩm, gốm sứ, vật liệu xây dựng, sơn; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0093569**
(210) 4-2005-04362
(181) 19.04.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

PINKVALI

(151) 24.12.2007
(220) 19.04.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓC MÔN (VN)
3/27 quốc lộ 22, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật gồm: thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm bệnh có hại, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0093570**
(210) 4-2005-16665
(181) 08.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

SELBETAN

(151) 24.12.2007
(220) 08.12.2005

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093571**
(210) 4-2005-17579
(181) 26.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

JON DONAIRE

(151) 24.12.2007
(220) 26.12.2005

(731) RICH PRODUCTS CORPORATION (US)
1150 Niagara Street, Buffalo, New York, NY 14213, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt; cá; gia cầm và thú săn; chất chiết ra từ thịt; hoa quả và rau được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông; mứt; mứt quả; trứng; sữa; và các sản phẩm (làm từ) sữa; dầu thực vật và mỡ ăn; đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ trái cây đông lạnh hoặc đóng hộp, kem đánh dậy bọt hoặc lớp phủ trên mặt bánh làm từ kem đánh dậy bọt và nước quả nấu đông cho thực phẩm và các thành phần phụ khác như bánh ngọt, bánh bích quy, kẹo dẻo và các thanh sô cô la; đồ tráng miệng bằng kem (phần béo của sữa); đồ tráng miệng bằng sữa; đồ tráng miệng bằng trái cây; đồ tráng miệng có hương thơm được làm chủ yếu từ trái cây đông lạnh hoặc đóng hộp, sữa và sữa chua và các thành phần phụ khác như vani, caramen và sô cô la; kem đánh dậy bọt (làm từ sữa) phủ trên bánh ngọt.

Nhóm 30: Cà phê; chè; ca cao; đường; gạo; bột sắn; bột cọ; chất thay thế cà phê; bột và sản phẩm làm từ ngũ cốc; bánh mỳ; bánh ngọt; bánh; mứt; kẹo; kem; mật ong; nước mật đường; men; bột nở; muối; tương hạt cải; dấm; nước sốt (trừ nước sốt dùng cho xà lách); gia vị; nước đá thực phẩm; đồ tráng miệng ở dạng đông lạnh được làm chủ yếu từ bánh ngọt, sô cô la, kẹo mềm làm bằng hỗn hợp sô cô la, kẹo bánh quy và các thành phần phụ khác như trái cây đông lạnh, pho mát; bánh nướng phủ kem pho mát; bánh kem bọt; bánh sô-cô-la; bánh có hương vị trà (chè) xanh; bánh ngọt có phủ kem và trái cây; bánh kem lạnh; bánh ngọt nhiều lớp (giữa các lớp có kem); bánh ngọt cắt thành miếng; bánh ngọt đặc sản; bánh ngọt làm bằng sô-cô-la và hạnh nhân; đồ tráng miệng lạnh đóng trong bao gói thành từng phần, cụ thể là bánh ngọt làm bằng sô-cô-la và hạnh nhân, bánh nướng phủ kem pho mát và bánh có phủ kem và trái cây; đồ tráng miệng bằng kem lạnh; đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ sô cô la, bánh ngọt, kem lạnh; chế phẩm làm từ ngũ cốc và/hoặc kem đánh dậy bọt không chứa sữa dùng làm đồ tráng miệng; hỗn hợp đường, lòng trắng trứng và hương vị được làm lạnh để phủ và trang trí bánh ngọt; lớp phủ trên bánh ngọt làm bằng sô cô la để đông lạnh và xi rô; lớp phủ trên bánh ngọt làm bằng kem đánh dậy bọt không chứa sữa.

---

(111) **4-0093572**
(210) 4-2006-01111
(181) 20.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

DAIM

(151) 24.12.2007
(220) 20.01.2006

(731) KRAFT FOODS A/S (NO)
Johan Throne Holsts plass 1, N-0566 Oslo, Norway
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Ca cao, sô cô la, đồ uống làm từ ca cao, đồ uống làm từ sô cô la và đồ uống làm từ cà phê và chế phẩm dùng cho các đồ uống này; bánh mì, bánh ngọt và các sản phẩm bánh kẹo, cụ thể là bánh kẹo có đường và có sô cô la, kẹo, kẹo bơ cứng, kẹo caramen; kem ăn, kem ăn có sữa chua, sữa chua để đông lạnh và đá ăn.

---

(111) **4-0093573**
(210) 4-2007-01274
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

PURPAL

(151) 24.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÚC CHÂU (VN)
74/18 Trương Quốc Dung, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093574**
(210) 4-2007-03102
(181) 14.02.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

SAN SCIARO

(151) 24.12.2007
(220) 14.02.2007

(731) CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN (VN)
Số 07 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0093575**
(210) 4-2007-03103
(181) 14.02.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

SAN DIARO

(151) 24.12.2007
(220) 14.02.2007

(731) CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN (VN)
Số 07 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0093576**
(210) 4-2007-03104
(181) 14.02.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 14.02.2007

(531) 3.1.1; 3.1.16
(731) CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN (VN)
Số 07 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0093577**
(210) 4-2007-03105
(181) 14.02.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 14.02.2007

(531) 3.1.1; 3.1.16
(731) CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN (VN)
Số 07 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0093578**
(210) 4-2007-03106
(181) 14.02.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 14.02.2007

(531) 3.1.1; 3.1.16
(731) CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN (VN)
Số 07 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón.

---

(111) **4-0093579**
(210) 4-2007-01278
(181) 17.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

BẢO HIỂM NHÀ RỒNG - *Người bạn tin cậy, đồng hành đồng chia sẻ*

(151) 24.12.2007
(220) 17.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÀ RỒNG (VN)
185 Điện Biên Phủ, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ bảo hiểm trực tiếp; dịch vụ tái bảo hiểm; dịch vụ môi giới bảo hiểm; dịch vụ tư vấn bảo hiểm; dịch vụ thông tin về bảo hiểm.

---

(111) **4-0093580**
(210) 4-2007-01692
(181) 24.01.2017
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 24.01.2007

(531) 26.1.2; 7.15.22
(591) Trắng, đỏ hồng, xanh công nhân
(731) XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NAM GIANG (VN)
Xóm 12, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 19: Gạch ngói đất sét nung.

Nhóm 35: Đại lý xăng dầu.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp dân dụng, công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ; san lấp mặt bằng; khai thác và vận chuyển đất.

Nhóm 42: Tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0093581**
(210) 4-2005-07505
(181) 23.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

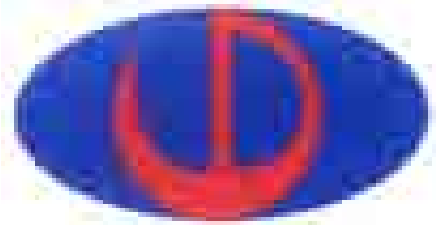

(151) 24.12.2007
(220) 23.06.2005

(531) 26.1.2
(591) Xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH DỆT MAY VIỆT DŨNG (VN)
55/03 Lâm Văn Bền, phường Tân Kiểng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Hàng dệt may: quần áo may sẵn, quần áo lót, quần áo trẻ em.

---

(111) **4-0093582**
(210) 4-2005-05360
(181) 10.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 10.05.2005

(531) 26.3.1; 21.1.15
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢNG CÁO - THIẾT KẾ - DỊCH VỤ LIÊN KẾT NGHỆ THUẬT (VN)
Lầu 1, số 97 Lê Văn Sỹ, phường 13, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 37: Trang trí nội ngoại thất công trình.

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu.

---

(111) **4-0093583**
(210) 4-2005-05361
(181) 10.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 10.05.2005

(531) 26.1.1
(591) Đen, trắng, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NAM MINH LONG (VN)
20 Đặng Thái Thân, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Kinh doanh nhà; môi giới bất động sản; cho thuê văn phòng.

---

(111) **4-0093584**
(210) 4-2005-05731
(181) 18.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

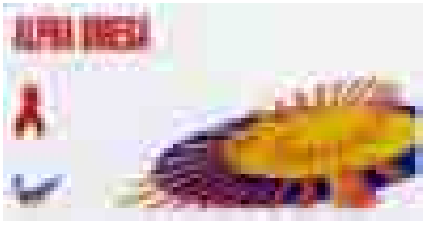

(151) 24.12.2007
(220) 18.05.2005

(531) 1.15.23; A26.11.12; 9.1.10
(591) Đỏ, trắng, xanh dương, vàng, da cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUANG TUYỀN (VN)
161 Hàn Hải Nguyên, phường 2, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: dụng cụ y khoa, trang thiết bị y khoa.

---

(111) **4-0093585**
(210) 4-2005-07506
(181) 23.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

EBERNET

(151) 24.12.2007
(220) 23.06.2005

(731) LABORATORIOS S.A.L.V.A.T., S.A (ES)
Gall, 30-36 08950 Esplugues De Liobregat (Barcelona), Spain
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm dược và thú y đặc biệt là "chế phẩm (không phải sản phẩm) dược và thú y để điều trị bệnh nấm và bệnh nhiễm nấm", sản phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế; chất ăn kiêng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm cho trẻ sơ sinh; cao dán dùng cho

mục đích y tế; băng y tế để băng bó; vật liệu hàn răng; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chất diệt nấm, chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0093586**
(210) 4-2005-08171
(181) 05.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

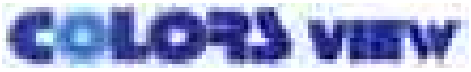

(151) 24.12.2007
(220) 05.07.2005

(591) Trắng, xanh tím than, xanh da trời, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CÁT TƯỜNG (CTC CO., LTD.) (VN)
Số 12A, phố Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Màn hình máy vi tính.

Nhóm 35: Đại lý mua, đại lý bán máy vi tính, linh kiện máy vi tính, màn hình máy vi tính.

---

(111) **4-0093587**
(210) 4-2005-09572
(181) 01.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 01.08.2005

(531) 15.7.1
(591) Đỏ, trắng, xanh da trời, xanh tím than
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TỔNG HỢP ANH VIỆT (ANVICO., LTD) (VN)
ấp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 16: Bao bì, vật liệu để bao gói, túi dẹt nhỏ để bao gói bằng nhựa (chất dẻo) dạng màng mỏng.

Nhóm 42: Tư vấn xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng.

---

(111) **4-0093588**
(210) 4-2006-09101
(181) 13.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SUỐI VÀNG

(151) 24.12.2007
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Các chất chiết ra từ thịt, tôm, cá, trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền; nước mắm.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0093589**
(210) 4-2006-09102
(181) 13.06.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

SƠN CA

(151) 24.12.2007
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Các chất chiết ra từ thịt, tôm, cá, trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền; nước mắm.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô, mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương, tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0093590**
(210) 4-2006-17289
(181) 13.10.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 13.10.2006

(531) 26.1.4; 26.1.1; A26.11.13; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh dương, đen
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÔ MI (VN)
45B Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Thiết bị xông hơi ướt; thiết bị xông hơi khô.

Nhóm 20: Giường; ghế.

---

(111) **4-0093591**
(210) 4-2005-05920
(181) 23.05.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

LÝ THÀNH PHONG

(151) 24.12.2007
(220) 23.05.2005

(591) Đỏ
(731) THÀNH PHONG (VN)
461 đường Lê Văn Duyệt, Long Hưng, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 35: Mua, bán trà, cà phê.

Nhóm 40: Dịch vụ chế biến trà, cà phê.

---

(111) **4-0093592**
(210) 4-2005-07313
(181) 20.06.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TK
Trương Kỳ

(151) 24.12.2007
(220) 20.06.2005

(531) 7.1.24
(731) TRƯƠNG KÝ (VN)
517B3, khu phố 7, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống (nhà hàng ăn uống).

(111) **4-0093593**
(210) 4-2005-08690
(181) 14.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 14.07.2005

(531) 26.1.1
(591) Đỏ, xanh lá mạ, đen, trắng
(731) PHƯƠNG HÀ (VN)
Số 421, hương lộ 2, ấp Long Hưng, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 27: Chiếu cói đan.

---

(111) **4-0093594**
(210) 4-2005-09477
(181) 29.07.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CHÍ LÊN

(151) 24.12.2007
(220) 29.07.2005

(591) Đỏ
(731) HỘ KINH DOANH CHẾ LÊN (VN)
Tổ 32, quốc lộ 91, ấp Châu Long, xã Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 30: Cà phê bột.

---

(111) **4-0093595**
(210) 4-2005-13856
(181) 19.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 19.10.2005

(531) 1.15.15; 26.4.1; 26.13.25
(591) Vàng cam, xanh dương đậm, xanh dương nhạt, trắng
(731) HỘ KINH DOANH KHÁNH LINH (VN)
Hẻm số 3, tổ 20, đường Tôn Đức Thắng, ấp Long Thạnh A, thị trấn Tân Châu, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093596**
(210) 4-2005-15402
(181) 15.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

GẤU VÀNG

(151) 24.12.2007
(220) 15.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; phở ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền.

---

(111) **4-0093597**
(210) 4-2006-00825
(181) 17.01.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 17.01.2006

(531) 26.4.9; 26.15.9; 26.15.11
(591) Xanh dương đậm
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN IN CẦU TRE (VN)
41/24 hương lộ 14, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0093598**
(210) 4-2006-02573
(181) 24.02.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLEXAMIN

(151) 24.12.2007
(220) 24.02.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093599**
(210) 4-2006-07452
(181) 16.05.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 16.05.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh lá cây, vàng, hồng, đỏ, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HẠNH PHƯỚC (VN)
Sạp G20 tầng trệt Trung tâm thương mại, dịch vụ An Đông, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Bán giầy dép.

---

(111) **4-0093600**
(210) 4-2006-15696
(181) 19.09.2016
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 19.09.2006

(531) 24.15.3; A24.5.3; 24.5.5
(591) Đỏ thẫm, đồng, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐẠI NHUẬN (VN)
Số 35 đường 16, phường 4, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0093601**
(210) 4-2005-15588
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

"hãy thư giãn theo cách của bạn"

(151) 24.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT DUY LỢI (VN)
1724 Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Khung võng, khung nôi, khung xích đu, khung giường, khung ghế, móc treo, mắc treo, khung mắc màn, tất cả bằng kim loại thường thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Khung võng, khung nôi, khung xích đu, khung giường, khung ghế, khung mắc màn, móc treo, mắc treo, tất cả không làm bằng kim loại thuộc nhóm này; đồ đạc thuộc nhóm này bao gồm: giường và giường gấp, ghế và ghế gấp, bàn và bàn gấp, kệ, tủ.

---

(111) **4-0093602**
(210) 4-2005-15709
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 21.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT HẢI SANG (VN)
60/403K Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0093603**
(210) 4-2005-15710
(181) 21.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 21.11.2005

(531) 1.3.1; 1.15.11
(731) CƠ SỞ KHANH VY (VN)
217/76 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga.

---

(111) **4-0093604**
(210) 4-2005-16325
(181) 02.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 02.12.2005

(531) 3.7.11; A1.5.8
(591) Xanh dương, xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHẬT DU (VN)
A12/3B khu phố 6, phường Bình Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

(111) **4-0093605**
(210) 4-2005-10870
(181) 24.08.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 24.08.2005

(531) 5.7.21; A5.3.15
(591) Đỏ, xanh lá
(731) LÊ VĂN QUANG (VN)
ấp Đông Bình, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

(511) Nhóm 29: Quả ổi không hạt (đã qua bảo quản).

Nhóm 31: Cây giống ổi không hạt; quả ổi không hạt (tươi).

Nhóm 35: Mua bán quả ổi không hạt, cây ổi không hạt giống.

---

(111) **4-0093606**
(210) 4-2005-12959
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TENACFCITE

(151) 24.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093607**
(210) 4-2005-12960
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VICOZE

(151) 24.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH ĐỨC VIÊN (VN)
Lô 21B, tổ 28, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093608**
(210) 4-2005-13007
(181) 04.10.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

MITAWA

(151) 24.12.2007
(220) 04.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HÙNG TÂN (VN)
531/58 Nguyễn ảnh Thủ, khu phố 4, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0093609**
(210) 4-2005-14667
(181) 02.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 02.11.2005

(531) 2.9.25; 26.13.25
(591) Đen, đỏ, đỏ nhạt, trắng, vàng, nâu
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM XUYÊN Á (VN)
67 Lương Sử B, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093610**
(210) 4-2005-14713
(181) 03.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 03.11.2005

(531) 26.3.1; 26.3.23; 1.15.23
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NAM VIỆT (VN)
Số 10 đường 5A, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An

(511) Nhóm 02: Thuốc màu, sơn, vecni, sản phẩm chống ăn mòn.

---

(111) **4-0093611**
(210) 4-2005-14731
(181) 03.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

TALOVITE

(151) 24.12.2007
(220) 03.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC TÂN LONG (VN)
16/29B Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093612**
(210) 4-2005-14738
(181) 04.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 04.11.2005

(531) 26.1.1; 3.9.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM HỒNG THỦY (VN)
Thôn Cẩm Văn, xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm; mắm.

---

(111) **4-0093613**
(210) 4-2005-15220
(181) 11.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 11.11.2005

(531) 15.7.1
(731) CÔNG TY TNHH CƯƠNG ANH TRANG (VN)
105 - A3 - khu đô thị Đầm Trấu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ; cụ thể như sau: bộ hơi ô tô; hộp số ô tô; bơm dầu ô tô các loại; lá côn ô tô; vòng bi ô tô; bơm trợ lực ô tô.

---

(111) **4-0093614**
(210) 4-2005-15598
(181) 18.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

VENUFIS

(151) 24.12.2007
(220) 18.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN KIM TINH (VN)
270B/37/22/5 Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0093615**
(210) 4-2005-16137
(181) 29.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

KIM QUY

(151) 24.12.2007
(220) 29.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH TẠO MẪU TÓC KIM QUÝ (VN)
Số 54, Nguyễn Siêu, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ dạy nghề cắt tóc, làm đầu uốn tóc nghệ thuật, mát xa, thẩm mỹ, chăm sóc sắc đẹp.

---

(111) **4-0093616**
(210) 4-2005-17012
(181) 14.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

CEFTRIMINI

(151) 24.12.2007
(220) 14.12.2005

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093617**
(210) 4-2005-17021
(181) 14.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLAMIGAT

(151) 24.12.2007
(220) 14.12.2005

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093618**
(210) 4-2005-17026
(181) 14.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

FLAMILIUM

(151) 24.12.2007
(220) 14.12.2005

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400701 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093619**
(210) 4-2005-17180
(181) 16.12.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

NEFIAN

(151) 24.12.2007
(220) 16.12.2005

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0093620**
(210) 4-2005-15720
(181) 22.11.2015
(450) 25.01.2008 238
(540)

(151) 24.12.2007
(220) 22.11.2005

(531) 1.15.15; 8.3.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XNK VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI LAN (VN)
51B Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa.

Nhóm 30: Trà bí đao, bánh, kẹo.

Nhóm 32: Nước giải khát.

Nhóm 33: Rượu trắng, rượu màu.

PHẦN V

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM THEO THOẢ ƯỚC MADRID

Phần này chỉ công bố các nhãn hiệu hàng hoá đăng ký theo Thoả ước Madrid và được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam. Trong đó, Danh mục hàng hoá, dịch vụ (mã số (511)) chỉ công bố đến nhóm sản phẩm theo Bảng phân loại quốc tế về nhãn hiệu hàng hoá và dịch vụ. Mọi thông tin chi tiết hơn về hàng hoá, sản phẩm sẽ được Cục sở hữu công nghiệp thông báo riêng nếu có yêu cầu của người cần dùng tin.

A – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ MỚI ĐĂNG KÝ

(111) **301687**
(822) 17.04.1965 210 229 CH
(171) 10 năm
(540) SINECOD

(151) 23.08.1965
(831) 20.06.1990 VN
(450) 1985/8 LMi (01.10.1985)
(732) Novartis AG
Postfach, CH-4002 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **519943**
(822) 14.07.1987 357 894 CH
(171) 20 năm
(540) FLAGSHIP

(151) 14.01.1988
(831) 30.11.2006 VN
(450) 1988/2 LMi (08.04.1988)
(732) Syngenta Participations AG
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)
(750) Syngenta Crop Protection AG, Intellectual Property
Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **554501**
(822) 10.07.1987 1 108 487 DT
(171) 20 năm
(540)

(151) 19.12.1989
(831) 07.04.2006 VN
(450) 1990/6 LMi (17.08.1990)
(531) 26.01.27, 29.01.00
(591) Trắng, cam và đỏ
(732) Deutsche Amphibolin-Werke von Robert Murjahn Stiftung & Co KG
Roßdörfer Strasse 50, 64372 Ober-Ramstadt (DE)

(511) 01, 02, 03, 17, 19, 24, 27.

---

(111) **569364**
(822) 21.03.1977 287 658 CH
(171) 20 năm
(540)

KONTIKI

(151) 25.03.1991
(831) 13.12.2006 VN
(450) 1991/5 LMi (16.07.1991)
(531) 27.05.01
(732) ETERNA AG UHRENFABRIK (ETERNA S.A. FABRIQUE D'HORLOGERIE), (ETERNA Ltd WATCH FACTORY)
CH-2540 GRENCHEN (CH)

(511) 14.

---

(111) **613510**
(822) 08.10.1990 490 207 BX
(171) 10 năm
(540)

CHASIN'

(151) 08.12.1993
(831) 27.11.2006 VN
(450) 1994/2 LMi (19.04.1994)
(732) Score Retail Nederland BV
Marketing 31, NL-6921 RE Duiven (NL)

(511) 18, 25.

---

(111) **622218**
(822) 30.07.1991 1 179 596 DE
(171) 20 năm
(540)

HAZEMAG

(151) 16.02.1994
(831) 27.04.2006 VN
(450) 1994/8 LMi (18.10.1994)
(732) HAZEMAG & EPR GmbH
75, Brokweg, 48249 Dülmen (DE)
(750) Kurt Rösner, Patentingenieur; Patentabteilung HAZEMAG & EPR GmbH
Postfach 13 64, 48234 Dülmen (DE)

(511) 07, 09, 11.

---

(111) **732573**
(822) 29.07.1999 99 805 403 FR
(171) 10 năm
(540)

GOEMAR

(151) 24.01.2000
(831) 15.11.2006 VN
(450) 2000/10 Gaz (22.06.2000)
(732) LABORATOIRES GOEMAR
ZAC La Madeleine, Avenue du Général Patton, F-35400 SAINT-MALO (FR)

(511) 01, 03, 05, 29, 30, 31, 32.

---

(111) **758637**
(822) 21.12.1995 165260 TR
(171) 10 năm
(540)

KINGSLAND

(151) 04.04.2001
(831) 31.10.2006 VN
(450) 2001/13 Gaz (02.08.2001)
(732) EDIP SA&Gcaron;LAM
Koska Caddesi No. 13/A, LALELI-ISTANBUL (TR)

(511) 25.

---

(111) **794897**
(822) 28.10.2002 2.471.651 ES
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.11.2002
(831) 18.10.2006 VN
(450) 2003/2 Gaz (06.03.2003)
(531) 25.03.01, 25.07.01, 27.05.01
(732) CAMPER, S.L.
Pol. Industrial, s/n, E-07300 INCA - Baleares (ES)

(511) 18, 25, 35.

---

(111) **829110**
(822) 05.05.2004 928416 IT
(171) 10 năm
(540)

ROBERTO DEL CARLO

(151) 05.05.2004
(831) 20.10.2006 VN
(450) 2004/23 Gaz (02.09.2004)
(732) Calzaturificio Roberto Del Carlo S.r.l.
Via Pacini, 20, I-55016 Porcari (Lucca) (IT)

(511) 18, 25.

---

(111) **830982**
(822) 22.12.2003 744289 BX
(171) 10 năm
(540)

SAVANDRA

(151) 10.06.2004
(831) 20.06.2006 VN
(450) 2004/28 Gaz (07.10.2004)
(732) Solvay Pharmaceuticals B.V.
C.J. van Houtenlaan 36, NL-1381 CP Weesp (NL)

(511) 05.

---

(111) **831395**
(822) 22.12.2003 744290 BX
(171) 10 năm
(540)

AZIMBRA

(151) 10.06.2004
(831) 20.06.2006 VN
(450) 2004/29 Gaz (14.10.2004)
(732) SOLVAY PHARMACEUTICALS B.V.
C.J. van Houtenlaan 36, NL-1381 CP Weesp (NL)

(511) 05.

---

(111) **840024**
(822) 02.10.2003 739366 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 31.08.2004
(831) 30.10.2006 VN
(450) 2005/4 Gaz (03.03.2005)
(531) 26.15.01, 27.07.01, 29.01.15
(591) Hồng, vàng xanh da trời; đỏ, cam, trắng
(732) FRIESLAND Brands BV
Blankenstein 142, NL-7943 PE Meppel (NL)

(511) 05, 29, 30.

---

(111) **840026**
(822) 02.10.2003 738657 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 31.08.2004
(831) 30.10.2006 VN
(450) 2005/4 Gaz (03.03.2005)
(531) 26.15.01, 27.07.01, 29.01.15
(591) Xanh da trời, xanh lá cây, cam; trắng
(732) FRIESLAND Brands BV
Blankenstein 142, NL-7943 PE Meppel (NL)

(511) 05, 29, 30.

---

(111) **840035**
(822) 06.10.2003 738239 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 29, 30.

(151) 31.08.2004
(831) 30.10.2006 VN
(450) 2005/4 Gaz (03.03.2005)
(531) 01.15.09, 03.01.14, 03.01.25, 08.03.01, 26.15.01, 29.01.15
(591) Xanh da trời, hồng, đỏ, cam, vàng, đồng, đen và trắng
(732) FRIESLAND Brands BV
Blankenstein 142, NL-7943 PE Meppel (NL)

---

(111) **841514**
(822) 28.07.2004 304 21 623.2/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 18, 25.

(151) 04.10.2004
(831) 23.10.2006 VN
(450) 2005/7 Gaz (24.03.2005)
(531) 03.01.01, 03.01.02, 24.09.05, 24.11.01
(732) LERROS MODEN GmbH
Im Taubental 35, 41468 Neuss (DE)

---

(111) **841877**
(822) 09.09.2004 936998 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30.

(151) 09.09.2004
(831) 03.07.2006 VN
(450) 2005/8 Gaz (31.03.2005)
(531) 08.01.18, 11.03.05, 11.03.07, 26.01.02, 26.01.18, 27.05.01
(732) G.E.I. - Gruppo Essenziero Italiano Società in Accomandita Semplice di Ferrero & C.
Via Cigliano, 31, I-10153 Torino (IT)

---

(111) **851725**
(822) 26.11.2004 04 3 299 415 FR
(171) 10 năm
(540)

ARIDYS

(151) 17.12.2004
(831) 27.10.2006 VN
(450) 2005/26 Gaz (04.08.2005)
(732) Société de Conseils de Recherches et d'Applications Scientifiques (S.C.R.A.S.)
42, rue du Docteur Blanche, F-75016 PARIS (FR)

(511) 03, 05.

---

(111) **853902**
(171) 10 năm
(540)

(151) 27.10.2004
(831) 04.10.2006 VN
(450) 2005/30 Gaz (01.09.2005)
(531) 29.01.01
(591) Đỏ
(732) Calzedonia S.p.A.
Via Portici Umberto I, 5, I-37018 Malcesine (Verona) (IT)

(511) 25, 35.

---

(111) **858388**
(822) 18.08.1992 1707674 US
(171) 10 năm
(540)

PEVONIA

(151) 17.06.2005
(831) 06.12.2006 VN
(450) 2005/35 Gaz (06.10.2005)
(732) COSMOPRO, INC.
300 Fentress Boulevard, Daytona Beach, FL 32114 (US)

(511) 03.

---

(111) **868681**
(171) 10 năm
(540)

(151) 23.12.2004
(831) 14.07.2006 VN
(450) 2005/47 Gaz (29.12.2005)
(531) 26.11.03, 27.05.01, 29.01.15
(732) LG PHILIPS LCD CO., LTD
20 YOIDO-DONG, YONGDUNGPO-GU, SEOUL (KR)

(511) 09.

---

(111) **868682**

(171) 10 năm

(540)

(511) 09.

(151) 23.12.2004
(831) 14.07.2006 VN
(450) 2005/47 Gaz (29.12.2005)
(531) 26.11.03, 27.05.01, 29.01.15
(732) LG PHILIPS LCD CO., LTD
20 YOIDO-DONG, YONGDUNGPO-GU, SEOUL (KR)

---

(111) **873220**
(822) 02.12.2004 530626 CH
(171) 10 năm
(540)

CVSTOS

(511) 14.

(151) 09.11.2005
(831) 08.12.2006 VN
(450) 2006/3 Gaz (23.02.2006)
(732) CVSTOS THE TIME KEEPER SA
Ruelle de Montbrillant 1b, CH-2300 La Chaux-de-Fonds (CH)

---

(111) **879210**
(822) 24.11.2005 984976 IT
(171) 10 năm
(540)

HOME-CARE

(511) 09.

(151) 24.12.2005
(831) 04.10.2006 VN
(450) 2006/14 Gaz (11.05.2006)
(531) 07.01.24, 27.05.01
(732) CARFO TRADING S.R.L.
Piazza Pertini, 46, I-21057 OLGIATE OLONA (VA) (IT)

---

(111) **880743**
(822) 16.01.2001 300 54 424.3/02 DE
(171) 10 năm
(540)

ALLIGATOR

(511) 01, 02, 17, 19.

(151) 21.09.2005
(831) 04.05.2006 VN
(450) 2006/16 Gaz (25.05.2006)
(531) 03.11.09, 26.11.08, 29.01.15
(591) Xanh lá cây, vàng, cam, đỏ, xanh da trời, xanh lá cây đậm
(732) Deutsche Amphibolin-Werke von Robert Murjahn Stiftung & Co KG
Roßdörfer Strasse 50, 64372 Ober-Ramstadt (DE)

---

(111) **881442**
(822) 18.04.2006 Z20050812 HR
(171) 10 năm
(540) LECTRANAL

(151) 21.11.2005
(831) 20.10.2006 VN
(450) 2006/26 Gaz (03.08.2006)
(732) MILSING d.o.o.
Velika cesta 99, HR-10020 Zagreb (HR)

(511) 05.

---

(111) **885824**
(822) 12.12.2003 40-0568664-00-00 KR
(171) 10 năm
(540) COWON

(151) 24.02.2006
(831) 15.11.2006 VN
(450) 2006/25 Gaz (27.07.2006)
(732) COWON Systems, Inc.
COWON Tower, 689-3, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul 135-080 (KR)

(511) 09.

---

(111) **894123**
(822) 06.03.2006 306 06 635.1/09 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 17.05.2006
(831) 22.11.2006 VN
(450) 2006/36 Gaz (12.10.2006)
(531) 27.05.21, 27.07.11, 29.01.12
(591) Trắng, đen và đỏ
(732) Ingram Macrotron GmbH
Heisenbergbogen 3, 85609 Dornach (DE)

(511) 09.

---

(111) **894551**
(822) 04.11.2005 4905840 JP
(171) 10 năm
(540) B3 B-Three

(151) 28.06.2006
(831) 23.10.2006 VN
(450) 2006/37 Gaz (19.10.2006)
(531) 27.05.01, 27.07.01, 29.01.01, 29.01.08
(591) Đen và đỏ
(732) Kabushiki Kaisha Value Planning (doing business as Value Planning Co., Ltd.)
2-17 Sakaguchi-dori 7-chome, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo 651-0062 (JP)

(511) 25.

---

(111) **895662**
(822) 04.09.2003 254617 RU
(171) 10 năm
(540)

(511) 36.

(151) 19.01.2006
(831) 31.10.2006 VN
(450) 2006/38 Gaz (26.10.2006)
(531) 03.07.17, 29.01.11
(591) Trắng và xanh da trời
(732) Bank for Foreign Trade (open joint-stock company)
d. 29, ul. Bolshaya Morskaya, RU-190000 St. Petersburg (RU)
(750) Bank for Foreign Trade (open joint-stock company)
d. 6, ul. Lesnaya, RU-125047 Moscow (RU)

---

(111) **896034**
(171) 10 năm
(540)

inCore

(511) 09.

(151) 21.07.2006
(831) 20.11.2006 VN
(450) 2006/39 Gaz (02.11.2006)
(732) NAP ENTERPRISE CO., LTD.
1-10-7 Tanotsu, Higashi-ku, Fukuoka-shi, Fukuoka 813-0034 (JP)

---

(111) **896314**
(171) 10 năm
(540)

UHY

(511) 35, 36.

(151) 24.02.2006
(831) 13.11.2006 VN
(450) 2006/39 Gaz (02.11.2006)
(732) URBACH HACKER YOUNG INTERNATIONAL LIMITED
4th Floor, St. Alphage House, 2 Fore Street, London EC2Y 5DH (GB)

---

(111) **897677**
(822) 08.02.2006 06 3 408 719 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 11.07.2006
(831) 31.10.2006 VN
(450) 2006/40 Gaz (09.11.2006)
(531) 26.03.23, 26.13.25
(732) XbyBus
49, boulevard Mortier, F-75020 PARIS (FR)

---

(111) **906068**
(822) 05.05.2006 30617754.4/05 DE
(171) 10 năm
(540)

EPOLOGIC

(511) 05.

(151) 19.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Fresenius Medical Care Deutschland GmbH
Else-Kröner-Strasse 1, 61352 Bad Homburg (DE)

---

(111) **906071**
(822) 10.04.2006 231 069 AT
(171) 10 năm
(540)

UNTHA

(511) 07, 08, 42.

(151) 14.06.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Anton Unterwurzacher Maschinenbau GmbH
Moldanstraße 141, A-5431 Kuchl (AT)

---

(111) **906073**
(822) 18.10.2006 809532 BX
(171) 10 năm
(540)

REXONA V8

(511) 03.

(151) 08.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL Rotterdam (NL)

---

(111) **906077**
(822) 05.05.2006 30617755.2/05 DE
(171) 10 năm
(540)

FERROLOGIC

(511) 05.

(151) 19.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Fresenius Medical Care Deutschland GmbH
Else-Kröner-Strasse 1, 61352 Bad Homburg (DE)

---

(111) **906082**
(822) 02.03.1978 968 257 DE
(171) 10 năm
(540)

Diacap

(511) 10.

(151) 07.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) B. Braun Medizintechnologie GmbH
Schwarzenberger Weg 73-79, 34212 Melsungen (DE)
(750) B. Braun Melsungen AG, Markenstelle PL-LA-DE08
Postfach 11 20, 34209 Melsungen (DE)

---

(111) **906090**
(822) 25.07.2006 400130 PT
(171) 10 năm
(540)

Jose Cool

(511) 25.

(151) 18.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Adriano Manuel Peixoto Casal Ribeiro
Passeio Jacarandas, Lote 4.15.01E 3°A, P-1990-385 MOSCAVIDE (PT)

---

(111) **906100**
(822) 07.06.2002 02/3.168.219 FR
(171) 10 năm
(540)

VIRTUOSE

(511) 03.

(151) 27.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **906101**
(822) 20.10.2006 06/3.429.057 FR
(171) 10 năm
(540)

PRIMORDIALE
CELL DEFENSE

(511) 03.

(151) 02.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **906102**
(822) 20.10.2006 06/3.429.056 FR
(171) 10 năm
(540)

AGE FIGHT

(511) 03.

(151) 02.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **906130**
(822) 10.11.2006 06 3 429 201 FR
(171) 10 năm
(540)

NUTRICERAT

(511) 03, 05.

(151) 10.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE
45, place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **906150**
(822) 07.09.2006 400408 PT
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 14, 18, 25, 43.

(151) 18.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Adriano Manuel Peixoto Casal Ribeiro
Passeio Jacarandas, Lote 4.15.01E 3°A, P-1990-385 MOSCAVIDE (PT)

---

(111) **906162**
(822) 05.01.2006 305 46 284.9/05 DE
(171) 10 năm
(540)

Neupro

(511) 05.

(151) 31.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Schwarz Pharma Aktiengesellschaft
Alfred-Nobel-Straße 10, 40789 Monheim (DE)

---

(111) **906175**
(822) 06.10.2006 06 3 427 146 FR
(171) 10 năm
(540)

CLEAN DETOX

(151) 06.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) LABORATOIRE GARNIER & CIE
281, rue Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **906197**
(822) 31.10.2006 810417 BX
(171) 10 năm
(540)

REDD'S

(151) 07.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) SABMiller International B.V.
Hofplein 19, NL-3032 AC ROTTERDAM (NL)

(511) 32.

---

(111) **906249**
(822) 14.08.2005 3573047 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.03.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.11.08, 27.05.01
(732) BYD COMPANY LIMITED
Yan an Road, Kuichong, Longgang District, Shenzhen City, Guangdong Province 518119 (CN)

(511) 09, 12, 37.

---

(111) **906251**
(822) 24.02.1984 VR 1984 00715 DK
(171) 10 năm
(540)

SPRAY-GUARD

(151) 22.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Hempel A/S
Lundtoftevej 150, DK-2800 Kongens Lyngby (DK)

(511) 02.

---

(111) **906260**
(822) 23.08.2006 306 15 221.5/09 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 23.08.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.04.09, 26.04.10, 27.05.10, 29.01.12
(591) Xanh da trời và trắng
(732) BYK-Gardner GmbH
Lausitzer Str. 8, 82538 Geretsried (DE)

(511) 09.

---

(111) **906277**
(822) 27.10.2006 06 3 430 003 FR
(171) 10 năm
(540)
ENDORSE

(151) 02.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) BIOFARMA
22 rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 35, 42, 44.

---

(111) **906281**
(822) 20.10.2006 06 3 429 044 FR
(171) 10 năm
(540)
UNIL OPAL

(151) 07.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) UNIL OPAL
Boulevard Jean Moulin, F-49400 SAUMUR (FR)

(511) 04.

---

(111) **906313**
(822) 29.06.2006 306 23 026.7/16 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 08.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 24.17.25, 27.05.19, 29.01.04
(591) Xanh da trời, trắng
(732) Allied Management + Consulting Pancke & Cie KGaA
Werner-von-Siemens-Straße 3-7, 25479 Ellerau (DE)

(511) 01, 16, 17.

---

(111) **906315**
(822) 11.10.2006 234 871 AT
(171) 10 năm
(540) SIEKMANN

(151) 11.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Erne Fittings GmbH
Hauptstraße 48, A-6824 Schlins (AT)

(511) 06, 07.

---

(111) **906335**
(822) 22.12.2004 304 64 687.3/37 DE
(171) 10 năm
(540) Westfalia Separator

(151) 09.07.2005

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Westfalia Separator AG
Werner-Habig-Straße 1, 59302 Oelde (DE)

(511) 07, 08, 09, 11, 37.

---

(111) **906367**
(822) 28.09.2000 1449991 CN
(171) 10 năm
(540) 柯杰KEJIE

(151) 28.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) GUANGDONG KEJIE ADMIXTURE SCIENCE & TECHNOLOGY CO., LTD.
Hegui Industry Area, Heshun, Nanhai District, Foshan, Guangdong (CN)

(511) 01.

---

(111) **906378**
(822) 24.07.2006 550853 CH
(171) 10 năm
(540) BESCHI

(151) 09.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) Monrosa AG
Falknerstrasse 52, CH-4001 Basel (CH)

(511) 29, 30, 31.

---

(111) **906387**
(822) 07.07.2003 3233357 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 08.

(151) 18.11.2005

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) Mighty Seven Enterprise Co. Ltd.
No. 32 Dawei Rd., Dali City, Taichung, TAIWAN (CN)

---

(111) **906394**
(822) 24.07.2006 306 33 122.5/09 DE
(171) 10 năm
(540)

Sindopower

(511) 09.

(151) 06.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Semikron International GmbH
Sigmundstrasse 200, 90431 Nürnberg (DE)
(750) Semikron International GmbH
Postfach 820 251, 90253 Nürnberg (DE)

---

(111) **906406**
(822) 15.04.1998 000071126 EM
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 16, 21, 29, 30, 32.

(151) 10.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.01.18
(732) Hintz Foodstuff Production GmbH
Sögestr. 58, 28195 Bremen (DE)

---

(111) **906413**
(822) 27.01.2006 547444 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 24, 25, 26.

(151) 30.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 04.05.15
(732) Arbasta AG (Arbasta SA)
Gotthardstrasse 3, CH-6300 Zug (CH)

---

(111) **906423**
(822) 13.07.2006 06 3 409 129 FR
(171) 10 năm
(540)

IDAGOR

(151) 13.07.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **906424**
(822) 13.07.2006 06 3 409 131 FR
(171) 10 năm
(540)

IDACTOR

(151) 13.07.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **906427**
(822) 20.10.2006 06 3 429 259 FR
(171) 10 năm
(540)

ARVADUX

(151) 09.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) BIOFARMA
22 rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **906438**
(822) 14.10.2000 1458601 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 06.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.01.18
(732) Zhejiang Jifa Electronics Co., Ltd.
Jiangnan Industry Zone, Nanma Town, Dongyang, Zhejiang 322121 (CN)
(750) Jiangnan Industry Zone
Jiangnan Industry Zone, Nanma Town, Dongyang, Zhejiang 322121 (CN)

(511) 07.

---

(111) **906446**
(822) 17.11.2006 06 3 434 037 FR
(171) 10 năm
(540)

BEJOYA

(151) 17.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) SANOFI-AVENTIS
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) SANOFI-AVENTIS, DEPARTEMENT DES MARQUES
82, avenue Raspail, F-94255 GENTILLY (FR)

(511) 05.

---

(111) **906452**
(822) 11.10.2006 1024327 IT
(171) 10 năm
(540)

TASK

(151) 11.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) TASK S.R.L.
Via Rosa, 9, I-30100 Venezia Mestre (IT)

(511) 06, 20, 39.

---

(111) **906455**
(822) 30.10.2006 235 233 AT
(171) 10 năm
(540)

(151) 30.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.02.01, 27.05.21
(732) Erne Fittings GmbH
Hauptstraße 48, A-6824 Schlins (AT)

(511) 06, 07.

---

(111) **906461**
(822) 20.10.2006 06 3 428 812 FR
(171) 10 năm
(540)

EXTRAORDINARY

(151) 15.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) DE BOUTINY LAURE
262 rue Saint-Jacques, F-75005 PARIS (FR)

(511) 14, 18, 25, 42.

---

(111) **906485**
(822) 07.04.2006 13808 LI
(171) 10 năm
(540) TWINKLETS

(151) 27.06.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Swarovski Aktiengesellschaft
Dröschistrasse 15, FL-9495 Triesen (LI)

(511) 14, 20, 21.

---

(111) **906487**

(171) 10 năm
(540) VSNL

(151) 13.07.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) VSNL Telecommunications (UK) Ltd.
90 Gloucester Place, London W1U 6EH (GB)

(511) 37, 38, 42.

---

(111) **906515**
(822) 24.08.2006 306 28 660.2/19 DE
(171) 10 năm
(540) FiReP Fiber Reinforced Polymers

(151) 31.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.11.12, 27.05.10
(732) Beltec Industrietechnik GmbH
Krefelder Str. 85, 40549 Düsseldorf (DE)

(511) 19, 37.

---

(111) **906543**
(822) 03.11.2006 552312 CH
(171) 10 năm
(540) HAPENIT

(151) 14.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Novartis AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **906545**
(822) 03.11.2006 552313 CH
(171) 10 năm
(540)

HAPPENI

(151) 14.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Novartis AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **906546**
(822) 03.11.2006 552314 CH
(171) 10 năm
(540)

ZAIRPHIR

(151) 14.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Novartis AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **906554**
(822) 19.04.2006 279989 CZ
(171) 10 năm
(540)

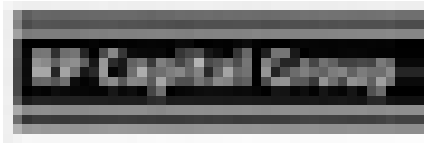

(151) 19.04.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.01, 27.05.11, 29.01.13
(591) Xanh da trời, trắng, xám
(732) PPF a.s.
Na Pankráci 1658, CZ-140 21 Praha 4 (CZ)

(511) 35, 36, 38, 39, 40, 41, 42.

---

(111) **906589**
(822) 29.09.2006 06 3 425 151 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 20.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.21
(732) JOHN GALLIANO S.A.
60, rue d'Avron, F-75020 PARIS (FR)

(511) 09, 14, 18, 25.

---

(111) **906595**
(822) 09.05.2006 R-174888 PL
(171) 10 năm
(540)

(511) 10, 25, 35.

(151) 20.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 01.03.01, 27.05.08, 29.01.12
(591) Xanh da trời, vàng và trắng
(732) BARTEK PAWEŁ BARTNICKI SPÓŁKA JAWNA
ul. Gen. K. Sosnkowskiego 83, PL-05-300 Mińsk Mazowiecki (PL)

---

(111) **906639**
(822) 05.10.2006 805421 BX
(171) 10 năm
(540)
SOLVASPIRE

(511) 01, 17.

(151) 13.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) SOLVAY SA
Rue du Prince Albert 33, B-1050 Bruxelles (BE)

---

(111) **906640**
(822) 27.07.2006 803933 BX
(171) 10 năm
(540)
THE DRIVING FORCE

(511) 07, 12.

(151) 27.07.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) The Gates Corporation, Delaware corporation
1551 Wewatta Street, Denver, Colorado 80202 (US), Dr. Carlierlaan 30, Erembodegem-Aalst, Belgium (BX)

---

(111) **906673**
(822) 05.09.2006 306 40 495.8/25 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 13.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.01.19, 27.05.01
(732) Reno Schuhcentrum GmbH
Industriegebiet West, 66987 Thaleischweiler-Fröschen (DE)

---

(111) **906676**
(822) 17.12.2002 2002 32106 TR
(171) 10 năm
(540)

(511) 18, 25, 35.

(151) 18.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 03.01.22, 24.01.25, 24.09.02, 29.01.12
(732) LEVINSON DERI SANAYI VE TICARET LIMITED SIRKETI
BESTELSIZ MAHALLESI, DR. SADIK AHMET SOKAK NO: 2, ZEYTINBURNU-ISTANBUL (TR)

---

(111) **906681**
(822) 15.08.2006 65463 UA
(171) 10 năm
(540) LOBSTER

(511) 14, 18, 25.

(151) 27.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.07.09, 26.07.11, 27.05.01
(732) Limited Liability Company Ukrainian and Cyprian Joint Venture "MTI"
blvr. L. Ukrainky, 4, Kyiv 01023 (UA)

---

(111) **906683**
(822) 17.07.2006 64958 UA
(171) 10 năm
(540) KIDDITOP

(511) 14, 18, 25, 35.

(151) 27.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Limited Liability Company Ukrainian and Cyprian Joint Venture "MTI"
blvr. L. Ukrainky, 4, Kyiv 01023 (UA)

---

(111) **906684**
(822) 17.07.2006 64964 UA
(171) 10 năm
(540) ІНТЕРТОП
ИНТЕРТОП
INTERTOP

(511) 14, 18, 25, 35.

(151) 27.09.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.01, 28.05.00
(732) Limited Liability Company Ukrainian and Cyprian Joint Venture "MTI"
blvr. L. Ukrainky, 4, Kyiv 01023 (UA)

---

(111) **906697**
(822) 13.10.2006 1024702 IT
(171) 10 năm
(540) RODY

(511) 16, 25, 28.

(151) 13.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) LEDRAPLASTIC SpA
Via Brigata Re, 1, I-33010 OSOPPO (UD) (IT)

---

(111) **906733**
(822) 29.09.2005 305 38 814.2/02 DE
(171) 10 năm
(540) FERRICON

(511) 02, 06.

(151) 06.03.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Eckart GmbH & Co. KG
Kaiserstrasse 30, 90763 Fürth (DE)

---

(111) **906734**
(822) 27.09.2006 551271 CH
(171) 10 năm
(540) 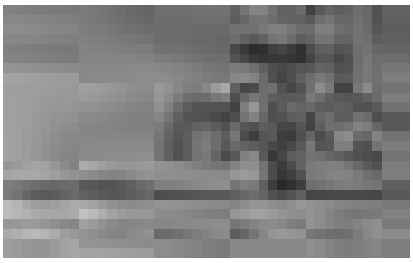

(511) 29, 30, 31.

(151) 19.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 01.03.01, 01.15.24, 05.01.16
(732) Capezzana Shipping and Trading S.A.
18, Rue du Marché, CH-1204 Geneva (CH)

---

(111) **906735**
(822) 27.09.2006 551270 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30, 31.

(151) 19.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 05.01.03
(732) Capezzana Shipping and Trading S.A.
18, Rue du Marché, CH-1204 Geneva (CH)

---

(111) **906761**
(822) 23.10.2006 1025757 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 23.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.11.07, 27.05.17
(732) BBI ELECTRIC S.p.A.
Via Einaudi, 18/24, I-25030 TORBOLE CASAGLIA (Brescia) (IT)

---

(111) **906771**
(822) 22.09.2006 306 46 946.4/03 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 03.

(151) 23.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.10, 29.01.13
(591) Xanh da trời đậm, đỏ và bạc
(732) Hans Schwarzkopf & Henkel GmbH & Co. KG
Südliche Münchener Strasse 1, 82031 Grünwald (DE)

---

(111) **906796**
(822) 04.05.1990 1158365 DE
(171) 10 năm
(540)

BENHIL

(511) 07.

(151) 09.06.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Benz & Hilgers GmbH
Blindeisenweg 17, 41468 Neuss (DE)

---

(111) **906799**
(822) 02.06.2006 30615851.5/42 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 38, 41, 42, 44.

(151) 11.08.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.11.12, 26.11.25
(732) Grünenthal GmbH
Zieglerstrasse 6, 52078 Aachen (DE)

---

(111) **906896**
(822) 29.10.2003 915554 IT
(171) 10 năm
(540) NEUTROTONE CREAM
WHITE MOON

(151) 09.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) LACHIFARMA S.r.l.
Strada Statale n. 16, (Zona Industriale),
I-73010 ZOLLINO (LE) (IT)

(511) 03, 05.

---

(111) **906899**
(822) 21.10.2001 1652865 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.04.03, 27.05.22, 28.03.00
(732) Jiangxi TianGuang Chemical Co., Ltd.
No.4, Antang Road, Fu North Town, Fuzhou City, Jiangxi Province 344001 (CN)

(511) 02.

---

(111) **906916**
(822) 22.05.2006 547867 CH
(171) 10 năm
(540)
SEAMASTER

(151) 20.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) OMEGA SA (OMEGA AG) (OMEGA LTD.)
Jakob-Stämpfli-Strasse 96, CH-2502 Biel/Bienne (CH)

(511) 14.

---

(111) **906923**
(822) 03.02.2006 40-0649869-00-00 KR
(171) 10 năm
(540)
CLUE

(151) 11.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) E.LAND WORLD LTD
19-8, Changjeon-Dong, Mapo-Gu, SEOUL (KR)

(511) 14, 26.

---

(111) **906943**
(822) 24.10.2006 1025937 IT
(171) 10 năm
(540) COMPACTEASY

(511) 07.

(151) 24.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) CIFA S.p.A.
Via Stati Uniti d'America, 26, I-20030 Senago (Milano) (IT)

---

(111) **906967**
(822) 23.06.2006 306 24 557.4/01 DE
(171) 10 năm
(540) TRICHROME

(511) 01.

(151) 06.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Atotech Deutschland GmbH
Erasmusstrasse 20, 10553 Berlin (DE)

---

(111) **906975**
(822) 28.09.1997 1110145 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 01.

(151) 06.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.01.16, 28.03.00
(732) ZHEJIANG HUANGYAN FINE CHEMICALS GROUP CO. LTD.
5 Rouji Road, Huangyan, Zhejiang (CN)

---

(111) **906979**
(822) 17.07.2002 T0210199B SG
(171) 10 năm
(540)

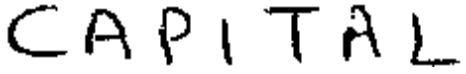

(511) 08.

(151) 04.10.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) WAH LEI INDUSTRIAL SUPPLY CO. PTE. LTD
85, Maude Road, Singapore 208357 (SG)

---

(111) **907010**
(822) 26.10.2006 551738 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 11, 29, 30, 32, 35, 43.

(151) 07.11.2006
(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 24.17.04, 27.05.01
(732) SAMAR BEVERAGE INDUSTRIES S.A.
Via Ferruccio Pelli 13a, CH-6901 Lugano (CH)

---

(111) **907020**
(822) 22.08.2006 177480 PL
(171) 10 năm
(540)

ELLIADE

(511) 05.

(151) 17.11.2006
(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) ZAKŁADY FARMACEUTYCZNE "POLPHARMA" SPÓŁKA AKCYJNA
Pelplinska 19, PL-83-200 STAROGARD GDANSKI (PL)

---

(111) **907038**

(171) 10 năm
(540)

AVON INSTANT TONE

(511) 03.

(151) 22.11.2006
(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Avon Products, Inc.
World Headquarters, 1345 Avenue of the Americas, New York, NY 10105-0196 (US), Nunn Mills Road, Northampton NN1 5PA (GB)

---

(111) **907044**
(822) 01.12.1965 51188 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 19.

(151) 28.11.2006
(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 07.05.02, 26.04.03, 28.03.00
(732) MONALISA CERAMICS CO., LTD OF GUANGDONG (GUANGDONG MENGNALISHA TAOCI YOUXIANGONGSI)
Gongyeyuan, Xiqiao Qingfangcheng, Nanhaiqu, Foshan, Guangdong 528200 (CN)

---

(111) **907068**
(822) 24.01.2005 2.582.079 ES
(171) 10 năm
(540)

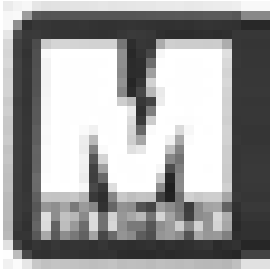

(511) 09, 17.

(151) 10.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(531) 26.04.24, 27.05.24
(732) MANUFACTURAS ELECTRICAS, S.A.
Lauaxeta, 44, E-48100 MUNGUIA (VIZCAYA) (ES)

---

(111) **907102**

(171) 10 năm
(540)

EVAC+CHAIR

(511) 10.

(151) 03.11.2006

(450) 2006/49 Gaz (11.01.2007)
(732) Evac+Chair International Limited
Paraid House, Weston Lane, Tyseley, Birmingham, West Midlands B11 3RS (GB)

---

(111) **907156**

(171) 10 năm
(540)

RAPUA

(511) 25.

(151) 15.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) RIGHT-ON CO., LTD.
11-1, Azuma 1-chome, Tsukuba-shi, Ibaraki-ken 305-8503 (JP)

---

(111) **907182**
(822) 20.04.2005 2618024 ES
(171) 10 năm
(540)

ADVANTIS

(511) 09, 16, 38, 42.

(151) 31.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) SERVICIOS PARA MEDIOS DE PAGO, S.A.
c/ Gustavo Fernández Balbuena, 15, E-28002 MADRID (ES)

---

(111) **907203**
(822) 12.06.2006 551986 CH
(171) 10 năm
(540)
MX4 FLAVOR

(151) 24.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Philip Morris Products S.A.
Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchâtel (CH)

(511) 34.

---

(111) **907208**
(822) 12.10.2001 01 3 126 294 FR
(171) 10 năm
(540)
GAMELOFT

(151) 31.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) GAMELOFT S.A.
81, rue Réaumur, F-75002 PARIS (FR)
(750) GAMELOFT S.A.
14, rue Auber, F-75009 PARIS (FR)

(511) 09, 28, 38, 41.

---

(111) **907215**

(171) 10 năm
(540)
AJI-NO-MOTO

(151) 13.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) Ajinomoto Co., Inc.
15-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315 (JP)

(511) 29.

---

(111) **907247**

(171) 10 năm
(540)
ISLATE

(151) 22.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Slate Computing (USA) LLC
1209 Orange Street, Corporation Trust Center, Wilmington, DE 19801 (US)

(511) 09.

---

(111) **907251**
(822) 27.02.2001 2431334 US
(171) 10 năm
(540)
QUICKTIME

(511) 09.

(151) 27.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) APPLE COMPUTER, INC.
1 INFINITE LOOP, CUPERTINO, CA 95014 (US)

---

(111) **907294**

(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30.

(151) 13.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 11.03.18, 28.03.00
(732) Ajinomoto Co., Inc.
15-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315 (JP)

---

(111) **907312**
(822) 01.08.2006 1016121 IT
(171) 10 năm
(540)
R99

(511) 06.

(151) 22.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) ISEO HOLDING S.p.A.
Via S. Girolamo 13, I-25055 PISOGNE (Brescia) (IT)

---

(111) **907313**
(822) 01.08.2006 1016122 IT
(171) 10 năm
(540)
R900

(511) 06.

(151) 22.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) ISEO HOLDING S.p.A.
Via S. Girolamo 13, I-25055 PISOGNE (Brescia) (IT)

---

(111) **907315**
(822) 01.08.2006 1016123 IT
(171) 10 năm
(540)
R9000

(511) 06, 09.

(151) 22.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) ISEO HOLDING S.p.A.
Via S. Girolamo 13, I-25055 PISOGNE (Brescia) (IT)

---

(111) **907316**
(822) 01.08.2006 1016124 IT
(171) 10 năm
(540)
F9000

(511) 06, 09.

(151) 22.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) ISEO HOLDING S.p.A.
Via S. Girolamo 13, I-25055 PISOGNE (Brescia) (IT)

---

(111) **907332**
(822) 15.06.2006 547830 CH
(171) 10 năm
(540)
SmarDTV

(511) 09, 42.

(151) 13.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Kudelski SA
Route de Genève 22, CH-1033 Cheseaux (CH)

---

(111) **907335**

(171) 10 năm
(540)
ALMI

(511) 41.

(151) 16.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Life Office Management Association, Inc.
2300 Windy Ridge Parkway, Suite 600, Atlanta, GA 30339-8443 (US)

---

(111) **907336**

(171) 10 năm
(540)

AFSI

(511) 41.

(151) 16.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Life Office Management Association, Inc.
2300 Windy Ridge Parkway, Suite 600, Atlanta, GA 30339-8443 (US)

---

(111) **907370**
(822) 11.11.2005 305 47 169.4/38 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 35, 38, 45.

(151) 19.12.2005

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 02.09.01, 24.17.25
(732) Neu.de GmbH
Feringastrasse 7, 85774 Unterföhring (DE)

---

(111) **907377**
(822) 07.02.2005 3634276 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 30.

(151) 18.05.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 24.09.03, 26.01.18, 29.01.04
(591) Xanh da trời
(732) ZHONGSHAN SIGCESS HEALTH PRODUCTS CORPORATION
No. 8, Kang Tai South Road, Torch Development Zone, Zhongshan Guangdong (CN)

---

(111) **907390**
(822) 15.06.2006 63692 UA
(171) 10 năm
(540)

(511) 14, 18, 25.

(151) 03.07.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.01.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời
(732) Limited Liability Company Ukrainian and Cyprian Joint Venture "MTI"
blvr. L. Ukrainky, 4, Kyiv 01023 (UA)

---

(111) **907397**
(822) 09.10.2006 102 3553 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 24.17.25, 26.11.03, 27.05.01
(732) SIMOD S.P.A.
Via Verdi, 14, I-35020 S. ANGELO DI PIOVE (PD) (IT)

(511) 18, 25.

---

(111) **907431**
(822) 02.12.2005 05 3 368 205 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.12.2005

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 02.01.20, 03.03.17, 03.03.24, 26.01.02
(732) DECATHLON
4, Boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

(511) 03, 04, 05, 06, 08, 09, 11, 12, 16, 18, 20, 21, 25, 28, 31, 39, 41, 43, 44.

---

(111) **907445**

(171) 10 năm
(540) TRUPHONE

(151) 18.07.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Software Celluar Network Ltd
Carmelite, 50 Victoria Embankment, London EC4Y 0DX (GB)

(511) 09, 38.

---

(111) **907521**
(822) 31.05.2006 801022 BX
(171) 10 năm
(540) NACAP

(151) 02.06.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Nacap B.V.
Machlaan 5, NL-9761 TK Eelde (NL)

(511) 37, 42, 44.

---

(111) **907535**
(822) 27.11.2001 2512788 US
(171) 10 năm
(540)
FARALLON

(151) 01.12.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Farallon Capital Management, L.L.C.
One Maritime Plaza, Suite 1325, San Francisco, CA 94111 (US)

(511) 36.

---

(111) **907537**
(822) 28.10.2000 1466644 CN
(171) 10 năm
(540)

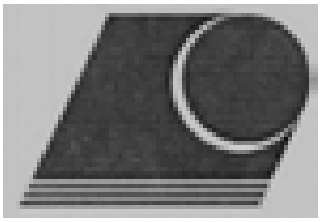

(151) 28.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 26.04.10, 29.01.12
(591) Đỏ và xanh da trời
(732) HAINAN LITREE PURIFYING TECHNOLOGY CO., LTD.
8, North Airport Road, Qiongshan New District, Haikou, Hainan (CN)

(511) 07.

---

(111) **907543**
(822) 28.01.2003 1921661 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) CIXI LANBAO ELECTRICAL CO.
Dagutang Village, Zhouxiang Town, Cixi City, Zhejiang (CN)

(511) 11.

---

(111) **907545**
(822) 07.06.2006 4046095 CN
(171) 10 năm
(540)

YTIN

(151) 28.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.17
(732) YITONG INDUSTRY (NINGBO) CO., LTD. (yitong shiye (ningbo) youxian gongsi)
No.1, Yitong Road, Zhenhai District, Ningbo City, ZHEJIANG 315221 (CN)

(511) 07.

---

(111) **907563**
(822) 17.07.2006 64874 UA
(171) 10 năm
(540)

MONIRON

(151) 05.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Barsukov Sergey Dmitrievich
20 Yaroslavskoe Highway, case 1, ap. 100, RU-129337 Moscow (RU), 285 Ilyina, ap. 6, Cherkassy 18002 (UA)

(511) 07, 09, 11, 16.

---

(111) **907576**
(822) 14.06.2002 1785012 CN
(171) 10 năm
(540)

欧摩德
EuroModa

(151) 11.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) JIANGSU EUROMODA PAINT CO., LTD
Tongzheng Road, Fufeng Town, Wuxi City, Jiangsu Province 214265 (CN)

(511) 01, 17.

---

(111) **907579**
(822) 14.10.2002 302 390 51.0/34 DE
(171) 10 năm
(540)

COTTON CLUB

(151) 10.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Joh. Wilh. von Eicken GmbH
Drechslerstrasse 1-3, 23556 Lübeck (DE)
(750) Joh. Wilh. von Eicken GmbH
P.O. Box 33 38, 23582 Lübeck (DE)

(511) 34.

---

(111) **907585**
(822) 03.08.2006 549221 CH
(171) 10 năm
(540)

SILVER SHADOW
ALTITUDE

(151) 29.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Zino Davidoff SA
Rue Faucigny 5, CH-1700 Fribourg (CH)

(511) 03.

---

(111) **907661**
(822) 04.01.2005 41-0110707-00-00 KR
(171) 10 năm
(540)

(151) 25.08.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.01, 28.19.00, 29.01.13
(732) HANATOUR Service Inc.
3F Hanmi B/D, 1 Kongpyong-dong, Chongro-gu, Seoul 110-160 (KR)
(750) HANATOUR Service Inc.
3F Focus B/D, 725-25 Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, 135-080 (KR)

(511) 39.

---

(111) **907707**
(822) 11.01.2006 305 61 425.8/12 DE
(171) 10 năm
(540)

SYNTEGRA

(151) 01.08.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Siemens Aktiengesellschaft
Wittelsbacherplatz 2, 80333 München (DE)

(511) 07, 12.

---

(111) **907756**

(171) 10 năm
(540)

POWERSONG

(151) 14.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Apple Computer, Inc.
1 Infinite Loop, Cupertino, CA 95014 (US)

(511) 09.

---

(111) **907774**
(822) 15.03.2006 306 07 973.9/09 DE
(171) 10 năm
(540)

wLSN

(151) 29.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) BOSCH SICHERHEITSSYSTEME GMBH
85521 Ottobrunn (DE)

(511) 09.

---

(111) **907791**
(822) 21.07.2005 3466402 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 28.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 01.01.01, 26.01.19
(732) HANGZHOU JINGWEI ELECTRONIC MECHANICAL MANUFACTURE CO., LTD.
Wulian Village, Xin Tang Xiaoshan, Hangzhou, Zhejiang 311201 (CN)

---

(111) **907799**
(822) 09.06.2006 398 876 PT
(171) 10 năm
(540)

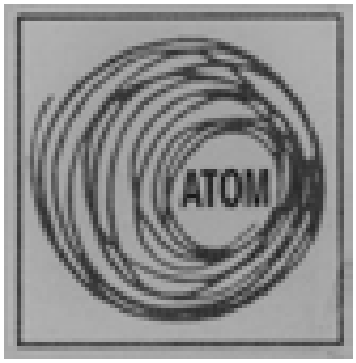

(511) 29.

(151) 10.08.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 01.15.23
(732) TOUL - SOCIEDADE PORTUGUESA DE DESIDRATAÇÃO, LDA.
Estrada Nacional, 3, P-2050-306 Azambuja (PT)

---

(111) **907815**
(822) 13.09.2006 552243 CH
(171) 10 năm
(540)

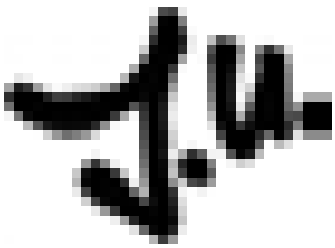

(511) 14.

(151) 13.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) Art + design gmbh
Aeschholzstrasse 7, CH-8127 Forch (CH)

---

(111) **907829**
(822) 14.08.2001 1618176 CN
(171) 10 năm
(540)

SNOWKEY

(511) 11.

(151) 07.12.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) CHANGLE CITY SNOWMAN REFRIGERATION EQUIPMENT CO., LTD.
East of Port Songxia Village, Songxia Town Changle City, Fujian (CN)

---

(111) **907841**
(822) 20.06.2006 3107439 US
(171) 10 năm
(540)

ROCKSTAR

(511) 32, 33.

(151) 02.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) Weiner, Russell G.
101 Convention Center Drive, Suite 777, Las Vegas, NV 89126 (US)

---

(111) **907879**
(822) 04.08.2006 06 3 412 949 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 05.

(151) 04.08.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 04.05.05, 05.05.20, 27.05.01
(732) LABORATOIRES SVR Sas
ZI la Tremblaie, rue de la Mare à Blot, F-91220 Le PLESSIS PATE (FR)

---

(111) **907881**
(822) 10.10.2006 215 268 SK
(171) 10 năm
(540)

(511) 12, 35, 37.

(151) 10.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 03.07.17, 26.04.24, 27.05.24
(732) Letecké opravovne Trenčín, a.s.
Legionárska 160, SK-911 04 Trenčín (SK)

---

(111) **907883**
(822) 02.10.2006 1023106 IT
(171) 10 năm
(540) EVERYWHERE IN THE FUTURE

(151) 02.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) FINMECCANICA Società per Azioni
Piazza Monte Grappa, 4, I-00195 Roma (IT)

(511) 06, 07, 09, 11, 12, 13, 16, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 45.

---

(111) **907884**
(822) 18.09.2006 1021346 IT
(171) 10 năm
(540)

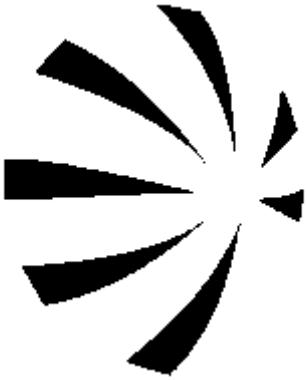

(151) 18.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 26.11.25
(732) FINMECCANICA Società per Azioni
Piazza Monte Grappa, 4, I-00195 Roma (IT)

(511) 06, 07, 09, 11, 12, 13, 16, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 45.

---

(111) **907964**

(171) 10 năm
(540)

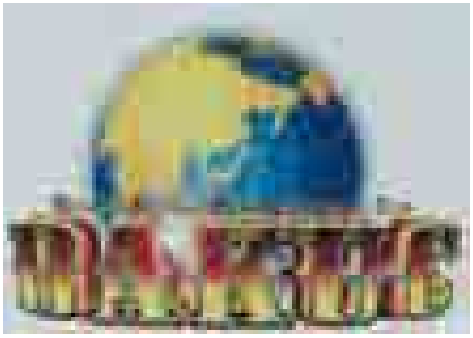

(151) 26.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 01.05.01, 01.05.06, 27.05.02, 29.01.15
(591) Xanh da trời, vàng, đỏ, trắng và màu hạt dẻ
(732) Kabushiki Kaisha Bandai (BANDAI Co., Ltd.)
4-8, Komagata 1-chome, Taito-ku, Tokyo 111-8081 (JP)
(750) Intellectual Property Section, Legal & IP Department, Bandai Co., Ltd.
4-8, Komagata 1-chome, Taito-ku, Tokyo 111-8081 (JP)

(511) 28.

---

(111) **908031**
(822) 14.04.2006 3916995 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 26.01.17, 26.01.18, 27.07.11
(732) ZHEJIANG LUOSHI INDUSTRIAL DEVELOPMENT CO., LTD.
Qimo Industrial Area, Yuhuan, Zhejiang (CN)

(511) 12.

---

(111) **908046**
(822) 25.10.2006 306 46 900.6/35 DE
(171) 10 năm
(540)

CRISCA

(151) 14.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) BiBA GmbH
Daimlerstrasse 3, 47167 Duisburg (DE)
(750) ESCADA AG, Trademarks Department
Margaretha-Ley Ring 1, 85609 Aschheim (DE)

(511) 35.

---

(111) **908058**
(822) 21.01.2003 880665 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 03.02.2005

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 26.11.08, 26.11.25, 27.05.01, 27.05.02
(732) ATHENA S.P.A.
Via Albere, 2, I-36040 ALONTE (Vicenza) (IT)

(511) 06, 07, 12, 17.

---

(111) **908069**
(822) 20.10.2006 06 3 428 280 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 07.05.02, 07.05.05, 07.05.25, 29.01.12
(732) PROFILS SYSTEMES S.A.S.
Parc d'activités de Massane, Rue Alfred Sauvy, F-34670 BAILLARGUES (FR)

(511) 06, 19.

---

(111) **908070**
(822) 20.10.2006 06 3 428 276 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 19.

(151) 09.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 03.01.08, 03.01.22, 29.01.12
(732) PROFILS SYSTEMES S.A.S.
Parc d'activités de Massane, Rue Alfred Sauvy, F-34670 BAILLARGUES (FR)

---

(111) **908085**
(822) 21.02.1999 1249353 CN
(171) 10 năm
(540) 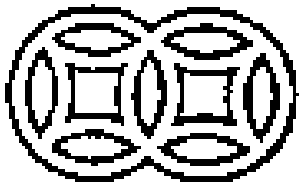

(511) 12.

(151) 08.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 18.01.21
(732) SHANGHAI TYRE & RUBBER CO., LTD.
Rm. 605, No. 1251, Jiang Chuan Road, Min Hang District, Shanghai (CN)

---

(111) **908086**
(822) 15.02.1985 220051 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 07.12.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 26.13.25, 28.03.00
(732) YIYANG RUBBER & PLASTICS GROUP MACHINERY CO., LTD
Huilong Road 64#, Yiynag City, Hunan 413000 (CN)

---

(111) **908087**
(822) 09.11.2006 811161 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 16.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 24.17.04, 26.01.03, 26.11.07
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL Rotterdam (NL)

---

(111) **908088**
(822) 09.11.2006 809915 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 30, 32.

(151) 16.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 01.15.09, 05.03.11, 05.03.15, 25.03.07, 29.01.15
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng, trắng
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL Rotterdam (NL)

---

(111) **908090**
(822) 30.06.2006 06 3 405 164 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 11, 37, 41, 42, 45.

(151) 30.06.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 26.11.01, 26.15.01, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời; đỏ
(732) ARCHITECTURE LUMIERE CONSEIL - A.L.C.
54, quai Saint Vincent, F-69001 LYON (FR)

---

(111) **908096**
(822) 29.10.1985 1367367 US
(171) 10 năm
(540)

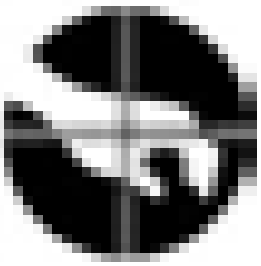

(511) 09.

(151) 13.11.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 02.09.14, 21.03.21, 26.01.24
(732) SENSORMATIC ELECTRONICS CORPORATION
6600 CONGRESS AVENUE, BOCA RATON, FL 33487 (US)

---

(111) **908125**
(822) 28.12.2001 1688452 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 19.04.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 01.01.01, 01.03.01, 01.03.15, 01.07.06, 28.03.00
(732) Chengdu Enwei Investment (Group) Co. Ltd.
28 Gao xin technique Industry, Development Region, Chengdu City, Sichuan Province (CN)

---

(111) **908126**
(822) 28.07.2006 3713795 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 08.10.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.05.07
(732) FUJIAN JINJIANG BORIDA TIYUYONGPIN YOUXIANGONGSI
Shangguogongyequ, Xintangjiedao, Jinjiang, Fujian 362200 (CN)

---

(111) **908151**
(822) 15.09.2006 55690 BG
(171) 10 năm
(540)

TILMOVET

(511) 05, 31.

(151) 15.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) AKTSIONERNO DROUJESTVO "HUVEPHARMA"
33, bul. "James Baoucher", BG-1417 Sofia (BG)

---

(111) **908153**

(171) 10 năm
(540)

PHYNOVA

(511) 05.

(151) 21.09.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(732) PHYNOVA LIMITED
The Magdalen Centre, Oxford Science Park, Oxford OX4 4GA (GB)

---

(111) **908213**
(822) 03.05.2006 1006225 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 39.

(151) 03.05.2006

(450) 2006/50 Gaz (18.01.2007)
(531) 27.01.12, 27.05.01
(732) O.T.S. S.P.A.
Via Morea SCN, Zona Industriale A, I-62012 CIVITANOVA MARCHE (IT)

---

(111) **908278**
(822) 21.12.2005 3894542 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 08.

(151) 07.07.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) Canton Inwin Groupe Industriale SARL
Jiangchun Gonglu, Tangweixu, Hongfengzhen, Yangdongxian, Guangdong 529500 (CN)

---

(111) **908300**
(822) 26.04.2006 1005390 IT
(171) 10 năm
(540)

PAOLONI

(151) 26.04.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) MANIFATTURA PAOLONI S.R.L.
Via E. Fermi, 7, I-62010 APPIGNANO (MC) (IT)

(511) 03, 09, 14, 18, 25.

---

(111) **908320**
(822) 16.08.2006 233 739 AT
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.09.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.21
(732) SUPERFUND UNTERNEHMENS-BETEILIGUNGS-AG
Marc-Aurel-Straße 10-12, A-1010 Wien (AT)

(511) 09, 14, 16, 25, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 41, 42, 43, 44.

---

(111) **908321**
(822) 07.10.2001 1646301 CN
(171) 10 năm
(540)

LONSID

(151) 07.12.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.03.01, 28.03.00
(732) LONSID ELECTRIC CO., LTD.
Wenzhou Bridge, Industrial Zone, Yueqing Zhejiang (CN)

(511) 09.

---

(111) **908349**
(822) 02.12.2005 05 3 367 182 FR
(171) 10 năm
(540)

PROTECTYL VEGETAL

(151) 02.12.2005
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) LABORATOIRES DE BIOLOGIE VEGETALE YVES ROCHER S.A.
La Croix des Archers, F-56200 LA GACILLY (FR)
(750) LABORATOIRES DE BIOLOGIE VEGETALE YVES ROCHER S.A.-Véronique LAMOUR, Dpt Propriété Intellectuelle
3, Allée de Grenelle, F-92444 ISSY-LES-MOULINEAUX (FR)

(511) 03, 05, 30.

---

(111) **908367**
(822) 02.06.2006 05 3 400 751 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.06.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 03.01.24
(732) KONÉ Malamine
8, allée Auguste Renoir, F-92300 LEVALLOIS-PERRET (FR)

(511) 03, 09, 14, 16, 18, 25, 28, 35, 36, 38, 41.

---

(111) **908371**
(822) 30.06.2006 06 3 405 716 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 30.06.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 26.11.01, 26.15.01, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời; đỏ
(732) EDELCOM
37, rue de Lyon, F-75012 PARIS (FR)

(511) 09, 37, 38, 42.

---

(111) **908390**
(822) 20.10.2006 06 3 429 593 FR
(171) 10 năm
(540)

IAD INTERNATIONAL
ART DIARY

(151) 10.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) BOUGLE Fabien
1 boulevard du Roi, F-78000 VERSAILLES (FR)

(511) 16, 41.

---

(111) **908402**
(822) 20.06.2004 M 53 480 LV
(171) 10 năm
(540)

(151) 18.09.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời và trắng
(732) Aivars Grigulis
Hospit&acaron;lu iela 19 dz. 3, LV-1013 Rïga (LV)
(750) Aivars Grigulis
Noliktavas iela 5, LV-1010 Riga (LV)

(511) 06.

---

(111) **908404**
(822) 20.06.1997 M 37 678 LV
(171) 10 năm
(540)

(151) 18.09.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 25.03.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời và trắng
(732) Aivars Grigulis
Hospit&acaron;lu iela 19 dz. 3, LV-1013 Rïga (LV)
(750) Aivars Grigulis
Noliktavas iela 5, LV-1010 Riga (LV)

(511) 09, 37, 38.

---

(111) **908427**
(822) 09.04.1999 399 07 633.6/07 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 19.10.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.17, 29.01.12
(591) Đỏ, trắng
(732) Miele & Cie. KG
Carl-Miele-Strasse 29, 33332 Gütersloh (DE)
(750) Miele & Cie. KG, Schutzrechte/Verträge
Carl-Miele-Strasse 29, 33332 Gütersloh (DE)

(511) 07, 11, 20, 37.

---

(111) **908444**

(171) 10 năm
(540)

DIRECT DRIVE

(151) 24.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) SEIKO KABUSHIKI KAISHA (trading as SEIKO CORPORATION)
5-11, Ginza 4-chome, Chuo-ku, TOKYO 140-0061 (JP)
(750) SEIKO KABUSHIKI KAISHA (trading as SEIKO CORPORATION)
2-1, Shibaura, 1-chome, Minato-Ku, Tokyo 105-8459 (JP)

(511) 14.

---

(111) **908482**
(822) 28.11.2000 1480316 CN
(171) 10 năm
(540)

BAWANG

(151) 11.12.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) GUANGZHOU BAWANG COSMETIC CO., LTD.
No. 8, North Huanan Road, Xinshi Town, Baiyun District, Guangzhou, Guangdong (CN)

(511) 03.

---

(111) **908543**
(822) 02.10.2006 1023105 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 02.10.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 26.11.03, 29.01.12
(591) Đỏ, trắng và xám
(732) FINMECCANICA - Società per Azioni
Piazza Monte Grappa 4, I-00195 Roma (IT)

(511) 06, 07, 09, 11, 12, 13, 16, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 42, 45.

---

(111) **908544**
(822) 25.06.1997 97 684 177 FR
(171) 10 năm
(540)

MAKE UP FOR EVER

(151) 08.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) MAKE UP FOR EVER
5, rue La Boétie, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03, 16, 21.

---

(111) **908551**
(822) 14.06.2006 306 28 740.4/42 DE
(171) 10 năm
(540)

avodaq

(151) 22.06.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) avodaq AG
Wendenstraße 21b, 20097 Hamburg (DE)

(511) 09, 37, 38, 41, 42.

---

(111) **908626**
(822) 18.09.2006 1021312 IT
(171) 10 năm
(540)

ELETTROMEDIA

(511) 09.

(151) 18.09.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) ELETTROMEDIA S.R.L.
SCN, Contrada Marignano, I-62018 POTENZA PICENA (MC) (IT)

---

(111) **908646**
(822) 20.10.2006 063428262 FR
(171) 10 năm
(540)

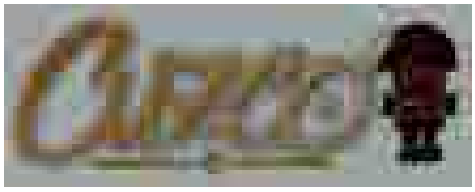

(511) 06, 19.

(151) 09.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 22.05.10, 27.05.01, 29.01.15
(732) PROFILS SYSTEMES S.A.S.
Parc d'activités de Massane, Rue Alfred Sauvy, F-34670 BAILLARGUES (FR)

---

(111) **908648**
(822) 08.08.2006 233 553 AT
(171) 10 năm
(540)

CEBRIUM

(511) 05.

(151) 03.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 01.13.01
(732) Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg. KG
Mondseestraße 11, A-4866 Unterach (AT)

---

(111) **908649**
(822) 04.11.2005 05 3 355 583 FR
(171) 10 năm
(540)

GARBIS DEVAR

(511) 14, 18, 25.

(151) 12.10.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) GARBIS DEVAR
4, rue Gaspard André, F-69002 LYON (FR)

---

(111) **908651**
(822) 17.11.2006 06 3434336 FR
(171) 10 năm
(540)

COMBAXIM

(151) 23.11.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) SANOFI PASTEUR
2, avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)
(750) SANOFI PASTEUR - Département des Marques - Monsieur Enguerrand NARDONE
2 avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **908652**
(822) 17.11.2006 06 3434340 FR
(171) 10 năm
(540)

PREVAXIM

(151) 23.11.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) SANOFI PASTEUR
2, avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)
(750) SANOFI PASTEUR - Département des Marques - Monsieur Enguerrand NARDONE
2 avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **908654**
(822) 17.11.2006 06 3434342 FR
(171) 10 năm
(540)

UNIFIVE

(151) 23.11.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) SANOFI PASTEUR
2, avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)
(750) SANOFI PASTEUR - Département des Marques - Monsieur Enguerrand NARDONE
2 avenue Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **908690**
(822) 19.07.2004 165092 GR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 16.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 05.07.24, 29.01.15
(591) Tím, màu hạt dẻ, vàng, xanh lá cây, hồng, cam và đỏ
(732) MAVRA VAGIONI
Kyprou 8, GR-154 52 Palaio Psychiko (GR)

---

(111) **908715**
(822) 07.12.1996 908593 CN
(171) 10 năm
(540)

霸王

(511) 03.

(151) 11.12.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) GUANGZHOU BAWANG COSMETIC CO., LTD.
No. 8, North Huanan Road, Xinshi Town, Baiyun District, Guangzhou, Guangdong (CN)

---

(111) **908723**
(822) 12.09.2006 178144 PL
(171) 10 năm
(540)

ATRODIL

(511) 05.

(151) 07.12.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) ZAKŁADY FARMACEUTYCZNE "POLPHARMA" SPÓŁKA AKCYJNA
Pelplinska 19, PL-83-200 STAROGARD GDANSKI (PL)

---

(111) **908724**
(822) 12.09.2006 178145 PL
(171) 10 năm
(540)

SOLOVENT

(151) 07.12.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) ZAKŁADY FARMACEUTYCZNE "POLPHARMA" SPÓŁKA AKCYJNA
Pelplinska 19, PL-83-200 STAROGARD GDANSKI (PL)

(511) 05.

---

(111) **908732**
(822) 07.11.2000 1468387 CN
(171) 10 năm
(540)

绿 丹 美
LUDANMEI

(151) 11.12.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 28.03.00
(732) YIWU LVDANMEI COSMETICS CO., LTD
Xiayanxiang Industrial Park, Yiwu City, Zhejiang Province 322000 (CN)

(511) 03.

---

(111) **908739**
(822) 28.06.2005 3603923 CN
(171) 10 năm
(540)

HONCHA
鸿昌

(151) 11.12.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.03.01, 27.05.01, 28.03.00
(732) FUJIAN QUANZHOU HONGCHANG JIXIE ZHIZAO YOUXIAN GONGSI
3-16(B), Qingmeng Kejigongyeyuan, Quanzhou, Fujian 362000 (CN)

(511) 07.

---

(111) **908755**
(822) 14.01.2005 3568207 CN
(171) 10 năm
(540)

LITREE

(151) 28.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) HAINAN LITREE PURIFYING TECHNOLOGY CO., LTD.
8, North Airport Road, Qiongshan New District, Haikou, Hainan (CN)

(511) 07.

---

(111) **908781**
(822) 26.09.2006 306 32 831.3/05 DE
(171) 10 năm
(540)

AviBlue

(151) 19.10.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG
Heinz-Lohmann-Strasse 4, 27472 Cuxhaven (DE)

(511) 05.

---

(111) **908784**
(822) 13.05.2005 4863231 JP
(171) 10 năm
(540)

(151) 15.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.01
(732) KANZAWA SEIKO KABUSHIKI KAISHA (doing business as KANZAWA SEIKO Co., LTD.)
258 Takagi, Bessho-cho, Miki-shi, Hyogo 673-0435 (JP)

(511) 08.

---

(111) **908799**
(822) 29.09.2006 186 370 HU
(171) 10 năm
(540)

(151) 29.09.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 27.05.10, 29.01.15
(732) Picture for Unity Ltd.
126 Aldersgate Street, London ECIA 4JQ (GB), Victor Hugo u. 6-8, Budapest (HU)

(511) 41.

---

(111) **908810**
(822) 06.04.2006 792407 BX
(171) 10 năm
(540)

SOLIDEAL

(151) 25.08.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) SOLIDEAL HOLDING S.A.
23, avenue Monterey, L-2086
Luxembourg (LU)

(511) 07, 12, 17.

---

(111) **908864**
(822) 27.07.2004 272633 RU
(171) 10 năm
(540)

WEB BER LINE

ВЕБ БЕР ЛАЙН

(151) 28.02.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 25.03.01, 26.03.23, 28.05.00
(732) Obshchestvo s ogranichennoj otvetstvennost'ju "Aprel XXI vek"
building 3, house 35, Azovskaya street, RU-113452 Moscow (RU)
(750) Obshchestvo s ogranichennoj otvetstvennost'ju "Aprel XXI vek"
house 42, Varchavskoe shosse, RU-115230 Moscow (RU)

(511) 25, 40, 42.

---

(111) **908869**

(171) 10 năm
(540)

Dysport

(151) 11.09.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 26.11.13, 27.05.08, 29.01.12
(591) Xanh lá cây, đen
(732) IPSEN BIOPHARM LIMITED
Ash Road, Wrexham Industrial Estate, WREXHAM, LL13 9UF (GB)

(511) 03, 05.

---

(111) **908924**
(822) 30.08.2006 004676177 EM
(171) 10 năm
(540)

Orplatna

(151) 21.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) GPC Biotech AG
Fraunhoferstr. 20, 82152 Martinsried (DE)

(511) 05.

---

(111) **908927**
(822) 27.03.2003 511214 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 38.

(151) 21.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 02.01.08, 25.03.01, 27.05.01
(732) Beeone Communications SA (Beeone Communications AG) (Beeone Communications Ltd)
Route des Jeunes 6, Lancy (CH)

---

(111) **909003**
(822) 26.10.2005 68310 RO
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 03, 05, 35, 42.

(151) 15.03.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 24.17.07, 27.05.01, 29.01.12
(591) Đỏ, đen
(732) SC ANTIBIOTICE SA
Str. Valea Lupului nr. 1, 707410 Iasi (RO)

---

(111) **909012**
(822) 26.09.2006 234 568 AT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 11, 42.

(151) 26.09.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 25.12.03, 26.04.05
(732) Zumtobel Aktiengesellschaft
Höchster Strasse 8, A-6850 Dornbirn (AT)

---

(111) **909014**
(822) 11.04.2006 306 03 290.2/24 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 20, 24, 27.

(151) 23.05.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 05.05.02, 27.05.01
(732) MIP METRO Group Intellectual Property GmbH & Co. KG
Metro-Strasse 1, 40235 Düsseldorf (DE)
(750) METRO AG, Recht & Projekte
Postfach 23 03 61, 40089 Düsseldorf (DE)

---

(111) **909021**
(822) 11.04.2006 1003032 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 11.04.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 26.01.18, 27.05.02
(732) SALVAS SUB S.p.A.
Via S. Damiano 3, I-15053 CASTELNUOVO SCRIVIA (AL) (IT)

(511) 09, 18, 28.

---

(111) **909028**
(822) 24.11.2006 06/3435697 FR
(171) 10 năm
(540)

A TOUCH OF AIR

(151) 24.11.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) LACOSTE
8, rue de Castiglione, F-75001 PARIS (FR)

(511) 03, 18, 25.

---

(111) **909036**
(822) 13.02.2006 792875 BX
(171) 10 năm
(540)

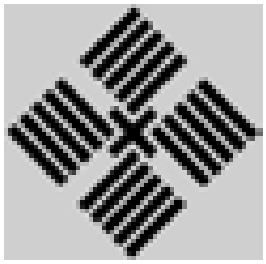

(151) 20.07.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(531) 26.04.02, 26.04.09, 26.07.15
(732) ASML Netherlands B.V.
De Run 6501, NL-5504 DR Veldhoven (NL)

(511) 07, 09, 37, 40, 41, 42.

---

(111) **909084**
(822) 18.11.1997 2114562 US
(171) 10 năm
(540)

(151) 31.08.2006

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) School Zone Publishing Company
1819 Industrial Drive, Grand Haven, MI 49417 (US)

(511) 09, 16.

---

(111) **909086**

(151) 28.07.2006

(171) 10 năm

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)

(540)

(531) 26.11.01, 27.05.11

(732) Rio Tinto London Limited
6 St. James's Square, London SW1Y 4LD (GB)

(511) 01, 02, 05.

---

(111) **909090**

(151) 07.09.2006

(822) 07.09.2006 1019734 IT

(171) 10 năm

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)

(540)

NICEFORYOU

(732) NICE SPA
Via Pezza Alta, 13, I-31046 Oderzo (Treviso) (IT)

(511) 07, 09.

---

(111) **909098**

(151) 04.12.2006

(171) 10 năm

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)

(540)

TRUEFIELD

(732) Seeing Machines Limited
Innovations Building, Corner Garran and Eggleston Roads, ACTON ACT 2601 (AU)

(511) 09, 10.

---

(111) **909129**

(151) 27.11.2006

(822) 22.07.1968 52901 FI

(171) 10 năm

(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)

(540)

FOTIL

(732) Santen Pharmaceutical Co., Ltd.
3-9-19, Shimoshinjo, Higashiyodogawa-ku, Osaka 533-8651 (JP), Santen Oy, Niittyhaankatu 20, Tampere (FI)

(511) 05.

---

(111) **909166**
(822) 14.05.2002 2569691 US
(171) 10 năm
(540) AERONET

(151) 15.12.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) Aeronet, Inc.
42 Corporate Park, Suite 150, Irvine, CA 92606 (US)

(511) 39.

---

(111) **909173**
(822) 27.01.2006 305 70 595.4/07 DE
(171) 10 năm
(540) wackergroup

(151) 10.05.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) Wacker Construction Equipment AG
Preußenstrasse 41, 80809 München (DE)

(511) 07, 09, 11, 36, 37.

---

(111) **909177**
(822) 25.09.2006 306 36 633.9/18 DE
(171) 10 năm
(540) X & more

(151) 07.11.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) Leineweber GmbH & Co. KG
Wittekindstr. 16-18, 32051 Herford (DE)

(511) 03, 14, 18, 25.

---

(111) **909192**
(822) 25.08.2006 06 3 418 830 FR
(171) 10 năm
(540) GEONAUTE

(151) 25.09.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) DECATHLON
4, Boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

(511) 09, 20, 25.

---

(111) **909201**
(822) 21.01.2004 215 055 AT
(171) 10 năm
(540) DIESEL ENERGY

(151) 16.10.2006
(450) 2006/51 Gaz (25.01.2007)
(732) Dip.Ing. Wolfgang Diesel
Amselgasse 35, A-8020 Graz (AT)

(511) 05, 30, 32.

---

(111) **909233**
(822) 07.08.2006 1017274 IT
(171) 10 năm
(540)

MOOVO

(151) 04.10.2006

(450) 2006/52 Gaz (01.02.2007)
(732) NICE SPA
Via Pezza Alta, 13, I-31046 Oderzo (Treviso) (IT)

(511) 07, 09, 11.

---

(111) **909239**
(822) 01.12.2006 06 3 437 943 FR
(171) 10 năm
(540)

PEELACT

(151) 01.12.2006

(450) 2006/52 Gaz (01.02.2007)
(732) PIERRE FABRE DERMATOLOGIE
45, Place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

(511) 03, 05.

---

(111) **909293**
(822) 04.08.2006 306 29 281.5/01 DE
(171) 10 năm
(540)

BASF

(151) 31.10.2006

(450) 2006/52 Gaz (01.02.2007)
(732) BASF Aktiengesellschaft
Carl-Bosch-Strasse 38, 67063 Ludwigshafen am Rhein (DE)
(750) BASF Aktiengesellschaft, GVX/W-C6
67056 Ludwigshafen (DE)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 09, 10, 12, 16, 17, 18, 19, 22, 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 44.

---

(111) **909294**
(822) 04.08.2006 306 29 280.7/01 DE
(171) 10 năm
(540)

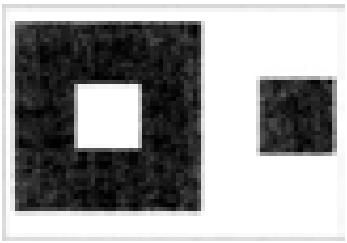

(151) 31.10.2006

(450) 2006/52 Gaz (01.02.2007)
(531) 26.04.07
(732) BASF Aktiengesellschaft
Carl-Bosch-Strasse 38, 67063 Ludwigshafen am Rhein (DE)
(750) BASF Aktiengesellschaft, GVX/W-C6
67056 Ludwigshafen (DE)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 09, 10, 12, 16, 17, 18, 19, 22, 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 44.

B – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TỪ TRƯỚC, NAY ĐƯỢC GIA HẠN

(111) **193599**
(822) 01.06.1956 74784 FR
(171) 10 năm
(540) MARIE ★ CLAIRE

(151) 25.06.1956
(450) 1976/10 LMi (01.12.1976)
(531) 01.01.01, 01.01.10, 01.01.19, 27.05.01
(732) MARIE CLAIRE ALBUM, Société anonyme
10, Boulevard des Frères Voisin, F-92130 ISSY LES MOULINEAUX (FR)

(511) 16.

---

(111) **195728**
(822) 05.12.1946 401 106 FR
(171) 10 năm
(540) MER'MICHEL

(151) 01.10.1956
(450) 1976/10 LMi (01.12.1976)
(732) Lustucru Riz
4, rue Boileau, F-69006 Lyon (FR)

(511) 04, 05, 22, 29, 30, 31.

---

(111) **195728A**
(822) 05.12.1946 401 106 FR
(171) 10 năm
(540) MER'MICHEL

(151) 01.10.1956
(450)
(732) PASTACORP
Le Millenium, Bâtiment B, Parc de la Duranne, F-13100 AIX-EN-PROVENCE (FR)

(511) 30.

---

(111) **195861**
(822) 05.08.1954 114 147 CS
(171) 10 năm
(540) 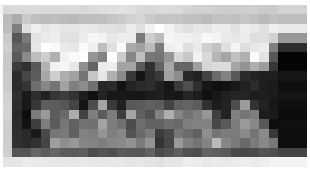

(151) 08.10.1956
(450) 1976/10 LMi (01.12.1976)
(531) 06.01.02, 26.04.02, 26.04.07, 27.05.01
(732) GILLETTE CZECH, s.r.o.
Na příkopě 21, CZ-117 19 Praha 1 (CZ)

(511) 08.

---

(111) **196230A**
(822) 27.09.1956 79306 FR
(171) 10 năm
(540)

PRÉNATAL

(151) 29.10.1956
(450) 1976/10 LMi (01.12.1976)
(732) PRENATAL S.P.A.
Via Tornese, 10, I-22070 Grandate (CO) (IT)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.

---

(111) **196369**
(822) 09.05.1951 493909 FR
(171) 10 năm
(540)

FARADITE

(151) 02.11.1956
(450) ()
(732) SOCIETE DES CERAMIQUES TECHNIQUES SA
F-65460 BAZET (FR)

(511) 09, 17, 21.

---

(111) **196750**
(822) 12.10.1956 79 887 FR
(171) 10 năm
(540)

ROUGE FIDELE

(151) 21.11.1956
(450) 1976/11 LMi (01.01.1977)
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
29, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)
(750) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE
41, rue Martre, F-92117 CLICHY CEDEX (FR)

(511) 03.

---

(111) **196809**
(822) 20.10.1955 90 033 CS
(171) 10 năm
(540)

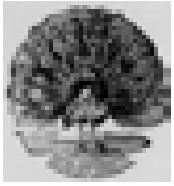

(151) 23.11.1956
(450) 1976/11 LMi (01.01.1977)
(531) 03.07.04, 27.01.01, 29.01.04, 29.01.11, 29.01.15
(591) Màu tự nhiên và xanh da trời
(732) TOVÁRNY STROJÍRENSKÉ TECHNIKY, KONCERN
PRAHA (CZ)

(511) 03, 06, 07, 08, 09, 13, 17, 19, 21.

---

(111) **196893**
(822) 27.09.1955 481 596 DT
(171) 10 năm
(540) Diacard

(511) 05.

(151) 27.11.1956

(450) ()
(732) MADAUS GmbH
Colonia-Allee 15, 51067 Köln (DE)

---

(111) **196906**
(822) 25.10.1950 602 056 DT
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 06, 07, 08, 09, 11.

(151) 27.11.1956
(831) 09.04.1997 VN
(450) 1976/11 LMi (01.01.1977)
(531) 01.15.05, 24.13.01, 24.13.11, 24.13.12, 24.13.23, 26.04.03, 26.04.07, 26.04.18, 26.04.23, 27.05.01
(732) Stannol GmbH
Oskarstraße 3, 42283 Wuppertal (DE)

---

(111) **196909**
(822) 28.06.1956 692 249 DT
(171) 10 năm
(540) RIES

(511) 06, 26.

(151) 27.11.1956

(450) ()
(732) RIES GESELLSCHAFT MBH BEKLEIDUNGSVERSCHLUSSFABRIK
82103 UNTERPFAFFENHOFEN (DE)

---

(111) **196910**
(822) 20.05.1955 676 362 DT
(171) 10 năm
(540) Alsa

(511) 25.

(151) 27.11.1956

(450) 1976/11 LMi (01.01.1977)
(732) ALSA GMBH
36396 STEINAU-UERZELL (DE)

---

(111) **196989**
(822) 26.11.1953 24 364 FR
(171) 10 năm
(540)

CARAM'BAR

(151) 30.11.1956

(450) 1976/11 LMi (01.01.1977)
(732) MAYNARDS CONFECTIONERY B.V.
Telestone 8 Teleporte, Naritaweg 165,
NL-1043 BW Amsterdam (NL)

(511) 29, 30.

---

(111) **197024**
(822) 05.04.1951 243 237 ES
(171) 10 năm
(540)

GRADHERMETIC

(151) 03.12.1956

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) INDUSTRIAL GRADHERMETIC S.A.E.
Avenida Béjar 345, E-08226
TERRASSA, Barcelona (ES)

(511) 06, 19, 20.

---

(111) **197027**
(822) 27.07.1945 374 324 FR
(171) 10 năm
(540)

JOY

(151) 03.12.1956

(450) 1977/7 LMi (01.09.1977)
(732) PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS S.A.
Route de Saint-Georges 47, CH-1213
Lancy (Genève) (CH)

(511) 03, 05, 21.

---

(111) **197029**
(822) 23.08.1956 78 141 FR
(171) 10 năm
(540)

1000

(151) 03.12.1956

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS S.A.
Route de Saint-Georges 47, CH-1213
Lancy (Genève) (CH)

(511) 03.

---

(111) **197051**
(822) 24.07.1956 623 CH
(171) 10 năm
(540) FILON

(151) 03.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 27.05.01
(732) BP Belgium NV/S.A.
Uitbreidingstraat 60-62, B-2600 BERCHEM (BE)

(511) 01, 17.

---

(111) **197055**
(822) 18.07.1956 162 125 CH
(171) 10 năm
(540) RELCA

(151) 04.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) Clariant AG
Rothausstrasse 61, CH-4132 Muttenz (CH)

(511) 02.

---

(111) **197083**
(822) 21.12.1953 650 463 DT
(171) 10 năm
(540) SILEX

(151) 06.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) HENKEL KGaA
Henkelstrasse 67, D-40191 Düsseldorf (DE)

(511) 01, 03, 05.

---

(111) **197126**
(822) 17.07.1951 497 553 FR
(171) 10 năm
(540) RAFALE

(151) 10.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) RENAULT s.a.s. société par actions simplifiée
F-92100 BOULOGNE-BILLANCOURT (FR)
(750) RENAULT s.a.s., Département Propriété Intellectuelle 0268 - QLGR 15 7 34
13/15, Quai Alphonse le Gallo, F-92513 BOULOGNE BILLANCOURT Cedex (FR)

(511) 12.

---

(111) **197323**
(822) 14.09.1956 162 396 CH
(171) 10 năm
(540)
SOLCOSERYL
(511) 05.

(151) 15.12.1956
(831) 28.10.2004 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) Valeant Pharmaceuticals Switzerland GmbH
Rührbergstrasse 21, CH-4127 Birsfelden (CH)

---

(111) **197331**
(822) 25.06.1953 640 534 DT
(171) 10 năm
(540)
Loretta
(511) 10, 25, 26.

(151) 17.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) TRIUMPH INTERNATIONAL AKTIENGESELLSCHAFT
Marsstrasse 40, 80335 MÜNCHEN (DE)

---

(111) **197333**
(822) 28.08.1953 643 324 DT
(171) 10 năm
(540)
Triumph-Delia
(511) 10, 25, 26.

(151) 17.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) TRIUMPH INTERNATIONAL AG
Marsstrasse 40, 80335 München (DE)

---

(111) **197337**
(822) 06.07.1954 659 765 DT
(171) 10 năm
(540)
Janin
(511) 10, 25, 26.

(151) 17.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) TRIUMPH INTERNATIONAL AG
Marsstrasse 40, 80335 München (DE)

---

(111) **197341**
(822) 12.04.1956 689 533 DT
(171) 10 năm
(540)
Tri-Action
(511) 10, 25, 26.

(151) 17.12.1956
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) TRIUMPH INTERNATIONAL AG
Marsstrasse 40, 80335 München (DE)

---

(111) **197415**
(822) 12.10.1956 695 920 DT
(171) 10 năm
(540) Verral

(511) 09, 11, 19.

(151) 22.12.1956
(831) 22.12.1996 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) VGT AKTIENGESELLSCHAFT
37244 GROSSALMERODE (DE)

---

(111) **197476**
(822) 10.10.1956 163 045 CH
(171) 10 năm
(540) ULYSSE NARDIN

(511) 14.

(151) 24.12.1956

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 18.04.01, 27.05.01
(732) Manufacture et Fabrique de Montres et Chronomètres Ulysse Nardin Le Locle S.A.
3, rue du Jardin, CH-2400 Le Locle (CH)

---

(111) **197493**
(822) 09.02.1950 246 007 DD
(171) 10 năm
(540) FLORENA

(511) 03.

(151) 24.12.1956

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) Florena Cosmetic GmbH
Am Eichberg, 04736 Waldheim (DE)

---

(111) **197536**
(822) 27.12.1949 93 412 IT
(171) 10 năm
(540) SIR ROBERT ITALIA

(511) 03, 21.

(151) 24.12.1956

(450) ()
(531) 27.05.01
(732) HENKEL S.P.A.
Località Ponte della Pietra, I-03013 FERENTINO (FR) (IT)

---

(111) **197537**
(822) 03.04.1950 95 371 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 24.12.1956

(450) ()
(531) 05.13.03, 05.13.04, 27.05.01
(732) HENKEL S.P.A.
Località Ponte della Pietra, I-03013 FERENTINO (FR) (IT)

(511) 03, 21.

---

(111) **197564**
(822) 26.06.1956 152 674 CS
(171) 10 năm
(540)

ŠKODA

(151) 24.12.1956

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 27.05.01
(732) ŠKODA, A.S.
Tylova 57, CZ-316 00 PLZEŇ (CZ)

(511) 06, 07, 08, 09, 11, 12.

---

(111) **321753**
(822) 10.09.1966 180 920 IT
(171) 10 năm
(540)

MARZOTTO

(151) 26.09.1966

(450) 1966/9 LMi (01.11.1966)
(732) MANIFATTURA LANE GAETANO MARZOTTO & FIGLI S.P.A.
Via Turati 16/18, I-20121 MILANO (IT)

(511) 23, 24, 27.

---

(111) **321755**
(822) 12.09.1966 180 993 IT
(171) 10 năm
(540)

Marzotto

(151) 26.09.1966

(450) 1966/9 LMi (01.11.1966)
(531) 27.05.01
(732) MANIFATTURA LANE GAETANO MARZOTTO & FIGLI S.P.A.
Via Turati 16/18, I-20121 MILANO (IT)

(511) 24, 27.

---

(111) **323738**
(822) 23.11.1965 705 027 FR
(171) 10 năm
(540)

KLORANE

(511) 03.

(151) 21.10.1966

(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE, Société anonyme
45, place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **323931**
(822) 11.02.1966 214 565 DT
(171) 20 năm
(540)

„Aracit"

(511) 01, 02, 03, 04, 05.

(151) 24.10.1966
(831) 04.11.1986 VN
(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(531) 27.05.01
(732) TFL Ledertechnik GmbH
Im Schwarzenbach 2, D-79576 Weil am Rhein (DE)

---

(111) **324155**
(822) 14.11.1963 317 890 DT
(171) 10 năm
(540)

Felina

(511) 05, 24, 25, 26.

(151) 27.10.1966

(450) 1966/10 LMi (01.12.1966)
(732) FELINA GESELLSCHAFT M.B.H.
6800 MANNHEIM (DE)

---

(111) **326248**
(822) 27.02.1957 117 453 CS
(171) 10 năm
(540)

SILON

(511) 22, 23, 24, 25, 26, 27.

(151) 14.11.1966

(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 27.05.17
(732) SILON, A.S.
CZ-391 02 PLANÁ NAD LUŽNICÍ (CZ)

---

(111) **326624**
(822) 15.03.1957 87 130 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 12.

(151) 18.11.1966

(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 03.01.01, 03.01.22, 03.01.24
(732) AUTOMOBILES PEUGEOT, Société anonyme
75, avenue de la Grande-Armée, F-75116 PARIS (FR)

---

(111) **327672**
(822) 14.04.1965 209 798 CH
(171) 10 năm
(540)

PARACODIN

(511) 05.

(151) 23.11.1966

(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(732) KNOLL AG
Oristalstrasse 65, CH-4410 LIESTAL (CH)

---

(111) **327945**
(822) 02.07.1957 153 040 CS
(171) 20 năm
(540)

ALVISAN

(511) 01, 03, 05, 10, 32.

(151) 24.11.1966
(831) 25.05.2006 VN
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(732) LEROS, s.r.o.
U Národní galerie 470, CZ-150 00 PRAHA 5 - Zbraslav (CZ)

---

(111) **328345**
(822) 11.02.1964 219 964 FR
(171) 10 năm
(540)

Onduline

(511) 03, 06, 09, 19, 25, 28.

(151) 28.11.1966

(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 27.05.01, 29.01.01
(591) đỏ.
(732) OMNIUM FRANÇAIS INDUSTRIEL ET COMMERCIAL - OFIC Société anonyme
38, rue Saint-Ferdinand, F-75017 PARIS (FR)

---

(111) **328692**
(822) 14.03.1957 152 893 CS
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 29.11.1966
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 15.07.19
(732) ZKL KLÁŠTEREC NAD OHŘÍ, A.S.
CZ-431 51 KLÁŠTEREC NAD OHŘÍ (CZ)

---

(111) **328697A**
(822) 14.11.1966 110 999 CS
(171) 10 năm
(540)

SKODA

(511) 06, 07.

(151) 29.11.1966
(450)
(531) 03.07.17, 24.15.11, 26.01.13, 26.01.15
(732) ŠKODA HOLDING a.s.
Václavské nám. 837/11, PSČ, CZ-110 00 Praha 1 (CZ)
(750) ŠKODA HOLDING a.s.
Tylova 1/57, CZ-316 00 Plzeň (CZ)

---

(111) **328781**
(822) 08.04.1881 234 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 19, 21.

(151) 30.11.1966
(831) 10.12.1986 VN
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(531) 01.01.02, 01.01.25, 26.01.13
(732) Val Saint Lambert International, en abrégé VSL International, société anonyme
Avenue Brugmann 71, B-1190 Bruxelles (BE)

---

(111) **329158**
(822) 28.10.1966 2311 BX
(171) 20 năm
(540)

ORTHOPLAST

(151) 02.12.1966
(831) 02.11.1993 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) BSN medical, Inc.
5825 Carnegie Boulevard, Charlotte, Caroline du Nord, 28209 (US)

(511) 05, 10.

---

(111) **329159**
(822) 28.10.1966 2312 BX
(171) 10 năm
(540)

PREPTIC

(151) 02.12.1966
(831) 02.11.1993 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA, Naamloze vennootschap
Turnhoutsebaan 30, B-2340 BEERSE (BE)

(511) 05.

---

(111) **329161**
(822) 28.10.1966 2314 BX
(171) 10 năm
(540)

SOF-ROL

(151) 02.12.1966
(831) 02.11.1993 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) BSN medical, Inc.
5825 Carnegie Boulevard, Charlotte, Caroline du Nord 28209 (US)

(511) 05.

---

(111) **329314**
(822) 13.02.1957 89 282 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 02.12.1966
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 01.15.09, 15.01.01
(732) DELACHAUX S.A., Société anonyme
119, avenue Louis Roche, F-92230 GENNEVILLIERS (FR)

(511) 06.

---

(111) **329743**
(822) 17.03.1964 675 083 DT
(171) 10 năm
(540) Mustang
(511) 02, 03.

(151) 05.12.1966
(831) 02.03.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **329757**
(822) 14.08.1966 741 302 DT
(171) 20 năm
(540) LOCKSPRAY
(511) 03.

(151) 05.12.1966
(831) 18.12.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, D-40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **329759**
(822) 25.10.1962 766 812 DT
(171) 20 năm
(540) Polytouch
(511) 03.

(151) 05.12.1966
(831) 18.12.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, D-40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **329760**
(822) 27.12.1962 768 780 DT
(171) 20 năm
(540) Polylotion
(511) 03.

(151) 05.12.1966
(831) 18.12.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, D-40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **329825**
(822) 25.08.1960 19 620 AT
(171) 10 năm
(540) BOEHLER
(511) 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14, 19.

(151) 05.12.1966
(831) 24.08.2000 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) BÖHLER-UDDEHOLM AKTIENGESELLSCHAFT
Modecenterstrasse 14/A/3, A-1030 Wien (AT)

---

(111) **329875**
(822) 31.07.1947 89 402 BX
(171) 20 năm
(540)

FLORA

(511) 29.

(151) 06.12.1966
(831) 13.02.1990 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL ROTTERDAM (NL)

---

(111) **329904**
(822) 05.09.1966 160 501 BX
(171) 10 năm
(540)

"KELTAN"

(511) 01, 17.

(151) 06.12.1966
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) DSM IP Assets B.V.
Het Overloon 1, NL-6411 TE Heerlen (NL)

---

(111) **329977A**
(822) 18.11.1966 221 217 CH
(171) 10 năm
(540)

ESCOWELD

(511) 01.

(151) 06.12.1966
(450)
(732) Orgapack GmbH
Silbernstrasse 14, CH-8953 Dietikon (CH)

---

(111) **330079**
(822) 03.11.1966 825 699 DT
(171) 10 năm
(540)

Tegometall

(511) 06, 20, 21.

(151) 08.12.1966
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 27.05.01
(732) Ulrich Bohnacker
5, Am Herrensberg, CH-8559 Fruthwilen (CH)

---

(111) **330313**
(822) 18.10.1966 221 129 CH
(171) 10 năm
(540)

SIP

(151) 09.12.1966

(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) SIP SOCIETE INSTRUMENTS PHYSIQUE S.A.
Rue du Pré-de-la-Fontaine 19, CH-1242 Satigny (CH)

(511) 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14, 15, 16.

---

(111) **330560**
(822) 29.11.1966 826 768 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 12.12.1966
(831) 13.02.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 27.01.01
(732) MANN + HUMMEL GMBH
Hindenburgstrasse 37-43, 71638 Ludwigsburg (DE)

(511) 07, 12.

---

(111) **331146**
(822) 06.12.1966 827 010 DT
(171) 10 năm
(540)

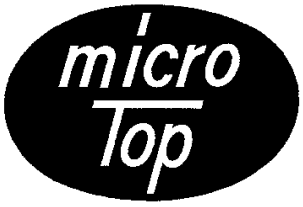

(151) 14.12.1966
(831) 13.02.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 26.01.24, 27.05.24
(732) MANN + HUMMEL GMBH
Hindenburgstrasse 37-43, 71638 Ludwigsburg (DE)

(511) 07, 11.

---

(111) **331391**
(822) 27.12.1966 161 754 BX
(171) 10 năm
(540)

CAMPINA

(151) 23.12.1966
(831) 02.03.1999 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) Campina Nederland Holding B.V.
Hogeweg 9, NL-5301 LB Zaltbommel (NL)

(511) 29, 30.

---

(111) **331403**
(822) 26.08.1965 700 724 FR
(171) 10 năm
(540)

S V P

(151) 15.12.1966
(831) 17.12.1993 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) SVP MANAGEMENT & PARTICIPATIONS
70, rue des Rosiers, F-93400 SAINT-OUEN (FR)

(511) 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42.

---

(111) **331426**
(822) 15.09.1966 712 841 FR
(171) 10 năm
(540)

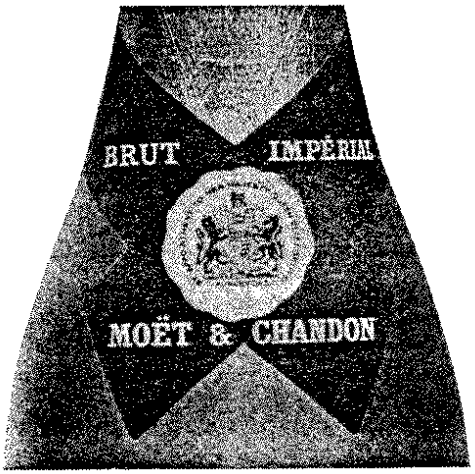

(151) 15.12.1966
(831) 16.01.1987 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(531) 19.08.02, 24.03.02, 24.03.13
(732) CHAMPAGNE MOËT & CHANDON, Société anonyme régie par les articles 118 à 150 de la loi sur les sociétés commerciales
20, avenue de Champagne, F-51200 ÉPERNAY (FR)

(511) 33.

---

(111) **425611**
(822) 22.06.1976 952 073 FR
(171) 10 năm
(540)

JANNEAU

(151) 01.10.1976
(831) 25.03.1991 VN
(450) 1976/10 LMi (01.12.1976)
(732) JANNEAU S.A.
avenue de la Gare, F-32100 Condom (FR)

(511) 33.

---

(111) **426384**
(822) 12.08.1976 955 946 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 03.12.1976
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 24.01.03, 24.01.05, 24.01.07, 24.01.10, 24.01.15, 24.01.19, 25.01.09, 25.01.15, 25.05.05, 25.05.25, 27.05.01
(732) BRASSERIES KRONENBOURG
68, route d'Oberhausbergen, F-67200 STRASBOURG (FR)
(750) BRASSERIES KRONENBOURG
B.P. 13, F-67037 STRASBOURG Cédex 2 (FR)

(511) 32.

---

(111) **426413**
(822) 21.06.1968 756 359 FR
(171) 10 năm
(540)

PRESTO

(151) 19.11.1976
(831) 21.03.1988 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) LES ROBINETS PRESTO, Société anonyme
7, rue Racine, F-92120 MONTROUGE (FR)

(511) 07, 11.

---

(111) **426451**
(822) 29.09.1976 5363 LI
(171) 10 năm
(540)

ORANGIA

(151) 25.11.1976
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) SCHWEPPES INTERNATIONAL LIMITED
25 Berkeley Square, LONDON W1J 6HB (GB), Bankrashof 3, PO Box 400, Amstelveen (NL)

(511) 32.

---

(111) **426494**
(822) 14.10.1968 232 159 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 11, 12.

(151) 09.12.1976

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 25.03.01, 25.03.02
(732) ASK INDUSTRIES S.p.A.
Via F.lli Cervi, 79, I-42100 REGGIO EMILIA (IT)

---

(111) **426545**
(822) 19.08.1975 931 201 FR
(171) 10 năm
(540)

TENOTRYL

(511) 05.

(151) 26.11.1976

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) VIRBAC FRANCE S.A.
13ème rue L.I.D., F-06517 CARROS Cedex (FR)
(750) VIRBAC FRANCE S.A.
BP 27, F-06511 CARROS Cedex (FR)

---

(111) **426566**
(822) 30.07.1976 954 364 FR
(171) 10 năm
(540)

RANCHO

(511) 12.

(151) 10.12.1976

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) AUTOMOBILES PEUGEOT, Société anonyme
75, avenue de la Grande-Armée, F-75116 PARIS (FR)

---

(111) **426665**
(822) 24.06.1976 957 284 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 12, 16, 21, 24, 39, 42.

(151) 29.11.1976

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 26.04.04, 26.04.09, 26.04.13, 26.11.03, 26.11.09, 27.05.01
(732) société Air France
45, rue de Paris, F-95747 ROISSY-CHARLES-DE-GAULLE (FR)

---

(111) **426799**
(822) 19.07.1976 284 397 CH
(171) 10 năm
(540)

PYODONTYL

(151) 29.11.1976
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) SANOFI-AVENTIS Direction Juridique Marques
82 Avenue Raspail, F-94110 Gentilly (FR)

(511) 21.

---

(111) **426838**
(822) 14.07.1976 946 703 DT
(171) 10 năm
(540)

CORVATON

(151) 01.12.1976
(831) 03.06.2003 VN
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(732) Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
Brüningstrasse 50, 65926 Frankfurt am Main (DE)
(750) sanofi-aventis, Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94255 Gentilly Cedex (FR)

(511) 05.

---

(111) **426865**
(822) 04.06.1976 957 278 FR
(171) 10 năm
(540)

METALTEMPLE

(151) 30.11.1976
(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 27.05.01
(732) METALTEMPLE, société par actions simplifiée
16, rue du Temple, F-73140 SAINT-MICHEL-DE-MAURIENNE (FR)

(511) 06, 07, 08.

---

(111) **426921**
(822) 01.12.1976 298 955 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 12, 17.

(151) 01.12.1976

(450) 1976/12 LMi (01.02.1977)
(531) 27.05.01, 27.05.02, 27.05.03, 27.05.17
(732) Pilkington Italia S.p.A.
Zona Industriale, I-66050 San Salvo, Chieti (IT)

---

(111) **426996**
(822) 02.12.1976 951 969 DT
(171) 10 năm
(540) CHIRON

(511) 09, 10.

(151) 11.12.1976

(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(531) 27.05.01
(732) Chiron BV
30, Paasheuvelweg, NL-1105 BJ Amsterdam (NL)

---

(111) **427127**
(822) 04.10.1976 285 035 CH
(171) 10 năm
(540) PRID

(511) 05, 10.

(151) 09.12.1976
(831) 06.09.2001 VN
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) CEVA SANTE ANIMALE S.A.
Zone Industrielle de la Ballastière, F-33500 LIBOURNE (FR)
(750) CEVA SANTE ANIMALE Direction juridique
96, rue de la Victoire, F-75009 Paris (FR)

---

(111) **427206**
(822) 16.07.1974 890 006 DT
(171) 10 năm
(540) Styleform

(511) 03.

(151) 16.12.1976

(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner Allee 65, 64274 DARMSTADT (DE)

---

(111) **427307**
(822) 24.11.1976 951 635 DT
(171) 10 năm
(540)
WOLFIN

(151) 22.12.1976
(831) 23.01.1986 VN
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

(511) 17, 19.

---

(111) **427461**
(822) 08.10.1976 961 118 FR
(171) 10 năm
(540)
COAXIL

(151) 30.11.1976
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **427659**
(822) 02.07.1976 339 386 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 24.12.1976
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 02.03.11, 02.03.12, 05.03.11, 05.03.20, 05.07.01, 05.11.25, 24.03.07, 24.03.11, 25.01.09, 25.01.15, 25.01.19, 27.05.01
(732) Sara Lee/DE N.V.
Vleutensevaart 100, NL-3532 AD Utrecht (NL)

(511) 30.

---

(111) **427970**
(822) 18.11.1976 298 457 IT
(171) 10 năm
(540) SITAM

(151) 18.11.1976
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 25.03.01, 25.03.07, 27.05.01
(732) C.M.I. SRL
Viale Aristide Merloni, 45, I-60044 FABRIANO (IT)

(511) 11.

---

(111) **428156**
(822) 26.11.1976 298 658 IT
(171) 10 năm
(540) DURST

(151) 26.11.1976
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) DURST PHOTOTECHNIK S.P.A.
4, via Julius Durst, I-39042 BRESSANONE (IT)

(511) 09, 11.

---

(111) **506316**
(822) 10.09.1986 1 139 389 ES
(171) 10 năm
(540) ARMAND BASI BARCELONA

(151) 17.09.1986
(450) 1986/10 LMi (01.12.1986)
(531) 26.04.02, 26.04.18, 26.04.24, 27.05.03, 27.05.11, 27.05.24
(732) MATMA, S.A.
54-64, calle Sant Lluc, E-08912 BADALONA, Barcelona (ES)

(511) 25.

---

(111) **507373**
(822) 16.10.1986 1 097 717 DT
(171) 10 năm
(540) Tritace

(151) 15.11.1986
(831) 19.01.1994 VN
(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) Sanofi-Aventis Deutschland GmbH
Brüningstrasse 50, 65926 Frankfurt am Main (DE)
(750) sanofi-aventis, Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94255 Gentilly Cedex (FR)

(511) 05.

---

(111) **507661**
(822) 29.05.1986 1 356 722 FR
(171) 20 năm
(540)

(511) 05, 16, 35.

(151) 25.11.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(531) 02.01.24, 02.07.13
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) SANOFI-AVENTIS Direction Juridique Marques
82 Avenue Raspail, F-94110 Gentilly (FR)

---

(111) **507785**
(822) 21.06.1983 1 049 932 DT
(171) 10 năm
(540)

bac

(511) 03.

(151) 05.12.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) Hans Schwarzkopf & Henkel GmbH & Co. KG
Hohenzollernring 127-129, 22763 Hamburg (DE)
(750) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **507814**
(822) 18.11.1986 1 099 264 DT
(171) 10 năm
(540)

SIL-CARE

(511) 03.

(151) 09.12.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **507858**
(822) 29.05.1986 1 356 814 FR
(171) 10 năm
(540)

NAVELBINE

(511) 05.

(151) 28.11.1986
(831) 25.05.1993 VN
(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) PIERRE FABRE MEDICAMENT, Société anonyme
45, place Abel Gance, F-92100 BOULOGNE (FR)

---

(111) **507878**
(822) 24.10.1986 1 098 129 DT
(171) 20 năm
(540)
Dilatrend

(511) 05.

(151) 06.12.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) F. Hoffmann-La Roche AG
Grenzacher Strasse 124, CH-4002 Basel (CH)

---

(111) **507884**
(822) 05.11.1986 125 792 HU
(171) 10 năm
(540)
PIKANDIL

(511) 05.

(151) 28.11.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

---

(111) **507892**
(822) 05.11.1986 125 800 HU
(171) 10 năm
(540)
EROLIN

(511) 05.

(151) 28.11.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

---

(111) **507894**
(822) 05.11.1986 125 802 HU
(171) 10 năm
(540)
ANIDON

(511) 05.

(151) 28.11.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(732) EGIS GYÓGYSZERGYÁR RT.
Keresztúri út 30-38, H-1106 Budapest (HU)

---

(111) **508089**
(822) 25.06.1986 112 984 AT
(171) 20 năm
(540)
SUNPOR

(511) 01, 17, 19, 20, 42.

(151) 27.10.1986
(831) 16.07.2002 VN
(450) 2002/20 Gaz (14.11.2002)
(732) Sunpor Kunststoff Gesellschaft m.b.H.
Stattersdorfer Hauptstrasse 48, A-3100 St. Pölten (AT)

---

(111) **508092**
(822) 01.08.1986 1 366 153 FR
(171) 10 năm
(540) REMY MARTIN
(511) 32, 33.
(151) 01.12.1986
(831) 16.12.2005 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) E. REMY MARTIN & C°
20, rue de la Société Vinicole, F-16100 Cognac (FR)

---

(111) **508178**
(822) 18.11.1982 322 035 CH
(171) 10 năm
(540) DOLOBENE
(511) 05.
(151) 26.11.1986
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) Mepha AG
Dornacherstrasse 114, CH-4147 Aesch (CH)

---

(111) **508375**
(822) 10.12.1986 114 757 AT
(171) 10 năm
(540) KAUMY
(511) 30.
(151) 10.12.1986
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) Valora Trade Austria GmbH & Co KG
Lagergasse 5, A-2620 Neunkirchen (AT)

---

(111) **508417**
(822) 10.01.1984 330 563 CH
(171) 10 năm
(540) GEFICA SAFARI
(511) 14.
(151) 02.12.1986
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 27.05.01
(732) Daniel Roth et Gérald Genta Haute Horlogerie SA
Chemin du Grand-Puits 42, Case postale 382, CH-1217 Meyrin 1 (CH)

---

(111) **508427**
(822) 30.09.1986 349 633 CH
(171) 20 năm
(540) TUFLIN
(511) 01.
(151) 03.12.1986
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) Dow Europe GmbH
Bachtobelstrasse 3, CH-8810 Horgen (CH)

---

(111) **508430**
(822) 18.08.1986 349 851 CH
(171) 20 năm
(540) FRISSE

(151) 04.12.1986

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) Bühler Holding AG
Bahnhofstrasse, CH-9240 Uzwil (CH)

(511) 07, 11, 20.

---

(111) **508440**
(822) 20.10.1986 350 110 CH
(171) 10 năm
(540)

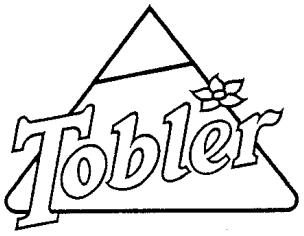

(151) 05.12.1986

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 05.05.19, 26.03.02, 27.05.01
(732) Kraft Foods Schweiz AG
Bellerivestrasse 203, CH-8008 Zürich (CH)

(511) 30.

---

(111) **508504**
(822) 24.03.1982 319 047 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.12.1986

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 02.03.01, 24.11.16
(732) PAMP S.A.
CH-6874 CASTEL SAN PIETRO (CH)

(511) 14.

---

(111) **508511**
(822) 29.07.1986 348 294 CH
(171) 10 năm
(540) VALVERDE

(151) 12.12.1986
(831) 21.12.1989 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 27.05.17
(732) Sidroga AG
Untere Brühlstrasse 4, CH-4800 Zofingen (CH)

(511) 05.

---

(111) **508565**
(822) 01.07.1986 419 976 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 04, 17.

(151) 03.12.1986
(831) 07.11.1994 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 26.01.01, 26.01.06
(732) INTERFLON B.V.
Belder 47, NL-4704 RK Roosendaal (NL)

---

(111) **508680**
(822) 20.08.1986 420 241 BX
(171) 10 năm
(540) VISI-BLACK
(511) 10.

(151) 11.12.1986
(831) 02.11.1993 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) Janssen Pharmaceutica N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

---

(111) **508764**
(822) 24.01.1984 919 895 DT
(171) 10 năm
(540) ratiopharm
(511) 05.

(151) 17.12.1986
(831) 14.07.1997 VN
(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) ratiopharm GmbH
Graf-Arco-Strasse 3, 89079 Ulm (DE)

---

(111) **510460**
(822) 20.01.1986 391 266 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 09, 11, 17, 20, 21.

(151) 19.11.1986
(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 27.05.01
(732) G3 Ferrari S.r.l. di Ferrari Giuseppe e C.
Via G. Rossini, 8, I-41030 BASTIGLIA (MO) (IT)

---

(111) **655249**
(822) 27.11.1995 95 599 134 FR
(171) 10 năm
(540) AKTEO
(511) 03, 18, 25.

(151) 30.04.1996
(831) 16.11.1999 VN
(450) 1996/6 Gaz (14.08.1996)
(732) WINTIS, WORLD INVESTMENTS TIMEPIECES SA
Rue du Rhone 114, Case Postale, CH-1211 Genève 3 (CH)

---

(111) **656365**
(822) 17.06.1996 680460 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 14, 18, 20, 24, 25.

(151) 17.06.1996

(450) 1996/8 Gaz (19.09.1996)
(531) 25.03.01, 26.04.01, 26.04.11, 27.01.01, 27.05.01
(732) BRUNO PIATTELLI
Via delle Convertite, 5, I-00187 ROMA (IT)

---

(111) **657397**
(822) 09.03.1992 563.060 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 11, 20.

(151) 18.06.1996

(450) 1996/9 Gaz (01.10.1996)
(531) 27.01.01, 27.05.01
(732) SILKO S.r.l.
Via del Boscon, 424, I-32100 BELLUNO (IT)

---

(111) **657943**
(822) 01.08.1994 287 559 PT
(171) 10 năm
(540)

TELECEL

(511) 09, 38.

(151) 22.07.1996

(450) 1996/10 Gaz (14.10.1996)
(732) VODAFONE PORTUGAL - COMUNICAÇÕES PESSOAIS, S.A.
Av. D. João II, Lote 1.04.01 -, 8° Piso, Parque das Nações, P-1998-017 LISBOA (PT)

---

(111) **661417**
(822) 04.04.1996 96.619.553 FR
(171) 10 năm
(540)

ATTELAGE

(511) 08.

(151) 03.10.1996

(450) 1996/15 Gaz (19.12.1996)
(732) COMPAGNIE DES ARTS DE LA TABLE
23, rue Boissy d'Anglas, F-75008 PARIS (FR)
(750) HERMES INTERNATIONAL - Jean-Claude MASSON
24, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **662641**
(822) 26.09.1995 95/590464 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 14, 18, 25.

(151) 25.10.1996
(831) 31.10.2001 VN
(450) 1996/17 Gaz (21.01.1997)
(531) 07.01.06, 07.05.02, 26.04.02, 27.05.01, 29.01.02, 29.01.08
(591) Màu vàng rực, đen
(732) INVESCORP
ZI du Parc, 95 rue du Parc, F-93130 NOISY LE SEC (FR)

---

(111) **663319**
(822) 16.07.1996 396 25 031 DE
(171) 10 năm
(540)

Hydrokur

(511) 01, 03, 05.

(151) 28.09.1996
(450) ()
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **663473**
(822) 18.06.1996 96 630 372 FR
(171) 10 năm
(540)

MANE

(511) 01.

(151) 08.11.1996
(450) 1996/17 Gaz (21.01.1997)
(531) 26.04.03, 27.05.01
(732) V. MANE FILS, Société anonyme
620, route de Grasse, F-06620 LE BAR-SUR-LOUP (FR)

---

(111) **663651**
(822) 11.04.1996 96 620 642 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 16, 25, 28, 35, 38, 41.

(151) 11.10.1996
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(531) 24.13.01, 24.17.05, 26.04.02, 26.04.09, 27.05.01, 29.01.15
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh da trời, vàng, xanh lá cây, vàng kim loại, xám
(732) GROUPE CANAL +
1, place du Spectacle, F-92130 ISSY LES MOULINEAUX (FR)

---

(111) **663732**
(822) 19.06.1996 432912 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 12, 38, 41.

(151) 07.11.1996
(831) 03.07.1997 VN
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(531) 01.05.01, 27.05.01
(732) ELITE LICENSING COMPANY SA
15, route des Arsenaux, CH-1700 Fribourg (CH)

---

(111) **663768**
(822) 14.06.1996 96/629.939 FR
(171) 10 năm
(540)

ABSOFLOR

(511) 03.

(151) 19.11.1996
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(732) V. MANE FILS, Société anonyme
620, route de Grasse, F-06620 LE BAR-SUR-LOUP (FR)

---

(111) **663968**
(822) 13.06.1996 96/629879 FR
(171) 10 năm
(540)

MagIC

(511) 09.

(151) 10.10.1996
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(531) 27.05.01
(732) SCHLUMBERGER INDUSTRIES, société anonyme
50, avenue Jean Jaurès, F-92120 MONTROUGE (FR)
(750) SCHLUMBERGER INDUSTRIES, société anonyme
BP 620-04, F-92542 MONTROUGE Cedex (FR)

---

(111) **663995**
(822) 04.10.1996 396 36 703 DE
(171) 10 năm
(540) Jägermeister

(151) 25.11.1996
(831) 25.01.2005 VN
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(531) 27.05.01
(732) Mast-Jägermeister AG
Jägermeisterstrasse 7-15, 38296 Wolfenbüttel (DE)

(511) 18, 25, 32, 33.

---

(111) **664022**
(822) 30.07.1993 416466 CH
(171) 10 năm
(540) BOLCHOJ

(151) 11.10.1996
(831) 27.06.1997 VN
(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(732) Danceria AG
Rämistrasse 3, CH-8024 Zurich (CH)

(511) 33.

---

(111) **664531**
(822) 17.06.1996 1 474 901 FR
(171) 10 năm
(540) DIMODAN

(151) 22.11.1996
(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) DANISCO HOLDING FRANCE (société par actions simplifiées)
Avenue Jean d'Alembert, Parc d'activités de Pissaloup, F-78190 TRAPPES (FR)

(511) 01.

---

(111) **664595**
(822) 05.06.1996 96628541 FR
(171) 10 năm
(540) KOMPASS

(151) 27.11.1996
(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) KOMPASS INTERNATIONAL NEUENSCHWANDER SA (société anonyme)
CRUET SAINT-LAURENT, F-73800 CRUET (FR)

(511) 09, 16, 35.

---

(111) **664631**
(822) 17.06.1996 96 630156 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16.

(151) 29.11.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(531) 05.03.11, 26.04.01
(732) S.T. DUPONT S.A.
92, boulevard du Montparnasse, F-75014 Paris (FR)

---

(111) **664650A**
(822) 22.10.1996 433794 CH
(171) 10 năm
(540)

OVALTTENIES

(511) 29, 30.

(151) 04.12.1996

(450)
(531) 04.05.05, 26.04.01, 26.04.10, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.02, 29.01.04, 29.01.07
(591) Xanh da trời, vàng, đồng, cam, đen và trắng
(732) Wander AG
Monbijoustrasse 115, CH-3007 Bern (CH)

---

(111) **664710**
(822) 23.10.1996 433807 CH
(171) 10 năm
(540)

XELODA

(511) 05.

(151) 04.12.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) F. Hoffmann-La Roche AG
Grenzacherstrasse 124, CH-4002 Bâle (CH)

---

(111) **664717**
(822) 26.05.1994 617.253 IT
(171) 10 năm
(540)

ELLEDUE

(511) 25.

(151) 10.12.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(531) 26.11.01, 26.11.02, 27.05.01
(732) LEVANTE S.p.A.
Viale Avis, 32, I-46042 CASTEL GOFFREDO (Mantova) (IT)

---

(111) **664720**
(822) 26.06.1996 96 631715 FR
(171) 10 năm
(540)
ECOUTE-MOI

(151) 06.12.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) G.L.B., société anonyme
60, boulevard Victor Hugo, F-06130 GRASSE (FR)

(511) 03.

---

(111) **664820**
(822) 12.11.1996 691447 IT
(171) 10 năm
(540)
BULLBOYS

(151) 12.11.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) LELLI KELLY S.P.A
Via Bocchi, 233/235, I-55013 LAMMARI LUCCA (Lucca) (IT)

(511) 09, 25, 41.

---

(111) **664821**
(822) 12.11.1996 691448 IT
(171) 10 năm
(540)
LELLIKELLY

(151) 28.11.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) LELLI KELLY
Via Bocchi, 233/235, I-55013 CAPANNORI FRAZ. LAMMARI (LU) (IT)

(511) 09, 41.

---

(111) **664948**
(822) 04.09.1985 366.111 IT
(171) 10 năm
(540)
LEM

(151) 16.12.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) GENERALMUSIC S.p.A.
Via delle Rose, 12, I-47048 SAN GIOVANNI IN MARIGNANO (RN) (IT)

(511) 09, 15.

---

(111) **664983**
(822) 24.05.1995 95573083 FR
(171) 10 năm
(540)

COULISSES DU MAQUILLAGE

(511) 03.

(151) 25.11.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) CHANEL
135, avenue Charles de Gaulle, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)
(750) CHANEL, Département des Marques
135, avenue Charles de Gaulle, F-92521 NEUILLY-SUR-SEINE CEDEX (FR)

---

(111) **665143**
(822) 06.10.1995 95591378 FR
(171) 10 năm
(540)

ONDEVA

(511) 05.

(151) 11.12.1996
(831) 17.08.1998 VN
(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) AVENTIS PHARMA S.A.
20, avenue Raymond Aron, F-92160 ANTONY (FR)

---

(111) **665187**
(822) 07.05.1996 96.624.387 FR
(171) 10 năm
(540)

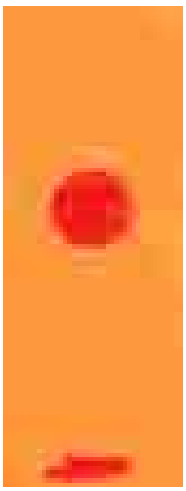

(511) 16.

(151) 06.11.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(531) 03.03.01, 18.01.01, 25.01.15, 26.04.02, 26.04.10, 29.01.01, 29.01.07
(591) Cam, màu hạt dẻ đậm
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **665192**
(822) 10.06.1996 96 629410 FR
(171) 10 năm
(540)

RHEXIS

(151) 06.12.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(732) LABORATOIRE DE CONTACTOLOGIE APPLIQUÉE - LCA (Société anonyme)
9, allée Prométhée -, ZI les Propylées, F-28000 CHARTRES (FR)

(511) 03, 05, 06, 08, 10.

---

(111) **665299**
(822) 04.07.1996 96/633607 FR
(171) 10 năm
(540)

DICKSON

(151) 12.11.1996

(450) 1996/19 Gaz (07.02.1997)
(531) 26.01.02, 27.01.01, 27.05.01
(732) DICKSON S.A.S. (Société par Actions Simplifiée)
Rue des Châteaux - ZI de la Pilaterie, F-59290 WASQUEHAL (FR)

(511) 17, 22, 24, 28.

---

(111) **665416**
(822) 26.10.1992 92 439 740 FR
(171) 10 năm
(540)

ACTINI

(151) 31.10.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 27.05.01
(732) ACTINI S.A.
PARC DE MONTIGNY, MAXILLY, F-74500 EVIAN LES BAINS (FR)

(511) 39, 40, 42.

---

(111) **665526**
(822) 26.11.1996 693.517 IT
(171) 10 năm
(540)

P5000 DRAGO

(151) 26.11.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

(511) 12.

---

(111) **665528**
(822) 02.12.1996 693536 IT
(171) 10 năm
(540) 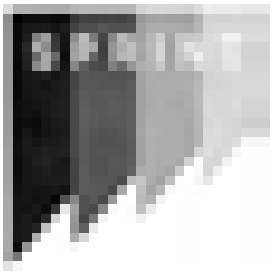

(511) 02, 03.

(151) 02.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 25.07.01, 25.07.20, 26.04.04, 26.04.09, 27.05.01
(732) INDUSTRIA CHIMICA REGGIANA I.C.R. SOCIETÀ PER AZIONI
Via M. Gasparini, 7, I-42100 REGGIO EMILIA (IT)

---

(111) **665563**
(822) 02.12.1996 693528 IT
(171) 10 năm
(540)
COOPERATIVA CERAMICA D'IMOLA

(511) 19.

(151) 02.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 03.13.04, 03.13.24, 27.05.01
(732) COOPERATIVA CERAMICA D'IMOLA S.R.L.
Via Vittorio Veneto, 13, I-40026 IMOLA (BOLOGNA) (IT)

---

(111) **665564**
(822) 26.11.1996 693524 IT
(171) 10 năm
(540) 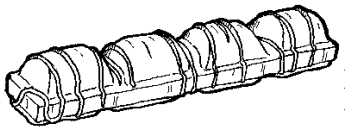

(511) 30.

(151) 26.11.1996
(831) 07.12.2000 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 08.01.15
(732) FERRERO S.p.A.
Piazzale Pietro Ferrero, I-12051 ALBA (CN) (IT)

---

(111) **665565**
(822) 26.11.1996 693.516 IT
(171) 10 năm
(540) WINTER 190
ASIMMETRICO

(511) 12.

(151) 26.11.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

---

(111) **665611**
(822) 18.04.1996 1.999.019 ES
(171) 10 năm
(540)

(151) 01.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 03.07.03, 25.01.15, 25.03.01, 27.05.01, 29.01.15
(591) Trắng, xanh da trời, vàng, đỏ, xanh da trời, đen, cam
(732) PREPARADOS ALIMENTICIOS, S.A.
Josep Tarradellas, 38, E-08029 Barcelona (ES)

(511) 29, 30, 32.

---

(111) **665653**
(822) 02.08.1996 96637251 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 17.12.1996

(450) ()
(531) 03.07.01, 03.07.16, 19.07.01, 25.01.15, 26.04.01, 27.05.01
(732) BELVEDERE (société anonyme)
10 Avenue Charles Jaffelin, F-21200 BEAUNE (FR)

(511) 21, 33.

(111) **665655**
(822) 04.07.1996 96 633040 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 16.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 19.03.03, 26.04.01, 29.01.03, 29.01.04, 29.01.06
(591) Xanh lá cây, trắng
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **665662**
(822) 26.11.1996 693.514 IT
(171) 10 năm
(540) WINTER 190
DIREZIONALE

(511) 12.

(151) 26.11.1996

(450) 2001/3 Gaz (15.03.2001)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

---

(111) **665663**
(822) 26.11.1996 693.513 IT
(171) 10 năm
(540) WINTER

(511) 12.

(151) 26.11.1996

(450) 2001/3 Gaz (15.03.2001)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

---

(111) **665664**
(822) 26.11.1996 693.512 IT
(171) 10 năm
(540) WINTER 160
DIREZIONALE

(511) 12.

(151) 26.11.1996

(450) 2001/3 Gaz (15.03.2001)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

---

(111) **665669**
(822) 26.11.1996 693.515 IT
(171) 10 năm
(540) WINTER 210
ASIMMETRICO

(151) 26.11.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) PIRELLI TYRE S.P.A.
Viale Sarca, 222, I-20126 MILANO (MI) (IT)

(511) 12.

---

(111) **665744**
(822) 04.07.1996 96 633043 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 19.03.03, 26.04.01, 26.04.07, 26.04.09, 29.01.03, 29.01.04, 29.01.06
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh da trời
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

(511) 05.

---

(111) **665795**
(822) 28.08.1995 1 323 863 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 06.12.1996
(831) 27.10.1998 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 03.07.06
(732) BLUE WHALE - SOCIETE ANONYME
BOITE POSTALE 417, M.I.N., F-82004 MONTAUBAN (FR)

(511) 29, 31.

---

(111) **665851**
(822) 05.01.1996 433910 CH
(171) 10 năm
(540) SOOTHERS

(511) 30.

(151) 05.12.1996
(831) 04.04.1997 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey (CH)

---

(111) **665943**
(822) 18.07.1996 96634930 FR
(171) 10 năm
(540) BIOTANE

(511) 18, 25, 40.

(151) 29.11.1996
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) JALLATTE (Société par actions Simplifiée)
Rue du Fort, F-30170 SAINT HIPPOLYTE DU FORT (FR)

---

(111) **665970**
(822) 30.07.1996 96 636 683 FR
(171) 10 năm
(540) XTOL

(511) 01.

(151) 04.12.1996
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) KODAK S.A. (société anonyme française)
26, rue Villiot, F-75012 PARIS (FR)

---

(111) **666005**
(822) 15.05.1996 592.203 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 09, 18, 25, 28.

(151) 14.11.1996
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 02.07.02, 27.05.01
(732) Basic Trademark S.A.
207 Route d'Arlon, L-1150 Luxembourg (LU)

---

(111) **666055**
(822) 21.10.1996 886734 CN
(171) 10 năm
(540)

RBI

(511) 07.

(151) 25.11.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 26.04.04, 27.05.01
(732) NINGBO RB INTERNATIONAL CO., LTD. (NINGBO BAOSHUIQU RUIBAO GUOJI MAOYI YOUXIAN GONGSI)
1401-C, Fazhandadao, Baoshuiqu, Ningbo, Zhejiang 315800 (CN)

---

(111) **666193**
(822) 11.12.1996 396 50 500 DE
(171) 10 năm
(540)

Sichel Superior Vinification

(511) 33.

(151) 11.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) Franz Wilhelm Langguth Erben GmbH & Co. KG
Dr. Ernst-Spies-Allee 2, 56841 Traben-Trarbach (DE)

---

(111) **666196**
(822) 11.03.1996 1.352.234 FR
(171) 10 năm
(540)

EFFIDRATE

(511) 03, 05.

(151) 22.12.1996
(831) 27.02.2003 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) LA ROCHE-POSAY LABORATOIRE PHARMACEUTIQUE, Société Anonyme
Avenue René Levayer, F-86270 LA ROCHE-POSAY (FR)

---

(111) **666203**
(822) 04.07.1996 96 633.279 FR
(171) 10 năm
(540)

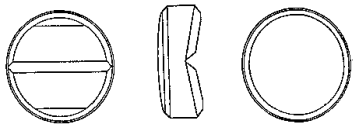

(511) 05.

(151) 16.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 19.13.01
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **666204**
(822) 04.07.1996 96 633042 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 16.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 19.03.03, 25.01.15, 26.04.01, 26.04.07, 27.05.01, 29.01.04, 29.01.06
(591) Trắng, xanh da trời sáng, xanh da trời
(732) SANOFI, Société Anonyme
32/34, rue Marbeuf, F-75008 PARIS (FR)
(750) SANOFI, Société Anonyme Service des Marques
32/34 rue Marbeuf, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **666294**
(822) 17.07.1996 396 25 426 DE
(171) 10 năm
(540)

Kamasutra

(511) 32, 33.

(151) 08.11.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) Maximilian Graf von Bismarck
Schönauer Weg 16-18, 21465 Reinbek (DE)

---

(111) **666367**
(822) 03.06.1996 433912 CH
(171) 10 năm
(540)

PYCNOGENOL

(511) 29.

(151) 03.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) HORPHAG RESEARCH MANAGEMENT S.A.
Avenue Louis-Casaï 71, CH-1217 Meyrin (CH)
(750) HORPHAG RESEARCH MANAGEMENT SA
Case postale 80, CH-1216 Cointrin (CH)

---

(111) **666425**
(822) 01.04.1996 430 566 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 16, 39, 42.

(151) 09.12.1996
(831) 23.06.1999 VN
(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(531) 01.05.01, 27.05.01
(732) Kuoni Reisen Holding AG
Neue Hard 7, CH-8005 Zurich (CH)

---

(111) **666443**
(822) 13.06.1996 96 630 469 FR
(171) 10 năm
(540)

POINTS AVANTAGES

(511) 16, 35, 36, 41.

(151) 04.12.1996

(450) 1997/1 Gaz (27.02.1997)
(732) CASINO GUICHARD PERRACHON
Société Anonyme
24, rue de la Montat, F-42000 SAINT-ETIENNE (FR)

---

(111) **666494**
(822) 23.10.1996 396 41 769 DE
(171) 10 năm
(540)

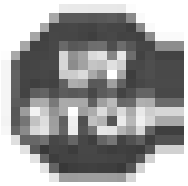

(511) 11.

(151) 03.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 18.07.01, 26.05.01, 27.05.01
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **666495**
(822) 08.10.1996 396 34 182 DE
(171) 10 năm
(540)

DELA

(511) 11.

(151) 28.11.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung Berlin et München
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **666496**
(822) 08.10.1996 396 34 183 DE
(171) 10 năm
(540)

ORBIS

(151) 28.11.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)
(750) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung Berlin et München
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 11.

---

(111) **666570**
(822) 13.12.1996 695234 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 26.11.03, 26.13.01, 27.05.01, 27.07.01, 29.01.14
(591) Đen, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời
(732) BENCOM S.r.l.
Via Villa Minelli, 1, I-31050 Ponzano Veneto (IT)

(511) 03, 08, 09, 11, 12, 14, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 27, 28, 34, 35.

---

(111) **666584**
(822) 13.12.1996 695228 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 01.01.01, 05.05.18, 05.05.19, 26.11.01, 27.03.01, 27.05.01
(732) INCOLD S.p.A.
Via A. Grandi, 1, I-45100 ROVIGO (IT)

(511) 11, 37.

---

(111) **666790**
(822) 13.12.1996 695240 IT
(171) 10 năm
(540)

CREAM KISS

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) LA GIULIA IND. S.P.A.
VIA E. FERMI, 17, I-34170 GORIZIA (IT)

(511) 30.

---

(111) **666792**
(822) 16.06.1987 481.111 IT
(171) 10 năm
(540)

roccobarocco

(151) 06.12.1996

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 27.05.01
(732) BAROCCO ROMA s.r.l. UNIPERSONALE
Piazza di Spagna, 93, I-00187 ROMA (IT)

(511) 03, 09, 14, 18, 19, 25, 42.

---

(111) **666823**
(822) 21.06.1996 592.208 BX
(171) 10 năm
(540)

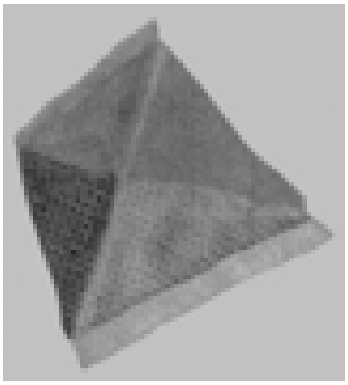

(151) 13.12.1996
(831) 02.12.1999 VN
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 19.03.03
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL ROTTERDAM (NL)

(511) 30.

---

(111) **666824**
(822) 21.06.1996 592.207 BX
(171) 10 năm
(540)

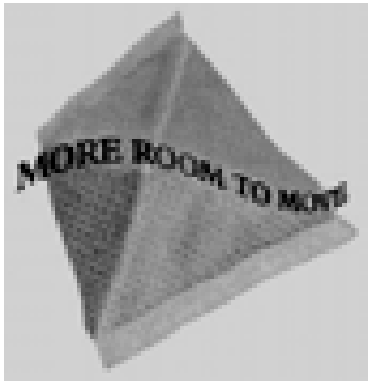

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 19.03.03, 27.01.01
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL ROTTERDAM (NL)

(511) 30.

---

(111) **666892**
(822) 16.05.1994 2 064 844 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 20, 21, 24, 25, 28.

(151) 29.11.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 01.01.01, 02.05.03
(732) Sterntaler Gesellschaft mit beschränkter Haftung & Co. KG
Werkstrasse 6-8, 65599 Dornburg-Dorndorf (DE)

---

(111) **666914**
(822) 13.12.1996 695231 IT
(171) 10 năm
(540)

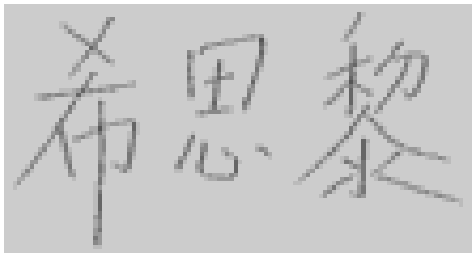

(511) 09, 14, 16, 24, 28.

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 28.03.00
(732) BENCOM S.r.l.
Via Villa Minelli, 1, I-31050 Ponzano Veneto (IT)

---

(111) **666921**
(822) 18.02.1996 P-281 338 CH
(171) 10 năm
(540)

TRIHERPINE

(511) 05.

(151) 09.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) Novartis AG
CH-4002 Bâle (CH)
(750) Novartis AG, Patent- und Markenabteilung
CH-4002 Bâle (CH)

---

(111) **666930**
(822) 18.12.1996 696953 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 18.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 09.01.11, 09.01.25, 26.04.04, 27.05.01
(732) DE FONSECA S.p.A.
Viale Italia, 73, I-10040 LEINÌ (TO) (IT)

---

(111) **667051**
(822) 04.07.1996 395 32 053 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 26.01.05, 26.07.03, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.06
(591) Đen, đỏ, xám, trắng
(732) FRAKO Kondensatoren- und Anlagenbau GmbH
Tscheulinstrasse 21 a, 79331 Teningen (DE)

---

(111) **667066**
(822) 13.12.1996 695253 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 30.

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 08.01.19, 08.07.11, 29.01.06, 29.01.07
(591) Màu hạt dẻ, trắng
(732) FERRERO S.P.A.
Piazzale Pietro Ferrero, I-12051 ALBA (CN) (IT)

(111) **667090**
(822) 14.08.1996 96 638 665 FR
(171) 10 năm
(540)
DAKEPHAL

(151) 19.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **667096**
(822) 14.08.1996 96 638 671 FR
(171) 10 năm
(540)
ADEAX

(151) 19.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BIOFARMA
22, rue Garnier, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 05.

---

(111) **667122**
(822) 13.12.1996 695254 IT
(171) 10 năm
(540)

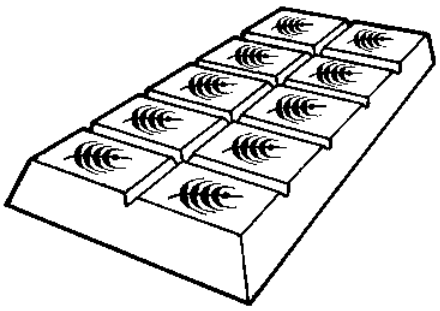

(151) 13.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 08.01.19, 25.07.01, 25.07.25, 26.15.11
(732) FERRERO S.p.A.
Piazzale Pietro Ferrero, I-12051 ALBA CN (IT)

(511) 30.

---

(111) **667233**
(822) 15.11.1996 396 26 000 DE
(171) 10 năm
(540)
SPEEDBOARD

(151) 12.12.1996
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)

(511) 01, 09, 17.

---

(111) **667262**
(822) 13.12.1996 695245 IT
(171) 10 năm
(540)

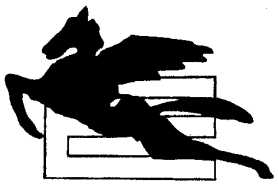

(511) 03, 18, 25.

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 04.03.05, 27.01.01
(732) ETRO S.P.A.
Via Spartaco, 3, I-20135 MILANO (IT)

---

(111) **667275**
(822) 09.08.1996 685.998 IT
(171) 10 năm
(540)

casaviva

(511) 20, 21, 22.

(151) 10.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 03.11.07, 26.07.03, 27.05.01
(732) SEMERARO IMMOBILIARE S.p.A.
Via Rovato 21, I-25030 ERBUSCO BRESCIA (IT)

---

(111) **667311**
(822) 30.04.1996 395 42 606 DE
(171) 10 năm
(540)

CABRIO

(511) 05.

(151) 12.12.1996
(831) 09.06.2004 VN
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) BASF Aktiengesellschaft
Carl-Bosch-Strasse 38, 67063 Ludwigshafen am Rhein (DE)
(750) BASF Aktiengesellschaft, ZDX/W - C 6
67056 Ludwigshafen (DE)

---

(111) **667393**
(822) 11.12.1996 694411 IT
(171) 10 năm
(540)

VIDEOTEC

(511) 09.

(151) 11.12.1996
(831) 09.03.1998 VN
(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 26.11.03, 27.05.01
(732) VIDEOTEC S.p.A.
Via Friuli, 6, I-36015 SCHIO (Vicenza) (IT)

---

(111) **667431**
(822) 16.05.1951 607 246 DE
(171) 10 năm
(540)

Boge

(511) 07, 08, 09.

(151) 11.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) Boge Kompressoren Otto Boge GmbH & Co. KG
26, Lechtermannshof, 33739 Bielefeld (DE)

---

(111) **667759**
(822) 09.12.1996 396 45 475 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 28.

(151) 09.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 26.01.01, 26.04.01, 26.04.04, 26.04.10
(732) Selecta Spielzeug AG
Römerstrasse 1, 83533 Edling (DE)

---

(111) **668089**
(822) 05.07.1996 593.567 BX
(171) 10 năm
(540)

AXE ATLANTIS

(511) 03.

(151) 13.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL ROTTERDAM (NL)

---

(111) **668139**
(822) 12.08.1996 434 505 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 19.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 26.04.01, 26.04.09, 27.05.01
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **668357**
(822) 01.07.1996 593.369 BX
(171) 10 năm
(540)

BatteryMate

(511) 09.

(151) 19.12.1996
(831) 13.08.2004 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) TECMATE INTERNATIONAL S.A.
Sint-Truidensesteenweg 252, B-3300 Tienen (BE)

---

(111) **668615**
(822) 27.04.1993 2 035 081 DE
(171) 10 năm
(540)

BEEM

(511) 07, 08, 11, 14, 21.

(151) 12.11.1996

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) BEEM Blitz Elektro-Erzeugnisse Manufaktur Handels-GmbH
19-21, Dieselstrasse, 61191 Rosbach v.d.Höhe (DE)

---

(111) **668618**
(822) 12.07.1996 396 21 829 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 24, 25.

(151) 11.11.1996

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.04.03, 26.04.07, 27.05.01
(732) W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)
(750) Susanne Jungk c/o W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)

---

(111) **668634**
(822) 15.07.1996 396 21 832 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 24, 25.

(151) 11.11.1996

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.04.03, 26.04.07, 27.05.01
(732) W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)
(750) Susanne Jungk c/o W.L. Gore & Associates GmbH
Hermann-Oberth-Strasse 22, 85640 Putzbrunn (DE)

---

(111) **668645**
(822) 16.10.1996 396 25 942 DE
(171) 10 năm
(540)

RESILYSE

(511) 05.

(151) 26.11.1996

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) Boehringer Ingelheim International GmbH
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim (DE)

---

(111) **668861**
(822) 07.05.1993 640991 CN
(171) 10 năm
(540)

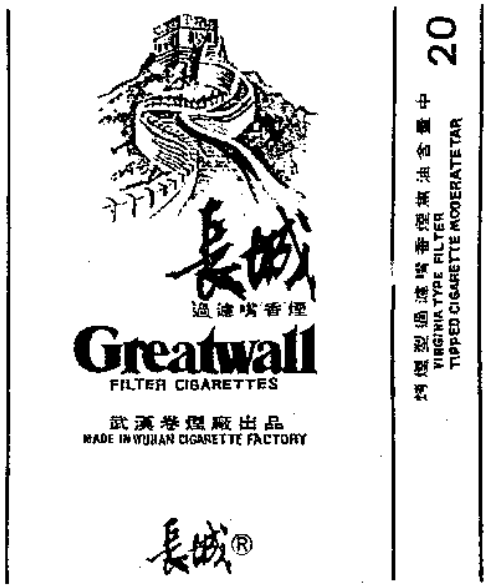

(511) 34.

(151) 25.11.1996

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 07.01.01, 07.05.02, 25.01.15, 27.05.01, 28.03.00
(732) Wuhan Cigarette Factory China
No. 136, Renshou Road, Qiaokou District, Wuhan City, CN-430054 Hubei Province (CN)

---

(111) **668976**
(822) 24.11.1993 2 050 351 DE
(171) 10 năm
(540)

Lupo

(511) 12.

(151) 27.11.1996
(831) 05.03.1998 VN
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Volkswagen Aktiengesellschaft
38436 Wolfsburg (DE)
(750) VOLKSWAGEN Aktiengesellschaft
Brieffach 1770, 38436 Wolfsburg (DE)

---

(111) **669184**
(822) 30.09.1996 433438 CH
(171) 10 năm
(540)

DANZAS

(151) 26.11.1996

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Danzas Holding AG
Peter Merian-Strasse 88, CH-4052 Bâle (CH)

(511) 06, 12, 16, 20, 35, 36, 37, 38, 39, 42.

---

(111) **669381**
(822) 12.09.1996 96 641 395 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.1996
(831) 26.06.2006 VN
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 03.07.11, 05.03.16, 24.13.25, 26.01.01, 26.01.04, 29.01.04, 29.01.06
(591) Xanh da trời và trắng
(732) MEDECINS DU MONDE Association régie par la loi française de 1901
62 rue Marcadet, F-75018 PARIS (FR)

(511) 36, 39, 42.

---

(111) **670004**
(822) 25.10.1996 396 30 147 DE
(171) 10 năm
(540)

MARIN

(151) 17.12.1996
(831) 01.12.2003 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Hansgrohe AG
Auestrasse 5-9, 77761 Schiltach (DE)

(511) 11, 20, 21.

---

(111) **670086**
(822) 16.05.1994 2 064 843 DE
(171) 10 năm
(540)

STERNTALER

(151) 29.11.1996
(831) 16.01.2006 VN
(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) Sterntaler Gesellschaft mit beschränkter Haftung & Co. KG
Werkstrasse 6-8, 65599 Dornburg-Dorndorf (DE)

(511) 10, 20, 21, 24, 25, 28.

---

(111) **670190**
(822) 09.10.1996 396 33 151 DE
(171) 10 năm
(540) QUICK·STEP®

(151) 10.12.1996

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 26.04.02, 26.04.09, 26.11.03, 27.05.01
(732) Unilin Flooring N.V.
Ooigemstraat 3, B-8710 Wielsbeke (BE)

(511) 01, 03, 19.

---

(111) **670496**
(822) 08.05.1986 N.420.196 IT
(171) 10 năm
(540) YORK

(151) 10.12.1996

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) ITAP S.p.A.
Via Ruca, I-25065 LUMEZZANE S.S. (Brescia) (IT)

(511) 07, 11.

---

(111) **670497**
(822) 08.05.1986 420.197 IT
(171) 10 năm
(540) EUROPA

(151) 10.12.1996

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) ITAP S.p.A.
Via Ruca, I-25065 LUMEZZANE S.S. (Brescia) (IT)

(511) 07, 11.

---

(111) **670830**
(822) 23.11.1993 2 050 280 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 05.12.1996

(450) ()
(531) 26.13.25, 29.01.01, 29.01.08
(591) Cam, đen và trắng
(732) Weidmüller Interface GmbH & Co. KG
Klingenbergstraße 16, 32758 Detmold (DE)

(511) 07, 08, 09, 42.

---

(111) **670890**
(822) 02.12.1996 693538 IT
(171) 10 năm
(540) FMA

(151) 02.12.1996
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) FIAT AUTO S.p.A.
Corso Giovanni Agnelli, 200, I-10135 TORINO (IT)

(511) 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42.

---

(111) **671258**
(822) 03.06.1996 96628576 FR
(171) 10 năm
(540) INFOGRAMES

(151) 02.12.1996
(831) 03.11.1998 VN
(450) ()
(531) 14.03.21, 25.01.15, 26.01.05, 27.05.01
(732) ATARI EUROPE SAS (SOCIETE PAR ACTIONS SIMPLIFIES)
1, place Verrazzano, F-69009 LYON 09 (FR)

(511) 09, 16, 28, 35, 38, 41, 42.

---

(111) **671442**
(822) 20.05.1989 348442 CN
(171) 10 năm
(540)

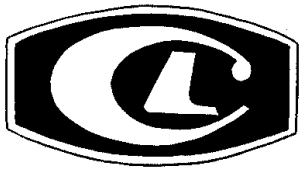

(151) 10.12.1996
(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(531) 25.03.01, 27.05.01
(732) CHANG LING (GROUP) CO., LTD.
No. 75 Qingjiang Road, Weibin District, Baoji City, CN-721006 Shanxi Province (CN)

(511) 07, 11.

---

(111) **672432**
(822) 21.03.1995 779557 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.11.1996
(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(531) 01.05.01, 24.15.03, 27.05.01, 28.03.00
(732) China International Travel Service Head Office
No. 103, Fuxingmennai Street, CN-100800 Beijing (CN)

(511) 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42.

---

(111) **672523**
(822) 13.08.1996 434 073 CH
(171) 10 năm
(540)

DUOCART

(151) 10.12.1996

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Gambro Hospal (Schweiz) AG (Gambro Hospal (Suisse) SA) (Gambro Hospal (Switzerland) LTD)
Dornacherstrasse 8, CH-4053 Basel (CH)

(511) 05, 10.

---

(111) **672711**
(822) 14.08.1996 592.221 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.1996

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(531) 27.05.01
(732) Valentino S.p.A.
Via Turati, 16/18, I-20121 Milano (IT)

(511) 03, 09, 14, 16, 18, 25.

---

(111) **672799**
(822) 29.05.1996 433 591 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.1996

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(531) 04.05.03, 26.04.04, 27.05.01
(732) Marley Tile S.A.
Rue de l'Avenir 42, L-1147 Luxembourg (LU)

(511) 06, 11, 17, 19, 20, 27.

---

(111) **673397**
(822) 28.02.1996 2 099 726 DE
(171) 10 năm
(540)

OWA

(151) 29.11.1996

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) Odenwald Faserplattenwerk GmbH
Dr.-Freundt-Straße 3, 63916 Amorbach (DE)

(511) 06, 11, 17, 19.

---

(111) **673593**
(822) 16.09.1996 396 31 530 DE
(171) 10 năm
(540) TALIS

(151) 12.11.1996

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) Hansgrohe AG
Auestrasse 5-9, 77761 Schiltach (DE)

(511) 11, 20, 21.

---

(111) **673793**
(822) 03.04.1996 Z950844 HR
(171) 10 năm
(540) PLIVA

(151) 10.12.1996

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) PLIVA d.d.
Ulica grada Vukovara 49, HR-10000 Zagreb (HR)

(511) 01, 03, 05, 16, 21, 28, 29, 30, 31, 32, 33.

---

(111) **674015**
(822) 23.07.1996 96 635 569 FR
(171) 10 năm
(540) COMPLICES

(151) 12.12.1996

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(531) 01.01.01, 27.03.01, 27.05.01
(732) LES COMPLICES société anonyme
20, rue Rabelais, F-93100 MONTREUIL SOUS BOIS (FR)

(511) 03, 09, 14, 16, 18, 20, 24, 25.

---

(111) **674015A**
(822) 23.07.1996 96 635 569 FR
(171) 10 năm
(540) COMPLICES

(151) 12.12.1996

(450)
(531) 01.01.01, 27.03.01, 27.05.01
(732) SOCIETE FRANCAISE DU RADIOTELEPHONE - SFR
42 avenue du Friedland, F-75008 PARIS (FR)

(511) 09.

---

(111) **675705**
(822) 08.08.1996 396 03 631 DE
(171) 10 năm
(540) BOSCH

(151) 14.12.1996
(831) 10.10.2001 VN
(450) 1997/14 Gaz (28.08.1997)
(732) Robert Bosch GmbH
70469 Stuttgart (DE)

(511) 07, 09, 11, 12, 20, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42.

---

(111) **675706**
(822) 08.08.1996 396 03 632 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 14.12.1996
(831) 19.05.2003 VN
(450) 1997/14 Gaz (28.08.1997)
(531) 26.01.01, 26.01.12, 26.07.11
(732) Robert Bosch GmbH
70469 Stuttgart (DE)

(511) 07, 09, 11, 12, 20, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42.

PHẦN VI

SỬA ĐỔI, GIA HẠN, ĐÌNH CHỈ, HUỶ BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

I - SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích

Quyết định sửa đổi số: 19421/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(11) Số Văn bằng: 1-0006627 (24) Ngày cấp: 28.09.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) MALLINCKRODT BAKER INC. (US)
222 Red School Lane, Phillipsburg, New Jersy 08865, USA

---

b - Sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định sửa đổi số: 18554/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0004140	28.05.1998
3-0004141	28.05.1998
3-0005638	26.01.2000
3-0007798	14.06.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANOFI - SYNTHELABO VIỆT NAM (VN)
Số 10, đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18555/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0009593	11.08.2006
3-0009594	11.08.2006
3-0009801	18.10.2006
3-0010047	05.01.2007
3-0011075	04.10.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) SGD S.A. (FR)
1 rue du Général Leclerc - Immeuble Le Linéa - 92800 PUTEAUX, France

---

Quyết định sửa đổi số: 18675/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0008333 (15) Ngày cấp: 27.05.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CƠ SỞ VINA BA SAO (VN)
111/8 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19404/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0004526 (15) Ngày cấp: 05.10.1998

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VN)
913 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19406/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0007571	16.02.2004
3-0007833	05.08.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) SHURE INCORPORATED (US)
5800 West Touhy Avenue, Niles, IL 60714-4608, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 19422/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(11) Số Văn bằng	(15) Ngày cấp
3-0005078	04.06.1999
3-0007609	18.03.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VN)
913 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

c - Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định sửa đổi số: 18552/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0000590	02.02.1987
4-0000591	02.02.1987

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ANGOSTURA INTERNATIONAL LIMITED (CA)
C. Paul W. Smith, 44 Chipman Hill, Suite 1000, P.O. Box 7289, Stn. "A" Saint John, N.B. E2L 4S6, Canada

---

Quyết định sửa đổi số: 18553/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0017893	30.08.1995
4-0018435	16.10.1995

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ARKEMA FRANCE (FR)
420 rue d'Estienne d'Orves, 92700 COLOMBES, France

Quyết định sửa đổi số: 18556/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0090465 (151) Ngày cấp: 17.10.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN RÔBỐT (VN)
304 Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 18557/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0048746 (151) Ngày cấp: 20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15, dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 18558/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0033246 (151) Ngày cấp: 10.02.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ THÀNH PHÁT (VN)
1133/41A đường 3 tháng 2, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18560/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0056181 (151) Ngày cấp: 06.08.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀ LAN (VN)
52 Hoà Bình, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 18561/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0050336 (151) Ngày cấp: 03.11.2003

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) HỢP TÁC XÃ XE VẬN TẢI DU LỊCH TAXI 27/7 (VN)
103/4A Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18562/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0064495	05.07.2005
4-0064878	18.07.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ (VN)
10 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 18563/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0064567	07.07.2005
4-0077556	06.12.2006
4-0079944	12.03.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SÁNG VIỆT (VN)
359A, ấp Long Bình, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

---

Quyết định sửa đổi số: 18564/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0068201 (151) Ngày cấp: 18.11.2005
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) EarthTechnica Co., Ltd. (JP)
4, Kanda-Jimbocho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 18666/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0019423 (151) Ngày cấp: 16.12.1995
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Alpharma Limited (GB)
Whiddon Valley, Barnstaple, Devon EX32 8NS, England

Quyết định sửa đổi số: 18676/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0067936	10.11.2005
4-0067937	10.11.2005
4-0067938	10.11.2005
4-0082131	16.05.2007
4-0082250	21.05.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MAY THÊU GIÀY AN PHƯỚC (VN)
100/11 - 12 An Dương Vương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18677/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0033699	03.04.2000
4-0035609	06.12.2000
4-0038035	20.08.2001
4-0040545	02.04.2002
4-0041886	04.07.2002
4-0041887	04.07.2002
4-0052655	10.02.2004
4-0055743	20.07.2004
4-0055744	20.07.2004
4-0074421	15.08.2006
4-0082348	23.05.2007
4-0088021	10.09.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT TRÍ TUỆ (VN)
109 phố Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 18678/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0036512 (151) Ngày cấp: 02.03.2001

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) INVERNESS MEDICAL SWITZERLAND GMBH (CH)
Bahnhofstrasse 28, CH-6300 Zug, Switzerland

Quyết định sửa đổi số: 18679/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031073 (151) Ngày cấp: 21.05.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH ĐỈNH VÀNG (VN)
Số 1166 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

---

Quyết định sửa đổi số: 18681/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0039053 (151) Ngày cấp: 29.11.2001

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

Quyết định sửa đổi số: 18682/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031724 (151) Ngày cấp: 06.08.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN KIÊN GIANG (VN)
Số 39 đường Đinh Tiên Hoàng, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 18716/QĐ-SHTT, ngày: 03.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0043243 (151) Ngày cấp: 18.09.2002

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH ĐỨC HƯNG (VN)
545 đường 3/2, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 18991/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031180 (151) Ngày cấp: 05.06.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TƯỜNG VÂN (VN)
65 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18993/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030929	17.05.1999
4-0030953	17.05.1999
4-0033752	13.04.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)
One Franklin Plaza, 200 North 16th Street, Philadelphia, Pennsylvania, 19102 United States

---

Quyết định sửa đổi số: 18995/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0090763 (151) Ngày cấp: 25.10.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUẢNG CÁO SỐNG ĐẸP (VN)
94 đường số 28, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 18996/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0083457 (151) Ngày cấp: 27.06.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI EVER - FORTUNE (VN)
83B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 18998/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0045203 (151) Ngày cấp: 17.02.2003

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN UNITED MOTOR VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Nội Bài - huyện Sóc Sơn - thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 19000/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0045658	24.03.2003
4-0045918	02.04.2003
4-0061375	28.03.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT BẬT LỬA WEI HUA VIỆT NAM (VN)
Lô 2, khu chế xuất và công nghệ Linh Trung III, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

---

Quyết định sửa đổi số: 19001/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0090704 (151) Ngày cấp: 23.10.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH GALATEX VIỆT NAM (VN)
Số 8, xóm Chùa, thôn Đức Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19003/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0081452 (151) Ngày cấp: 24.04.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚ (VN)
Số 22 Nguyễn Huy Tự, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 19005/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0077246 (151) Ngày cấp: 24.11.2006

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NIFCO TAIWAN CORPORATION (TW)

7th FL, China General Plastic Bldg. No. 3, Tun Hwa S. Road., Sec. 1, Taipei, Taiwan

---

Quyết định sửa đổi số: 19008/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0066531	13.09.2005
4-0074856	30.08.2006
4-0075045	08.09.2006

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM BANG (VN)

37/31 đường Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19010/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0012023	30.05.1994
4-0015953	24.03.1995

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MITSUBISHI FUSO TRUCK AND BUS CORPORATION (JP)

890-12, Kashimada, Saiwai-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa, 212-0058, Japan

---

Quyết định sửa đổi số: 19012/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031137 (151) Ngày cấp: 30.05.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NIHON VICTAULIC KABUSHIKI KAISHA (Also trading as THE VICTAULIC CO., OF JAPAN LTD.) (JP)

1-1, Uchisaiwaicho 2-Chome, Chiyoda-Ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 19016/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0026961 (151) Ngày cấp: 13.05.1998

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐỨC PHÁT BAKERY (VN)

Lô số 22 đường Trung Tâm, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19017/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0010696 (151) Ngày cấp: 03.01.1994

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) HỢP TÁC XÃ DỆT MAY DUY TRINH (VN)

Thôn 3, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam

Quyết định sửa đổi số: 19018/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0048866 (151) Ngày cấp: 20.06.2003

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚ THÁI (VN)

Số 186 Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19019/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0086301	17.08.2007
4-0086302	17.08.2007
4-0086501	17.08.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY LUẬT HỢP DANH CHU KHANH (VN)

21 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19020/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0045041 (151) Ngày cấp: 07.02.2003
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH (VN)
Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 19021/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0049299 (151) Ngày cấp: 20.06.2003
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY (VN)
Số 20, đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19022/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0035393 (151) Ngày cấp: 08.11.2000
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)
59/4 quốc lộ 80, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Quyết định sửa đổi số: 19024/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0035212 (151) Ngày cấp: 20.10.2000
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KEM THỊNH PHÁT (VN)
3/19 quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19025/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0075819 (151) Ngày cấp: 06.10.2006
Mục sửa đổi: Giảm danh mục hàng hoá/ dịch vụ mang nhãn hiệu
Nội dung mới:
(511) Nhóm 03: Các sản phẩm chống tích điện dùng trong gia đình; các sản phẩm khử chất béo dùng trong gia đình; các chế phẩm dùng để cạo gỉ; benzin để tẩy sạch vết bẩn; các chất làm mềm vải sử dụng cho giặt là quần áo; các chất tẩy trắng quần áo; các chất dính dùng để

dính tóc giả; các chất dính dùng để dính lông mi giả; hồ bột để giặt là; chất gêlatin tảo biển sử dụng cho giặt là quần áo; các chế phẩm dùng để tẩy sơn; kem dùng để đánh bóng giầy và ủng; kem dùng để đánh bóng giầy đen [đánh bóng giầy]; các chất dùng để đánh bóng; các loại xà phòng và các loại bột giặt; thuốc đánh răng; mỹ phẩm và đồ trang điểm, trừ các sản phẩm chăm sóc da; giấy mài [giấy ráp]; vải sợi mài; cát để đánh bóng; đá bọt nhân tạo; giấy dùng để đánh bóng; vải sợi dùng để đánh bóng; móng giả; lông mi giả.

Quyết định sửa đổi số: 19026/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0081221	17.04.2007
4-0081222	17.04.2007
4-0081223	17.04.2007
4-0081224	17.04.2007
4-0084407	16.07.2007
4-0090459	17.10.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA QUỐC TẾ (VN)
Km29 quốc lộ 6, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

Quyết định sửa đổi số: 19027/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0027188 (151) Ngày cấp: 06.06.1998

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

VIT_ METAL

Quyết định sửa đổi số: 19029/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0082643 (151) Ngày cấp: 04.06.2007

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

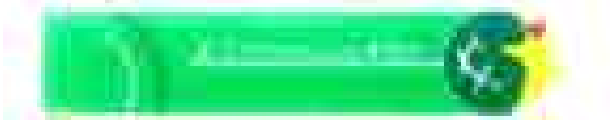

Quyết định sửa đổi số: 19090/QĐ-SHTT, ngày: 06.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0080985 (151) Ngày cấp: 12.04.2007
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

Quyết định sửa đổi số: 19091/QĐ-SHTT, ngày: 06.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0074481 (151) Ngày cấp: 17.08.2006
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

Quyết định sửa đổi số: 19152/QĐ-SHTT, ngày: 07.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0029843	27.02.1999
4-0030614	31.03.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

Quyết định sửa đổi số: 19154/QĐ-SHTT, ngày: 07.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0065837 (151) Ngày cấp: 12.08.2005
Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá
Nội dung mới:
(540)

Quyết định sửa đổi số: 19299/QĐ-SHTT, ngày: 10.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0011644	25.04.1994
4-0011645	25.04.1994
4-0011646	25.04.1994
4-0011647	25.04.1994
4-0011648	25.04.1994
4-0011666	26.04.1994
4-0011792	16.05.1994
4-0011793	16.05.1994
4-0011794	16.05.1994
4-0011795	16.05.1994
4-0011929	26.05.1994
4-0012044	04.06.1994
4-0012045	04.06.1994
4-0012046	04.06.1994
4-0012047	04.06.1994
4-0012048	04.06.1994
4-0012049	04.06.1994
4-0012495	06.07.1994
4-0012496	06.07.1994
4-0014113	07.11.1994
4-0014402	30.11.1994
4-0015007	11.01.1995
4-0018252	20.09.1995
4-0021571	17.07.1996
4-0021572	17.07.1996
4-0021573	17.07.1996
4-0021574	17.07.1996
4-0021575	17.07.1996
4-0021576	17.07.1996
4-0021701	30.07.1996

4-0021702	30.07.1996
4-0021703	30.07.1996
4-0021996	16.08.1996
4-0022981	08.11.1996
4-0023477	27.12.1996
4-0023479	27.12.1996
4-0023480	27.12.1996
4-0024361	14.05.1997
4-0025003	04.09.1997
4-0025044	06.09.1997
4-0025587	19.11.1997
4-0026506	26.02.1998
4-0027226	10.06.1998
4-0027969	20.08.1998
4-0030739	24.04.1999
4-0030774	28.04.1999
4-0030987	18.05.1999
4-0032052	10.09.1999
4-0032796	13.12.1999
4-0033074	10.01.2000
4-0033323	22.02.2000
4-0034416	17.07.2000
4-0035172	17.10.2000
4-0035173	17.10.2000
4-0035976	11.01.2001
4-0036240	12.02.2001
4-0036390	19.02.2001
4-0042764	13.08.2002
4-0042765	13.08.2002
4-0042766	13.08.2002
4-0042767	13.08.2002
4-0042880	15.08.2002
4-0042881	15.08.2002
4-0045271	24.02.2003
4-0045272	24.02.2003

4-0045273	24.02.2003
4-0045274	24.02.2003
4-0045275	24.02.2003
4-0046418	29.04.2003
4-0047177	04.06.2003
4-0047241	06.06.2003
4-0048120	19.06.2003
4-0048121	19.06.2003
4-0048122	19.06.2003
4-0048123	19.06.2003
4-0050018	20.06.2003
4-0050193	23.10.2003
4-0053583	30.03.2004
4-0053584	30.03.2004
4-0056177	05.08.2004
4-0056189	06.08.2004
4-0056581	25.08.2004
4-0058743	25.11.2004
4-0058744	25.11.2004
4-0080924	11.04.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANOFI - SYNTHELABO VIỆT NAM (VN)
10 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 19424/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0051245	09.12.2003
4-0052422	03.02.2004

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) RVS-Tec Oy (FI)
Pulttitie 6, 00880 Helsinki, Finland

Quyết định sửa đổi số: 19425/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032027 (151) Ngày cấp: 09.09.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) FIRST INTERNATIONAL COMPUTER, INC. (CN)
8F, No. 300, Yang Guang St., Neihu, Taipei, Taiwan 114

Quyết định sửa đổi số: 19427/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0092024 (151) Ngày cấp: 22.11.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI CHỢ TRIỂN LÃM VÀ QUẢNG CÁO VIỆT NAM (VN)
Tầng 5, toà nhà Báo Biên Phòng, số 40A phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19428/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030674 (151) Ngày cấp: 12.04.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) 1. MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)
33-8, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
2. MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)
14-1, Shiba 4-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 19429/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0034809	08.09.2000
4-0034810	08.09.2000
4-0034811	08.09.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Kabushiki Kaisha Sega d/b/a Sega Corporation (JP)
2-12, Haneda 1-chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 19430/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0071542 (151) Ngày cấp: 21.04.2006

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỸ SƠN (VN)

39 đường số 41, phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 19431/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0078728 (151) Ngày cấp: 19.01.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUỐC HOÀ (VN)

Cụm công nghiệp Phong Phú, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

---

Quyết định sửa đổi số: 19544/QĐ-SHTT, ngày: 13.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030674 (151) Ngày cấp: 12.04.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) 1. MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)

33-8, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

2. MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)

14-1, Shiba 4-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 19606/QĐ-SHTT, ngày: 14.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030148	15.03.1999
4-0030975	17.05.1999
4-0030976	17.05.1999
4-0033260	16.02.2000

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

200 Glenridge Point Parkway Suite 200, Atlanta, Georgia 30342, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 19972/QĐ-SHTT, ngày: 19.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0042048 (151) Ngày cấp: 12.07.2002
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SILICOM (VN)
5 Quốc Tử Giám, phường Văn Chương, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 20020/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0030406 (151) Ngày cấp: 26.03.1999
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Gallaher Sweden AB (SE)
Box 24155, 104 51 Stockholm, Sweden

Quyết định sửa đổi số: 20041/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0029670 (151) Ngày cấp: 09.02.1999
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) DONGWHA PATINNA NZ LIMITED (US)
Mataura-Edendale Highway, RD4, Gore, New Zealand

Quyết định sửa đổi số: 20062/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007
(111) Số Văn bằng: 4-0081885 (151) Ngày cấp: 09.05.2007
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐỊA MÃ (VN)
129-131 Vành Đai Trong, khu phố 2, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20063/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031762	11.08.1999
4-0031763	11.08.1999

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MAY PHỤNG HOÀNG (VN)
20 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20066/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031149 (151) Ngày cấp: 05.06.1999
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HIỆP PHONG (VN)
1719 khu phố 5, tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20067/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0029699	10.02.1999
4-0066364	06.09.2005
4-0066365	06.09.2005

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MỸ QUAN (VN)
3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20070/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0012270 (151) Ngày cấp: 24.06.1994
Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY DỆT - NHUỘM - IN BÔNG TƯỜNG PHÁT (TNHH) (VN)
633/27/2-4 Hồng Bàng, phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 20071/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0046008	09.04.2003
4-0046023	10.04.2003
4-0046024	10.04.2003
4-0046123	14.04.2003
4-0049741	20.06.2003
4-0049810	20.06.2003
4-0050090	23.10.2003
4-0055232	29.06.2004
4-0055299	30.06.2004
4-0059993	24.01.2005
4-0059994	24.01.2005
4-0060527	25.02.2005
4-0061953	18.04.2005
4-0062719	13.05.2005
4-0064778	14.07.2005
4-0064779	14.07.2005
4-0064780	14.07.2005
4-0066122	24.08.2005
4-0071987	15.05.2006
4-0071988	15.05.2006
4-0072510	02.06.2006
4-0073359	29.06.2006
4-0076162	17.10.2006
4-0076480	30.10.2006
4-0078308	09.01.2007
4-0081034	12.04.2007
4-0081666	03.05.2007
4-0084680	20.07.2007
4-0085088	31.07.2007
4-0086497	17.08.2007

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NATA - HOA LINH (VN)
Số 1, đường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 19974/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0000472 (151) Ngày cấp: 21.08.1986

Mục sửa đổi: Tên và/ hoặc địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MG Rover Group Limited (GB)
International Headquarters, Longbridge, Birmingham, West Midlands B31 2TB, United Kingdom

---

II - GIA HẠN HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Gia hạn Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định gia hạn số: 18665/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0008111 (18) Gia hạn đến ngày: 22.11.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CLIPSAL AUSTRALIA PTY LTD. (AU)
12 Park Terrace, BOWDEN, South Australia, 5007, Australia

Quyết định gia hạn số: 18668/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0008081 (18) Gia hạn đến ngày: 31.12.2012
(73) Chủ Văn bằng:
Sanyo Electric Co., Ltd. (JP)
5-5, Keihanhondori 2-chome, Moriguchi-shi, Osaka, Japan

Quyết định gia hạn số: 18930/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0007646 (18) Gia hạn đến ngày: 25.12.2012
(73) Chủ Văn bằng:
RINNAI KABUSHIKI KAISHA (JP)
2-ban, 26-gou, Fukuzumi-cho, Nakagawa-ku, Nagoya-shi, Aichi-ken, Japan

---

Quyết định gia hạn số: 18999/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0007717 (18) Gia hạn đến ngày: 25.11.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH ĐẠI THẮNG (VN)
101 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

---

Quyết định gia hạn số: 19405/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0004526 (18) Gia hạn đến ngày: 29.04.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VN)
913 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 19407/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007571	11.07.2012
3-0007833	11.07.2012

(73) Chủ Văn bằng:
SHURE INCORPORATED (US)
5800 West Touhy Avenue, Niles, IL 60714-4608, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 19408/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0008130	05.12.2012
3-0008131	05.12.2012
3-0008360	05.12.2012
3-0009089	21.01.2013
3-0009512	21.01.2013

(73) Chủ Văn bằng:
Merz & Krell GmbH & Co. KGaA (DE)
Bahnhofstrasse 76, 64401 Gross-Bieberau, Germany

Quyết định gia hạn số: 19409/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007481	18.12.2012
3-0007499	31.12.2012

(73) Chủ Văn bằng:
UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, Netherlands

Quyết định gia hạn số: 19410/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007543	05.12.2012
3-0007544	05.12.2012
3-0007607	24.12.2012

(73) Chủ Văn bằng:
CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)
30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 19423/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005078	07.01.2013
3-0007609	11.09.2012

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VN)
913 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 19995/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(11) Số Văn bằng: 3-0007903 (18) Gia hạn đến ngày: 24.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH KIÊN GIANG COMPOSITE (VN)
1308 Nguyễn Trung Trực, phường An Hoà, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

---

b - Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định gia hạn số: 18391/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031438 (186) Gia hạn đến ngày: 01.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 18392/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031436 (186) Gia hạn đến ngày: 01.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 18393/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031437 (186) Gia hạn đến ngày: 01.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC (VN)
367 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 18394/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030062 (186) Gia hạn đến ngày: 29.09.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ TÂN MAI (VN)
528/48 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 21
(512)

Quyết định gia hạn số: 18395/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030708	31.12.2017	01
4-0030709	31.12.2017	02
4-0030710	31.12.2017	03
4-0030711	31.12.2017	04
4-0030712	31.12.2017	05
4-0030713	31.12.2017	09

4-0030714	31.12.2017	12
4-0030715	31.12.2017	13
4-0030716	31.12.2017	16
4-0030717	31.12.2017	17
4-0030718	31.12.2017	19
4-0030719	31.12.2017	39
4-0030720	31.12.2017	40
4-0030721	31.12.2017	41
4-0032207	31.12.2017	35
4-0032208	31.12.2017	42
4-0033299	24.03.2018	01, 02, 03, 04, 05, 09, 12, 13, 16, 17, 19, 35, 37, 39, 40, 41, 42
4-0033666	31.12.2017	37
4-0033735	24.03.2018	01, 02, 03, 04, 05, 09, 12, 13, 16, 17, 19, 35, 37, 39, 40, 41, 42

(732) Chủ Văn bằng:
ORICA AUSTRALIA PTY LTD. (AU)
1 Nicholson Street, Melbourne, Victoria, 3000, Australia

Quyết định gia hạn số: 18396/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030775 (186) Gia hạn đến ngày: 05.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SCOTT BADER COMPANY LIMITED (GB)
Wollaston, Wellingborough, Northamptonshire, NN29 7RL, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 18397/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032257 (186) Gia hạn đến ngày: 25.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 18398/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032258 (186) Gia hạn đến ngày: 25.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 18399/QĐ-SHTT, ngày: 26.11.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0028463	20.05.2017	42
4-0028464	20.05.2017	42

(732) Chủ Văn bằng:
NBA PROPERTIES, INC. (US)
Olympic Tower Bldg., 645 Fifth Avenue, New York, New York 10022, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 18559/QĐ-SHTT, ngày: 29.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0033246 (186) Gia hạn đến ngày: 15.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ THÀNH PHÁT (VN)
1133/41A đường 3 tháng 2, phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 18667/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0019423 (186) Gia hạn đến ngày: 23.05.2015
(732) Chủ Văn bằng:
Alpharma Limited (GB)
Whiddon Valley, Barnstaple, Devon EX32 8NS, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 18669/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030921 (186) Gia hạn đến ngày: 03.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KAO KABUSHIKI KAISHA (Also trading as KAO CORPORATION) (JP)
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-Chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 18670/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030915	09.01.2018	12
4-0030916	09.01.2018	12
4-0038749	09.01.2018	12
4-0046271	09.01.2018	12

(732) Chủ Văn bằng:
OPEL EISENACH GMBH (DE)
Adam-Opel-Strasse 100, 99817 Eisenach, Germany

Quyết định gia hạn số: 18671/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030397 (186) Gia hạn đến ngày: 24.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
BALENCIAGA SA (FR)
15 Rue Cassette Paris (FR) F-75006 France
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 18672/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030444 (186) Gia hạn đến ngày: 29.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
KABUSHIKI KAISHA KAWAMURA (JP)
14, Tomoe, Bessho-cho, Miki-shi, Hyogo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 18673/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030970	15.12.2017	09, 28
4-0031552	28.03.2018	09, 28

(732) Chủ Văn bằng:
Kabushiki Kaisha Bandai (JP)
4-8, Komagata 1-chome, Taito-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 18674/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030529	09.12.2017	33
4-0030530	09.12.2017	33
4-0030531	09.12.2017	33
4-0030533	09.12.2017	33
4-0030636	09.12.2017	33
4-0032838	14.04.2018	32, 33

(732) Chủ Văn bằng:
E. & J. GALLO WINERY (US)
600 Yosemite Boulevard Modesto, California 95354, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 18680/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031073 (186) Gia hạn đến ngày: 12.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH ĐỈNH VÀNG (VN)
Số 1166 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 18683/QĐ-SHTT, ngày: 30.11.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031724 (186) Gia hạn đến ngày: 04.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN KIÊN GIANG (VN)
Số 39 đường Đinh Tiên Hoàng, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 18684/QĐ-SHTT, ngày: 03.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0029367 (186) Gia hạn đến ngày: 29.05.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ARCOR S.A.I.C. (AG)
Maipu 1210, 2nd Floor, Buenos Aires, Argentina
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 18685/QĐ-SHTT, ngày: 03.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030330 (186) Gia hạn đến ngày: 17.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
SHURTAPE TECHNOLOGIES, INC. (US)
1985 Tate Boulevard, S.E. P.O. Drawer 2228 Hickory, North Carolina 28603, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 17

Quyết định gia hạn số: 18706/QĐ-SHTT, ngày: 03.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0023945 (186) Gia hạn đến ngày: 03.05.2016
(732) Chủ Văn bằng:
FULLMAN CORPORATION LIMITED (HK)
2303-5, 23rd Floor, 113 Argyle Street, Mongkok, Kowloon, HongKong
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 18931/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0033177 (186) Gia hạn đến ngày: 24.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ KIM NGA (VN)
165/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 18932/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028754 (186) Gia hạn đến ngày: 19.06.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ORICA AUSTRALIA PTY LTD (AU)
1 Nicholson Street, Melbourne, Victoria, 3000, Australia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 18933/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032430 (186) Gia hạn đến ngày: 09.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
EVEREADY BATTERY COMPANY, INC. (US)
533 Maryville University Drive, St. Louis, Missouri 63141, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 11

Quyết định gia hạn số: 18934/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0029067 (186) Gia hạn đến ngày: 25.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ SOSO (VN)
Toor 83, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 18935/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030475 (186) Gia hạn đến ngày: 24.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
DAIICHI FINE CHEMICAL CO., LTD. (JP)
530 Chokeji, Takaoka, Toyama, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 18936/QĐ-SHTT, ngày: 04.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0029535 (186) Gia hạn đến ngày: 06.09.2017
(732) Chủ Văn bằng:
TWIN LABORATORIES INC. (US)
2120 Smithtown Avenue City of Ronkonkoma, State of New York 11779, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 18992/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031180 (186) Gia hạn đến ngày: 17.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TƯỜNG VÂN (VN)
65 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 18994/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030929	12.02.2018	05
4-0030953	04.03.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
SMITHKLINE BEECHAM CORPORATION (US)
One Franklin Plaza, 200 North 16th Street, Philadelphia, Pennsylvania, 19102 United States

---

Quyết định gia hạn số: 18997/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0028876	18.03.2017	09, 38
4-0029024	20.05.2017	38, 41
4-0029028	23.05.2017	38

(732) Chủ Văn bằng:
AT & T CORP. (US)
32 Avenue of the Americas, New York City, New York 10013-2412, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 19002/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031947	07.05.2018	42
4-0031948	07.05.2018	42

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN (VN)
41-47 Đông Du, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 19004/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0038847 (186) Gia hạn đến ngày: 11.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
TSUBAKIMOTO CHAIN CO. (JP)
17-96,Tsurumi 4-chome, Tsurumi-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 19006/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030584 (186) Gia hạn đến ngày: 12.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
SPEC (OFFSHORE) S.A.L. (LB)
Boulevard Dora, Bardawil Bldg., Beirut, Lebanon
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 19007/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031520 (186) Gia hạn đến ngày: 04.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
THE DOW CHEMICAL COMPANY (US)
Midland, Michigan, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 19009/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0033582 (186) Gia hạn đến ngày: 23.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Manchester United Limited (GB)
Sir Matt Busby Way, Old Trafford, Manchester, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 20, 26

Quyết định gia hạn số: 19011/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030086 (186) Gia hạn đến ngày: 14.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
COLTEC NORTH COROLINA INC. (US)
3 Coliseum Centre, 2550 West Tyvola Road, Charlotte, North Corolina 29217, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 04, 06, 07, 08, 09, 17, 42

Quyết định gia hạn số: 19013/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031150 (186) Gia hạn đến ngày: 12.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI TỨ HƯNG (VN)
56 Huỳnh Mẫn Đạt, phường 19, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 19014/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031137 (186) Gia hạn đến ngày: 18.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
NIHON VICTAULIC KABUSHIKI KAISHA (Also trading as THE VICTAULIC CO., OF JAPAN LTD.) (JP)
1-1, Uchisaiwaicho 2-Chome, Chiyoda-Ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06, 17

Quyết định gia hạn số: 19015/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031855	03.04.2018	05
4-0031856	03.04.2018	05
4-0031857	03.04.2018	05
4-0031858	03.04.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
O.P.V. INTERNATIONAL, INC. (US)
40 Central Park South, Suite 12H New York, New York, 10019 U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 19023/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0035393 (186) Gia hạn đến ngày: 30.09.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)
59/4 quốc lộ 80, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 19028/QĐ-SHTT, ngày: 05.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0027188 (186) Gia hạn đến ngày: 11.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH VIT-METAL (VN)
Km 9, đường cao tốc Thăng Long-Nội Bài, thôn Gia Trung, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 19153/QĐ-SHTT, ngày: 07.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029843	18.09.2017	36
4-0030614	18.09.2017	36

(732) Chủ Văn bằng:
THE TOKAI BANK LTD. (JP)
21-24, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya, 460 Japan

Quyết định gia hạn số: 19195/QĐ-SHTT, ngày: 07.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032034 (186) Gia hạn đến ngày: 26.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GLAXO GROUP LIMITED (GB)
Glaxo Wellcome House, Berkeley Avenue, Greenford, Middlesex, UB6 ONN, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05, 10

Quyết định gia hạn số: 19196/QĐ-SHTT, ngày: 07.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030617	18.12.2017	01, 04, 05, 06, 08, 10, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 23, 28, 29, 31, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42
4-0030618	18.12.2017	01, 04, 05, 06, 08, 10, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 23, 28, 29, 31, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42

(732) Chủ Văn bằng: DAEWOO CORPORATION
#541, Namdaemunno 5-Ga, Chung-Gu, Seoul, Korea

Quyết định gia hạn số: 19258/QĐ-SHTT, ngày: 10.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031782 (186) Gia hạn đến ngày: 07.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ZIPPO MANUFACTURING COMPANY (US)
33 Barbour Street, Bradford, PA 16701
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 19400/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032782 (186) Gia hạn đến ngày: 13.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY BÀO CHẾ ĐÔNG DƯỢC THIÊN HƯNG (TNHH) (VN)
2 Phạm Ngũ Lão, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19401/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0029973 (186) Gia hạn đến ngày: 03.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
The Gillette Company (US)
Prudential, Tower Building, Boston, Massachusetts, 02199, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 19402/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0034332 (186) Gia hạn đến ngày: 22.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CABLE AND WIRELESS PLC (GB)
124 Theobalds Road, London WC1X 8RX, United Kingdom
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 16, 35, 36, 37, 38, 42

Quyết định gia hạn số: 19403/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031200 (186) Gia hạn đến ngày: 28.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TCL CORPORATION (CN)
No. 19 Zone, Zhongkai High Technology Development Zone, Huizhou, Guangdong, China
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 19411/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0000874 (186) Gia hạn đến ngày: 26.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
Công ty TOYO BOSEKI KABUSHIKI KAISHA (TOYOBO CO., LTD) (JP)
2-8, Dojima Hama 2-chome, Kita-ku, Osaka, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 22, 23, 24, 25

Quyết định gia hạn số: 19412/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031251 (186) Gia hạn đến ngày: 19.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
UPM-KYMMENE CORPORATION (FI)
Etelaesplanadi 2, 00130 Helsinki, Finland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 19413/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032934	07.02.2018	29, 30
4-0032935	07.02.2018	29, 30
4-0032936	07.02.2018	29, 30

(732) Chủ Văn bằng:
A.G.V. PRODUCTS CORP. (TW)
No. 11, Kung Yeh 2Rd., Min Hsiong Ind. District Chia - Yi, Taiwan

---

Quyết định gia hạn số: 19414/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030968 (186) Gia hạn đến ngày: 15.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ABACUS INTERNATIONAL HOLDINGS LTD. (KY)
Fourth Floor, One Capital Place, P.O. Box 847, Grand Cayman, Cayman Islands, British West Indies
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 38

Quyết định gia hạn số: 19415/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032778 (186) Gia hạn đến ngày: 26.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PFIZER INC. (US)
235 East 42nd Street, New York, New York 10017, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 19416/QĐ-SHTT, ngày: 11.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031433 (186) Gia hạn đến ngày: 11.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
A.C. NIELSEN COMPANY (US)
150 North Martingale Road, Schaumburg, Illinois, 60173, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 19417/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032271 (186) Gia hạn đến ngày: 16.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VIỆT TRUNG (VN)
Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 19419/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030640 (186) Gia hạn đến ngày: 01.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ VẠN VÂN (VN)
128 Lê Lai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 19420/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028045 (186) Gia hạn đến ngày: 18.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
FADEX SRL (IT)
Comm. Dept. Via Montessori 3-25066 Lumezzane Admin. Via Moretto 2725121 Brescia-Italy
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 19426/QĐ-SHTT, ngày: 12.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032027 (186) Gia hạn đến ngày: 29.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
FIRST INTERNATIONAL COMPUTER, INC. (CN)
8F, No. 300, Yang Guang St., Neihu, Taipei, Taiwan 114
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 19545/QĐ-SHTT, ngày: 13.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030674 (186) Gia hạn đến ngày: 15.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
1. MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)
33-8, Shiba 5-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
2. MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)
14-1, Shiba 4-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 19607/QĐ-SHTT, ngày: 14.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0015221 (186) Gia hạn đến ngày: 06.08.2014
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ ĐÔNG DƯƠNG (INDOCHINE) (VN)
16 Nam Ngư, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 19608/QĐ-SHTT, ngày: 14.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0033366 (186) Gia hạn đến ngày: 27.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY XĂNG DẦU BÀ RỊA - VŨNG TÀU (VN)
212A Lê Lợi, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 19609/QĐ-SHTT, ngày: 14.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028323 (186) Gia hạn đến ngày: 08.05.2017
(732) Chủ Văn bằng:
QT, INC. (US)
680 Fargo Avenue, Elk Grove Village, Illinois U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 14

Quyết định gia hạn số: 19610/QĐ-SHTT, ngày: 14.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0028837 (186) Gia hạn đến ngày: 11.06.2017
(732) Chủ Văn bằng:
WM. WRIGLEY JR. COMPANY A STATE OF DELAWARE CORPORATION (US)
410 North Michigan Avenue, Chicago, Illinois 60611, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 20016/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0068881 (186) Gia hạn đến ngày: 11.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
KABUSHIKI KAISHA PFU (JP)
Aza Unoke Nu 98-2, Unoke-machi, Kahoku-gun, Ishikawa-ken, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 16, 37, 42

Quyết định gia hạn số: 20017/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031193	19.03.2018	03
4-0031746	20.04.2018	03

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ LƯU HIỆP THÀNH AAA (VN)
658/6 Phạm Văn Chí, phường 8, quận 6, TP. Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 20018/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032895 (186) Gia hạn đến ngày: 14.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM (VN)
Số 04, đường 30/4, thị xã Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20019/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0032999 (186) Gia hạn đến ngày: 21.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 20021/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030406 (186) Gia hạn đến ngày: 20.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
Gallaher Sweden AB (SE)
Box 24155, 104 51 Stockholm, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 20064/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031762	15.04.2018	25, 42
4-0031763	15.04.2018	25

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH MAY PHỤNG HOÀNG (VN)
20 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 20065/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0031149 (186) Gia hạn đến ngày: 24.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HIỆP PHONG (VN)
1719 khu phố 5, tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 02

Quyết định gia hạn số: 20068/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0029699 (186) Gia hạn đến ngày: 23.09.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MỸ QUAN (VN)
3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 37

Quyết định gia hạn số: 19973/QĐ-SHTT, ngày: 20.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0000472 (186) Gia hạn đến ngày: 19.03.2016
(732) Chủ Văn bằng:
1. CÔNG TY LAND ROVER UK LIMITED (GB)
106 Oxford Road, Uxbridge, Middlesex, UB8 1EH, England
2. MG Rover Group Limited (GB)
International Headquarters, Longbridge, Birmingham, West Midlands B31 2TB, United Kingdom
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 20202/QĐ-SHTT, ngày: 24.12.2007

(111) Số Văn bằng: 4-0030900 (186) Gia hạn đến ngày: 05.11.2017

(732) Chủ Văn bằng:
D LINE INTERNATIONAL AS (DK)
Carl Jacobsensvej 28, Valby DK-1790 Copenhagen V-Denmark

(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06, 21

Chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa:

Theo Quyết định số 1452/QĐ-SHTT, ngày 21 tháng 11 năm 2007

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 70071 cấp ngày 14.02.2006 kể từ ngày 01/10/2007.

Theo Quyết định số 1592/QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 12 năm 2007

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 10709 cấp ngày 03.01.1994 kể từ ngày 16/10/2007.

Theo Quyết định số 1584/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Chấm dứt hiệu lực của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1458/ĐKHĐSD cấp ngày 14.02.2007 kể từ ngày 10/12/2007.

Đình chỉ hiệu lực Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa:

Theo Quyết định số 539/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 06 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực tại Việt Nam của Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa số 711464 của Công ty SYNGENTA PARTICIPATIONS AG (Schwarzwaldallee 215, CH-4058 Basel (CH)) nhãn hiệu bảo hộ : "KIRI" đối với các sản phẩm thuộc nhóm 05 theo đề nghị của Công ty Sở hữu công nghiệp INVESTIP.

Theo Quyết định số 803/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 07 năm 2007

Đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 57503 của Cơ sở Hóa mỹ phẩm NCC (số 266, tổ 40 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân , Hà Nội) nhãn hiệu bảo hộ: "INTELSOFT" đối với các sản phẩm "Dầu gội đầu, kem bôi da, sữa tắm, nước rửa bát" thuộc nhóm 03 theo đề nghị của Công ty VCCI-IP.

Thu hồi Quyết định về sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa:

Theo Quyết định số 804/QĐ-SHTT, ngày 17 tháng 07 năm 2007

Thu hồi Quyết định số A 1297/QĐ-DDK ngày 13.02.2006 về việc sửa đổi tên/ địa chỉ chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 39059 bảo hộ nhãn hiệu "Phú Lễ, hình" theo đề nghị của Công ty Sở hữu công nghiệp INVESTIP.

PHẦN VII

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

I . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3086/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1279/QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 10 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 23/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **SOCIETE FINANCIERE DES DEUX PIERRE (FR)**
La Varenne Saint Hilaire (Val-de-Marne) No.9/11 Avenue de L'Alma, France.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SAN MIGUEL PURE FOODS (VN)**
Xã Lái Hưng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LE GOURMET , hình	75066	08/09/2006	10/09/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3104/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1372/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao.

Ngày ký: 24/12/2006.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DÂY CÁP ĐIỆN TÂN CƯỜNG THÀNH (VN)**
426 Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TÂN CƯỜNG THÀNH (VN)**
426 Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TÂN CƯỜNG THÀNH	11927	26/05/1994	03/04/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3105/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1373/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 15/02/2007.

Bên chuyển nhượng: **55DSL S.A. (LU)**
Avenue de la Gare, 55-L-1611 Luxembourg.

Bên được chuyển nhượng: **55DSL AG (SZ)**
Walchestrasse 27 - 8006 Zurich (Switzerland).

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	**Tên đối tượng**	*Số GCN*	**Ngày cấp**	**Ngày hết hạn**
1	DIESEL 55 DSL	34147	31/05/2000	19/04/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3106/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1374/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 13/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **MUDD, LLC (US)**
1407 Broadway, New York, New York 10018, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **MUDD (USA) LLC (US)**
1407 Broadway, New York, New York 10018, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MUDD	41662	13/06/2002	07/05/2011
2	Hình	48560	20/06/2003	24/06/2012
3	MUDD	51300	10/12/2003	20/09/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3107/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1375/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu.

Ngày ký: 18/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ NGỌC DUNG (VN)**
132/9/16 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỆT MAY NGUYÊN DUNG (VN)**
Số 10 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PAL TAL, hình	41049	08/05/2002	07/05/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3108/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1376/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 22/01/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 16/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN GIANG CHÂU (VN)**
4/4 Ngô Quyền, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Bên được chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HUỲNH LAI (VN)**
04 Ngô Quyền, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HUỲNH LAI	58506	17/11/2004	14/07/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3109/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1377/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 14/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ MINH ANH (VN)**
72C/34 Bình Thới, phường 14, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **ĐOÀN THỊ QUÝ (VN)**
017 lô N cc Nguyễn Kim, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CALI HOA ELECTRONICS, hình	51470	16/12/2003	05/08/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3110/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1378/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 09/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **HU KIM AI (MY)**
No.6, Jalan SBC 8, Taman Sri Batu Caves 68100 Batu Caves, Selangor, Malaysia.

Bên được chuyển nhượng: **GENEVE HOLDINGS SDN. BHD (MY)**
No.8, Jalan S.B.C.8, Taman Sri Batu Caves, 68100 Batu Caves, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BLANSACAR, hình	30334	22/03/1999	17/11/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3111/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1379/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 20/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HOÀ BÌNH (VN)**
Số 38 phố Hàng Tre, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HOÀNG ANH (VN)**
Phòng 2-3, tầng 5, tòa nhà Vincom, số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PALOMA CAFE	50542	18/11/2003	02/10/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3112/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1380/QĐ-SHTT, ngày 01 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 24/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI BÌNH HIỀN (VN)**
781/C9 Lê Hồng Phong (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MÊ KÔNG (VN)**
781/C9 Lê Hồng Phong (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KIWA	28546	23/10/1998	24/05/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3113/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1383/QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP HUY HÙNG (VN)**
Số 218 phố Huế, phường phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN PHÚC (VN)**
Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LUCKY STAR, hình	47456	12/06/2003	14/09/2010

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3114/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1393/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng sáng chế.

Ngày ký: 12/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **MERCK PATENT GMBH (DE)**
Frankfurter Strasse 250, D-64293 Darmstadt, Germany.

Bên được chuyển nhượng: **TIOGA PHARMACEUTICALS, INC. (US)**
C/O Forward Ventures, 9393 Towne Centre Dr., Suite 200, San Diego, California 9121, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các sáng chế đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Quy trình điều chế N-Metyl-N-[(1S)-1-Phenyl- 2-((3S)-3- Hyđroxypyroliđin-1-yl)etyl]- 2,2-điphenylaxetamit	4106	10/02/2004
2	Sử dụng N-metyl-N-[(1S)-1-phenyl-2-((3S)-3-hyđroxypyroliđin- 1 -yl)etyl]-2,2-điphenylaxetamit để bào chế thuốc dùng để điều trị các rối loạn đường ruột không phải do viêm	5036	05/07/2005

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3115/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1394/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 31/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ HẢI THƯỢNG (VN)**
152/45/43B Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **TRẦN QUỐC TRUNG (VN)**
3143 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	THẢO NAM SƠN, hình	36320	13/02/2001	29/05/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3116/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1395/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 26/01/2006.

Bên chuyển nhượng: **DUNLOPILLO LIMITED (GB)**
Station Road, Pannal, Harrogate, North Yorkshire, HG3 1JL, United Kingdom.

Bên được chuyển nhượng: **DUNLOPILLO (MALAYSIA) SDN BHD (MY)**
1st Floor, Sime Darby Malaysia Region Centre, Jalan Kewajipan, 47600, Subang Jaya, Malaysia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	FIRMREST	20489	22/04/1996	02/08/2015
2	WHITE CLOUD	20491	22/04/1996	02/08/2015
3	SPRING JOY	27284	18/06/1998	02/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3117/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1396/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 27/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **MOSSIMO, INC. (US)**
2016 Broadway, Santa Monica, California 90404, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **MOSSIMO HOLDINGS LLC. (US)**
103 Foulk Road, Wilmington, DE 19803, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MOSSIMO	13903	27/10/1994	07/02/2014
2	MOSSIMO	17405	27/07/1995	26/11/2014
3	MOSSIMO	22118	05/09/1996	24/06/2014
4	MOSSIMO	27883	06/08/1998	25/03/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3118/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1397/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Thỏa thuận chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 29/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **BRISTOL-MYERS SQUIBB COMPANY (US)**
345 Park Avenue, New York 10154, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **LION CORPORATION (JP)**
3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BUFFERIN	6096	18/09/1992	19/03/2012
2	EXCEDRIN	6099	18/09/1992	19/03/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3119/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1398/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 31/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ AJA (VN)**
D21/14B/16 Tân Hoà Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỆT MAY HOÀNG KIM (VN)**
12/14 đường Liên Khu 5-11-12, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	***Số GCN***	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AGO, hình	66636	19/09/2005	29/04/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3120/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1399/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 30/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH CHẤN HƯNG (VN)**
Số 7 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Sóng Thần, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH PHÂN BÓN SAO MAI (VN)**
BT6-01, khu dân cư Bình Hưng, đường số 12, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Chậu nhựa	10251	02/02/2007	15/05/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3121/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1400/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 02/10/2006.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TÂN MỸ HOA (VN)**
4/5 Hậu Giang, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HOA MẶT TRỜI (VN)**
243-243B Hoàng Văn Thụ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	INFINITY, hình	67156	07/10/2005	15/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3122/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1401/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 30/08/2007.

Bên chuyển nhượng: I.D.F. COMPANY LIMITED (TH)
747/161-162 Trok Wat Channai, Sathupradit Road, Bangpongpang, Yannawa, Bangkok, Thailand.

Bên được chuyển nhượng: I.C.C. INTERNATIONAL PUBLIC COMPANY LIMITED (TH)
757/10 Soi Pradoo 1, Sadhupradist Road, Khwaeng Bangpongpang, Khet Yannawa, Bangkok 10120, Thailand.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ST. ANDREWS	11630	25/04/1994	15/06/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3123/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1427/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 05/10/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 31/08/2007.

Bên chuyển nhượng: KERRY GROUP LIMITED (CK)
The Offices of HSBC Trustee (Cook Islands) Limited, Bermuda House, Tutakimoa Road, Rarotonga, Cook Islands.

Bên được chuyển nhượng: KUOK REGISTRATIONS LIMITED (WS)
Level 1, Central Bank of Samoa Building, Beach Road, Apia, Samoa.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KERRY	18820	03/11/1995	03/04/2015
2	Chữ Trung Quốc	18821	03/11/1995	03/04/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3124/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1428/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 05/10/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 31/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **KERRY GROUP LIMITED (CK)**
The Offices of HSBC Trustee (Cook Islands) Limited, Bermuda House, Tutakimoa Road, Rarotonga, Cook Islands

Bên được chuyển nhượng: **KUOK REGISTRATIONS LIMITED (WS)**
Level 1, Central Bank of Sammoa Building, Beach Road, Apia, Samoa.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KERRY	71102	05/04/2006	21/05/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3125/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1429/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 18/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ VIỆT QUÁN (VN)**
D6/29 tỉnh lộ 10, xã Tân Tạo, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT QUÁN (VN)**
D6/29 tỉnh lộ 10, khu phố 6, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VQ VIỆT QUÁN, hình	35695	14/12/2000	18/08/2009
2	Chữ Hán và hình	59235	21/12/2004	22/09/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3126/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1430/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 06/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **CISSELL MANUFACTURING COMPANY (US)**
(NAY LÀ 831 SOUTH FIRST STREET, INC (US))
831 South First Street, Louisville, Kentucky 40203-2270, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **ALLIANCE LAUNDRY SYSTEMS LLC (US)**
Shepard Street, Ripon, Wisconsin 54971-0990, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CISSELL	53747	14/04/2004	28/03/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3127/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1431/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 03/11/2006.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ K.H (VN)**
30 đường số 08, cư xá Bình Thới, phường 08, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **KUMYOUNG CO., LTD. (KR)**
397-2, Yangjung-Dong, Busanjin-Gu, Busan, Republic of Korea.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KUMYOUNG , hình	49855	20/06/2003	15/04/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3128/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1432/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 21/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **LANXESS DEUTSCHLAND GMBH (DE)**
51369 Leverkusen, Germany.

Bên được chuyển nhượng: **KEMIRA OYJ (FI)**
Porkkalankatu 3, 00180 Helsinki, Finland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BLANKOPHOR	47717	17/06/2003	04/03/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3129/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1433/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT KỸ NGHỆ ĐIỆN TỬ THANH MỸ (VN)**
C14/17 quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH VĨNH LỢI (VN)**
111 Lãnh Binh Thăng, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	EQUILOG, hình	87176	24/08/2007	18/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3130/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1434/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 01/08/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 16/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÒNG CHỐNG UNG THƯ (VN)**
Số 1 Trần Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)**
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GACAVIT	32999	03/01/2000	21/03/2008

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3131/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1435/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 26/05/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM (VN)**
Số 26 đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bên được chuyển nhượng: **UNIVERSAL ROBINA CORPORATION (PH)**
13E. Rodriguez Jr. Avenue, Bagong Ilog, Pasig City, Philippines 1600.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	C2 COOL & CLEAN, hình	76291	23/10/2006	11/04/2015
2	FUN BITES, hình	78726	19/01/2007	18/05/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3132/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1436/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu đã đăng ký.

Ngày ký: 15/02/2007.

Bên chuyển nhượng: **UNILEVER N.V. (NL)**
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands.

Bên được chuyển nhượng: **SWEETYET DEVELOPMENT LIMITED (HK)**
Unit 1704-1706 Harbour Centre, 25 Harbour Road, Wanchai, Hong Kong.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DENIM	9376	11/10/1993	12/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3133/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1437/QĐ-SHTT, ngày 15 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 01/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **AMERICAN STANDARD INC. (US)**
1114 Avenue of the Americas New York, New York 10036-7776, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **AMERICAN STANDARD INTERNATIONAL INC. (US)**
1370 Avenue of the Americas – 33rd Floor, New York, New York 10019 U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	1 SERVICE FIRST, hình	26195	19/01/1998	25/10/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3134/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1456/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 31/08/2001; Hợp đồng bổ sung ký ngày 26/02/2007.

Bên chuyển nhượng: **PROTECTOR SAFETY INDUSTRIES PTY LIMITED (ABN 41 000 377 819) (AU)**
Level 6, 75 Talavera Road, Macquarie Park NSW 2113, Australia.

Bên được chuyển nhượng: **ADT SERVICES AG (CH)**
Bahnhofstrasse 29, CH-8201 Schaffhausen, Switzerland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	15272	28/01/1995	18/05/2014
2	SABRE, hình.	25602	19/11/1997	30/08/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3135/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1457/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 22/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)**
Leverkusen, Germany.

Bên được chuyển nhượng: **LANXESS DEUTSCHLAND GMBH (DE)**
D-51369 Leverkusen, Germany.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LEVEGAL	81769	07/05/2007	04/03/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3136/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1458/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 22/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **SKYWORTH OVERSEAS DEVELOPMENT LIMITED (HK)**
Rooms 1505-06,Westland Centre, 20 Westlands Road, Quarry Bay, Hong Kong.

Bên được chuyển nhượng: **SHENZHEN CHUANGWEI-RGB ELECTRONICS CO., LTD. (CN)**
425 2-3 Layers In The Eight Diagrams Mountain Range Industrial Area Of Guang Dong Shen Zhen Feitian District 518029 People's Republic Of China.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SKYWORTH	74528	17/08/2006	10/12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3137/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1459/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 28/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CẦU (VN)**
Số 325 Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH PHỐ MẶT TRỜI (VN)**
Số 13, phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SUN CITY	75935	10/10/2006	22/02/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3138/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1460/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 17/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **MAILLEFER INSTRUMENTS TRADING SARL S.A. (CH)**
Chemin du Verger 3, CH-1338 Ballaigues, Switzerland.

Bên được chuyển nhượng: **DENTSPLY INTERNATIONAL INC. (US)**
Susquehanna Commerce Center, 221 West Philadelphia Street, York, Pennsylvania 17405-0872, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ORAQIX	31179	05/06/1999	11/03/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3139/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1461/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 05/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỘNG (VN)**
24 ngõ 15, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
(Nay ở Số 24 ngõ 97, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội).

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGỌC ĐỘNG (VN)**
24 ngõ 97, phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ND, hình	46047	10/04/2003	31/01/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3140/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1462/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu Bằng độc quyền sáng chế.

Ngày ký: 26/09/2006.

Bên chuyển nhượng: **TAURUS INTERNATIONAL S.A. (LU)**
48 rue de Bragrance, 1255 Luxembourg.

Bên được chuyển nhượng: **MONDI TECHNOLOGY INVESTMENT S.A. (LU)**
48 rue de Bragrance, 1255 Luxembourg.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Thiết bị và phương pháp rạch khía và gấp vật liệu tấm	3366	27/02/2003

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3141/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1463/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 10/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)**
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)**
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400701 India.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CLARMINI	86726	21/08/2007	03/01/2016
2	CARBIMEDI	86727	21/08/2007	03/01/2016
3	PROTOFLAM	86728	21/08/2007	03/01/2016
4	AZIMINI	86729	21/08/2007	03/01/2016
5	NIMIMEDI	86730	21/08/2007	03/01/2016
6	PEPTIMEDI	86773	21/08/2007	03/01/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3142/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1464/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 29/03/2006.

Bên chuyển nhượng: **FLIGHT CLUB THC, LLC (US)**
40 West 23rd Street, New York, NY 10010, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **AVIREX ASIA SA (CH)**
Via Frasca n. 3, CH-6900 Lugano, Switzerland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AVIREX	14183	11/11/1994	15/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3143/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1465/QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 20/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ PHƯỚC LỘC (VN)**
37 đường số 7, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LỘC TUẤN PHÁT (VN)**
35 đường số 7, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	FINAL	80740	04/04/2007	22/09/2015
2	PL NU D.A.L JEANS CLASSIC FASHION, hình	85082	31/07/2007	17/06/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3144/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1487/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 11/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN ĐỨC QUYỀN (VN)**
D22/1/34 khu phố 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THIỆP ĐỨC QUYỀN (VN)**
22 liên khu 10-11, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DUC QUYEN GREETING CARDS , hình	58068	22/10/2004	16/06/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3145/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1488/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 10/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN PHÁT (VN)**
23 cư xá Bình Đông, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CA VI CO (VN)**
59/22 Tân Hoà Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CTY THIÊN PHÁT DAHACO DÂY & CÁP ĐIỆN, hình	53067	24/02/2004	08/01/2013
2	CÔNG TY THIÊN PHÁT V.CABLE CAVICO CÁP VIỆT, hình	54930	21/06/2004	14/04/2013
3	CÔNG TY THIÊN PHÁT DÂY THÀNH PHÁT CABLE&WIRE THAPHACO, hình	54931	21/06/2004	14/04/2013
4	CTY THIÊN PHÁT DAESUNG DÂY & CÁP ĐIỆN CABLE & WIRE, hình	57884	13/10/2004	17/02/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3146/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1489/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 24/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THIÊN PHÁT (VN)**
23 cư xá Bình Đông, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CA VI CO (VN)**
59/22 Tân Hoà Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CTY THIÊN PHÁT DÂY & CÁP ĐIỆN , hình	53066	24/02/2004	08/01/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3147/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1490/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 06/06/2006.

Bên chuyển nhượng: **ORAL-B LABORATORIES, A DIVISION OF GILLETTE CANADA COMPANY (CA)**
4 Robert Speck Parkway, Mississauga, Ontario, Canada L4Z 4C5.

Bên được chuyển nhượng: **PROCTER & GAMBLE BUSINESS SERVICES CANADA COMPANY (CA)**
C/o Stewart McKelvey Stirling Scales, Suite 900, 1959 Upper Water Street, P.O. Box 997, Halifax, Nova Scotia, Canada B3J 2X2.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu 14 nhãn hiệu đang được bảo hộ theo 14 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	OOSA-U, hình	2939	08/06/1991	28/12/2010
2	ORAL-B, hình	3038	02/07/1991	28/12/2010
3	ORAL - B	5878	12/09/1992	12/03/2012

4	INDICATOR	17734	16/08/1995	30/12/2014
5	MAX	17735	16/08/1995	30/12/2014
6	CROSSACTION	31619	28/07/1999	24/04/2008
7	ADVANTAGE	32971	27/12/1999	16/09/2008
8	CRISSCROSS	34074	22/05/2000	01/06/2008
9	POWER TIP	36449	21/02/2001	25/10/2009
10	ORAL-B CLASSIC	38300	11/09/2001	22/06/2010
11	EXCEED	38410	24/09/2001	12/04/2010
12	LITTLE MAX	39091	03/12/2001	21/02/2010
13	ORAL-B VISION	40251	12/03/2002	14/06/2010
14	STAGES	41941	08/07/2002	10/05/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3148/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1496/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 07/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH TÂM (VN)**
318A1 đường Nguyễn Lý, phường Hiệp Tân, quân Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH 01 THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THÁI HOA VIỆT (VN)**
Lô số 19, đường số 7, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HOMELAND COFFEE GỢI NGUỒN CẢM HỨNG, hình	71668	27/04/2006	25/10/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3149/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1492/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 20/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH TÂM (VN)**
318A1 đường Nguyễn Lý, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH 01 THÀNH VIÊN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI THÁI HOA VIỆT (VN)**
Lô số 19, đường số 7, khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TRADE MARK HOMELAND COFFEE GỢI NGUỒN CẢM HỨNG!, hình	78482	11/01/2007	03/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3150/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1493/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 09/09/2006.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2 (VN)**
Số 24 Nguyễn Thị Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM - DƯỢC LIỆU TRÍ NGHĨA (VN)**
Số 108 khu phố Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CITECOL	47093	30/05/2003	03/01/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3151/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1494/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 30/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NGUYÊN QUANG MINH (VN)**
Số 07 Bình Thạnh, Bình Phú, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LONG HƯƠNG (VN)**
Số 07 ấp Bình Thành, xã Bình Phú, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	QUANG MINH	35532	23/11/2000	06/05/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3152/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1495/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM THANH (VN)**
35C đường 3/2, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LÊ HƯƠNG GIANG (VN)**
280/41/4 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	JQTF, hình	67868	08/11/2005	07/04/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3153/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1496/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng Việt Nam.

Ngày ký: 26/06/2005.

Bên chuyển nhượng: **KRAFT FOODS UK LTD (GB)**
St. George's House, Bayshill Road, Cheltenham, Gloucestershire GL50, 3AE, United Kingdom.

Bên được chuyển nhượng: **WM WRIGLEY JR. COMPANY (US)**
410 North Michigan Avenue, Chicago, Illinois 60611.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ALTOIDS	35038	26/09/2000	17/05/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3154/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1497/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 19/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH KINH DOANH THIẾT BỊ NHÂN HOÀ (NHAN HOA BUSSINESS EQUIPMENT COMPANY LIMITED) (VN)**
Phòng 4, khu tập thể 125D, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BỀN (VN)**
Số 74 Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BEN	42378	25/07/2002	11/04/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3155/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1498/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TƯ THUẬN (VN)**
303 lô A, chung cư Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH TƯ THUẬN (VN)**
146B Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TU THUAN CO.,LTD AUTO COLOR TƯ THUẬN, hình	58576	19/11/2004	18/08/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3156/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1499/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 21/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **LANXESS CORPORATION (US)**
111 RIDC Park West Drive, Pittsburgh Pennsylvania 15275 U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **KEMIRA OYJ (FI)**
Porkkalankatu 3, 00180 Helsinki, Finland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PAREZ	5950	17/09/1992	18/03/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3157/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1500/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 15/04/2007.

Bên chuyển nhượng: **XÍ NGHIỆP 22/12 (VN)**
Số 174 đại lộ Tôn Đức Thắng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Bên được chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÀ VINH (VN)**
Số 10 đường Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MOLISO, hình	43100	28/08/2002	09/07/2011
2	MOLISO, hình	43101	28/08/2002	09/07/2011
3	QUOC PHONG, hình	48243	20/06/2003	29/03/2012
4	HAVI, hình	52311	30/01/2004	30/08/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3158/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1501/QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 12/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MAI LAN (VN)**
312 phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LAN (VN)**
Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ROSSY	73053	19/06/2006	02/11/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3159/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1526/QĐ-SHTT, ngày 30 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CÔNG TÂM (VN)**
B2/70H Nguyễn Cửu Phú, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHẤT NHẤT (VN)**
Số 6 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DƯỢC PHẨM NHẤT NHẤT, hình	72238	23/05/2006	28/12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3160/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1527/QĐ-SHTT, ngày 30 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯƠNG (VN)**
Nhà số 6, ngõ 111, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHẤT NHẤT (VN)**
Số 6 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MEKEN	78957	29/01/2007	31/03/2015
2	TADIKA	79364	08/02/2007	17/02/2015
3	BENEDYN	79365	08/02/2007	17/02/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3161/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1528/QĐ-SHTT, ngày 30 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **HỘ KINH DOANH CÁ THỂ HÒA THUẬN ĐƯỜNG (VN)**
28 ấp Tân Phong, xã Xuân Tân, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHẤT NHẤT (VN)**
Số 6 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BAMIMI	87247	27/08/2007	22/11/2015
2	BAKONA	87332	27/08/2007	22/11/2015
3	KAKAMA	87600	29/08/2007	02/12/2015
4	BOTINI	88913	17/09/2007	02/12/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3162/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1529/QĐ-SHTT, ngày 30 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 01/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT (VN)**
508 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Ô TÔ XE MÁY HÀ NỘI (VN)**
532E đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PREALM II	34512	04/08/2000	02/06/2009
2	SPOTY	35384	08/11/2000	09/07/2009
3	SUPER PREALM	37094	09/05/2001	17/01/2010
4	PROUD	37096	09/05/2001	25/01/2010
5	WAKE UP	37364	29/05/2001	17/01/2010
6	FIX 125	37566	20/06/2001	14/02/2010
7	DENRIM	38621	22/10/2001	08/05/2010
8	FREEWAY	38622	22/10/2001	08/05/2010
9	OSAN	43044	26/08/2002	03/07/2011
10	CASEY	69500	10/01/2006	25/06/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3163/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1545/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 16/08/2006.

Bên chuyển nhượng: **SARA LEE GLOBAL FINANCE, LLC (US)**
1000 East Hanes Mill Road, Winston-Salem, North Carolina 27105, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **HBI BRANDED APPAREL ENTERPRISES, LLC (US)**
1000 East Hanes Mill Road, Winston-Salem, North Carolina 27105, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	C, hình	6754	26/11/1992	07/05/2012
2	C, hình	6755	26/11/1992	07/05/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3164/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1546/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 16/08/2006.

Bên chuyển nhượng: **SARA LEE GLOBAL FINANCE, LLC (US)**
1000 East Hanes Mill Road, Winston-Salem, North Carolina, 27105, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **HBI BRANDED APPAREL ENTERPRISES, LLC (US)**
1000 East Hanes Mill Road, Winston-Salem, North Carolina, 27105, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	C9	85045	30/07/2007	21/06/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3165/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1547/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 13/02/2007.

Bên chuyển nhượng: **KONINKLIJKE PHILIPS ELECTRONICS N.V. (NL)**
Groenewoudseweg 1, 5621 BA Eindhoven, The Netherlands.

Bên được chuyển nhượng: **SONY CORPORATION (JP)**
1-7-1 Konan, Minato-ku, Tokyo, 108-0075 Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Phương pháp lưu trữ thông tin định tâm auđio trên vật ghi đơn nhất sử dụng cơ cấu mục lục	4198	29/03/2004

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3166/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1548/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 08/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ CẨM TÀI (VN)**
D16/59, đường số 3, ấp 4, xã Bình Trị Đông, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU MINH TRÍ (VN)**
317 Tân Hoà Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CT CẨM TÀI, hình	57381	23/09/2004	19/06/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3167/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1549/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 22/08/2005.

Bên chuyển nhượng: **RAYONIER INC. (US)**
50 North Laura Street, Jacksonville, Florida, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **RAYONIER MDF NEW ZEALAND (NZ)**
Mataura-Edendale Highway, RD4, Gore, New Zealand.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PATINNA	29670	09/02/1999	25/08/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3168/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1550/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 12/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **DUNLOP HOLDINGS LIMITED (GB)**
Silvertown House, Vincent Square, London, SW1P 2PL, England.
(Nay ở Atlantic House, Aviation Park West, Bournemouth International Airport, Christchurch, Dorset, BH23 6EW, England).

Bên được chuyển nhượng: **DUNLOPILLO (MALAYSIA) SDN BHD (MY)**
1st Floor, Sime Darby Malaysia Region Centre, Jalan Kewajipan, 47600 Subang Jaya, Selangor, Malaysia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ORCHID	20490	22/04/1996	02/08/2015
2	SOLO	20492	22/04/1996	02/08/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3169/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1551/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **OMAR K. ALESAYI & CO., LTD. (SA)**
6th Floor Alesayi Plaza, Baghdadiya, Medina Road, Jeddah 21492, Saudi Arabia.

Bên được chuyển nhượng: **OMAR KASSEM ALESAYI MARKETING CO. LTD. (SA)**
6th Floor Alesayi Plaza, Baghdadiya, Medina Road, P.O.Box 8680, Jeddah 21492, Saudi Arabia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GREEN FARMS, hình, chữ Ả Rập	30837	10/05/1999	12/02/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3170/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1552/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 05/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **OMAR K. ALESAYI & CO., LTD. (SA)**
6th Floor Alesayi Plaza, Baghdadiya, Medina Road, Jeddah 21492, Saudi Arabia.

Bên được chuyển nhượng: **OMAR KASSEM ALESAYI MARKETING CO. LTD. (SA)**
6th Floor Alesayi Plaza, Baghdadiya, Medina Road, P.O.Box 8680, Jeddah 21492, Saudi Arabia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BINT ALARAB, chữ Ả Rập	30817	07/05/1999	10/02/2018

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3171/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1553/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 19/02/2007.

Bên chuyển nhượng: **BRESLER'S INDUSTRIES, INC. (US)**
999 E. Touhy, Des Plaines, IL 60018, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **KAYLA FOODS INT'L (BARBADOS) INC. (BB)**
27 Pine Road, Belleville, St. Michael, BB11113, Barbados, W.I.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BRESLER'S	19264	04/12/1995	09/05/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3172/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1554/QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 29/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC HUY ANH (VN)**
286/4 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LONG CHÂU GIANG (VN)**
116/58/62 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	APOLLO	71681	03/05/2006	23/06/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3173/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1574/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 27/04/2006.

Bên chuyển nhượng: **TEXAS INSTRUMENTS INCORPORATED (US)**
12500 TI Boulevard, Dallas, Texas 75266, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **SENSATA TECHNOLOGIES, INC (US)**
529 Pleasant Street, Attleboro, Massachusetts 02703, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	KLIXON	9849	06/12/1993	20/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3174/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1575/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/11/2006.

Bên chuyển nhượng: **CELLEGY PHARMACEUTICALS, INC. (US)**
2085B Quaker Point Drive, Quakertown, Pennsylvania 18951, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **STRAKAN INTERNATIONAL LIMITED (GB)**
Galabank Business Park, Galashiels, TD1 1QH, United Kingdom.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TOSTREX	72379	29/05/2006	20/09/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3175/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1576/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 24/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DÂN SINH (VN)**
149X/C3 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HOÀ TẤN PHÁT (VN)**
243/9/10C Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	NP NEPON, hình	36480	28/02/2001	03/05/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3176/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1577/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 30/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI DÂN SINH (VN)**
149X/C3 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HOÀ TẤN PHÁT (VN)**
243/9/10C Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TP TEIPI, hình và chữ Nhật	34735	31/08/2000	03/05/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3177/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1578/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 26/06/2004.

Bên chuyển nhượng: **ASTRAZENECA UK LIMITED (GB)**
15 Stanhope Gate, London, W1Y 6LN, England.

Bên được chuyển nhượng: **REGENT MEDICAL LIMITED (GB)**
1 Silk Street, London EC2Y 8HQ, England.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HIBITANE	3237	12/08/1991	20/02/2011
2	HIBICET	10324	18/12/1993	24/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3178/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1579/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 15/08/2007.

Số trang và ngôn ngữ: gồm 02 trang bằng tiếng Việt.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ PHÍ ĐỨC BÌNH (VN)**
Số 10 Lò Rèn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN TƯỜNG (VN)**
Đường 70, thôn An Trai, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	T & V, hình	37708	11/07/2001	29/02/2010

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3179/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1580/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng sáng chế tại Việt Nam.

Ngày ký: 25/01/2006.

Bên chuyển nhượng: **ISHIKAWAJIMA-HARIMA JUKOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)**
No.2-1, Ote-machi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo-to, Japan.

Bên được chuyển nhượng: **ISHIKAWAJIMA TRANSPORT MACHINERY CO., LTD. (JP)**
6-4, Akashi-cho, Chuo-ku, Tokyo, 104-0044, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Băng chuyền vận chuyển hành khách	3570	23/05/2003

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sở hữu công nghiệp số 3180/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 1581/QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng Việt Nam.

Ngày ký: 26/06/2005.

Bên chuyển nhượng: KRAFT FOODS HOLDINGS, INC. (US)
Three Lakes Drive, Northfield, Illinois 60093-2753, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: WM WRIGLEY JR. COMPANY (US)
410 North Michigan Avenue, Chicago, Illinois 60611, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LIFE SAVERS	11687	26/04/1994	19/06/2013
2	LIFE SAVERS (R), hình	16372	10/04/1995	09/07/2014
3	Hình	49972	20/06/2003	24/06/2014
4	CREME SAVERS	57012	08/09/2004	28/11/2011

II . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (HỢP ĐỒNG LI-XĂNG)

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1546/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1403/ QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 30/09/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC (VN)
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Bên nhận chuyển giao: CÔNG TY CỔ PHẦN APROVIC (VN)
Khu công nghiệp Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "CON HEO VÀNG" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 37575, cấp ngày 20/06/2001.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: 02 năm kể từ ngày 07/11/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1547/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1404/ QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.
Ngày ký:	30/09/2007.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC (VN)** Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Bên nhận chuyển giao:	**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI Á ÂU (VN)** Lô IV 1, 2, 5 khu A1, khu công nghiệp Sa Đéc, phường An Hoà, thị xã Đa Séc, tỉnh Đồng Tháp

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "CON HEO VÀNG" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 37575, cấp ngày 20/06/2001.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: 02 năm kể từ ngày 07/11/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1548/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1405/ QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng:	Thoả thuận li-xăng nhãn hiệu.
Ngày ký:	01/12/2006.
Dạng hợp đồng:	độc quyền.
Bên chuyển giao:	**WANDER AG (CH)** Fabrikstrasses 10, CH-3176 Neuenegg, Switzerland
Bên nhận chuyển giao:	**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT DUTCH LADY VIỆT NAM (VN)** Xã Bình Hoà, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Đăng ký quốc tế tương ứng dưới đây cho các sản phẩm bột Ovaltine thông thường, bột Ovaltine 3 trong 1 và Ovaltine uống liền ở dạng UHT (nước).

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số ĐKQT* *(3)*	Ngày đăng ký (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	OVALTINE	319842A	02/09/1966	02/09/2016
2	OVALTINE'S OPTIONS	601932	13/04/1993	13/04/2013
3	Ovaltine và hình	610465	26/10/1993	26/10/2013
4	chữ Trung Quốc và hình	643928B	28/09/1995	28/09/2015

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 7/11/2007 đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) trên đây.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1549/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1406/ QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng.

Ngày ký: 10/01/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **SGS SOCIÉTÉ GÉNÉRALE DE SURVEILLANCE IP SA (CH)**
Chemin des Avouillons 30, CH-1196 Gland, Switzerland

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY SGS VIỆT NAM TNHH (VN)**
141 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Đăng ký quốc tế tương ứng dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số ĐKQT* *(3)*	Ngày đăng ký (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	QUALICERT	720805	17/08/1999	17/08/2009
2	SGS và hình	785924	21/06/2002	/11/2009
3	SGS WHEN YOU NEED TO BE SURE và hình	788172	13/09/2002	/11/2009

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 7/11/2007 đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) trên đây.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1550/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 1411/ QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 04/10/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH AMORO VIỆT NAM (VN)**
Số 287B Phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN AMORO QUỐC TẾ (VN)**
Số 130 Hạ Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "amoro" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 33762, cấp ngày 13/04/2000.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 04/10/2007 đến ngày 23/12/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1551/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 1416/ QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/04/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền (thứ cấp).

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)**
152 Trần Phú, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ BẮC SƠN (VN)**
Phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "Vinataba và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1493, cấp ngày 19/05/1990.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/04/2007 đến hết ngày 31/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1552/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 1417/ QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/04/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền (thứ cấp).

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)**
152 Trần Phú, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ THANH HOÁ (VN)**
Thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "Vinataba và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1493, cấp ngày 19/05/1990.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/04/2007 đến hết ngày 31/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1553/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 1418/ QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/04/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền (thứ cấp).

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)**
152 Trần Phú, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ THĂNG LONG (VN)**
235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "Vinataba và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1493, cấp ngày 19/05/1990.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/04/2007 đến hết ngày 31/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1554/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1419/ QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng lixăng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/09/2005.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **SIRVA UK LIMITED (GB)**
345 Southbury Road, Enfield, Middlesex, EN1 1UP, United Kingdom

Bên nhận chuyển giao: **SIRVA (ASIA) PTE LTD. (SG)**
3 Church Street, #08-01 Samsung Hub, Singapore 049483

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "PICKFORDS" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 55463, cấp ngày 07/07/2004.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1555/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1420/ QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng lixăng thứ cấp nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/09/2006.

Dạng hợp đồng: không độc quyền (thứ cấp).

Bên chuyển giao: **SIRVA (ASIA) PTE LTD. (SG)**
3 Church Street, #08-01 Samsung Hub, Singapore 049483.

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ALTUS VIỆT NAM (VN)**
Tầng 4, toà nhà Vocarimex, số 8, phố Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ALLIED	9785	30/11/1993	17/03/2013
2	PICKFORDS	55463	07/07/2004	24/03/2013

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1556/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1443/ QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 01/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY LIÊN DOANH VẬN TẢI HỖN HỢP VIỆT NHẬT SỐ 1 (VN)**
104 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY LIÊN DOANH VẬN TẢI HỖN HỢP VIỆT NHẬT SỐ 2 (VN)**
Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao**:** quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LOGITEM VIETNAM và hình	34998	21/09/2000	10/07/2009
2	LOGITEM VIETNAM và hình	34999	21/09/2000	10/07/2009

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 16/11/2007 đến ngày 10/07/2009.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1557/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1444/ QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 01/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY LIÊN DOANH VẬN TẢI HỖN HỢP VIỆT NHẬT SỐ 1 (VN)**
104 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH LOGITEM VIỆT NAM (VN)**
Lô số 6, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh,
tỉnh Vĩnh Phúc

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	LOGITEM VIETNAM và hình	34998	21/09/2000	10/07/2009
2	LOGITEM VIETNAM và hình	34999	21/09/2000	10/07/2009

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 16/11/2007 đến ngày 10/07/2009.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1558/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1466/ QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 20/09/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH MẮT HÀ NỘI (VN)**
48 Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **HỘ KINH DOANH NGUYỄN THANH ĐỨC (VN)**
Quầy hàng tầng 1, số 48 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "HANOI OPTIC và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 28177, cấp ngày 16/09/1998 cho dịch vụ bán lẻ các loại kính, dịch vụ khám chữa mắt thuộc nhóm 42.

Phạm vi chuyển giao: Bên nhận chỉ được phép sử dụng nhãn hiệu được chuyển giao tại địa điểm kinh doanh quầy hàng tầng 1, số 48 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/10/2007 đến 01/10/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1559/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1467/ QĐ-SHTT, ngày 22 tháng 11 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng đại lý độc quyền và li-xăng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: 01/11/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **CHANGCHAI COMPANY LIMITED (CN)**
123, Huaide Zhonglu, Changzhou, CN-213003 Jiangsu, China

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH NAM CƯỜNG (VN)**
91 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "CHANGCHAI và hình" đang được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế số 603462, ngày đăng ký 19/07/1993.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: 05 năm kể từ ngày 22/11/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1560/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1542/ QĐ-SHTT, ngày 04 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT (VN)**
508 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Ô TÔ XE MÁY HÀ NỘI (VN)**
532E đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 01/11/2007 đến các ngày tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Thời hạn chuyển giao
1	WANA	34511	04/08/2000	02/06/2009
2	SUPER WANA	37152	14/05/2001	17/01/2010
3	CIRIQIN	39196	11/12/2001	02/08/2010
4	CIRIZ	41252	24/05/2002	02/08/2010
5	KIMPO	43043	26/08/2002	03/07/2011
6	CIRIZ	45824	31/03/2003	11/12/2011
7	CIRIZ	46389	25/04/2003	27/02/2012
8	PUSANCIRI	48779	20/06/2003	08/05/2012
9	CIRIYORKVN	58206	02/11/2004	11/06/2013

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1561/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1543/ QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng lixăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 12/10/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **UNITED LABORATORIES, INC. (PH)**
66 United Street, Mandaluyong, Metro Manila, Philippines

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY UNITED PHARMA VIỆT NAM**
(UNITED PHARMA (VIETNAM), INC.) (VN)
Xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "VASCAM" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 81710, cấp ngày 03/05/2007.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 05/12/2007 đến ngày 29/08/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1562/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1544/ QĐ-SHTT, ngày 05 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li-xăng bổ sung.
Ngày ký:	Hợp đồng chính ký ngày 01/11/2001; Hợp đồng li-xăng bổ sung ký ngày 01/08/2007.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	KYOCERA CORPORATION (JP) 6 Takeda Tobadono-cho, Fushimi-ku, Kyoto, 612-8501, Japan
Bên nhận chuyển giao:	KYOCERA MITA CORPORATION (JP) 2-28,1-chome, Tamatsukuri, Chuo-ku, Osaka, 540-8585, Japan

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "ECOSYS" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 26216, cấp ngày 19/01/1998.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 05/12/2007 đến ngày 28/10/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1563/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1582/ QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.
Ngày ký:	07/09/2007.
Dạng hợp đồng:	độc quyền.
Bên chuyển giao:	EXPLORE INDOCHINA LTD. (VG) P.O. Box 957, Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT ĐƯỜNG MÒN CHÂU Á (VN) Phòng 500, khách sạn Tuổi Trẻ, số 2 Trần Thánh Tông, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng "Explore Indochina" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 84562**,** cấp ngày 17/07/2007.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 07/09/2007 này đến ngày 11/11/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1564/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 1583/ QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 12 năm 2007

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng.

Ngày ký: 20/09/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **TOBACCOR (FR)**
7/9 rue du Mont Valérien, 92150 Suresnes, France

Bên nhận chuyển giao: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (VN)**
Số 21, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hoà 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 10/12/2007 đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây.

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	BASTOS BLONDES DE LUXE và hình	17612	14/08/1995	06/06/2012
2	BASTOS VIRGINIA FILTRE DE LUXE và hình	33782	18/04/2000	12/03/2009
3	BASTOS MENTHOL FILTRE DE LUXE và hình	33783	18/04/2000	12/03/2009
4	FINEST IMPORTED VIRGINA TOBACCOS BASTOS INTERNATIONAL và hình	90778	25/10/2007	22/11/2014

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Ghi nhận sửa đổi nội dung hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Theo Quyết định số 1593/ QĐ-SHTT, ngày 11 tháng 12 năm 2007

Ghi nhận việc sửa đổi nội dung của hợp đồng đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyễn quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1394/ ĐKHĐSD cấp ngày 28/09/2006 như sau:

- Tên của bên nhận được sửa thành:

CÔNG TY CỔ PHẦN UNITED MOTOR VIỆT NAM (VN)

Quyết định gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyễn quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Theo Quyết định số 1505/ QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu "LORMIDE" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 33871, đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng li-xăng số 897/ ĐKHĐLX cấp ngày 23/02/2004 đến ngày 11/10/2017.

Theo Quyết định số 1506/ QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 11 năm 2007

Gia hạn thời hạn chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu đã được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng lixăng số 564/ĐKHĐLX đến các ngày tương ứng nêu tại cột (5) Danh sách dưới đây:

TT (1)	Tên nhãn hiệu (2)	Số GCN (3)	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	Dolfenal 500 và hình	30 077	10/3/1999	13/10/2017
2	Dolfenal 500 và hình	30 078	10/3/1999	13/10/2017
3	Mucusan SUSPENSION và hình	30 079	10/3/1999	13/10/2017
4	OBIMIN và hình	30 080	10/3/1999	13/10/2017
5	VERAGEL-DMS và hình	30 081	11/3/1999	13/10/2017
6	VERAGEL-DMS và hình	30 082	11/3/1999	13/10/2017
7	Hình	30 083	11/3/1999	13/10/2017
8	Hình	30 098	11/3/1999	17/10/2017
9	Decolgen	33 872	25/4/2000	13/10/2017
10	NEO-PYRAZON và hình	33 874	25/4/2000	07/11/2017

PHẦN VIII

ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

a - Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Quyết định số 1412 /QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN NHIỆT TÂM VÀ CỘNG SỰ

Tên giao dịch: FIRE HEART AND PARTNERS CONSULTANT COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: NT & PARTNERS CO., LTD.

Địa chỉ: Phòng 402, tập thể Dầu Khí, số 59 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Mã số: 081.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Hoàng Ngọc	011840589	98-2007/CCĐD	Đại diện theo pháp luật

Quyết định số 1414 /QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TÂN HÀ

Tên giao dịch: TAN HA LAW OFFICE

Địa chỉ: Tổ 6 cụm Chùa, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Mã số: 053.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Trần Thị Kiều Hoa	182343449	133-2007/CCĐD	Không
2	Trương Bích Huệ	012022011	134-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

---

Quyết định số 1448 /QĐ-SHTT, ngày 21 tháng 11 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: CÔNG TY LUẬT TNHH VIỆT AN

Tên giao dịch: VIET AN LAW FIRM

Địa chỉ: 139/24 Nguyễn Thái Học, tổ 53 cụm 5, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội

Mã số: 083.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Đỗ Thị Thu Hà	111572462	226-2007/CCĐD	Đại diện theo pháp luật

---

Quyết định số 1449 /QĐ-SHTT, ngày 21 tháng 11 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: VĂN PHÒNG LUẬT SƯ BQH VÀ CỘNG SỰ

Tên giao dịch**:** BQH AND ASSOCIATES LAW FIRM

Địa chỉ**:** P21 nhà A3, tập thể 28 Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

Mã số: 084.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Bùi Quang Hưng	011572796	108-2007/CCĐD	Đại diện theo pháp luật

---

Quyết định số 1556 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN QUANG MINH

Tên giao dịch: QUANG MINH INVESTMENT AND DEVELOPMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: QUANG MINH IDC., JSC

Địa chỉ: Phòng 1202, Toà nhà HITTC, 185 Giảng Võ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Mã số: 085.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Bùi Văn Hôm	011069259	121-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

Quyết định số 1557 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

  Tên Tổ chức: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - ĐẦU TƯ N.T.K

  Tên giao dịch: N.T.K INVESTMENT – CONSULTING COMPANY LIMITED

  Tên viết tắt: N.T.K CO., LTD.

  Địa chỉ: Phòng 2703, toà nhà UDIC, 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

  Mã số: 086.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Lê Tuấn Anh	012735288	101-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

Quyết định số 1558 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

  Tên Tổ chức: DNTN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SONG NGỌC

  Tên viết tắt: I.P.T.S

  Địa chỉ: 16 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

  Mã số: 011.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Trần Thị Ngọc Thoa	023186871	234-2007/CCĐD	Đại diện theo pháp luật

---

Quyết định số 1559 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

  Tên Tổ chức: VĂN PHÒNG LUẬT SƯ THÀNH TÍN

  Địa chỉ: Số 38TT Ô tô 3/2, đường Giải Phóng, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

  Mã số: 057.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Nguyễn Trung Thành	111421460	231-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền
2	Nguyễn Thuỳ Dương	011871886	233-2007/CCĐD	Không

Quyết định số 1560 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

  Tên Tổ chức: VĂN PHÒNG LUẬT SƯ INDOCHINA

  Tên giao dịch: INDOCHINA LAWYERS

  Địa chỉ: Tổ 12 xóm 5, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

  VPGD: Nhà K4 tổ 91 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

  Mã số: 035.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Đỗ Thu Hường	011778502	124-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

---

Quyết định số 1682 /QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

  Tên Tổ chức: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ PADEMARK

  Tên giao dịch: PADEMARK INTELLECTUAL PROPERTY COMPANY LIMITED

  Tên viết tắt: PADEMARK CO., LTD.

  Địa chỉ: P1011, nhà 4F khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội

  Mã số: 088.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Dương Thị Thanh Tú	011816863	77-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

---

Quyết định số 1680 /QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007

- Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

  Tên Tổ chức: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ BƯỚC TIẾN MỚI

  Tên giao dịch: NOVELSTEP INTELLECTUAL PROPERTY COMPANY LIMITED

  Tên viết tắt: NOVELSTEP CO., LTD.

  Địa chỉ: 126 Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

  Mã số: 087

Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Lưu Mai Chi	012070314	184-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

---

b - Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Quyết định số 1561 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 235-2007/CCĐD cho cá nhân dưới đây:

Bà: Trần Quang Phượng

Ngày sinh**:** 02/04/1975

CMND: số 031694426 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/11/2007

Địa chỉ thường trú: Số 4, lô 83, khu Đ2 Cát Bi, quận Hải An,thành phố Hải Phòng.

---

c – Ghi nhận sửa đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Quyết định số 1381 /QĐ-SHTT, ngày 02 tháng 11 năm 2007

Ghi nhận việc bổ sung, sửa đổi địa chỉ chi nhánh và Danh sách người đại diện của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp :

Chi nhánh: 171 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Mã số: 082

Danh sách thành viên của Tổ chức:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Nguyễn Mai Phương	011791676	35-2007/CCĐD	Đại diện theo ủy quyền

---

Quyết định số 1451 /QĐ-SHTT, ngày 21 tháng 11 năm 2007

Ghi nhận việc bổ sung, sửa đổi Danh sách người đại diện của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Dương Mai Anh	111929665	45-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

---

Quyết định số 1562 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

- Điều 1: Ghi nhận thay đổi tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của Công ty Luật hợp danh tư vấn Đông Dương I.C như sau:
- Tên Tổ chức: CÔNG TY LUẬT HỢP DANH TƯ VẤN ĐÔNG DƯƠNG I.C
- Tên giao dịch: INDOCHINE COUNSEL

Quyết định số 1563 /QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 12 năm 2007

Ghi nhận việc bổ sung, sửa đổi Danh sách người đại diện của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Nguyễn Thị Pha	141980577	229-2007/CCĐD	Không
2	Phan Thúy Quỳnh	100707938	229-2007/CCĐD	Không

Quyết định số 1679 /QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ghi nhận việc bổ sung, sửa đổi Danh sách người đại diện của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Stt	Họ và tên	Số Chứng minh nhân dân	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
1	Võ Minh Trí	023667756	200-2007/CCĐD	Đại diện theo uỷ quyền

Quyết định số 1681/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007
Xoá tên thành viên sau đây trong Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Ông: Dương Thị Thanh Tú Số Chứng chỉ: 77-2007/CCĐD

Quyết định số 1681/QĐ-SHTT, ngày 31 tháng 12 năm 2007
Xoá tên thành viên sau đây trong Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Ông: Võ Minh Trí Số Chứng chỉ: 200-2007/CCĐD

Quyết định số 1413/QĐ-SHTT, ngày 09 tháng 11 năm 2007
Xoá tên thành viên sau đây trong Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

Bà: An Na Số Chứng chỉ: 147-2007/CCĐD

Bà: Nguyễn Thị Mai Linh Số Chứng chỉ: 157-2007/CCĐD

Quyết định số 1262 /QĐ-SHTT, ngày 16 tháng 10 năm 2007

- Xoá tên Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: VĂN PHÒNG LUẬT SƯ TRÍ TUỆ
Tên giao dịch: TRIVIET INTERNATIONAL PATENT&LAW FIRM
Địa chỉ: 372 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Mã số: 045

ĐÍNH CHÍNH

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền sáng chế số 6570, cấp ngày 04.09.2007
Nội dung đính chính: Địa chỉ của chủ văn bằng được sửa đổi thành:

BAPCO CLOSURES RESEARCH LIMITED (GB)

Sundial House, High Street, Horsell, Woking, Surrey GU21 4SU, Great Britain

---

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền kiểu dáng số 10632, cấp ngày 12.06.2007
Nội dung đính chính: Tên của Chủ văn bằng:

HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Văn bằng bảo hộ: Bằng độc quyền kiểu dáng số 10891, cấp ngày 27.08.2007
Nội dung đính chính: Địa chỉ của Người nộp đơn:

No 90-10, Hsia Kwei Jou San, Tan Shui Chen, Taipei Hsien, Taiwan

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 88803 cấp ngày 17.09.2007
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm được sửa thành:

Nhóm 30: Chè.